

MARCEL PROUST

• ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT •

DƯỚI BÓNG NHỮNG CÔ GÁI ĐUỖNG HOA

DƯƠNG TƯỜNG dịch



vh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VĂN HỌC

MARCEL PROUST

DƯỚI BÓNG NHỮNG
CÔ GÁI ĐƯỜNG HOA

DƯƠNG TƯỜNG *địch*

 **vh**
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

000000

▼ ebook©vctvegroup

Scan & Pdf

Nhantinh, V/C

Ocr & Đóng gói

Trúc Quỳnh Đặng

Soát lỗi

Lan Giao, annie_tuongminh, Trúc Quỳnh,
minhtn177, songuyento

Soát tổng

vuthanhhoa89

Phần một Xung quanh Madame Swann

Khi bàn chuyện tiếp đón ông De Norpois* lần đầu tiên nhận lời mời đến ăn tối, thấy mẹ tôi tỏ ý tiếc là giáo sư Cottard đang đi du lịch, còn Swann thì mẹ đã thôi hẳn không giao du nữa, bởi mẹ chắc cả hai sẽ khiến vị cựu đại sứ thích thú, cha tôi bèn đáp lại rằng một thực khách sành sỏi, một nhà bác học lừng danh như Cottard ắt không bao giờ có thể làm gì thất thố trong một bữa ăn tối, nhưng còn Swann, với cái thói phô trương, với cái cung cách huênh hoang về những mối quan hệ kể cả sơ giao nhất của mình, chỉ là một kẻ lòe bịp tầm thường mà hầu tước De Norpois chắc sẽ thấy là “thối hoảng”, theo cách nói của ông. Tuy nhiên, về câu trả lời này của cha tôi, cũng cần đôi lời giải thích, một số người có lẽ còn nhớ một ông Cottard rất xoàng xĩnh và một ông Swann khiêm nhường, ý tứ trong giao tế, thành ra tới mức cực kỳ tế nhị. Nhưng, về phần mình, người bạn cũ của cha mẹ tôi, ngoài tư cách “Swann-con*” cũng như Swann-thành-viên-câu-lạc-bộ-Jockey*, còn thêm một tư cách mới (và hẳn chưa phải đã là cuối cùng): tư cách là chồng của Odette. Điều chỉnh sự khéo léo, ước muốn, bản năng sẵn có của mình để thích ứng với những tham vọng nhỏ bé của người phụ nữ này, ông ráng sức tự tạo cho mình một vị thế mới, thấp hơn nhiều so với trước

đó, và phù hợp với người bạn đời cùng chia sẻ vị thế đó với ông. Ấy vậy mà ở vị thế đó, ông đã tỏ ra là một con người khác hẳn. Bởi chung (dù ông vẫn tiếp tục một mình lui tới một số bạn bè riêng mà ông không muốn áp đặt họ phải tiếp cả Odette khi họ không tự ý yêu cầu) đó là một cuộc đời thứ hai mà ông bắt đầu, cùng chung với vợ mình, giữa những con người mới, người ta có thể hiểu rằng, để đo thứ bậc của những người này và, từ đó, đo luôn niềm khoái thú của lòng tự tôn mà ông có thể cảm thấy khi tiếp họ, ông đã dùng những quan hệ trước đây của Odette, chứ không phải những người xuất sắc nhất từng tạo thành giới của ông trước khi cưới vợ, làm chuẩn so sánh. Nhưng ngay cả khi biết ông muốn giao du với những công chức chẳng mấy thanh lịch, với những phụ nữ phế phẩm thuộc loại để trang trí cho vũ hội thường niên của các bộ, người ta vẫn ngạc nhiên khi nghe thấy ông, con người xưa kia, và cả hiện giờ nữa, vẫn rất ý tứ giấu kín mọi lời mời từ Twickenham* hay từ Điện Buckingham, lại bô bô kể chuyện vợ một viên phó phòng đến thăm đáp lễ Madame Swann. Người ta có thể cho rằng đó là vì tính giản dị của ông Swann tao nhã chỉ là hình thức tinh vi hơn của thói hão huyền nơi ông và vì, giống như một số người Do Thái, ông bạn cũ của cha mẹ tôi có thể lần lượt phô ra những trạng thái nối tiếp mà những người thuộc dòng giống ông đã trải qua, từ thói học đòi làm sang hèn nhiên nhất và hành vi đểu giả thô lỗ nhất cho đến thái độ lịch sự tao nhã nhất. Nhưng lý do chính, cũng áp dụng được cho toàn thể nhân loại nói chung, ấy là bản thân những đức tính của chúng ta không phải một cái gì tự do,

bồng bênh, cái lúc nào cũng ở trong tầm tay chúng ta; cuối cùng, chúng gắn kết chặt chẽ trong tâm trí ta với những hành động mà nhân đó ta định cho mình bốn phận phải thực thi chúng, đến nỗi nếu nảy ra một hoạt động thuộc loại khác, nó sẽ khiến ta bất ngờ và ta thậm chí không nghĩ rằng nó có thể khiến ta phải huy động cả đến những đức tính ấy. Vồn vã với những quan hệ mới ấy và tự hào khoe về họ, Swann giống như những họa sĩ lớn khiêm tốn và rộng lượng, cuối đời bỗng sinh làm bếp hay làm vườn, hồn nhiên tỏ vẻ thỏa mãn ra mặt khi nghe người ta khen những món ăn hoặc những luống hoa của họ nhưng lại không chịu nhận những lời chê, điều mà họ dễ dàng chấp nhận nếu chúng nhằm vào những kiệt tác của họ; hoặc giả, những người sẵn lòng cho không một trong những bức tranh của họ, nhưng ngược lại, không thể chịu thua bài bốn mươi xu mà không mặt sung mày sủa.

Còn giáo sư Cottard, sau đây ta sẽ gặp lại ông dài dài, ở lâu đài Raspelière, nhà của Bà Chủ. Tạm thời, lúc này đây, về ông, trước tiên, chỉ cần lưu ý điều này: đối với Swann, cực chẳng đã, sự thay đổi nơi ông có thể khiến ta ngạc nhiên, bởi nó đã hoàn tất, mà tôi không hề ngờ tới, từ khi tôi gặp ông ở Champs-Élysée với tư cách là cha của Gilberte, và chẳng ở đó, vì không trò chuyện với tôi, ông không thể bày hàng những mối quan hệ chính trị của mình (quả thật, nếu ông có làm thế thì có lẽ tôi cũng chẳng nhận thấy thói khoe khoang của ông ngay lập tức, vì ý niệm hình thành trong đầu ta lâu ngày về một người thường bị mất, bị tai ta; mẹ tôi suốt ba năm liền không hề nhận thấy lớp

son trên môi một cô cháu gái, cứ như thể nó đã tan ra hoàn toàn, không thể nhìn thấy, trong một chất lỏng; mãi cho tới hôm một lớp son trát thêm, hoặc một nguyên nhân khác, gây ra cái hiện tượng gọi là siêu bão hòa; tất cả chỗ son trước đó không thấy chột kết tinh lại và mẹ tôi, trước sự lòe loẹt đột ngột ấy, tuyên bố, theo cách người ta thường làm ở Combray, rằng đó là một nỗi nhục và hầu như cắt đứt với cô cháu gái). Nhưng trái lại, với Cottard, thời kỳ ta thấy ông chứng kiến Swann bắt đầu lui tới nhà Verdurin đã khá xa rồi; mà danh vị, chức sắc thì đến cùng năm tháng. Thứ nữa, người ta có thể ít học, sành những trò chơi chữ ngớ ngẩn, song lại có một năng khiếu đặc biệt mà không một thứ văn hóa đại cương nào có thể thay thế, tỉ như thiên bẩm của chiến lược gia lớn hay của đại lương y. Thật vậy, các đồng nghiệp của Cottard nhìn nhận ông không chỉ như một nhà thực hành âm thầm lâu ngày trở nên nổi tiếng khắp châu Âu. Những người thông minh nhất trong số các thầy thuốc trẻ tuyên bố - ít nhất cũng trong vài năm, bởi lẽ thị hiếu, vốn nảy sinh từ sự cần thiết phải thay đổi, cũng thay đổi luôn - rằng nếu chẳng may họ lâm bệnh, thì Cottard sẽ là bậc thầy duy nhất họ phó thác tính mệnh. Hẳn là họ ưng trò chuyện với một số vị sếp lớn có học hơn, nghệ sĩ hơn, những người có thể cùng họ trao đổi về Nietzsche, về Wagner. Những tối vui âm nhạc tổ chức tại nhà, bà Cottard mời đồng nghiệp và sinh viên của chồng, hy vọng một ngày kia ông sẽ trở thành chủ nhiệm khoa, nhưng thay vì nghe nhạc, ông lại ưng chơi bài ở phòng bên. Nhưng người ta vẫn ca ngợi sự mau lẹ, sự sâu sắc, sự

chuẩn xác ở con mắt xét đoán và chẩn bệnh của ông. Điểm thứ ba, nói về tổng thể những cung cách mà giáo sư Cottard gây ấn tượng với một người như cha tôi, xin lưu ý rằng cái bản chất mà ta bộc lộ trong giai đoạn thứ hai của đời mình không phải bao giờ cũng là, mặc dù đa phần trường hợp là như thế, cái bản chất ban đầu được phát triển lên hay tàn tạ đi, gia tăng hay giảm thiểu; đôi khi, nó là một bản chất ngược hẳn lại, một chiếc áo lộn trái. Trừ phi ở nhà Verdurin, vợ chồng này vốn mê ông, cái vẻ do dự của Cottard, sự rụt rè, thái độ hòa nhã quá xá của ông hồi trẻ đã khiến ông luôn luôn bị chế giễu. Người bạn thiện tâm nào đã khuyên ông nên ra mặt giá băng? Địa vị cao sang của ông cho phép ông dễ dàng làm thế. Ở khắp mọi chỗ, trừ nhà Verdurin, nơi ông theo bản năng trở lại là chính mình, ông đều làm bộ lạnh lùng, cố tình im lặng, khi phải nói thì hống hách, không quên văng ra những điều khó chịu, ông có thể đem thử nghiệm thái độ mới này trước những khách đến thăm bệnh chưa từng gặp ông, do họ không có căn cứ để so sánh và sẽ rất ngạc nhiên khi biết ông không phải người có bản tính cục cằn. Chủ yếu là ông cố tỏ ra vô cảm và thậm chí khi đi tua các phòng bệnh, ông xỏ ra vài câu chơi chữ, làm tất cả mọi người phì cười, từ ông viện trưởng đến gã sinh viên ngoại trú mới nhất, bao giờ ông cũng tỉnh khô không đụng đây một cơ nhỏ nào trên gương mặt vốn đã khó nhận ra từ khi ông cạo nhẵn cả râu lẫn ria.

Cuối cùng, xin nói hầu tước De Norpois là ai. Ông đã là công sứ toàn quyền hồi trước chiến tranh và đại sứ vào thời

kỳ khủng hoảng 16 tháng Năm*, và mặc dù vậy, trước sự ngạc nhiên của bao người, từ đó ông vẫn nhiều lần được giao phó trọng trách đại diện cho nước Pháp trong những sứ mệnh phi thường - và thậm chí với tư cách là Thanh tra Quốc trái ở Ai Cập*, tại đó nhờ khả năng đặc biệt về tài chính, ông đã lập được những công trạng quan trọng - dựa vào những nội các cấp tiến mà một tay tư sản phản động đơn giản ắt không chịu phục vụ, những nội các mà quá khứ, những mối quan hệ và quan điểm của ông De Norpois ắt khiến họ liệt ông vào loại khả nghi. Song các vị bộ trưởng tiến bộ ấy dường như hiểu ra rằng bằng một sự bổ nhiệm như vậy, họ đã chứng tỏ đầu óc họ cởi mở biết bao trong những chuyện liên quan đến những lợi ích cao cả của nước Pháp, vượt hẳn những chính trị gia tầm thường, xứng đáng được chính tờ *Journal des débats** đánh giá là lãnh tụ chính trị, và cuối cùng, có được cái uy tín gắn liền với một cái họ quý tộc và có được sự quan tâm dấy lên bởi một lựa chọn bất ngờ như một lớp kịch chuyển mạch đột ngột. Và họ cũng biết rằng họ có thể hưởng những lợi thế đó bằng cách cầu đến ông De Norpois mà không sợ một sự thiếu tín nghĩa chính trị từ phía ông, mà dòng dõi của vị hầu tước thay vì khiến họ phải đề phòng, lại là một bảo đảm chắc chắn chống lại điều đó. Và về điều này, chính phủ Cộng hòa không lầm. Trước hết là vì một lớp quý tộc nào đó, được giáo dục từ tuổi thơ để biết coi tên tuổi dòng họ mình như một lợi thế nội tại không gì có thể tước đoạt (mà những người ngang tầm hoặc những người thuộc dòng dõi cao sang hơn biết đích xác giá trị của nó), biết rằng họ có thể

tránh cho mình khỏi găng công vô ích như bao kẻ trưởng giả đã cố sức mà chẳng đạt kết quả mai hậu gì đáng giá, chỉ để đưa ra những ý kiến phải chăng, chỉ để giao du với những người biết điều hơn lẽ thiệt. Ngược lại, vì lo tô đắp cho hình ảnh của mình lớn lên trước mắt những gia đình hoàng tộc, công hầu mà địa vị của họ ở ngay bên dưới những gia đình ấy, lớp quý tộc này biết rằng họ chỉ có thể làm thế bằng cách thêm vào dòng họ mình một cái gì nó không chứa sẵn, một cái gì khiến cho giữa những dòng họ ngang tầm nhau, họ sẽ nổi trội lên: một ảnh hưởng chính trị, một danh tiếng văn học hay nghệ thuật, một tài sản lớn. Và thay vì đầu tư vào một tay cường hào vô bổ như đám trưởng giả cầu cạnh, hay vào cái thứ tình bạn chẳng sinh lợi gì mà một hoàng thân ắt chẳng màng tới, họ tập trung cả vào những chính trị gia, dù là thuộc Hội Tam Điểm, những người có thể kiếm cho họ chỗ làm trong các sứ quán hay giành ghế trong các cuộc bầu cử, vào các nghệ sĩ hay các nhà bác học mà sự ủng hộ của những người này giúp họ “đột phá” trong những ngành mà các nhân vật ấy đứng hàng đầu, tóm lại, vào tất cả những ai khả dĩ mang lại cho họ một chút danh tiếng mới, hoặc giúp họ vun đắp thành công một đám cưới giàu sang.

Nhưng trong trường hợp ông De Norpois, điều đáng kể nhất là, qua một thời gian dài thực hành nghề ngoại giao, ông đã thấm đẫm cái tinh thần tiêu cực, lễ thói, bảo thủ, gọi là “tinh thần cai trị”, và quả vậy, đó là tinh thần của mọi chính phủ và, đặc biệt, trong mọi chính phủ, là tinh thần sứ bộ ngoại giao*. Nghiệp ngoại giao đã khiến ông

ghét cay ghét đắng, khiếp hã và khinh miệt những phương cách ít nhiều mang tính cách mạng, và ít nhất thì cũng sai phạm, ấy là những phương cách của các phe đối lập. Trừ một số người ít học trong giới bình dân hay thượng lưu, mà đối với họ, sự khác biệt giữa các thể loại chỉ bằng không, điều khiến mọi người xích lại gần nhau, đó không phải sự cùng chung ý kiến, mà là sự đồng tâm trí. Một viện sĩ hàn lâm thuộc loại như Legouvé, dù sùng bái các nhà kinh điển, vẫn sẵn sàng hoan hô Maxime Du Camp hay Mézières ca ngợi Victor Hugo, hơn là nghe Claudel tán dương Boileau*. Chỉ cần chia sẻ cùng một tinh thần dân tộc chủ nghĩa cực đoan là đủ để Barrès gần hơn với các cử tri của mình, họ chẳng thấy ông và ông Georges Berry khác nhau gì lắm, nhưng tinh thần đó chẳng khiến ông xích lại gần các đồng nghiệp ở Viện Hàn lâm, những vị này, tuy cùng quan điểm chính trị với ông nhưng vì thuộc một loại tinh thần khác hẳn, nên thậm chí còn ưng chọn những kinh địch như các ông Ribot và Deschanel* hơn; đến lượt mình, các tín đồ của chế độ quân chủ cảm thấy gần Ribot và Deschanel hơn nhiều so với Mauras và Léon Daudet mặc dù hai ông này cũng mong muốn được thấy nhà vua trở về. Ông De Norpois là người kiệm lời, không những do thói quen nghề nghiệp phải thận trọng và dè dặt, mà còn vì lời lẽ của ông cao giá hơn, chứa nhiều sắc thái tinh tế hơn đối với những con người suốt mười năm trời cố gắng làm cho hai nước xích lại gần nhau, những nỗ lực của họ đúc kết lại, thể hiện - trong một diễn văn, trong một nghi thức ngoại giao - bằng một tính từ đơn giản, bề ngoài có vẻ nhàm, nhưng trong

mắt họ, là cả một thế giới. Ở ủy ban đặc phái, người ta cho ông là người rất mực lạnh lùng, ông ngồi làm việc ngay cạnh cha tôi và ai nấy đều mừng cho cha tôi được vị cựu đại sứ tỏ tình thân hữu. Chính cha tôi là người đầu tiên ngạc nhiên về điều đó. Vì, thông thường, bản tính vốn chẳng mấy hòa nhã, cha tôi ít quan hệ với ai ngoài những người thân cận và nói thẳng ra như vậy. Cha tôi ý thức rằng trong sự tiếp cận làm thân mới của nhà ngoại giao, có tác động của cái quan điểm hoàn toàn cá nhân mà mỗi người đều căn cứ vào đó để quyết định dành thiện cảm cho ai, xuất phát từ quan điểm này, mọi ưu điểm trí tuệ hay miễn cảm của một người làm ta chán ngấy hay khó chịu, đều không đáng tin cậy bằng tính thẳng thắn và vui vẻ của một kẻ mà nhiều người ắt cho là trống rỗng, phù phiếm và vô tích sự. “De Norpois lại mời tôi ăn tối; điều đó thật khác thường; mọi người ở ủy ban đều sửng sốt vì ở ủy ban, ông chẳng có quan hệ riêng với ai. Tôi dám chắc ông sẽ lại kể cho tôi nghe những chuyện ly kỳ hồi hộp hồi chiến tranh 1870.” Cha tôi biết rằng ông De Norpois có lẽ là người duy nhất cảnh báo Hoàng đế về sức mạnh ngày càng lớn và ý đồ hiếu chiến của nước Phổ và rằng Bismarck đặc biệt đánh giá cao trí thông minh của ông. Mới vừa đây thôi, tại Nhà hát Opéra, trong buổi dạ hội chào mừng vua Théodose*, các báo đã lưu ý cuộc nói chuyện kéo dài Hoàng đế dành cho ông De Norpois. “Ta phải tìm hiểu xem chuyến thăm này của nhà vua Nga có thật sự quan trọng hay không,” cha tôi nói với chúng tôi, ông vốn rất quan tâm đến chính sách đối ngoại. “Ta biết lão De Norpois rất kín

miệng, nhưng với ta, lão cười mở ra phết.”

Còn về mẹ tôi, tự thân vị đại sứ có lẽ không thuộc loại trí tuệ hấp dẫn lắm đối với mẹ. Và tôi phải nói rằng nội dung trò chuyện của ông De Norpois là cả một vụng tập những hình thức cổ lỗ của cái thứ ngôn ngữ đặc trưng cho một nghiệp, một giai tầng và một thời - một thời chưa hẳn đã hoàn toàn xóa bỏ đối với nghiệp ấy, giai tầng ấy - cổ lỗ đến nỗi đôi khi tôi tiếc là đã không nhớ nguyên văn những lời tôi đã nghe thấy ông nói. Như thế, tôi ắt sẽ gây được hiệu quả về cái lỗi thời, chẳng phải động não gì mấy, như cái gã diễn viên ở Palais-Royal* khi được hỏi gã kiếm đâu ra những chiếc mũ kỳ cục thế, đã trả lời: “Những cái mũ của tôi ấy à, tôi đâu có kiếm ra, tôi chỉ giữ lại thôi.” Nói tóm lại, tôi nghĩ mẹ tôi cho ông De Norpois là hơi “xưa”, điều đó về mặt cung cách xem ra không hề làm mẹ phật ý, nhưng khiến mẹ chẳng thể ưa được, không phải các ý tưởng - vì các ý tưởng của ông De Norpois rất hiện đại -, mà là các ngôn từ. Có điều mẹ cảm thấy rằng bày tỏ lòng ngưỡng mộ với nhà ngoại giao đã dành sự ưu ái hiếm thấy như vậy cho chồng mình, là một cách tế nhị làm đẹp lòng cha tôi. Bằng cách củng cố trong đầu cha tôi sự trọng thị vốn có đối với ông De Norpois, đồng thời qua đó, nâng cao lòng tự tôn với bản thân mình, mẹ tôi ý thức được rằng mẹ đã làm tròn một trong những bổn phận của người vợ là tạo cho đời sống của chồng mình êm đềm, như mẹ đã làm vậy khi lo chuyện bếp núc cơm lành canh ngọt và kẻ ăn người ở lạng lẽ phục tùng. Và vì không thể nói dối chồng, mẹ tự luyện cho mình khâm phục vị đại sứ để có thể ca ngợi ông một cách chân

thành. Với lại, dĩ nhiên là mẹ tôi thích cái vẻ nhân hậu của ông, thái độ lịch sự hơi lỗi mốt của ông (trịnh trọng tới mức, đang uốn thẳng thân hình cao lớn dạo bước, thấy mẹ tôi đi xe ngựa ngang qua, ông đã vội quẳng điếu xì gà vừa mới châm, rồi ngả mũ chào từ xa), lối trò chuyện của ông, rất mực thướt, trong đó ông hết sức ít nhắc đến bản thân và bao giờ cũng chú tâm tới những gì có thể làm người đối chuyện thú vị; mẹ cũng thích tác phong khẩn trương của ông trong việc phúc đáp thư từ, khẩn trương tới mức có lần vừa gửi thư cho ông, cha tôi đã nhận ra nét chữ của De Norpois trên một chiếc phong bì, đến nỗi ý nghĩ bông bột đầu tiên của cha tôi là tưởng rằng không khéo hai lá thư có thể giao nhau trên đường cũng nên: cứ như thể bưu điện đặc cách có những đợt mở thùng thư ngoại lệ cho riêng ông vậy. Mẹ tôi ngạc nhiên một cách đầy thán phục khi thấy ông chính xác giờ giấc đến thế mặc dù rất bận, hòa nhã đến thế mặc dù rất quẳng giao, mà không biết rằng những “mặc dù” ấy bao giờ cũng là những “bởi vì” bị hiểu sai đi, và rằng (giống như người già thường làm ta bất ngờ về tuổi tác của họ, các vị vua thường rất giản dị, dân tỉnh lẻ thường cập nhật đủ mọi thứ) chính những thói quen như vậy đã khiến ông De Norpois có thể đáp ứng biết bao công việc - chỉ chu đến thế trong việc phúc đáp thư từ, làm hài lòng mọi người trong giao tế, khả ái đối với chúng tôi. Hơn nữa, sai lầm của mẹ tôi, cũng như của tất cả những người quá khiêm nhường, là do mẹ đặt những điều liên quan đến mình ở hàng dưới và do đó, bên ngoài lợi ích của những người khác. Mẹ trân trọng việc ông bạn của cha tôi nhanh

chóng trả lời hoạt động ngoại giao coi như của chúng tôi, nhưng mẹ không thấy rằng đó chỉ là một trong vô số những bức thư mà ông phải viết hằng ngày; tương tự như vậy, mẹ không coi một bữa ăn tối ở nhà chúng tôi chỉ như một trong vô số hành động khôn xiết kể của ông De Norpois trong đời sống xã giao của mình: mẹ không nghĩ rằng hồi xưa, trong hoạt động ngoại giao, vị đại sứ vẫn có thói quen coi việc được mời ăn tối tại thành phố là thuộc chức trách của mình và luôn phô bày một vẻ duyên dáng thâm căn cố đế mà nếu yêu cầu ông từ bỏ nó như một ngoại lệ khi đến dùng bữa tối với chúng tôi thì sẽ là một đòi hỏi quá đáng.

Bữa ăn tối đầu tiên của ông De Norpois tại nhà chúng tôi, vào cái năm tôi còn đến vườn Champs-Élysée chơi, còn lưu lại trong ký ức tôi, bởi vì chính chiều hôm ấy, rất cuộc, tôi đã được nghe La Berma* diễn vở *Phèdre*” suốt ban ngày” và cũng bởi vì khi trò chuyện với ông De Norpois, tôi chợt nhận ra, và theo một cách mới, những tình cảm mà tất cả những gì liên quan đến Gilberte Swann cùng cha mẹ nàng khơi dậy trong tôi thật khác biệt bao với những gì bất kỳ ai khác cảm thấy đối với cũng gia đình ấy.

Chắc hẳn vì nhận thấy vẻ ủ rũ của tôi khi gần đến kỳ nghỉ đầu năm mà lúc đó tôi không được gặp Gilberte như chính mẹ đã thông báo, một hôm, để làm tôi khuây khỏa, mẹ bảo tôi: “Nếu con vẫn còn đầy lòng khao khát muốn nghe La Berma hát, thì mẹ nghĩ có lẽ cha con sẽ cho phép con đi đấy; bà có thể đưa con đến nhà hát.”

Nhưng sở dĩ thế là vì ông De Norpois đã nói với cha rằng nên để cho tôi nghe La Berma hát, rằng đối với một chàng

traí, đó sẽ là một kỷ niệm cần lưu giữ; cha tôi, cho tới gần đây, vẫn kịch liệt phản đối việc tôi lãng phí thì giờ và có nguy cơ hư hỏng vì những cái cha gọi là “vô dụng”, khiến bà tôi rất bất bình, giờ gần như đã coi cuộc biểu diễn mà vị đại sứ khuyến nên đi xem, phần nào như là một trong những bí quyết quý giá để thành công trong một sự nghiệp hiển hách. Bà tôi, trước đây, bằng việc từ bỏ cái thú nghe La Berma hát mà bà nghĩ là sẽ rất bổ ích cho tôi, đã chấp nhận một hy sinh to lớn vì lợi ích sức khỏe của tôi, nay rất ngạc nhiên thấy cái lợi ích ấy trở nên không đáng quan tâm chỉ vì độc một lời của ông De Norpois. Với quan điểm của người duy lý đặt toàn bộ hy vọng sắt đá của mình vào chế độ tiếp xúc với khí trời thoáng đãng và đi ngủ sớm được chỉ định cho tôi phải theo, bà tôi than phiền việc tôi sắp vi phạm chế độ ấy như một tai họa, và bằng một giọng ảo não, bảo cha tôi: “Sao mà anh nhẹ dạ thế!” Cha tôi giận dữ đáp: “Sao kia, bây giờ đến lượt mẹ không muốn cho nó đi! Thật hơi quá đấy, xưa nay, mẹ chỉ lải nhải suốt với bọn con là điều đó có thể bổ ích cho nó kia mà.”

Nhưng ông De Norpois đã làm thay đổi một điểm quan trọng hơn nhiều đối với tôi: những ý đồ của cha tôi. Xưa nay cha vẫn muốn tôi trở thành nhà ngoại giao mà tôi thì không thể chịu đựng cái ý nghĩ rằng ngay cả nếu tôi được giữ làm việc ở bộ một thời gian, thì vẫn có nguy cơ là một ngày nào đó, tôi được bổ đi làm đại sứ ở những thủ đô mà Gilberte sẽ không bao giờ đến sống. Tôi những muốn quay trở lại với các dự định văn chương mà dạo xưa tôi đã vun đắp rồi bỏ dở trong suốt những cuộc dạo chơi về phía

Guermantes. Nhưng cha tôi đã không ngừng chống đối việc tôi dấn thân vào sự nghiệp văn chương mà cha cho là thấp kém hơn nhiều so với ngoại giao, thậm chí không chịu gọi nó bằng cái tên “sự nghiệp” nữa kia, cho đến một hôm, ông De Norpois, vốn chẳng ưa gì những nhân viên ngoại giao thuộc lớp mới, cam đoan với cha tôi rằng một nhà văn cũng có thể được trọng vọng và phát huy ảnh hưởng không kém một nhà ngoại giao, mà lại độc lập hơn là đảng khác.

“Chà! Ta thật không tin nổi nữa, ông lão De Norpois tuyệt nhiên không hề phản đối chuyện con theo đuổi văn chương,” cha tôi bảo tôi thế. Và vì bản thân cũng là người tương đối có thể lực, cha tôi tin rằng bằng cách trò chuyện với những người quan trọng, chẳng có gì không thu xếp được, chẳng có gì không tìm ra giải pháp thuận lợi. “Một chiều nào đó, cha sẽ đón ông ấy lúc ở ủy ban ra để đưa về nhà ăn tối. Con sẽ trò chuyện với ông ấy một chút để ông ấy có thể đánh giá con. Hãy viết một cái gì hay hay đưa cho ông ấy xem; ông ấy rất thân với giám đốc tờ *Tạp chí Hai Thế Giới**, ông ấy sẽ xếp con vào đấy, ông ấy sẽ giải quyết ổn chuyện này, ông ấy là một tay ranh ma già đời mà; và thật tình, cha thấy ông ấy có vẻ coi ngành ngoại giao bây giờ...!”

Sung sướng vì sẽ không phải rời xa Gilberte, tôi rất muốn nhưng không thể viết nổi một cái gì hay hay khả dĩ đưa cho ông De Norpois xem. Sau vài trang mở đầu, tôi chán ngán buông rơi bút, tức phát khóc khi nghĩ rằng mình sẽ chẳng bao giờ có được tài năng, rằng mình chẳng có năng khiếu gì và thậm chí không thể lợi dụng được cơ may

ở lì tại Paris mà lần đến thăm sắp tới của ông De Norpois mang lại cho tôi. Chỉ còn ý nghĩ sắp được đi nghe La Berma hát là làm tôi khuây nỗi buồn. Nhưng cũng giống như tôi chỉ ước được ngắm bão trên những bờ biển nơi nó có thể lồng lộn dữ dội nhất, tôi chỉ muốn nghe nữ nghệ sĩ vĩ đại này diễn một trong những vai kinh điển mà ông Swann nói với tôi là La Berma đã đạt tới độ trác tuyệt. Bởi lẽ khi ta ao ước đón nhận từ thiên nhiên hay từ nghệ thuật một số ấn tượng nào đó với hy vọng phát hiện ra một điều quý giá, ta thường có chút áy náy, e tâm hồn ta, thay vì những cảm thụ ấy, lại vớ phải những cảm giác dưới tâm, có thể khiến ta ngộ nhận về giá trị chính xác của cái Đẹp. La Berma trong những vở *như Andromaque, Những bức đồng của Marianne, Phèdre** đó chính là một số trong những điều kỳ diệu mà trí tưởng tượng của tôi hằng ao ước xiết bao. Nếu được nghe La Berma cất giọng ngân nga:

Người ta đồn Chúa thượng sắp ra đi

Ta sớm chia tay...

tôi ắt sướng mê như thể một ngày nào đó, một con thuyền *gondola* sẽ đưa tôi đến đứng dưới bức tranh của Titien ở Frari hoặc những tác phẩm của Carpaccio ở San Giorgio degli Schiavoni*.

Tôi chỉ biết đến chúng qua phiên bản đen-trắng đơn giản trong sách in; nhưng tim tôi đập rộn khi tôi nghĩ, hết như khi sắp thực hiện một chuyến du lịch, rằng rốt cuộc tôi sẽ được thấy chúng thực sự tắm trong không khí và sự tỏa

năng của giọng ca vàng. Một bức tranh của Carpaccio ở Venise, nàng La Berma trong *Phèdre*, những kiệt tác của nghệ thuật hội họa hay sân khấu mà hào quang gắn chặt với chúng khiến chúng sống động trong tôi, nghĩa là không thể phân chia, đến nỗi giá như tôi có xem những bức của Carpaccio trong một phòng ở Louvre, hay xem La Berma diễn một vở nào đó chưa từng nghe nói tới, tôi ắt sẽ hết cảm thấy nỗi ngạc nhiên tuyệt thú là chung cuộc đã được mở to mắt ngắm nhìn cái đối tượng duy nhất, không sao hình dung nổi của vô vàn những ước mơ tôi. Lại nữa, những mong diễn xuất của La Berma phát hiện cho thấy một số khía cạnh của cái cao đẹp và đau thương, tôi lại thấy hình như những gì là lớn lao, là chân thật nơi diễn xuất ấy lẽ ra phải hơn, nếu như nữ nghệ sĩ vận dụng nó vào một tác phẩm có giá trị đích thực, thay vì đem cái Thật và cái Đẹp gieo thêu trên một go vải xoàng xĩnh và tầm thường.

Cuối cùng, nếu đi xem La Berma trong một vở mới, tôi sẽ không dễ gì đánh giá được nghệ thuật cũng như đài từ của bà, bởi lẽ tôi không thể phân biệt rạch ròi giữa một văn bản tôi không biết trước với những gì mà thanh điệu cùng cử chỉ bổ sung cho nó, mà tôi cảm thấy như chúng hòa nhập với nó; còn như những tác phẩm cổ điển mà tôi thuộc lòng, chúng hiện ra trước mắt tôi như những khoảng không mênh mông dành sẵn, trên đó tôi có thể hoàn toàn tự do đánh giá những sáng tạo mà La Berma phủ lên - như họa sĩ phủ lên tường những bích họa - hằng hà những khám phá bất tận của trí tưởng tượng. Tiếc thay, từ nhiều năm, bà đã rời bỏ những sàn diễn lớn và đi làm giàu cho một gánh hát

đường phố ở đó bà là ngôi sao, bà không diễn những vở kinh điển nữa; và có tha hồ tra tìm các áp phích, tôi cũng chỉ toàn thấy người ta quảng cáo những vở gần đây, do các tác giả thời thượng phía ra dành riêng cho bà. Rồi một buổi sáng, tìm lịch các buổi diễn ban ngày trong tuần lễ đầu năm ở cột báo dành cho sân khấu, lần đầu tiên tôi thấy - cuối chương trình, sau vở mở màn có lẽ chẳng hay ho gì mang cái nhan đề mà tôi cảm thấy mập mờ bởi nó gói trọn một cốt truyện xa lạ với tôi - giới thiệu hai hồi trong *Phèdre* do La Berma biểu diễn; và vào các buổi diễn ban ngày tiếp theo, *Gái giang hồ**, *Những bức đồng của Marianne*, những cái tên đối với tôi, giống như *Phèdre*, chỉ chứa đầy ánh sáng vì tác phẩm rất quen thuộc với tôi, trong suốt, ngời ngời từ đầu đến cuối một nụ cười lung linh của Nghệ Thuật. Chúng dường như tôn thêm sự cao quý cho bản thân Madame La Berma khi tôi đọc trong báo, ngay dưới chỗ đăng chương trình các buổi diễn đó, rằng chính bà đã quyết định tái xuất trước công chúng trong một số sáng tạo cũ của bà. Vậy là nghệ sĩ ấy biết rằng một số vai có sức cuốn hút bền lâu hơn cái mới của những buổi công diễn hay thành công của những lần diễn lại, bà coi những vai ấy do mình thể hiện như những kiệt tác bảo tàng vẫn có thể bổ ích nếu đem trình bày lại trước con mắt của thế hệ từng ngưỡng mộ bà trong những vai ấy, hoặc thế hệ chưa từng được xem bà diễn những vai ấy. Bằng cách cho quảng cáo như thế: đưa vào giữa những vở chỉ để cho qua thời gian một buổi tối, cái tí *Phèdre* không dài hơn, cũng không in bằng kiểu chữ khác, bà đã cài vào đó một ý hiểu ngầm,

khác nào khi vào bàn, nữ chủ nhân giới thiệu những người dự tiệc, xướng lên bằng một giọng không đổi, giữa những tân khách vốn chỉ là tân khách, một cái tên: ông Anatole France.

Ông thầy thuốc điều trị cho tôi - cái ông đã cấm tiệt mọi cuộc du lịch đối với tôi - khuyên cha mẹ tôi đừng để cho tôi đến nhà hát kéo về lại ốm thêm, có thể kéo dài và rút cuộc chuốc lấy cái đau nhiều hơn là vui thú. Nỗi sợ ấy lẽ ra có thể đã ngăn tôi lại nếu như điều tôi chờ đợi từ một buổi biểu diễn như vậy chỉ là một cảm khoái mà tổng lại, theo luật bù trừ, một cơn đau xảy ra sau đấy có thể xóa sạch. Nhưng - cũng giống như đối với Balbec, giống như đối với chuyến đi Venise mà tôi xiết bao ao ước - điều mà tôi cầu xin ở cuộc biểu diễn ban ngày đó, hoàn toàn khác với một khoái thú: những chân lý thuộc một thế giới thật hơn thế giới tôi đang sống, và những chân lý ấy, một khi đã thủ đắc, sẽ không bao giờ bị tước đi bởi những sự kiện vô nghĩa tạo nên cuộc sống nhàn cư vô vị của tôi, cho dù chúng có làm thân tôi đau đớn. Cùng lắm, khoái cảm mà tôi sẽ có được trong cuộc biểu diễn chỉ đến với tôi như một hình thức có lẽ là cần thiết để cảm thụ những chân lý ấy; và thế là đủ để tôi cầu sao cho những cơn bệnh ông thầy thuốc tiên đoán sẽ chỉ bắt đầu khi biểu diễn xong, để khoái cảm ấy khỏi bị phá hỏng và méo mó đi. Tôi khẩn cầu cha mẹ tôi, hai người từ sau lúc bác sĩ đến thăm lại không muốn cho tôi đi xem *Phèdre* nữa. Tôi không ngừng ngâm nga đoạn thoại:

Người ta đồn chúa thượng sắp ra đi

Ta sớm chia tay...

thử uốn giọng theo mọi cách có thể, ngỗ hầu đo được chính xác hơn độ bất ngờ của ngữ điệu mà La Berma sẽ dùng để nhả lời. Dưới tấm màn che khuất tầm nhìn của tôi, cái Đẹp như chốn Linh Điện và sau tấm màn ấy, mỗi lúc tôi gán cho cái Đẹp một dạng vẻ mới tùy theo những từ của Bergotte trở lại trong đầu tôi, những từ ông ta dùng trong bài tiểu luận Gilberte kiếm được cho tôi: “chất tạo hình cao quý”, “trang phục Cơ đốc”, “vẻ xanh xao khổ hạnh”, “nàng quận chúa thành Trézène và thành Clèves”, “chất bi kịch tiền Hy Lạp”, “biểu tượng thành Delphis”, “huyền thoại mặt trời”, cái Đẹp thần tiên mà diễn xuất của La Berma sẽ hé lộ cho tôi, ngày và đêm ngự trên một ban thờ lúc nào cũng thấp sáng tận đáy tâm tưởng tôi, nơi tâm tưởng mà cha mẹ tôi, vừa nghiêm khắc vừa nông nổi, sắp quyết định xem có nên hay không để cho nó vĩnh viễn lưu giữ những nét tuyệt mỹ của Nữ thần hiển lộ ra ở chính cái chỗ sừng sững thể dạng vô hình của Nàng. Và cặp mắt đắm đắm dõi vào hình ảnh không thể tưởng tượng ra, tôi vật lộn từ sáng đến tối với những chương ngại vật do gia đình dựng lên chống lại tôi. Nhưng khi chúng bị đánh đổ, khi mẹ tôi - mặc dù buổi diễn ấy rơi đúng vào hôm có cuộc họp ủy ban mà sau đó cha tôi phải đón ông De Norpois về nhà ăn tối - bảo tôi: “Này, cha mẹ không muốn làm con buồn, nếu con nghĩ là buổi diễn sẽ mang lại nhiều thích thú đến thế, thì con cứ đi đi”, khi mà việc đi xem kịch, cho tới giờ vẫn bị cấm, chỉ còn tùy thuộc vào tôi, thì lần đầu tiên, vì không còn bận tâm tìm cách

chấm dứt sự cấm đoán đó, tôi tự hỏi liệu cuộc biểu diễn có đáng cầu ước không, liệu có lý do nào khác ngoài sự ngăn cấm của cha mẹ tôi khiến tôi không nên đi xem. Trước hết, sau thái độ khắc nghiệt khiến tôi oán ghét, sự thuận tình của cha mẹ tôi lại khiến lòng tôi ngập tràn thương mến đến nỗi ý nghĩ đã làm cha mẹ đau lòng gây cho bản thân tôi một nỗi ưu phiền, qua đó tôi thấy mục đích cuộc sống không còn chỉ là chân lý, mà là yêu thương, là ở chỗ cha mẹ tôi sung sướng hay khổ sở. “Con thà không đi xem, nếu điều đó làm cha mẹ phiền lòng”, tôi nói với mẹ tôi; ngược lại, mẹ tôi ra sức thuyết phục tôi đừng nghĩ rằng điều đó làm mẹ buồn, mẹ bảo ý nghĩ ấy có thể làm tôi kém thích thú khi xem *Phèdre* và chính vì nghĩ đến niềm thích thú đó mà cha mẹ tôi thôi không cấm nữa. Nhưng thế thì hóa ra tôi có nghĩa vụ phải thích thú và cái thứ nghĩa vụ ấy đối với tôi thật nặng nề. Rồi nữa, nếu khi về, tôi lăn ra ốm thì liệu tôi có sớm khỏi để đến vườn hoa Champs-Élysée, khi mà hết kỳ nghỉ, Gilberte quay lại đó? Đối trọng với tất cả những lý do ấy, tôi đặt lên bàn cân, để xem bên nào nặng hơn, ý nghĩ về sự tuyệt mỹ, hiện vẫn còn vô hình sau tấm mạng, của La Berma. Tôi đặt lên một bên đĩa cân “cảm thấy mẹ buồn, có nguy cơ không đến vườn hoa Champs-Élysée được” và bên kia “vẻ xanh xao khổ hạnh, huyền thoại mặt trời”; nhưng cuối cùng bản thân những chữ ấy tối tăm lại trước tâm trí tôi, chẳng có nghĩa gì với tôi nữa, mất hết trọng lượng; dần dần, những phân vân do dự của tôi trở nên đau đớn đến mức nếu tôi có chọn đi xem hát thì cũng chỉ để chấm dứt những đắn đo ấy và thoát hẳn khỏi chúng.

Nếu tôi phó mặc đôi chân đưa mình đi, không phải về phía Nữ thần Thông tuệ, mà là về phía vị Thần khốc liệt không diện mạo và cũng không tên đã lèn vào thế chỗ nàng dưới tấm mạng che thì đó cũng sẽ chỉ là để rút ngắn nỗi đau của tôi, chứ không hòng đạt được một lợi ích trí tuệ nữa, đành ngả lòng theo sự lôi cuốn của cái tuyệt mỹ. Nhưng bất thành linh, tất cả bỗng thay đổi, một liều kích thích mới quất mạnh vào niềm khao khát trong tôi muốn đi nghe La Berma, khiến tôi có thể chờ đợi “suốt diễn ban ngày” ấy trong niềm vui và nôn nóng: ít bữa nay, hằng ngày, như một giáo sĩ trên cột*, tôi đến đứng trực trước cột dán quảng cáo các vở diễn, phiên đứng trực đã trở nên đau đớn thì bỗng một hôm, tôi thấy, còn ưót hồ, tờ quảng cáo chi tiết về vở *Phèdre* được dán lần đầu tiên (trên đó, phần còn lại của bảng phân vai chẳng gọi cho tôi nét hấp dẫn nào mới khả dĩ khiến tôi quyết định dứt khoát). Nhưng nó đem lại cho một trong những mục đích mà tôi phân vân cân nhắc một dạng cụ thể hơn và hầu như cấp thời (vì ngày tháng ghi trên tấm áp phích không phải ngày tôi đọc nó, mà là ngày biểu diễn, thậm chí có cả giờ mở màn), đã trên đà thực thi, đến nỗi tôi mừng rỡ nhảy quỳnh lên trước cây cột khi nghĩ rằng đến hôm ấy, đúng vào giờ ấy, tôi sẽ sẵn sàng ngồi ở chỗ của mình xem La Berma biểu diễn. Và sợ rằng cha mẹ tôi không kịp mua hai chỗ tốt cho hai bà cháu, tôi phốc một cái về tới nhà, kích động bởi những chữ thần diệu: *Các quý bà ở hàng ghế cạnh dàn nhạc vui lòng không đội mũ; cửa vào sẽ đóng lúc hai giờ, chúng đã thay thế những “xanh xao khổ hạnh”, những “huyền thoại mặt trời” trong tâm trí*

tôi.

Than ôi! Suốt diễn ban ngay đầu tiên ấy lại là nỗi thất vọng lớn. Cha tôi, tiện đường đến ủy ban, gợi ý đưa bà cháu tôi đến nhà hát. Trước khi rời khỏi nhà, cha dặn mẹ: “Ráng sửa soạn một bữa tối thật oách nhé: mình nhớ là tôi phải đón ông De Norpois về nhà ăn tối chứ?” Mẹ tôi không quên chuyện ấy. Và từ hôm trước, Françoise, sung sướng được dốc sức vào cái nghệ thuật bếp núc mà rành là bác có năng khiếu, lại được kích thích bởi tin báo là có một vị khách mới và biết mình phải chế một món thịt bò nấu đông theo những phương pháp một mình bác nắm được bí quyết, Françoise sống trong niềm sôi sục sáng tạo; vì hết sức coi trọng chất lượng thực của các thành phần tạo nên tác phẩm của mình, bác đích thân đi chợ, chọn từng miếng móng bò, bắp bò, chân bê, như Michel-Ange lặn lội suốt tám tháng trời trong vùng núi Carrare chọn những khối cẩm thạch hoàn hảo nhất để xây lăng Giáo hoàng Jules II*. Françoise đi đi lại lại như vậy tất tưởi đến nỗi nhìn bộ mặt bưng bưng của bác, mẹ tôi đâm sự ngộ nhớ bà già giúp việc nhà chúng tôi lại lẫn ra ốm vì làm việc quá sức như tác giả lăng mộ gia tộc Médicis gục ngã trong khu mộ đá ở Pietrasanta. Và từ hôm trước, Françoise đã gửi tới lò của ông chủ hiệu bánh mì nhờ nướng hộ cái món mà bác gọi là “giăm bông Nev’York” có ruột bánh mì, như lớp cẩm thạch hồng, bao quanh bảo vệ. Nghĩ rằng ngôn ngữ nghèo nàn hơn thực tế, và không tin chắc ở tai mình, nên lần đầu tiên nghe người ta nói đến giăm bông York - vì bác thấy trong từ vựng, nếu vừa có York lại vừa có New York, thì sẽ là hoang

phí vô lối - hẳn là bác tưởng rằng mình đã nghe nhầm và rằng người ta muốn dùng cái tên mà bác vốn đã biết. Cho nên, từ ấy, đối với bác, chữ York, dù nghe thấy hay đọc thấy, bao giờ cũng đeo thêm đằng trước nó chữ New mà bác phát âm là Nev'. Và một cách thành tín nhất trần đời, bác bảo cô phụ bếp: "Đến mua giấm bông ở hiệu *Olida* cho tôi, bà chủ đã dặn kỹ là phải có giấm bông Nev'York." Hôm ấy, nếu với Françoise là niềm xác tín cháy bỏng của người sáng tạo vĩ đại thì tình thế của tôi lại là nỗi ngay ngáy lo âu của kẻ mò mẫm tìm kiếm. Rành là, chừng nào chưa được xem La Berma diễn, tôi còn cảm thấy thích thú. Tôi còn khấp khởi khi chờ ở cái vườn hoa nhỏ trước nhà hát, và trên đó, hai tiếng đồng hồ sau, những cây dẻ trụi lá sẽ lấp lánh ánh kim loại khi những ngọn đèn đường bắt đầu thấp lên soi tỏ từng chi tiết cành nhánh của chúng; còn khấp khởi khi đứng trước những nhân viên kiểm soát của nhà hát (việc tuyển chọn, thăng chức, số phận của những người này đều tùy thuộc vào nữ nghệ sĩ lớn - một mình bà nắm giữ quyền lực trong cái cơ sở này mà đứng đầu là những giám đốc phù du, thuần túy trên danh nghĩa, nối tiếp nhau không ai biết đến), họ cầm lấy vé của chúng tôi mà chẳng buồn nhìn người, bởi còn đang cuống quýt lo sao cho tất cả các chỉ thị của Madame La Berma đều được truyền đạt trọn vẹn tới các nhân viên mới tuyển dụng, thỏa thuận với đám võ tay thuê là không bao giờ được hoan hô bà; rồi nữa, các cửa sổ phải để mở chừng nào bà chưa ra sân khấu và sau đó đóng mọi cửa ra vào, kín đáo đặt một bình nước nóng gần bà cho bụi trên sân khấu lắng xuống; và quả vậy,

trong giây lát nữa, cỗ xe của bà, thặng hai ngựa bờm dài, sẽ đỗ lại trước cửa nhà hát, bà sẽ bước xuống, mình quần khăn áo lông thú, đáp lại những lời chào hỏi bằng một cử chỉ rầu rĩ, bà sẽ phái một cô hầu đi xem xét tình hình: dãy ghế trước sân khấu có dành riêng cho các bạn của bà? nhiệt độ trong khán phòng ra sao? các “lô” có những ai? trang phục các nữ nhân viên xếp chỗ ra sao? bởi rạp hát và công chúng đối với bà chỉ là một lớp quần áo thứ hai bên ngoài để bà chui vào và là môi trường ít nhiều mang tính truyền dẫn mà tài năng của bà phải xuyên qua để thể hiện. Tôi cũng vẫn vui thích cả khi đã vào trong rạp; từ khi tôi biết rằng - trái với những gì xưa nay tôi vẫn hình dung theo trí tưởng tượng trẻ thơ - chỉ có một sân khấu cho tất cả mọi người, tôi đã nghĩ rằng hẳn mình sẽ không nhìn rõ vì vướng các khán giả khác, như khi ta ở giữa một đám đông; vậy mà trái lại, tôi nhận ra rằng nhờ một sự bố trí khéo như biểu tượng của mọi cảm thụ, mỗi người đều cảm thấy mình là trung tâm rạp hát; điều đó khiến tôi hiểu tại sao có lần Françoise được một vé chuồng gà tầng ba đi xem một vở mùi mẫn, khi về, bác cam đoan rằng chỗ bác ngồi chính là chỗ tốt nhất người ta có thể có, và chẳng những không cho là quá xa mà còn cảm thấy sò sọ nếu ngồi gần tấm màn bí ẩn và sống động. Nỗi thích thú của tôi càng tăng lên khi tôi bắt đầu nghe thấy tiếng ào ạt đằng sau tấm màn buông kín ấy như tiếng lục cục ta nghe thấy bên trong vỏ trứng khi gà con sắp nở, thoát cái những tiếng động ấy to lên và đột ngột, từ cái thế giới mắt ta không thể xuyên thấu song lại nhìn rõ ta, hướng về ta, rành là hướng đến ta dưới hình

thức ba tiếng gõ đồng đạc khiến ta xao xuyến như thể nghe thấy những tín hiệu từ sao Hỏa. Và khi kéo màn lên, trên sân khấu, một bàn giấy và một lò sưởi, cũng bình thường thôi, cho ta biết những nhân vật sắp bước ra không phải diễn viên đến để đọc vở như tôi đã từng thấy trong một đêm diễn, mà là những con người đang sống một ngày thường trong đời, tại nhà họ, nơi tôi bẻ khóa đột nhập vào mà họ không thấy, niềm thích thú của tôi vẫn tiếp tục kéo dài; nó bị ngắt quãng bởi một thoáng lo lắng: đúng lúc tôi vừa dỏng tai lên khi vở diễn bắt đầu, hai người đàn ông bước ra sân khấu, rất giận dữ, vì họ khá lớn tiếng, đủ để cho trong khán phòng, cả trên ngàn người đều nghe rõ từng lời của họ, trong khi ở một quán cà phê nhỏ, nếu có hai người túm cổ nhau thì ta phải hỏi gã hầu bàn xem họ nói gì với nhau; nhưng cùng lúc ấy, ngạc nhiên thấy công chúng nghe họ mà không phản đối gì, chìm ngập trong bầu không khí lặng im nhất loạt, liền đó rúc rích đây đó một tiếng cười, tôi đồng thời hiểu rằng những gã xác xược kia là diễn viên và cái vở nho nhỏ, gọi là tiết mục mở màn, vừa bắt đầu. Tiếp đó là một quãng nghỉ giải lao kéo dài đến nỗi khán giả khi trở về chỗ ngồi, sốt ruột giậm chân ầm ầm. Tôi đâm hốt hoảng; bởi vì mỗi khi đọc một bài tường thuật vụ án, thấy nói về một người có tấm lòng cao cả, bất chấp lợi ích riêng tư, tới làm chứng cho một người vô tội, tôi đều sợ rằng người ta thiếu thiện chí để biết ơn ông ta cho đủ, không thưởng công cho ông hậu hĩ, và, nẫu lòng, ông ta đâm ra đứng về phe bất công; cũng giống như thế, trong trường hợp này, đánh đồng thiên tài với đức hạnh, tôi sợ

rằng La Berma, bực mình vì cung cách thất thố của đám công chúng thiếu giáo dục như thế - tuy nhiên tôi những muốn bà hài lòng nhận ra trong số đó có một vài người nổi tiếng mà sự đánh giá của họ được bà hẳn coi là quan trọng - sẽ biểu lộ sự bất bình và khinh miệt của mình bằng cách diễn ẩu tả. Và với ánh mắt khẩn cầu, tôi nhìn những con người giậm chân vung tay thô lỗ kia, trong cơn giận dữ, họ có thể làm tan vỡ cái ấn tượng quý giá và mỏng manh mà tôi đến đây để kiếm tìm. Chung cuộc, những khoảnh khắc cuối cùng của niềm thích thú nơi tôi kéo dài đến hết những màn đầu của *Phèdre*. Nhân vật Phèdre không xuất hiện ở đầu hồi hai; tuy nhiên, khi màn vừa kéo lên và khi tấm màn thứ hai (tấm này bằng nhung đỏ) được vén sang hai bên, thêm một chiều sâu thứ hai cho sân khấu trong mọi vở có sự tham gia diễn xuất của ngôi sao nhà hát, thì từ lối “phông” bước ra một nữ diễn viên mà người ta bảo tôi là có gương mặt và giọng nói như của La Berma. Hẳn người ta đã thay đổi bằng phân vai, bao nhiêu công tôi bỏ ra nghiên cứu cẩn thận vai vợ của Thésée* đâm ra vô dụng. Nhưng rồi nữ diễn viên thứ hai thoạt với nữ diễn viên thứ nhất. Chắc tôi đã nhầm khi tưởng người này là La Berma, vì người thứ hai còn giống bà hơn, phát âm cũng hệt như bà. Với lại cả hai đều tôn vai diễn của mình bằng dáng điệu sang nhã - những dáng điệu mà tôi thấy rõ và hiểu rằng chúng hợp với kịch bản, mỗi khi họ nhắc tà váy lộng lẫy - và bằng cả những ngữ điệu tài tình, lúc say sưa đắm đuối, lúc chua chát mỉa mai, giúp tôi hiểu một câu thơ tôi từng đọc ở nhà mà không chú ý đầy đủ đến ý nghĩa của nó.

Nhưng trong khoảng giữa hai cánh màn nhung đỏ mở rộng ở chính giữa sân khấu, như giữa một cái khung, hiện ra một người đàn bà và lập tức, tôi thấy nơm nớp, có lẽ còn lo hơn cả chính La Berma trên sân khấu, sợ nhờ ai đó mở một cửa sổ làm ngượng bà, hoặc vò sột soạt một tờ chương trình làm lạc giọng bà, hoặc hoan hô các bạn diễn của bà trong khi hoan hô bà chưa đủ mức khiến bà khó chịu; từ giây phút đó, một cách còn tuyệt đối hơn cả La Berma, tôi chỉ coi tất cả - khán phòng, công chúng, diễn viên, vở diễn và thân thể của chính tôi - như một môi trường truyền âm chỉ có tầm quan trọng trong chừng mực nó thuận lợi cho ngữ điệu của giọng nữ nghệ sĩ này; chính bằng hai điều đó - nỗi lo và cách nhìn nhận nói trên - mà tôi hiểu ra rằng hai nữ diễn viên mà tôi đã chiêm ngưỡng mấy phút vừa rồi chẳng có chút gì giống với nữ nghệ sĩ mà tôi đến nhà hát cốt để nghe bà. Nhưng đồng thời, tất cả khoái cảm của tôi cũng chấm dứt; tha hồ cho tôi giương mắt, dỏng tai, tập trung tâm trí hướng về phía La Berma, cố không để lọt một tí ti lý do nào khiến tôi ngưỡng mộ bà, tôi vẫn không thể lượm được lấy một mảy. Tôi thậm chí không thấy trong đài từ và diễn xuất của bà, cũng như ở các bạn diễn của bà, những chỗ uốn giọng thông minh, những động tác đẹp. Tôi nghe bà như tôi đọc kịch bản *Phèdre*, hoặc như thể chính nàng Phèdre lúc này đây đang nói những điều tôi nghe thấy mà tài năng của La Berma chẳng thêm chút gì vào đấy. Tôi những muốn làm cho mỗi một ngữ điệu, mỗi một nét biểu cảm trên diện mạo của nữ nghệ sĩ ngưng lại, bất động hồi lâu trước mặt mình để có thể đào sâu, cố gắng khám phá ra

trong đó có gì đẹp; ít ra tôi cũng ráng sức, bằng vận dụng khả năng trí óc linh hoạt, tập trung toàn bộ sự chú ý đã chỉnh sẵn vào một câu thơ trước khi nó được xướng lên, để khỏi bỏ sót, do mất công chuẩn bị, một tí tạo nào của trường độ mỗi từ, mỗi cử chỉ nơi bà và nhờ tăng cường chú ý, có thể đi sâu vào từng lời, từng động tác ấy, như thể tôi có hàng tiếng đồng hồ để nghiên cứu. Nhưng cái trường độ ấy sao mà ngắn ngủi! Tai tôi vừa nhận được một âm thanh thì một âm thanh khác đã tới thay thế. Trong một lớp kịch, La Berma đứng im phắc một lúc, cánh tay giơ lên ngang tầm mặt, đắm trong một quảng xanh nhạt do một tiểu xảo chơi ánh sáng, trước phong trang trí cảnh biển, cả rạp vỗ òa trong tiếng vỗ tay, nhưng nghệ sĩ đã di chuyển và bức tranh tôi muốn nghiên cứu không còn nữa. Tôi nói với bà tôi là tôi không nhìn rõ, bà đưa tôi chiếc ống nhòm của bà. Có điều khi ta đã tin ở hiện thực của sự vật thì việc dùng một phương tiện nhân tạo để thấy chúng rõ hơn không hề mang lại cảm giác ở kề bên chúng. Tôi nghĩ cái tôi nhìn thấy không còn là La Berma, mà chỉ là hình ảnh của bà trên ống kính phóng đại. Tôi đặt ống nhòm xuống; nhưng có lẽ hình ảnh mắt tôi thu nhận được, bị khoảng cách làm nhỏ đi, cũng chẳng chính xác hơn; vậy trong hai hình ảnh ấy, đâu là La Berma thật? Còn về lớp tỏ tình với Hippolyte*, tôi rất trông chờ vào đoạn ấy mà, qua ý nghĩa tài tình được các bạn diễn của bà luôn tiết lộ cho tôi thấy trong những phần diễn xướng kém hay hơn, chắc chắn bà sẽ có những ngữ điệu kỳ diệu hơn tôi tưởng tượng khi đọc kịch bản ở nhà; nhưng bà thậm chí còn không đạt tới mức sáng tạo

của các diễn viên sắm vai Enone* hay Aricie*; bà bảo phăng phiu cả đoạn thoại dài thành một khúc ngâm đơn điệu trong đó nhòa lẫn cả những đối chọi chan chát, sắc nét đến nỗi một cô đào tạm gọi là thông minh, thậm chí một nữ sinh trung học hẳn cũng không thể sao nhãng bỏ qua; vả chăng bà diễn xướng nhanh đến nỗi tận khi tới câu cuối, trí óc tôi mới ý thức được sự đơn điệu cố ý được bà áp đặt ngay từ những câu đầu.

Cuối cùng, tình cảm ngưỡng mộ đầu tiên của tôi bùng lên, phát động bởi những tiếng hoan hô như điên của khán giả. Tôi hòa vào đó, cô kéo dài nhịp vỗ tay để có thể chắc chắn sẽ được nghe bà vượt lên bản thân đang đáp lại sự hâm mộ của khán giả vào một trong những ngày thăng hoa nhất của bà. Với lại, điều kỳ lạ là giây phút bùng lên cơn phấn khích ấy của công chúng cũng là lúc La Berma có được một trong những sáng tạo tuyệt nhất của mình. Dường như một số hiện thực siêu nghiệm tỏa ra xung quanh chúng những tia mà đám đông có thể cảm thụ. Chính như thế mà, chẳng hạn, khi trên biên giới xảy ra một sự kiện - một đạo quân lâm nguy hay bị đánh bại, hay chiến thắng - những tin tức khá mơ hồ truyền tới, chẳng hé mở cho một người có học vấn thấy điều gì đáng kể, song lại gây cho đám đông cơn xúc động mạnh khiến anh ta ngạc nhiên, và khi được giới thẩm quyền cho biết tình hình chiến sự đích thực, anh ta phải công nhận khả năng nhạy bén của nhân dân trong việc tri nhận và thậm chí có thể nhìn thấy vầng “hào quang” bao quanh những sự kiện lớn cách hàng trăm cây số. Người ta biết tin chiến thắng, hoặc sau hẳn,

khi chiến tranh đã chấm dứt, hoặc tức thì, qua niềm vui của bác gác cổng. Người ta phát hiện ra một nét thiên tài nơi diễn xuất của La Berma tám ngày sau khi nghe bà hát, nhờ một bài phê bình, hoặc ngay tại trận, nhờ những tiếng hoan hô từ lô ngô sau dàn nhạc. Nhưng cảm nhận tức thời đó của đám đông lại trộn lẫn với hàng trăm cảm nhận khác rất sai lệch, nên những đợt hoan hô nhiều khi rơi không đúng chỗ, chưa kể là do sức cuốn của những đợt hoan hô trước làm đẩy lên trong đám đông một cách máy móc, như trong một cơn bão, một khi biển đã động mạnh đủ mức thì nó cứ vậy mà tiếp tục lồng lộn, ngay cả khi gió không mạnh thêm. Chẳng sao, càng hoan hô, tôi càng cảm thấy La Berma diễn hay hơn.

“Chẳng gì thì cô ta cũng đã vượt lên chính mình, cô đào ấy”, một bà vẽ bình dân ngồi cạnh tôi nói, “cô ấy chạy, vùng vẫy đến phát đau, dốc hết sức, thế mới gọi là diễn chứ!”

Và sung sướng được thấy những lý do khẳng định sự cao siêu của La Berma, trong khi vẫn ngờ là bằng chứng đó cũng chẳng thuyết phục gì hơn sự trầm trồ của một bác nông dân đối với sự cao siêu của *La Joconde* hay *Persée* của Benvenuto*: “Thật hoàn hảo, nói gì thì nói! Như toàn bằng vàng, mà là vàng mười! Làm giỏi thật đấy!”, tôi say sưa chia sẻ chất men thô của niềm phấn khích bình dân ấy. Tuy nhiên, khi màn buông xuống, tôi vẫn cảm thấy tiếc là niềm thích thú tôi xiết bao khao khát đã không lớn hơn, đồng thời lại thấy cần kéo dài nó, không phải rời bỏ mãi mãi, lúc ra khỏi rạp, cái đời sống sân khấu mà tôi đã được

sống trong mấy tiếng đồng hồ và ắt sẽ dứt khỏi đó như lên đường tới chốn lưu đày, bằng cách về thẳng nhà, nếu như tôi không hy vọng được biết thêm nhiều về La Berma từ miệng một người hâm mộ bà, mà nhờ có lời khuyến cáo của ông, tôi mới được phép đi xem *Phèdre*, ông De Norpois. Tôi được cha tôi gọi đến thư phòng giới thiệu với ông trước khi ăn tối. Khi tôi bước vào, ông đại sứ đứng dậy, chìa tay cho tôi, khẽ nghiêng thân hình cao lớn và chăm chú nhìn tôi đăm đăm bằng cặp mắt xanh. Vì vào thời kỳ ông đại diện cho nước Pháp, những khách nước ngoài vắng lai, kể cả những ca sĩ nổi tiếng, ít nhiều đều là những nhân vật thượng hạng mà ông biết là sau này, khi ai đó nhắc đến tên của họ ở Paris hay ở Pétersbourg, ông có thể nói ông nhớ rất rõ cái tối liên hoan ông từng dự cùng họ ở Munich hay ở Sofia, nên ông có thói quen tỏ ra hài lòng được biết họ bằng vẻ hòa nhã; nhưng hơn thế nữa, tin rằng trong đời sống các chốn kinh kỳ, sự tiếp xúc đồng thời với những cá nhân thú vị vắng lai qua đó, và với những tập tục của nhân dân ở đó, cho ta một kiến thức sâu xa không học được ở trong sách, về lịch sử, địa lý, phong tục của nhiều quốc gia khác nhau, về phong trào trí thức ở châu Âu, ông vận dụng đối với mỗi người mới đến khả năng quan sát sắc sảo của mình để biết ngay mình tiếp xúc với hạng người nào. Từ lâu, chính phủ đã thôi không giao cho ông cương vị nào ở nước ngoài, nhưng hễ người ta giới thiệu ông với ai, là đôi mắt ông, như chưa hề nhận được thông báo là ông không còn đương chức, bắt đầu quan sát đầy hiệu quả, trong khi bằng toàn bộ thái độ của mình, ông cố tỏ ra không lạ gì tên

tuổi vị khách. Cho nên vừa hồn hậu nói chuyện với tôi bằng cái vẻ của một con người biết mình từng trải mọi sự, ông vừa không ngừng quan sát tôi với vẻ tò mò minh mẫn vì lợi ích của riêng mình, như thể tôi là một tục lệ ngoại lai nào đó, một công trình bổ ích nào đó, hay một ngôi sao nào đó trên đường lưu diễn. Và bằng cách ấy, chúng tỏ với tôi cả nét hòa ái uy nghi của bậc thầy thông tuệ lẫn sự hiếu kỳ chuyên cần của chàng trai trẻ Anacharsis*.

Ông hoàn toàn không hứa gì với tôi về chuyện giới thiệu tôi với *Tạp chí Hai Thế Giới* nhưng đặt cho tôi một số câu hỏi về đời sống và việc học tập của tôi, cũng như về những sở thích của tôi mà lần đầu tiên tôi nghe thấy nhắc đến như những gì khả dĩ nên theo, chứ không phải những thứ mà tôi có bốn phận phải chống lại, như cho tới nay tôi vẫn tưởng. Bởi những sở thích của tôi thiên về văn chương, ông không khuyên tôi từ bỏ khuynh hướng ấy; trái lại, ông còn nói chuyện với tôi về văn học một cách trân trọng như nói về một con người đáng kính và đầy sức hấp dẫn của hội tao đàn mà từ người ấy, ở Rome hay ở Dresde, người ta lưu giữ kỷ niệm tốt đẹp nhất và tiếc là hiếm khi gặp lại người ấy do những khó khăn không thể né tránh của đời sống. Với một nụ cười gần như nhả nhót, ông có vẻ như ghen tị với tôi vì, may mắn và tự do hơn ông, tôi hẳn có những khoảnh khắc vui thú với “nàng” Văn chương. Nhưng chính những từ ngữ ông dùng lại vẽ nên một “nàng” Văn chương quá khác với hình ảnh tôi đã mừng tượng về “nàng” hồi ở Combray và tôi hiểu rằng mình càng có thêm lý do để khước từ “nàng”. Cho tới nay, tôi mới chỉ nhận ra rằng mình không có năng

khiếu viết lách thôi; giờ đây, ông De Norpois lại khiến tôi thậm chí hết cả khát khao sáng tác. Tôi muốn tỏ bày với ông điều tôi mơ ước; run rẩy vì xúc động, tôi lo rằng tất cả những lời lẽ của tôi không biểu đạt được chân thực nhất những điều mà tôi hằng cảm thấy nhưng chưa bao giờ thử diễn ngôn; cho nên tôi nói không đâu vào đâu, chẳng rõ ràng gì cả. Có lẽ do thói quen nghề nghiệp, có lẽ theo cái cung cách bình thản hình thành ở mọi nhân vật quan trọng được người ta thỉnh vấn và biết chắc mình nắm phần chủ động trong câu chuyện, thường để mặc cho kẻ đối thoại lúng túng, loay hoay khổ sở tìm lời, cũng có lẽ để làm nổi bật kiểu dáng của mình (mà ông cho là kiểu Hy Lạp, mặc dù ông để râu má rất rậm), ông De Norpois, trong khi nghe người ta trình bày, giữ vẻ mặt hoàn toàn bất động như thể ta đang nói với một bức tượng bán thân thời cổ đại - và điếc - trong một bảo tàng đá chạm vậy. Đột ngột giáng xuống như nhát búa của người cầm trịch một cuộc đấu giá, như một lời sấm truyền từ Delphes*, giọng ngài đại sứ đáp lại người thỉnh vấn càng làm ta ngạc nhiên bởi không một sắc thái nào trên mặt ông khiến ta đoán được ta đã gây ấn tượng gì đối với ông, hay ông sắp sửa phát biểu những gì.

“Quả thật,” ông đột ngột nói với tôi như thể vấn đề đã xác định, sau khi để tôi lúng ba lúng búng trước đôi mắt bất động không rời khỏi tôi lấy một giây, “một người bạn của ta có đứa con trai, *mutatis mutandis**, cũng giống như cậu” (và để nói về những thiên hướng chung của hai đứa chúng tôi, ông dùng cái giọng trấn an như thể đó không phải những khuynh hướng ngả về văn học mà là ngả về

chúng thấp khớp và như thế ông muốn chứng minh với tôi rằng người ta đâu có chết vì những khuynh hướng đó). “Cho nên cậu ta đã từ bỏ con đường ngoại giao mà ông bố đã vạch sẵn và bất chấp dư luận, bắt tay vào sáng tác. Hẳn nhiên cậu ta chẳng có lý do gì để ân hận về việc đó. Cách đây hai năm - dĩ nhiên, cậu ta lớn tuổi hơn cậu nhiều - cậu ta đã xuất bản một tác phẩm nói đến cảm giác về cái Vô Cùng khi ở bờ Tây hồ Victoria-Nyanza* và năm nay lại ra một cuốn sách nhỏ, không quan trọng bằng, nhưng có bút pháp rất hoạt, thậm chí đôi khi sắc bén, viết về loại súng liên thanh dùng trong quân đội Bulgarie; hai tác phẩm này đã khiến cậu ta trở nên thực sự vô song. Cậu ta đã tiến xa và không phải người dừng lại nửa chừng. Ta biết, ở Viện Hàn lâm Khoa học đạo đức và chính trị*, mặc dầu không phải với ý định đề cử, người ta đã đôi ba lần nhắc đến tên cậu ta trong khi trò chuyện, với thái độ không phải không có thiện cảm. Tổng lại, tuy chưa thể nói cậu ta đã đạt tới đỉnh, song cậu ta đã tận lực đấu tranh giành được một vị trí khá đẹp và cố gắng của cậu đã được tưởng lệ bằng thành công, điều không phải bao giờ cũng đến với những kẻ hoạt náo và lộn xộn, cái bọn gây rối vốn gần như bao giờ cũng chỉ rách việc.

Cha tôi, ngay từ bấy giờ đã thấy viễn cảnh mấy năm nữa tôi thành viện sĩ hàn lâm, thỏa mãn ra mặt; niềm thỏa mãn ấy đang lên đến tột đỉnh khi ông De Norpois, sau một lát do dự như để tính toán hậu quả hành động của mình, chìa cho tôi tấm danh thiếp của mình mà rằng: “VẬY HÃY NHẬN DANH TA ĐẾN GẶP ÔNG ẤY, ÔNG ẤY CÓ THỂ CHO CẬU NHỮNG LỜI

khuyên bỏ ích đấy”, mấy lời này làm tôi xao động đến đau đớn như thể ông vừa báo cho tôi biết ngày mai người ta sẽ bắt tôi xuống một chiếc tàu buôn tập sự làm thủy thủ vậy.

Bà cô Léonie của tôi, bằng việc sau khi chết để lại cho tôi thừa kế hầu như toàn bộ tài sản bằng tiền mặt cùng nhiều vật dụng và đồ đạc linh kính, bộc lộ đối với tôi một tình thương mến mà, sinh thời bà, tôi không hề ngờ tới. Cha tôi, người có nhiệm vụ quản lý tài sản ấy cho tới khi tôi đến tuổi trưởng thành, hỏi ý kiến ông De Norpois về một số dự định đầu tư. Ông khuyên nên mua chứng khoán lãi suất thấp mà ông nhận định là đặc biệt chắc chắn, nhất là công trái hợp nhất của Anh và công trái 4% của Nga. “với những chứng khoán thượng hạng này,” ông De Norpois nói, “dù lợi tức không cao lắm, nhưng ít nhất cũng đảm bảo là vốn đầu tư không bao giờ sụt”. Cha tôi nói đại thể với ông về những đầu tư còn lại. Ông De Norpois chỉ thoáng nở nụ cười chúc mừng: như mọi nhà tư bản, ông coi tài sản là một điều đáng thèm muốn, nhưng thấy là chỉ nên ngợi khen tài sản của ai đó bằng cách kín đáo ra dấu ngầm hiểu thì tế nhị hơn; mặt khác, vì bản thân ông cũng giàu sụ, ông thấy nên nhã thiệp tỏ vẻ trọng thị những lợi tức kém tầm của người khác, song trong lòng lại vui thích, khoái trá nghĩ về thu nhập cao hơn hẳn của mình. Ngược lại, ông không hề ngần ngại khen ngợi cha tôi đã “cấu tạo” tổng lượng kỳ phiếu của mình bằng một nhãn thức “rất chắc chắn, rất tế nhị, rất tinh tế”. Như thế ông gán cho quan hệ giữa những giá trị chứng khoán với nhau và thậm chí cho bản thân những giá trị chứng khoán một cái gì đó như là phẩm chất mỹ học. Khi

cha tôi nói với ông về một loại chứng khoán mới chưa mấy ai biết đến, ông De Norpois, như người đã đọc một cuốn sách anh tưởng chỉ mình anh biết, liền bảo cha tôi: “Ô, có chứ, tôi đã thích thú theo dõi nó một thời gian trên Bảng thị giá, đáng quan tâm đấy,” với nụ cười của một độc giả mua báo dài hạn say sưa nhớ lại cuốn tiểu thuyết nhiều kỳ mới đọc trên tạp chí. “Tôi không can ông mua vào đợt phát hành sắp tới. Hấp dẫn đấy, họ mời giá thật ngon.” Trái lại, với một số chứng khoán cũ, do không nhớ đích xác vì tên chúng dễ lẫn với tên của những cổ phiếu tương tự, cha tôi mở ngăn kéo đưa thẳng cho vị cựu đại sứ xem. Tôi nhìn, thích mê, những tờ phiếu trang trí bằng những hình tháp nhà thờ nhọn hoắt và những hình tượng phúng dụ như một số sách lãng mạn cổ ngày xưa tôi từng giở lướt qua. Tất cả những gì cùng thời đều giống nhau; những họa sĩ minh họa cho thơ ca của một thời kỳ cũng chính là những người được các công ty tài chính thuê làm việc cho họ. Và không gì gợi nhớ đến một số đoạn trong *Nhà thờ Đức Bà* và trong những tác phẩm của Gérard de Nerval như tôi thường thấy chúng được treo ở mặt trước cửa hàng tạp hóa ở Combray, hơn hình ảnh những thân sông nước rục một biểu tượng cổ phiếu định danh của Công ty vận tải đường sông, đóng khung chữ nhật viền hoa.

Thái độ coi rẻ của cha tôi đối với kiểu thông minh của tôi được lòng âu yếm điều chỉnh đủ mức để khiến tình cảm của ông, nói chung, đối với tất cả những gì tôi làm là một thứ độ lượng mù quáng. Cho nên cha không ngần ngại bảo tôi đi tìm lại một bài thơ văn xuôi tôi làm hồi xưa ở Combray

sau một cuộc đi dạo trở về. Tôi đã viết bài thơ ấy với một niềm hứng khởi mà tôi cảm thấy nó ắt phải truyền sang người đọc. Nhưng chắc nó không chinh phục được ông De Norpois, bởi khi trả lại tôi, ông không nói lời nào.

Mẹ tôi, rất tôn trọng công việc của chồng, rụt rè đến hỏi xem đã có thể dọn ăn được chưa. Mẹ sợ ngắt quãng một câu chuyện mà mẹ không có phận sự xen vào. Và quả vậy, cha tôi luôn luôn nhắc ông hầu tước nhớ một biện pháp hữu ích nào đó mà hai ông đã quyết định sẽ ủng hộ vào kỳ họp tới của ủy ban và cha tôi nhắc vậy bằng cái giọng đặc biệt mà hai đồng nghiệp có chung những kỷ niệm tạo nên bởi thói quen nghề nghiệp thường sẽ cùng có khi ở một môi trường khác - về điểm này, họ giống như hai cậu học trò - những kỷ niệm mà người khác không thể hiểu được, bởi thế họ xin lỗi khi nhắc tới chúng trước mặt mọi người.

Nhưng ông De Norpois đã đạt đến trình độ luyện cho cơ mặt hoàn toàn độc lập, khiến ông có thể vẫn lắng tai mà không hề tỏ vẻ nghe thấy gì cả, thành thử cuối cùng, cha tôi đâm lúng túng: “Tôi đã nghĩ đến việc xin ý kiến ủy ban...”, cha tôi nói với ông De Norpois, sau một đoạn phi lộ dài dòng. Bấy giờ, từ gương mặt của bậc cao thủ quý tộc này giờ vẫn giữ nguyên vẻ bất động của một nhạc công chưa đến lượt bắt vào phần mình, phát ra theo nhịp đều đều một giọng cao nhưng lần này với thanh sắc khác, như chỉ để kết thúc câu nói đã bắt đầu: “Mà dĩ nhiên ông sẽ không ngần ngại triệu tập, nhất là vì từng cá nhân thành viên ủy ban ông đều biết và đều có thể dễ dàng di chuyển tới dự.” Dĩ nhiên, câu nói ấy, tự thân nó, không phải là một

kết thúc phi thường gì lắm. Nhưng sự bất động trước đó đã làm nó nổi bật rõ nét như pha lê, cái cách bất ngờ gần như ranh mãnh mà cây piano, cho tới khi đó vẫn im bật, bỗng cất tiếng đúng lúc, đáp lại tiếng cello ta vừa nghe thấy, trong một bản concerto của Mozart.

“Này con, buổi biểu diễn ban ngày có làm con hài lòng không?” cha tôi hỏi lúc mọi người ngồi vào bàn ăn, nhằm tạo cơ hội cho tôi tỏ ra xuất sắc, nghĩ rằng phấn hứng của tôi đối với vở diễn sẽ khiến ông De Norpois nhận định tốt về tôi. “Cháu nó vừa đi xem La Berma biểu diễn về, chúng ta đã trao đổi về chuyện đó, ông nhớ chứ?” cha tôi quay về phía nhà ngoại giao, nói thêm bằng cái giọng ám chỉ, bí bí mật mật, đầy tính chuyên môn như khi nhắc đến một buổi họp ủy ban vậy.

“Chắc cậu thích mê, nhất là nếu đây là lần đầu tiên cậu được xem La Berma diễn. Ông nhà đã rất lo ngại về hậu quả mà cuộc phá lệ nho nhỏ này có thể dội lại đối với tình trạng sức khỏe của cậu, vì theo ta nghĩ, cậu hơi yếu, hơi mỏng manh, phải không nào? Song ta đã phân tích điều hơn lẽ thiệt với ông nhà. Các nhà hát hiện nay không còn như cách đây hai mươi năm nữa. Chỗ ngồi thoải mái, không khí đổi mới, mặc dầu chúng ta còn phải cố gắng nhiều mới theo kịp Đức và Anh, hai nước ấy, về mặt này cũng như về nhiều mặt khác, đã vượt xa chúng ta. Ta chưa được xem La Berma diễn *Phèdre*, nhưng nghe nói là tuyệt vời. Còn cậu, tất nhiên là vui thích chứ?”

Ông De Norpois, ngàn lần thông minh hơn tôi, ắt phải nắm được cái chân lý mà tôi không biết rút ra được từ diễn

xuất của La Berma, ông sẽ chỉ ra cho tôi; lúc trả lời câu hỏi của ông, tôi sẽ xin ông nói cho biết chân lý ấy là thế nào; và như vậy ông sẽ minh chứng cho nỗi khao khát của tôi muốn được xem nữ diễn viên ấy biểu diễn. Tôi chỉ có một khoảnh khắc, tôi phải tận dụng cơ hội, hỏi trúng vào những điểm thiết yếu. Nhưng đó là những điểm nào? Tập trung chú ý hoàn toàn vào những cảm giác hỗn độn của mình, tuyệt nhiên không nghĩ tới chuyện làm ông De Norpois thán phục mình, mà chỉ mong sao moi được từ ông chân lý mình cầu ước, tôi không tìm cách thay thế những chữ không nghĩ ra nổi bằng những từ ngữ có sẵn, tôi đâm ấp úng và cuối cùng, để cố khích ông nói ra cái tuyệt vời của La Berma, tôi thú thật là tôi đã thất vọng.

“Nhưng sao lại thế được,” cha tôi kêu lên, phiên muộn khi nghĩ rằng việc tôi thú nhận không hiểu giá trị của La Berma có thể gây ấn tượng tệ hại đối với ông De Norpois, “làm sao con có thể nói là con chẳng thích thú gì? Bà con đã kể rằng con không bỏ sót một lời nào của La Berma, hai mắt cứ trố ra, rằng cả rạp chỉ mình con như thế kia mà.

“Vâng, thì con đã hết sức chú ý nghe thật kỹ để cố hiểu xem bà ấy đặc sắc ở chỗ nào. Rành là bà ấy rất tuyệt...”

“Nếu bà ấy rất tuyệt thì con còn đòi hỏi gì nữa?”

“Một trong những điều góp phần làm nên thành công của La Berma,” ông De Norpois vừa nói vừa cố ý quay sang phía mẹ tôi để khỏi có vẻ loại mẹ ra ngoài cuộc trò chuyện và để tận tụy làm tròn bổn phận xã giao đối với nữ chủ nhà, “đó là nhả thức hoàn hảo của bà trong việc chọn vai diễn, nhờ thế bao giờ bà cũng thành công thực sự, và đích đáng.

Hiếm khi bà đóng những vai nhàn nhàn nhõ nhõ. Mọi người thấy đấy, bà chơi thắng vai Phèdre. Vả chăng, cái nhã thức sành điệu ấy, ta có thể thấy ở trang phục và diễn xuất của bà. Mặc dầu bà đi lưu diễn rất thường xuyên và thành công ở Anh và Mỹ, nhưng cái tầm thường - tôi không nói của John Bull*, vì nói vậy là bất công, ít nhất đối với nước Anh thời Victoria, mà là của Chú Sam - không hề nhiễm sang bà. Không bao giờ ta bắt gặp ở bà những màu sắc quá lòe loẹt, những la hét quá mức. Rồi cái chất giọng tuyệt vời vốn hỗ trợ bà rất tốt được bà vận dụng đến mê hồn, tôi những muốn nói như một nhạc công chơi đàn vậy.”

Mỗi quan tâm tôi dành cho diễn xuất của La Berma không ngừng tăng lên từ lúc buổi biểu diễn kết thúc vì nó không còn phải chịu sức nén ép và bó hẹp của thực tại; nhưng tôi cảm thấy cần phải tìm lý do để giải thích nó; hơn nữa, trong khi La Berma đang thủ vai trên sân khấu, mỗi quan tâm ấy nhắm vào, với cường độ ngang nhau, tất cả những gì bà cho mắt tôi nhìn thấy, tai tôi nghe thấy trong sự bất khả phân chia của đời sống; nó không tách rời và phân biệt rành rọt cái gì hết; cho nên, thật vui mừng khi phát hiện ra cho nó, mỗi quan tâm ấy, một nguyên nhân hợp lý trong những lời ca ngợi sự giản dị, nhã thức của nữ nghệ sĩ, nó lôi kéo những ca ngợi đó về mình bằng khả năng hấp thụ của nó, chiếm đoạt chúng như gã say bốc đồng vơ vào những hành động của người bên cạnh mà trong đó gã thấy có lý do để xúc động. “Đúng vậy,” tôi tự nhủ, “giọng bà mới đẹp làm sao, tuyệt nhiên không một tiếng la hét, trang phục mới giản dị làm sao, việc bà chọn

diễn *Phèdre* mới thông minh làm sao! Không, mình không hề thất vọng.”

Món thịt bò nấu đông với cà rốt được bung ra, do Michel-Ange của bếp nhà chúng tôi bày trên những miếng tinh thể nước thịt đông to tướng nom như những khối thạch anh trong suốt.

“Bà có một đầu bếp thượng hảo hạng thừa bà,” ông De Norpois nói. “Và đó không phải chuyện nhỏ đâu. Tôi ấy, hồi ở nước ngoài, tôi từng phải duy trì người ăn người ở trong nhà, tôi biết nhiều khi để tìm được một đầu bếp hoàn hảo là khó thế nào. Thật sự hôm nay ông bà đã đãi chúng tôi một bữa cỗ ra trò.”

Và quả thật, Françoise, phấn hứng tốt bậc với tham vọng làm thành công một bữa tối rất cuộc đầy khó khăn đáng cho bác trở tài để chiêu đãi một thượng khách, đã thôi không còn tốn công tốn sức làm thế khi chúng tôi ăn tối trong phạm vi gia đình, không mời khách và đã tìm lại được cái phong cách vô song của mình hồi ở Combray.

“Đây là thứ mà ta không thể có được ngoài tiệm ăn, tôi muốn nói những tiệm ăn hạng nhất ấy: một món thịt bò nấu đông mà nước đông không có mùi keo còn thịt bò thì thơm vị cà rốt, thật tuyệt! Cho phép tôi được dùng tiếp,” ông vừa nói thêm vừa ra hiệu muốn được tiếp thêm nước đông. “Tôi những tò mò muốn được biết tài vua bếp Vatel* của ông bà khi xử lý một món hoàn toàn khác, chẳng hạn, món bò Stroganof*.”

Để góp phần mình cho bữa tiệc thêm rôm rả, ông De Norpois kể cho chúng tôi nhiều chuyện mà ông thường hay

“thết” các đồng nghiệp trong ngành, lúc thì dẫn những câu lối bịch của một chính khách quen thói dài dòng văn tự với những hình ảnh chẳng đâu vào đâu, khi lại nêu một mẫu câu súc tích đầy ý vị nào đó của một nhà ngoại giao tinh tế. Nhưng thật ra, đối với ông, cái tiêu chí phân biệt hai loại câu ấy tuyệt nhiên không giống cái tiêu chí mà tôi áp dụng vào văn chương. Khá nhiều sắc thái tôi không nắm được; những câu ông vừa viện dẫn vừa phá lên cười, tôi thấy chẳng khác gì lắm với những câu ông thấy là đặc sắc. Ông thuộc loại người thường nói về những tác phẩm tôi thích như sau: “VẬY là cậu hiểu ư? Ta thì thú thật là ta không hiểu, ta chưa được khai tâm”, nhưng hẳn tôi cũng có thể trả miếng ông như thế: tôi không nắm bắt được những gì ông thấy là trí tuệ hay ngu ngốc, hùng hồn hay khoa trương nói một câu đối đáp hay một diễn từ, và tôi chẳng thấy có lý do gì rõ ràng khiến bài này thì dở, bài kia thì hay, thành thử đối với tôi thứ văn chương ấy bí hiểm hơn, tối nghĩa hơn bất kỳ thứ văn chương nào. Tôi chỉ vỡ lẽ ra rằng trong chính trị, nhắc lại những gì mọi người đều nghĩ không hề chứng tỏ mình kém, mà còn là dấu hiệu của sự ưu việt. Khi ông De Norpois dùng một số từ ngữ la liệt trên mặt báo với cách phát âm mạnh mẽ, người ta cảm thấy chỉ riêng việc ông sử dụng chúng đã khiến chúng trở thành một hành động, mà là hành động khiến người ta phải bàn luận.

Mẹ tôi rất trông chờ vào món xa lát dưa và nấm củ. Nhưng sau một khoảnh khắc xoáy cái nhìn của người quan sát vào tận bên trong món nộm, ông đại sứ lặng lẽ ăn với thái độ kín đáo xã giao, tránh không nói cho chúng tôi biết

ông nghĩ gì. Mẹ tôi nài ông dùng thêm, ông De Norpois làm theo, nhưng thay vì khen ngon như chúng tôi hy vọng, ông chỉ nói: “Tôi xin tuân thủ, thưa bà, vì tôi thấy đây thật sự là một *ukaz**.”

“Chúng tôi đọc báo thấy nói ngài từng trò chuyện hồi lâu với đức vua Théodose”, cha tôi nói.

“Quả vậy, đức vua vốn có một trí nhớ hiếm thấy về diện mạo, vừa trông thấy tôi ngồi ở hàng ghế gần dàn nhạc, ngài đã nhớ ra là tôi từng có vinh dự được gặp Ngài nhiều hôm ở triều đình Bavière*, hồi ấy ngài không nghĩ đến ngai vàng của mình ở phương Đông (ông biết đấy, ngài được một đại hội châu Âu thỉnh tới ngự ở đó và thậm chí ngài đã do dự không biết có nên nhận lời hay không, xét rằng ngôi vương đó còn kém tầm một chút so với dòng dõi của ngài, cao quý nhất trong toàn châu Âu, nói về phương diện gia huy). Một sĩ quan hầu cận tới bảo tôi đến chào hoàng thượng và dĩ nhiên, tôi vội vã tuân theo.”

“Ngài có hài lòng về kết quả chuyến thăm của đức vua không?”

“Rất mãn ý! Người ta có thể phần nào lo ngại về cái cách một quốc vương còn trẻ như thế xử trí để thoát ra khỏi bước khó khăn ấy, nhất là trong tình hình phức tạp như hiện nay. Về phần tôi, tôi hoàn toàn tin tưởng ở ý thức chính trị của nhà vua. Nhưng tôi phải thú thật là kết quả đã vượt mong đợi của tôi. Bài diễn từ ngài đọc khi nâng cốc chúc mừng ở Điện Élysée, mà theo những thông tin tôi nhận được từ nguồn tuyệt đối đáng tin cậy là do ngài tự tay soạn, từ chữ đầu đến chữ cuối, diễn từ ấy hoàn toàn xứng

đáng với mỗi quan tâm nó khơi dậy ở khắp nơi. Đó thật là một chiêu bậc thầy; hơi táo tợn một chút, tôi công nhận, nhưng xét cho cùng, tình thế như vậy thì phải táo bạo như vậy, cái đó hoàn toàn hợp lẽ thôi. Truyền thống ngoại giao tất nhiên là có mặt tốt, nhưng trong trường hợp cụ thể này, rốt cuộc, nó khiến đất nước của ngài và đất nước chúng ta sống trong một bầu không khí kín mít đã trở nên không thở được nữa. Thì đây! Một trong những cách để thay mới không khí - dĩ nhiên, đó là cách mà ta không thể khuyến cáo, nhưng đức vua Théodose có thể tự cho phép - đó là đập vỡ các cửa kính. Và ngài đã làm thế với thái độ vui vẻ khiến mọi người đều hoan hỉ, và hơn nữa, với sự chính xác trong cách dùng từ mà ở đó người ta nhận ra ngay ngài quả thuộc về dòng dõi các bậc quân vương học vấn cao siêu qua người mẹ. Ngài chắc chắn rằng khi ngài nhắc tới những ‘tương hợp’ liên kết nước ngài với nước Pháp, từ này, tuy ít được dùng trong ngôn ngữ ngoại giao, song thật đắt lạ lùng. Cậu thấy là văn chương không hề gây hại, ngay cả trong ngoại giao, ngay cả trên một ngai vàng, ông quay sang nói thêm với tôi. Người ta nhận thấy điều đó từ lâu, đã đành thế, và quan hệ giữa hai cường quốc trở nên rất tốt. Tuy nhiên, điều đó vẫn cần được phát ngôn. Người ta chờ đợi cái từ đó, và nó đã được lựa chọn tuyệt vời, ông thấy nó đã tác động như thế nào. Về phần tôi thì tôi vỗ cả hai tay.”

“Hẳn là bạn của ngài, ông De Vaugoubert, người chuẩn bị cho sự thắt chặt quan hệ từ nhiều năm nay, đã rất hài lòng.”

“Vâng, nhất là vì đức vua muốn làm cho ông ta bất ngờ,

ngài vốn quen làm thế mà. Vả chẳng, tất cả mọi người đều hoàn toàn bất ngờ, từ bộ trưởng Ngoại giao của ngài trở đi, ông này, theo như người ta nói với tôi, không thích thế lắm. Người ta kể rằng khi có người báo cho ông biết chuyện này, ông đã đáp rất rành rọt với giọng đủ lớn để những người bên cạnh nghe thấy: ‘Tôi không được hỏi ý kiến, cũng chẳng được báo trước’, bằng cách ấy, nhấn rõ rằng ông phải mọi trách nhiệm trong sự kiện này. Phải thừa nhận rằng sự kiện đó đã gây xôn xao ầm ĩ và tôi không dám khẳng định, ông nói thêm với một nụ cười ranh mãnh, rằng một số đồng nghiệp của tôi, lấy an nhàn làm đầu, có khỏi bị khuấy động trong yên tĩnh của họ không. Còn về Vaugoubert, ông biết đấy, ông ta đã bị công kích dữ dội vì chính sách xích lại gần nước Pháp, và bố ông ta là một người nhạy cảm, một trái tim cao nhả nên điều đó càng khiến ông ta đau đớn. Tôi có thể quả quyết chứng thực như thế vì, tuy ông ta ít tuổi hơn tôi nhiều, song tôi đã tiếp xúc nhiều với ông ta, chúng tôi là bạn cố tri và tôi biết ông ta rất rõ. Vả chẳng, ai mà không biết ông ta? Đó là một tâm hồn trong suốt như pha lê. Thậm chí đó là khuyết điểm duy nhất người ta có thể trách cứ ông ta: trái tim một nhà ngoại giao đâu cần phải trong suốt như thế. Mặc dầu thế, người ta vẫn bàn tới chuyện phái ông ta sang Rome, điều này tuy là một bước thăng tiến đẹp đẽ, song lại là một thách thức lớn. Nói riêng với nhau, tôi nghĩ, tuy Vaugoubert không hề có tham vọng gì, nhưng điều đó hẳn vẫn sẽ làm ông ta rất hài lòng và ông ta sẽ tuyệt nhiên không khước từ ly rượu lễ ấy đâu. Có thể ông ta sẽ làm nên kỳ tích ở đó cũng nên;

ông ta là ứng cử viên vào Consulta* và về phần mình, tôi thấy ông ta, với tính cách rất nghệ sĩ như thế, rất hợp với khung cảnh Cung điện Farnèse* và bảo tàng tranh anh em nhà Carrache*. Đường như không ai ghét nổi ông ta; nhưng xung quanh vua Théodose, có cả một bè lũ ít nhiều thân phục Wilhelmstrasse* vốn luôn tìm mọi cách thọc gậy bánh xe gây trở ngại cho ông ta, và được bọn chúng ngoan ngoãn nghe theo từng gợi ý. Vaugoubert không chỉ phải đối phó với những mảnh lời hành lang, mà còn phải đương đầu với những lăng mạ của bọn bồi bút, bọn này, vốn hèn nhát như mọi tên viết báo thuê, về sau lại chính là những kẻ đầu tiên xin *giảng hòa*, nhưng trong khi chờ đợi, chúng không ngần ngại tung ra, chống lại người đại diện cho chúng ta, những cáo buộc ngu xuẩn của những kẻ vô lương tâm. Trong suốt hơn một tháng, những kẻ thù của Vaugoubert đã diễu quanh ông ta điệu nhẩy chiến thắng*, ông De Norpois nhấn mạnh mấy tiếng cuối này. Nhưng một người được báo trước thường lợi hại gấp đôi; những phỉ báng ấy, ông ta đã lấy chân hất đi, ông nói thêm, càng mạnh mẽ hơn, với ánh mắt dữ tợn đến nỗi chúng tôi ngừng ăn một lúc. Như một câu phương ngôn Ả Rập rất hay: ‘Chớ cứ sửa, đoàn người cứ đi.’” Sau khi ném ra lời dẫn đó, ông De Norpois ngừng lại, đưa mắt nhìn chúng tôi để nhận định hiệu quả của nó đối với chúng tôi. Quả là một hiệu quả lớn: chúng tôi đều biết có câu phương ngôn ấy; năm đó, những người sáng giá đều dùng nó thay vì câu: “Kẻ nào gieo gió thì gặt bão”, câu này, vốn không có sức sống dai dẳng, bền bỉ như câu: “Lao động vì vua Phổ*”, nên đã đến lúc cần

phải “nghỉ”. Bởi vì văn hóa của những con người lỗi lạc là thứ văn hóa xen kẽ nhau theo chu kỳ, thường là ba năm thay đổi một lần. Dĩ nhiên, không nhất thiết phải có những viện dẫn loại này, mà ông De Norpois rất giỏi vận dụng để điểm xuyết trong những bài ông viết cho *Tạp chí Hai Thế Giới*, thì những bài ấy mới có vẻ vững vàng và giàu thông tin. Ngay cả không có những viện dẫn ấy điểm tô, chỉ cần vào đúng thời điểm thích hợp, điều mà ông không khi nào bỏ sót, ông De Norpois hạ bút viết: “Hoàng cung Saint-James* không phải nơi cuối cùng cảm thấy hiểm họa,” hay “Tình cảnh vô cùng náo động ở Pont-aux-Chantres, nơi người ta dõi theo bằng con mắt lo lắng chính sách ích kỷ nhưng khôn khéo của nền quân chủ *hai đầu**,” hay “Một tiếng kêu báo động cất lên từ Montecitorio*,” hay nữa “Cái trò chơi hai mặt muôn thuở ấy đúng là thói cách của Ballplatz*.” Qua cách biểu đạt như vậy, độc giả “ngoại đạo” cũng nhận ra ngay và thán phục nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Nhưng điều khiến người ta nói rằng ông còn hơn thế nữa, văn hóa của ông còn cao siêu hơn, đó là cách ông vận dụng hợp lý những câu dẫn mà mẫu mực hoàn chỉnh hồi ấy vẫn là: “Hãy cho tôi thấy các vị làm chính trị tốt, tôi sẽ cho các vị thấy tôi làm tài chính tốt như thế nào, như nam tước Louis* thường nói.” (Dạo ấy, người ta còn chưa du nhập từ phương Đông câu này: “Trong hai địch thủ, chiến thắng thuộc về kẻ nào chịu đựng hơn người kia mười lăm phút, như người Nhật nói.”) Danh tiếng đại học sĩ ấy, cộng với cái tài thật sự trong việc che giấu thủ đoạn dưới tấm mặt nạ dừng dưng, đã khiến ông De Norpois được bầu vào

Viện Hàn lâm Khoa học đạo đức. Và một vài người thậm chí còn nghĩ ông xứng đáng có chân trong Viện Hàn lâm Pháp, vào cái hôm mà vì muốn chỉ ra rằng cách đạt tới một thỏa thuận với Anh chính là siết chặt liên minh với Nga, ông đã không ngần ngại viết: “Các vị ở Quai d’Orsay* hãy biết rằng từ nay trở đi, ở tất cả sách giáo khoa về địa lý còn thiếu sót về mặt này, người ta phải dạy thêm rằng, trong kỳ thi tú tài, mọi thí sinh sẽ bị đánh trượt không thương tiếc nếu không biết: ‘Nếu mọi con đường đều dẫn tới Rome, thì ngược lại, con đường từ Paris đến London nhất thiết phải qua Pétersbourg’.”

“Tóm lại,” ông De Norpois nói tiếp với cha tôi, “Vaugoubert đã giành được ở đó một thành công tốt đẹp, thậm chí còn vượt cả dự tính của ông ta. Quả vậy, ông ta vốn chỉ chờ đợi một lời chào mừng chần chu (điều đó, sau những đám mây che phủ mấy năm gần đây, đã là tốt lắm rồi) chứ không đòi hỏi gì hơn. Nhiều người trong đám cử tọa hôm ấy đã cam đoan với tôi rằng nếu chỉ đọc lấy bằng mắt lời chào mừng ấy thì không thể hình dung hiệu quả nó đã gây nên, nhưng nhà vua, vốn là bậc thầy về nghệ thuật hùng biện, đã xướng lên một cách tuyệt vời, rành rẽ từng chi tiết, nhấn mạnh mọi ý đồ, mọi nét tinh tế*. Về điểm này, có người kể với tôi một sự việc khá ý vị, một lần nữa làm nổi bật ở đức vua Théodose cái thiện ý trẻ trung đã khiến ngài được bao người mến mộ. Người ta khẳng định với tôi rằng đúng vào lúc thốt ra hai tiếng ‘tương hợp’, cái từ thâm tóm cả tinh thần đổi mới lớn lao của bài diễn từ và một thời gian dài nữa, rồi ông xem, sẽ còn là đầu đề bàn luận ở các

sứ quán, Hoàng thượng xoay nửa người về phía Vaugoubert (ngài đoán trước niềm vui mà điều đó sẽ mang đến cho vị đại sứ của chúng ta bởi ông ta sắp thấy những nỗ lực của mình đơm hoa kết trái, thấy mơ ước của mình trở thành sự thực, có thể nói vậy, tóm lại, đạt tới thành công tốt đỉnh), và đắm đắm nhìn ông ta bằng đôi mắt cuốn hút của dòng họ Oettingen*, nhấn mạnh cái từ 'tương hợp' được chọn rất đắt và do đó là một sáng tạo đích thực, bằng một giọng khiến cho tất cả mọi người biết rằng nó được dùng với ý thức chủ động và hoàn toàn thấu hiểu tình hình. Hình như Vaugoubert phải khó khăn lắm mới nén được xúc động và xin thú thật là trong một chừng mực nào đó, tôi thông cảm với ông ta. Thậm chí một nhân vật hoàn toàn đáng tin cậy còn rĩ tai tôi rằng sau bữa tiệc, khi hoàng thượng ở giữa một nhóm nhỏ, ngài đã xáp đến bên Vaugoubert rồi rĩ tai ông ta: 'Hầu tước thân mến, ngài có vừa lòng với học trò của mình không?' Chắc chắn là một lời chào mừng như thế, ông De Norpois kết luận, còn hiệu quả hơn hai mươi năm thương thuyết để siết chặt những 'tương hợp' giữa hai nước, theo cách nói tuyệt đẹp của vua Théodose II*. Đó chỉ là một từ, thì cứ cho là thế nếu ông muốn, nhưng ông đã thấy nó phát huy tác dụng như thế nào, như báo chí toàn châu Âu phản ánh, đánh thức sự quan tâm như thế nào, dội lên một âm thanh mới mẻ như thế nào. Vả chăng, nó rất đúng với phong cách của nhà vua. Tôi sẽ không bốc đến mức nói với ông rằng ngày nào ngài cũng tìm ra những viên kim cương tinh khiết như thế. Nhưng rất hiếm khi trong những diễn từ soạn thảo công phu, thậm chí cả trong lúc

trò chuyện ngẫu hứng, ngài không để lại dấu ấn - tôi những muốn nói, ngài không in đậm dấu ấn của mình - bằng một từ sắc bén. Về chuyện này, ông không thể kết tội tôi thiên vị, bởi tôi là kẻ thù của mọi 'cách tân' kiểu này. Chín mươi chín phần trăm những sáng tạo kiểu ấy đều nguy hiểm."

"Vâng, tôi nghĩ bức điện gần đây của hoàng đế nước Đức không hợp khẩu vị ngài," cha tôi nói.

Ông De Norpois ngược mắt lên trời như muốn nói: Ô! Cái ông hoàng đế ấy! "Trước hết, đó là một hành vi vô ơn. Đó còn hơn cả một tội ác*, đó là một sai lầm ngu xuẩn, tôi cho là khổng lồ! Hơn nữa nếu không ai ngăn lại, con người đã đuổi Bismarck đi rất có thể sẽ dần dà loại bỏ toàn bộ chính sách của Bismarck, và lúc ấy sẽ là hỗn mang, không biết đi tới đâu!*"

"Thưa ngài, nhà tôi bảo có lẽ một mùa hè nào đó, ngài sẽ kéo ông ấy sang thăm Tây Ban Nha, tôi nghe vậy mừng quá."

"Vâng, chính thế, đó là một dự định hoàn toàn hấp dẫn khiến tôi rất thú. Tôi rất thích cùng ông thực hiện chuyến đi đó, ông bạn thân mến. Và bà, bà đã tính sử dụng kỳ nghỉ như thế nào, thưa bà?"

"Có lẽ tôi sẽ đi Balbec với con trai, tôi cũng chưa biết chắc."

"À! Balbec thật dễ chịu, tôi đã qua đó cách đây mấy năm. Người ta đã bắt đầu xây dựng ở đấy những biệt thự rất duyên dáng; tôi nghĩ bà sẽ thích nơi ấy. Nhưng cho phép tôi hỏi bà điều gì đã khiến bà chọn Balbec?"

“Con trai tôi rất muốn được thăm một số nhà thờ ở trong nước, đặc biệt là nhà thờ Balbec. Tôi hơi ngại cho sức khỏe của cháu phải trải những mệt nhọc trên đường đi và nhất là trong thời gian lưu trú tại đó. Nhưng tôi được biết người ta vừa xây một khách sạn hảo hạng ở đó cháu có thể sống trong những điều kiện tiện nghi mà thể trạng của cháu đòi hỏi.”

“A! Tôi phải báo tin này cho một người, bà ấy ắt không coi nhẹ chuyện đó*.”

“Nhà thờ Balbec thật tuyệt vời, phải không thưa ngài?” tôi hỏi, nén nỗi buồn khi được biết một trong những nét hấp dẫn của Balbec là những biệt thự đom đàng.”

“Không, nhà thờ thì không tồi, nhưng không thể so sánh được với những đại giáo đường ở Reims, ở Chartres vốn là những trang sức trau chuốt và, theo thị hiếu của tôi, không thể so với nhà thờ Sainte-Chapelle ở Paris, viên ngọc trai của tất cả.”

“Nhưng nhà thờ Balbec có phần theo kiến trúc Roman phải không ạ?”

“Quả vậy, nó thuộc phong cách Roman* vốn tự thân đã cực kỳ lạnh lùng và không có dấu hiệu gì báo trước cái thanh nhã và phóng túng của các kiến trúc sư Gothic có thể giữa đá như dệt đăng ten vậy. Nhà thờ Balbec đáng đến thăm nếu ta tới vùng đó, nó khá kỳ lạ; nếu vào một ngày mưa, không biết làm gì, cậu có thể vào đó xem mộ Tourville.”

“Hôm qua, ngài có dự buổi tiệc chiêu đãi của Bộ Ngoại

giao không? Tôi thì không đến được,” cha tôi hỏi.

“Không”, ông De Norpois tùm tùm cười đáp, “thú thật tôi đã bỏ buổi tiệc để đến dự một tối vui thuộc loại khác. Tôi đã ăn tối ở nhà một phụ nữ mà có lẽ ông từng nghe nói đến, Madame Swann kiểu diễm.”

Mẹ tôi cố nén một thoáng rung mình: vốn mau mắn nhạy cảm hơn, mẹ tôi đã sợ thay cho chồng cái điều phật ý mà lát sau cha tôi mới cảm thấy. Những điều khó chịu đến với cha tôi, mẹ tôi là người đầu tiên cảm nhận, giống như những tin xấu về Pháp thường được biết sớm hơn ở nước ngoài, trước khi lan truyền trong nước. Nhưng vì tò mò muốn biết vợ chồng Swann thường tiếp những người loại nào, mẹ tôi hỏi ông De Norpois xem ông đã gặp những ai ở đấy.

“Lạy Chúa tôi..., đó là cái nhà mà tôi thấy hình như khách khứa chủ yếu là...các ông. Có mấy ông đã có gia đình, nhưng tối hôm ấy, vợ họ ốm, không đến được,” ông đại sứ trả lời, giấu sự tinh quái dưới vẻ hồ hởi, đưa mắt dụi dàng và kín đáo nhìn mọi người xung quanh, làm ra bộ tiết chế, song thực tế càng tăng thêm phần ranh mãnh.

“Tuy nhiên,” ông nói thêm, “tôi phải nói cho thật công bằng rằng cũng có cả phụ nữ, nhưng...nói thế nào nhỉ...họ thuộc giới có khuynh hướng Cộng hòa hơn là giới của Swann (ông phát âm là Svann). Ai mà biết được? Một ngày nào đó, có thể đây sẽ là một *salon* chính trị hay văn chương cũng nên. Vả chăng, họ có vẻ bằng lòng như vậy. Tôi thấy Swann thậm chí còn tỏ ra hơi quá. Ông ta kể tên những người mời vợ chồng mình tới thăm nhà vào tuần sau, những

người chẳng đáng để ông ta hãnh diện được làm thân một cách thiếu dè dặt, thiếu nhã thức, hầu như thiếu tế nhị, điều khiến tôi ngạc nhiên ở một người tinh tế như ông ta. Ông ta nhắc đi nhắc lại: ‘Chúng tôi không có lấy một tối rảnh’ như thể đó là một vinh dự, đặc vẻ hãnh tiến, mà ông ta đâu phải hạng người ấy. Bởi vì Swann có rất nhiều ông bạn, thậm chí cả bà bạn, và không hề quá lời, cũng chẳng muốn phạm điều gì thóc mách, tôi nghĩ mình có thể nói, không phải tất cả, cũng không phải đại đa số, nhưng ít nhất cũng có một bà thuộc loại đại phu nhân quyền quý*, tỏ ra không hoàn toàn phản đối ý tưởng giao du với Madame Swann, trong trường hợp ấy, chắc không ít con cừu của Panurge* sẽ làm theo. Nhưng dường như Swann không thử tiến hành vận động gì theo hướng ấy. Sao? Lại thêm một chiếc pút đình kiểu Nesselrode* nữa! Sau một bữa tiệc kiểu Lucullus* như thế này, tôi có đi điều trị bằng suối nước khoáng ở Carlsbad để bình phục lại, cũng không thừa. Có lẽ Swann đã cảm thấy có quá nhiều trở lực phải vượt qua. Cuộc hôn nhân đã không gây được thiện cảm, đó là cái chắc. Người ta đã nhắc tới gia sản của bà vợ, rõ là chuyện bịa đặt. Dù sao, tất cả những cái đó xem ra chẳng dễ chịu chút nào. Thêm nữa, Swann có một bà cô cực kỳ giàu và rất được quý trọng, vợ của một ông có thể gọi là một thế lực về mặt tài chính. Không những bà ấy từ chối không chịu tiếp Madame Swann, mà thậm chí còn mở một chiến dịch chính quy để khiến tất cả bạn bè và người quen cũng làm thế. Tôi nói vậy không có nghĩa là không một người Paris nào trong giới giao tế bỏ lỡ dịp thiếu tôn trọng

đối với Madame Swann... Không, trăm lần không! Vả lại, ông chồng là người sẵn sàng chấp nhận thách thức. Dù sao đi nữa, cũng có điều kỳ lạ, đó là: Swann quen biết rất nhiều người trong đó có những người thuộc loại chọn lọc nhất, vậy mà ông ta lại tỏ ra vốn vã biết mấy với một giới mà dùng chữ nhẹ nhất cũng phải gọi là hỗn tạp. Là người biết ông ta từ xưa, tôi thú thật là mình cảm thấy vừa ngạc nhiên vừa buồn cười khi thấy một người có học như thế, hợp mốt như thế trong những nhóm tinh lọc nhất, lại đi nồng nhiệt cảm ơn tay chánh văn phòng của bộ trưởng Bưu điện vì đã quá bộ đến 'tê xá' và còn hỏi y liệu Madame Swann có *được phép* đến thăm vợ y. Tuy nhiên, ông ta hẳn phải thấy mình lạc lõng; rõ ràng đó không còn là cái thế giới quen thuộc ngày xưa nữa. Ấy thế nhưng, tôi không nghĩ Swann khổ sở. Đành rằng trong những năm trước khi cưới, người vợ đã có những mảnh xấu xa để tống tiền, như không cho Swann gặp con gái mỗi khi ông từ chối bà ta một khoản gì đó. Swann tội nghiệp, tình tế bao nhiêu thì cũng ngây thơ chừng nấy, mỗi lần thấy vắng con bé lại chỉ cho là do một sự trùng hợp nào đó và không muốn thấy sự thật. Vả lại, bà ta còn gây sự với Swann liên tục đến nỗi người ta đã nghĩ rằng khi nào bà ta đạt được mục đích, trở thành vợ ông ta, sẽ chẳng có gì ngăn cản nỗi bà ta nữa và cuộc sống của họ sẽ là địa ngục. Ấy thế mà điều ngược lại đã xảy ra. Người ta đùa cợt nhiều, thậm chí còn cười ngặt nghẽo, về cái cách Swann khen vợ mình. Dĩ nhiên, người ta không yêu cầu ông ta - ít nhiều ông ta cũng phải biết là mình bị...(ông lạ gì cái chữ của Molière*) - phải công bố với

bàn dân thiên hạ* là thế, nhưng dù sao người ta cũng thấy ông ta quá xá khi bốc vợ mình lên thành một hiền thê tuyệt diệu. Vậy mà không đến nỗi sai như người ta tưởng. Xét theo cung cách của bà ta, không phải cái cung cách mà tất cả các ông chồng đều thích - vả chăng, nói riêng với nhau, tôi thấy khó tin là Swann, vốn biết Odette từ lâu và chẳng ngu gì, lại mù tịt - thì rõ ràng không thể chối cãi rằng bà ta cũng thương yêu chồng. Tôi không nói rằng bà ta không phù phiếm và bản thân Swann cũng chẳng từ cơ hội tỏ ra sớm nắng chiều mưa, như miệng lưỡi thiên hạ vẫn đồn thổi thế. Nhưng bà ta biết ơn Swann về những gì ông ta đã làm vì mình, và trái với lo ngại mọi người cảm thấy, bà ta dường như trở nên dịu dàng như một thiên thần.”

Sự thay đổi ấy có lẽ cũng không đến mức phi thường như ông De Norpois nghĩ. Odette không nghĩ rằng cuối cùng Swann sẽ lấy mình. Mỗi lần, với dụng ý thăm dò, bà báo cho Swann biết một ông rất đáng hoàng vừa cưới người tình, bà thấy ông giữ vẻ mặt lạnh băng và cứng lăm, nếu bà gọi giật ông mà hỏi thẳng: “Vậy anh không thấy thế là rất tốt, cái việc ông ta làm đối với một người đàn bà đã dâng hiến tuổi xuân cho ông ta, là rất đẹp sao?”, thì ông cũng chỉ trả lời khô khốc: “Nhưng anh có bảo với em chuyện đó là dở đâu, mỗi người hành động theo ý mình.” Thậm chí, bà gần như tin rằng Swann có thể bỏ hẳn mình, như ông đã nói thế trong những lúc nổi nóng, vì mới đây bà đã nghe một nữ điều khắc gia tuyên bố: “Đàn ông có thể giở mọi trò, họ tệ lắm”, và nhận định bi quan mà sâu sắc ấy gây ấn tượng mạnh đối với bà đến nỗi bà lấy đó làm châm ngôn

của mình, tiện đâu bà cũng nhắc lại với một vẻ chán nản như muốn nói: “Rốt cuộc, chẳng có gì là không thể, vận tôi nó thế ấy mà.” Và do đó, câu châm ngôn lạc quan cho tới khi đó vẫn dẫn dắt Odette trong cuộc sống: “Mình có thể làm mọi chuyện với những anh đàn ông si mê mình, họ ngốc lắm”, mất hết giá trị, cái câu châm ngôn thường thể hiện trên nét mặt bà bằng một cái nháy mắt giống như cái nháy mắt thường đi kèm với những câu đại loại như: “Đừng sợ, anh ta chẳng dám đập gì đâu.” Trong thời gian này, một trong số bạn gái của Odette cưới một người đàn ông cặp với cô ta còn chưa lâu bằng chính bà cặp với Swann, cũng chưa có con với nhau, hiện nay tương đối được trọng vọng, được mời dự những vũ hội ở điện Élysée, Odette cảm cảnh tự hỏi không biết cô ta nghĩ sao về thái độ của Swann. Một người tư vấn sâu sắc hơn ông De Norpois ắt sẽ có thể “chẩn” chính xác rằng chính cái cảm giác tội phạm và xấu hổ ấy đã khiến Odette trở nên hay cau có, rằng cái tính cách khó chịu bà biểu lộ không phải là bản chất, không phải một chứng bệnh vô phương cứu chữa, và ắt dễ dàng tiên đoán được điều đã xảy ra, cụ thể là một chế độ mới, chế độ vợ chồng, sẽ chấm dứt nhanh chóng gần như bởi phép màu những sự cố đáng buồn xảy ra hằng ngày nhưng tuyệt nhiên không hề hữu cơ ấy. Tất cả mọi người đều ngạc nhiên về đám cưới ấy và chính điều đó cũng đáng ngạc nhiên. Hẳn là không mấy ai hiểu được tính chất thuần túy chủ quan của cái hiện tượng gọi là tình yêu và cái cách nó tạo nên một nhân vật phụ, khác biệt với người mang cùng họ với ta ở ngoài đời, mà đa phần những yếu tố cấu thành

nhân vật đó đều rút ra từ chính ta. Cho nên chẳng mấy ai có thể coi là tự nhiên cái tầm vóc đồ sộ rớt cuộc ta nhận ra ở một con người không phải là một vớ người họ nhìn thấy. Tuy nhiên, dường như về phần Odette, ta có thể thấy rằng mặc dù bà không bao giờ hiểu được hoàn toàn trí tuệ của Swann - dĩ nhiên rồi - nhưng ít nhất, bà cũng biết hết đầu đề, mọi chi tiết công việc của ông, đến mức cái tên Ver Meer cũng quen thuộc với bà như tên người thợ may của bà; về Swann, bà thấu hiểu triệt để những nét cá tính mà mọi người khác trên đời không biết hoặc cho là lỗi bịch, những nét mà chỉ một người tình, một người em gái mới nắm được hình ảnh chân thật và thân thương trong lòng mình; và chúng ta thường rất gắn bó với những nét cá tính ấy, kể cả những nét mà chúng ta muốn sửa đổi nhất, đến nỗi khi một người đàn bà, rớt cuộc, đâm quen với chúng, với thái độ khoan dung và thân ái giấu cọt, giống như bản thân chúng ta và những người thân của chúng ta đã quen với chúng, thì chính vì thế mà mỗi dan díu lâu ngày nhuộm một chút gì dịu ngọt và mãnh liệt của tình cảm gia đình. Những mối dây gắn bó ta với một con người trở nên thiêng liêng khi người đó đặt mình vào cùng một quan điểm với ta để nhận định một khuyết tật của ta. Và trong những nét đặc biệt đó, có những nét thuộc về cả trí tuệ lẫn tính cách của Swann nhưng vì dù sao đi nữa vẫn đều bắt nguồn từ tính cách, nên Odette dễ dàng nhận ra hơn. Bà phản nản rằng những nét đặc biệt đó, vốn biểu hiện rất nhiều trong những bức thư ông viết hoặc khi ông trò chuyện, lại ít lộ rõ trong những văn phẩm và những công trình nghiên cứu của

Swann đã xuất bản. Bà khuyên ông nên thể hiện chúng nhiều hơn. Bà những muốn thế bởi đó là những nét bà ưng nhất ở ông, nhưng vì lý do khiến bà ưng chúng là bởi chúng đúng với con người ông nhất, nên có lẽ bà không sai khi muốn thấy chúng trên những gì ông viết. Cũng có lẽ bà nghĩ rằng những tác phẩm sinh động, ngoài việc đem lại thành công cho Swann, còn khiến bà có thể đạt tới cái điều mà việc lui tới nhà vợ chồng Verdurin đã dạy cho bà biết đặt lên trên tất cả: một *salon* cho riêng mình.

Trong số những người cho cái loại hôn nhân này là lối bịch, những người mà nếu đó là trường hợp của bản thân mình, cũng sẽ tự hỏi: “Liệu ông De Guermantes sẽ nghĩ gì, liệu Bréauté sẽ nói gì, khi mình cưới tiểu thư De Montmorency?”, trong số những người có cái kiểu lý tưởng xã hội đó, nếu là hai mươi năm trước, hẳn là sẽ có cả chính Swann, cái anh chàng Swann đã khốn khổ xoay xở để được nhận vào Hội Jockey, cái anh chàng hồi đó đã tính làm một đám cưới linh đình, cuộc hôn nhân đó, bằng cách củng cố vị thế của chàng, sẽ dứt điểm khiến chàng trở thành một trong những người quan trọng nhất Paris. Có điều, cũng như mọi hình ảnh khác, muốn khỏi bị tàn héo và xóa mất hẳn, những hình ảnh biểu hiện cuộc hôn nhân ấy đối với người trong cuộc cần phải được tiếp dương từ bên ngoài. Mơ ước cuồng nhiệt nhất của ta là làm nhục kẻ đã xúc phạm ta. Nhưng nếu ta chẳng còn bao giờ nghe nói đến hẳn nữa vì hẳn đã sang nước khác, thì rốt cuộc, kẻ thù của ta sẽ chẳng còn quan trọng gì nữa. Nếu trong hai mươi năm, ta thấy mất tăm những người mà vì họ, ta những

muốn gia nhập Câu lạc bộ Jockey hay học viện, thì cái triển vọng trở thành thành viên của một trong hai nhóm đó chẳng còn gì là cám dỗ nữa. Vậy mà, chẳng kém gì một sự rút về ẩn dật, một chứng bệnh hay một sự cải giáo, một mối quan hệ kéo dài cũng thay thế những hình ảnh cũ bằng những hình ảnh khác. Khi lấy Odette, Swann không phải khước từ những tham vọng chốn xã hội thượng lưu, bởi vì những tham vọng ấy, Odette đã tách ông khỏi chúng từ lâu rồi, theo nghĩa tinh thần của từ đó. Và chẳng, nếu không thế, thì ông lại càng đáng khâm phục. Thông thường, những cuộc hôn nhân tai tiếng lại là những cuộc hôn nhân được đánh giá cao hơn cả, chính vì chúng bao hàm sự hy sinh một vị thế ít nhiều cao sang để đổi lấy một cuộc sống êm đềm thuần túy riêng tư (thật vậy, người ta không thể gọi một cuộc hôn nhân vì tiền là đê nhục vì không có cuộc kết đôi nào trong đó một bên được bán cho bên kia mà cuối cùng cặp đó không được tiếp nhận trong giới giao tế, dù chỉ là sức nặng của truyền thống và theo biết bao tiền lệ, cũng là để tránh có hai chuẩn định giá). Mặt khác, có thể là Swann, với tính cách nghệ sĩ, nếu phải với tính cách một kẻ đồi bại, dù sao cũng cảm thấy một chút khoái lạc đê mê nào đó khi thử nghiệm một cuộc lai giống như những đệ tử của Mendel* thường thực hành hay như trong những trường hợp được kể lại trong thần thoại, ghép mình với một người khác chủng, một công chúa hay một ả giãng há, tạo thành hoặc một kết phối vương giả, hoặc một cặp so le. Trên thế giới này, chỉ có một người làm ông bận tâm mỗi khi nghĩ đến chuyện có thể cưới Odette, đó là nữ công tước

De Guermantes, mà đó không phải là do thói đua đòi làm sang. Trái lại, về đại phu nhân này, Odette chẳng hề lo, mà chỉ nghĩ tới những người có địa vị kể sát trên bản thân bà, chứ hơi đâu tính đến một cõi mơ hồ như vậy. Nhưng Swann, trong những giờ phút mơ mộng thấy Odette trở thành vợ mình, nhất nhất đều mừng tượng đến cái lúc đưa Odette và nhất là con gái họ đến chào quận chúa Des Laumes chẳng bao lâu nữa sẽ thành nữ công tước De Guermantes sau khi ông bố chồng chết. Ông không muốn giới thiệu vợ và con gái với nhà nào khác, ông xúc động khi hình dung ra toàn bộ cảnh ấy - nữ công tước nói với Odette về ông ra sao, Odette trò chuyện với phu nhân De Guermantes những gì, bà này âu yếm, chiều chuộng Gilberte như thế nào khiến ông lấy làm tự hào - đến nỗi ông xướng to lên những lời đối thoại do ông tự đặt ra. Ông hình dung diễn ra trước mắt mình màn giới thiệu tưởng tượng ấy với chi tiết cụ thể như một người dự tính sẽ dùng tiền như thế nào nếu trúng một giải xổ số mà anh ta tùy tiện tự ấn định giá trị bao nhiêu. Trong chừng mực mà động lực khiến ta có thể đi đến một quyết định, là một hình ảnh đi kèm với quyết định ấy, ta có thể nói sở dĩ Swann cưới Odette, đó là để có thể giới thiệu bà ta cùng Gilberte với nữ công tước De Guermantes mà không có ai ở đó và nếu cần, mãi mãi chẳng ai biết. Ta sẽ thấy cái tham vọng phù hoa duy nhất mà Swann ước muốn cho vợ và con gái mình ấy lại đích thị là thứ mà một quy ước cấm ông không được thực hiện, quy ước này có tính chất phủ quyết tuyệt đối đến nỗi đến khi chết, Swann vẫn không hình dung được liệu có bao giờ bà

nữ công tước gặp hai mẹ con không. Ta cũng sẽ thấy là, ngược lại, sau khi Swann qua đời, chính nữ công tước De Guermantes đã kết thân với Odette và Gilberte. Và có lẽ - trong chừng mực ông coi trọng một chuyện vặt như thế - khôn ngoan sáng suốt ra thì ông đã chẳng nhìn tương lai quá u ám về mặt này và đã tin vào khả năng là cuộc gặp mặt mong muốn sẽ diễn ra khi ông không có mặt ở đó để tận hưởng niềm vui. Vận động của quan hệ nhân quả, rốt cuộc, mang đến hầu hết mọi hệ quả có thể và do đó, cả những hệ quả mà người ta nghĩ là ít có khả năng xảy ra nhất, vận động ấy đôi khi đã chậm, lại bị làm chậm thêm bởi mong muốn của chúng ta - mong muốn đẩy nhanh tốc độ lại thành cản trở đà vận động - bởi chính cuộc sống của chúng ta và nó chỉ hoàn tất khi chúng ta thôi mong muốn và đôi khi thôi sống. Chẳng phải Swann, bằng kinh nghiệm bản thân, đã biết rõ điều đó sao? - cuộc hôn nhân với Odette, người đàn bà mà ông yêu say đắm, tuy ban đầu không thích, rồi cưới khi không còn yêu, khi cái con người trong ông từng xiết bao mong muốn đến tuyệt vọng, xiết bao khao khát được sống trọn đời với Odette, cái con người ấy đã chết, cuộc hôn nhân ấy trong khi ông còn sống chẳng đã là một hạnh phúc sau khi chết, như một dấu hiệu báo trước những gì sẽ xảy đến sau khi ông qua đời?

Tôi bắt đầu nói về bá tước De Paris, hỏi ông ta có phải là bạn của Swann không, vì tôi sợ câu chuyện chuyển sang chủ đề khác không liên quan đến ông nữa. “Quả có thể,” ông quay sang tôi đáp, đắm đắm nhìn con người bé mọn là tôi bằng cặp mắt xanh trong đó bóng bênh như trong môi

trường tự nhiên khả năng đồng hóa và năng lực lao động trí tuệ to lớn của ông. Rồi ông lại quay sang nói thêm với cha tôi: “Lạy Chúa, tôi không nghĩ rằng mình vượt qua giới hạn lòng tôn kính tôi luôn bày tỏ đối với hoàng thân De Paris (tuy nhiên, tôi không duy trì quan hệ cá nhân với ông, cương vị của tôi, dù chẳng mấy chính thức, khiến tôi khó làm thế) khi kể lại với ông một sự việc khá lý thú mới xảy ra cách đây chưa đầy bốn năm ở một ga xe lửa nhỏ thuộc một nước Trung Âu, khi hoàng thân có dịp nhìn Madame Swann. Dĩ nhiên, không ai trong đám thân cận dám hỏi cảm tưởng của đức ông về bà ta. Như vậy là thất thố. Nhưng khi tình cờ tên bà ta được nhắc đến trong mạch trò chuyện, bằng vào một số dấu hiệu thoáng qua nhưng không thể lầm lẫn, xem ra hoàng thân sẵn sàng để cho mọi người hiểu rằng ấn tượng của ngài tuyệt nhiên không phải là xấu.”

“Nhưng khi ấy không thể có cách nào giới thiệu bà ta với bá tước De Paris sao?” cha tôi hỏi.

“Chao! Với các vị hoàng thân thì ai mà biết được”, ông De Norpois đáp. Những vị lỗi lạc nhất, những vị sáng láng nhất biết cách bắt thiên hạ trả lại những gì thuộc về mình, đôi khi lại là những vị ít băn khoăn về phán định của dư luận nhất, kể cả những phán định xác đáng nhất, hể đụng đến việc tưởng lệ một số quan hệ gấn bó thủy chung. Mà bá tước De Paris thì chắc chắn là bao giờ cũng rất nhân hậu ghi nhận tấm lòng tận tụy của Swann, và chẳng nên nhớ đây là một anh chàng có trí tuệ.”

“Còn cảm tưởng riêng của ngài là thế nào, thưa ngài đại

sứ?” mẹ tôi hỏi, vừa theo phép lịch sự vừa vì tò mò. Với sự cương quyết của một tay lão luyện, trái với thái độ mực thước thường ngày, ông De Norpois đáp:

“Tuyệt hảo.”

Và biết rằng việc thú thật một người đàn bà đã gây ấn tượng mạnh đối với mình, miễn là mình nói vậy với giọng bông lơn, thuộc một dạng được đặc biệt đánh giá cao trong nghệ thuật trò chuyện, ông khẽ cất một nhíp cười kéo dài mấy giây, khiến đôi mắt xanh trở nên ươn ướt và làm rung hai cánh mũi hần những đường vân đo đỏ.

“Bà ta thật duyên dáng tuyệt trần!”

“Có phải một ông nhà văn tên là Bergotte cũng dự bữa ăn tối đó không, thưa ông?” tôi rụt rè hỏi nhằm cố giữ cho câu chuyện vẫn xoay quanh ông bà Swann.

“Phải, Bergotte cũng có mặt ở đó,” ông De Norpois đáp, lịch sự nghiêng đầu về phía tôi, như thế, do muốn tỏ ra thân ái với cha tôi, ông thật sự coi trọng tất cả những gì liên quan đến cha tôi, kể cả những câu hỏi của một thằng bé ở tuổi tôi, vốn không quen được những người lớn tuổi như ông đối xử lễ độ đến thế. “Cậu có quen ông ấy không?” ông hỏi thêm, dăm dăm nhìn tôi bằng ánh mắt ngời sáng mà Bismarck thường khâm phục là sắc sảo soi thấu lòng dạ người đối chuyện.

“Con trai tôi không quen, nhưng rất ngưỡng mộ ông ấy”, mẹ tôi đỡ lời.

“Lạy Chúa, tôi không chia sẻ cách nhìn ấy,” ông De Norpois nói (ông khiến tôi đâm nghi ngờ trí thông minh của

chính mình, gieo trong tôi những ngờ vực còn nghiêm trọng hơn những nghi hoặc thường giằng xé tôi khi tôi thấy rằng điều mà tôi đặt hàng nghìn lần cao hơn bản thân tôi, điều mà tôi cho là cao cả nhất trên đời, đối với ông lại ở bậc dưới cùng chiếc thang những giá trị ông ngưỡng mộ). “Bergotte là thứ mà tôi gọi là một gã thối sáo; vả chăng, phải công nhận rằng ông ta thối nghe êm tai mặc dù kiểu cách và cầu kỳ*. Nhưng rốt cuộc, chỉ đến thế thôi và thế thôi có nghĩa là chẳng ghê gớm gì. Chẳng bao giờ người ta tìm thấy ở những tác phẩm ẻo uột của ông ta cái gì có thể gọi là cái sườn. Không có hoặc rất ít hành động, nhưng chủ yếu là không có tâm. Sách của ông ta hổng từ nền gốc, hay nói cho đúng hơn, chẳng có nền gốc gì cả. Trong một thời đại như thời đại chúng ta, khi mà đời sống ngày càng phức tạp không để lựa mấy thời giờ cho việc đọc, khi mà bản đồ châu Âu đã chịu những chỉnh sửa sâu sắc và lại sắp chịu những thay đổi có thể còn lớn hơn, khi mà đâu đâu cũng nảy ra những vấn đề mới, đầy đe dọa, hẳn cậu cũng đồng ý với tôi rằng người ta có quyền đòi hỏi nhà văn phải khác đi, chứ không phải chỉ là một đầu óc hoa mỹ khiến chúng ta ngợp vào những cuộc tranh cãi đông dài và vô bổ về những giá trị thuần túy hình thức mà quên rằng, bất cứ lúc nào chúng ta cũng có thể bị hai làn sóng những kẻ Man Ri từ bên ngoài và từ bên trong nhấn chìm. Tôi biết thế là báng bổ Trường Phái Chí Thánh của cái mà các tôn ông nọ gọi là Nghệ Thuật vị Nghệ Thuật, nhưng ở thời đại chúng ta, có những nhiệm vụ cấp bách hơn là sắp xếp những con chữ một cách hài hòa. Sáng tác của Bergotte đôi khi khá quyến

rũ, tôi không phản bác, nhưng tổng lại, nó rất màu mè, rất mỏng mảnh và rất thiếu tráng khí. Bây giờ, khi đặt mình vào địa vị của cậu với sự ngưỡng mộ hoàn toàn thái quá đối với Bergotte, tôi hiểu thêm đoạn văn cậu đưa tôi xem lúc này, mà tôi có lý do để bỏ qua, vì chính cậu đã nói rất thành thật rằng đó chỉ là mấy dòng nguệch ngoạc của trẻ con (quả là tôi có nói vậy, song tôi hoàn toàn không nghĩ thế). Mọi lỗi lầm đều có thể tha thứ, nhất là lỗi lầm của tuổi trẻ. Xét cho cùng, nhiều gã khác ngoài cậu cũng có những lỗi lầm tương tự và cậu không phải chàng trai duy nhất nghĩ mình vào lúc cảm hứng cũng là thi sĩ. Nhưng trong đoạn văn cậu đã đưa tôi đọc, người ta thấy rõ cái ảnh hưởng xấu của Bergotte. Tất nhiên, tôi sẽ không làm cậu ngạc nhiên khi nói rằng ở đó, không thấy bất kỳ nét hay nét đẹp nào học được từ ông ấy, bởi ông ấy là bậc thầy trong nghệ thuật viết - thực ra cũng nông cạn thôi - một bút pháp mà ở tuổi cậu, thậm chí những yếu tố sơ đẳng cũng chưa thể nắm vững được. Nhưng chỉ riêng việc sắp xếp những chữ thật kêu rồi sau đó mới lo đến nội dung, đã là sai lầm, là trái khoáy rồi. Đó là dặt cái cày trước con trâu. Thậm chí tôi thấy trong nhiều tác phẩm của Bergotte, tất cả những trò cầu kỳ về hình thức, tất cả những tinh tế kiểu quan lại* suy tàn, đều là hảo huyền. Thấy một nhà văn khéo phô mấy kỹ-xảo-pháo-hoa lóa mắt, người ta đã vội khen ầm lên là kiệt tác! Kiệt tác ở đâu ra mà lắm thế! Trong toàn bộ sáng tác của Bergotte, trong hành trang của ông ta, tôi có thể nói chẳng có cuốn tiểu thuyết nào bay cao một tí, một cuốn đáng để người ta đặt ở một vị trí trang trọng trong tủ sách.

Tôi chẳng thấy một cuốn nào như thế trong sự nghiệp của ông ta. Thế mà trong trường hợp của Bergotte, sự nghiệp còn cao hơn con người. Chao! Đây quả là điển hình biện minh cho luận điệu của bậc trí giả* khuyên người ta chỉ nên biết các nhà văn qua sách của họ. Thật không thể tìm thấy một người ít giống tác phẩm của mình hơn Bergotte, một người kiêu kỳ hơn, trịnh trọng hơn, khó bầu bạn hơn ông ta. Đôi khi rất tầm thường, nói năng với người khác như sách, thậm chí không được như một cuốn sách của ông ta mà như một cuốn sách chán phèo - ít ra thì sách của ông ấy cũng không đến nỗi chán - cái ông Bergotte ấy là thế đấy. Đó là một trong những đầu óc rối rắm nhất, cầu kỳ nhất, loại mà cha ông ta gọi là cái đồ ăn nói hoa mỹ mà tối như hũ nút, làm cho sự vật thêm khó chịu, do cách diễn đạt của họ. Tôi không nhớ là Loménie hay Sainte-Beuve đã kể là Vigny* cũng mắc cái tật ấy, làm người ta phát ón. Nhưng Bergotte chưa bao giờ viết được cái gì như *Ngày 5 tháng Ba* hay *Cái dấu son**, mà một số trang thật đáng đưa vào tuyển tập”.

Choáng người vì những gì ông De Norpois vừa nói về cái đoạn văn tôi đưa trình ông, mặt khác nghĩ đến những khó khăn gặp phải khi muốn viết một tiểu luận hoặc chỉ là muốn tập trung suy ngẫm nghiêm túc, một lần nữa tôi lại cảm thấy mình chẳng có trí tuệ gì hết và không phải sinh ra để theo đuổi nghiệp văn chương. Hẳn là khi xưa ở Combray, một số ấn tượng nào đó, rất thấp mọn thôi, hay một cuốn sách của Bergotte vừa đọc xong, ru tôi vào một trạng thái ước mơ mà tôi ngỡ là có giá trị lớn. Nhưng cái

trạng thái ấy được phản ánh trong bài thơ văn xuôi của tôi; chắc chắn, ông De Norpois đã không nắm bắt và nhìn thấu ngay lập tức những gì tôi thấy là đẹp trong đó chỉ là do một ảo ảnh hoàn toàn phỉnh phờ, vì ông đại sứ đâu có mắc lừa. Trái lại, ông vừa cho tôi biết vị trí của tôi nhỏ nhoi biết chừng nào (khi tôi được phán định từ bên ngoài một cách khách quan bởi một người am hiểu đầy thiện ý và thông minh bậc nhất). Tôi cảm thấy rụng rời, xếp gí xuống; và tâm trí tôi, như một chất lỏng chỉ giới hạn trong phạm vi chiếc bình người ta rót nó vào, cũng như đạo xưa nó từng loang rộng ra cho đầy kín kích thước mệnh mông của thiên tài, giờ đây co lại, nằm gọn hoàn toàn trong cái khoảng chật hẹp xoàng xĩnh mà ông De Norpois đột nhiên đã khoanh lại và nhốt nó vào.

“Cuộc gặp gỡ giữa hai chúng tôi, Bergotte và tôi,” ông quay sang nói thêm với cha tôi, “không khỏi có chút gai góc (nói cho cùng, đó cũng là một cách kích thích). Thế này, cách đây vài năm, Bergotte có làm một chuyến du lịch đến Vienne; hồi ấy, tôi làm đại sứ ở đó. Được quận chúa De Metternich giới thiệu với tôi, ông ta đến đăng ký, muốn được tiếp tại đại sứ quán. Là đại diện cho nước Pháp ở nước ngoài, mà tác phẩm của ông ta thì cũng phần nào đem lại vinh dự cho nước Pháp - nói chính xác ra, trong chừng mực rất nhỏ thôi - tôi những muốn làm lơ những dư luận xấu mà tôi biết về đời tư ông ta. Nhưng ông ta không đi du lịch một mình và, hơn nữa, ông ta nhất thiết đòi được mời cùng với người bạn gái đồng hành. Tôi nghĩ mình không đến nỗi hay e thẹn hơn kẻ khác, vả lại, là người độc thân, có lẽ tôi có

thể mở rộng cánh cửa sứ quán một chút, ít ra cũng rộng hơn là nếu tôi đã có gia đình, vợ con. Tuy nhiên, phải thú thật rằng đến một mức độ xấu xa quá thì tôi không thể chiều theo, nhất là khi cái mức độ xấu xa ấy lại càng khiến ta buồn nôn bởi cái giọng quá ư đạo đức, nói trắng ra là cái giọng dạy đời mà Bergotte dùng trong sách của ông ta, trong đó chỉ rất thấy ông ta ra rả phân tích - nói riêng với nhau, khá ẻo uột - về những áy náy đau đớn, những ân hận bệnh hoạn, và đối với những lỗi cởn con cũng lải nhải tuôn ra những lời thuyết giáo đích thực (ta thừa biết nó đáng giá đến đâu), trong khi ông ta tỏ ra xiết bao vô lương tâm và vô sỉ trong đời tư. Tóm lại, tôi né tránh, không trả lời; bà quận chúa lại nhắc nhở cần nhằn tôi, nhưng không ăn thua. Thành thử tôi đồ rằng nhân vật này chẳng ưa gì tôi và tôi không rõ ông ta đánh giá đến mức nào nhã ý của Swann khi ông này mời cả ông ta lẫn tôi cùng một lúc. Trừ phi, chính ông ta đã yêu cầu như thế. Ai mà biết được; bởi vì thực ra, ông ta là một kẻ có bệnh mà. Thậm chí đó là lý do duy nhất khiến ta bỏ qua cho ông ta.”

“Thế cô con gái bà Swann có mặt trong bữa tiệc đó không ạ?” tôi lợi dụng lúc mọi người sang phòng khách để hỏi ông De Norpois câu đó, như vậy tôi có thể giấu nỗi xúc động dễ dàng hơn là khi ngồi bất động ở bàn ăn, phơi mặt dưới ánh đèn.

Ông De Norpois có vẻ ngẫm nghĩ một lúc để nhớ lại.

“Phải, một cô bé khoảng mười bốn mười lăm tuổi. Quả vậy, tôi nhớ là trước bữa ăn, người ta đã giới thiệu với tôi cô bé là con gái chủ nhân. Tôi xin nói với cậu tôi chỉ gặp cô ấy

một thoáng, cô ấy đi nằm sớm. Hoặc giả cô ấy đến nhà bạn, tôi cũng không nhớ rõ. Nhưng tôi thấy cậu biết kỹ về gia đình nhà Swann đấy nhỉ.”

“Cháu thường chơi với cô Swann ở vườn Champs-Élysée. Cô ấy thật tuyệt.”

“À! Ra thế! Ra thế! Quả là tôi thấy cô bé rất dễ thương. Tuy nhiên, tôi phải thú thật với cậu là tôi không tin rằng cô ấy sẽ mập mé sánh được với mẹ mình, nếu tôi có thể nói vậy mà không xúc phạm một tình cảm quá ư nồng nàn trong cậu.”

“Cháu thích gương mặt của cô Swann hơn, nhưng cháu cũng vô cùng ngưỡng mộ bà mẹ, cháu thường đi dạo ở rừng Boulogne, chỉ với hy vọng được trông thấy bà.”

“A! Tôi sẽ nói với họ điều này, chắc hai mẹ con sẽ thích lắm.”

Trong khi nói những lời này, và cả trong vài giây tiếp theo, ông De Norpois vẫn ở cái trạng thái của tất cả những ai mà, khi nghe tôi ca ngợi Swann là người thông minh, cha mẹ ông là những nhà mại biện chứng khoán đáng kính, thuộc hàng danh gia vọng tộc, họ đều nghĩ tôi ắt sẽ sẵn sàng ca ngợi một người khác cũng thông minh, những người mại biện chứng khoán khác cũng đáng kính, một nhà khác cũng thuộc hàng danh gia vọng tộc; đó là lúc một người đầu óc lạnh mạnh đang trò chuyện với một thằng điên mà chưa nhận ra là nó điên. Ông De Norpois biết rõ rằng việc khoái nhìn ngắm một người đàn bà đẹp chỉ là lẽ tự nhiên, rằng khi một gã nào đó nồng nhiệt nói với ta về một người đàn bà đẹp, thì để tỏ thiện ý, ta nên làm như tin

là gã đang mê nàng, bông đùa tí chút về chuyện ấy và hứa sẽ hỗ trợ gã thực hiện ý đồ. Nhưng khi hứa sẽ nhắc đến tôi với mẹ con Gilberte (điều sẽ cho phép tôi, tựa một vị thần trên thiên giới nương theo một luồng hơi, hay đúng hơn, dưới dạng thần Minerve* đóng giả một ông già, thâm nhập vào *salon* của bà Swann như một người khách vô hình, thu hút sự chú ý của bà, chiếm lĩnh tâm trí bà, khiến bà biết ơn về lòng ngưỡng mộ bà của tôi, coi tôi như bạn của một nhân vật quan trọng, từ nay về sau đáng được là khách mời của bà và trở thành người thân của gia đình), con người quan trọng đó sắp dùng uy tín của mình - chắc chắn là ông có uy tín lớn đối với bà Swann - để ủng hộ tôi, con người ấy khiến tôi cảm thấy thương yêu đến nỗi tôi phải cố gắng ngăn mình khỏi hôn đôi bàn tay mềm trắng muốt và nhăn nhúm của ông, đôi bàn tay như đã ngâm quá lâu trong nước. Tôi gần như đã phác cái cử chỉ ấy mà tôi nghĩ chỉ riêng mình tôi nhận thấy. Quả thật, mỗi chúng ta đều khó mà ước tính chính xác lời nói hoặc cử chỉ của mình được người khác ghi nhận đến mức nào; sợ quá thói phóng tầm quan trọng của mình và do phóng to đến mênh mông phạm vi mà trí nhớ của những người khác phải bao quát trong cả cuộc đời họ, chúng ta tưởng tượng rằng những tiểu tiết phụ trong ngôn từ, thái độ của chúng ta giỏi lắm cũng chỉ chạm vào ý thức của người tiếp chuyện chúng ta, nói gì đến trụ lại trong trí nhớ của họ. Vả chăng, chính tuân theo một giả định kiểu ấy mà bọn tội phạm phản cung, sửa lại điều chúng đã khai trước đó và chúng nghĩ người ta không thể đối chiếu di bản này với bất cứ bản cung nào khác. Nhưng

rất có thể là, ngay cả về đời sống thiên thu của nhân loại, cái triết lý của người phụ trách mục tiểu phẩm trên báo cho rằng tất thảy rồi sẽ rơi vào quên lãng, lại không đúng bằng cái triết lý ngược lại tiên đoán mọi sự vật đều được lưu tồn. Trên cùng một số báo, trong đó nhà đạo đức học viết bài chủ đạo “Premier Paris*” bàn về một sự kiện, một kiệt tác, hay đơn giản chỉ một nữ ca sĩ vào “thời điểm nổi danh” như sau: “Trong mười năm nữa, ai còn nhớ đến tất cả những cái đó?”, ta chẳng thấy ở trang 3 một bản tường trình của Viện Hàn lâm cổ văn nhắc đến một sự việc tự thân nó còn kém quan trọng hơn, một bài thơ chẳng mấy giá trị từ thời các Pharaon mà đến nay người ta còn thuộc trọn vẹn đó sao? Có lẽ không hoàn toàn như vậy đối với đời sống gần gũi của con người. Tuy nhiên, mấy năm sau, gặp ông De Norpois đến thăm một nhà khi tôi cũng có mặt tại đó, tôi cảm thấy ông là chỗ dựa vững chắc nhất tôi có thể gặp được ở đây, bởi lẽ không những con người độ lượng ấy là bạn của cha mẹ tôi, sẵn sàng muốn điều tốt lành cho tất cả chúng tôi, mà còn có nếp quen kín đáo do nghề nghiệp và nguồn gốc, và sau khi ông ra về, có người kể với tôi là ông đã nhắc tới một buổi dạ hội dạo xưa trong đó ông đã “nhận thấy có lúc tôi định hôn tay ông”, điều đó chẳng những khiến tôi đỏ dừ mặt đến tận mang tai, mà còn sửng sốt khi biết rằng cách ông nói về tôi cũng như cấu tạo trí nhớ của ông thật khác xa những gì tôi tưởng. Câu “chuyện phiếm” ấy soi tỏ cho tôi hiểu đầu óc con người ta có thể đăng trí hay nhanh nhạy, nhớ lâu hay mau quên, tới những mức độ bất ngờ; và tôi cũng ngạc nhiên một cách kỳ thú

như cái hôm tôi đọc thấy lần đầu tiên trong một cuốn sách của Maspero* rằng đến nay, người ta vẫn còn biết chính xác danh sách các thiện xạ được vua Assourbanipal* mời tham gia cuộc săn của người từ xa xưa, mười thế kỷ trước Thiên Chúa giáng sinh.

“Ôi! Thưa ông,” tôi nói, khi ông De Norpois báo cho biết là ông sẽ kể cho hai mẹ con Gilberte về lòng ngưỡng mộ của tôi đối với họ, “nếu ông làm thế, nếu ông nói về cháu với bà Swann, thì cháu có tỏ lòng biết ơn đối với ông cả đời vẫn không đủ, và cuộc đời này từ đây sẽ thuộc về ông! Nhưng cháu cần lưu ý ông là cháu chưa quen biết bà Swann vì cháu chưa bao giờ được giới thiệu với bà.”

Tôi nói thêm câu cuối này vì cần trọng, khỏi tỏ vẻ khoe khoang một mối quan hệ tôi không hề có. Nhưng vừa thốt lên, tôi đã thấy câu đó trở nên vô ích, vì ngay lúc mở miệng cảm ơn - tâm nhiệt thành mà giọng lại giá băng - tôi đã thấy trên mặt ông đại sứ thoáng hiện một vẻ do dự và phật ý, và trong mắt ông cái tia nhìn dọc, bó hẹp và xiên xiên (giống như, trong hình vẽ phối cảnh một thể rắn, đường tụ thể hiện một cạnh của nó), nhằm riêng kể đối chuyện vô hình ta mang trong bản thân ta, vào cái lúc ta nói với y điều gì đó không dành cho kẻ đối chuyện kia, cái người trò chuyện với ta từ nãy đến giờ - tức là tôi trong trường hợp cụ thể này. Tôi lập tức hiểu ngay ra rằng những lời tôi vừa thốt ra, tuy chưa đủ để thể hiện tình cảm biết ơn dâng trào trong tôi, song hẳn sẽ khiến ông De Norpois xúc động và quyết định can thiệp giúp tôi, điều ắt chẳng hề làm ông nhọc công là mấy nhưng sẽ mang lại cho tôi biết bao vui

thích, những lời ấy (hơn cả những gièm pha mà những kẻ muốn hại tôi có thể nghĩ ra một cách quỷ quyệt) có lẽ lại chính là những lời duy nhất có hiệu quả khiến ông khước từ ý định can thiệp. Thật vậy, hệt như khi một tay lạ mặt không quen biết vừa cùng ta thoả mái chia sẻ những cảm nghĩ tưởng như đồng điệu về một số người qua đường mà cả ta và hắn ngỡ đã nhất trí với nhau coi là phạm phu tục tử, bỗng cho thấy vực thẳm bệnh lý ngăn cách hắn với ta bằng cách vừa lần tìm trong túi vừa hờ hững nói thêm: “Tiếc là tôi không mang theo súng lục, nếu không bọn ấy sẽ chẳng còn một mống”, khi nghe những lời tôi nói, ông De Norpois, vốn biết chẳng có gì ít tốn công sức và ít khó khăn hơn việc giới thiệu tôi với bà Swann và đưa tôi vào nhà bà, song ngược lại, đối với tôi lại rất quý giá, do đó, hắn là cực kỳ khó khăn, nên ông nghĩ rằng điều khao khát tôi bộc lộ, bề ngoài có vẻ bình thường, song lại che giấu một ý gì khác, một mục đích nào đó đáng ngờ, một lỗi lầm phạm phải trước đây mà vì nó, cho tới nay, không ai muốn nhận giúp tôi, tin chắc làm thế sẽ khiến bà Swann không hài lòng. Và tôi hiểu là ông sẽ không bao giờ giúp tôi việc ấy, cho dù ông có thể gặp bà Swann hằng ngày trong nhiều năm, ông cũng sẽ chẳng nói với bà về tôi lấy một lần. Tuy nhiên, mấy ngày sau, ông cũng hỏi bà Swann một thông tin mà tôi muốn biết và nhờ cha tôi truyền đạt lại cho tôi. Nhưng ông thấy không cần nói cụ thể là hỏi cho ai. Vậy là bà sẽ không biết là tôi quen ông De Norpois và tôi xiết bao cầu mong được đến nhà bà; đó có lẽ không đến nỗi là một tai họa lớn như tôi nghĩ. Bởi vì ngay cả nếu bà biết là tôi rất

muốn được đến nhà bà, thì điều đó có lẽ cũng sẽ chẳng tăng thêm là bao hiệu quả của việc tôi quen ông De Norpois, vả chăng việc ấy chắc gì đã có hiệu quả. Vì đối với Odette, ý niệm về cuộc sống và nhà riêng của chính mình cũng thường thôi, chẳng gây cho bà một xao xuyến bí ẩn nào, nên bà đâu có coi một người quen đến thăm mình là nhân vật phi phạm như đối với tôi, kẻ sẵn sàng ném vào cửa sổ nhà ông bà Swann một viên đá nếu tôi có thể viết lên đó rằng tôi quen ông De Norpois; tôi tin chắc rằng một thông điệp như vậy, dù là được chuyển một cách thô bạo, sẽ tăng thêm uy tín cho tôi trong mắt nữ chủ nhân, thay vì khiến bà ác cảm với tôi. Nhưng ngay cả nếu tôi có thể hiểu ra rằng cái sứ mệnh mà ông De Norpois không làm giúp tôi, dù sao cũng chẳng ích lợi gì mà thậm chí còn có thể hại tôi trong sự nhìn nhận của gia đình nhà Swann đối với tôi, tôi cũng không đủ can đảm để thôi không nhờ ông đại sứ nữa, trong trường hợp ông tỏ ra thuận tình giúp đỡ, và từ bỏ cái khoái cảm được biết là tên mình, con người mình, nhờ đó, được ở bên Gilberte trong giây lát, trong ngôi nhà và cuộc đời, còn xa lạ với tôi, của nàng, cho dù khoái cảm ấy có thể mang lại hậu quả tai hại đến mức nào.

Khi ông De Norpois ra về rồi, cha tôi ngó qua sổ báo buổi chiều; tôi lại nghĩ về La Berma. Vì còn xa mới đạt tới mức tôi chờ đợi, nên niềm thích thú của tôi khi nghe bà hát càng đòi hỏi phải được bổ khuyết cho trọn vẹn; cho nên nó lập tức ngốn tất cả những gì có thể nuôi dưỡng nó, thí dụ những ưu điểm mà ông De Norpois đã công nhận ở La Berma và tâm trí tôi đã uống ực một hơi như một đồng cỏ

quá hạnh phúc được người ta tươi nước. Vừa lúc ấy, cha tôi đưa cho tôi tờ báo, chỉ vào một bài viết như sau: “Buổi trình diễn vở *Phèdre* tại một khán phòng phấn khích, trong đó người ta nhận thấy những hào mục chính yếu trong làng nghệ thuật và phê bình, là một dịp cho Madame La Berma, người thủ vai Phèdre, giành thắng lợi huy hoàng, như hiếm khi bà thành công rực rỡ hơn thế trong sự nghiệp lung lay của mình. Chúng tôi sẽ trở lại bàn kỹ hơn về buổi biểu diễn này, đó đích thực là một sự kiện sân khấu; giờ chỉ xin nói rằng những nhà thẩm định có thẩm quyền nhất đều nhất trí tuyên bố rằng một sự thể hiện như vậy đã cách tân hoàn toàn vai Phèdre, một trong những nhân vật đẹp nhất và sâu nhất của Racine, và trở thành sự phô diễn nghệ thuật trong sáng nhất, cao sang nhất mà công chúng được kiến thị trong thời đại chúng ta.” Cái ý mới mẻ về “sự phô diễn nghệ thuật trong sáng nhất, cao sang nhất” vừa thấm vào đầu óc tôi, là nó xấp ngay lại gần niềm thích thú chưa trọn vẹn mà tôi cảm thấy khi đang ở trong rạp hát, bổ sung một chút vào chỗ còn thiếu và sự kết hợp ấy tạo nên một cái gì phấn hưng đến nỗi tôi bật kêu lên: “Một nghệ sĩ tuyệt vời biết mấy!” Hẳn là người ta có thể thấy là tôi không hoàn toàn thành thật. Nhưng hãy nghĩ đến biết bao văn sĩ không bằng lòng với đoạn văn mình vừa viết, nhân đọc một lời ca ngợi thiên tài của Chateaubriand hay nhớ tới một nghệ sĩ lớn mà họ mong ước được sánh ngang, khẽ hát thầm một câu nào đó của Beethoven chẳng hạn, so sánh nét buồn trong đó với nỗi u sầu mà họ muốn đưa vào văn mình, nạp đầy cái ý niệm về thiên tài ấy vào mình đến mức họ đồng

hóa nó vào sản phẩm của họ, đến nỗi khi nghĩ lại về những sản phẩm ấy, họ không còn thấy chúng xoàng xĩnh như lúc đầu nữa và đánh liều tin ở giá trị của tác phẩm mình, bụng bảo dạ: “Xét cho cùng thì nó cũng được đấy chứ!” mà không hiểu ra rằng họ đã đưa vào trong cái tổng số quyết định niềm thỏa mãn chung cuộc của mình những trang tuyệt tác của Chateaubriand họ nhớ được, đồng hóa chúng vào những trang của mình mà dĩ nhiên họ không hề viết; hãy nhớ lại những anh chàng vẫn tin ở tình yêu của một cô người tình chỉ cho họ nếm mùi phụ bạc; và nữa, tất cả những ai - những người chồng đau khổ không gì an ủi được, khi nghĩ đến người vợ vừa mất mà mình vẫn yêu tha thiết; những nghệ sĩ mơ đến một vinh quang mai sau mình có thể tận hưởng - lần lượt hy vọng lúc thì vào một đời sống (nào ai từng biết?) bên kia thế giới, lúc lại cầu mong sự an tĩnh trong một cõi hư vô trong khi, ngược lại, tâm thức nhắc họ nhớ đến những lỗi lầm mà nếu không tới được cõi ấy, họ ắt phải chuộc sau khi chết; hãy nghĩ cả đến những khách du lịch thích thú với cái đẹp toàn cục của cả chuyến đi mặc dù riêng từng ngày thì luôn cảm thấy chán ngắt, và hãy thử nói xem trong điều kiện cùng sống chung trong tâm trí ta, có lấy một ý tưởng nào, trong số những ý tưởng mang lại cho ta hạnh phúc lớn nhất, mà lúc ban đầu không ăn bám như một dạng ký sinh thực sự, không vay mượn từ một ý tưởng khác bên cạnh cái cốt tủy của sức mạnh mà nó thiếu?

Mẹ tôi vẻ như không mấy hài lòng khi thấy cha tôi thôi không nghĩ đến chuyện gây dựng “sự nghiệp” cho tôi nữa.

Tôi nghĩ, vì mỗi bận tâm trước hết của mẹ là tạo được một nếp sống quy củ có thể đưa thần kinh hay biến động của tôi vào khuôn vào phép, điều mẹ lấy làm tiếc không phải chuyện tôi không theo nghiệp ngoại giao, mà chính là việc tôi mãi mê văn chương. “Thôi đi nào,” cha tôi kêu lên, “điều quan trọng nhất là phải thích thú với việc mình làm. Mà nó có còn là một đứa con nít nữa đâu. Bây giờ, nó biết rõ nó yêu thích cái gì, ít có khả năng nó thay đổi, và nó có thể nhận thức được điều gì sẽ mang lại hạnh phúc cho nó trong đời.” Trong khi chờ đợi xem tôi có được hạnh phúc trong đời hay không nhờ cái tự do mà những lời cha tôi đem đến cho tôi, thì chiều hôm đó, chúng làm tôi rất đau buồn. Những phút bất chợt cha tôi tỏ ra thương mến tôi bao giờ cũng khiến tôi thèm hôn lên đôi má hồng hào bên trên chòm râu của ông, đến nỗi sợ dĩ tôi kìm mình lại, đó chỉ vì sợ làm cha tôi không bằng lòng mà thôi. Hôm nay, như một tác giả hoảng lên khi thấy những mộng mơ của chính mình (mà anh ta thấy chẳng có giá trị là bao vì anh ta không bao giờ tách rời chúng khỏi bản thân mình) khiến một ông chủ xuất bản phải đích thân chọn giấy, chọn những kiểu chữ có lẽ quá đẹp đối với những mộng mơ ấy, tôi tự hỏi liệu ham muốn viết văn của mình có phải là một cái gì quan trọng đủ để khiến cha tôi tỏ ra nồng hậu đến thế. Nhưng nhất là, khi nói về những sở thích của tôi giờ đã định hình không thay đổi nữa, về điều gì được định sẵn là sẽ khiến tôi cảm thấy hạnh phúc trong cuộc sống của mình, ông gieo vào trong tôi hai điểm ngờ vực dễ sợ. Điểm thứ nhất (trong khi mỗi ngày tôi đều tự coi mình mới ở ngưỡng

cửa cuộc đời còn nguyên vẹn, sẽ chỉ bắt đầu từ sáng hôm sau) sự tồn tại của tôi đã bắt đầu rồi, hơn nữa, những gì sắp tiếp theo sẽ chẳng khác những gì trước đó là mấy. Điểm thứ hai, thật ra chỉ là một dạng khác của điểm thứ nhất, là tôi không ở ngoài Thời Gian, mà bị những quy luật của nó chi phối, y như những nhân vật tiểu thuyết mà vì thế khiến tôi đắm vào một nỗi buồn khi tôi rúc vào cái chòi lợp bằng mây của mình nằm đọc về cuộc đời họ, hồi ở Combray. Về lý thuyết, ta biết là trái đất quay, nhưng trên thực tế, ta không cảm thấy điều đó, đất dưới bước chân ta dường như chẳng hề động đậy và ta sống yên ổn. Thời Gian trong cuộc đời cũng thế. Và để khiến người ta cảm thấy nó vụt trôi, các tiểu thuyết gia bắt buộc phải tăng tốc chiếc kim đồng hồ như điên, làm cho độc giả vượt qua mười, hai mươi, ba mươi năm trong hai phút. Ở đầu một trang, ta vừa chia tay với một chàng trai đang yêu, tràn đầy hy vọng, cuối trang sau, ta gặp lại người đó nay đã bát tuần, khó nhọc hoàn thành cuộc đi dạo hằng ngày quanh sân nhà dưỡng lão, hầu như không buồn đáp lại những người chào hỏi mình, vì đã quên hết cả quá khứ. “Nó không còn là một đứa trẻ nữa, sở thích của nó sẽ không thay đổi, vân vân”, dùng một cái, cha tôi vừa cho chính tôi thấy bản thân mình hiện rõ trong Thời Gian và gây cho tôi cùng một kiểu buồn như thể tôi đây, tuy chưa đến nỗi thành ông già suy sụp trong nhà dưỡng lão kia, nhưng đã thuộc cái loại nhân vật mà tác giả nhắc đến ở cuối sách bằng một giọng dừng đọng mà hóa ra đặc biệt tàn nhẫn: “Ông ta càng ngày càng ít rời nông thôn. Cuối cùng, ông ở hẳn đó, vân vân và vân vân.”

Tuy nhiên, để ngăn chúng tôi có thể bình phẩm này nọ về vị khách, cha bảo mẹ:

“Công nhận lão Norpois có hơi ‘sáo’ như mình nói. Khi lão bảo đặt câu hỏi với bá tước De Paris là không ‘hợp thức’, tôi đã sợ mình phá lên cười.”

“Đâu có,” mẹ tôi đáp, “em rất thích một con người danh giá như vậy và ở tuổi ấy mà vẫn còn giữ được cái chất hồn nhiên như thế, nó chứng tỏ một cốt cách trung hậu, được giáo dục đến nơi đến chốn.”

“Đúng vậy! Mặc dù thế, ông ấy vẫn rất tinh tế và thông minh, tôi biết chắc điều đó, tôi đã thấy ông ấy khi ở ủy ban khác hẳn khi ở đây,” cha tôi thốt lên, vui sướng thấy mẹ tôi đánh giá cao ông De Norpois và muốn thuyết phục mẹ rằng ông ta còn đáng ngưỡng mộ hơn mẹ nghĩ, bởi vì tính nhỏ mọn ưa gièm pha bao nhiêu thì tình cảm thân thiết thích đề cao bấy nhiêu. “Ông ấy đã nói như thế nào nhỉ?...À, ‘với các ông hoàng thì có giới mà biết’...”

“Phải, đúng như mình nói. Em đã nhận thấy thế, quả là rất tinh tế. Ta thấy rõ là ông ấy có kinh nghiệm sống rất sâu sắc.”

“Thật kỳ lạ, ông ấy lại nhận lời đến ăn tối với vợ chồng Swann và ông ấy gặp ở đấy những người đúng mực, những viên chức. Madame Swann moi đâu ra cả đám khách ấy?”

“Mình có nhận thấy ông ấy nêu nhận xét ‘Khách đến nhà này chủ yếu là đàn ông’ với vẻ tinh quái như thế nào không?”

Và cả cha lẫn mẹ đều ra sức bắt chước cách ông De

Norpois nói cái câu đó, như thể họ đang cố nhại ngữ điệu của Bressant hay của Thiron trong vở *Người đàn bà thủ đoạn* hay vở *Chàng rể của ông Poirie** vậy. Nhưng người khoái nhất một trong toàn bộ những câu ông nói, là Françoise, nhiều năm sau, bác vẫn không “giữ được vẻ mặt nghiêm” mỗi khi nghe nhắc lại chuyện ngài đại sứ đã đánh giá bác là “đầu bếp thượng đẳng”, điều đã được mẹ xuống bếp truyền đạt với bác, như sau buổi “duyet binh”, vị bộ trưởng Chiến tranh chuyển lời ngợi khen của một quốc vương đến thăm. Tôi xuống bếp trước mẹ. Bởi vì trước đó, tôi đã bắt Françoise, con người hòa-bình-chủ-nghĩa tàn bạo, phải hứa sẽ không làm con thỏ bác phải giết thịt quá đau đớn và tôi chưa được tin gì về cái chết đó cả. Françoise bảo đảm với tôi rằng mọi sự đã diễn ra rất nhanh chóng, không thể nào tốt đẹp hơn: “Tôi chưa bao giờ thấy con vật nào như thế; nó chết không nói một lời nào; cứ như thể nó bị cầm ấy.” Vốn không thạo tiếng loài vật, tôi lập luận rằng có lẽ loài thỏ không kêu quang quác như loài gà. “Cậu hãy đợi đấy,” Françoise bảo tôi, bất bình về sự dốt nát của tôi, “để xem bọn thỏ có kêu thét dữ dội bằng lũ gà không. Thậm chí, giọng chúng còn khỏe hơn nữa cơ.” Françoise nhận những lời khen của ông De Norpois với cái vẻ bình dị tự hào, ánh mắt vui tươi và thông minh - dù chỉ trong thoáng chốc - của một nghệ sĩ nghe người ta nói về nghệ thuật của mình. Dạo xưa, mẹ tôi từng phái Françoise đến một số hiệu cao lâu để tham quan họ nấu ăn như thế nào. Tối hôm đó, nghe bác gọi những hiệu nổi tiếng nhất trong số đó là “quán ăn xoàng”, tôi cũng thích thú như trước đó, khi hiểu

ra rằng, đối với các nghệ sĩ sân khấu, đẳng cấp về tài năng thật sự của họ không tương ứng với cấp độ nổi tiếng của họ. Mẹ tôi bảo bác: “Ngài đại sứ cam đoan rằng không nơi nào làm món thịt bò nấu đông và món bánh nướng phồng ngon như của bác.” Với một vẻ khiêm tốn và tôn trọng sự thật, Françoise tán thành, hơn nữa, chẳng hề tỏ ra e ngại cái chức đại sứ; bác nói về ông De Norpois với thái độ ưu nhã dành cho người đã coi bác là “trưởng bếp”: “Đó là một ông lão tốt bụng, cũng như tôi vậy.” Bác đã tìm cách ngó ông đại sứ khi ông tới, nhưng biết mẹ tôi vốn ghét cái thói nấp sau cửa ra vào hay nhòm qua cửa sổ, và nghĩ rằng bọn đầy tớ hay gác cổng thể nào cũng mách mẹ tôi là bác rình mò (vì Françoise nhìn đâu cũng chỉ thấy toàn những “ghen ghét” với “hót lẻo”, trong trí tưởng tượng của bác, những thói này đóng vai trò thường trực tai hại như những âm mưu của đám thầy tu dòng Tên hay của bọn Do Thái), bác đành chỉ nhòm qua cửa sổ nhà bếp “để khỏi phải cãi lý bà chủ” và sơ sơ qua vẻ bề ngoài của ông De Norpois, bác đã “ngỡ là ông Legrandin” do cái dáng “ninh *nội*” của ông ta và mặc dầu giữa hai ông chẳng có nét gì chung. “Nhưng nói cho cùng,” mẹ tôi hỏi, “bác giải thích làm sao không ai khác làm được món thịt nấu đông ngon như bác (một khi bác ra tay)?” - “Tôi cũng chả biết nó *trở thành* từ đâu,” Françoise đáp (bác ta không phân định được ranh giới rõ ràng giữa động từ *đến* [venir], hiểu theo một nghĩa nào đó, với động từ *trở thành* [devenir]). Vả chăng, bác nói thế cũng có phần đúng sự thật và cũng tựa như một bà lớn thanh lịch không thể bật mí về trang phục của mình hay

một nữ danh ca về giọng hát của mình, bác không thể - hoặc không muốn - tiết lộ cái bí quyết đã tạo nên sự ưu đẳng của những món thịt nấu đông hoặc những món kem do bác chế tác. Những quý bà hoặc nữ danh ca kia có giải thích thì ta cũng chẳng hiểu gì mấy; cũng như những ngón nghề của bác đầu bếp nhà chúng tôi. “Họ nấu ào ào quá vội vàng,” bác nói về các tiệm cao lâu lớn nọ, “vội lại, không phải tất cả cùng một lúc. Phải làm sao cho miếng thịt bò trở nên như một thứ bọt biển, thế nó mới hút kiệt chất nước ngọt. Tuy nhiên, tôi thấy một tiệm trong số ấy, ở đó xem ra họ cũng biết nấu nướng đôi chút. Tôi không nói là món thịt đông họ nấu hoàn toàn được như của tôi, nhưng họ làm từ từ, ngon dịu và những bánh nướng phồng có lớp kem phủ mượt.” - “Có phải tiệm Henry không?” cha tôi vừa đến nhập bọn với chúng tôi, nghe vậy liền hỏi, ông rất chuộng cái tiệm ăn ở quảng trường Gaillon này, nơi ông thường đặt ăn cùng các bạn đồng nghiệp vào những ngày cố định. “Ô, không phải,” Françoise đáp với vẻ dịu dàng ngụy trang cho một sự khinh rẻ sâu sắc, “tôi muốn nói một nhà hàng nhỏ cơ. Cái tiệm Henry ấy, cố nhiên là rất tốt, nhưng thật ra đó không phải một tiệm ăn, mà là một... hàng cháo thì đúng hơn!” - “Thế tiệm Weber thì sao?” - “À không, thưa ông, ta đang bàn về một tiệm ăn tốt. Tiệm Weber ở phố Royale chứ gì, đó không phải tiệm ăn, mà là một quán bia bọt. Tôi không biết họ phục vụ các món ăn có tử tế hay không, nhưng tôi thấy họ thậm chí không có khăn bàn, họ cứ thế để toẹt lên bàn, được chẳng hay chớ.” - “Còn Cirro*?” Françoise mỉm cười: “À, chỗ đó, về mặt ẩm thực,

chủ yếu chỉ có các nàng trong giới thôi. (Đối với Françoise, ‘giới’ có nghĩa là ‘giới hoa nguyệt’). Đào, với tuổi trẻ thì phải thế mà.” Chúng tôi nhận ra rằng, đối với các đầu bếp trứ danh, Françoise, mặc dù có vẻ giản dị, song lại là một “đồng chí” kinh địch, còn ghê gớm hơn cả một cô đào tự cao tự đại và đố kỵ nhất đối với các đồng nghiệp của cô. Tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy bác có một ý thức đúng đắn về nghệ thuật của mình và tôn trọng truyền thống, vì bác nói thêm: “Không, tôi muốn nói đến một tiệm có vẻ như biết nấu ăn ngon theo cốt cách trưởng giả, song vẫn là một nhà hàng khá hiệu quả, hoạt động mạnh. Chà! Họ hốt xu mới đủ làm sao chứ! (Françoise vốn tiết kiệm, bác đếm từng xu, chứ đâu có gan quảng đi từng vốc bạc như bọn bán giò không văn tự*). Bà chủ biết đấy, nó ở dãy đại lộ đằng kia kìa, ở phía tay phải, hơi thụt về đằng sau một tí...” Cái tiệm ăn mà bác nói tới một cách công bằng pha lẫn với kiêu hãnh và đôn hậu, đó là... Café Anglais*.

Ngày đầu năm mới, trước tiên tôi đi thăm họ hàng cùng mẹ; để tránh cho tôi khỏi mệt, mẹ, dựa vào một lộ trình do cha vạch sẵn, đã sắp xếp trước vận trù các cuộc thăm theo khu phố chứ không theo thứ bậc quan hệ họ tộc. Nhưng vừa bước vào phòng khách một bà cô họ khá xa, mà sở dĩ chúng tôi đến đầu tiên là vì bà ở gần nhà chúng tôi, mẹ đã thất kinh khi trông thấy người bạn thân nhất của một ông bác dễ giận dữ nhất trong số chú bác tôi; ông này mang mứt hạt dẻ đến làm quà, thế nào ông ta cũng sẽ mách bác tôi là chúng tôi đã không bắt đầu tua chúc Tết bằng việc đến thăm bác tôi. Ông bác này chắc chắn sẽ phật ý, bác ấy

thấy điều quá ư tự nhiên là chúng tôi phải xuất phát từ nhà thờ Madeleine đến thẳng nhà bác ở cạnh Vườn Bách thảo trước khi dừng lại ở Saint-Augustin rồi đi tiếp đến phố Trường Dục.

Thăm viếng xong xuôi (bà tôi miễn cho chúng tôi, vì đằng nào tối hôm ấy, chúng tôi cũng ăn tại nhà bà), tôi chạy đến tận vườn Champs-Élysée để nhờ bà bán hàng quen giao cho chị giúp việc nhà Swann hằng tuần vẫn đến mua bánh ngọt mấy lần, một bức thư; bức thư này, ngay từ hôm Gilberte làm cho tôi xiết bao buồn khổ, tôi đã quyết định sẽ gửi cho nàng vào ngày đầu năm mới, trong đó tôi nói với nàng rằng tình bạn cũ của chúng ta chấm hết với năm cũ, rằng tôi đã quên hết mọi đau buồn, thất vọng, và bắt đầu từ Mồng Một tháng Giêng, chúng ta sẽ xây dựng một tình bạn mới bền vững không gì phá vỡ nổi, tuyệt vời đến nỗi tôi hy vọng Gilberte sẽ lấy làm tự hào gìn giữ trọn vẻ đẹp của nó và kịp thời báo cho tôi, như bản thân tôi cũng hứa sẽ làm thế, để xuất hiện bất cứ nguy cơ nhỏ nào khả dĩ gây hại cho nó. Trên đường về, Françoise dừng tôi lại ở một quầy hàng giữa trời, ở đó bác chọn mua làm quà Tết cho chính mình một tấm ảnh chụp Giáo hoàng Pie IX và một tấm chụp Raspail*, còn tôi thì mua một tấm hình nữ nghệ sĩ La Berma. Người nghệ sĩ được vô vàn người hâm mộ mà chỉ có mỗi một gương mặt duy nhất này để đáp lại thì xem ra cũng hơi nghèo nàn - bất biến và mong manh như tấm áo của kẻ không còn gì khác để thay và trong tấm hình đó, bao giờ bà cũng chỉ có thể phô ra cái nếp nhỏ bên trên làn môi trên, cái nét nhếch mày, một vài điểm đặc sắc

khác về ngoại hình, bất di bất dịch, tóm lại, có thể cháy vèo hay bị nhàu nát như chơi. Gương mặt ấy, chỉ ngấm trong ảnh thôi, ắt tôi không thấy là đẹp, nhưng do nó hẳn đã đón nhận biết bao nụ hôn và từ đáy tấm “bưu ảnh”, nó dường như vẫn kêu gọi bằng cái ánh mắt âu yếm một cách đằm dáng và một nụ cười cố làm ra ngây thơ, nên nó gợi ý cho tôi và, do đó, khiến tôi khao khát muốn đặt lên đó nụ hôn của chính mình. Bởi vì La Berma hẳn đã thật sự cảm thấy khao khát nhiều chàng trai trong đời thực, những khao khát mà bà thổ lộ dưới vỏ bọc của nhân vật Phèdre, mà mọi thứ, kể cả uy tín của tên tuổi bà - điều làm tôn thêm sắc đẹp và kéo dài tuổi xuân - đều khiến việc thỏa mãn chúng thật dễ dàng... Chiều xuống, tôi dừng lại trước một cột dán tờ quảng cáo vở diễn của La Berma ngày đầu tháng Giêng. Gió thổi dịu và ẩm. Thời tiết này, tôi chẳng lạ gì; tôi có cảm giác và dự cảm rằng ngày Tết đầu năm này không phải một ngày khác biệt với những ngày khác, rằng nó không phải ngày đầu tiên của một thế giới mới trong đó, với một cơ may hãy còn nguyên vẹn, tôi sẽ có thể làm quen lại với Gilberte như vào buổi Sáng Thế, như thể quá khứ chưa từng tồn tại, như thể những thất vọng mà đôi khi nàng gây cho tôi đều đã tiêu tan cùng với mọi dự báo có thể rút ra về tương lai: một thế giới mới không còn sót lại gì từ thế giới cũ...riêng chỉ một điều: niềm khao khát được Gilberte yêu. Tôi hiểu rằng sở dĩ con tim tôi ao ước sự đổi mới như vậy cho một thế giới không làm nó thỏa mãn, đó là vì nó, con tim tôi đây, chẳng hề thay đổi và tôi tự nhủ không lý nào trái tim của Gilberte lại đổi thay; tôi cảm thấy tình bạn mới

này vẫn là thế, như thế không hề có hố ngăn cách nào giữa năm cũ và năm mới này mà, vì không thể với tới và biến cải, nên niềm khao khát của chúng ta đành phủ lên nó một cái tên khác mà không để cho nó biết. Cho dù tôi có hiến tặng năm mới này cho Gilberte, cho dù tôi cố hết sức in đậm lên ngày đầu năm ý nghĩa đặc biệt tôi gán cho nó, như kiểu người ta đem chồng một tôn giáo lên những quy luật mù lòa của tự nhiên, tất thấy đều vô ích; tôi cảm thấy nó không biết rằng người ta gọi nó là ngày đầu năm, rằng nó sẽ kết thúc trong hoàng hôn một cách chẳng mới lạ gì đối với tôi: trong làn gió êm dịu thổi quanh chiếc cột dán quảng cáo, tôi đã nhận ra, tôi đã cảm thấy xuất hiện trở lại cái chất liệu chung muôn thuở: cái ẩm ướt quen thuộc, cái trôi chảy vô tri của những ngày cũ.

Tôi trở về nhà. Tôi vừa sống ngày mồng Một tháng Giêng của người già, nó khác cái ngày này của bọn trẻ không phải bởi vì họ không còn được phong bao quà Tết nữa, mà bởi vì họ không còn tin ở Năm mới nữa. Quà Tết thì tôi đã nhận được nhiều, ngoại trừ những thứ duy nhất làm tôi vui thích, một lá thư ngắn từ Gilberte chẳng hạn. Nhưng tuy nhiên tôi vẫn còn trẻ bởi chung tôi đã có thể viết cho nàng một bức thư trong đó bằng cách kể những giấc mơ cô độc của lòng tôi yêu thương nàng, tôi hy vọng đánh thức được những giấc mơ tương tự nơi nàng. Nỗi buồn của những người đã già là họ thậm chí không nghĩ đến việc viết những bức thư mà họ đã biết là vô hiệu.

Khi tôi đã đi nằm, những tiếng động ngoài phố kéo dài muện hơn mọi khi trong cái đêm hội hè này làm tôi thao

thức. Tôi nghĩ tới tất cả những người sẽ kết thúc đêm của mình trong lạc thú, tới người tình của La Berma, có lẽ cả cái đám ăn chơi trác táng nữa, hẳn đã đến đón bà khi hạ màn buổi biểu diễn mà tôi đã thấy quảng cáo cho tối nay. Tôi thậm chí không thể làm dịu nổi xáo động do ý nghĩ ấy khuấy lên trong mình bằng cách tự nhủ rằng La Berma có lẽ chẳng nghĩ đến ái tình bởi chung những câu thơ bà diễn xướng và đã nghiên cứu bao lâu, từng khắc từng giây luôn nhắc bà ái tình là tuyệt diệu, và chẳng điều đó bà biết rành đến mức có thể biểu hiện những bồi hồi quen thuộc trong yêu đương với độ mãnh liệt mới và sự dịu dàng không ai ngờ tới, khiến cho đám khán giả ngỡ ngàng, mặc dù bản thân mỗi người trong số họ đều đã từng nếm trải những bồi hồi rạo rực đó. Tôi thấp lại ngọn nến đã tắt để nhìn lại gương mặt ấy một lần nữa. Nghĩ đến chuyện hẳn lúc này, gương mặt ấy đang được vuốt ve bởi những người mà tôi không thể ngăn cản họ đem đến cho bà, đồng thời nhận lại từ bà, những niềm vui phi phạm nhưng mơ hồ, tôi cảm thấy một nỗi xao xuyến đau đớn hơn là mê mẩn, một nỗi hoài nhớ càng da diết hơn bởi tiếng kèn *cor* như ta thường nghe thấy ban đêm, vào giữa tuần chay, và vào những dịp lễ hội khác; tiếng kèn ấy, vẳng ra từ một quán rượu tồi tàn, vào lúc chẳng thơ mộng gì, nghe còn buồn hơn tiếng kèn *cor* từ đáy rừng chiều*[”]. Vào lúc này đây, có lẽ đến cả một lá thư của Gilberte cũng không phải điều cần cho tôi. Những khao khát của chúng ta thường quện lẫn vào nhau, và trong hỗn độn của đời sống, hiếm khi một hạnh phúc trùng khớp đúng với lòng ta khao khát nó.

Những ngày đẹp trời, tôi tiếp tục đến vườn Champs-Élysée theo những đường phố mà những ngôi nhà thanh lịch màu hồng tắm trong một bầu trời linh động và nhẹ nhàng, vì đây là thời điểm cao trào các Triển lãm của các họa sĩ vẽ màu nước*. Sẽ là không đúng sự thật nếu nói rằng hồi ấy hay thậm chí vào một thời kỳ khác, tôi thấy những cung điện của Gabriel* đẹp hơn những tòa lâu bên cạnh. Tôi thấy Cung Công nghiệp, hay ít nhất là Cung Trocadéro*, còn có phong cách trang nhã hơn và có lẽ đậm dấu thời gian hơn. Đắm trong một giấc miên man xáo động, tuổi thiếu niên tôi đi đâu cũng vẫn chỉ nhìn phố phường qua một lớp vỏ bọc mơ màng ấy và tôi không bao giờ nghĩ là có thể có một tòa nhà thế kỷ 17 trong phố Royale, cũng như tôi sẽ ngạc nhiên nếu được biết rằng cửa Saint-Martin và cửa Saint-Denis, hai kiệt tác đời Louis XIV, không cùng thời với những chung cư gần đây nhất của những quận nhếch nhác này. Có độc một lần, một trong hai cung điện của Gabriel khiến tôi dừng lại hồi lâu; đó là vì đêm xuống. Ánh trăng làm biến chất những cây cột, khiến chúng có vẻ như được cắt ra từ giấy bìa, làm tôi nhớ đến một cảnh trí trong vở nhạc kịch *Orphée xuống địa ngục**, lần đầu tiên cho tôi ấn tượng về vẻ đẹp của nó.

Tuy nhiên, Gilberte vẫn không trở lại vườn Champs-Élysée. Ấy thế mà tôi lại cần gặp nàng, vì thậm chí tôi không còn nhớ mặt nàng nữa. Cái cách ta nhìn người ta yêu, dò tìm, lo âu, đòi hỏi, lòng ta chờ đợi một lời sẽ cho ta, hay tước đi khỏi ta, hy vọng về một cuộc hẹn hò vào hôm sau, và, cho đến khi lời đó được nói ra, trí tưởng tượng của

ta, lần lượt xen kẽ hay đồng thời, vui sướng và tuyệt vọng, tất cả những cái đó khiến sự chú ý của ta trước mặt người thương đắm ra quá run rẩy không ghi lại được một hình ảnh rõ nét về dung nhan ấy. Cũng có lẽ, hoạt động đồng thời của tất cả các giác quan như vậy nhằm góp sức cùng với thị giác đơn thuần nắm được những gì ngoài tầm cảm nhận, đã quá lưu tâm đến hàng ngàn hình thái, đến mọi mùi vị và động tác của con người sống động, mà thông thường, khi chưa yêu, ta vẫn cố định ở dạng bất động. Người mẫu yêu thương thì trái lại luôn động đậy; bao giờ ta cũng chỉ chụp được những tấm hình khiếm khuyết. Quả thật tôi không còn biết diện mạo Gilberte ra sao nữa, ngoại trừ trong những khoảnh khắc thần tiên khi nàng mặt nở mày tươi với tôi: tôi chỉ còn nhớ nụ cười của nàng. Và không thể thấy lại được gương mặt yêu dấu ấy, cho dù tôi có cố gắng vận dụng trí nhớ đến mấy, tôi vẫn chỉ chuốc lấy bức mình vì nỗi chỉ thấy hiện lên trên màn hình ký ức những bộ mặt vô bổ mà nổi bật của người quản vòng quay ngựa gỗ và của bà bán kẹo đại mạch; giống như những người từng mất một người thân yêu mà họ không bao giờ gặp lại trong mộng, tức điên vì không ngừng gặp trong giấc mơ toàn những kẻ khó chịu mà chỉ riêng việc chạm trán họ lúc tỉnh cũng đã là quá sức chịu đựng rồi. Trong nỗi bất lực không hình dung ra đối tượng làm mình đau, họ gần như tự kết tội là không biết đau. Và tôi đây, tôi cũng hầu như tin rằng, vì không thể nhớ ra nét mặt Gilberte, tôi đã quên chính nàng, tôi không yêu nàng nữa. Cuối cùng, hầu như ngày nào nàng cũng trở lại chơi ở vườn Champs-Élysée, mang lại cho tôi

những điều mới để khát khao, để cầu xin nàng cho ngày hôm sau, như vậy mỗi ngày biến niềm yêu của tôi thành một niềm yêu mới. Nhưng xảy ra một việc làm thay đổi đột ngột một lần nữa cách tôi phải đối mặt với vấn đề yêu đương của mình mỗi buổi chiều vào lúc hai giờ. Phải chăng ông Swann đã vớ được bức thư tôi viết cho con gái ông? Hay chỉ là Gilberte mãi sau mới nói thật với tôi một thực trạng đã có từ lâu, để tôi nên thận trọng hơn? Khi tôi nói với nàng tôi rất ngưỡng mộ cha mẹ nàng, mặt nàng liền mang cái vẻ mơ hồ, đầy những điều bí ẩn không muốn nói thẳng ra, giống như khi người ta nhắc nàng những việc phải làm - đi thăm viếng, mua sắm - rồi cuối cùng nói đột ngột một cái: “Anh biết đấy, bố mẹ tôi không ưa anh đâu!” và lướt đi như một nữ thủy thần - nàng là thế mà - nàng phá lên cười. Nhiều khi tiếng cười của nàng, ngược với lời nàng nói, dường như vẽ lên một bề mặt vô hình trên một bình diện khác, như thường thấy trong âm nhạc. Ông bà Swann không yêu cầu Gilberte đừng chơi với tôi nữa, nhưng nàng nghĩ họ ắt cũng muốn là giá như chúng tôi đừng bắt quen với nhau. Họ không nhìn quan hệ của tôi với Gilberte bằng con mắt thiện cảm, không tin là tôi có đạo đức tốt và nghĩ rằng tôi chỉ có thể ảnh hưởng xấu đến con gái họ. Cái loại thanh niên vô sỉ mà ông Swann ngỡ tôi cùng một giuộc, tôi hình dung chúng như thế này: chúng ghét cha mẹ người con gái chúng yêu, có mặt họ thì nịnh nọt, nhưng sau lưng lại giễu họ với cô gái, xúi cô không nghe lời họ và một khi chinh phục được cô, thậm chí còn không để cho họ gặp con gái nữa. Đối lập mạnh mẽ với những nét ấy (đứa khốn nạn

nhất trong bọn chúng chắc cũng chẳng bao giờ hình dung bản thân mình dưới những nét như vậy), trái tim tôi dành cho ông Swann những tình cảm nhiệt thành đến mức tôi tin chắc nếu ông mang máng cảm thấy thế, ông hẳn sẽ ân hận về nhận định của mình về tôi như ân hận về một án xử oan vậy! Tôi đã mạnh dạn nói lên tất cả nỗi lòng tôi cảm mến ông trong một bức thư dài mà tôi giao cho Gilberte, nhờ nàng chuyển hộ. Nàng đồng ý. Than ôi, qua thư, ông lại thấy ở tôi một tên bịp tầm cỡ hơn tôi nghĩ; vậy là ông đã nghi ngờ những tình cảm mà tôi tưởng đã thể hiện với tất cả sự chân thật trên mười sáu trang giấy: bức thư mà tôi viết cho ông, cũng nồng nhiệt và thành thực như những lời tôi đã nói với ông De Norpois, không có kết quả gì hơn. Hôm sau, kéo riêng tôi ra, mỗi đứa ngồi trên một chiếc ghế, trên một lối đi trong vườn Champs-Élysée, đằng sau một bụi nguyệt quế, Gilberte kể rằng khi đọc bức thư (mà nàng mang trả lại tôi), cha nàng vừa nhún vai vừa nói: “Tất cả cái này chẳng có nghĩa gì cả, nó chỉ chứng tỏ là ta nhìn nhận đúng biết bao.” Tôi biết rõ ý đồ mình trong sáng, tâm hồn mình trung hậu, nên tôi phẫn nộ vì lẽ những lời của mình thậm chí không chạm vào cái sai lầm phi lý của ông Swann. Bởi vì lúc này đây, tôi chắc chắn đó là một sai lầm. Tôi cảm thấy mình đã mô tả một số đặc điểm không thể không thừa nhận trong những tình cảm quảng đại của tôi với độ chính xác đến nỗi có thể khẳng định rằng nếu qua đó mà Swann không nhận ra ngay những tình cảm đó, không đến xin lỗi tôi và thú nhận là mình đã lầm, thì chỉ là vì bản thân ông không bao giờ có những tình cảm cao đẹp

ấy, nên ông không thể hiểu chúng ở những người khác.

Ấy thế mà, có lẽ đơn giản vì Swann biết rõ sự cao cả nhiều khi chỉ là đáng vẻ bên trong mà những tình cảm vị kỷ của ta khoác lấy khi ta chưa xếp hạng và gọi đúng tên chúng. Có lẽ ông đã nhìn nhận mối thiện cảm tôi bày tỏ với ông như một tác động đơn thuần - và một xác nhận nồng nhiệt - của tình yêu tôi dành cho Gilberte, mà sau này, những hành động của tôi tất yếu sẽ bị chi phối bởi những cái đó, chứ không phải bởi lòng tôn kính thứ yếu của tôi đối với ông. Tôi không thể chia sẻ những tiên đoán của ông bởi tôi không sao tách riêng tình yêu ấy khỏi bản thân mình để xếp nó vào phạm trù chung của những tình yêu khác và thử phỏng đoán những hậu quả của nó; tôi đắm tuyệt vọng. Vì Françoise gọi, tôi phải rời Gilberte một lát. Tôi phải theo bác vào một căn nhà nhỏ có hàng rào mắt cáo sơn xanh gần giống với những phòng thu thuế đã bỏ phế của khu Paris cổ, trong đó, mới đây, người ta đã lắp đặt cái mà ở bên Anh, gọi là “lavabo*”, còn ở Pháp, theo một thói sính Anh thiếu hiểu biết, người ta kêu là những “water-closet*”. Những bức tường cũ, ẩm ướt ở cửa ra vào, nơi tôi đứng đợi Françoise, phả ra mùi mốc và cái mùi dịu mát này lập tức làm nhẹ bớt những ưu tư vừa nảy sinh do những lời của ông Swann mà Gilberte thuật lại với tôi, rót vào lòng tôi một khoái cảm không cùng loại với những khoái cảm thường khiến ta bất ổn hơn, không thể giữ được chúng, sở hữu chúng, mà, trái lại, là một khoái cảm có thực chất để tôi có thể dựa vững chắc vào, ngọt ngào, yên bình, chứa đựng một chân lý bền lâu, không minh giải mà xác thực. Tôi

những muốn, như trong những cuộc đi dạo về bên phía Guermantes, cố đi sâu vào cái huyền diệu của cái cảm giác đã xâm chiếm tôi và đứng nguyên không động đậy để tra vấn cái mùi cũ kỹ đang lan tỏa khắp ấy, nó mời mọc tôi không chỉ thưởng thức niềm khoái cảm nó mang đến cho tôi đơn thuần như một phụ gia, mà cái chính là để tôi thám hiểm vào cái thực tế mà nó chưa vén lộ cho tôi hay. Nhưng người quản lý khu này, một bà già má trát bột phấn và đeo tóc giả màu hung, đến bắt chuyện với tôi. Françoise tin chắc bà “rành là người vùng nhà”. Lão tiểu thư đã từng lấy một người mà Françoise gọi là “công tử con nhà”, có nghĩa là, theo quan điểm của bác, một người khác xa với một gã thợ, như một công tước khác một kẻ “xuất thân từ cặn đáy dân thường”, theo quan điểm của Saint-Simon*. Hẳn là bà quản lý, trước khi thành quản lý, đã từng thất thế. Nhưng Françoise cam đoan rằng bà là nữ hầu tước và thuộc dòng dõi nhà Saint-Féréol. Bà nữ hầu tước này khuyên tôi không nên đứng mãi ngoài gió và thậm chí còn mở cửa một phòng nhỏ, bảo tôi: “Cậu không muốn vào ư? Một phòng rất sạch sẽ, miễn phí cho cậu đấy.” Có lẽ bà mời mọc như vậy cũng chỉ giống như những cô bán hàng ở xưởng mút kẹo Gouache*, khi chúng tôi đến đặt hàng, thường mời tôi một trong những chiếc kẹo để dưới chiếc chuông thủy tinh trên quầy, mà than ôi! mẹ tôi cấm tôi không được nhận; có lẽ cũng chả mấy hồn nhiên, giống như cái cách bà già bán hoa nọ vừa cho tôi một bông hồng vừa lúng liếng mắt gọi tình - mẹ tôi thường mua hoa của bà để trồng vào chậu cảnh. Dù sao đi nữa, nếu sở thích của bà “nữ hầu tước” là

đám trai tơ, thì khi mở cánh cửa ngấm cho chúng vào những khối vuông bằng đá trong đó đàn ông ngồi chồm chồm như những con nhân sư, mục đích sự hào phóng của bà ít nhằm vào hy vọng cám dỗ bọn chúng hơn là đạt tới cái khoái cảm được tỏ ra hoang phí một cách vô ích đối với những gì ta yêu, vì tôi không bao giờ thấy bên cạnh bà người khách nào khác ngoài một lão già kiểm lâm của vườn Champs-Élysée.

Một lát sau, tôi cáo từ “nữ hầu tước”, theo sau là Françoise; và tôi rời khỏi bác luôn để trở lại bên Gilberte. Tôi nhìn thấy nàng ngay, trên một chiếc ghế tựa đằng sau bụi nguyệt quế. Nàng ngồi đó để tụi bạn khỏi trông thấy: họ đang chơi trốn tìm. Tôi đến ngồi cạnh nàng. Nàng đội một chiếc mũ trùm đầu sụp xuống khá thấp trên mắt, khiến cho cái nhìn đâm “hiêng hiếng”, vừa mơ mộng vừa xảo trá, như lần đầu tiên tôi thấy nàng ở Combray. Tôi hỏi nàng liệu có cách nào để tôi phân trần trực tiếp bằng lời với cha nàng. Gilberte nói nàng đã đề nghị thế, nhưng ông xét thấy là vô ích. “Này,” nàng nói thêm, “anh cầm lại bức thư đi, tôi phải trở lại chỗ bọn nó, vì chẳng đứa nào tìm thấy tôi.”

Nếu lúc đó ông Swann chợt đến, trước khi tôi cầm lại bức thư mà ông đã hồ đồ không chịu thừa nhận là rất mực chân thành, thì không chừng ông đã đặc ý thấy là chính mình có lý. Bởi vì khi xáp lại gần Gilberte đang ngật người trên ghế, miệng bảo tôi nhận lại bức thư nhưng tay chưa chìa nó ra, tôi bỗng cảm thấy bị thân thể nàng hấp dẫn đến nỗi tôi bật kêu lên: “Nào, hãy ngăn tôi giành lại nó, để xem

ai khỏe hơn.” Nàng giấu nó ra sau lưng, tôi vòng tay ra sau cổ nàng, hất những bím tóc nàng để xoa trên vai, hoặc vì như vậy hợp với tuổi nàng, hoặc vì mẹ nàng muốn nàng ra dáng con nít lâu hơn để chính bản thân bà trẻ lại; chúng tôi vật lộn, tì mạnh vào nhau. Tôi cố kéo nàng về phía mình, nàng chống lại; hai gò má nàng, do ráng sức, đỏ rực lên, tròn mọng như hai trái anh đào; nàng cười như thể bị tôi cù; tôi quặp chặt nàng giữa hai chân như trong tư thế trèo cây; thế rồi, ngay giữa bài thể dục ấy, không thở gấp hơn mấy tí do phải vận động cơ bắp và do đà hăng say của trò chơi, niềm khoái thú của tôi ứa trào, như vài giọt mồ hôi toát ra do cố gắng, thậm chí tôi không thể nán thêm một chút để nhăm nháp cái vị của khoái thú ấy; ngay sau đó, tôi giành được bức thư. Lúc ấy, Gilberte bèn hôn hậu bảo tôi:

“Nếu anh muốn, chúng ta có thể vật nhau thêm chút nữa.”

Có lẽ nàng đã lờ mờ cảm thấy trò chơi của tôi có một mục tiêu khác với mục tiêu tôi nói ra miệng, nhưng nàng không nhận ra là tôi đã đạt tới nó. Và tôi, vì sợ nàng phát hiện ra điều đó (và một cử chỉ rụt lại vì e thẹn tôi kịp nhận thấy ở nàng một lát sau khiến tôi nghĩ mình đã không sợ vô cớ), tôi chấp nhận vật nhau thêm chút nữa, để phòng nàng có thể tưởng là tôi không đề ra cho mình mục đích nào khác ngoài cái mục đích mà sau khi đạt được, tôi chỉ còn muốn ngồi yên bên cạnh nàng.

Trên đường về nhà, tôi bỗng thấy ra, tôi đột nhiên nhớ lại cái hình ảnh cho đến giờ bị che khuất, cái hình ảnh mà khí mát hồ như phủ mùi bồ hóng của căn nhà có hàng rào

mắt cáo đưa tôi lại gần nhưng không để tôi thấy hoặc nhận ra. Hình ảnh đó là hình ảnh căn phòng nhỏ của ông chú Adolphe của tôi ở Combray; quả vậy, căn phòng này phả ra cái mùi ẩm ướt y hệt. Nhưng tôi không hiểu tại sao việc nhớ lại một hình ảnh không đáng kể như vậy lại khiến tôi thấy sung sướng đến thế - tôi gác lại để sau sẽ tìm hiểu. Trong khi chờ đợi, tôi cảm thấy hình như mình đáng để ông De Norpois coi khinh: cho đến giờ, tôi vẫn thích tác gia mà ông gọi là một “gã thổi sáo” quèn hơn tất cả các văn sĩ và thực sự hứng khởi, không phải bởi một ý tưởng quan trọng, mà bởi một mùi mốc.

Từ ít lâu nay, trong một số gia đình, cái tên vườn Champs-Élysée, hễ được một vị khách nào đó nhắc tới, thường gặp ở các bà mẹ một thái độ đón nhận không mấy thiện cảm mà họ dành cho một ông thầy thuốc nổi tiếng nhưng đã quá nhiều lần chẩn bệnh sai - họ khẳng định là họ đã thấy thế - đến nỗi họ đâm mất lòng tin ở ông ta; người ta cam đoan rằng khu vườn ấy chẳng tốt lành gì cho trẻ con và có thể kể không ít trường hợp đau họng, lên sởi và sốt cao do nó gây nên. Tuy không công khai nghi ngờ lòng yêu thương con của mẹ tôi khi thấy mẹ vẫn tiếp tục sai Françoise đưa tôi đến đó, một số bà bạn của mẹ ít nhất cũng tỏ ra không hài lòng về sự mù quáng ấy.

Những người mắc bệnh thần kinh - mặc dù đây là từ đã được thừa nhận - có lẽ là những người ít “chịu lắng nghe cơ thể mình” nhất: họ nghe thấy trong người biết bao điều mà sau đó, họ nhận ra là vô hại, chẳng việc gì mà phải hoảng lên, thành thử cuối cùng, họ chẳng bận tâm đến bất kỳ dấu

hiệu nào nữa. Hệ thần kinh của họ luôn “kêu cứu” như cảnh báo một cơn trọng bệnh, trong khi đó chỉ đơn thuần là sắp có mưa tuyết hoặc sắp dọn sang một căn hộ mới, đến nỗi họ đâm quen không thèm đếm xỉa đến những cảnh báo ấy nữa, khác nào một anh lính, trong hăng say chiến đấu, ít cảm nhận thấy chúng đến nỗi ngay cả trong tình trạng hấp hối, vẫn có thể tiếp tục sống như một người khỏe mạnh. Một buổi sáng, mặc dù thấy trong mình những ám ốch về lưu thông liên tục trong nội tạng, kết hợp với nhau như mọi khi, mà tôi luôn khiến tâm trí mình lơ đãng, cũng như chẳng để tâm gì đến sự tuần hoàn của máu, tôi vui vẻ chạy về phía phòng ăn, nơi cha mẹ tôi đã ngồi vào bàn và - như thường lệ, lòng tự nhủ lòng rằng rét có thể không có nghĩa là phải sưởi ấm, mà là đã bị mắg, chẳng hạn, và không thấy đói tức là trời sắp mưa chứ không có nghĩa là phải ăn - tôi ngồi vào bàn, đúng lúc định nuốt miếng đầu tiên của một khúc sườn ngon lành thì chợt khựng lại vì một cơn buồn nôn và chóng mặt, phản ứng dữ dội của một căn bệnh mới chớm mà sự dừng dưng lạnh giá của tôi đã che lấp mọi triệu chứng của nó, khăng khăng khước từ món ăn mà tôi không thể hấp thụ. Thế là, ngay trong cùng một giây ấy, ý nghĩ mình sẽ bị cấm ra khỏi nhà nếu bị phát hiện là ốm, đã cho tôi sức mạnh - như bản năng tự bảo tồn đối với một người bị thương - đủ để lết về tới tận phòng riêng và cặp sốt thấy thân nhiệt đã lên đến 40°, liền sau đó, sửa soạn đến vườn Champs-Élysée. Qua cái vỏ bọc thân thể yếu lả và dễ thấm bệnh, tâm tưởng lạc quan của tôi đã ở đó, đòi hỏi niềm thích thú dịu ngọt của một ván chơi bắt tù binh với

Gilberte, và một giờ sau, khó khăn lắm mới đứng vững, nhưng sung sướng bên nàng, tôi vẫn còn đủ sức để tận hưởng khoái cảm đó.

Về đến nhà, Françoise thông báo rằng tôi đã “bắt bệnh”, rằng chắc tôi đã bị cảm “cả nhiệt lẫn hàn”; còn ông bác sĩ, được khẩn cấp triệu tới, thì tuyên bố thà kèm theo con sung huyết phổi là sốt “kịch” phát “dữ dội” nhưng chỉ là một “ngọn lửa rơm”, còn đỡ ngại hơn những dạng “ngấm ngấm” và “tiềm tàng”. Đã từ lâu, tôi bị chứng tức thở và ông thầy thuốc gia đình của chúng tôi, ngoài việc kê đơn điều trị bằng caféine để hỗ trợ hô hấp, còn khuyên tôi nên uống bia, sâm banh và cô-nhắc mỗi khi cảm thấy sắp lên cơn, mặc dù bà tôi phản đối vì sợ tôi sẽ chết yếu vì nghiện rượu. Những cơn tức thở ấy, ông nói, sẽ tiêu tan trong trạng thái “khinh khoái” do rượu gây nên. Nhiều khi, để bà tôi cho phép cho tôi dùng những đồ uống có rượu ấy, tôi buộc phải gần như phô trương, không giấu giếm tình trạng tức nghẹn của mình. Vả chăng, hễ tôi cảm thấy sắp đến cơn, bao giờ cũng không biết chắc là nó nặng hay nhẹ, tôi đều lo, vì sợ bà buồn hơn là sợ mình đau. Nhưng đồng thời, cơ thể tôi, hoặc vì quá yếu không thể độc lực giấu nổi cơn đau, hoặc vì sợ ai đó, do không biết cơn nghẹn thở sắp xảy đến, đòi hỏi ở tôi một cố gắng vượt sức nó và nguy hiểm cho nó, thúc tôi cần trình bà tôi bệnh trạng của mình với một độ chính xác, cận kề đến từng chi tiết sinh lý. Hễ tôi thấy trong mình một triệu chứng đáng ngại nào mà trước đó tôi chưa nhận ra, thì chừng nào tôi chưa thông báo cho bà tôi biết, cơ thể tôi còn thắc thỏm. Nếu bà tôi giả vờ

chẳng chú ý gì đến thể trạng của tôi thì nó yêu cầu tôi phải nhấn rõ thêm. Đôi khi, tôi đi quá xa; và gương mặt thân yêu, giờ không còn làm chủ được xúc cảm như ngày xưa, để lộ một sắc diện đầy xót thương, một vẻ co rúm đau đớn. Thế là nhìn thấy bà buồn phiền, lòng tôi se lại: tôi lao vào vòng tay bà, như thể muốn dùng những nụ hôn để xóa đi nỗi buồn phiền ấy, như thể sự âu yếm của tôi có thể làm bà vui lên, khác nào thấy tôi hạnh phúc vậy. Và mặt khác, đỡ áy náy do đã chắc chắn là bà biết tôi đang bệnh, cơ thể tôi không phản đối việc tôi trấn an bà. Tôi cam đoan rằng chứng bệnh ấy chẳng có gì là đau đớn cả, rằng tuyệt nhiên không việc gì phải thương tôi, rằng bà có thể chắc chắn là tôi đang sung sướng; cơ thể tôi chỉ muốn được đúng cái phần xót thương nó đáng được hưởng miễn sao người ta biết nó đau ở mạng sườn bên phải, nó không thấy gì bất tiện trong việc tôi tuyên bố cái đau này là vô hại, không gây trở ngại gì cho hạnh phúc của tôi, cơ thể tôi đâu có sính chuyện triết học; cái đó không thuộc lĩnh vực của nó. Trong thời kỳ dưỡng bệnh, hầu như ngày nào, tôi cũng bị nghẹt thở. Một tối, bà tôi quay trở lại phòng tôi rất muộn - trước đó, khi bà để tôi lại một mình, tình trạng tôi khá ổn - và thấy tôi hầu như không thở được: “Ôi! Lạy Chúa, khổ thân cháu tôi quá!” bà tôi kêu lên, nét mặt xón xác. Bà rời tôi đi ngay, tôi nghe thấy tiếng mở cổng và một lúc sau, bà về mang theo cô-nhắc mua ngoài hiệu vì nhà không có sẵn. Không lâu sau, tôi bắt đầu cảm thấy khoan khoái. Mặt bà tôi hơi đỏ, có phần bối rối và mắt bà lộ vẻ mệt mỏi và nản chí.

“Bà muốn để cháu lại một mình để cháu tận hưởng phút khoan khoái này,” bà nói vậy và đột ngột rời phòng. Tuy nhiên, khi hôn bà, tôi cảm thấy trên đôi má mát rượi một chút gì ươn ướt mà tôi không biết có phải là do bà vừa đi xuyên qua khí ẩm ngoài trời đêm hay không. Hôm sau, chiều tối bà mới đến vì, theo lời bà nói, bà có việc phải ra ngoài. Tôi thấy đây là một cách cố tình làm ra vẻ dửng dưng đối với tôi và tôi nén lòng không trách bà về thái độ ấy.

Chúng sung huyết của tôi đã chấm dứt từ lâu nhưng không hiểu sao những cơn nghẹt thở vẫn cứ dai dẳng, cha mẹ tôi phải mời giáo sư Cottard đến khám bệnh. Trong những trường hợp như thế này, học vấn của người thầy thuốc được câu hỏi là chưa đủ. Đứng trước những triệu chứng có thể là của ba, bốn căn bệnh khác nhau, chung quy lại, phải là linh cảm nhạy bén, con mắt sắc sảo tinh tường mới có thể giúp ông ta xác định khả năng ông phải đối phó với căn bệnh nào, mặc dù bề ngoài, chúng đều tựa tựa như nhau. Cái năng khiếu bí ẩn này không bao hàm sự thông minh ưu việt về những mặt khác, và một người rất tầm thường, mê tranh hạng bét, thích nhạc rẻ tiền, không có tí đầu óc hiếu kỳ, cũng hoàn toàn có thể sở đắc nó. Trong “ca” của tôi, những biểu hiện cụ thể khả dĩ quan sát được, có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau gây nên - những cơn co thắt thần kinh, chớm lao, hen suyễn, ngộ độc thức ăn cộng với thiếu năng thận, viêm phế quản mãn tính, một trạng thái phức hợp bao gồm nhiều trong số những nhân tố kể trên. Co thắt thần kinh cần được điều trị bằng

cách coi khinh, lao phổi đòi hỏi phải chăm sóc đặc biệt và tăng dinh dưỡng, nhưng tăng quá mức sẽ có hại đối với trạng thái viêm khớp cũng như hen suyễn, và có thể nguy hiểm trong trường hợp khó thở do ngộ độc thức ăn, trường hợp này đòi hỏi một chế độ mà nếu đem áp dụng đối với bệnh nhân lao phổi sẽ rất tai hại. Nhưng ông Cottard chỉ do dự một thoáng và kê đơn rất quyết đoán: “Thuốc xổ mạnh, sữa trong nhiều ngày, chỉ sữa thôi. Không thịt, không rượu.” Mẹ tôi làu bàu: “Dù sao thằng bé cũng đang rất cần được tắm bổ cho lại người, nó vốn dĩ đã dễ bị kích thích thần kinh, cái liều thuốc tẩy dành cho ngựa này và cái chế độ ăn uống này đến làm nó quy mất.” Nhìn mặt Cottard lo lắng như sợ nhỡ tàu, tôi thấy là ông ta đang tự hỏi: phải chăng mình đã mềm lòng buông thả theo bản tính hiền dịu tự nhiên? Ông cố nhớ lại xem có chắc mình đã làm ra mặt lạnh lùng hay không, giống như người ta tìm một chiếc gương để xem xem mình có quên thất cả vật hay không. Trong tâm trạng nghi nghi hoặc hoặc và để bù lại, để phòng mọi bất trắc, ông thô lỗ đáp: “Tôi không có thói quen nhắc lại đến hai lần đơn thuốc mình đã kê. Cho tôi cái bút nào. Và chủ yếu là sữa nhé. Sau này, khi ta đã chặn được những cơn khó thở và chúng mất ngủ, tôi muốn cậu ăn thêm xúp, rồi món nghiền, nhưng chủ yếu vẫn là sữa, sữa. Rồi cậu sẽ thích thôi, bởi vì Tây Ban Nha hiện đang là ‘mốt’, *olé olé!*” (Học trò ông đều biết ngón chơi chữ này mà ông thường dùng ở bệnh viện mỗi khi ông chỉ định chế độ ăn sữa cho một người bệnh tim hay gan). Sau đó, cậu sẽ dần dần trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng mỗi khi lại

bắt đầu ho và nghẹt thở, thì lại tẩy xổ, rửa ruột, nằm tĩnh dưỡng, sữa.” Với vẻ lạnh tanh, ông nghe mà không trả lời những phản đối cuối cùng của mẹ tôi và vì ông ra về không thềm giải thích lý do của cái chế độ ấy, cha mẹ tôi xét thấy nó chẳng liên quan gì đến trường hợp của tôi, chỉ có tác dụng làm suy nhược một cách vô ích, nên không buộc tôi phải theo. Dĩ nhiên họ tìm cách giấu vị giáo sư sự bất tuân ấy và để chắc chắn không bị lộ, họ tránh đến mọi nhà mà ở đó, họ có thể chạm trán ông ta. Rồi thấy tình trạng của tôi nặng thêm, họ mới quyết định nhất nhất từng chi tiết làm theo chỉ định của Cottard; sau ba ngày, tôi hết khò khè, hết ho và thở tốt. Bây giờ, chúng tôi hiểu ra rằng Cottard, ngoài việc thấy là tôi hơi bị hen suyễn và nhất là “hâm hâm”* - như sau này, ông cho biết - còn nhận ra trực trặc nghiêm trọng nhất nơi tôi vào thời điểm ấy là ngộ độc và bằng cách thông gan, rửa thận, ông trị tiết chúng sung huyết phế quản, khiến cho tôi thở được dễ dàng, ngủ được và lại sức. Và chúng tôi hiểu rằng cái tay Cottard ngổ ằng hóa ra là một thầy thuốc lâm sàng vĩ đại. Cuối cùng, tôi có thể dậy được. Nhưng cha mẹ tôi tính chuyện không cho tôi trở lại vườn Champs-Élysée nữa; lý do là vì không khí ở đó không tốt; tôi nghĩ cha mẹ tôi viện cớ để ngăn không cho tôi gặp con gái ông bà Swann nữa và tôi tự bắt mình nhắc đi nhắc lại cái tên Gilberte suốt, như những kẻ chiến bại cố gắng duy trì tiếng mẹ đẻ để không quên tổ quốc mà họ sẽ không thấy lại nữa. Đôi khi, mẹ tôi vuốt trán tôi mà rằng:

“Vậy ra bây giờ các chú bé thôi không tâm sự với mẹ những phiền muộn của mình nữa sao?”

Françoise thì hôm nào cũng đến bên tôi, bảo: “Mặt mày cậu mới dễ sợ làm sao! Cậu không soi gương mà coi, nom như người chết rồi ấy!” Thật ra, ngay cả nếu tôi chỉ sờ mũi nhúc đầu thôi, thì Françoise vẫn mang cái vẻ thê thảm ấy. Những than van ấy là bởi “thứ bậc giai cấp” của bác hơn là vì lo cho tình trạng sức khỏe của tôi. Tôi không phân biệt nổi thái độ bi quan ấy ở Françoise bây giờ là đau đớn hay là mãn nguyện. Tôi tạm thời kết luận rằng thái độ đó mang tính xã hội và nghề nghiệp.

Một hôm, vào lúc người bưu tá mang thư, báo tới, mẹ đặt lên giường tôi một bức thư. Tôi lơ đãng mở ra, bởi lẽ nó không thể mang cái chữ ký duy nhất khả dĩ làm tôi sung sướng, chữ ký của Gilberte mà với nàng, tôi chẳng có mối liên hệ nào khác ngoài Champs-Élysée. Ấy thế mà ở mé dưới trang giấy, một dấu triện bạc khắc hình một hiệp sĩ đội mũ sắt bên trên dòng phương châm *Per viam rectam** uốn cong, cuối một bức thư chữ viết to mà hầu hết các dòng đều như được gạch dưới, đơn giản vì nét ngang của các chữ *t*, thay vì ở ngay thân chữ, lại được vạch ở bên trên, tạo thành một nét gạch dưới chữ tương ứng ở dòng trên, điều tôi nhìn thấy chính là chữ ký của Gilberte. Nhưng vì tôi biết một bức thư mang chữ ký ấy gửi cho tôi là điều bất khả, nên nhìn thấy nó mà lòng chưa tin, tôi cũng chẳng vui gì. Trong một thoáng, nó chỉ khiến mọi thứ xung quanh tôi trở thành hư ảo. Với tốc độ chóng mặt, cái chữ ký khó mà tin là có thật ấy nhào lộn nhoay nhoáy ở bốn góc phòng, đùa giỡn với chiếc giường của tôi, bệ lò sưởi của tôi, bức tường của tôi. Tôi thấy tất cả đều chao đảo như một người

ngã ngựa, và tôi tự hỏi phải chăng có một cuộc sống hoàn toàn khác và mâu thuẫn với cuộc sống tôi từng biết, nhưng lại là cuộc sống đích thực, dùng một cái được chỉ ra cho tôi thấy, khiến tâm trí tôi đầy do dự, cái do dự mà những điều khắc gia dựng tác phẩm *Phán xét cuối cùng* thể hiện trên nét mặt của những người chết thức dậy thấy mình đang ở ngưỡng cửa của Thế giới Bên Kia. “Bạn thân mến của tôi”, bức thư viết, tôi được tin bạn ốm rất nặng và bạn không đến vườn Champs-Élysée nữa. Tôi cũng chẳng hay đến đó nữa vì có nhiều người mắc bệnh quá. Nhưng chiều thứ Hai và thứ Sáu nào, các bạn gái của tôi cũng đến dùng bữa trà buổi chiều tại nhà tôi. Mẹ tôi giao cho tôi nói với bạn rằng hễ khi nào bình phục, bạn cũng đến thì chúng tôi sẽ rất lấy làm vui thích và chúng ta lại có thể tiếp tục tại nhà những cuộc trò chuyện thú vị như ở vườn Champs-Élysée. Xin chào, tôi hy vọng cha mẹ bạn sẽ cho phép bạn thường xuyên đến dùng trà và xin gửi đến bạn tất cả tình thân ái. Gilberte.”

Trong khi tôi đọc những dòng này, hệ thần kinh của tôi, với một sự mau lẹ tuyệt vời, đón nhận cái tin báo rằng một hạnh phúc lớn đang đến với tôi. Nhưng tâm hồn tôi, tức là chính tôi đây, tóm lại, đương sự chủ yếu, thì lại chưa biết tin ấy. Hạnh phúc, hạnh phúc bởi Gilberte, đó là một điều tôi hằng nghĩ tới, một điều hoàn toàn trong tư tưởng, đó là, như Léonard nhà danh họa nói, *cosa mentale**. Một tờ giấy dày đặc chữ, tư duy không tiêu hóa nó ngay lập tức được. Nhưng vừa đọc xong bức thư, tôi liền nghĩ ngay về nó, nó trở thành một đối tượng để mơ mộng, cả nó nữa cũng trở

thành *cosamentale* và tôi yêu nó đến nỗi cứ năm phút tôi lại phải đọc lại nó, hôn nó không biết chán. Và tôi biết thế nào là hạnh phúc.

Cuộc sống vẫn rải rác có những điều kỳ diệu mà những người đang yêu bao giờ cũng có thể hy vọng. Có thể đây là một “phép mầu” nhân tạo do mẹ tôi chế ra: thấy tôi từ ít lâu nay hồ như không thiết sống nữa, có lẽ mẹ đã tìm cách nhờ Gilberte viết thư cho tôi, giống như hồi tôi mới đi tắm biển lần đầu, để kích thích tôi hứng thú tập lặn - điều tôi rất ghét vì nó làm tôi ngạt thở - mẹ lén đưa cho người hướng dẫn bơi lội những chiếc hộp tuyệt vời làm bằng vỏ ốc biển và những cảnh san hô mà tôi tưởng có thể tự mình tìm thấy ở dưới đáy nước. Gia dĩ, đối với những sự kiện trong đời sống với những tình huống trái ngược nhau, liên quan đến tình yêu, tốt nhất đừng cố tìm hiểu làm gì, bởi chung những gì nghiệt ngã hay bất ngờ vượt mọi mong đợi trong những sự kiện ấy thường được chi phối bởi những quy luật nhiều phần huyền diệu hơn là duy lý. Khi một tỷ phú, tuy giàu mà không kém phần tuấn tú, từng chung sống với một người đàn bà đã nghèo lại chẳng sắc nước hương trời gì, nay bị nàng cho rơi, trong cơn tuyệt vọng huy động toàn bộ quyền lực của vàng bạc có trong tay và vận dụng mọi ảnh hưởng trên trái đất, vẫn không giành lại được nàng, thì tốt nhất là, trước sự bướng bỉnh không thể thuyết phục nổi của người tình, đành coi như Định Mệnh đã quyết trút khổ lên phận mình, bắt mình phải chết vì một tâm bệnh, còn hơn là cố tìm một cách giải thích logic. Những trở ngại ấy, mà người đàn ông đang yêu phải chống chọi, mà trí tưởng

tượng của anh ta, bị nỗi đau kích thích quá mức, hoài công tìm cách đoán định, đôi khi nằm ở một vài nét tính cách khác thường của người đàn bà mà họ không níu kéo lại được, ở sự đại dột của nàng, ở chỗ nàng chịu ảnh hưởng của những kẻ xa lạ với anh ta, ở những nỗi sợ mà những kẻ này nhồi vào đầu nàng, ở những thú vui chốc lát nàng đòi hỏi ở cuộc sống mà cả người yêu lẫn của cải của anh ta đều không đáp ứng được. Dù sao mặc lòng, người đàn ông đang yêu cũng ở thế bất lợi khó mà nắm được bản chất của những trở ngại bị che khuất bởi sự giả dối của người đàn bà, mà nhận định của bản thân anh ta, bị tình yêu lung lạc, không thể đánh giá chính xác. Chúng giống như những khối u mà rớt cuộc, người thầy thuốc cũng trị được nhưng vẫn không hiểu chúng nảy sinh từ đâu. Giống như chúng, những trở ngại ấy vẫn nguyên vẹn bí ẩn, nhưng chỉ là nhất thời. Có điều, thường thường chúng bền lâu hơn tình yêu. Và vì tình yêu này chẳng phải một đam mê vô tư, kẻ si tình khi không còn yêu nữa chẳng thiết tìm hiểu xem tại sao người đàn bà nghèo và phù phiếm mình từng yêu trong nhiều năm, lại khăng khăng không chịu để mình tiếp tục bao nữa.

Vậy mà, trong tình yêu, chính cái màn bí ẩn thường vẫn che khuất nguyên nhân gây nên những tai họa, lại cũng luôn luôn phong kín những kết cục may mắn bất ngờ (như cái hạnh phúc mà bức thư của Gilberte mang đến cho tôi). Ta tạm gọi đó là những kết cục may mắn, hay ít nhất cũng có vẻ may mắn, bởi vì trên đời ít có những kết cục thực sự may mắn cho cái thú tình cảm mà mọi cố gắng thỏa mãn nó

chỉ có tác dụng di chuyển nỗi đau sang chỗ khác mà thôi. Tuy nhiên, đôi khi, nỗi đau cũng tạm dứt và trong một quãng thời gian nào đó, ta có ảo tưởng là mình đã khỏi hẳn.

Còn về bức thư kia (Françoise thì không chịu công nhận tên ký bên dưới là Gilberte vì chữ G hoa mỹ dựa trên một chữ *i* không có dấu chấm nom như một chữ A*, còn phần cuối thì kéo dài bất tận bởi một nét vung bút bay bướm), nếu muốn tìm một giải thích hợp lý cho sự thay đổi thái độ hoàn toàn được thể hiện trong đó, khiến tôi vui sướng đến thế, có lẽ người ta có thể nghĩ rằng sở dĩ tôi được niềm vui ấy là nhờ một sự kiện mà trước đó, ngược hẳn lại, tôi đã tưởng nó sẽ mãi mãi triệt tiêu tôi trong trí ông bà Swann. Trước đó ít lâu, Bloch đến thăm tôi trong khi giáo sư Cottard đang ở trong phòng tôi - từ khi tôi theo chế độ điều trị của ông, gia đình tôi đã thỉnh ông trở lại. Cottard khám bệnh xong, cha mẹ tôi giữ ông lại dùng bữa tối và Bloch được mời vào. Tất cả chúng tôi cùng trò chuyện và khi Bloch kể rằng một bà bạn thân của Madame Swann hôm trước cùng ăn tối với anh ta có nói là Madame Swann rất quý mến tôi, tôi đã muốn đáp lại rằng chắc chắn anh ta đã lầm và xác định rằng tôi không quen biết Madame Swann, do đó chưa từng nói chuyện với bà ấy, vẫn với cái tinh thần cẩn trọng đã khiến tôi tuyên bố điều đó với ông De Norpois, e Madame Swann coi tôi là một thằng nói phách. Nhưng tôi không đủ can đảm để đính chính sự lầm lẫn của Bloch, vì tôi biết rõ anh ta cố tình lầm lẫn và sở dĩ anh ta bịa ra điều gì đó mà thực ra, Madame Swann không hề nói, đó là để khoe mẽ rằng mình đã từng ăn tối bên cạnh một

bà bạn của quý phu nhân ấy, điều anh ta cho là oai nhưng không có thật. Thế nhưng nếu như ông De Norpois, khi biết rằng tôi không quen biết Madame Swann nhưng rất muốn thế, thận trọng dè chừng không nhắc đến tôi khi nói chuyện với bà, thì Cottard, vốn là thầy thuốc của bà, với suy luận từ lời kể của Bloch rằng bà biết rõ và quý mến tôi, lại nghĩ rằng, lần tới gặp bà, nếu ông nói tôi là một cậu bé dễ thương, rất gần bó với ông, thì điều đó không giúp ích gì cho tôi, nhưng lại tôn ông lên - hai lý do khiến ông quyết định sẽ nhắc đến tôi ngay khi có dịp trò chuyện với Odette.

Và nhờ vậy, tôi được biết căn hộ từ đó phả ra đến tận khoang cầu thang mùi nước hoa Madame Swann thường dùng, nhưng thơm lừng hơn, ngào ngạt nơi này, chính là sự quyến rũ đặc biệt mà đau đớn tỏa ra từ cuộc đời Gilberte. Người gác cổng “mặt sắt đen sì”, nay biến thành một bà Euménide* hiền hậu, giờ đã có thói quen, mỗi khi tôi xin lên tầng trên, nhắc chiếc mũ cát kết bằng một bàn tay niềm nở để tỏ ý chấp thuận yêu cầu của tôi. Những cửa sổ, trước đây, nhìn từ bên ngoài, vẫn xen vào giữa tôi và những bảo vật không dành cho tôi một tia mắt long lanh, xa cách và hời hợt mà tôi có cảm giác như tia nhìn của chính ông bà Swann, thì nay, vào mùa đẹp trời, khi tôi đã qua cả một buổi chiều với Gilberte trong phòng nàng, tôi có dịp tự tay mở chúng để cho chút không khí lọt vào, thậm chí cúi mình bên cạnh nàng nếu đó là ngày tiếp tân của mẹ nàng, để xem khách khứa tới, những người này thường vừa bước xuống xe vừa ngược đầu, giơ tay vẫy chào tôi, tưởng tôi là một đứa cháu nào đó của nữ chủ nhân. Vào những lúc ấy,

những bím tóc của Gilberte cọ vào má tôi. Những bím tóc thanh thanh mềm như lúa, vừa tự nhiên vừa siêu nhiên, với những uốn lượn vừa mạnh mẽ vừa nghệ thuật như hình trang trí lá cây, khiến tôi có cảm giác như đây là một tác phẩm có một không hai mà để tạo nên nó, người ta đã dùng cả đến thảm cỏ trên thiên đường. Giá như tôi có được dù chỉ là một phần nhỏ nhất của nó, tôi sẽ lưu giữ tiêu mẫu ấy như một thánh tích trong bộ sưu tập cây cỏ thượng giới của mình. Nhưng vì không hy vọng có được một mẫu thật của những bím tóc đó, thì ít nhất một tấm ảnh chụp chúng, nếu tôi có thể kiếm ra, cũng bội phần quý hơn ảnh chụp những bông hoa do Vinci phác họa*. Để có được một tấm, tôi hạ mình cầu cạnh bạn bè của ông bà Swann, thậm chí cả những tay nhiếp ảnh, những sự hèn hạ cầu cạnh này chẳng những không đạt được điều mình mong muốn, mà còn gắn bó tôi mãi mãi với những con người cực chán.

Bây giờ, mỗi khi bước vào căn phòng chờ tối om, nơi luôn thường trực khả năng gặp ông bà Swann (điều tôi vừa e sợ lại vừa mong ước, hơn cả ngày xưa người ta háo hức muốn được nhìn thấy đức vua xuất hiện ở Điện Versailles), nơi mà thông thường, sau khi chồ phải cái giá mắc áo to đùng có bảy nhánh tựa như Đài Nến trong Kinh Thánh*, tôi rồi rít chào một gã người hầu mặc váy dài màu “ghi” ngồi trên một hòm gỗ mà trong bóng tối, tôi tưởng lầm là Madame Swann, bây giờ, cha mẹ Gilberte, từng một thời gian dài ngăn trở không để tôi gặp nàng, nếu một trong hai người đi ngang qua đó vào lúc tôi tới, chẳng những không tỏ vẻ khó chịu, mà còn tươi cười bắt tay tôi, niềm nở chào hỏi:

"*Comment allez-vous?*" (cả hai đều phát âm là "*commen allez-vous**", không nối vần chữ *t*, khiến tôi khi về đến nhà là say sưa lao vào không ngừng luyện cách phát âm không nối vần ấy), Gilberte biết câu đến rồi chứ? Vậy tạm chia tay cậu nhé."

Đáng kể hơn nữa, cả những bữa ăn chiều Gilberte mời các bạn gái, mà bao lâu tôi tưởng là ngăn cách khó vượt qua nhất trong số những trở ngại chống chọi giữa nàng và tôi, giờ cũng trở thành một cơ hội để chúng tôi tụ hội, mỗi lần như thế, nàng gửi thiệp báo cho tôi (vì tôi là một mối quan hệ mới), viết trên những loại giấy viết thư luôn luôn đổi khác. Một lần, tờ thư có trang trí hình nổi một con chó xù màu xanh lơ, phía trên là một dòng chú thích hài hước bằng tiếng Anh, kết thúc bằng một dấu chấm than, lần khác, dán một con tem in hình mỏ neo, hoặc một ký tự G.S. kéo dài bất tận thành một hình chữ nhật choán cả trang giấy, hoặc nữa khắc tên "Gilberte", lúc thì bằng chữ mạ vàng, ở một góc bắt chước chữ ký của bạn gái tôi, kết thúc bằng một nét vung bút bay bướm bên dưới một chiếc ô mở in màu đen; khi thì khép kín trong một mẫu chữ lồng mang hình một chiếc mũ Trung Quốc trong đó có tất cả các chữ cái viết hoa mà không phân biệt riêng ra được chữ nào. Cuối cùng, vì xê ri giấy viết thư của Gilberte có nhiều đến mấy cũng không phải là vô hạn, sau một số tuần lễ, tôi lại thấy xuất hiện loại giấy mang câu phương châm *Per viam rectam* bên trên* chàng hiệp sĩ đội mũ sắt trong tấm mẽ đay bằng bạc đánh bóng, mà nàng đã dùng khi viết thư cho tôi lần đầu tiên. Mới đầu, tôi ngỡ nàng dựa theo một số tập

tục nào đó mà chọn ngày này, ngày nọ, nhưng bây giờ, tôi tin là vì nàng cố nhớ những loại giấy nàng đã dùng những lần trước, làm sao để chỉ gửi cùng một loại cho cùng một người nhận trong khoảng cách dài nhất có thể, ít nhất là đối với những ai nàng thấy bỏ công tỏ tình thân hữu. Vì giờ học khác nhau, một số bạn gái Gilberte mời dự những bữa trà đó buộc phải ra về vào lúc những người khác vừa tới, nên ngay từ cầu thang, tôi đã nghe thấy vẳng ra từ phòng chờ tiếng người rì rầm; trước cả khi tôi tới sàn đầu cầu thang, trong nỗi hồi hộp do sắp được dự một nghi thức quan trọng, tiếng rì rầm ấy đã đột ngột ngắt đứt những gì còn ràng buộc tôi với cuộc sống trước đó, khiến tôi quên cả tháo khăn quàng cổ một khi cảm thấy mình đã ở trong phòng ấm áp, quên cả xem giờ để khỏi về muộn. Chiếc cầu thang ấy hoàn toàn bằng gỗ, như hồi ấy người ta thường làm trong một số nhà cho thuê, theo kiểu Henri II, cái phong cách từng bao lâu là lý tưởng đối với Odette nhưng bà sắp phải từ bỏ; ở đó có treo một tấm biển với dòng chữ “Cấm dùng thang máy khi xuống” (ở nhà chúng tôi không có gì tương đương như thế); đối với tôi, đó là một cái gì kỳ diệu đến nỗi tôi về nói với cha mẹ tôi rằng đó là một cái cầu thang cổ do ông Swann mang từ rất xa về. Lòng yêu chân lý nơi tôi lớn đến nỗi tôi sẽ không ngần ngại cung cấp thông tin ấy cho cha mẹ tôi ngay cả nếu tôi biết là nó sai, bởi vì chỉ có nó mới khiến được họ trân trọng giá trị của chiếc cầu thang nhà Swann như tôi. Chính như vậy mà trước một kẻ ngu dốt không thể hiểu thiên tài của một thầy thuốc vĩ đại là ở chỗ nào, tốt nhất là đừng nên nói thật rằng

ông ta không biết chữa trị nhức đầu sổ mũi ra sao. Nhưng vì tôi chẳng có chút đầu óc quan sát nào, vì nói chung, tôi không biết tên cũng như giống, loại của những vật tôi thấy trước mắt mình, và chỉ hiểu rằng một khi chúng liên quan gần gũi với ông bà Swann thì chúng ắt phải là phi thường, nên tôi cảm thấy chưa chắc mình đã phạm tội nói dối khi phô với cha mẹ tôi về giá trị nghệ thuật và gốc gác xa xôi của chiếc cầu thang đó. Tuy không chắc là mình đã nói dối, song hẳn tôi đã ngờ ngợ rằng có thể là thế, bởi vì tôi cảm thấy đỏ mặt khi cha tôi bảo tôi: “Cha biết cái loại nhà đó; cha đã từng thấy một ngôi nhà như thế, chúng đều tương tự như nhau cả thôi. Đơn giản chỉ là Swann thuê nhiều tầng mà thôi. Chính Berlier* đã xây loại nhà này.” Cha tôi nói thêm rằng ông đã định thuê một căn trong một nhà loại ấy song lại thôi vì thấy nó không tiện lợi và lối vào không đủ sáng. Cha tôi nói vậy đấy. Nhưng, một cách bản năng, tôi tự cảm thấy phải làm những hy sinh cần thiết về tinh thần vì uy tín của gia đình nhà Swann và vì hạnh phúc của bản thân, và, bằng uy lực nội tâm, bất chấp những gì tôi vừa được nghe, tôi dứt khoát gạt bỏ cái ý nghĩ tệ hại rằng căn hộ của họ là một căn hộ bất kỳ nào mà chúng tôi có thể ở, như một tín đồ sùng đạo bác bỏ cuốn *Cuộc đời của Jésus* của Renan* vậy.

Tuy nhiên, những hôm được mời dự bữa ăn chiều đó, khi chậm rãi bước từng bậc một lên cầu thang, đầu óc đã sạch trơn mọi ý nghĩ và ký ức, chỉ còn là một thứ đồ chơi cho những phản xạ thô thiển nhất, tôi tới cái vùng ngào ngạt mùi nước hoa của Madame Swann. Tôi tưởng như đã thấy

về uy nghi của chiếc ga tô sô cô la, châu quanh là một vòng những đĩa nhỏ đựng bánh cùng những chiếc khăn ăn màu “ghi” thêu hoa văn nổi theo đúng nghi thức và là nét đặc trưng của gia đình nhà Swann. Nhưng dường như cái tổng thể bất biến và quy củ ấy, khác nào vũ trụ cần thiết của Kant*, phụ thuộc vào một hành động tự do tối thượng. Bởi vì khi chúng tôi đã ngồi đầy đủ trong căn phòng khách nhỏ của Gilberte, nàng đột nhiên nhìn đồng hồ và nói:

“Này, các bạn, tôi ăn trưa đã lâu rồi mà đến tám giờ mới là bữa tối, giờ tôi muốn ăn một cái gì đó. Các bạn nghĩ sao?” Và nàng mời chúng tôi vào phòng ăn tối om như bên trong một điện thờ Á Đông do Rembrandt*vẽ; ở đây, đã đặt một chiếc ga tô đồ sộ tựa một tòa kiến trúc, nom vừa bề thế vừa hiền hậu, thân thuộc, nó như ngự sẵn tại đó phòng khi một hôm bất kỳ nào đó, Gilberte nổi hứng muốn dỡ những bức tường đầy lỗ châu mai bằng sô cô la và đánh sập những bờ thành màu da bò dộc đứng, được nướng trong lò, như hạ những pháo đài lỗi của Cung vua Darius*. Hơn thế nữa, để tiến hành phá hủy chiếc bánh-lâu-đài* đó, Gilberte không chỉ tham vấn cái bụng đói của riêng mình; nàng còn hỏi tôi có đói không, miệng nói tay cắt luôn cho tôi cả một khoanh bóng mượt từ cái tòa thành sụp đổ, lúp búp những trái cây đỏ thắm, theo khẩu vị phương Đông. Thậm chí, nàng còn hỏi cha mẹ tôi ăn tối vào mấy giờ, cứ như thể tôi còn nhớ được điều ấy, cứ như thể nổi xao xuyến ngự trị trong tôi còn để cho các cảm giác khác tồn tại trong óc tôi giờ rỗng tuếch, trong dạ dày tôi tê liệt - ngon miệng hay không, đói hay không, ý niệm về bữa tối hay hình ảnh gia

đình. Khốn thay cái trạng thái tê liệt ấy chỉ là nhất thời. Những miếng bánh ngọt mà tôi ăn một cách vô thức, rồi cũng đến một lúc phải tiêu hóa chúng. Nhưng cái lúc ấy hãy còn xa. Trong khi chờ đợi, Gilberte pha trà cho tôi. Tôi uống hoài không dứt, trong khi chỉ một cốc trà là đủ làm tôi mất ngủ cả hai mươi bốn tiếng. Cho nên mẹ tôi thường có thói quen phàn nàn: “Thật phiền, cái thằng bé này chẳng lần nào ở nhà Swann về mà không ốm.” Nhưng khi ở nhà ông bà Swann, thậm chí tôi không hề biết thứ mình uống là trà. Nhưng ngay cả nếu tôi biết thì tôi vẫn cứ uống, bởi vì cứ cho rằng ý thức về hiện tại hồi phục nơi tôi trong chốc lát, thì điều đó cũng chẳng trả lại cho tôi ký ức về quá khứ cũng như tiên đoán được tương lai. Trí tưởng tượng của tôi không thể vươn tới tận cái thời điểm xa lắc xa lơ khi tôi còn có thể nghĩ đến chuyện đi nằm và cảm thấy cần ngủ.

Không phải tất cả bạn gái của Gilberte đều đắm trong cái trạng thái say ngất ngây mà khi đó người ta không đủ tỉnh táo để quyết định điều gì. Một số đã từ chối không uống trà! Lúc đó, Gilberte bèn nói cái câu rất phổ biến hồi đó: “Rành là bữa tiệc trà của tôi không thành công rồi!” Và để xóa cái ý niệm lễ nghi, nàng sai đảo lộn trật tự các ghế xếp quanh bàn: “Cứ như thể chúng ta đang dự một đám cưới. Lạy Chúa, cái đám người làm này thật dân!”

Ngồi nghiêng người trên một chiếc ghế thiết kế theo hình chữ x, đặt lệch đi, nàng nhăm nháp, như thể nàng muốn có bao nhiêu bánh đãi bạn cũng được mà không cần xin mẹ cho phép (ngày tiếp tân của Madame Swann thường trùng với những bữa tiệc trà mời bạn của Gilberte). Và mỗi

lần bà tiễn khách, tiện thể ghé vào, thường là trong một chiếc váy dài xa tanh đen phủ đấng ten trắng, đôi khi lại mặc áo nhung xanh, bà thốt lên với vẻ ngạc nhiên:

“Kìa, các con ăn có vẻ ngon lành nhỉ, nhìn các con ăn bánh ngọt mà mẹ thấy đói bụng.”

“Thì bọn con mời mẹ đấy,” Gilberte đáp.

“Không được, kho báu của mẹ, các vị khách của mẹ sẽ nói sao, mẹ còn phải tiếp các bà Trombert, Cottard, Bontemps, con biết là bà Bontemps không bao giờ đến thăm chớp nhoáng, mà bà ấy chỉ vừa mới tới. Họ sẽ nói gì, những con người hồn hậu ấy, nếu không thấy mẹ quay trở lại? Nếu không còn ai đến nữa, mẹ sẽ trở lại trò chuyện với các con (điều sẽ khiến mẹ vui thích hơn nhiều) khi các bà ấy đã ra về. Mẹ nghĩ mẹ đáng hưởng một chút yên tĩnh, mẹ đã tiếp bốn mươi lăm vị khách, mà trong số bốn mươi lăm vị đó, đã có tới bốn mươi hai vị nhắc đến bức tranh của Gérôme*. “Này”, bà quay sang nói với tôi, “hôm nào đó, cậu đến chơi, Gilberte sẽ pha trà *cho cậu* theo cách cậu thích, như cậu vẫn uống trong ‘thư phòng’ nhỏ của cậu tại nhà vậy,” bà nói thêm, chuẩn bị quay trở về với đám khách của mình; bà nói như thể tôi đến kiếm tìm trong cái thế giới bí ẩn này một cái gì tôi thuộc lòng như những thói quen của chính mình (làm như tôi đã bao giờ có thói quen uống trà; còn về “thư phòng” thì tôi không dám chắc là mình có hay không). “Bao giờ cậu đến? Mai nhé? Chúng tôi sẽ nướng cho cậu những lát *toast** ngon chẳng thua gì ở Colombin*. Không ư? Cậu thật bất nhã,” bà trách, vì từ khi bắt đầu có *salon* của riêng mình, bà đắm nhiễm những

cung cách của bà Verdurin, kể cả cái giọng làm duyên mà đàn hanh. Tôi chưa hề ăn *toast*, cũng chưa hề biết tiệm Colombin, nên lời hứa hẹn cuối cùng này không làm tăng thêm sức cám dỗ đối với tôi. Xem ra thật kỳ lạ là tôi không hiểu ngay từ phút đầu Madame Swann muốn nói đến ai khi ngỏ lời khen bà “nurse*” già nhà chúng tôi, bởi chung tất cả mọi người, và có lẽ bây giờ cả ở Combray, đều dùng chữ ấy. Tuy không biết tiếng Anh, song tôi đã sớm hiểu ra rằng chữ ấy chỉ Françoise. Hồi còn đến chơi ở vườn Champs-Élysée, tôi rất sợ cung cách quê kệch của bác gây ấn tượng xấu, giờ chính qua Madame Swann mà tôi biết là những gì Gilberte kể về bà “nurse” của tôi đã khiến hai vợ chồng bà có thiện cảm với tôi. “Người ta cảm thấy bác ta rất tận tụy với gia đình cậu, rất tốt.” (Lập tức, tôi thay đổi hoàn toàn nhận định về Françoise. Hậu quả gián tiếp là tôi không còn cảm thấy một cô giáo có chiếc áo mưa và chiếc lông chim trên mũ là điều thiết yếu nữa). Sau cùng, qua vài câu Madame Swann buột miệng nói về Madame Blatin mà bà công nhận là đầy thiện tâm nhưng lại sợ phải tiếp bà ta đến thăm, tôi hiểu rằng quan hệ cá nhân với vị phu nhân này không quý giá như tôi từng nghĩ mà cũng chẳng cải thiện gì được vị thế của tôi ở gia đình nhà Swann.

Nếu, với những run rẩy vui sướng và trân trọng, tôi đã bắt đầu thám hiểm cái khu vực thần tiên vừa bất ngờ mở ra trước mặt tôi những lối vào cho tới giờ vẫn khép chặt, thì dù sao, đó cũng mới chỉ là với tư cách bạn của Gilberte mà thôi. Cái vương quốc tôi được đón nhận vào nằm trong một vương quốc còn bí ẩn hơn thế nữa, nơi ông Swann cùng vợ

sống một cuộc sống siêu nhiên, nơi họ hướng tới sau khi bắt tay tôi ở tiền sảnh. Nhưng rồi chẳng bao lâu, tôi cũng được vào trung tâm của Thánh Đường. Chẳng hạn trong trường hợp ông hoặc bà Swann có nhà, trong khi Gilberte đi vắng. Họ hỏi ai bấm chuông cửa và sau khi biết đó là tôi, mời tôi vào ngồi bên họ một lát, ngỏ ý muốn tôi vận dụng ảnh hưởng của tôi đối với con gái họ theo chiều hướng này, nọ, về chuyện này, chuyện nọ. Tôi nhớ lại bức thư trọn vẹn ngọn ngành, đầy sức thuyết phục tôi viết cho ông Swann cách đây chưa lâu, mà ông thậm chí không thèm trả lời. Tôi thán phục cuộc đời, không biết bằng cách nào, đã cởi dễ dàng đến thế mọi nút thắt mà đầu óc, luận lý cũng như trái tim đều bất lực không thể cải hoán mảy may, không thể giải quyết dù chỉ là một trong những khó khăn đó. Vị thế mới của tôi với tư cách là bạn của Gilberte, có ảnh hưởng tốt đối với nàng, giờ đây khiến tôi được hưởng đặc ân nơi đây, như thế, với tư cách là đồng môn của hoàng tử con vua trong một trường trung học, lại luôn đứng đầu lớp, nhờ sự ngẫu nhiên đó, tôi được ra vào Hoàng cung và dự những buổi kiến triều; với thái độ thiện tâm vô hạn độ, như thế ông không bận bù đầu với những công việc cao cả, Swann đưa tôi vào trò chuyện cả tiếng đồng hồ trong thư viện nhà ông, ở đó, đáp lại những câu hỏi mà do xúc động, tôi không hiểu lấy một từ nào, tôi chỉ còn biết ập a ập úng hoặc im lặng rụt rè, có lúc huy động hết can đảm bật ra được vài lời ngắn ngủn, thì chẳng ý nào ăn nhập với ý nào; ông cho tôi xem những đồ mỹ nghệ tinh xảo và những cuốn sách mà ông cho là có thể tôi thích, mà tôi giả định trước không

chút nghi ngờ rằng về giá trị thẩm mỹ, chúng còn vượt xa tất cả những thứ có trong Bảo tàng Louvre và Thư viện Quốc gia, nhưng tôi không được xem. Vào những lúc như vậy, người quản gia của ông ắt sẽ khiến tôi vui thích nếu bác ta hỏi xin tôi chiếc đồng hồ, chiếc kẹp cà vạt, đôi giày cao cổ hoặc xin tôi ký vào một văn bản công nhận bác ta là người thừa kế của mình: đúng như cái thành ngữ dân gian thiệt hay *"tôi không biết mình đang làm gì"*; người ta không biết ai đặt ra nó, cũng không biết tác giả của các bản anh hùng ca nổi tiếng, nhưng cũng như những bản hùng ca ấy và trái ngược với lập luận của Wolf*, nó chắc chắn phải có một tác giả (một trong những bộ óc đầy phát kiến và khiêm nhường ta vẫn gặp hằng năm, những con người làm ta giàu thêm những phát hiện như "đặt tên cho một gương mặt", nhưng không hề cho biết tên của chính mình). Cùng lắm, ngay cả khi tôi được tiếp thật lâu, tôi cũng chỉ cảm thấy ngạc nhiên là những giờ sống trong ngôi nhà thần tiên này sao chỉ đưa đến chỗ chẳng thực hiện được điều gì mỹ mãn, sao chẳng đạt tới kết cục gì. Nhưng nỗi thất vọng của tôi không phải do một khiếm khuyết nào đó nơi những kiệt tác ông cho tôi xem, cũng chẳng phải do tôi không thể dùng con mắt lơ đãng của mình trên những kiệt tác đó. Bởi vì điều khiến tôi thấy việc được tiếp trong phòng của Swann là kỳ diệu, không phải cái đẹp nội tại của những vật tôi thấy ở đó; ấy là do tôi gắn kết vào những vật đó (dù chúng có thể là những vật xấu nhất trên đời) một tình cảm đặc biệt, u buồn và mê mẩn mà tôi định vị ở đó từ bao năm nay và đến giờ vẫn thấm đượm nơi này; cũng như

vậy, không phải vô số những gương soi, những bàn chải bằng bạc, những ban thờ thánh Antoine de Padoue* do những nghệ sĩ lớn bạn của Madame Swann chạm khắc và vẽ, khiến tôi cảm thấy mình không xứng đáng được hưởng chút ân sủng vương giả bà ban cho: tiếp tôi một lúc trong phòng riêng của bà, nơi ba con người vừa xinh đẹp vừa đường bệ, các nữ tì hầu phòng thứ nhất, thứ hai, thứ ba của bà, đang tươi cười sửa soạn những xiêm y lông lầy của bà; theo lệnh do gã hầu bộ mặc quần nịt ngắn truyền rằng phu nhân muốn chuyện trò với tôi đôi câu, tôi đi về phía căn phòng ấy theo một hành lang ngoằn ngoèo, ngào ngạt những tinh chất hương thơm quý giá không ngừng tỏa lan từng đợt từ phòng tắm.

Khi Madame Swann quay trở lại bên các vị khách, ta vẫn nghe thấy bà cười nói, bởi vì ngay cả trước mặt chỉ có hai người, cũng như thể bà phải đối thoại với tất cả “bè bạn”, bà vẫn cất cao giọng, đồng dục từng tiếng, như bà đã bao lần thấy “nữ chủ nhân” làm thế vào những lúc bà ta phải “điều khiển cuộc trò chuyện chung” trong cái “phe cánh nhỏ”* của mình. Vì những cách biểu đạt ta vừa mới vay mượn từ những người khác là những cách ta ưa dùng nhất, ít nhất là trong một thời gian, nên Madame Swann khi thì chọn những từ ngữ bà học được từ những nhân vật xuất sắc mà ông chồng không thể tránh giới thiệu với bà (chính từ họ mà bà nhiễm cái thói kiểu cách bỏ mạo từ hoặc đại từ chỉ định trước một tính từ định tính cho một người nào đó), lúc lại dùng những lối nói thông phàm hơn (chẳng hạn: “Đó là một kẻ vô tích sự!”, từ ưa thích của một trong số các bà

bạn của bà) và tìm cách đưa những từ ngữ đó vào tất cả những câu chuyện mà, theo một thói quen mắc phải từ hồi còn là thành viên của cái “phe cánh nhỏ”, bà thường thích kể lại. Sau đó, bà sẵn sàng nói thêm: “Tôi rất thích câu chuyện này”, “Chà, công nhận đi, đó là một câu chuyện rất hay”; cung cách này, bà học từ gia đình nhà Guermantes, tất nhiên là thông qua ông chồng, bởi bà đâu có quen biết họ.

Madame Swann đã rời phòng ăn, nhưng đến lượt ông chồng, vừa đi đâu về, xuất hiện bên chúng tôi. “Gilberte, mẹ con đang ngồi một mình ư?” - “Không, mẹ vẫn còn đang có khách mà, ba.” - “Sao kia? Bảy giờ tối rồi mà vẫn còn khách! Thật dễ sợ. Tôi nghiệp, mẹ con chắc phải mệt rũ. Thật bỉ ổi (ở nhà, tôi thường nghe mọi người phát âm từ *bỉ ổi* với âm vị *ỉ* kéo dài - *bỉ ổi* - nhưng ông bà Swann thì nói *bỉ ổi* với âm vị *ỉ* ngắn). Cậu xem, từ hai giờ chiều đến giờ! - ông quay sang tôi nói tiếp - thế mà Camille thừa với tôi là từ bốn giờ đến năm giờ, còn có mười hai người nữa đến. Tôi vừa nói mười hai hă, tôi nghĩ là mười bốn cơ. Không, mười hai thôi. Rốt cuộc, tôi cũng không biết chắc nữa. Khi tôi về đến nhà, tôi không nghĩ hôm nay là ngày tiếp tân của bà ấy và, nhìn thấy cả một dãy xe trước cửa, tôi cứ ngỡ có đám cưới trong khu nhà. Và từ lúc tôi vào làm việc trong thư viện, tiếng chuông cửa vẫn không ngừng; quả thật, tôi đau hết cả đầu. Còn nhiều khách bên cạnh mẹ nữa không, con?” - “Không, chỉ còn hai vị nữa thôi.” - “Con có biết là ai không?” - “Madame Cottard và Madame Bontemps.” - “À! Vợ ông chánh văn phòng Bộ Công chính.”—“Con biết

chồng bà ấy là nhân viên trong một bộ, nhưng chả rõ đích xác ông làm gì,” Gilberte nói, lấy giọng con nít.

“Sao? Cô bé ngốc ngếch, con nói như đứa trẻ lên hai ấy. Con nói thế nào nhỉ: nhân viên trong một bộ? Nói đơn giản, ông ta là chánh văn phòng, sếp của cả đám...Ồ, mà đầu óc ba để đầu nhĩ, ba cũng đăng trí như con mất rồi, ông ta không phải là chánh, mà là *đồng lý* văn phòng.”

“Con đâu có biết; vậy ra ‘đồng lý văn phòng’ là oách lắm, phải không?” Gilberte đáp, nàng không bao giờ bỏ lỡ cơ hội tỏ ra dửng dưng với tất cả những gì đem lại kiêu hãnh phù phiếm cho cha mẹ mình (vả chăng, có thể nàng nghĩ việc nàng tỏ vẻ không quá coi trọng một mối quan hệ hiển hách như vậy, chỉ làm nó tăng thêm giá trị mà thôi).

“Sao lại không oách!” Swann kêu lên, ông ưng nói rành rõ, hơn là cái kiểu khiêm tốn có thể khiến tôi bán tín bán nghi. “Đơn giản, đó là người cao nhất sau bộ trưởng! Thậm chí còn hơn cả bộ trưởng nữa kia, bởi vì chính ông là người làm tất cả. Vả chăng, xem ra đó là một người bản lĩnh, một con người hạng nhất, một cá nhân hoàn toàn ưu tú. Ông được phong tặng Bắc Đẩu bội tinh hạng nhì. Một con người tuyệt diệu, thậm chí còn rất đẹp trai nữa.”

Cặp vợ chồng này lấy nhau bất chấp tất cả mọi người bên nhà gái phản đối vì họ cho rằng Bontemps là một “kẻ quyến rũ”. Ông ta có một bộ râu vàng óng mượt, nét mặt thanh tú, nói giọng mũi, hơi thở nồng nặc và một con mắt giả bằng thủy tinh, những nét đủ để cấu thành một tổng thể hiếm thấy và tế nhị.

“Tôi muốn nói với cậu,” Swann quay sang tôi nói thêm,

“tôi rất khoái được thấy loại người như thế trong chính phủ hiện tại, bởi vì đó là những người họ Bontemps trong dòng Bontemps-Chenut, điển hình cho tầng lớp trưởng giả phản động, đầu óc hẹp hòi, chịu ảnh hưởng của giới tăng lữ. Sinh thời, ông nội tội nghiệp của cậu biết rõ, ít nhất là nghe đồn cũng như mắt thấy, lão già Chenut keo kiệt, không bao giờ ‘puốcboa’ cho xà ích quá một xu, mặc dù lão thuộc loại giàu thời bấy giờ; ông cụ biết cả nam tước Bréant-Chenut. Tất cả tài sản của họ tiêu tan trong vụ đổ bể của *Tổng Liên Hiệp**, cậu còn nhỏ quá nên không biết được. Họ đã cố khôi phục lại, được sao hay vậy.”

“Ông ấy là bác một con nhỏ trước học ở trường con, dưới con nhiều lớp, ‘cô nàng Albertine’ trứ danh, như mọi người gọi. Chắc chắn rồi nó sẽ rất *fast**, nhưng hiện nom nó hơi ngô ngộ.”

“Con gái tôi thật biết gây bất ngờ, chẳng ai là nó không biết.”

“Con không quen nó. Con chỉ thấy mỗi khi nó đi qua thì chỗ này kêu ‘Albertine’, chỗ kia í ới ‘Albertine’. Nhưng con quen bà Bontemps và con cũng chả thích bà ấy.”

“Con sai lầm to rồi, bà ấy hấp dẫn, xinh đẹp, thông minh, thậm chí còn trí tuệ nữa. Ba sắp đến chào bà ấy, hỏi xem chồng bà ấy có biết liệu chúng ta tránh được chiến tranh hay không và liệu ta có thể trông cậy được vào đức vua Théodose hay không. Ông ấy nắm bí mật quốc gia, hẳn ông ấy biết điều đó, phải không?”

Trước kia, Swann đâu có nói năng kiểu ấy; nhưng ta vẫn thường thấy những thay đổi tương tự ở những nàng công

chúa, trước kia hết sức giản dị, mười năm sau, tự nhiên đâm nói năng như kiểu những mục già lải nhải rác tai, sau khi đã thất thân với một gã hầu phòng và tìm cách hội nhập lại giới giao tế để chỉ cảm thấy một điều là người ta không còn sẵn sàng tới nhà mình nữa; và hễ nghe nhắc đến một nữ công tước hợp thời trang nào đó, họ liền nói: “Bà ấy vừa ở nhà tôi hôm qua,” hoặc “Dạo này, tôi sống rất biệt lập”. Cho nên không cần phải quan sát tập tục làm gì, ta có thể suy ra từ những quy luật tâm lý.

Vợ chồng Swann cũng mắc cái tật của những người ít có khách đến chơi; đối với họ, một khách đến thăm, một lời mời, thậm chí chỉ một câu nói thân ái của những người hơi danh giá một chút, cũng là một sự kiện họ muốn phô cho nhiều người biết. Nếu chẳng may, vợ chồng Verdurin đang ở London đúng hôm Odette mở một tiệc tối khá linh đình, họ sẽ thu xếp sao cho một người bạn chung đánh điện báo tin đó cho họ từ bên kia biển Manche. Đến cả những thư, điện riêng mà Odette nhận được từ những nhân vật quan trọng, vợ chồng Swann cũng không thể không đem khoe với bạn bè, chuyển từ tay người này sang tay người khác. Phòng khách nhà Swann, do vậy, giống như những khách sạn ở những thành phố có suối nước khoáng, nơi các bức điện tín được trưng ra nơi công cộng.

Vả chăng, những người đã từng biết Swann-của-ngày-xưa không chỉ ở bên ngoài giới thượng lưu, như trường hợp tôi được làm quen với ông, mà cả bên trong giới thượng lưu, bên trong cái môi trường Guermantes, nơi mà, ngoại trừ đối với những ông hoàng bà chúa, người ta đòi hỏi hết sức

gắt gao về trí tuệ và sức hấp dẫn, nơi cả những bậc lỗi lạc mà người ta thấy là chán ngắt hay tầm thường cũng bị loại trừ, những người ấy hẳn rất ngạc nhiên khi nhận thấy Swann-của-ngày-xưa chẳng những mất hết cung cách tế nhị kín đáo khi nhắc đến những mối quan hệ của mình, mà còn hết luôn cả khó tính trong việc chọn bạn giao du nữa. Làm sao một Madame Bontemps thông phàm là thế, dữ tợn là thế, mà không làm ông điên tiết? Làm sao ông có thể tuyên bố là bà ta khả ái? Ký ức về môi trường Guermantes lẽ ra phải ngăn ông, nhưng thực tế, nó lại khuyến khích ông làm thế. Dĩ nhiên, trái với ba phần tư giới thượng lưu, những người trong gia đình Guermantes quả là có nhã thức, thậm chí là một cái “gu” tinh tế, nhưng cũng nhiễm thói trưởng giả học làm sang, do đó nhã thức ấy có thể tạm thời có lúc không được vận dụng. Nếu đối tượng là một người nào đó không phải thiết yếu cho phe cánh này, chẳng hạn một vị bộ trưởng Ngoại giao, đảng viên Cộng hòa hơi trịnh trọng một chút, hay một ngài viện sĩ hàn lâm ba hoa, thì cái “gu” đó được vận dụng triệt để chống lại người đó - Swann hẳn sẽ thấy ái ngại cho Madame de Guermantes phải ngồi cạnh những người khách như thế trong một bữa tiệc ở một đại sứ quán, so với họ, người ta ung một tôn ông thanh lịch hơn, ung hơn gấp ngàn lần, có nghĩa là một tôn ông thuộc môi trường Guermantes, vô tích sự, nhưng mang tinh thần Guermantes, một người cùng cạ. Có điều, nếu một nữ đại công tước hay một quận chúa mang dòng máu hoàng tộc thường hay ăn tối ở nhà Madame de Guermantes, thì cũng được coi như cùng hội cùng thuyền,

mặc dù không mang chút tinh thần Guermantes nào, cũng chẳng sở hữu quyền gì trong phe cánh ấy. Nhưng với sự hồn nhiên của những người trong giao tế, một khi họ đã tiếp đón nữ công tước ấy hay nữ quận chúa ấy, họ ráng hết sức coi bà là khả ái, dù thật lòng họ không thể nghĩ là vì thấy bà khả ái nên mới tiếp bà. Khi bà khách hoàng tộc đã ra về, Swann đến khích lệ Madame de Guermantes: “Thật ra, bà ấy cũng là hảo phụ, thậm chí còn có chút khiêu hài hước nữa. Lạy Chúa, tôi không nghĩ là bà ấy đã nghiên cứu sâu cuốn *Phê phán lý trí thuần túy**, nhưng bà ấy không đến nỗi khó chịu.” “Tôi hoàn toàn đồng ý với ông,” nữ công tước đáp. “Vói lại, bà ấy còn đang e dè, nhưng rồi ông xem, bà ấy có thể rất dễ mến.” - “Bà ấy còn đỡ ngán hơn Madame X nhiều (đó là vợ ông viện sĩ ba hoa, một phụ nữ xuất sắc), cái bà cứ mở miệng là dẫn sách, hàng chục cuốn!” - “Ồ, sao mà so sánh được!” Cái khả năng nói những điều tương tự, nói chúng ra một cách thành thật, Swann đã học được ở nhà nữ công tước và cứ giữ nguyên thế. Bây giờ, ông dùng nó với những người ông tiếp chuyện. Ông cố nhận ra và yêu thích ở họ những phẩm chất mà mọi con người đều bộc lộ, nếu ta nhìn họ với một thiên kiến ưu ái chứ không phải với thái độ miệt thị của những kẻ quá kỹ tính; ông đề cao những ưu điểm của Madame Bontemps như trước kia từng nêu bật những phẩm chất của quận chúa De Parme, người lẽ ra đã bị loại khỏi “làng” Guermantes nếu không có ưu tiên dành cho một số ông hoàng bà chúa và nếu ngay cả đối với họ, người ta cũng thật sự chỉ xét đến tiêu chí tài trí và duyên sắc. Vả chăng,

ta đã thấy đạo xưa, Swann thường thích đổi địa vị mình trong xã hội giao tế lấy một vị thế khác phù hợp với ông hơn trong một số hoàn cảnh (hiện giờ ông càng kiên trì sở thích ấy hơn). Chỉ có những ai, trong cảm nhận, không có khả năng giải kết cấu những gì thoát nhìn tưởng như không thể phân chia, mới ngỡ rằng vị thế nhập làm một với con người. Vào những thời điểm kế tiếp nhau trong cuộc đời của cùng một con người, ta thấy người đó ở những bậc thang xã hội khác nhau trong những môi trường không nhất thiết là càng ngày càng cao sang hơn; và mỗi lần, mà trong một giai đoạn khác của cuộc đời, ta lập hay nói lại quan hệ với một số môi trường trong đó ta cảm thấy được yêu chiều, một cách hoàn toàn tự nhiên, ta bắt đầu mọc những rễ người gắn chặt ta với môi trường ấy.

Về Madame Bontemps, bằng vào cách Swann nêu bật bà như thế, tôi chắc ông cũng không đến nỗi phật ý khi nghĩ cha mẹ tôi biết bà ta thường đến thăm vợ ông. Thật ra, ở nhà này, tên của những người mà Madame Swann dần dần đi đến chỗ quen biết, kích thích tò mò nhiều hơn là ngưỡng mộ. Nghe nhắc đến tên bà Trombert, mẹ tôi nói:

“A! Lại tuyển thêm được một tân binh rồi sẽ kéo theo những tân binh khác.”

Và như thế đã so sánh cái cách Madame Swann chinh phục gọn gàng chóng vánh và mạnh mẽ các mối quan hệ với một cuộc chiến tranh chiếm thuộc địa, mẹ tôi nói thêm:

“Giờ đây, khi nhà Trombert đã khuất phục, các bộ lạc bên cạnh sẽ sớm đầu hàng thôi.”

Gặp Madame Swann ngoài phố, về đến nhà, mẹ tôi bảo

chúng tôi:

“Ta vừa thấy Madame Swann diện ngất, sẵn sàng ‘chiến đấu’, chắc là xuất phát để tiến hành một cuộc chinh phục hiệu quả ở nhà vợ chồng người Ceylan Masséchutos, hay nhà vợ chồng Trombert.”

Và khi tôi kể với mẹ về những người tôi đã thấy ở nhà Swann, một môi trường hơi hỗn tạp và giả tạo, nhiều người trong số đó phải khá khó khăn mới lôi kéo được và họ thuộc những giới khá khác nhau, mẹ đoán ngay ra gốc gác của họ và nói về họ như nói về những chiến lợi phẩm giành được với một giá đắt.

“Thu về được từ Cuộc Viễn Chinh ở nhà X, Y nào đó...”

Về Madame Cottard, cha tôi lấy làm ngạc nhiên không biết Madame Swann thấy mình có thể kiếm được chút lợi gì trong việc lôi kéo cái mục trưởng giả kém thanh lịch ấy, và nói: “Mặc dù địa vị của ông chồng giáo sư là cao sang, nhưng thú thật tôi vẫn không hiểu.” Trái lại, mẹ tôi thì rất hiểu; mẹ biết rằng một phụ nữ khi nhập vào được một môi trường khác với môi trường ngày xưa mình từng sinh hoạt trong đó, sẽ thấy thiếu đi một phần lớn khoái thú nếu không thông báo được cho bạn bè cũ biết về những mối quan hệ mới, tương đối cao sang hơn, đã thay thế họ. Muốn vậy, phải để cho một nhân chứng lọt vào cái thế giới mới tuyệt vời ấy, như một con côn trùng vo ve bay lượn đột nhập vào một bông hoa, rồi sau đấy, trong phiêu lãng ngẫu nhiên đây đó, sẽ loan tin rộng rãi - ít nhất người ta cũng hy vọng thế - bằng hạt phấn lấy trộm được, gieo mầm thềm muốn và thán phục. Madame Cottard, hoàn toàn phù hợp

với vai trò ấy, thuộc cái loại khách đặc biệt mà mẹ tôi, vốn thừa kế một số nét hóm hỉnh của ông ngoại tôi, gọi là những “kẻ xa lạ loan tin*”. Vả chăng - ngoài một lý do khác mà mãi nhiều năm sau ta mới biết - Madame Swann khi mời bà khách thiện tâm, dè dặt và khiêm nhường ấy không phải sợ đưa vào nhà mình giữa những ngày huy hoàng một tên phản bội hay một kẻ kinh địch*. Bà biết chỉ trong một buổi chiều, với chiếc lông chim cài trên mũ và chiếc ví đựng danh thiếp trong tay, con ong thợ năng nổ ấy có thể thăm biết bao nhiêu đài hoa trưởng giả. Bà biết khả năng phát tán của con ong thợ ấy và dựa trên tính toán xác suất, bà có cơ sở để tin rằng chỉ hai hôm sau, một khách thường xuyên nào đó của nhà Verdurin sẽ biết là ngài thống đốc vùng Paris đã để lại danh thiếp ở nhà bà, hoặc chính ông Verdurin sẽ nghe kể rằng ông Le Holt de Presagny, chủ tịch cuộc đua ngựa đã đưa vợ chồng bà - bà và ông Swann - đến dự dạ hội của đức vua Théodose; bà đồ rằng vợ chồng Verdurin chỉ biết có hai sự kiện đáng hãnh diện ấy đối với bà, bởi lẽ những biểu hiện cụ thể đặc biệt của danh vọng mà ta hình dung nó ra như vậy và hằng theo đuổi, thường không nhiều, do sự nghèo nàn về trí tuệ của ta không thể cùng một lúc tưởng tượng ra tất cả những dạng mà tuy nhiên ta vẫn hy vọng, về đại thể, khi đến với ta, nó sẽ đồng thời khoác mọi dạng thái ấy.

Vả chăng, Madame Swann chỉ thành công trong cái người ta gọi là “giới quan chức”. Những phu nhân thanh lịch không đến chỗ bà. Không phải sự có mặt của những tai to mặt lớn phái Cộng hòa khiến họ lảng tránh. Hỡi tôi còn

bé tí, tất cả những gì thuộc xã hội bảo thủ đều là đài các và một *salon* tự trọng ắt không thể tiếp nhận một phần tử Cộng hòa. Những người sinh hoạt trong một môi trường như vậy tưởng rằng việc không thể mời một kẻ “cơ hội chủ nghĩa*”, càng không thể mời một kẻ “cấp tiến” gớm ghiếc, là một điều vĩnh tồn như cây đèn dầu và loại xe hàng do ngựa kéo. Nhưng giống như chiếc kính vạn hoa thi thoảng vẫn xoay, xã hội lần lượt xếp theo cách khác những yếu tố mà người ta tưởng là bất di bất dịch và tạo thành một hình tượng khác. Hồi tôi còn chưa qua lễ ban thánh thể đầu tiên, các vị phu nhân nghiêm cẩn theo quy tắc đã từng thấy một phụ nữ Do Thái thanh lịch xuất hiện trong những cuộc tiếp tân. Những sắp xếp mới này của kính vạn hoa xảy ra là bởi cái mà một triết gia gọi là một thay đổi tiêu chuẩn. Vụ Dreyfus* dẫn đến một thay đổi mới vào một thời kỳ sau khi tôi bắt đầu đi lại nhà Madame Swann được ít lâu và một lần nữa chiếc kính vạn hoa lại đảo lộn những mảnh nhỏ hình thoi nhiều màu sắc của nó. Tất cả những gì là Do Thái bị đẩy xuống dưới, kể cả phu nhân thanh lịch kia và những kẻ dân tộc chủ nghĩa vô danh ngoi lên thế chỗ. *Salon* nổi trội nhất Paris là của một ông hoàng người Áo, tín đồ Cơ đốc giáo cực đoan. Nếu thay vì vụ Dreyfus, xảy ra một cuộc chiến với nước Đức, chiếc kính vạn hoa ắt xoay theo một hướng khác. Trong trường hợp này, những người Do Thái, tỏ rõ tinh thần ái quốc của mình trước sự ngạc nhiên của mọi người, ắt sẽ giữ nguyên vị thế của mình và ắt sẽ không ai muốn lui tới, thậm chí thú nhận mình đã từng đến, *salon* của ông hoàng người Áo. Mặc dù vậy, mỗi khi xã hội tạm

thời ngưng biến động, những người sống trong đó lại tưởng rằng sẽ không xảy ra thay đổi gì nữa, giống như khi thấy điện thoại ra đời, họ không muốn tin rằng sẽ còn có sự xuất hiện của máy bay. Trong khi đó, những triết gia của báo giới thì lên án thời kỳ trước, không những phê phán cái kiểu khoái lạc thịnh hành trong thời đó mà họ cho là tội cùng của sa đọa, mà thậm chí cả những tác phẩm của các nghệ sĩ và triết gia đến nay không còn giá trị gì dưới mắt họ, như thể chúng gắn liền không thể tách rời khỏi những thể thức kế tiếp nhau của thói phù phiếm chốn thượng lưu đài các. Điều duy nhất không thay đổi là mỗi lần như thế, dường như lại “có gì đổi thay ở nước Pháp”. Vào thời điểm tôi lui tới nhà Madame Swann, vụ Dreyfus chưa nổ ra và một số đại gia Do Thái rất có thế lực. Không ai có thế lực hơn Sir Rufus Israels mà bà vợ, Lady Israels là cô của Swann. Bà không có những quan hệ cá nhân thân thiết với môi trường thanh lịch như người cháu, và về phần mình, vốn chẳng yêu quý gì bà cô, Swann cũng không tỏ ra vốn vã lắm, mặc dù rất có thể sẽ là người thừa kế của bà. Nhưng đó là người duy nhất trong số bà con của Swann ý thức được vị thế của ông trong giới thượng lưu, còn những người khác thì bao lâu nay, cũng như chúng tôi, vẫn chẳng hay biết gì về điều đó. Khi trong một gia đình, một thành viên đổi đời bước vào xã hội thượng lưu - điều mà ban đầu, anh ta tưởng là một hiện tượng duy nhất, nhưng mười năm sau nhìn lại, anh ta nhận thấy nhiều thanh niên cùng lớn lên với mình cũng đã đạt được thành công như thế bằng những cách khác và vì những lý do khác nhau - anh ta tạo

ra quanh mình một vùng bóng tối, một *terra incognita** mà tất cả những ai cư ngụ ở đó có thể nhìn thấy rất rõ đến tận từng sắc thái nhỏ nhất, nhưng lại chỉ là đêm và hư không thuần túy đối với những ai không thâm nhập được vào đó và đi liền bên mà đâu ngờ có nó ngay cạnh mình. Không được hăng thông tấn* nào cho biết về những người Swann thường lui tới giao du, trong những bữa ăn gia đình (có nhiên là trước cái đám cưới gớm ghiếc của ông), những người bà con của ông thường kể với nhau với một nụ cười hạ cố rằng họ đã dùng ngày Chủ nhật “một cách đức hạnh” vào việc đến thăm “người anh em họ Charles” mà họ xếp vào loại bà con nghèo hơi có tính ghen tị, do đó, gọi một cách dí dỏm là “người anh em họ Bête”, vận dụng một ngón chơi chữ trên nhan đề cuốn tiểu thuyết của Balzac*. Còn bà, Lady Rufus Israels, thì biết rõ nhân thân của những người đã hào phóng dành cho Swann một tình thân hữu khiến bà phát ghen. Gia tộc nhà chồng bà, gần như vế tương đương với dòng họ Rothschild*, đã nhiều đời quản lý tài chính cho các hoàng thân trong hoàng tộc Orléans*. Lady Israels, vốn giàu thiên ức vạn tài, dùng cái thế lực lớn bà nắm trong tay để ngăn không cho ai trong số những người bà quen biết được tiếp Odette. Một người duy nhất lén lút làm trái ý bà. Đó là công tước phu nhân De Marsantes. Thế nhưng chẳng may, vận hạn run rủi thế nào mà Odette đến thăm bà De Marsantes gần như cùng một lúc với Lady Israels. Madame de Marsantes như ngồi trên đồng gai. Với sự hèn nhát của những kẻ, dù thế nào, vẫn có thể tự cho phép mình chọn mọi cách ứng xử, bà này không

nói với Odette một lời nào; thái độ này khiến Odette thấy từ giờ trở đi, chớ nên đẩy xa thêm cuộc đột nhập vào một thế giới mà thật ra, bà cũng chẳng thiết gì được tiếp nhận vào. Hoàn toàn không quan tâm đến cái ngoại ô Saint-Germain* này, Odette vẫn tiếp tục là ả lẳng lơ thất học, khác hẳn đám trưởng giả am tường đến từng điểm nhỏ nhất của môn phả hệ học, rất thèm có những mối quan hệ với tầng lớp quý tộc mà cuộc sống thực không mang lại cho họ, đành xoa dịu nỗi khát khao ấy bằng cách đọc những vong lục đời xưa. Và mặt khác, hẳn Swann vẫn tiếp tục là chàng si, vẫn thấy mọi nét riêng biệt của người tình cũ là dễ chịu hay vô hại, vì tôi nhiều khi nghe thấy vợ ông thốt ra những thất thố thật sự giữa chốn thượng lưu mà ông không hề tìm cách uốn nắn (vì còn chút yêu thương, vì đánh giá thấp hay vì lười không muốn nhọc công hoàn thiện bà). Đó cũng có lẽ là một dạng của cái tác phong xuề xòa đã khiến chúng tôi mắc lừa bao lâu ở Combray và giờ đây khi Swann vẫn tiếp tục quan hệ, ít nhất cho riêng mình, với những người rất danh giá, nó lại khiến ông không muốn trong các cuộc trò chuyện trong *salon* của vợ mình, người ta có vẻ xem trọng những nhân vật ấy đôi phần. Và chẳng, hơn bao giờ hết, họ trở nên kém quan trọng đối với Swann vì trọng tâm đời ông đã dịch chuyển. Dù sao đi nữa, Odette thiếu hiểu biết về xã hội thượng lưu đến mức nếu trong cuộc trò chuyện chung, cái tên của quận chúa De Guermantes được nhắc đến ngay sau tên người chị họ nữ công tước, bà liền nói: “Ừa, những người đó đã thăng cấp, thành ông hoàng bà chúa rồi sao!” Nếu có ai gọi công tước De Chartres là

“hoàng thân”, bà liền đính chính: “Công tước, ông ấy là công tước De Chartres, chứ không phải là hoàng thân.” Về công tước D’Orléans, con trai của bá tước De Paris: “Kỳ thật, con trai lại hơn cha”; và, vốn là người thích tiếng Anh, bà nhận xét thêm: “Cái đám *Royalties** ấy thật rắc rối, chẳng còn hiểu ra sao nữa!” Và nếu có ai hỏi gốc gác gia đình Guermantes ở hạt nào, bà trả lời: “L’Aisne*.”

Gia dĩ, Swann chẳng những không hề thấy những lỗ hổng kiến thức ấy ở Odette, mà còn hoàn toàn nhắm mắt trước trí thông minh kém cỏi của bà. Hơn thế nữa, mỗi khi Odette kể một câu chuyện ngớ ngẩn, Swann còn lắng nghe vợ mình với một vẻ vừa ý, vui tươi, gần như một thái độ ngưỡng mộ trong đó hẳn còn sót chút dư vị mê mẩn của khoái lạc; trong khi đó, cùng cuộc trò chuyện ấy, những gì là tinh tế, thậm chí sâu sắc từ miệng ông nói ra thường được Odette đón nhận với thái độ chẳng lấy gì làm thích thú, khá vội vã, sốt ruột và đôi khi còn bị phản bác gay gắt là chẳng khác. Và ta sẽ kết luận rằng tình trạng sự ưu tú chịu phạt làm nô lệ cho cái tầm thường đã thành lệ trong đời sống nhiều cặp vợ chồng, nếu như, theo chiều ngược lại, ta nghĩ đến bao phụ nữ ưu đẳng để cho một kẻ thô lỗ bỏ bùa, hẳn phải phàn “kiểm duyệt” những lời tế nhị nhất của họ, trong khi họ trầm trồ ngây ngất, với lòng bao dung vô hạn của tình yêu, trước những câu pha trò nhạt nhẽo nhất của hắn. Để trở lại những lý do khiến Odette hồi ấy không hội nhập được vào cái ngoại ô Saint-Germain quý phái ấy, phải nói đến vòng xoay gần đây nhất của chiếc kính vạn hoa phù hoa, do một loạt vụ tai tiếng gây ra. Một

số phụ nữ xưa nay không có gì khả nghi, bỗng bị phát hiện ra là gái điếm, là gián điệp Anh. Trong một thời gian tiếp sau đó, tiêu chuẩn đòi hỏi, trước hết là phải có vị thế ổn định, vững vàng - ít nhất người ta cũng tin vậy. Odette đích thị tiêu biểu cho tất cả những gì người ta vừa cắt đứt song lại lập tức nối lại (vì con người, vốn không dễ gì thay đổi trong một sớm một chiều, vẫn kiếm tìm sự tiếp nối của chế định cũ ngay nơi chế định mới) nhưng tìm kiếm nó dưới một dạng khác để khiến người ta mắc lừa, tưởng đó không còn là cái xã hội trước lúc xảy ra xì căng đan. Mà Odette thì quá giống những “quý bà lộ chân tướng” của cái xã hội ấy. Những người thuộc giới thượng lưu rất cận thị; vào thời điểm họ cắt đứt mọi quan hệ với các phụ nữ Israel họ quen biết, trong khi đang tự hỏi làm sao lấp khoảng trống này thì họ chợt thấy một nàng mới cũng người Israel, như do một đêm đông tố mang tới; nhưng sự mới mẻ của nàng khiến họ không nhập cục nàng với những người đàn bà trước mà họ nghĩ là mình có bốn phận phải ghét. Nàng không đòi hỏi họ kính Chúa của nàng. Và nàng được chấp nhận. Vào thời kỳ tôi bắt đầu lui tới nhà Madame Swann, vấn đề bài Do Thái chưa đặt ra, nhưng bà tựa như một cái gì mà người ta muốn lãng tránh một thời gian.

Còn Swann thì thường hay đến thăm mấy người trong số bạn ngày xưa, tất cả đều thuộc hàng cao sang nhất trong giới thượng lưu. Tuy nhiên, khi ông nói với chúng tôi về những người ông vừa tới thăm, tôi nhận thấy sự lựa chọn của ông trong số bạn bè cũ dựa theo vẫn cái thứ khẩu vị nửa nghệ thuật nửa lịch sử đã tạo cảm hứng cho nhà suu

tâm trong ông. Khi nhận xét rằng sở dĩ ông hay quan tâm đến người này người nọ trong số những đại phu nhân bị giáng cấp là vì bà ta từng là người tình của Liszt hay bà nội của bà đã được Balzac đề tặng một cuốn tiểu thuyết (cũng như ông mua một ký họa vì Chateaubriand đã mô tả bức đó), tôi ngờ rằng chúng tôi đã thay cái sai lầm hồi ở Combray: tưởng Swann là một trưởng giả không lui tới xã hội thượng lưu, bằng một sai lầm khác: tưởng ông là một trong những người thanh lịch nhất Paris. Là bạn của bá tước De Paris chẳng có nghĩa gì hết. Có bao nhiêu “thân hữu của các ông hoàng” không được tiếp ở một *salon* tương đối khép kín? Các ông hoàng tự biết mình là hoàng thân, không phải loại đua đòi thời thượng và thậm chí còn nghĩ mình vượt trên hẳn những gì không mang dòng máu hoàng tộc tới mức họ thấy, bên dưới họ, cả lãnh chúa lẫn trưởng giả đều gần như đồng hạng.

Vả chăng, nơi cái xã hội giao tế như nó đang hiện hữu và bằng cách gắn bó với những cái tên mà quá khứ đã ghi khắc vào xã hội đó, đến giờ vẫn còn đọc được, Swann không chỉ kiếm tìm một khoái thú thuần túy của kẻ sĩ, ông còn thưởng thức một trò tiêu khiển khá tầm thường bằng cách tập hợp những yếu tố không thuần nhất, những con người xuất thân khác nhau, thành một cái gì tựa như những bó hoa xã hội. Những thử nghiệm xã hội học vui vui ấy (hoặc giả Swann thấy thế) không gây cùng một phản ứng giống nhau - ít nhất là một cách thường xuyên - ở tất cả các bạn gái của vợ ông. “Tôi có ý định mời hai ông bà Cottard và nữ công tước De Vendôme cùng dự một bữa tối,” ông

vừa cười vừa nói với Madame Bontemps, với cái vẻ thèm thuồng của một tay sành ăn ấp ủ ý định thử cải tiến một món tốt bằng cách thay nụ đình hương bằng hạt tiêu Cayenne. Nhưng cái dự định này, mà chắc chắn ông bà Cottard sẽ coi là hỉ sự, theo nghĩa cổ của từ này, lại khiến Madame Bontemps uất giận. Mới đây thôi, bà được vợ chồng Swann giới thiệu với nữ công tước De Vendôme và bà thấy điều đó vừa khoan khoái dễ chịu vừa tự nhiên. Việc bà hãnh diện kể lại vinh dự ấy cho vợ chồng Cottard nghe không phải phần nhỏ nhất trong khoái cảm của bà. Nhưng cũng giống những người mới được Bắc Đẩu bội tinh, ngay sau khi được tặng thưởng, muốn thấy cái rô bi nê ban phát huân chương đóng vôi lại, Madame Bontemps những mong sau mình, sẽ chẳng còn ai trong giới của bà được giới thiệu với bà hoàng kia nữa. Bà nguyên rủa thầm cái “gu” sa đọa của Swann: để thực hiện một ngón thắm mỹ kỳ quái khốn kiếp, nó xui ông phải tay một cái xóa sạch tất cả công sức bà ta huyên thuyên kể về nữ công tước De Vendôme để lèo vợ chồng Cottard. Làm sao bà còn dám mở miệng báo với chồng rằng giáo sư Cottard cùng vợ mình cũng sắp sửa, đến lượt họ, được hưởng niềm thích thú mà bà đã khoe với ông là duy nhất? Giá như vợ chồng Cottard biết được rằng họ không được mời thành tâm, mà chỉ để vui đùa! Thật ra, với vợ chồng Bontemps cũng chẳng khác gì, nhưng Swann, học được từ giới quý tộc cái mẹo Sở Khanh* khéo dụ hai người đàn bà chẳng đáng giá gì khiến ả nào cũng tưởng mình mới là người được yêu thật sự, đã nói với Madame Bontemps về nữ công tước De Vendôme như về một người

mà bà ta chính là người thích hợp nhất để ngồi cùng bàn chia sẻ bữa tiệc tối. “Vâng, chúng tôi tính mời bà quận chúa cùng ông bà Cottard,” mấy tuần sau, Madame Swann nói, “chồng tôi nghĩ sự kết hợp này có thể tạo ra một cái gì thật vui,” vì nếu bà vẫn còn giữ một số thói quen ưa thích của bà Verdurin từ thời cái “hạt nhân nhỏ”, như là thật to để các “tín đồ” nghe thấy, thì bù lại, giờ đây bà đã dùng những từ ngữ - tỉ như “kết hợp” - được ưa chuộng ở môi trường Guermantes mà một cách vô thức và từ xa, bà chịu sức hút như biển chịu sức hút của mặt trăng, mà không xích gần lại được là bao. “Phải, vợ chồng Cottard và nữ công tước De Vendôme, bà thấy thế có vui không?” Swann hỏi. “Tôi nghĩ điều đó sẽ gây hiệu quả rất tệ và ông sẽ chỉ chuốc lấy phiền hà mà thôi, không nên đùa với lửa,” Madame Bontemps giận dữ trả lời. Vả lại, chính bà và một bà bạn, cũng như hoàng thân D’Agrigente, đều được mời đến bữa tiệc tối ấy; về bữa tiệc này, Madame Bontemps và Cottard có hai cách kể lại khác nhau, tùy theo đối tượng nghe họ. Với những người hỏi có ai khác nữa tại bữa tiệc, Madame Bontemps, về phần mình, Cottard, phía ông ta, đều trả lời với vẻ thờ ơ: “Chỉ có hoàng thân D’Agrigente thôi, bữa tối hoàn toàn thân mật mà.” Nhưng có một số khác đánh bạo muốn biết kỹ hơn (thậm chí có lần ai đó đã hỏi Cottard: “Nhưng chẳng phải có cả ông bà Bontemps ở đó sao?” - “Tôi quên mất,” Cottard đỏ mặt trả lời cái tay vụng về ấy mà từ đó trở đi ông xếp vào loại ác khẩu). Đối với những người này, hai cặp vợ chồng Bontemps và Cottard, không ai hỏi ai, mỗi cặp tự chọn một dị bản có

cùng một khung giống nhau, trong đó chỉ riêng tên của họ hoán vị cho nhau mà thôi. Cottard thì nói: “À, chỉ có vợ chồng chủ nhân, công tước De Vendôme và phu nhân... (mỉm cười đắc ý) giáo sư Cottard và phu nhân và - quả thật, có trời biết tại sao, vì sự có mặt của họ thật lạc lõng - ông bà Bontemps.” Madame Bontemps đọc thuộc lòng đúng đoạn ấy, duy có điều là tên của ông bà Bontemps được nêu bật một cách thỏa mãn giữa tên của nữ công tước De Vendôme và của ông hoàng D'Agrigente; cuối cùng là hai kẻ vô bổ mà bà kết tội tự ý đột nhập, làm vấy bẩn cả bàn tiệc: vợ chồng nhà Cottard.

Thường thì gần đến giờ ăn tối, thăm thú xong xuôi, Swann mới về nhà. Vào cái lúc sáu giờ tối ấy, thời điểm mà xưa kia, ông thường cảm thấy rất khổ sở, giờ đây ông thôi không còn tự hỏi không biết Odette đang làm gì và lo rằng bà đang có khách trong phòng riêng hoặc đã ra khỏi nhà. Đôi khi ông nhớ lại một hôm trước đây bao nhiêu năm ông đã tìm cách đọc qua phong bì một bức thư Odette viết cho Forcheville. Nhưng cái ký ức ấy chẳng làm ông dễ chịu gì và thay vì đào sâu thêm nỗi xấu hổ nó gợi lại, ông khẽ nhếch mép và nếu cần thì kèm theo một cái hất đầu có nghĩa là: “Thế thì việc quái gì!” Hẳn nhiên, bây giờ, ông cho rằng cái giả thuyết mà dạo xưa ông nhiều lần khẳng định, theo đó chính những gì máu ghen của ông tưởng tượng ra đã bôi đen cuộc đời thật ra là trong trắng của Odette, rằng giả thuyết này (xét cho cùng, nó cũng tốt lành, vì trong suốt quá trình “lâm trọng bệnh yêu đương”, nó làm ông bớt đau đớn bằng cách khiến ông thấy chúng là

sản phẩm của tưởng tượng) là không chân xác, rằng máu ghen của ông đã nhìn đúng và rằng nếu Odette đã yêu ông hơn ông tưởng, thì bà cũng đã lừa dối ông nhiều hơn. Đạo xưa, trong nỗi đau vô hạn, ông tự nguyện với bản thân là khi nào ông hết yêu Odette, không còn sợ làm bà nổi giận hay khiến bà tưởng lầm là do ông quá yêu bà, ông sẽ tự thỏa mãn mình bằng cách phân giải với bà làm sáng tỏ một điểm như là một nghi vấn lịch sử, đơn thuần vì lòng yêu chân lý: Forcheville có ngủ với bà hay không vào cái hôm ông bấm chuông và gõ vào ô kính mà không được ai mở cửa, cái hôm bà viết cho Forcheville giải thích rằng đó là một ông chú của bà ở quê lên thăm? Nhưng chính cái vấn đề rất lý thú là ông chỉ chờ dứt cơn ghen để làm sáng tỏ sự tình lại mất hết lý thú khi mà ông không còn ghen nữa. Tuy nhiên không phải ngay tức khắc. Trước đó, tuy ông đã thôi không còn cảm thấy ghen đối với Odette, nhưng hể nhớ lại cái buổi chiều gõ cửa ngôi nhà nhỏ ở phố Pérouse một cách vô vọng, máu ghen lại tiếp tục trào lên trong ông. Như thế máu ghen có phần giống một số bệnh mà trung khu và nguồn gốc lây lan không nằm trong con người mà ngụ tại nơi chốn, trong một số ngôi nhà con người ở, đối tượng của nó không phải bản thân Odette, mà là cái hôm ấy, cái giờ ấy trong quá khứ xa lắc, khi Swann gõ tất cả các cửa vào ngôi nhà của Odette. Có thể nói chỉ riêng cái ngày hôm ấy, cái giờ phút ấy đã cố định một vài mảnh cuối cùng của tính cách si tình Swann từng có đạo xưa, mà ông chỉ còn tìm thấy lại ở đó. Từ lâu rồi, ông không còn bận tâm đến chuyện Odette đã lừa dối và vẫn đang còn lừa dối mình. Và

mặc dù vậy, ông vẫn tiếp tục, suốt mấy năm liền, tìm kiếm những người ở cũ của Odette vì trong ông vẫn tồn tại dai dẳng nỗi tò mò đau đớn muốn biết vào lúc sáu giờ cái ngày xa xôi ấy, Odette có ngủ với Forcheville không. Rồi chính nỗi tò mò ấy cũng đã biến mất mà ông vẫn không ngừng điều tra. Ông tiếp tục cố tìm biết những điều không làm ông quan tâm nữa, bởi vì cái tôi ngày xưa của ông, tàn lụi đến tột cùng, vẫn vận hành như một cái máy, theo những thành kiến đã hủy bỏ, đến nỗi Swann thậm chí không còn cách nào hình dung ra nỗi khắc khoải cũ, mặc dù ngày ấy nó dữ dội tới mức lúc đó ông tưởng không bao giờ có thể thoát ra khỏi nó và chỉ có cái chết của người mình yêu (như một phép phản nghiệm tàn nhẫn sẽ chứng minh ở phần sau cuốn sách này, cái chết chẳng hề may mắn làm giảm nhẹ những nỗi đau của lòng ghen) mới có thể - ông nghĩ vậy - san bằng con đường bị chặn kín hoàn toàn của đời ông.

Nhưng làm sáng tỏ những sự việc trong đời sống của Odette từng gây nên cho ông những đau khổ ấy, không phải là mong ước duy nhất của Swann; ông còn để dành cái ước muốn trả thù Odette khi, lửa yêu đương đã tắt, ông không còn sợ bà nữa; vậy mà đích thị cơ hội để thỏa mãn niềm mong ước thứ hai ấy đã đến, khi Swann yêu một người đàn bà khác, một người đàn bà không làm gì khiến ông có lý do để ghen, nhưng lại làm ông ghen, vì ông không thể đổi mới cách yêu và ông lại áp dụng chính cái cách ông yêu Odette với người đàn bà mới này. Để cho lòng ghen của Swann sống lại, không nhất thiết là người đàn bà ấy phải bội bạc, chỉ cần, chẳng hạn, người ấy, vì một lý do nào đó, ở cách xa

ông, dự một dạ hội và có vẻ vui thú ở đấy. Thế là đủ để đánh thức trong ông nỗi khắc khoải xưa, cái khối u thâm lầy thấm hại và đầy mâu thuẫn của mối tình ông, nó đẩy Swann ra xa khỏi con người thực của thiếu phụ ấy như một nhu cầu cần tìm hiểu (tình cảm thật sự mà nàng dành cho ông, khao khát thầm kín thường ngày của nàng, bí mật của trái tim nàng) vì giữa Swann và người đàn bà ông yêu, nỗi khắc khoải ấy đã đặt một đồng những ngò vực không sao đẹp nổi trước kia mà nguyên nhân bắt nguồn từ Odette, hay có thể là từ một người đàn bà nào đó trước Odette và những ngò vực ấy chỉ còn cho phép kẻ si tình đã luống tuổi hiểu người yêu hôm nay của mình qua cái bóng ma tập thể ngày xưa của “người đàn bà đã khơi bùng ngọn lửa ghen tuông nơi ông ta”, cái bóng ma mà ông ta đã tùy tiện coi là hiện thân cho mối tình mới của mình. Tuy nhiên, Swann nhiều khi buộc tội cái máu ghen ấy đã khiến ông nhắm mắt tin vào những sự phản bội tưởng tượng; nhưng liền đó ông nhớ lại là đã suy luận như thế để biện minh cho Odette và ông đã sai lầm. Cho nên tất cả những gì người thiếu phụ ông yêu đã làm trong những giờ ông không ở bên nàng, ông không còn thấy là vô tội nữa. Nhưng, trong khi dạo xưa ông đã nguyên nếu vạn nhất ông hết yêu người đàn bà mà ông không đoán trước được là một ngày kia sẽ trở thành vợ mình, thì sẽ quyết liệt biểu tỏ thái độ lạnh lùng - xét cho cùng là thật lòng - của mình để trả thù cho lòng kiêu hãnh bao lâu bị hạ nhục của mình, thì sự trả đũa mà giờ đây ông có thể an toàn thực hiện chẳng sợ gì (vì dù ông có nói hớ hay mất đi những cuộc đầu kê má ấp với Odette, vốn xưa

rất cần thiết đối với ông, thì đã sao?), sự trả đũa ấy ông không thiết nữa; tình yêu chết thì ý muốn tỏ ra mình không yêu nữa cũng biến mất theo. Và nếu như trong thời gian Odette làm ông đau khổ, Swann rất khát khao có một ngày để cho bà thấy là ông đã yêu một người đàn bà khác, thì giờ đây, khi mà ông có thể làm thế, ông lại hết sức thận trọng không để vợ ngờ vực gì về mối tình mới của mình.

Từ giờ trở đi, tôi không chỉ được mời đến những bữa trà buổi chiều ở nhà Gilberte - trước đây, vì những bữa trà đó, tôi đã phải buồn bã nhìn Gilberte chia tay ra về sớm - mà còn được phép đi theo trong những lần nàng cùng mẹ ra phố, hoặc để dạo chơi hoặc để đến nhà hát xem biểu diễn; trước kia, những buổi đi phố với mẹ như vậy khiến nàng không đến vườn Champs-Élysée được, để tôi cả ngày bơ vơ một mình dọc theo bãi cỏ hoặc trước đám ngựa gỗ, bây giờ ông bà Swann đã chấp nhận để tôi tham gia, cho tôi một chỗ trong chiếc xe ngựa của họ, thậm chí còn hỏi ý kiến tôi, xem tôi thích đi đâu hơn: xem hát, dự một bài học khiêu vũ ở nhà bạn của Gilberte, dự một cuộc họp mặt thượng lưu ở nhà bạn của ông bà Swann (mà bà Swann sính tiếng Anh gọi là một cuộc *meeting* nhỏ) hay tham quan khu mộ của thánh Saint-Denis.

Những hôm phải đi phố cùng gia đình Swann, tôi đến nhà họ dùng bữa trưa, mà bà Swann gọi là *lunch*; vì giờ tôi được mời tới là mười hai rưỡi và vì dạo ấy, cha mẹ tôi ăn trưa vào lúc mười một giờ mười lăm, nên chỉ sau khi cha mẹ tôi ra khỏi bàn ăn, tôi mới bắt đầu đi về phía cái khu phố sang trọng, lúc nào cũng vắng vẻ, nhất là vào giờ này, khi

mọi người đã trở về nhà. Ngay giữa mùa đông, sương giá, nhưng trời nắng ráo, tôi cứ dạo lui dạo tới các đại lộ, vừa đi vừa thi thoảng siết chặt lại chiếc cà vạt đẹp mua ở hiệu Charvet* và ngó xem đôi giày cao cổ bóng loáng có bị vấy bẩn không, chờ đến mười hai giờ hai mươi bảy phút. Từ xa, tôi đã thấy những thân cây trụi lá trong mảnh vườn nhỏ nhà ông bà Swann lấp lánh như sương giá dưới ánh mặt trời. Đành rằng mảnh vườn này chỉ có hai cây, nhưng cái giờ không thích hợp này lại làm mới cảnh vật. Viễn cảnh hồi hộp được ăn trưa ở nhà Madame Swann, quỵt vào những cảm khoái trước thiên nhiên (càng sâu sắc hơn do rời bỏ thói quen và do cả cái đói nữa), không làm giảm những cảm khoái ấy, mà bao trùm chúng, khuất phục chúng, biến chúng thành những phụ tùng thời thượng; thành thử tôi như phát hiện ra cái thời tiết đẹp, cái rét, cái ánh sáng mùa đông vào cái giờ này mà thông thường, tôi không cảm nhận thấy chúng, điều đó giống như một thứ mở đầu cho món trứng sốt kem, như một lớp láng ngoài, một lớp láng bóng tươi tắn màu hồng trát thêm lên lớp bọc ngoài của cái thánh đường nhỏ bí ẩn là ngôi nhà của Madame Swann, trong đó, ngược lại, có biết bao hơi ấm và hoa lừng hương ngát.

Cuối cùng, đúng mười hai rưỡi, tôi quyết định bước vào ngôi nhà mà tôi cảm thấy, như một chiếc giày lớn của ông già Noël, nó sẽ mang lại cho tôi những khoái thú siêu phàm. (Tien đây xin nói, cả Madame Swann và Gilberte đều không biết đến cái từ Noël, họ thay nó bằng từ *Christmas* và chỉ nhắc đến, nào là chiếc bánh pudding *Christmas*, nào

là nhận được những quà gì nhân dịp *Christmas*, nào là họ sẽ đi nghỉ *Christmas* - điều này làm tôi đau buồn đến phát điên. Thậm chí khiến tôi ngay cả khi ở nhà cũng cảm thấy như ngưng mồm nếu dùng từ Noël và chỉ nói *Christmas* thôi, điều cha tôi thấy là cực kỳ lố bịch).

Mới đầu, tôi chỉ gặp một người hầu; sau khi dẫn tôi qua mấy phòng khách lớn, anh ta đưa tôi vào một phòng khách nhỏ xíu, trống không mà buổi chiều lọt qua cửa sổ đã bắt đầu nhuộm một màu xanh mơ mộng; tôi còn lại một mình với những đóa phong lan, hồng và vi ô lét; giống như những người ngồi đợi cạnh ta mà không quen ta, những đóa hoa ấy giữ cái im lặng mà cá tính riêng của chúng với tư cách là sinh vật khiến cho càng nổi bật, và run rẩy đón nhận hơi ấm từ một ngọn lửa than sáng trắng được trân trọng đặt sau một tấm kính pha lê trong chiếc vạc bằng cẩm thạch trắng, chốc chốc lại trút lả tả những hạt hồng ngọc nguy hiểm của nó xuống lòng vạc.

Tôi ngồi xuống nhưng lại vội vàng đứng lên khi nghe tiếng cửa mở; đó chỉ là anh hầu thứ hai, rồi thứ ba và kết quả nhỏ nhoi mà sự đi đi lại lại làm tôi bối rối một cách vô ích ấy đạt được chỉ là bỏ thêm ít than vào ngọn lửa hay đổ thêm nước vào các bình. Họ đi khỏi rồi, tôi lại một mình sau cánh cửa khép lại mà cuối cùng, chắc là bà Swann cũng đến mở ra. Và chắc hẳn, nếu có rơi vào một cái hang ổ thần bí nào đó, tôi cũng không bối rối bằng khi ngồi trong cái phòng chờ nhỏ bé này, ở đó tôi cảm thấy ngọn lửa đang tiến hành những phép biến hóa như trong phòng thí nghiệm của Klingsor*. Lại có tiếng chân bước, tôi không

đứng dậy, tưởng vẫn là một người hầu; đó là ông Swann. “Sao? Có mình cậu ở đây thôi ư? Chao, bà vợ tội nghiệp của tôi chả bao giờ biết giờ giấc gì cả. Một giờ kém mười rồi. Mỗi ngày một muộn hơn. Rồi cậu xem, bà ấy vẫn đứng đĩnh chảng đi đâu mà vội, tưởng mình đến sớm.” Và vì vẫn đau thần kinh khớp và trở nên hơi nực cười, việc có một người vợ ít tôn trọng giờ giấc đến thế, đi dạo ở rừng Boulogne thường về rất trễ, kể cả suốt buổi ở nhà cô thợ khâu và không bao giờ về ăn trưa đúng giờ, khiến Swann lo cho bao tử của mình, song lại môn trớn lòng tự ái của ông.

Ông cho tôi xem những thứ ông vừa mới mua và giải thích cho tôi hiểu cái hay cái đẹp nơi chúng, nhưng vì hồi hộp, lại thêm nỗi không quen nhìn ăn đến tận giờ này, đầu óc tôi vừa xáo động lại vừa trống trơn, thành thử trong khi miệng vẫn có thể nói nhưng tai tôi chẳng nghe thấy gì. Và chẳng, với những tác phẩm thuộc sở hữu của Swann, chỉ cần chúng ở đây, là một bộ phận của cái giờ tuyệt diệu trước bữa ăn trưa, là đủ đối với tôi. Ngay cả *La Joconde*, nếu có ở đây, cũng không làm tôi vui thích hơn một chiếc áo ngủ hay những lọ thuốc muối của Madame Swann.

Tôi tiếp tục chờ, một mình hay với ông Swann, và có lúc Gilberte cũng đến ngồi cùng chúng tôi. Tôi cảm thấy sự xuất hiện của Madame Swann, với bao bước chuẩn bị trang nghiêm như vậy, ắt phải là một cái gì thật lớn lao. Tôi rình ngóng từng tiếng cọt kẹt nhỏ. Nhưng người ta không bao giờ thấy một nhà thờ, một ngọn sóng trong bão tố, cú nhảy của một vũ nữ, cao như người ta chờ đợi; sau những gã hầu mặc chế phục, giống như những vai chạy cờ diễu đi diễu lại

trên sân khấu, chuẩn bị - song cũng do đó, làm giảm hiệu quả - sự xuất hiện chung cuộc của nữ hoàng, bà Swann, trong chiếc palotô bằng lông rái cá, tấm mạng che trể xuống sống mũi đỏ ửng vì lạnh, len lén bước vào, trái với bao hứa hẹn trí tưởng tượng của tôi ấp ủ suốt trong thời gian chờ đợi.

Nhưng nếu bà ở nhà cả buổi sáng, thì khi vào phòng khách, bà thường khoác một chiếc áo choàng mà tôi thấy trang nhã hơn mọi chiếc váy dài. Đôi khi, ông bà Swann quyết định ở nhà cả buổi chiều. Và khi đó, vì ăn trưa muộn thế, nên tôi mau chóng thấy trên bức tường của mảnh vườn ngả dần ánh dương của cái ngày mà tôi đã ngỡ phải khác xa với mọi ngày và cho dù đám gia nhân đã mang đến những cây nến đủ mọi cỡ, đủ màu sắc, mỗi cây đặt trên một chiếc bàn chân quỳ, một chiếc bàn tròn, một góc tường hoặc một chiếc bàn nhỏ, coi như bàn thờ, như để cử hành một cuộc cúng bái xa lạ, vẫn chẳng có gì phi thường nảy ra từ trò chuyện và tôi ra về thất vọng như người ta thường thất vọng từ tuổi thơ, sau lễ mi xa lúc nửa đêm.

Nhưng nỗi thất vọng ấy chỉ nằm trong tâm thôi. Ở nhà ông bà Swann, tôi luôn rạng rỡ niềm vui, ví dụ Gilberte chưa đến nhập bọn với chúng tôi, thì bất cứ lúc nào nàng cũng có thể bước vào, mang đến cho tôi giọng nói của nàng, ánh mắt chăm chú và tươi rói của nàng như tôi đã thấy lần đầu tiên ở Combray. Cùng lắm, tôi chỉ thấy hơi ghen khi thấy nàng thường hay biến vào một cầu thang bên trong dẫn lên mấy phòng lớn trên gác. Buộc phải ở lại phòng khách, như chàng si của một nữ diễn viên chỉ có một

chỗ ở hàng ghế ngồi cạnh dàn nhạc, đành thắc thỏm tưởng tượng những gì diễn ra sau cánh gà hay trong phòng nghỉ của diễn viên, tôi hỏi ông Swann về cuộc liên hoan khác trong nhà, những câu hỏi tuy khéo che đậy nhưng giọng vẫn không khỏi lộ chút lo lắng. Ông giải thích rằng gian phòng Gilberte vừa đến là phòng giặt đồ, ông sẵn sàng chỉ cho tôi xem và hứa hễ lần sau Gilberte phải tới đó, ông sẽ bắt nàng đưa tôi theo. Những lời sau cùng này của ông Swann làm tôi nhẹ hẫng người và bỗng nhiên xóa phăng cho tôi cái khoảng cách gớm ghiếc trong tâm tưởng nó khiến ta thấy người đàn bà mình yêu xiết bao xa vời. Vào lúc ấy, tôi nghĩ niềm trù mến tôi cảm thấy đối với ông còn sâu xa hơn cả lòng yêu thương tôi dành cho Gilberte. Bởi lẽ, là chủ nhân của con gái mình, ông sẵn sàng tặng nàng cho tôi, còn bản thân nàng, đôi khi nàng không chịu, tôi làm sao có ảnh hưởng trực tiếp đối với nàng bằng được ảnh hưởng gián tiếp của Swann. Sau nữa, tôi yêu nàng và vì vậy, không thể gặp nàng mà không bối rối, không khao khát một cái gì hơn thế nữa, điều khiến ta mất đi cảm giác đang yêu khi ở ngay cạnh người mình yêu.

Vả chăng, chúng tôi ít khi ngồi nhà, mà thường hay đi dạo. Đôi khi, trước khi mặc đồ để ra ngoài, Madame Swann ngồi vào piano. Đôi bàn tay đẹp của bà, thò ra khỏi những ống tay áo ngủ bằng nhiều Tàu, màu hồng hoặc trắng, thường là những màu rất tươi, vươn dài những đốt ngón trên phím đàn với cùng một vẻ buồn trong mắt bà nhưng không ở trong tim bà. Chính vào một trong những ngày đó, bà đã chơi cái đoạn trong bản Sonate của Vinteuil có khổ

nhạc nhỏ mà Swann rất yêu thích. Nhưng thường thì nếu ta nghe lần đầu một bản nhạc hơi phức tạp một chút, ta sẽ không thấy gì cả. Tuy nhiên, về sau, khi đã được nghe diễn tấu bản sonate ấy hai, ba lần, tôi thấy mình hoàn toàn có thể nhận biết được. Cho nên người ta không sai khi nói “nghe lần đầu tiên”. Nếu ta thực sự không nhận ra điều gì cả trong lần nghe đầu tiên, như ta tưởng, thì lần thứ hai, thứ ba cũng sẽ chẳng khác lần đầu và chẳng có lý do gì để ta hiểu thêm điều gì khi nghe đến lần thứ mười. Có lẽ cái ta hiểu trong lần đầu không phải là khả năng nhận thức, mà là trí nhớ. Bởi vì trí nhớ của chúng ta, so với sự phức tạp của những ấn tượng ồ ạt vào nó trong khi chúng ta nghe, là cực nhỏ bé, ngắn ngủi như trí nhớ của một người nghĩ lan man về trăm ngàn thứ trong khi ngủ rồi quên tức thì, hay của một người đã gần như lẫn lộn, không nhớ nổi điều người ta vừa nói với mình ngay phút trước. Những ấn tượng đa dạng ấy, ký ức không thể ngay lập tức cung cấp cho ta hồi tưởng về chúng. Nhưng hồi tưởng này hình thành dần dần trong ký ức và đối với những tác phẩm ta đã nghe hai, ba lần, ta giống như cậu học trò, trước khi ngủ, đã đọc lại mấy lượt một bài học mà cậu ta tưởng không sao thuộc nổi, rồi sớm hôm sau bỗng đọc thuộc lòng cả bài. Có điều, cho tới hôm ấy, tôi chưa hề nghe đoạn nào của bản sonate đó, và ở chỗ ông bà Swann thấy một câu nhạc rõ ràng, thì đối với cảm nhận tỏ tường của tôi, câu nhạc đó cũng xa vời như một cái tên mà người ta cố nhớ lại, nhưng chỉ thấy một khoảng trống mà từ đó, một giờ sau, khi người ta thôi không nghĩ đến nó nữa, bỗng nhất loạt vọt ra những âm

tiết mà thoát đầu, người ta hoài công ra sức tìm kiếm. Và chẳng người ta không nhớ ngay những tác phẩm thực sự hiếm thấy, mà thậm chí những gì người ta cảm nhận thấy trước tiên trong những tác phẩm ấy lại là những phần ít giá trị nhất - điều đã xảy đến với tôi khi nghe bản Sonate của Vinteuil. Thành thử tôi không chỉ nhầm khi nghĩ rằng tác phẩm này không dành thêm gì nữa cho tôi (điều khiến trong một thời gian dài, tôi không tìm nghe nó) một khi bà Swann đã chơi cho tôi nghe câu nhạc trứ danh nhất của bản sonate (về cái đó, tôi cũng ngu xuẩn như những kẻ không hy vọng cảm thấy bất ngờ gì nữa trước nhà thờ Saint-Marc ở Venise vì ảnh chụp đã cho họ biết hình nóc vòm của nó). Nhưng hơn nữa, ngay cả khi tôi đã nghe bản sonate từ đầu đến cuối, tôi vẫn thấy nó hầu như hoàn toàn vô hình như một tòa lâu ở cách xa bị sương mù che khuất, chỉ để lờ mờ lộ ra đôi phần. Từ đó, nảy sinh cái nỗi buồn man mác thường gắn với nhận thức của ta về những tác phẩm như vậy, cũng như về tất cả những gì đơm hoa kết trái qua thời gian. Khi tôi phát hiện ra những gì sâu kín nhất trong bản sonate của Vinteuil, thì, do đã bị cuốn theo cái thói quen mà cảm quan của tôi không kiểm soát nổi, những gì thoát tiên, tôi phân biệt được và ưa thích, bắt đầu vượt khỏi tôi, lẫn trốn tôi. Vì chỉ có thể yêu thích tất cả những gì bản sonate ấy mang đến cho tôi trong từng giai đoạn kế tiếp nhau, tôi không bao giờ nắm được nó hoàn toàn: nó giống như cuộc sống. Nhưng ít gây thất vọng hơn cuộc sống, những kiệt tác vĩ đại ấy không cho chúng ta thấy những gì ưu tú nhất của chúng ngay từ đầu. Trong

bản Sonate của Vinteuil, những nét đẹp ta phát hiện ra sớm nhất cũng chính là những nét khiến ta mau chán nhất, hẳn vì cùng một lý do; chúng không mấy khác những gì ta đã biết. Nhưng khi những nét ấy đã lùi xa, vẫn còn đó một cái gì khác để ta yêu thích, một câu nhạc mà hình thức của nó - quá mới để đầu óc ta phân biệt được gì khác ngoài sự hỗn độn - khiến ta không thể nhận dạng được nó và duy trì nó nguyên vẹn trước mắt ta; vậy là ngày nào chúng ta cũng đi qua trước mặt nó mà không biết, nó tự tiết chế, trở thành vô hình chỉ bằng uy lực vẻ đẹp của nó và vẫn là ẩn số - nó đến với ta sau rốt. Nhưng ta cũng sẽ chia tay với nó sau cùng. Và chúng ta sẽ yêu nó dài lâu hơn những câu nhạc khác vì ta đã phải bỏ thời gian lâu dài hơn để yêu được nó. Vả chẳng quãng thời gian cần cho một cá nhân - như nó cần cho tôi đối với bản Sonate ấy - để thâm nhập vào một tác phẩm hơi sâu xa một chút, chỉ là con đường tắt và như là biểu tượng của năm tháng, đôi khi là của cả thế kỷ trôi qua trước khi công chúng có thể yêu được một kiệt tác thực sự mới. Cho nên, để khỏi bị đám đông ngộ nhận, người thiên tài tự nhủ có lẽ những tác phẩm viết cho hậu thế chỉ nên để cho hậu thế đọc, người đương thời thiếu bước lùi cần thiết, như một số tranh nhìn quá gần thường bị nhận định sai. Nhưng mọi sự thận trọng hèn nhát để tránh những nhận định sai lầm đều vô ích, chúng là tất yếu không sao tránh khỏi. Nguyên nhân khiến một tác phẩm thiên tài không được ngưỡng mộ ngay lập tức, đó là vì tác giả của nó là người phi thường, ít ai giống anh ta. Chính bản thân tác phẩm của anh ta, bằng cách vun bón cho

những đầu óc hiếm hoi có thể hiểu anh ta, sẽ làm cho những đầu óc đó nảy nở và nhân bội lên. Những bản tứ tấu của Beethoven (những bản tứ tấu số 12, 13, 14 và 15* phải mất năm mươi năm mới tạo sinh và làm đông thêm lớp công chúng nghe tứ tấu của Beethoven, và như vậy, giống như mọi kiệt tác, thực hiện một bước tiến nếu không phải về giá trị của các nghệ sĩ thì ít nhất cũng là về mặt công chúng trí tuệ, lớp công chúng này hiện bao gồm rộng rãi những gì không thể tìm thấy được vào thời kỳ kiệt tác ấy ra đời, nghĩa là những con người có thể yêu được nó. Cái mà người ta gọi là hậu thế, đó là hậu thế của tác phẩm. Tác phẩm của một thiên tài - trong khi, để đơn giản hóa, không cần tính đến những thiên tài cùng thời có thể song song vừa sáng tạo vừa chuẩn bị cho tương lai một lớp công chúng am tường hơn sẽ biết đánh giá những thiên tài khác - phải tự tạo ra hậu thế của riêng mình. Vậy nếu tác phẩm được dành lại, chỉ để cho hậu thế biết, thì đối với tác phẩm này, hậu thế ấy sẽ không phải hậu thế, mà là một tập hợp những đương thời, chỉ khác cái là sống vào quãng năm mươi năm sau mà thôi. Cho nên người nghệ sĩ, nếu muốn cho tác phẩm của mình đi theo con đường của nó, phải ném thẳng nó vào chiều sâu tương lai xa xôi, như Vinteuil đã làm. Tuy nhiên, về cái thời sẽ đến ấy, triển vọng đích thực của các kiệt tác, nếu như không tính đến nó là sai lầm của những giám định tồi, thì đôi khi quá coi trọng nó lại là sự thận trọng nguy hiểm của những người nhận định đúng. Hẳn là trong một ảo tưởng tương tự như cái ảo tưởng đồng dạng hóa tất cả những gì trên đường chân trời, người ta có

thể dễ dàng nghĩ rằng tất cả các cuộc cách mạng đã diễn ra trong hội họa hay trong âm nhạc cho tới nay, dù sao cũng vẫn tôn trọng một số quy tắc, rằng những gì ở ngay trước mắt chúng ta - chủ nghĩa ấn tượng, sự tìm kiếm nghịch âm, việc sử dụng độc tôn âm giai Trung Hoa, chủ nghĩa lập thể, chủ nghĩa vị lai - đều khác xa những gì có trước*. Là vì khi xem xét những gì đã có trước, người ta không tính đến việc một quá trình đồng hóa lâu dài đã cải biến chúng thành một chất tuy có đa dạng, song tổng lại vẫn là đồng nhất, trong đó Hugo sát cánh với Molière. Hãy thử nghĩ đến những điều linh tinh khó tin về tuổi trung niên của ta được tiên đoán trong một lá số tử vi được lập ngay trước mặt ta hồi ta còn niên thiếu - nếu ta không tính đến thời gian sẽ tới và những thay đổi nó mang lại. Có điều, không phải mọi lá số tử vi đều chính xác, và việc một tác phẩm nghệ thuật buộc phải đưa nhân tố thời gian vào tổng thể vẻ đẹp của nó, khiến nhận định của chúng ta dính một chút gì cũng không chắc chắn và, do đó, cũng mất hết những gì là thực sự lý thú, như mọi tiên đoán mà sự bất ứng nghiệm tuyệt nhiên không hàm nghĩa rằng nhà tiên tri đầu óc kém cỏi, bởi vì điều khởi lên hay loại trừ các khả năng không nhất thiết nằm trong thẩm quyền của thiên tài; một thiên tài có thể không tin vào tương lai của đường sắt hay của máy bay, cũng như một nhà tâm lý học lớn có thể tin một ả nhân tình gian dối hay một gã bạn xảo quyệt, trong khi những kẻ xoàng xĩnh hơn đã nhìn thấy trước sự phản bội của họ.

Tuy không hiểu bản sonate, tôi vẫn thích mê được nghe

Madame Swann chơi đàn. Tôi cảm thấy những ngón tay bà chạm vào phím đàn, cũng như tấm áo choàng của bà, như mùi nước hoa ngào ngạt cầu thang dẫn tới phòng bà, như những chiếc măng tô của bà, như những bông hoa cúc của bà, tất cả đều thuộc một tổng thể cá nhân bí ẩn trong một thế giới vô cùng ưu việt hơn cái thế giới mà ở đó, lý trí có thể phân tích tài năng. “Tuyệt vời, cái bản Sonate của Vinteuil ấy, phải không?” ông Swann nói với tôi. “Cái khoảnh khắc bóng đêm ngập tràn dưới hàng cây, khi mà những hợp âm rải của vĩ cầm tỏa lan khí mát. Cậu phải thừa nhận là tuyệt đẹp đi: ở đó có tất cả cái khía cạnh tĩnh của ánh trăng, nó là khía cạnh chủ yếu. Việc một chế độ điều trị bằng ánh sáng như chế độ bà vợ tôi đang theo không có gì là phi thường, bởi lẽ ánh trăng ngăn không cho lá cây động đậy. Đó là điều được diễn tả rất đạt trong khổ nhạc nhỏ này, đó là rừng Boulogne rơi vào trạng thái nguyên thể. Ở bên bờ biển, điều đó còn nổi bật hơn vì có tiếng thì thầm đáp lại của những con sóng nhỏ mà dĩ nhiên người ta không nghe rõ lắm bởi những thứ khác đều không thể cựa mình. Ở Paris thì trái lại; cùng lắm, người ta chỉ nhận thấy những ánh khác thường trên các tòa cao, cái bầu trời như rực lên một đám cháy không màu sắc và vô hại, cái thứ ngổ đầu như sự kiện lớn mà hóa ra chỉ là tin vặt. Nhưng trong khổ nhạc nhỏ ấy của Vinteuil, vả chăng, trong toàn bộ bản sonate, không phải như thế, điều ấy xảy ra ở rừng Boulogne, trong đoạn *grupetto**, rõ ràng người ta nghe thấy giọng ai đó nói: ‘Hầu như đủ sáng để đọc báo được!’”. Những lời này của ông Swann có thể sau này làm tôi hiểu

sai bản sonate, âm nhạc vốn thoáng, chẳng mấy chuyên nhất nên không thể hoàn toàn gạt bỏ những gì người ta gợi ý cho ta nên tìm tòi lắng nghe trong đó. Nhưng qua những lần khác trò chuyện với ông, tôi hiểu rằng những vòm lá trong đêm ông nói đến chỉ là những tán lá dày trong nhiều tiệm ăn ở ngoại vi Paris mà ông thường ngồi dưới đó nghe đi nghe lại khổ nhạc nhỏ ấy. Thay vì cái ý nghĩa sâu xa ông tìm kiếm trong đó, điều nó mang lại cho Swann là những mô típ lá gọn gàng, cuộn quanh nó (mà nó khiến ông khao khát thấy lại vì ông có cảm giác nó ở bên trong đó như một linh hồn), đó là cả một mùa xuân mà hồi xưa vì quá kích động và buồn phiền, ông không đủ thoải mái để hưởng thụ, mà nó đã lưu giữ lại cho ông (như người ta làm cho một người ốm những thứ ngon lành bổ dưỡng mà anh ta không ăn được). Bản Sonate của Vinteuil có thể kể cho ông hay những điều kỳ thú ông cảm nhận được vào một số đêm trong rừng Boulogne, về những điều này, ông ắt không thể hỏi Odette, mặc dù bà vẫn đi theo ông chẳng khác gì khổ nhạc nhỏ ấy. Nhưng Odette lúc ấy chỉ ở cạnh ông (chứ không ở trong ông như cái mô típ nhạc của Vinteuil) nên tuyệt nhiên không thể thấy - dù bà có khả năng nhận thức lớn hơn gấp nghìn lần - cái điều không thể tự thể hiện ra ngoài với bất kỳ ai trong chúng ta (ít nhất, trong một thời gian dài, tôi cũng đã tưởng quy tắc ấy không miễn trừ ngoại lệ). “Thật ra,” Swann nói, “âm thanh mà phản chiếu được như mặt nước, như một tấm gương, chẳng phải là khá đẹp sao? Và cậu nên biết là khổ nhạc nhỏ của Vinteuil chỉ nêu cho tôi thấy tất cả những gì đạo ấy tôi không để ý tới

mà thôi, về những lo phiền, những cuộc tình của tôi hồi đó, nó không nhắc gì đến nữa, nó đã đánh đổi.” - “Charles, em thấy mình nói vậy là khi bất nhã đối với em đấy.” - “Bất nhã! Phụ nữ đến là hay! Tôi chỉ muốn nói với cậu thiếu niên này những gì âm nhạc chỉ ra - ít nhất là cho tôi - chẳng phải là ‘Ý Chí tự thân*’ và ‘Tổng Hợp cái Vô Cùng’ gì sất, mà là một cái gì chẳng hạn như lão Verdurin mặc áo đuôi tôm trong Nhà Ươm Cọ ở Vườn Thuần hóa*. Hàng ngàn lần không ra khỏi cái phòng khách này, câu nhạc nhỏ ấy đã đưa tôi đi ăn tối ở Armenonville cùng với nó. Lạy Chúa tôi, bao giờ cũng đỡ buồn hơn là đến đó với Madame de Cambremer.” Madame Swann bật cười: “Đó là một phụ nhân rất si mê Charles, là người ta đồn thế,” bà giải thích với tôi, vẫn bằng cái giọng bà dùng để trả lời tôi về Vermeer de Delft* ít phút trước, khi thấy tôi ngạc nhiên trước hiểu biết của bà về danh họa này: “Là vì nhà tôi rất bận tâm nghiên cứu về họa sĩ này trong thời gian ông ấy tìm hiểu tôi. Có phải không, Charles thân yêu?” - “Đừng nói bậy nói bạ về Madame de Cambremer,” ông Swann nói, thực ra trong bụng rất thích. - “Nhưng em chỉ nhắc lại những gì người ta nói với em thôi. Vả lại, hình như cô ấy là một phụ nữ rất thông minh thì phải, tôi không quen cô ấy. Tôi nghĩ cô ấy rất *pushing**, điều đó khiến tôi ngạc nhiên ở một người đàn bà thông minh. Nhưng mọi người đều nói cô ấy mê mình phát điên, điều đó có gì mà làm mình phải phật ý.” Swann giữ cái vẻ lặng thinh của một người điếc, nó đồng thời cũng biểu hiện thói hờn hĩnh. “Vì đoạn em vừa chơi khiến mình nhớ đến Vườn Thuần hóa,” Madame

Swann nói tiếp, giả bộ giận dữ, “chúng ta có thể lấy đó làm đích cho cuộc đi dạo lát nữa, nếu cậu bé này thích. Trời rất đẹp, mình có thể thấy lại những ấn tượng thân thương của mình đấy! Nhân nói về Vườn Thuần hóa, cậu bé này ngỡ chúng ta rất quý mến một người mà trái lại, em luôn lảng thật xa nếu có thể, Madame Blatin! Em thấy thật nhục nhã cho chúng ta nếu người ta tưởng bà ta thân thiết với mình. Đến cả ông bác sĩ Cottard đôn hậu không bao giờ nói xấu ai, cũng phải tuyên bố rằng bà ta là thói tha, thì đủ biết!” - “Thật kinh khủng! Bà ta chỉ còn mỗi một điểm kéo lại là rất giống Savonarole*. Hệt như bức chân dung Savonarole do Fra Bartolomeo* vẽ.” Cái cách Swann tìm thấy trong hội họa những nét giống với thực tại không phải là không có lý, vì ngay cả cái mà ta gọi là biểu hiện cá thể cũng là một cái gì phổ quát ta có thể gặp ở nhiều thời kỳ khác nhau - như ta buồn bã nhận ra là thế, khi ta đang yêu và muốn tin vào tính duy nhất của cá thể. Nhưng nếu ta nghe theo Swann, thì *Đoàn đạo sĩ đến châu Chúa giáng sinh**, từ thời ấy đã sai niên đại, khi Benozzo Gozzoli* đưa vào đó nhiều thành viên gia đình Médicis, lại càng sai hơn, vì nó bao gồm chân dung của một đám người, không phải đương thời với Gozzoli, mà với Swann, tức là không phải sau Ngày Chúa Giáng Sinh mười lăm thế kỷ, mà sau cả chính họa sĩ bốn thế kỷ. Theo Swann, trong đoàn này, không thiếu một nhân vật sáng giá nào của Paris, y như trong một vở kịch của Sardou, tất cả các vị tai to mặt lớn ở Paris - thầy thuốc nổi tiếng, chính trị gia, luật sư - vì tình bạn với tác giả và với nữ diễn viên chính, cũng do “mốt”

nữa, lần lượt mỗi đêm một người, đều có mặt trên sân khấu*. - “Nhưng Madame Blatin thì có gì liên quan với Vườn Thuần hóa?” - “Mọi thứ!” - “Sao, mình nghĩ là bà ta có cái đít màu xanh da trời như lũ khỉ?” - “Charles, mình thật khiếm nhã! Không, em nghĩ đến cái câu gã người Ceylan* nói với bà ta. Mình kể cho cậu ấy nghe đi, quả là một câu dí dỏm.” - “Thật ngu xuẩn. Cậu biết đấy, Madame Blatin thích chào gọi mọi người bằng một vẻ mà bà ta ngỡ là hóa ái và nhất là ra cái điều bề trên che chở.” - “Điều mà những người láng giềng tốt của chúng ta bên bờ sông Thames* gọi là *patronizing**,” Odette ngắt lời. - “Mới đây, bà ta đến Vườn Thuần hóa, ở đấy có người da đen, hình như là người Ceylan, là nhà tôi bảo thế, về lĩnh vực dân tộc học, nhà tôi giỏi hơn tôi nhiều*.” - “Thôi nào, Charles, đừng có giễu.” - “Nhưng tôi đâu có giễu. Vậy là bà ta nói với một trong số những người da đen ấy: ‘Chào chú nhỏ’.” - “Thế thì có gì đâu!” - “Dù sao cái tính ngữ ấy cũng không làm vừa lòng gã da đen. ‘Ta nhỏ, thì mụ, lạc đà!’ gã nổi giận nói với Madame Blatin.” - “Em thấy thật ngộ. Em thấy rất thích câu chuyện này. Chẳng phải là rất *dí dỏm* sao? Lột tả đúng mụ Blatin: ‘Ta nhỏ thì mụ, lạc đà!’”

Tôi tỏ ra hết sức muốn đi xem đám người Ceylan đó, mà một trong số họ đã gọi bà Blatin là: lạc đà. Họ không hề làm tôi quan tâm, nhưng tôi nghĩ rằng để đến Vườn Thuần hóa và từ đó trở về, chúng tôi sẽ phải qua đường Cây Keo, nơi tôi đã bao lần ngắm Madame Swann và có thể người bạn lai đen của Coquelin*, mà tôi chưa bao giờ có dịp cho thấy tôi ngả mũ chào Madame Swann, lần này sẽ nhìn thấy

tôi ngồi cạnh bà trong cỗ xe ngựa Victoria.

Trong những phút ấy, nhân lúc Gilberte về phòng riêng chuẩn bị, không có mặt trong phòng khách với chúng tôi, ông bà Swann vui thích phô với tôi những nét tốt hiếm thấy của con gái họ. Và xem ra tất cả những gì tôi quan sát thấy đều chứng tỏ là họ nói đúng: tôi nhận thấy, như mẹ nàng đã kể với tôi, nàng cư xử, không chỉ với các bạn gái của mình, mà cả với kẻ ăn người làm trong nhà, với những người nghèo khó, đều tỏ ra ân cần, tế nhị, một thái độ được suy tính kỹ càng, mong muốn làm vui lòng mọi người, sợ làm bất kỳ ai phật ý, điều đó thể hiện ở những cố gắng tuy nhỏ nhưng khiến nàng phải rất tốn công. Nàng đã thuê giúp bà bán hàng ở vườn Champs-Élysée một món trang phục và đã đội mưa tuyết đem đến trao trả cho bà không chậm trễ một ngày. “Cậu không biết lòng tốt của Gilberte như thế nào đâu, vì em nó luôn giấu lòng mình,” cha nàng nói. Trẻ thế mà nàng đã có vẻ biết điều hơn cha mẹ mình nhiều. Khi Swann nhắc đến những quan hệ cao sang của vợ ông, Gilberte ngảnh mặt đi và im lặng, nhưng không tỏ vẻ trách móc vì cảm thấy không thể phê bình cha mình, dù là bằng cách nhẹ nhàng nhất. Một hôm, khi tôi kể với nàng về tiểu thư Vinteuil, nàng bảo:

“Tôi sẽ không bao giờ làm quen với cô ta, vì một lẽ cô ta không tốt với cha mình, người ta nói cô ta làm ông rất đau lòng. Anh không thể hiểu điều đó rõ hơn tôi, phải không nào, nếu cha anh mất, hẳn anh sẽ không thiết sống gì hơn tôi nếu ba tôi qua đời, và chẳng đó hoàn toàn là lẽ tự nhiên thôi. Làm sao có thể quên được người mình hằng yêu

thương?”

Và một lần, nàng đặc biệt âu yếm ông Swann hơn bình thường, tôi nêu nhận xét đó khi ông đã đi khỏi, thì nàng đáp:

“Phải, tội nghiệp ba, mấy hôm nay là giỗ ông nội tôi. Anh có thể hiểu ba tôi cảm thấy như thế nào, anh thì anh hiểu điều đó mà, về những chuyện ấy, chúng mình đồng cảm. Cho nên tôi cố gắng bớt tai ác hơn ngày thường.” - “Nhưng ba cô đâu có thấy cô tai ác, ông thấy cô thật hoàn hảo.” - “Tội nghiệp ba, đó là vì ba quá tốt.”

Ông bà Swann không chỉ ca ngợi với tôi những nét tốt của Gilberte - vẫn nàng Gilberte ấy mà ngay cả trước khi được gặp mặt, tôi đã hình dung đứng trước một ngôi nhà thờ, giữa một phong cảnh ở Île-de-France*, rồi sau đó, khi những giấc mơ nàng khơi dậy trong tôi đã nhường chỗ cho những kỷ niệm, tôi luôn thấy nàng hiển hiện trước hàng rào hồng gai, trên con đường nhỏ dốc đứng mà tôi vẫn theo để đi dạo về phía Méséglise. Khi, cố lấy giọng thản nhiên của một người bạn gia đình muốn biết sở thích của một cô bé trong nhà, tôi hỏi Madame Swann xem Gilberte ưa những ai nhất trong đám bạn bè, bà đáp:

“Nhưng chắc cậu được em nó chia sẻ tâm sự nhiều hơn tôi chứ, cậu là người được chuộng nhất mà, là *crack**, như người Anh nói.”

Khi thực tế ứng với điều ta bao lâu mơ ước thành một sự trùng khớp cực kỳ hoàn hảo, nó hoàn toàn che khuất mơ ước ấy khỏi mắt ta, quỵện lẫn với mơ ước ấy, như hai hình bằng nhau chồng khít lên nhau thành một; trong khi đó,

trái lại, để niềm vui của ta trọn vẹn ý nghĩa, ta những muốn tất cả mọi chi tiết của điều ta mong muốn, chính vào lúc ta đạt được nó, vẫn giữ được cái tiếng là phi thể chất - và để chắc chắn hơn rằng đó đúng là niềm mơ ước ấy. Và ngay cả tư duy cũng không thể tái tạo trạng thái cũ để đối chiếu với trạng thái cũ, bởi vì tư duy đã mất phạm vi tự do hoạt động theo ý muốn: những người ta mới làm quen, ký ức về những giây phút đầu tiên không ngờ tới, những lời trò chuyện ta nghe thấy, đã ở đó chắn lối vào ý thức của ta và quản những lối ra khỏi trí nhớ chặt chẽ hơn những lối ra khỏi trí tưởng tượng của ta, chúng tác động trở lại đối với quá khứ của ta mà giờ ta không thể hình dung thiếu chúng, mạnh mẽ hơn là đối với hình thù còn bất định của tương lai. Trong nhiều năm, tôi đã ngỡ việc đến nhà Madame Swann chỉ là một ảo tưởng mơ hồ không bao giờ đạt được; sau khi đã qua mười lăm phút ở nhà bà, thì chính cái quãng thời gian tôi chưa quen biết bà lại trở thành ảo tưởng và mơ hồ, như một khả năng bị triệt tiêu khi một khả năng khác được thực hiện. Làm sao tôi còn có thể mơ về phòng ăn nhà bà như một nơi không màng tượng nổi, khi mà tâm trí tôi không thể vận hành một li leo nào mà không đụng phải những tia sáng không thể chế ngự phát ra từ món tôm hùm tôi vừa ăn, soi thấu vô tận, tới cả những góc ngách quá khứ xa xưa nhất của mình? Và về phần mình, chắc Swann cũng thấy có một cái gì tương tự đã xảy ra: vì cái căn phòng trong đó ông tiếp tôi có thể coi như nơi hòa quyện, trùng khớp vào nhau cả căn phòng lý tưởng do trí tưởng tượng của tôi tạo nên lẫn một căn phòng khác, căn phòng

mà tình yêu đầy máu ghen của Swann, giàu huyền tưởng chẳng kém những giấc mơ của tôi, bao lần vẽ lên trước mắt ông, cái căn phòng chung của Odette và ông mà dạo xưa tưởng như bất khả thâm nhập, vào cái buổi tối Odette mời ông cùng Forcheville về uống nước cam; và đối với Swann, cái đã hóa nhập vào thiết kế của phòng ăn, nơi chúng tôi vừa dùng bữa trưa, chính là chốn thiên đường bất ngờ mà xưa kia ông không thể không bồi hồi khi tưởng tượng đến lúc ông có thể hỏi viên quản gia *của vợ chồng ông*. “Phu nhân đã chuẩn bị xong chưa?”, chính cái câu mà giờ đây tôi nghe thấy ông thốt ra với một vẻ hơi sốt ruột pha lẫn chút tự mãn. Chẳng hơn gì Swann, tôi đâu có nắm được hạnh phúc của mình; và khi chính Gilberte kêu lên: “Ai ngờ cái con bé anh vẫn lặng lẽ đứng nhìn chơi trò bắt tù binh, lại trở thành bạn thân mà bất cứ hôm nào thích, anh đều có thể đến nhà chơi?” là nàng nói đến một thay đổi mà bề ngoài, tôi buộc phải nhận thấy, nhưng tôi không hề sở đắc ở trong lòng, bởi nó bao gồm hai trạng thái mà tôi không thể nghĩ tới cùng một lúc mà chúng thôi không tách biệt khỏi nhau.

Tuy nhiên, căn phòng này, do chỗ ý chí của Swann đã từng thiết tha khao khát nó đến thế, ắt phải lưu giữ chút dư vị êm đềm dịu ngọt đối với ông, nếu tôi suy từ kinh nghiệm bản thân; với tôi, nó vẫn chưa mất hết mọi bí ẩn. Từ bao lâu, tôi đã cho rằng cuộc sống của gia đình Swann thấm đẫm một vẻ quyến rũ kỳ lạ và từ khi bước chân vào nhà họ, tôi vẫn không loại nó hoàn toàn khỏi đó; tôi khiến nó lùi lại, chế ngự nó, tôi, một kẻ xa lạ, một kẻ ngoài lề mà giờ đây,

tiểu thư Swann duyên dáng đẩy tới trước một chiếc ghế bành tuyệt diệu mới ngời, một chiếc ghế coi bộ bất bình và hằn học, nhưng khắp xung quanh tôi, trong ký ức, tôi vẫn còn cảm nhận thấy cái vẻ quyến rũ ấy. Phải chăng vì những hôm ông bà Swann mời tôi đến ăn trưa, rồi sau đó đi chơi cùng họ và Gilberte, - trong khi ngồi một mình chờ họ - tôi đã dùng tia nhìn in đậm lên tấm thảm trải nhà, lên những chiếc ghế bành thấp, lên những chiếc bàn chân quỳ, lên những bình phong, lên những bức tranh, cái ý khắc sâu trong tôi là Madame Swann, hoặc chồng bà, hoặc Gilberte, sắp bước vào phòng khách? Phải chăng vì từ đó, những thứ ấy đã sống trong trí nhớ tôi bên cạnh gia đình Swann và cuối cùng, đã thấm một chút gì của họ? Phải chăng, do biết họ sống giữa những đồ vật ấy, tôi coi tất cả như những biểu trưng cho đời sống đặc biệt của họ, cho những thói quen của họ mà tôi quá lâu không được biết nên vẫn tiếp tục thấy chúng xa lạ, ngay cả khi họ cho tôi cái đặc ân là hòa mình vào những thói quen đó? Dù thế nào mặc lòng, mỗi khi tôi nhớ đến cái phòng khách ấy mà Swann (tuy khi phê phán như vậy, ông không hề hàm ý phản đối sở thích của vợ) cho là tạp nham - vì nó vẫn được thiết kế theo cái “gu” nửa-nhà-kính-nửa-xưởng-làm-việc như căn phòng cũ của Odette hồi ông mới quen bà, tuy bà đã bắt đầu khai cái mớ hỗn độn ấy, loại nhiều đồ Tàu mà giờ đây bà đã thấy là hơi “rởm”, là quá “lỗi thời”, thay thế bằng một loạt những đồ gỗ nhỏ bọc lụa xưa kiểu Louis XVI (chưa kể những kiệt tác Swann mang về từ tư dinh của mình ở Quai d’Orsay) - cái phòng khách hỗn hợp ấy, trong ký ức tôi, trái lại, vẫn có

một sự gắn kết, một sự nhất quán, một nét duyên đầy cá tính, những điều không bao giờ thấy ở ngay cả những tổng thể nguyên vẹn nhất mà quá khứ để lại cho chúng ta, cũng như ở những tổng thể sinh động nhất mang dấu ấn của một cá nhân: bởi lẽ chỉ chúng ta mới có thể cho một số vật một tâm hồn - do ta tin rằng chúng có đời sống riêng - sau đó, chúng gìn giữ tâm hồn ấy và phát triển nó trong ta. Tất cả những ý niệm tôi hình dung về những giờ khắc (chẳng hề giống giờ khắc của những người khác) mà gia đình Swann sống trong căn hộ này - căn hộ với thời gian thường nhật trong đời sống của họ khác nào như xác với hồn nên nó phải biểu hiện tính duy nhất của đời sống đó - tất cả những ý niệm ấy phân phối đều khắp, hội nhập vào mọi thứ, vào vị trí của đồ đạc, vào độ dày của các tấm thảm, vào hướng của các cửa sổ, vào sự phục vụ của các gia nhân, chỗ nào cũng xao xuyến và mông lung như nhau. Ăn trưa xong, khi chúng tôi đến ngồi cạnh ô cửa sổ lớn của phòng khách, vừa uống cà phê vừa sưởi nắng, và khi bà Swann hỏi tôi dùng mấy viên đường cho tách cà phê của mình, không phải bà chỉ đơn thuần đẩy chiếc ghế đẩu bọc lụa về phía tôi: chiếc ghế đó cùng một lúc phả ra cả cái sức quyến rũ đến đau đớn mà đạo xưa, dưới bụi hồng gai, rồi bên khóm nguyệt quế, tôi đã từng cảm nhận nơi cái tên Gilberte, thái độ ác cảm mà cha mẹ nàng biểu lộ với tôi, nó dường như biết rất rõ và nhiệt thành chia sẻ mỗi ác cảm ấy, đến nỗi tôi cảm thấy không xứng đáng giẫm chân lên lớp lụa bọc tênh hênh không ai che chở của nó và còn thấy thế là hơi hèn nữa; một cách bí ẩn, một tâm hồn người gắn liền nó với luồng

ánh sáng lúc hai giờ chiều, không hề giống luồng ánh sáng ở khắp nơi khác trên vịnh, nơi nó rải những con sóng vàng óng tung tăng dưới chân ta, quanh những chiếc xô pha xanh nhạt và những tấm thảm thêu mờ ảo trôi lên như những hòn đảo thần tiên; và ngay cả đến bức tranh của Rubens* treo bên trên lò sưởi cũng có cùng một kiểu và gần như cùng một uy lực quyến rũ như đôi giày cao cổ thắt dây của ông Swann và chiếc áo choàng mà tôi xiết bao ao ước được mặc một chiếc tương tự, mà bây giờ Odette còn đòi chồng thay bằng một chiếc khác để thêm phần sang nhã khi được vinh dự đi chơi cùng tôi. Cả bà cũng đi thay trang phục mặc dầu tôi phản đối rằng không một chiếc áo “đi dạo” nào bén gót chiếc áo trong nhà tuyệt vời bằng nhiều Tàu hay bằng lụa, màu hồng phai, anh đào, hồng Tiepolo*, trắng, tím hoa cà, đỏ, xanh hay vàng, trơn hay in hoa, mà bà đã mặc lúc ăn trưa và giờ định thay. Mỗi khi tôi nói bà cứ mặc thế mà đi phố, bà cười, hoặc ra ý giễu tôi không biết gì, hoặc thích thú vì lời khen của tôi. Bà biện giải rằng sở dĩ bà nhiều áo choàng đến thế là vì chỉ khi khoác chúng lên người, bà mới cảm thấy thoải mái, và bà rời chúng tôi để đi thay đồ, lựa một trong những bộ trang phục đế vương khiến ai cũng phải trầm trồ; tuy nhiên đôi khi tôi cũng được bà hỏi xem tôi ưng bà mặc bộ nào trong số đó.

Ở Vườn Thuần hóa, tôi xiết bao hãnh diện được đi cạnh Madame Swann khi từ xe của họ bước xuống! Trong khi vạt áo măng tô của bà phấp phới theo dáng đi lả lướt, tôi ngấm nhìn với ánh mắt thán phục và bà mỉm cười diêm dúa đáp

lại. Lúc này, nếu gặp một bạn, gái hay trai, nào đó của Gilberte chào chúng tôi từ xa, đến lượt tôi sẽ được coi như một trong những người tôi từng xiết bao thêm muốn ghen tị, một trong những bạn thân của Gilberte không những quen biết cả gia đình nàng, mà còn được tham dự vào phần kia của cuộc đời nàng, cái phần không diễn ra ở vườn Champs-Élysée.

Nhiều khi, trên những lối đi trong rừng Boulogne hay Vườn Thuần hóa, chúng tôi gặp những đại phu nhân này, họ bạn của Swann, được họ chào, nhưng có khi ông không để ý khiến bà vợ phải nhắc: “Charles, mình không thấy Madame de Montmorency sao?” Và Swann nhoẻn một nụ cười thân ái do thân quen lâu ngày, dang rộng tay ngả mũ với cái vẻ thanh lịch rất riêng của ông. Đôi khi vị phu nhân dừng lại, sung sướng được bày tỏ với Madame Swann một thái độ lịch sự vô thưởng vô phạt, thừa biết rằng sau đó, bà sẽ không tìm cách lợi dụng vì Swann đã luyện cho bà thói quen dè dặt. Tuy nhiên, không vì thế mà Madame Swann không trở hết cung cách của giới giao tế và cho dù vị phu nhân kia có dáng vẻ thanh lịch và quý phái đến đâu, bà cũng sánh ngang chẳng hề kém cạnh; dừng lại một lát bên bà bạn của chồng, bà giới thiệu chúng tôi - Gilberte và tôi - với vẻ hết sức thoải mái, trước sau vẫn cực kỳ bình thản và phóng túng trong thái độ hòa nhã của mình, đến nỗi thật khó mà nói, giữa hai người, Odette và bà quý tộc đi ngang qua, ai là đại phu nhân. Hôm đi xem những người Ceylan, trên đường về, chúng tôi thấy, đi ngược về phía chúng tôi, một lão phu nhân tuy cao tuổi nhưng vẫn còn đẹp, theo sau

là hai phu nhân khác, hình như đi tháp tùng, bà mặc một chiếc măng tô màu tối, đội một chiếc mũ nhỏ cột dưới cằm bằng hai sợi dây. “A, đây là một người mà cậu sẽ cần quan tâm đấy,” Swann nói với tôi. Lúc này, đã đến cách chúng tôi chừng ba bước, lão phu nhân mỉm nụ cười dịu dàng mon trón. Swann ngả mũ, Madame Swann cúi rạp chào theo nghi lễ và định hôn tay vị lão phu nhân nom hệt như một bức chân dung của Winterhalter*; lão phu nhân đỡ Odette dậy và hôn bà. “Thôi nào, ông đội mũ vào cho tôi,” bà bảo Swann, giọng ồm ồm, hơi cau có, ra chiều là chỗ bạn bè thân thuộc đâu cần phải thế. “Tôi sẽ giới thiệu cậu với Quận chúa nương nương,” Madame Swann bảo tôi. Swann kéo riêng tôi ra một lát trong khi Madame Swann chuyện gẫu với quận chúa về thời tiết đẹp và những con thú mới được chuyển về Vườn Thuần hóa. “Đấy là quận chúa Mathilde, ông bảo tôi, bạn gái của Flaubert, của Sainte-Beuve, của Dumas*. Cậu biết không, bà ta là cháu gái ruột của hoàng đế Napoléon Đệ nhất đấy. Bà đã từng được Napoléon III và hoàng đế nước Nga cầu hôn. Kỳ thú không? Cậu hãy trò chuyện với bà ấy một lúc. Nhưng tôi hy vọng bà ấy sẽ khiến chúng ta phải đứng đây cả tiếng đồng hồ.” “Tôi vừa gặp Taine*, ông ấy nói với tôi rằng quận chúa đã tuyệt giao với ông ấy,” Swann nói với quận chúa. - “Ông ta cư xử như đồ con lợn, bà nói, giọng dữ dằn, và phát âm chữ này như đó là tên của viên giám mục đã xử Jeanne d’Arc*. Sau bài báo ông ta viết về hoàng đế, tôi đã để lại ở chỗ ông ta một tấm thiệp cáo biệt*.” Tôi cảm thấy ngạc nhiên như khi người ta khám phá đồng thư tín của công

tước phu nhân D'Orléans, thời con gái là quận chúa trong vương phủ*. Và quả vậy, quận chúa Mathilde, vốn đầy nhiệt huyết rất Pháp, biểu lộ tình cảm này một cách trung thực thô kệch thẳng thừng như người Đức ngày xưa, một nét tính cách hẳn là thừa kế từ bà mẹ gốc gác ở Wurtemberg*. Nhưng mỗi khi bà mỉm cười, sự thẳng thắn hơi quê kệch và gần như nam tính ấy của bà lại dịu đi bởi một vẻ uể oải đầy chất Ý. Và bao bọc tất cả là một bộ trang phục đậm phong cách Đế nhị Đế chế đến nỗi mặc dù bà mang nó chỉ do gán bó với những mốt thời trang bà từng yêu thích, người ta vẫn có cảm giác bà chủ ý không muốn lỗi màu lịch sử và đáp lại sự chờ đợi của những ai mong thấy ở bà vang bóng của một thời. Tôi nhắc Swann hỏi xem bà có quen Musset* hay không. “Rất ít, thưa ông,” bà đáp với một vẻ giả bộ tức giận và, quả thật, bà “thưa ông” với Swann chỉ là đùa thôi, vì bà rất thân với ông. “Ông ấy có đến tôi ăn tối một lần. Tôi mời ông ấy bảy giờ. Bảy rưỡi, vẫn chưa thấy ông ấy, chúng tôi ngồi vào bàn. Tám giờ, ông ấy tới, chào tôi, ngồi xuống, suốt bữa không hé răng, sau bữa về luôn mà tôi không hề nghe thấy âm thanh giọng nói của ông lấy một lần: ông ấy say mèm. Chuyện đó chẳng mấy khuyến khích tôi mời ông ấy lần nữa.*” Ông Swann và tôi tách ra xa một chút. “Tôi hy vọng cuộc trò chuyện này sẽ không kéo dài thêm,” ông nói với tôi, “tôi đã thấy đau gan bàn chân. Cho nên tôi không biết tại sao bà nhà tôi còn mời thêm chuyện làm gì. Rồi chính bà ấy sẽ lại kêu mệt cho mà xem, còn tôi thì hết chịu nổi kiểu đứng hầu chuyện này.” Thật vậy, Madame Swann, nắm được tin qua Madame Bontemps,

đang kể với quận chúa rằng chính phủ, cuối cùng hiểu ra sự thất thố của mình, đã quyết định gửi giấy mời bà một chỗ trên khán đài dự buổi Sa hoàng Nicolas đến thăm Khu Phế binh* dự kiến vào hai hôm sau. Nhưng, mặc dù bề ngoài không tỏ vẻ gì, mặc dù môi trường xung quanh bà chủ yếu là nghệ sĩ và văn nhân, quận chúa, về cơ bản và mỗi khi cần hành động, vẫn đúng thật là cháu gái của Napoléon: “Phải, thưa bà, tôi đã nhận được sáng nay và tôi đã gửi trả ngay cho ông bộ trưởng, chắc giờ này đã tới tay ông ta. Tôi bảo với ông ta rằng tôi không cần có giấy mời mới đến được Khu Phế binh. Nếu chính phủ muốn tôi đến đó, thì không phải tôi sẽ đến ngồi trên một khán đài, mà sẽ là vào khu mộ của gia tộc chúng tôi, nơi Hoàng đế* yên nghỉ, chỉ đến đó thôi chứ không phải bất kỳ chỗ nào khác.” Giữa lúc ấy, một thanh niên chào Madame Swann và tôi: đó là Bloch; anh ta chỉ cất tiếng chào, không dừng lại và tôi không biết là bà quen anh. Đáp lại câu hỏi của tôi, bà Swann cho hay anh ta hiện làm việc ở văn phòng bộ - điều tôi chưa hề biết - và đã được Madame Bontemps giới thiệu với bà. Vả chăng, hẳn là bà cũng chẳng gặp anh ta mấy khi - hoặc giả bà không muốn nhắc cái họ Bloch mà có lẽ bà thấy không “sang” lắm, vì bà gọi anh ta là cậu Moreul. Tôi cam đoan với bà rằng bà đã lầm, rằng tên anh ta là Bloch. Bà quận chúa xốc lại vạt áo xoắn xuống đằng sau mình, mà Madame Swann ngấm bằng con mắt ngưỡng mộ. “Đây chính là tấm lông thú hoàng đế nước Nga đã gửi tặng tôi,” quận chúa nói, “và vì vừa nãy tôi phải đến gặp ngài, tôi đã mặc nó để ngài thấy thứ này có thể cải tiến thành áo măng

tô.” - “Hình như hoàng thân Louis* đã gia nhập quân đội Nga, vậy là công nương sẽ mang nỗi sầu chinh phụ,” Madame Swann nói, không hề thấy những dấu hiệu sốt ruột của ông chồng. - “Nó cần gì phải làm thế! Như tôi đã nói với nó: đâu phải vì gia đình đã có một quân nhân* mà cháu phải tiếp tục binh nghiệp,” quận chúa đáp, bằng sự giản dị cộc cằn ấy, ám chỉ đến Napoléon Đệ nhất. Swann đứng không yên chỗ nữa. “Thưa bà, tôi e mình sắp phải sắm vai hoàng thân và xin phép được cáo từ: nhà tôi vừa qua một cơn bệnh nặng, tôi không muốn để bà ấy đứng im tại chỗ quá lâu.” Madame Swann lại rập người cúi chào. Quận chúa gửi đến tất cả chúng tôi một nụ cười thiên thần mà bà dường như gọi về từ quá khứ, từ những nét duyên thuở thanh xuân, từ những đêm dạ hội ở Compiègne*, nguyên vẹn và dịu dàng trên gương mặt vừa nẩy còn quàu quàu. Rồi bà đi khỏi, theo sau là hai tùy nữ; tựa như những phiên dịch, những cô trông trẻ hay những hộ lý, hai cô này chỉ điểm xuyên vào cuộc trò chuyện của chúng tôi những câu vô nghĩa, những lời giải thích vô bổ.

“Một hôm nào đó trong tuần này, cậu phải đến đăng ký tên ở nhà quận chúa đi,” Madame Swann dặn tôi. “Ở nhà những *royautés** này, nói như người Anh, người ta không để lại danh thiếp gập góc* đâu. Nhưng nếu cậu đăng ký, có thể quận chúa sẽ mời cậu đấy.”

Đôi khi, trong những ngày cuối đông này, trước khi đi dạo, chúng tôi ghé vào một số triển lãm nhỏ đang mở, ở đó Swann, với tư cách là nhà sưu tầm có hạng, được các lái tranh tổ chức những triển lãm này chào hỏi với một vẻ kính

cẩn đặc biệt. Và vào cái tiết trời còn rét này, nỗi khát khao xưa của tôi muốn được đi thăm miền Nam và Venise lại trở dậy khi bước chân vào những phòng tranh ấy, ở đó mùa xuân đã rộ và mặt trời chói chang điểm những ánh phản quang tím tím lên dãy Alpes hồng rực và nhuộm dòng Grand Canal một màu ngọc bích đậm trong suốt. Nếu trời xấu, chúng tôi đi coi hòa nhạc hay đi xem kịch, sau đó dùng bữa trà chiều ở một “Trà thất”. Hễ Madame Swann muốn bảo tôi một điều gì mà bà không muốn để những khách ngồi bàn bên cạnh hoặc kể cả đám bồi phục vụ hiểu được, bà nói bằng tiếng Anh, như một thứ ngôn ngữ chỉ riêng hai chúng tôi biết. Thế nhưng mọi người đều biết tiếng Anh, chỉ có tôi là chưa học, nên tôi buộc phải nói với Madame Swann để bà thôi đi, đừng để những người đang uống trà hoặc đang hầu trà có những ý nghĩ mà tôi đoán là bất nhã đối với bà, trong khi người bị bà ám chỉ không bỏ sót một lời nào còn tôi thì chẳng hiểu mô tê gì.

Một lần, nhân một buổi diễn ban ngày ở nhà hát, Gilberte đã làm tôi ngạc nhiên sâu sắc. Nàng đã hẹn trước với tôi, song hôm đó lại trùng vào ngày giỗ ông nội nàng. Theo dự định, chúng tôi sẽ cùng cô gia sư của nàng đi nghe những trích đoạn của một vở opéra, và Gilberte đã mặc đồ đi xem hòa nhạc; nàng giữ cái vẻ dửng dưng nàng thường có thói quen biểu lộ đối với điều chúng tôi phải làm, nói rằng đó có thể là bất cứ cái gì miễn sao tôi thích và đẹp lòng cha mẹ nàng. Trước lúc ăn trưa, mẹ nàng kéo riêng chúng tôi ra một chỗ để bảo nàng rằng cha nàng không vui khi thấy chúng tôi đi nghe hòa nhạc vào ngày này. Tôi thấy

điều đó quá ư là tự nhiên. Gilberte vẫn thản nhiên, nhưng tái mặt đi vì một cơn giận dữ nàng không che giấu nổi; và nàng không nói thêm một lời. Khi ông Swann trở về nhà, bà vợ kéo ông ra đầu kia phòng khách, nói thầm vào tai ông. Ông gọi Gilberte, đưa nàng sang phòng bên cạnh trò chuyện riêng. Có to tiếng. Tuy nhiên tôi không thể tin rằng Gilberte, vốn rất âu yếm, rất tuân phục mẹ cha, rất ngoan, lại cưỡng yêu cầu của cha vào một ngày như thế này vì một nguyên nhân vô nghĩa đến thế. Cuối cùng, ông Swann vừa bước ra vừa nói:

“Con biết ba đã nói gì với con rồi đấy. Giờ thì con hãy làm những gì con muốn.”

Mặt Gilberte vẫn cau lại suốt bữa ăn; sau đó, chúng tôi về phòng nàng. Rồi bất thành linh, không chút do dự, như thể nàng chưa lúc nào do dự, nàng kêu lên: “Hai giờ rồi! Mà anh biết là buổi hòa nhạc thì bắt đầu lúc hai rưỡi!” Và nàng giục cô gia sư nhanh lên.

“Nhưng liệu điều đó làm phiền lòng ba không?” tôi hỏi.

“Tuyệt nhiên không.”

“Nhưng ba cô nghĩ, đi nghe nhạc vào ngày giỗ ông thế này thì khí hơi kỳ.”

“Người khác nghĩ thế nào thì dính dáng gì đến tôi? Tôi thấy chú tâm đến người khác trong chuyện tình cảm, thì thật là vô duyên. Ta cảm thấy như thế nào là vì ta, chứ đâu phải vì công chúng. Cô giáo tôi chẳng mấy khi được giải trí, đi nghe hòa nhạc thế này là một ngày hội đối với cô, tôi sẽ không tước đi của cô niềm vui ấy để chiều lòng công chúng.”

Nói rồi vớ lấy mũ.

“Nhưng Gilberte,” tôi nói, nắm lấy cánh tay nàng, “đâu phải là chiều lòng công chúng, mà là chiều lòng ba cô.”

“Xin anh đừng có lên mặt nhận xét tôi,” nàng hét lên, giật mạnh tay ra.

Không chỉ đưa tôi đi cùng họ đến chơi Vườn Thuần hóa, nghe hòa nhạc, gia đình Swann còn cho tôi cái đặc ân quý giá hơn, là không loại tôi khỏi tình thân hữu của họ với Bergotte; chính tình thân hữu này khiến tôi thấy họ thật đáng yêu, khi mà, từ lâu trước cả khi quen Gilberte, tôi đã nghĩ, do quan hệ thân thiết với vị tiên ông ấy, nàng ắt sẽ là cô bạn tuyệt vời nhất đối với tôi nếu như cảm giác có thể bị nàng coi khinh không ngăn tôi hy vọng có một ngày nào đó được nàng đưa đi cùng ông thăm những thành phố ông yêu thích. Vậy là có một hôm Madame Swann mời tôi dự một tiệc vào buổi trưa. Tôi không hề biết khách mời là những ai. Khi tới nơi, ngay ở tiền sảnh, một sự việc bất ngờ đã làm tôi bối rối và e sợ. Madame Swann hiếm khi bỏ lỡ dịp làm theo những cung cách được xem là thanh lịch trong mùa, nhưng sớm bị bãi bỏ vì không duy trì được (như nhiều năm trước, bà thường dùng một chiếc *hansom cab**, hoặc cho in trên thiệp mời dự tiệc *to meet** một nhân vật quan trọng.) Nhiều khi những cung cách đó chẳng có gì bí hiểm và không đòi hỏi phải “vỡ lòng”. Chính như thế mà với một cái tiến nhỏ nhập từ bên Anh quốc, Odette đặt in cho ông chồng những tấm danh thiếp với tước hiệu Ngài đằng trước tên Charles. Sau lần đầu tiên tôi đến thăm bà, Madame Swann ghé nhà tôi, để lại một trong những tấm “các tông” ấy, theo cách

gọi của bà. Chưa bao giờ có ai để lại danh thiếp cho tôi; tôi cảm thấy hãnh diện, biết ơn và xúc động đến nỗi tôi gom toàn bộ số tiền tôi có được, đặt một lẵng hoa trà đẹp nhất gửi tới Madame Swann. Tôi van nài cha tôi để lại nhà bà một tấm danh thiếp, nhưng trước hết, phải cho khắc thêm chữ “Ngài” trước tên cha tôi. Cha tôi bỏ qua cả hai yêu cầu của tôi, khiến tôi đâm tuyệt vọng mất mấy hôm, sau đó, tôi lại tự hỏi không biết cha làm thế có đúng hay không. Song cái một dùng chữ “Ngài” tuy vô ích nhưng lại được cái là rõ ràng không thể lầm lẫn. Không giống như một cung cách khác chẳng mang ý nghĩa gì cả, mà tôi được biết lần đầu vào hôm có bữa tiệc trưa ấy. Vào lúc tôi sắp từ phòng chờ sang phòng khách, người quản gia trao cho tôi một chiếc phong bì dài và mỏng trên đó có ghi tên tôi. Lòng đầy ngạc nhiên, tôi vừa cảm ơn vừa nhìn chiếc phong bì. Tôi không biết phải làm gì với nó, giống như một người ngoại quốc chẳng biết xoay xử thế nào với đôi đũa người ta đưa cho thực khách trong những bữa ăn kiểu Tàu. Tôi thấy nó được dán kín, tôi sợ mở ra ngay e có phần thất thố, bèn bỏ nó vào túi, ra bộ thừa hiểu đó là cái gì. Mấy hôm trước, Madame Swann có viết cho tôi rằng đây là một bữa ăn “trong phạm vi hẹp”. Tuy nhiên, ở đây có đến mười sáu người, trong đó tôi hoàn toàn không biết rằng có Bergotte. Madame Swann, vừa “xướng danh” tôi - như cách bà nói với một số vị khách - đột ngột thốt lên liền sau tên tôi tên của vị Thi Nhân dịu dàng đầu bạc, vẫn bằng cái giọng như lúc trước (như thể chúng tôi chỉ là hai khách mời mà người này cũng mãi nguyện ngang người kia được làm quen với

nhau). Cái tên Bergotte làm tôi giật bắn người như tiếng nổ từ một khẩu súng ngắn vừa nhả đạn vào tôi, nhưng theo bản năng, để giữ vẻ bình tĩnh, tôi cúi chào; trước mặt tôi, hết như nhà ảo thuật mặc áo đuôi tôm mà ta thấy hiện ra nguyên vẹn giữa đám bụi mù của một cú nổ từ đó vụt bay ra một con chim bồ câu, một người chào lại tôi, một người còn trẻ, thấp bé nhưng vai rộng, lưng bè bè, thô kệch, cận thị, với cái mũi ngắn tẹt và bộ râu đen. Tôi buồn nẫu lòng, vì điều vừa tan thành tro bụi không chỉ là hình ảnh ông già liêu xiêu biến mất không để lại chút dấu vết, mà còn là vẻ đẹp của một sự nghiệp lớn lao tôi đã lồng được vào cái cơ thể suy nhược và thiêng liêng mà tôi dựng nên như một đền thờ cốt dành cho vẻ đẹp ấy, nhưng trên cái thân hình to mập đầy những vằn mạch, xương xẩu, nổi hạch của người đàn ông thấp bé có cái mũi tẹt và bộ râu đen trước mặt tôi thì chẳng có chỗ nào dành cho vẻ đẹp ấy. Toàn bộ hình ảnh ông già Bergotte mà chính tôi đã từ từ, nắn nót tạo dựng tỉ mỉ từng li từng tí, như đắp một thạch nhũ, bằng vẻ đẹp trong suốt nơi những cuốn sách của ông, cái hình ảnh ông già Bergotte ấy, dùng một cái, trở nên hoàn toàn vô dụng, một khi phải giữ lại cái mũi xoắn tròn ốc và bộ râu đen kia; tựa như bỗng thành vô nghiệm cái lời giải ta tìm ra cho một bài toán ta đọc chưa đầy đủ dữ kiện và không tính đến việc tổng số phải là một con số nào đó. Cái mũi và bộ râu là những yếu tố không thể tránh khỏi và càng thêm phiền toái bởi, cùng với việc buộc tôi phải xây dựng lại hoàn toàn nhân vật Bergotte, chúng dường như còn bao hàm, tạo sinh, tiết ra không ngừng một thứ tâm thái bận rộn và tự

mãn, lạc điệu, vì cái tâm thái này chẳng liên quan gì với thứ thông minh tràn khắp những cuốn sách rất thân thuộc với tôi, những cuốn sách thấm đẫm một minh triết dịu dàng và thần tiên. Xuất phát từ những cuốn sách ấy, tôi ắt không thể đi tới cái mũi ngắn tẹt này; nhưng xuất phát từ cái mũi này (nó có vẻ bất cần đời, cứ độc hành và tung tẩy thoải mái), tôi đi theo một hướng khác hẳn với tác phẩm của Bergotte, có lẽ tôi sẽ đi tới cái tâm lý của một anh chàng kỹ sư luôn bận rộn vội vã, thuộc cái dạng những tay, khi được người ta chào, nghĩ là nên nói: “Cảm ơn, còn ông (hay bà, hay anh, hay chị, tùy theo) thế nào?” trước cả khi người ta kịp hỏi thăm sức khỏe, và nếu người ta bảo “rất hân hạnh được làm quen” thì nên đáp lại bằng một lời nói tắt mà anh ta tự cho là “đắt”, là thông minh, là hiện đại ở chỗ nó tránh cho ta khỏi mất thì giờ quý báu với những công thức lịch sự vô bổ: “Cũng thế”. Rõ ràng, những cái tên là những họa sĩ phóng túng, chúng cho ta những ký họa về những con người và xúr sở ít giống thật đến nỗi ta thường cảm thấy sững sờ khi trước mặt ta, thay vì thế giới ta tưởng tượng, lại chính là thế giới ta nhìn thấy (vả chăng, nó cũng không phải thế giới thật, vì về năng khiếu giống như thật, giác quan của chúng ta chẳng hơn trí tưởng tượng là bao, thành thử những hình họa na ná mà rốt cuộc ta có được từ hiện thực, vẫn khác xa thế giới ta nhìn thấy, ít nhất cũng ngang mức thế giới ta nhìn thấy khác với thế giới tưởng tượng). Nhưng với trường hợp Bergotte, cái bối rối ban đầu về cái tên chẳng là gì so với nỗi buồn tôi cảm thấy khi buộc phải gắn con người có bộ râu đen kia vào tác phẩm quen thuộc

với tôi, như gắn vào một quả khí cầu, mà không biết liệu nó còn đủ sức bay lên nữa không. Tuy nhiên, xem ra ông ta đúng là người đã viết ra những cuốn sách tôi xiết bao yêu thích, vì khi Madame Swann thấy cần phải nói với ông rằng tôi thích một trong những cuốn sách của ông, ông không mảy may tỏ ra ngạc nhiên về việc bà đã nói điều đó với ông chứ không phải với vị khách nào khác và có vẻ không hề cho đó là một sự lầm lẫn; nhưng ông chỉ đứng đó, cái thân hình đang háo hức chờ bữa ăn trưa sắp tới bó cứng trong chiếc áo đuôi tôm ông mặc để tỏ lòng trân trọng với các khách dự tiệc, đầu óc bận bịu chú ý tới những hiện thực khác quan trọng, nụ cười trên môi như gửi về một thời đoạn đã qua hẵn của tiền kiếp, như thể điều người ta vừa nói với ông ám chỉ đến bộ đồ đóng giả công tước De Guise ông đã mặc năm nào đó trong một vũ hội hóa trang, thay vì nghĩ về những cuốn sách của mình; ngay lập tức, đối với tôi, những cuốn sách ấy đổ sụp (kéo theo toàn bộ giá trị của cái Đẹp, của vũ trụ, của đời sống) xuống tới mức chỉ là một vài trò tiêu khiển xoàng xĩnh của người đàn ông có bộ râu dê. Tôi thầm nghĩ hẳn ông đã phải dốc tâm trí vào những cuốn sách ấy, nhưng nếu ông sống trên một hòn đảo xung quanh đầy những sò trai, thì thay vì viết sách, khéo ông đã phát đạt khi lao vào kinh doanh ngọc trai. Tôi không thấy tác phẩm của ông là tất yếu nữa. Và thế là tôi tự hỏi rằng tính độc đáo có thực sự chứng tỏ rằng các nhà văn lớn là những vị thần, mỗi vị trị vì một vương quốc thuộc riêng mình, hay liệu trong tất cả những cái đó, có một chút giả trá, liệu những khác biệt giữa các tác phẩm có phải là kết

quả của công việc, chứ không phải biểu hiện của sự khác nhau căn bản về tinh cốt giữa các nhân cách.

Trong lúc đó, mọi người ngồi vào bàn ăn. Tôi thấy bên cạnh đĩa của mình một đĩa cắm chướng, cuống bọc giấy bạc. Nó không làm tôi bối rối bằng cái phong bì được trao lúc ở phòng chờ mà tôi đã quên bẵng. Tập tục này, tuy cũng là mới đối với tôi, còn dễ hiểu hơn khi tôi thấy toàn bộ khách mời nam giới đều vớ lấy một đĩa cắm chướng tương tự đi kèm bộ đồ ăn dành cho mình, cài vào khuy áo đuôi tôm. Tôi làm theo họ với cái vẻ tự nhiên của một kẻ tự do tư tưởng trong một nhà thờ vốn không biết quy cách hành lễ, nhưng cứ đứng dậy khi mọi người đứng dậy và quỳ xuống sau khi mọi người quỳ xuống một chút. Một tập tục xa lạ nữa, kéo dài hơn, càng làm tôi thêm khó chịu. Mé bên kia đĩa ăn của tôi, còn có một đĩa nhỏ hơn, đầy một chất đen đen, mà tôi không biết đó là trứng cá muối. Không biết phải làm gì với nó, tôi quyết định không ăn món đó.

Bergotte được xếp ngồi cách tôi không xa, tôi nghe rất rõ những lời ông ta nói. Bấy giờ tôi mới hiểu ấn tượng của ông De Norpois. Quả vậy, Bergotte có một cơ năng thật kỳ lạ; không gì có thể làm biến đổi những đặc tính vật chất của giọng nói bằng việc nó phải có nội dung tư tưởng: điều đó ảnh hưởng đến độ vang của những nguyên âm đôi, sức bật của những âm môi và cả đến cách nhả lời. Tôi thấy cách nhả lời ấy hoàn toàn khác với cách viết của ông và thậm chí những điều ông nói cũng khác hẳn những gì đầy tràn những trang sách của ông. Nhưng giọng nói đó phát ra từ một chiếc mặt nạ, nó không đủ để khiến ta nhận ra

ngay đằng sau đó là một diện mạo ta đã thấy lộ rõ trong văn phong. Trong một số đoạn hội thoại, khi Bergotte có thói quen nói năng theo cái cách mà không chỉ ông De Norpois mới thấy là điệu và khó chịu, tôi phải mất khá lâu mới phát hiện ra một sự tương ứng chính xác với những chương sách trong đó hình thức câu văn ông trở nên rất thơ và đầy nhạc tính. Lúc bấy giờ, ông nhìn thấy trong những gì ông nói một vẻ đẹp tạo hình độc lập với ý nghĩa của các câu, và vì ngôn từ con người có liên quan với tâm hồn, song không biểu hiện tâm hồn như văn phong, nên Bergotte có vẻ như nói ngược nghĩa, lằng nhằng một số chữ và nếu, bên dưới chúng, ông đang theo đuổi cùng một hình ảnh, ông xâu chuỗi chúng liên mạch như một âm duy nhất, đơn điệu đến phát ngấy. Thành thử một lối nhả chữ kiểu cách, khoa trương và đơn điệu là dấu hiệu phẩm chất mỹ học nơi những lời đàm thoại của ông và là tác động, trong khi ông trò chuyện, của chính cái quyền năng đã tạo nên sự kết nối của các hình ảnh và sự hài hòa trong những trang sách của ông. Tôi càng khó nhận ngay ra điều ấy vì những gì ông nói vào những lúc ấy, chính bởi thực sự thốt ra từ miệng Bergotte, mà lại chẳng có vẻ gì là lời lẽ của Bergotte cả. Đó là một mớ lúa túa những ý tưởng cụ thể, không nằm trong “hình loại Bergotte” mà nhiều ký giả viết bình luận văn chương đã xào xáo làm của mình; và có lẽ, sự bất tương đồng ấy - nhìn lơ mờ qua những lời trò chuyện như một hình ảnh nhìn qua kính râm - là một khía cạnh khác của sự việc, là khi ta đọc một trang sách của Bergotte, đó không bao giờ là những gì mà bất kỳ ai trong số những kẻ bắt

chước nhạt nhẽo kia có thể viết ra, cho dù họ có thả sức tô điểm bài văn của mình trên sách, báo bằng những hình ảnh và tư tưởng “kiểu Bergotte”. Sự khác nhau đó là do chỗ “cái chất Bergotte” trước hết là một yếu tố thực và quý ẩn giấu trong lòng mỗi sự vật, rồi nhờ thiên tài của đại văn hào này mà được chiết ra, một sự chiết xuất vốn là mục đích của Nhà Thơ Du Ca dịu dàng, chứ không phải “chơi ngón” của Bergotte. Nói cho đúng, ngoài ý muốn của mình, ông có “chơi ngón” Bergotte, bởi chính ông là Bergotte, và theo nghĩa đó, mỗi nét đẹp mới trong tác phẩm của ông là cái lượng nhỏ chất Bergotte bị vùi lấp trong một sự vật, mà ông đã chiết ra được. Nhưng nếu bởi thế mỗi một nét đẹp đó có gì tương đồng với những nét đẹp khác và dễ nhận ra, thì mặc dù vậy, nó vẫn đặc biệt, như sự phát hiện đã đưa nó ra ánh sáng - mới mẻ, do đó khác với những gì người ta gọi là hình loại Bergotte, vốn tạo nên bởi một tổng hợp mơ hồ những chất Bergotte đã từng thấy và do ông soạn thảo, những chất này tuyệt nhiên không cho phép những ai không có thiên tài tiên đoán được những gì ông sẽ khám phá ra ở những sự vật khác. Sự thể là như vậy với tất cả các nhà văn lớn, vẻ đẹp nơi những câu văn của họ là không thể đoán trước được, cũng như nhan sắc một người đàn bà ta chưa quen; vẻ đẹp đó là một sáng tạo bởi chung nó ứng vào một đối tượng bên ngoài mà họ nghĩ tới - chứ không phải vào bản thân nó - nhưng chưa biểu đạt ra. Một tác giả viết hồi ký ngày nay muốn viết theo kiểu Saint-Simon*, song làm ra bộ như không, cùng lắm có thể viết dòng đầu của chân dung mô tả Villars: “Đó là một người cao lớn, tóc

nâu... với nét mặt sinh động, cởi mở, hồ hởi”. Nhưng thuyết quyết định luận nào có thể khiến anh ta mở đầu dòng thứ hai, vẫn nói về diện mạo ấy: “và thực sự là hơi điên*”? Tính đa dạng đích thực nằm ở sự dồi dào yếu tố có thực và bất ngờ, ở cái nhành cây đầy hoa biêng biếc, ngược với mọi chờ đợi, vẫn đâm ra từ hàng giậu mùa xuân dường như đã không còn chỗ cho hoa nở, trong khi việc bắt chước tính đa dạng một cách thuần túy hình thức chỉ là trống rỗng và đơn điệu, tức là những gì đối lập nhất với tính đa dạng, và điều đó được thực hiện bởi những kẻ bắt chước chỉ mang lại ảo tưởng - và kỷ niệm - về tính đa dạng cho kẻ không hiểu gì về tính đa dạng nơi các bậc thầy (và ta cũng có thể lý luận như vậy đối với tất cả những tính chất khác của văn phong).

Cho nên - giống như cách nhả lời của Bergotte hẳn đã có sức quyến rũ nếu như chính ông chỉ là một kẻ nghiệp dư nào đó diễn xướng cái gọi là văn của Bergotte, thay vì nó gắn với tư tưởng của Bergotte trong quá trình làm việc và hành động bằng những liên quan sống còn mà tai ta không phân biệt được ngay lập tức để nghe cho rành - cũng như vậy, chính vì Bergotte áp dụng chính xác tư tưởng ấy với cái thực tại ông thích thú mà ngôn ngữ của ông có một cái gì cụ thể, quá “bổ dưỡng” làm thất vọng những người trông chờ ông chỉ nói về “dòng thác vĩnh cửu những vẻ bề ngoài mỹ miều*” và về những “rung động bí ẩn của cái đẹp”. Sau rốt, cái phẩm chất bao giờ cũng hiếm và mới của những gì ông viết, thể hiện ra trong lời ông nói bằng việc đề cập vấn đề một cách rất tinh tế - bỏ qua mọi khía cạnh đã biết -

thành thử có vẻ như ông tiếp cận vấn đề từ một phía nhỏ mọn, sai lệch, nghịch lý và do vậy, những ý của ông thường có vẻ tối nghĩa, mỗi chúng ta vốn cho những ý tối nghĩa chẳng kém những ý của chính mình là sáng sủa. Vả chăng, mọi cái mới đều có điều kiện tiên quyết là loại bỏ cái sáo mòn quen thuộc ta tưởng đích thị là hiện thực, mọi cách trò chuyện mới mẻ - cũng như mọi thứ hội họa, âm nhạc độc đáo - bao giờ cũng có vẻ cầu kỳ, làm người ta phát mệt. Cách trò chuyện này dựa trên những hình tượng ta chưa quen, ta cảm thấy như người nói chuyện toàn nói bằng ẩn dụ, khiến ta đâm mệt và có ấn tượng là thiếu chân xác (Thực ra, những hình thức cũ của ngôn ngữ trước kia cũng đã từng có những hình tượng khó theo dõi khi mà người nghe còn xa lạ với cái thế giới mà chúng mô tả. Nhưng từ lâu rồi, người ta đã hình dung đó là thế giới thực, người ta dựa trên nó.) Cho nên khi Bergotte ví Cottard như một con lặn* luôn phải giữ thăng bằng - tuy nhiên, điều này bây giờ khá bình thường - hoặc nói về Brichot rằng “ông ta còn mất công hơn cả Madame Swann trong việc chăm chút mái đầu, vì phải bận tâm gấp đôi, về cả diện mạo lẫn tiếng tăm của mình, lo chải tóc sao cho vừa giống một con sư tử vừa ra dáng một triết gia”, người ta mau chóng cảm thấy mệt và muốn dựa chắc chân trên một cái gì cụ thể hơn mang ý nghĩa quen thuộc hơn, là người ta nói thế. Những lời lẽ không thể nhận ra nổi phát ra từ chiếc mặt nạ tôi thấy trước mắt mình, chính là phải gắn chúng với nhà văn tôi ngưỡng mộ, lại không thể khớp vào những trang sách của ông theo cách một trò chơi ghép hình, lỏng những mảnh rời

vào với nhau, chúng nằm trên một mặt phẳng khác và cần một sự chuyển dịch mà dựa vào đó một hôm nào đó, tôi lặp lại những câu tôi đã nghe Bergotte nói và tôi thấy lại được toàn bộ cái khung cốt phong cách viết của ông mà tôi có thể nhận ra và gọi tên từng thành phần của cách hành ngôn kia mà trước đó tôi thấy khác biệt bao.

Về một phương diện thứ yếu hơn, cái cách phát âm đặc biệt, hơi quá tỉ mỉ và mạnh mẽ ông vận dụng với một số chữ, một số tính từ hay trở đi trở lại trong ngôn từ hội thoại của ông, mà ông thường hơi nhấn mạnh, làm nổi bật tất cả các âm tiết và ngân rung âm tiết cuối (như với chữ *visage* (mặt) mà bao giờ ông cũng dùng thay vì *figure*, chêm vào đây những *v, s, g*, tất cả như bùng nổ từ bàn tay xò ra của ông vào những lúc ấy), tương ứng chính xác với cái vị trí đẹp để ông dành cho những chữ yêu thích đó giữa ánh sáng trong văn viết của ông, chúng đi liền sau một thứ lễ trống và được cấu thành trong toàn bộ câu theo một cách khiến người ta buộc phải tính đếm đủ “số lượng” của chúng cho khỏi lỗi nhịp. Tuy nhiên, trong ngôn từ nói của Bergotte, không thấy có thứ luồng sáng soi tỏ mà ta bắt gặp trong sách của ông, cũng như trong sách của một số tác giả khác, nó thường làm thay đổi bề ngoài của mặt chữ trong câu văn viết. Hẳn là vì luồng sáng ấy bắt nguồn từ thăm sâu tâm hồn và không rọi được đến tận lời nói của ta vào những thời khắc ta cởi mở với những cuộc trò chuyện khác, nhưng trong chừng mực nào đó, lại khép kín với bản thân mình, về mặt này, trong sách ông, có nhiều ngữ điệu và rõ nốt nhấn hơn trong lời nói: nốt nhấn độc lập với vẻ đẹp của

phong cách, mà hẳn tác giả cũng không cảm nhận thấy vì nó khăng khít không tách rời cá tính sâu kín nhất của ông. Chính cái nốt nhấn ấy, vào những lúc Bergotte hoàn toàn tự nhiên trong sách của ông, giữ nhịp cho những chữ nhiều khi rất vô nghĩa mà ông viết ra trong trạng thái ấy. Cái nốt nhấn ấy không được ghi trong văn bản, chẳng có gì nêu rõ sự hiện diện của nó, vậy mà nó cứ tự diễn mình thêm vào câu văn, người ta không thể xướng đọc theo cách khác, nó là cái gì phù du nhất, tuy nhiên lại là cái sâu thẳm nhất nơi nhà văn và chính cái đó sẽ minh chứng cho bản chất của nhà văn, sẽ nói lên rằng, mặc dù tỏ ra rất cứng rắn, ông ta vẫn dịu hiền, mặc dù thể hiện đầy nhục cảm, ông vẫn là người duy cảm.

Một vài đặc điểm về cách diễn đạt thể hiện thoáng nhẹ trong hội thoại của Bergotte không chỉ là thuộc tính của riêng ông, vì sau này khi được biết các anh chị em ruột của ông, tôi thấy những dấu vết ấy ở họ còn rõ nét hơn. Đó là một cái gì đó giật giọng và khàn khàn trong những chữ cuối của một câu vui, một cái gì nhỏ đi và tắt dần ở cuối một câu buồn. Swann, vốn quen biết bậc thầy này từ hồi còn nhỏ, kể với tôi rằng dạo ấy, giọng của Bergotte cũng như của anh chị em ông đã có những ngữ điệu có thể nói là đặc thù gia đình, khi thì la hét vui cuồng, lúc lại buồn bã thẳm thì chậm rãi, và rằng trong căn phòng họ cùng nhau vui chơi, Bergotte là người diễn tấu phần của mình hăng hơn tất cả trong cái hợp xướng chung, hết định tai nhức óc lại nào nề lả lướt. Dù có đặc biệt đến mấy, mọi tiếng động phát ra từ con người đều là thoáng qua và không tồn tại lâu

hơn con người. Nhưng sự thể lại không như vậy với cách phát âm của gia đình Bergotte. Mặc dù thật khó mà hiểu được, ngay cả trong vở opéra *Những ca sĩ bậc thầy*, làm sao một nghệ sĩ có thể tạo ra âm nhạc khi nghe chim hót líu lo*, tuy nhiên Bergotte đã biết chuyển thể và cố định trong văn của mình cái cách ngân dài trên những chữ lặp đi lặp lại thành những tiếng reo vui, hay nhỏ giọt thành những tiếng thở dài buồn bã. Trong sách của ông, có những phần kết thúc câu chồng chất những âm kéo dài, như ở những hòa thanh cuối của một khúc dạo đầu opéra chưa đành chấm dứt, vẫn tấu lại nhịp kết tấu tuyệt của nó nhiều lần cho tới khi nhạc trưởng đặt chiếc dũa chỉ huy xuống; sau này, chính ở những phần cuối câu ấy mà tôi tìm thấy cái tương đương âm nhạc với “bộ đồng” trong hệ phát âm đặc trưng của gia đình Bergotte. Nhưng riêng đối với ông, từ khi ông chuyển những âm đặc thù ấy vào văn của mình, một cách vô thức, ông thôi không dùng chúng trong hành ngôn nữa. Từ ngày ông bắt đầu viết văn và nhất là từ khi tôi được quen biết ông, giọng nói của ông đã vĩnh viễn “giải phối khí”.

Hẳn là những thành viên trẻ này của gia đình Bergotte - nhà văn tương lai và các anh chị em ông - không ưu việt hơn, thậm chí không bằng, lớp thanh niên thanh nhã hơn, dí dỏm hơn, đằm thắm hơn cho anh chị em nhà Bergotte là ồn ào, thậm chí hơi tầm thường, với những câu đùa khó chịu, đặc trưng cho cái “kiểu” nửa hóm nửa đần nhà họ. Nhưng thiên tài, thậm chí tài năng lớn, ít đến từ những yếu tố trí thức và tinh tế xã hội cao hơn người, mà chủ yếu là ở khả năng

biến đổi và chuyển thể những yếu tố ấy. Muốn làm nóng một chất lỏng bằng một bóng đèn điện, vấn đề không phải là có được bóng đèn càng mạnh càng tốt, mà là một bóng đèn ở đó dòng điện có thể ngừng chiếu sáng, chuyển mạch và cung cấp nhiệt lượng, thay vì cho ánh sáng. Muốn dạo trong không trung, đâu cần phải có chiếc ô tô mạnh nhất, mà là một chiếc ô tô không tiếp tục chạy trên mặt đất và có khả năng chuyển sang chiều thẳng đứng, biến tốc độ di chuyển ngang thành lực đẩy lên. Cũng như vậy, những người làm ra những tác phẩm thiên tài không phải những người sống trong môi trường tinh tế nhất, có thuật trò chuyện xuất sắc nhất, có kiến thức văn hóa rộng nhất, mà là những người, đồng thời với việc đột nhiên từ bỏ lối sống vì bản thân mình, có được cái khả năng khiến cho bản cách của mình giống như một chiếc gương để cho cuộc đời của họ được phản chiếu vào trong đó, cho dù nó có thể rất xoàng xĩnh trong chốn giao tế thượng lưu và, theo một nghĩa nào đó, về mặt trí thức - thiên tài là ở khả năng phản chiếu, chứ đâu phải ở chất lượng nội tại của quang cảnh được phản chiếu. Cái hôm chàng trai Bergotte có thể chỉ ra cho thế giới độc giả của mình cái *salon* "rẻ tiền", nơi chàng đã qua tuổi thơ, đã có những cuộc trò chuyện chẳng mấy hay ho với anh em mình, cái hôm ấy, chàng đã tự nâng cao hơn bạn bè của gia đình mình, những người trí xảo hơn và cao sang hơn chàng: những người này, trở về nhà trong những chiếc xe Rolls-Royce lộng lẫy, có thể tỏ ra hơi khinh thị sự tầm thường của gia đình Bergotte; nhưng chàng, với cỗ máy khiêm tốn của mình, cuối cùng đã "tách đất" và bay

trên đầu họ.

Có những nét khác trong cách diễn ngôn của ông giống với một số nhà văn cùng thời, chứ không giống với các thành viên trong gia đình ông. Có một số nhà văn trẻ hơn bắt đầu phủ nhận ông và biện bạch rằng họ chẳng có chút tương hợp trí tuệ gì với ông và nếu có tỏ ra như thế cũng là ngoài ý muốn, chẳng qua là do dùng cùng những phó từ, quán từ mà ông không ngừng lặp đi lặp lại trong khi lập những câu theo cùng một cách, nói năng vẫn bằng cái giọng nhỏ đi, chậm lại để phản ứng với cái ngôn ngữ hùng hồn và dễ dãi của một thế hệ trước. Có lẽ những người trẻ ấy - ta sẽ gặp một số thuộc loại này - không biết Bergotte. Nhưng cách tư duy của ông, nhấm vào họ, đã phát triển những biến dị ấy trong cú pháp và trong nhịp nhấn liên quan thiết yếu với tính độc đáo trí tuệ. Và lại, mối liên quan ấy cũng cần được lý giải. Chẳng hạn, nếu như về cách viết, Bergotte không nợ nần gì ai, thì cách nói của ông lại chịu ảnh hưởng một người bạn cũ có khiếu trò chuyện tuyệt vời, ông bắt chước người ấy một cách không tự giác, nhưng chính người này, vì kém tài không bao giờ viết được những cuốn sách thực sự ưu đẳng. Thành thử, nếu xét về tính độc đáo của hành ngôn, Bergotte ắt bị xếp vào loại học trò, văn sĩ “bàn nhì”, trong khi, tuy chịu ảnh hưởng của bạn mình trong lĩnh vực trò chuyện, ông vẫn độc đáo và sáng tạo với tư cách là nhà văn. Lại nữa, hẳn là để tách ra khỏi thế hệ trước ông, vốn quá chuộng những trù tượng, những sáo ngữ khoa trương, khi Bergotte muốn khen một cuốn sách, điều ông nêu bật, điều ông viện dẫn bao giờ cũng là một

màn lớp gợi hình ảnh, một bức tranh không mang ý nghĩa duy lý. “À, có chứ!” ông nói, “thật tuyệt, có một cô bé quàng khăn san màu da cam, à phải, tuyệt lắm”, hoặc nữa “Ồ! phải, có một đoạn tả một trung đoàn đi qua một thành phố, à phải, rất hay*!” Về bút pháp, ông không hoàn toàn đương thời (vả chăng, vẫn triệt để khu biệt trong phạm vi nước mình, ông ghét Tolstoi, George Eliot, Ibsen và Dostoïevski*), vì cái từ luôn luôn trở lại khi ông muốn khen một bút pháp nào đó, bao giờ cũng là từ “dịu êm*”. “Phải, dù sao tôi vẫn thích Chateaubriand* của *Atala* hơn Chateaubriand của *Rancé*, tôi thấy cuốn ấy dịu êm hơn.” Ông nói cái từ ấy như một ông thầy thuốc trả lời một bệnh nhân phàn nàn rằng sữa không tốt cho dạ dày anh ta: “Nhưng sữa rất dịu êm mà.” Và quả thật, trong phong cách của Bergotte, có một thứ hài hòa tương tự như nét hài hòa ở một số nhà hùng biện được người xưa xưng tụng bằng những lời ca ngợi mà chúng ta khó quan niệm đúng bản chất vì chúng ta vốn quen với ngôn ngữ hiện đại trong đó người ta không nhằm loại hiệu quả như vậy.

Ông cũng nói về những trang viết của mình khiến người ta tỏ lòng ngưỡng mộ, với một nụ cười rụt rè: “Tôi nghĩ cái này cũng khá chân thật, khá chính xác, nó có thể đắc dụng”, nhưng đó chỉ do khiêm tốn, như một người phụ nữ, khi có người khen bà mặc chiếc áo dài thật đẹp hoặc cô con gái bà thật xinh, chỉ đáp gọn, trong trường hợp thứ nhất: “Nó tiện mà”, hoặc trong trường hợp thứ hai: “Cháu nó tốt tính.” Nhưng bản năng của người xây dựng ở Bergotte rất sâu sắc, khiến ông không thể không biết rằng bằng chứng

duy nhất chứng tỏ ông đã xây dựng một công trình đặc dụng và chân xác nằm ở niềm vui tác phẩm của ông mang lại cho ông, trước tiên là cho bản thân ông, sau đó là cho những người khác. Có điều, nhiều năm sau, khi ông không còn tài năng, mỗi khi ông viết một cái gì ông chưa hài lòng, để khỏi xóa bỏ nó đi như đáng ra ông phải làm thế, để công bố nó, lần này, ông nhắc đi nhắc lại với chính mình: “Dù sao mặc lòng, cái này cũng khá chính xác, không đến nỗi vô dụng cho đất nước.” Thành thử cái câu đạo xưa nhỏ nhẹ thốt ra trước mặt những người hâm mộ mình, do một tiểu xảo của đức khiêm tốn, cuối cùng lại được thì thầm nơi sâu kín trái tim ông bởi những lo âu dằn vặt lòng kiêu hãnh của ông. Và vẫn những lời Bergotte đã dùng để “biện bạch” một cách không cần thiết cho giá trị của những tác phẩm đầu tay lại trở thành một an ủi vô hiệu cho cái tâm thương của những trước tác cuối đời*.

Ở ông, có một thứ nhả thức thẩm mỹ triệt để, một ý chí chỉ viết những điều ông có thể gọi là “dịu êm”, điều đã khiến ông trong bao năm bị coi như một nghệ sĩ cần cỗi, cầu kỳ, chuyên tĩa tót những cái không đâu, tuy nhiên đó lại là bí quyết sức mạnh của ông, bởi vì chính thói quen làm nên phong cách nhà văn cũng như tính cách con người; một tác giả từng nhiều lần chỉ đơn giản bằng lòng với việc đạt tới thể hiện tư tưởng của mình ở mức độ thanh thoát nào đó, tức là đã đặt mốc giới hạn cho tài năng của mình, giống như khi ta đã nhiều lần nhượng bộ lòng ham thích khoái cảm, thói lười nhác, nỗi sợ đau đớn, tức là ta tự mình vẽ lên trên một tính cách, rốt cuộc đã không sao sửa thêm gì được

nữa, đường nét những tật xấu và giới hạn của phẩm chất mình.

Tuy nhiên, nếu như lúc đầu, tại nhà Madame Swann, tôi không tin rằng trước mặt mình là Bergotte, tác giả của bao cuốn sách tuyệt vời, mặc dù sau đó, tôi nhận thấy rất nhiều điểm tương ứng giữa nhà văn và con người này, thì có lẽ tôi đã không hoàn toàn sai, bởi vì chính bản thân ông cũng không “tin” thế (theo nghĩa đích thực của từ này). Ông không tin thế, bởi chung ông tỏ ra rất sẵn đón đối với những người trong giới thượng lưu (tuy chẳng phải là kẻ xu thời), đối với những văn sĩ, ký giả, thua kém ông xa. Dĩ nhiên, giờ đây, qua sự tán thưởng của những người khác, ông biết là mình có thiên tài, bên cạnh đó, những vị thế trong giới thượng lưu và những chức sắc chẳng là gì hết. Ông đã biết là mình có thiên tài, nhưng ông vẫn không tin thế bởi ông tiếp tục giả vờ kính trọng những văn sĩ nhàn nhàn nhõ nhõ để nay mai có thể trở thành viện sĩ, trong khi Viện Hàn lâm hay khu ngoại ô Saint-Germain chẳng có gì liên quan với cái phần của Trí Tuệ Vĩnh Cửu đã sáng tạo nên những cuốn sách của một Bergotte, cũng như với nguyên lý nhân quả hay với ý Trời. Điều đó, ông cũng biết, như một kẻ mắc tật ăn cắp biết một cách vô ích rằng ăn cắp là xấu vậy. Và con người có bộ râu dê và cái mũi xoắn tròn ốc giở những tiểu xảo của nhà quý-tộc-lén-bỏ-bộ-đồ-ăn-vào-túi để tiến lại gần cái ghế viện sĩ mơ ước, để sán lại bên một nữ công tước nào đó có nhiều phiếu trong các cuộc bầu chọn viện sĩ, nhưng vừa tiếp cận vừa cố làm sao để không ai trong số những người coi việc theo đuổi một

mục đích như thế là xấu xa, thấy được động thái của mình, ông chỉ thành công có một nửa, người ta nghe thấy ngôn từ của Bergotte đích thực đan xen với lời lẽ của một Bergotte vị kỷ và đầy tham vọng, chỉ nghĩ đến việc nói về một số người quyền thế, quý phái hay giàu có nào đấy để tự đề cao mình - con người ấy, trong những cuốn sách của mình, khi trở lại là Bergotte đích thực, đã mô tả tuyệt vời vẻ đẹp trong ngần như nước suối của những người nghèo.

Còn về những tật xấu khác mà ông De Norpois ám chỉ, về cái mối tình gần như loạn luân mà thậm chí người ta còn nói là dính líu mờ ám đến tiền bạc, mặc dù chúng mâu thuẫn rành rành với khuynh hướng trong những tiểu thuyết cuối cùng của ông - trong đó nổi bật một ưu tâm hướng thiện cẩn trọng và đau đón đến nỗi những niềm vui nhỏ nhất của những nhân vật chính cũng đều nhiễm nặng ưu tư và ngay cả độc giả cũng thấy toát ra một cảm giác lo âu khiến cho cuộc sống êm đềm nhất dường như cũng trở nên nặng nề - những tật xấu ấy, giả dụ người ta có gán chúng cho chính Bergotte, cũng không chứng tỏ rằng văn chương của ông là dối trá và phẩm chất kiệt bao nhạy cảm kia chỉ là trò diễn. Trong bệnh học, một số trạng thái có bề ngoài tương tự, nhưng trường hợp này thì do áp huyết quá cao hay bài tiết quá độ, còn trường hợp kia lại do tụt áp huyết, thiếu năng bài tiết, v.v., cũng như vậy, có thể có tật xấu do siêu nhạy cảm, lại có tật xấu do thiếu nhạy cảm. Có lẽ chỉ trong trường hợp những cuộc đời thực sự đồi bại, vấn đề đạo đức mới đặt ra mạnh mẽ, đầy quan ngại. Và đối với vấn đề ấy, người nghệ sĩ hiến một giải pháp, không phải trên

bình diện đời sống cá nhân, mà theo cái phương thức anh ta coi là cuộc đời đích thực của mình - một giải pháp đại cương, giải pháp văn học. Cũng như những nhà giảng đạo lớn của Nhà thờ, trong khi vẫn nhân hậu, bắt đầu bằng cách tìm hiểu những tội lỗi của mọi người và từ đó rút ra sự thánh thiện cá nhân của mình, thì những nghệ sĩ lớn, trong khi vẫn mang tật xấu, thường dùng đời mình để đi tới hiểu biết quy tắc đạo lý cho toàn thể. Chính những thói tật (hay chỉ là những nhược điểm và những lỗ bịch) của môi trường họ sống, những lời lẽ khinh suất, đời sống phù phiếm và chướng tai gai mắt của con gái họ, những lừa dối bội bạc của vợ họ hoặc những lỗi lầm của bản thân họ, thường hay bị các nhà văn phê phán nhất trong những bài đả kích, mà chẳng vì thế thay đổi được lối sống của gia đình họ hoặc cái thiếu thốn mỹ nghệ trị trong nhà họ. Nhưng sự tương phản này trước kia không nổi bật như vào thời của Bergotte, phần vì theo đà sa đọa ngày càng tệ hại của xã hội, những ý niệm đạo đức lại trở nên thuần khiết hơn, phần khác vì công chúng đã có những thông tin trước nay họ chưa hề biết về đời tư các nhà văn. Và vào một số buổi tối ở nhà hát, người ta chỉ cho nhau thấy tác giả mà tôi xiết bao ngưỡng mộ ở Combray, ngồi tận cuối một khoang lô mà chỉ thành phần trong đó dường như đã là một lời bình buồn cười lạ lùng hay xót xa, một cái chính trâng tráo bác bỏ cái luận đề ông vừa bảo vệ trong tác phẩm gần đây nhất của mình. Những điều người này người nọ nói với tôi không cho tôi biết gì nhiều về lòng nhân hậu hay tính độc ác của Bergotte. Một người nào đó thân cận với ông cung cấp

những bằng chứng về sự tàn nhẫn của ông, một người khác, xa lạ, kể một nét thể hiện rõ trái tim nhạy cảm sâu sắc của ông (thật xúc động vì hiển nhiên là ông cố giấu điều đó). Ông đã hành động tàn nhẫn với vợ*. Nhưng tại một quán trọ nông thôn ông dừng chân nghỉ đêm, ông đã lưu lại một thời gian để chăm sóc cho một cô gái nghèo định gieo mình xuống sông tự vẫn, và khi phải ra đi, đã để lại một món tiền lớn cho chủ quán để ông này chăm lo cho cô gái bất hạnh, đừng đuổi cô đi. Có lẽ trong Bergotte, nhà văn lớn càng phát triển, lẫn át con người có bộ râu dê, thì cuộc đời cá nhân của ông càng đắm trong lớp sóng những cuộc đời ông tưởng tượng ra và dường như không buộc ông phải làm tròn những bổn phận có thật, chúng được thay thế bằng cái bổn phận phải tưởng tượng ra những cuộc đời kia. Nhưng đồng thời cũng vì ông tưởng tượng ra những tình cảm của người khác chân xác như thể đó là của chính mình, nên khi có dịp nói với một con người bất hạnh, ít nhất là trong phút chốc, ông biết tự đặt mình không phải trên quan điểm cá nhân, mà là trên chính quan điểm của người đang đau khổ, quan điểm mà theo đó, ngôn ngữ của những kẻ vẫn tiếp tục chỉ nghĩ đến lợi ích nhỏ mọn của mình trước nỗi đau của người khác, ắt khiến ông ghê tởm. Thành thử ông đã gây nên quanh mình những phản ứng trái ngược - kẻ thì oán giận với lý do xác đáng, người lại hàm ơn không xiết tả.

Đó chủ yếu là một người thực ra chỉ yêu một số hình ảnh và chỉ thích cấu tạo và diễn tả chúng bằng những con chữ (như một bức tiểu họa dưới đáy hòm). Đối với một vật

chẳng mấy đáng giá ai đó gửi biếu, nếu vật đó tạo cơ hội cho ông dệt nên một vài hình ảnh, ông không tiếc lời cảm tạ, trong khi ông không mảy may tỏ ra biết ơn đối với một món quà đắt giá. Và nếu như ông phải tự bào chữa trước một tòa án, chắc hẳn, trái với ý muốn của mình, ông sẽ chọn lời lẽ, không phải để có thể gây tác động đối với quan tòa, mà là nhằm tới những hình ảnh mà chắc chắn quan tòa sẽ không thấy được.

Cái hôm đầu tiên tôi gặp Bergotte ở nhà cha mẹ Gilberte, tôi kể với ông rằng tôi vừa mới được xem La Berma diễn *Phèdre*; ông bảo tôi, trong màn bà đang cánh tay ngang tầm vai - chính là một trong những màn được hoan hô nhiều nhất - bà đã gọi nhớ đến những kiệt tác mà có lẽ chính bà cũng chưa từng thấy, một nàng Hespéride làm cử chỉ ấy trên một bức tranh ở bảo tàng Olympie* và cả những trình nữ kiêu diễm của ngôi đền cổ Érechthéion*.

“Đó có thể là một linh nghiệm, tuy nhiên, tôi nghĩ bà ấy nên năng đi xem bảo tàng hơn. Sẽ có thể là *phát hiện* thú vị đấy (‘phát hiện’ là một trong những từ quen thuộc của Bergotte, mà một số người trẻ tuổi chưa từng gặp ông vẫn mượn dùng như thể do một thứ ám thị từ xa vậy).”

“Ông nghĩ đến những cột tượng Cariatide*” Swann hỏi.

“Không, không,” Bergotte nói, “ngoại trừ ở màn *Phèdre* thổ lộ với nhũ mẫu Cénone về tình yêu của mình và màn dùng tay làm động tác của Hégêso trên tấm bia ở nghĩa trang Céramique*, bà đã làm sống lại một nghệ thuật cổ hơn nhiều. Tôi muốn nói đến những pho tượng *korai* trong ngôi đền cổ Érechthéion*, và tôi công nhận rằng không gì

có thể xa biệt với nghệ thuật của Racine bằng những *korai* ấy, nhưng đã có biết bao nhiêu thứ trong Phèdre... có thêm một thứ nữa cũng chẳng... Ô mà có chứ, thật tuyệt, nàng Phèdre nhỏ xinh bước ra từ thế kỷ 6 trước Công nguyên ấy, cái cánh tay giơ thẳng đứng ấy, cái búp tóc như cẩm thạch ấy, phải, dù sao cũng có chứ, tìm ra và sáng tạo ra ngần ấy thứ, thật giỏi biết mấy. Ở đây, giàu chất cổ đại hơn nhiều so với những cuốn sách năm nay được người ta gọi là ‘cổ đại’.”

Vì trong một cuốn sách của mình, Bergotte đã dâng một lời cầu khẩn nổi tiếng đến những pho tượng cổ xưa ấy, nên những lời ông nói lúc bấy giờ rất sáng rõ dễ hiểu đối với tôi, cho tôi thêm một lý do mới để quan tâm đến diễn xuất của La Berma. Tôi ráng hình dung lại bà trong ký ức, nhớ lại dáng bà giơ cánh tay ngang tầm vai như thế nào trong màn kịch ấy. Và tôi tự nhủ: “Đó, nàng Hespéride ở bảo tàng Olympie là thế; đó, cô em gái của một trong những pho tượng nữ cầu kinh tuyệt mỹ ở Acropole là thế; đó, một nghệ thuật cao quý là như thế!” Nhưng muốn những tư tưởng ấy chỉ cho tôi thấy cái đẹp nơi cử chỉ của La Berma, đáng ra Bergotte phải giảng cho tôi hay từ trước cuộc trình diễn. Như vậy, trong khi tư thế của nữ nghệ sĩ đang thực sự hiện hữu trước mặt tôi, khi mà điều diễn ra còn trọn vẹn tính hiện thực, tôi ắt đã có thể rút ra được từ đấy một ý niệm về điêu khắc cổ xưa. Nhưng điều tôi còn lưu giữ lại từ La Berma trong màn ấy chỉ là một ký ức không thể đổi được nữa, mỏng tang như một hình ảnh thiếu chiều sâu của hiện tại ở dưới bề mặt nên bị lồm vào, khiến ta không thể rút ra được điều gì mới một cách chân xác, một hình ảnh mà sau

khi nó biến mất, ta không thể áp đặt một diễn giải khả dĩ kiểm tra, xác nhận một cách khách quan. Để góp chuyện, Madame Swann hỏi tôi là Gilberte có nghĩ đến chuyện đưa cho tôi xem những gì Bergotte đã viết về vở *Phèdre* không. “Con gái tôi thật vô tâm,” bà nói thêm. Bergotte nở một nụ cười khiêm tốn, nói rằng đó chỉ là những trang viết chẳng có gì quan trọng. “Có chứ, thật tuyệt vời, cuốn sách nhỏ ấy, tập *tiểu luận* ấy,” bà Swann nói để tỏ ra là nữ chủ nhân lịch thiệp, để khiến mọi người tin là bà đã đọc tập sách nhỏ ấy và cũng vì bà muốn không chỉ khen Bergotte mà còn biết chọn lựa giữa những điều Bergotte viết, gây ảnh hưởng với ông. Và, nói cho đúng, bà đã tạo cảm hứng cho ông theo một cách khác với bà tưởng*. Nhưng xét cho cùng, giữa cái thanh lịch của *salon* bà Swann và cả một khía cạnh tác phẩm của Bergotte, có những tương quan khiến những người nay đã già có thể xem hai cái đó là tương hỗ, cái nọ bổ sung cho cái kia.

Tôi thỏa sức kể lại những cảm tưởng của mình. Nhiều lúc, Bergotte thấy đó là những ấn tượng sai lầm, song ông cứ để mặc tôi nói. Tôi nói với ông rằng tôi thích cái ánh sáng xanh trên sân khấu lúc *Phèdre* giơ cánh tay lên. “À, họa sĩ trang trí - một nghệ sĩ lớn đấy - mà nghe cậu nói thế chắc sẽ thích lắm. Tôi sẽ kể lại với anh ta vì anh ta rất hãnh diện về cái ánh sáng đó. Tôi thì tôi phải nói rằng tôi không thích nó lắm, nó chìm tất cả vào một thứ không khí màu xanh lục trong đó nàng *Phèdre* bé nhỏ nom quá giống một hành san hô dưới đáy một cái bể nuôi cá. Cậu sẽ nói là điều đó làm nổi bật khía cạnh vũ trụ của vở kịch? Cái đó

đúng. Tuy nhiên, nó sẽ thích hợp hơn cho một vở lấy khung cảnh là vương quốc của Neptune*. Tôi biết là trong vở có sự trả thù của Neptune*. Lạy Chúa, tôi không yêu cầu người ta chỉ nghĩ đến tu viện Port-Royal, nhưng điều Racine kể đâu phải là chuyện tình ái của lũ nhím biển. Nhưng rốt cuộc, đó là cái bạn tôi muốn, dù sao đi nữa, thế cũng rất cừ rồi và thật ra cũng khá đẹp. Phải, rốt cuộc, cậu đã thích cái đó, cậu đã hiểu, phải không nào, thực ra, chúng ta đều nghĩ như nhau về điểm ấy, điều anh ta làm kể cũng hơi phi lý, phải không, nhưng dù sao cũng thật là thông minh.” Và khi ý kiến Bergotte trái ngược với ý kiến tôi như vậy, ông tuyệt nhiên không dẫn tôi đến chỗ cứng họng, không trả lời gì được, như ắt hẳn sẽ thế nếu người đối thoại với tôi là ông De Norpois. Điều đó không chứng tỏ rằng quan điểm của Bergotte kém giá trị hơn quan điểm của ngài đại sứ, mà trái lại là đằng khác. Một ý tưởng mạnh truyền một phần sức mạnh của nó sang người phản đối nó. Góp vào giá trị phổ quát của mọi trí tuệ, nó xen vào, tự ghép vào đầu óc của người mà nó phản bác; và người này, giữa những ý tưởng kề cận, dựa vào đó mà lấy lại được chút lợi thế, bổ sung cho nó, chỉnh sửa nó, thành thử phán quyết cuối cùng, trong chừng mực nào đó, lại là sản phẩm chung của hai người tranh cãi với nhau. Chính những ý tưởng không thể tranh cãi, nói cho đúng, lại chẳng phải là ý tưởng gì cả; đó là những ý tưởng không có cơ sở, do đó không tìm thấy một điểm tựa nào, một cành nhánh thân ái nào trong đầu óc đối thủ, cho nên, chọi với cái trông không thuần túy, đối thủ không cách chi đáp lại. Những luận điểm

của ông De Norpois (về nghệ thuật) khiến người ta không thể đáp lại chính bởi chúng không có cơ sở thực tế.

Thấy Bergotte không gạt bỏ những phản đối của mình, tôi thú thật với ông rằng chúng đã bị ông De Norpois coi khinh. “Ông ta chỉ là một con vẹt già,” Bergotte đáp, “ông ấy mổ cậu mấy cái là vì ông ấy tưởng rằng trước mặt mình bao giờ cũng là một miếng bánh nhúng hay con cá mực.” - “Sao? cậu biết ông De Norpois ư?” ông Swann hỏi tôi. - “Ôi, ông ấy chán ngắt như mưa dầm,” bà vợ ngắt lời, bà vốn rất tin ở nhận định của Bergotte và hẳn chỉ sợ ông De Norpois nói xấu bà điều gì với chúng tôi. “Tôi đã định trò chuyện với ông ta sau khi ăn, tôi không biết do tuổi tác hay vì tiêu hóa kém mà tôi thấy ông ta dờ dẩn. Xem ra cần phải cho ông ta một liều kích thích!” - “Vâng, phải thế không nhỉ?” Bergotte nói, khá nhiều lúc ông buộc phải im lặng để khỏi rơi vào tình trạng chưa kết thúc tối vui đã cạn hết dự trữ những lời ngốc dại làm thứ hồ bột giữ cho yếm sơ mi và chiếc áo gi lê trắng của ông còn cứng nguyên. - “Tôi thấy ông Bergotte và nhà tôi quá khắc nghiệt,” Swann nói, tại nhà mình, ông “sắm vai” người biết điều hơn lẽ thiệt. “Tôi công nhận rằng người ta có thể thấy ông De Norpois chẳng có gì hay ho lắm, nhưng theo một góc nhìn khác,” (ông Swann vốn thích sưu tầm những cái đẹp của “đời sống”), “ông ta là một con người khá kỳ lạ, khá kỳ lạ với tư cách là ‘tình nhân’. Hồi làm bí thư sứ quán ở Rome,” ông nói thêm sau khi chắc chắn là Gilberte không thể nghe thấy, “ông ta có một cô nhân tình ở Paris mà ông ta mê tít, mỗi tuần hai lần ông xoay xở tìm cách về gặp cô vài tiếng đồng hồ. Của

đáng tội, hồi ấy, đó là một phụ nữ đẹp mê hồn và rất thông minh, bây giờ thì là một bà già rồi*. Và trong thời gian ấy, ông ta còn có nhiều cô khác nữa. Tôi mà phải để người tôi yêu ở Paris trong khi công việc giữ tôi lại Rome thì tôi đến phát điên mất. Trong tình trường, những người thần kinh dễ bị tác động bao giờ cũng nên chọn *đối tượng thấp hơn mình* - nói theo cách người bình dân - để khiến người đàn bà họ yêu, vì nghĩ đến lợi ích cá nhân, phải phụ thuộc vào họ.” Ngay lúc đó, Swann nhận ra rằng tôi có thể áp dụng châm ngôn ấy vào trường hợp của chính ông với Odette. Và vì ngay cả ở những con người ưu đẳng, vào lúc tưởng như họ đang cùng ta bay cao bên trên cuộc đời, vẫn tồn tại lòng tự ái nhỏ mọn, ông bỗng trở nên rất giận dữ đối với tôi. Song điều đó chỉ biểu lộ ở nỗi lo trong ánh nhìn của ông. Ông không nói gì với tôi ngay lúc đó. Cũng chẳng nên quá ngạc nhiên về điều đó. Theo một chuyện, thật ra là bịa đặt, nhưng ngày nay cũng lan truyền khắp Paris, có hôm Racine nhắc đến Scarron* trước mặt Louis XIV, ông vua hùng mạnh nhất thế giới không nói gì với nhà thơ ngay tối hôm đó. Nhưng hôm sau, nhà thơ bị thất sủng*.

Nhưng vì một lý thuyết cần được diễn đạt trọn vẹn, ông Swann, sau phút tức giận đó, và sau khi lau chiếc kính một mắt, bổ sung nốt ý nghĩ của mình bằng những lời mà sau này, nhớ lại, tôi mới thấy là có giá trị như một cảnh báo tiên tri, song lúc bấy giờ tôi đâu biết để ý tới. “Tuy nhiên, cái nguy hiểm của loại ái tình này là ở chỗ sự lệ thuộc của người đàn bà chỉ xoa dịu máu ghen của người đàn ông trong phút chốc, song lại cũng khiến nó trở nên nghiệt ngã

hơn. Anh ta đi đến chỗ bắt người tình của mình phải sống như những tù nhân suốt ngày đêm lúc nào cũng có đèn chiếu sáng để 'được' canh giữ cho tốt hơn. Và thường thường kết thúc là bi kịch."

Tôi quay trở lại đề tài ông De Norpois. "Đừng có tin ông ta. Tiếng thế mà miệng lưỡi ông ta độc địa lắm," bà Swann nói với một giọng mà tôi cảm thấy có nghĩa là ông De Norpois đã nói xấu bà, tôi càng chắc là như vậy khi thấy ông Swann nhìn vợ với vẻ quở trách và như muốn ngăn bà đừng nói thêm gì về chuyện đó nữa.

Trong khi đó, Gilberte, mặc dù bố mẹ đã hai lần giục đi thay đồ chuẩn bị đi chơi, vẫn nán lại hóng chuyện, ngồi giữa hai ông bà, nũng nịu dựa đầu vào vai bố. Mới thoát nhìn, không gì tương phản với Madame Swann tóc nâu hơn cô gái tóc hung, da dẻ đỏ au này. Nhưng sau một lúc, ta nhận ra ở Gilberte nhiều nét - chẳng hạn như cái mũi được xén gọn bằng một nhát kéo đột ngột, quyết đoán và tuyệt đối chính xác bởi nhà điêu khắc vô hình đã sử dụng con dao đục tạo hình cho bao thế hệ -, sắc diện và những động tác của bà mẹ; để đặt sự so sánh sang địa hạt một nghệ thuật khác, Gilberte có vẻ là một chân dung ít giống Madame Swann hơn, mà người họa sĩ nổi cơn bốc đồng màu sắc đã yêu cầu người mẫu cải trang thành một thiếu nữ Venise chuẩn bị đi dự một vũ hội hóa trang. Và vì không chỉ mang bộ tóc giả màu vàng rơm, mà còn vì da thịt nàng, triệt tiêu mọi vi tố sẫm màu, bỏ hết các mạng che nâu nâu, dường như càng lộ trần hơn, chỉ phủ bằng những tia tỏa ra từ một thứ mặt trời bên trong, sự hóa trang không chỉ là bề mặt

mà đã thành nhập thân; Gilberte có vẻ như tượng trưng cho một con vật hoang đường hay cải trang thành một nhân vật thần thoại. Cái nước da đỏ dẫn ấy thật đích thị là của ông Swann đến nỗi khi “nặn” Gilberte, Bà Mụ đã phải giải quyết vấn đề tái tạo dần dần những nét của bà Swann mà trong tay chỉ có chất liệu duy nhất là nước da của ông Swann. Và Bà Mụ đã sử dụng nó hoàn hảo, như người thợ cả đóng thùng gỗ cố tình làm nổi rõ thớ gỗ và những mắt gỗ. Trên mặt Gilberte, ở khóe mũi - y hệt mũi của Odette - làn da gợn lên để giữ nguyên vẹn hai nốt ruồi của Madame Swann. Quả là một dị bản mới của Madame Swann được tạo ra bên cạnh bà, như một bông tử đinh hương trắng bên một bông tử đinh hương tím vậy. Tuy nhiên, không nên phân thật rạch ròi giữa hai hình ảnh giống nhau. Đôi lúc, khi Gilberte cười, ta nhận ra cái lúm đồng tiền ở má ông bố trên mặt bà mẹ, như thể chúng được trộn vào nhau để xem hiệu quả của sự hỗn hợp ra thế nào; cái lúm đồng tiền ấy rõ nét dần như một cái phôi hình thành, chênh chếch dài ra, phồng lên, và một lát sau biến mất. Trong mắt Gilberte, có cái nhìn hỗn hậu, ngay thật của ông bố; đó là cái nhìn khi nàng trao cho tôi viên mã não và nói: “Hãy giữ lấy làm kỷ niệm tình bạn của chúng ta.” Nhưng nếu ta hỏi Gilberte vừa rồi nàng đã làm gì, thì vẫn đôi mắt ấy liền lộ rõ vẻ bối rối, phân vân, che đậy, âu sầu, cái vẻ thường thấy ở Odette ngày xưa khi Swann hỏi bà vừa đi đâu để được đáp lại bằng một câu trả lời dối trá, những câu trả lời kiểu ấy, nếu trước kia từng làm Swann, khi ấy còn là người tình, đau đớn tuyệt vọng, thì bây giờ chỉ khiến ông, với tư cách là ông chồng

thận trọng, không soi mói, chuyển phắt đầu đề câu chuyện sang hướng khác. Nhiều lần, ở vườn Champs-Élysée, tôi đã lo ngại khi bắt gặp cái nhìn ấy ở Gilberte. Nhưng phần lớn thời gian, sự lo ngại ấy là không cần thiết. Bởi vì ở nàng, cái nhìn ấy - ít nhất là cái đó - chỉ là một nét di truyền thuần túy vật thể từ mẹ, chẳng liên quan với cái gì hết. Chính vào những lúc đến lớp trả bài, hay phải về nhà có giờ học thêm, hai đồng tử trong mắt Gilberte mới đảo lên đảo xuống như trong mắt Odette ngày xưa do sợ lộ tẩy là mình vừa tiếp một người tình nào đó, hoặc do đang vội đến một nơi hò hẹn. Như vật đo, ta thấy hai bản chất của ông Swann và bà Swann uốn lượn, dâng lên hạ xuống, lần lượt lẫn lên nhau trong thân thể nàng Mélusine* này.

Dĩ nhiên, ai cũng biết một đứa con ắt phải giống bố giống mẹ. Nhưng các ưu điểm và khuyết điểm nó thừa kế từ bố mẹ lại được phân bố một cách thật kỳ lạ: trong hai ưu điểm dường như không thể tách rời ở một trong hai đấng song thân, người ta chỉ còn thấy một ở đứa con, song lại kết hợp với một trong số những khuyết điểm của người kia, mà khuyết điểm này thì tưởng như không thể dung hòa được với ưu điểm kia. Thậm chí nhiều khi, hiện thân của một phẩm chất tinh thần trong một khuyết tật về thể chất cũng là một trong những quy luật của việc con cái giống cha mẹ. Trong hai chị em gái, một cô có cái vóc dáng kiêu hãnh của cha, song lại mang đầu óc tỉ tiện của mẹ; còn cô kia, thừa hưởng trọn trí thông minh của cha, thì lại khoác cái ngoại hình của mẹ; cái mũi to, cái eo bụng thô, cho đến cả giọng nói di truyền từ người mẹ đều trở thành thứ che

phủ những năng khiếu mà người ta thường gặp dưới dạng bề ngoài đẹp đẽ. Thành thử, bàn về cô chị hay cô em, người ta đều có thể nói rằng cô ta giống bố hay giống mẹ hơn và trong cả hai trường hợp đều có lý ngang nhau. Đành rằng Gilberte là con gái một, song ít ra là có hai Gilberte. Hai bản chất, của cha nàng và của mẹ nàng, không chỉ trộn vào nhau; chúng tranh chấp với nhau để chiếm lĩnh nàng, tuy nhiên nói vậy e chưa chính xác, và khiến ta đồ rằng trong khi đó, còn có một Gilberte thứ ba đang chịu nỗi phải làm mối cho hai Gilberte kia. Thế nhưng Gilberte cứ lần lượt là Gilberte này rồi lại là Gilberte kia, và mỗi lúc chỉ duy nhất là một mà thôi, có nghĩa khi là Gilberte “xấu tính” thì chẳng biết lấy thế làm ân hận, vì nàng Gilberte “tốt”, do lúc ấy tạm thời vắng mặt, đâu có nhận thấy sự sa sút ấy. Cho nên nàng Gilberte “xấu tính” tha hồ vui vẻ thưởng thức những lạc thú chẳng mấy cao nhã. Khi nàng Gilberte kia nói bằng trái tim của ông bố, nàng có những quan điểm thoáng rộng, người ta muốn cùng nàng tiến hành một công cuộc tốt đẹp và hữu ích, người ta nói vậy với nàng, nhưng vào lúc sắp sửa đi tới thỏa thuận, thì đến lượt trái tim mẹ nàng lên tiếng; chính nó đã trả lời và người ta đâm thất vọng - gần như hoang mang trước một mảnh tráo đổi người - người ta bực tức vì một phát biểu ti tiện, một tiếng cười khẩy xảo quyết thốt ra một cách khoái trá từ cái dị bản Gilberte là hiện thân của chính nàng lúc đó. Sự khác biệt giữa hai nàng Gilberte thậm chí đôi khi lớn đến nỗi người ta hoài công tự hỏi: cái gì đã làm Gilberte biến hóa đến vậy? Chẳng những nàng không đến nơi hẹn do chính nàng

đề xuất với anh, rồi sau đó không hề xin lỗi, mà bất kể lý do buộc nàng phải thay đổi quyết định là thế nào, nàng đã tỏ ra khác đến nỗi sau đó, anh ngỡ mình bị sự giống nhau đánh lừa như trong cốt truyện vở kịch *Anh em Ménechme**, anh hẳn sẽ tưởng đứng trước mình không phải là con người đã ngỏ lời tao nhã đến thế xin được gặp anh nếu nàng không tỏ một thái độ bức dọc cho thấy là nàng tự cảm thấy có lỗi và muốn tránh phải phân trần.

“Thôi nào, đi thay đồ đi con, đừng bắt bọn ta phải chờ lâu,” bà Swann bảo nàng.

“Con ở cạnh ba yêu của con dễ chịu quá, con muốn ngồi lại thêm chút nữa,” Gilberte vừa đáp vừa rúc đầu vào nách bố trong khi ông Swann âu yếm lùa ngón tay vào mái tóc vàng rơm.

Swann thuộc loại những người đàn ông sống quá lâu trong những ảo tưởng của tình yêu, từng thấy sự sung túc mình mang lại cho nhiều người đàn bà đã làm tăng thêm hạnh phúc của họ mà chẳng khiến họ mảy may biết ơn và âu yếm yêu thương mình; nhưng ở nơi con cái mình, họ cảm thấy có một tình thương mến mà, do hiện thân ngay ở họ tên của họ, nó sẽ khiến họ vẫn tồn tại ngay cả sau khi qua đời. Khi ông Charles Swann không còn nữa thì vẫn còn một Mademoiselle Swann, hay một Madame X., với nhũ danh là Swann, tiếp tục yêu thương người cha quá cố. Thậm chí là tiếp tục yêu thương quá đổi, hẳn là Swann nghĩ vậy, vì ông trả lời Gilberte: “Con gái ba tốt lắm” bằng cái giọng cảm kích trước biểu hiện yêu thương quá ư đắm thắm của một người thân sẽ còn sống khi ta đã qua đời,

khiến ta lo lắng cho tương lai. Để che giấu sự xúc động của mình, ông tham gia vào cuộc trò chuyện của chúng tôi về La Berma. Ông lưu ý tôi rằng nữ nghệ sĩ đã thoại câu “Thế ra u đã biết chuyện ấy rồi*!” với Enone một cách thông minh biết bao, chính xác biết bao, bất ngờ biết bao, nhưng ông phát biểu ý đó với một giọng ơ hờ và ngán ngẩm như thể ông muốn bằng cách nào đó đứng ngoài những điều mình nói. Ông có lý: cái ngữ điệu ấy ít nhất cũng có một giá trị thật sự hiểu được và do đó lẽ ra đã thỏa mãn mong muốn của tôi tìm thấy những lý do không thể phản bác để ngưỡng mộ La Berma. Nhưng lại chính do chỗ nó sáng tỏ nên nó không đáp ứng được mong muốn ấy. Ngữ điệu đó thật tài tình, với một ý đồ, một ý nghĩa xác định rõ ràng đến nỗi nó tồn tại ngay trong bản thân nó và mọi nữ nghệ sĩ thông minh đều có thể đạt tới được. Đó là một ý tưởng đẹp; nhưng bất cứ ai quan niệm nó trọn vẹn đủ mức đều có khả năng nắm vững được nó như thế. Giá trị còn lại của La Berma là bà đã phát kiến ra ngữ điệu ấy, nhưng liệu người ta có thể dùng chữ “phát kiến” khi mà đó chỉ là tìm ra một cái gì đó rồi sẽ không còn khác biệt nếu người ta tiếp thu nó, một cái gì không thiết yếu gắn với bản thể mình vì sau đó, một kẻ khác có thể bắt chước đúng như thế.

“Lạy Chúa, sự có mặt của cậu đã *nâng cao trình độ của cuộc trò chuyện* lên biết bao!” Swann nói với tôi, như để cáo lỗi với Bergotte - ở cái môi trường Guermantes, ông đã nhiễm cái thói quen tiếp các nghệ sĩ lớn như những người bạn tốt, đãi họ những món ăn khoái khẩu, phục vụ họ chơi bài, hoặc ở nông thôn thì chơi những môn thể thao họ ưa

thích. “Xem ra ta đã bàn nhiều về *nghệ thuật*,” ông nói thêm. - “Thế là rất tốt, em rất thích thế,” Madame Swann vừa nói vừa đưa mắt nhìn tôi ra ý cảm ơn, một cái nhìn đầy nhã ý trong đó tôi còn đọc thấy những khát khao từ xa xưa muốn được tham gia những cuộc trò chuyện có tính chất trí tuệ. Sau đó, Bergotte nói chuyện với những người khác, đặc biệt là với Gilberte. Tôi đã nói với ông tất cả những cảm nghĩ của mình với một sự thoải mái tự do làm chính tôi kinh ngạc, do chỗ từ nhiều năm nay (qua bao giờ lủi thủi đọc sách một mình, trong đó, ông chỉ đơn giản là phần ưu tú trong bản ngã tôi), tôi đã quen thành thật, thẳng thắn và tin cẩn tâm sự với ông, nên ông đỡ làm tôi e dè hơn một người mà tôi tiếp chuyện lần đầu. Tuy nhiên, cũng vì lý do ấy, tôi rất lo về ấn tượng tôi có thể gây ra đối với ông, vì không phải chỉ bây giờ mà từ lâu rồi, khi tôi bắt đầu đọc tác phẩm của ông trong khu vườn nhà chúng tôi ở Combray, tôi đã đồ rằng ông sẽ coi khinh những ý tưởng của tôi. Tuy nhiên, lẽ ra tôi có thể tự nhủ rằng, vì cả thiện cảm của tôi đối với tác phẩm của Bergotte lẫn nỗi thất vọng tôi cảm thấy ở nhà hát mà không biết lý do tại sao, đều thành thật, toàn tâm toàn ý, nên hai phản ứng bản năng không sao cưỡng lại được ấy hẳn không đến nỗi quá khác nhau, mà đều tuân theo những quy luật giống nhau; và rằng cái tinh thần Bergotte mà tôi yêu thích trong những cuốn sách của ông hẳn không phải là một cái gì hoàn toàn xa lạ và đối địch với nỗi thất vọng của tôi và việc tôi bất lực không diễn đạt được nó. Bởi lẽ tri giác tôi chỉ là một, và thậm chí có lẽ trên thế gian chỉ tồn tại một tri giác

duy nhất trong đó tất cả mọi người cùng cư trú, một tri giác mà mỗi người, từ đáy cơ thể của riêng mình, đều dõng mãnh vào, như ở rạp hát, mỗi người đều có chỗ của mình, trái lại, chỉ có một sân khấu duy nhất, cố nhiên, những ý tưởng rầm rỗi mà tôi thích tháo gỡ tìm hiểu không phải là những ý tưởng mà Bergotte thường đào sâu trong tác phẩm của ông. Nhưng nếu như cả ông ta và tôi đều có thể vận dụng cùng một tri giác, thì khi nghe tôi phát biểu những ý của mình, ông phải nhớ chúng, thích chúng, mỉm cười với chúng chứ, để thường vẫn hướng con mắt nội tâm - bất chấp tôi giả định như thế nào - dõng mãnh vào một phần của tri giác khác hẳn cái phần mà ông cắt một khoảnh đưa vào sách của mình, mà dựa vào đó tôi đã tưởng tượng ra toàn bộ thế giới tinh thần của ông. Giống như những giáo sĩ, vốn giàu trải nghiệm lớn nhất về tâm hồn, có thể hơn ai hết tha thứ cho những tội lỗi họ không bao giờ phạm, những thiên tài, vốn giàu trải nghiệm nhất về tri giác, có thể hơn ai hết hiểu được những ý tưởng đối lập nhất với những ý tưởng tạo nên cốt lõi những tác phẩm của họ. Lẽ ra tôi đã phải tự nhủ tất cả những điều ấy (mặc dù chúng chẳng dễ chịu gì, vì thiện tâm của những con người cao thượng thường có hệ quả là gây ngộ nhận và cừu địch ở những kẻ tầm thường; vậy đó, niềm sung sướng được tiếp xúc với sự ưu nhã của một nhà văn lớn - cùng lắm thì qua tác phẩm - chẳng thấm gì so với nỗi đau đớn vì sự thù địch của một người đàn bà ta đã chọn làm vợ không phải vì người ấy thông minh, mà bởi ta đã không thể không yêu cô ta). Lẽ ra tôi đã phải tự nhủ thế, nhưng tôi không nghĩ ra, tôi đã định ninh rằng mình có

vẻ ngu xuẩn trước mắt Bergotte thì Gilberte thì thâm vào tai tôi:

“Tôi tràn trề vui sướng vì anh đã chinh phục người bạn lớn của gia đình chúng tôi, ông Bergotte. Ông đã nói với má là ông thấy anh cực kỳ thông minh.”

“Chúng ta đi đâu bây giờ?” tôi hỏi Gilberte.

“Ồ, đi chỗ nào mình muốn, tôi thì thế nào cũng được, anh biết đấy, đi đây, đi đó...”

Nhưng từ khi xảy ra sự việc vào hôm giỗ ông nội nàng, tôi cứ tự hỏi liệu tính cách của Gilberte có khác với điều tôi tưởng, liệu cái thái độ dửng dưng đối với những gì người ta làm, cái vẻ ngoan ngoãn kia, cái vẻ bình thản kia, cái vẻ luôn luôn nhu mì phục tùng kia, trái lại, có che giấu những ham muốn rất tha thiết mà vì lòng tự ái, nàng không muốn ai thấy và chỉ để lộ bằng sự chống đối đột ngột khi ngẫu nhiên chúng bị ngăn trở.

Vì Bergotte ở cùng khu phố với cha mẹ tôi nên chúng tôi cùng ra về; trong xe, ông đề cập đến sức khỏe của tôi: “Bạn bè cho tôi biết là cậu đau yếu luôn. Tôi lấy làm tiếc cho cậu, song cũng không quá tiếc vì tôi thấy là cậu hẳn có những thú vui trí tuệ và có lẽ đó là cái đáng kể hơn cả đối với cậu cũng như với tất cả những ai biết thế nào là thú vui trí tuệ.”

Hỡi ôi! Những điều ông nói đó, tôi cảm thấy chẳng đúng với tôi chút nào, mọi lý lẽ dù cao cả đến mấy cũng chẳng khiến tôi quan tâm, tôi chỉ sung sướng trong những lúc tha thẩn dạo quanh mà lòng cảm thấy thoải mái; tôi cảm thấy điều mình mong muốn trong cuộc sống rành là thuần túy

vật chất, tôi sẵn sàng bỏ qua thú vui trí tuệ dễ dàng biết bao. Vì không phân biệt được giữa những thú vui khoái cảm nào đến với mình từ những nguồn khác nhau, ít nhiều sâu xa và bền lâu, nên trong khi đáp lời ông, tôi thầm nghĩ có lẽ mình ưa một cuộc sống gắn bó thân thiết với công tước phu nhân De Guermantes, trong đó mình luôn có dịp được cảm thấy một không khí mát rượi như ở cái chỗ xưa là Phòng Thuế trong vườn Champs-Élysée, nó nhắc mình nhớ đến Combray. Và trong cái ý muốn được sống như vậy, mà tôi không dám thổ lộ với ông, thì không hề có chỗ cho thú vui trí tuệ.

“Không, thưa ông, thú vui trí tuệ chẳng có ý nghĩa gì lắm đối với cháu, đó không phải là điều cháu tìm kiếm, thậm chí cháu cũng không biết là mình đã bao giờ thưởng thức nó chưa.”

“Cậu nghĩ thế thật ư?” Bergotte đáp. “Vậy thì nghe này, nếu mặc nhiên, cái đó vẫn là cái cậu tất phải yêu thích hơn cả, thì tôi, tôi đồ là thế, tôi tin là thế đấy.”

Dĩ nhiên ông không thuyết phục được tôi; song tôi cảm thấy dễ chịu hơn, đỡ ngọt ngào hơn. Do những điều ông De Norpois đã nói với tôi, tôi đã coi những khoảnh khắc mơ mộng, phấn khởi, tự tin của mình là thuần túy chủ quan và không có thật. Vậy mà, theo Bergotte - ông có vẻ nắm vững “ca” của tôi - thì, trái lại, xem ra cái triệu chứng nên phớt lờ đi chính là những cảm giác nghi ngờ, ghê tởm chính mình của tôi. Nhất là điều ông nói về ông De Norpois đã giảm nhẹ hẳn một lời kết án mà tôi tưởng như không thể kháng cáo.

“Cậu có điều trị tốt không?” Bergotte hỏi tôi. “Ai là người chăm sóc sức khỏe cho cậu?” Tôi trả lời Cottard đã và chắc sẽ còn xem bệnh cho tôi. “Nhưng đó đâu phải là cái cậu cần!” ông nói. “Tôi không biết về ông ấy với tư cách là thầy thuốc. Nhưng tôi đã gặp ông ta ở nhà bà Swann. Đó là một tay ngu đần. Giả dụ điều đó không ngăn ông ta là một thầy thuốc giỏi, điều mà tôi khó mà tin được, thì nó cũng ngăn ông ta là một thầy thuốc giỏi cho nghệ sĩ, cho những người thông minh. Những người như cậu cần những thầy thuốc phù hợp, tôi những muốn nói là cần những chế độ, những loại thuốc đặc biệt. Cottard sẽ làm cậu chán ngấy và chỉ riêng sự chán ngấy đã đủ khiến cho cách điều trị của ông ta không hiệu quả. Với lại, không thể điều trị cho cậu giống như điều trị cho một kẻ bất kỳ nào. Ba phần tư căn bệnh của những người thông minh có nguồn gốc từ sự thông minh của họ. Ít nhất họ cần một thầy thuốc nắm được cái gốc bệnh đó. Làm sao Cottard có thể chữa bệnh cho cậu được? Ông ta có thể chẩn đoán chứng khó tiêu do nước xốt, chứng rối loạn tiêu hóa, nhưng ông ta không thể chẩn đoán biến chứng của việc đọc Shakespeare... Cho nên, với trường hợp của cậu, những tính toán của ông ta không đúng nữa, thế thăng bằng bị phá vỡ, con lặn* nhỏ bé luôn luôn nhô lên. Ông ấy sẽ bảo là cậu bị nở dân bao tử, ông ấy không cần khám vì đã có nó in sẵn từ trước trong mắt, cậu có thể thấy nó phản chiếu trong chiếc kính một mắt của ông ấy.” Cách nói ấy làm tôi mệt đừ, tôi tự nhủ với cái ngờ nghệch của lương tri: “Mình chẳng thấy cái bao tử dân nở nào được phản chiếu trong chiếc kính một mắt của giáo sư

Cottard, cũng như đâu có thấy điều ngu ngốc nào được giấu trong chiếc gi lê trắng của ông De Norpois.” - “Tôi khuyên cậu nên đến bác sĩ De Boulbon,” Bergotte nói tiếp, “ông ấy rất thông minh.” - “Đó là một người rất hâm mộ các tác phẩm của ông,” tôi đáp. Tôi thấy Bergotte không lạ gì điều đó, do vậy tôi kết luận rằng những đầu óc bằng hữu mau chóng tụ lại với nhau, chứ người ta mấy khi có “bạn bè xa lạ” thật sự. Những gì Bergotte nói với tôi về Cottard vừa làm tôi kinh ngạc vừa trái ngược với mọi điều trước nay tôi vẫn tưởng. Tôi tuyệt nhiên không lo phải thấy ông thầy thuốc của mình chán ngấy; điều tôi chờ đợi là, nhờ một nghệ thuật với những quy luật huyền bí, ông hạ một lời tiên tri tuyệt đối chắc chắn về tình trạng sức khỏe của tôi sau khi khám nội tạng của tôi; tôi không kỳ vọng rằng, dựa vào một trí thông minh mà tôi có thể bù vào cho ông, ông cố tìm hiểu trí thông minh của bản thân tôi mà tôi cũng chỉ coi như một phương tiện - tự thân nó chẳng mấy quan trọng - để đạt tới những chân lý khách quan. Tôi không mấy tin rằng những người thông minh cần một thứ vệ sinh khác với những người ngu dốt và tôi sẵn sàng tuân theo thứ vệ sinh của họ. “Nếu có ai đó cần một thầy thuốc giỏi, thì đó là ông bạn Swann của chúng ta,” Bergotte nói. Và khi tôi hỏi liệu ông ấy có bệnh không, ông tiếp tục: “Dào, đó là người đàn ông đã lấy một gái giang hồ làm vợ để rồi mỗi ngày dăm chục lần bị *xiếc*, ngờ nghệch tin vào mọi lời biện bạch hoang đường của những phụ nữ không muốn tiếp vợ mình hoặc của những gã từng ngủ với cô ta. Ta có thể thấy điều đó qua những nụ cười gượng méo mó của ông ta.

Cậu để ý xem ông ta nhướn mày như thế nào khi ông trở về nhà, thấy những ai trong phòng khách nhà mình.” Cái giọng ác khẩu Bergotte dùng để nói với một kẻ xa lạ về những người bạn từ bao lâu vẫn niềm nở tiếp đón ông tại nhà họ, đối với tôi cũng mới lạ như cái giọng gần như âu yếm mà lúc nào ở nhà họ, ông cũng dùng để trò chuyện với họ. Quả thật, một người như cụ bà mà tôi gọi là bà-cô, chẳng hạn, ắt không thể nói với bất kỳ ai trong chúng tôi những lời ưu nhã như những lời Bergotte hào phóng dành cho Swann. Ngay cả với những người cụ yêu thương, cụ cũng ưa nói những điều khó chịu. Nhưng khi vắng mặt họ, cụ không bao giờ thốt ra một lời xúc phạm sau lưng. Không gì khác xa thế giới phù hoa hơn cái xã hội Combray của chúng tôi. Cái xã hội nhà Swann thì đã trên đường hướng tới nó, hướng tới những con sóng chao đảo của nó. Chưa phải là biển cả, sóng đã là vụng. “Mọi điều này ta nói riêng với nhau thôi,” Bergotte bảo tôi khi chia tay trước cửa nhà tôi. Nếu là vào mấy năm sau, chắc tôi đã trả lời: “Cháu không bao giờ kể lại với ai điều gì hết.” Đó là câu nói có tính chất nghi thức người ta thường dùng trong giới xã giao để trấn an kẻ gièm pha chột dạ. Đó là câu mà lẽ ra hôm ấy tôi đã nói với Bergotte bởi vì người ta đâu có bịa đặt ra tất cả những điều người ta nói, nhất là khi người ta hành động với tư cách là nhân vật xã hội. Nhưng bấy giờ tôi còn chưa biết câu ấy. Mặt khác, vào một hoàn cảnh tương tự, bà-cô tôi ắt nói: “Nếu ông không muốn người khác kể lại thì tại sao ông lại nói ra?” Đó là câu trả lời của những người không ưa giao tiếp, những người “ngang bướng”. Tôi không

thuộc loại ấy: tôi chỉ nghiêng đầu im lặng.

Nhiều nhà văn mà tôi coi là những nhân vật quan trọng phải mất hàng năm xoay sở mưu mẹo mới thiết lập được với Bergotte những quan hệ cho tới nay vẫn mơ hồ bó hẹp trong phạm vi văn chương, không ra khỏi phòng làm việc của ông, trong khi tôi đây, ngay từ đầu, một cách êm ả, tôi vừa nghiêm nhiên yên vị giữa các bạn của nhà văn lớn, giống như một kẻ, thay vì phải xếp hàng như mọi người để kiếm một chỗ xoàng xĩnh, đã đi theo một hành lang không dành cho ai khác, nhờ đó chiếm được những chỗ tốt nhất. Sở dĩ ông Swann mở cái hành lang ấy cho tôi, đó là vì, giống như một vị vua thấy các bạn của con cái mình được mời vào buồng dành riêng cho hoàng gia ở nhà hát, hay lên du thuyền của hoàng gia là chuyện tự nhiên, cha mẹ của Gilberte cũng tiếp bạn bè của con gái mình giữa những vật quý giá mà họ sở hữu và giữa những thân hữu còn quý giá hơn trong khung cảnh này. Nhưng vào thời kỳ ấy, tôi nghĩ - có lẽ là có lý - rằng sự ưu ái ấy của Swann là gián tiếp dành cho cha mẹ tôi. Dạo trước ở Combray, thấy tôi ngưỡng mộ Bergotte, Swann đã có lần bày tỏ với cha mẹ tôi nhã ý muốn đưa tôi đến ăn tối ở nhà ông này, nhưng cha mẹ tôi từ chối, nói rằng tôi còn quá trẻ dại, thần kinh dễ bị kích thích, không nên cho “ra mắt” như vậy. Hẳn là cha mẹ tôi nghĩ về một số người - đích thị những người tôi coi là tuyệt vời nhất - hoàn toàn khác với tôi, thành thử, giống như vào thời kỳ vị phu nhân mặc áo hồng nọ phát biểu với cha tôi những lời ca ngợi mà ông tỏ ra chẳng mấy xứng đáng, tôi những mong hai đấng song thân hiểu cho rằng con mình

vừa được trao một món quà vô giá biết chừng nào và tỏ lòng biết ơn đối với Swann, con người hào sảng và lịch thiệp đã tặng nó cho tôi, hoặc cho chính hai ông bà, mà không hề có vẻ nhận thấy giá trị của nó, hồn nhiên khác nào vị đạo sĩ đáng yêu mũi gồ, tóc vàng trong bức bích họa của Luini*, mà hình như đạo xưa, người ta thấy là rất giống Swann.

Buồn thay, cái ân huệ Swann đã dành cho tôi, mà vừa về tới nhà, trước cả khi cởi áo ba đồ xuy, tôi đã thông báo cho cha mẹ tôi, với hy vọng đánh thức trong lòng hai thân một niềm xúc động như trong lòng mình, khiến cha mẹ tôi quyết định phải “đáp lễ” ông bà Swann thật trịnh trọng và dứt khoát, cái ân huệ ấy xem ra không được cha mẹ tôi đánh giá cao lắm. “Ông Swann giới thiệu con với ông Bergotte ư? Thật là một chỗ quen biết ưu đẳng, một mối quan hệ tuyệt hảo!”, cha tôi kêu lên, giọng mỉa mai. “Chỉ còn thiếu mỗi nước ấy!” Và than ôi, khi tôi nói thêm rằng Bergotte chẳng khoái ông De Norpois chút nào: “Dĩ nhiên!” cha tôi nói tiếp. “Điều đó chứng tỏ đó là một đầu óc giả trá và đầy ác ý. Con trai tôi nghiệp, con vốn đã ít hiểu thấu điều hơn lẽ thiệt, cha rất buồn thấy con rơi vào một môi trường như thế, rồi nó sẽ khiến con thành loạn trí mất.”

Chỉ riêng việc tôi thường xuyên lui tới nhà ông bà Swann đã đủ khiến cha mẹ tôi chẳng vui tí nào. Họ thấy việc tôi được giới thiệu với Bergotte là một hậu quả tai hại, nhưng tự nhiên, của một sai lầm ban đầu, do cái nhược điểm vốn có của họ mà ông nội tôi ắt gọi là “thiếu thận trọng”. Tôi cảm thấy, để đẩy nổi bức tức của cha mẹ tôi đến tột độ, tôi

chỉ cần nói là con người đời bại không biết trân trọng ông De Norpois ấy đã thấy tôi là cực kỳ thông minh. Quả vậy, khi cha tôi thấy một người nào đó, một bạn học của tôi chẳng hạn, chọn lầm đường - như chính tôi lúc này đây - nhưng lại được sự tán thưởng của một người mà ông không đánh giá cao, ông coi thái độ ủng hộ đó là bằng chứng xác nhận “chẩn đoán chẳng lành” của ông. Ông thấy tai họa, do đó, càng nghiêm trọng hơn. Tôi đã hình dung ông sắp kêu lên: “Tất yếu phải là *cả một giuộc* thôi!”, cái từ làm tôi thất kinh vì tính chất mơ hồ và phạm vi rộng lớn của những cải cách mà ông dường như thông báo là chúng sắp được đưa vào cuộc sống êm đềm của tôi. Nhưng vì, dù tôi có không kể lại những gì Bergotte nói về tôi, cũng chẳng có gì xóa nổi ấn tượng cha mẹ tôi đã cảm thấy, nên nó có xấu thêm chút nữa cũng chẳng quan trọng là bao. Vả chẳng, tôi thấy họ quá ư bất công, quá ư lầm lẫn, đến nỗi chẳng những tôi không hy vọng gì, mà hầu như không còn muốn, thuyết phục họ nghĩ lại theo một quan điểm công bằng hơn. Tuy nhiên, vào đúng lúc mở miệng nói, tôi cảm thấy cha mẹ tôi sẽ kinh hãi biết bao khi nghĩ rằng con mình đã làm vừa lòng một kẻ coi những người thông minh là ngu si, một kẻ bị những người trung thực khinh miệt, lời khen của kẻ đó - mà tôi thêm muốn - chỉ khuyến khích tôi làm điều xấu, cho nên, kết thúc câu chuyện, tôi nhỏ nhẹ buông nốt “cộng rom tối hậu” với vẻ hơi xấu hổ: “Ông ấy đã nói với ông bà Swann rằng ông ấy thấy con cực kỳ thông minh.” Giống như một con chó bị ngộ độc trong một cánh đồng vật vã trên cỏ mà không biết rằng đó chính là thuốc giải cho thứ độc tố nó

vừa hấp thụ, tôi không ngờ rằng mình vừa thốt ra câu duy nhất trên đời khả dĩ thắng được cái thành kiến nơi cha mẹ tôi đối với Bergotte, cái thành kiến mà để xóa bỏ nó, mọi lý lẽ đẹp nhất tôi có thể viện ra, mọi lời ca ngợi tôi dành cho ông ta đều vô hiệu. Ngay lập tức, tình thế thay đổi hẳn:

“Ôi! Ông ấy bảo là thấy con thông minh ư?” mẹ tôi nói. “Nhận xét ấy khiến mẹ vui thích, vì ông ta là người có tài.”

“Sao kia! Ông ấy nói thế ư?” cha tôi tiếp lời. “Cha tuyệt đối không phủ nhận giá trị văn chương của ông ta mà ai nấy đều nghiêng mình thán phục. Có điều ông ta sống một cuộc sống không mấy danh giá mà ông lão De Norpois nhắc đến với những lời lẽ nửa kín nửa hở,” cha tôi nói thêm, không nhận thấy rằng hiệu lực cao siêu của những lời thần diệu tôi vừa thốt ra đã lập tức hóa giải sự đỗi bại đạo đức của Bergotte cũng nhanh chóng như nó đã triệt tiêu nhận định sai lầm của ông ta.

“Ồ, mình,” mẹ tôi ngắt lời. “Chẳng có gì chứng minh điều đó là đúng cả. Thiên hạ đồn biết bao nhiêu chuyện, vả lại, ông De Norpois tuy rất mực tử tế, song không phải bao giờ cũng có hảo ý, nhất là với những người không cùng phe với ông.”

“Đúng vậy, tôi cũng nhận thấy điều đó,” cha tôi đáp.

“Vội lại rồi cuộc, ta có thể bỏ qua nhiều thứ cho Bergotte bởi vì ông ta đã có thiện cảm với con trai bé bỏng của tôi,” mẹ tôi nói tiếp, vừa đưa tay vuốt tóc tôi, vừa đắm đắm nhìn tôi, mơ mộng.

Vả lại, không phải chờ đến phán quyết này của Bergotte mẹ tôi mới bảo tôi có thể mời Gilberte tới dự bữa trà chiều

cùng các bạn tôi. Nhưng tôi không thể làm thế vì hai lẽ. Thứ nhất, ở nhà Gilberte, bao giờ cũng chỉ phục vụ trà thôi. Ở nhà tôi, trái lại, mẹ tôi muốn bên cạnh trà, phải có sô cô la. Tôi sợ Gilberte thấy thế là tầm thường và do đó, coi khinh chúng tôi. Lý do thứ hai là một khó khăn về nghi thức mà tôi không bao giờ khắc phục nổi. Khi tôi đến nhà Madame Swann, bao giờ bà cũng hỏi thăm:

“Bà mẹ cậu có khỏe không?”

Tôi đã vài lần gợi ý thăm dò xem thử xem liệu mẹ tôi có làm thế với Gilberte khi nàng đến không, một điểm mà tôi còn xem trọng hơn cả cái danh hiệu “Đức Ông*” tại triều đình Louis XIV. Nhưng mẹ tôi kiên quyết không chịu.

“Mẹ không hề quen biết Madame Swann.”

“Nhưng bà ấy cũng có quen biết mẹ hơn gì đâu.”

“Mẹ không phủ nhận, nhưng chúng ta không bắt buộc phải làm y hệt nhau trong mọi chuyện. Mẹ sẽ ưu ái Gilberte theo cách mà bà Swann hẳn không dành cho con.”

Nhưng mẹ không thuyết phục được tôi và tôi thà không mời Gilberte.

Chia tay với cha mẹ, tôi đi thay quần áo và khi dốc túi, tôi đột nhiên thấy cái phong bì mà người quản gia nhà ông bà Swann trao cho tôi trước khi đưa tôi vào phòng khách. Lúc này, tôi chỉ có một mình. Tôi mở phong bì: bên trong là một tấm “càc” ghi vị phu nhân tôi phải khoác tay đi đến bàn ăn.

Đó là vào khoảng cái thời kỳ Bloch làm đảo lộn thế giới quan của tôi, mở cho tôi những triển vọng mới để đạt tới

hạnh phúc (sau này lại hóa thành những triển vọng khổ đau), anh ta cam đoan với tôi rằng, trái với những gì tôi nghĩ hồi tôi thường hay đi dạo về phía Mésaglise, đàn bà không đòi hỏi gì hơn là làm tình. Để cho trọn vẹn, anh ta còn giúp tôi một việc thứ hai mà mãi về sau tôi mới biết đánh giá cho đúng: chính anh ta là người đưa tôi đến nhà thổ lần đầu tiên. Anh nói rõ cho tôi biết ở đó có nhiều gái đẹp muốn ngủ với ai cũng được. Tôi thường gán cho họ một diện mạo mơ hồ mà nhà chứa khiến tôi có thể thay thế bằng một gương mặt cụ thể. Thành thử nếu như, một mặt, tôi chịu ơn Bloch - người đã mang đến cho tôi cái "tin tốt lành" rằng hạnh phúc, việc sở hữu cái đẹp, không phải là điều không thể đạt tới và thật uổng nếu ta cứ khước từ điều đó mãi mãi - giống như ta chịu ơn một ông thầy thuốc hay một triết gia lạc quan nào đó đã cho ta hy vọng sống lâu trên thế giới này và không tách rời nó hoàn toàn khi ta đã sang một thế giới khác, thì mặt khác, những nhà chứa mà vài năm sau tôi thường lui tới - với việc cung cấp cho tôi những tiêu mẫu khác nhau của hạnh phúc, khiến tôi có thể thêm vào sắc đẹp đàn bà cái yếu tố ta không thể phát minh ra được, cái yếu tố vốn không chỉ là tổng hợp của những vẻ đẹp xưa, mà là món quà thực sự của trời ban, món quà duy nhất ta không thể nhận được từ chính mình, món quà làm lu mờ mọi sáng tạo logic của trí thông minh, món quà ta chỉ có thể yêu cầu ở thực tại: một duyên sắc cá nhân - đáng để tôi xếp cạnh những ân nhân khác xuất hiện gần đây hơn, nhưng cũng có ích như vậy: những đợt xuất bản sách lịch sử hội họa có minh họa, những buổi hòa nhạc giao

hưởng và những nghiên cứu về các “Thành phố nghệ thuật*” (trước khi có những thứ này, chúng ta chỉ có thể hình dung một cách mờ nhạt sự quyến rũ của một Mantegna*, một Wagner*, một Sienne, dựa theo các họa sĩ khác, các nhạc sĩ khác, các thành phố khác). Nhưng cái nhà chứa Bloch dẫn tôi tới, nơi mà bản thân anh ta đã từ lâu không đến nữa, thuộc loại quá hạ cấp, “nhân sự” quá mềnh và ít thay mới, không thỏa mãn được những hiếu kỳ từ xưa của tôi, cũng chẳng khơi dậy trong tôi những hiếu kỳ mới. Mụ chủ không biết một ai trong số những gái chơi mà khách yêu cầu và bao giờ cũng đề nghị những *em* họ không muốn xài. Mụ đặc biệt khoe với tôi một *em* mà mụ bảo tôi: “Một *em* Do Thái (hẳn vì thế nên mụ gọi *em* là Rachel*), cậu khoái chứ?” với một nụ cười đầy hứa hẹn (như thể đây là một cửa hiếm, một nguồn hoan lạc vậy). Và nói tiếp với một giọng phấn khích ngờ nghệch và giả tạo mà mụ hy vọng có thể lây truyền sang tôi và kết thúc bằng trút ra như một tiếng rên sướng: “Nghĩ mà xem, cậu thân mến, một *em* Do Thái, dám phát cuồng lên chứ chả chơi!” Cô ả Rachel ấy - tôi không gặp nhưng có nhìn thấy - có nước da nâu nâu, không xinh, nhưng có vẻ thông minh; ả nở một nụ cười đầy xác xược (không quên lè lưỡi liếm môi) với mấy gã khách cù lần người ta giới thiệu với ả; tôi nghe thấy họ bắt chuyện với nhau. Bao quanh gương mặt mỏng và hẹp của cô ả, là mái tóc đen, uốn quăn, lô xô như được vạch bằng những nét mực tàu trên một bức tranh thủy mặc. Mụ chủ đặc biệt tha thiết mời tôi chọn Rachel, ca ngợi cô ta vừa có học vừa rất thông minh, mỗi lần như thế

tôi đều hứa nhất định sẽ dành riêng một ngày, cốt để đến với Rachel mà tôi mệnh danh là “Rachel-ân-Chúa*^{*}”. Nhưng ngay tối hôm đầu, tôi đã nghe thấy ả nói với mẹ chủ lúc ra về:

“Vậ thỏa thuận thế nhé, mai em rảnh, nếu có khách, bà chị đừng quên cho tìm em nhé.”

Và câu nói này đã ngăn tôi coi ả như một nhân cách vì nó khiến tôi lập tức xếp ả vào một hạng đàn bà có cái thói quen chung cho tất cả là tối tối đến đấy để xem có kiếm được một vài đồng vàng* hay không. ả chỉ thay đổi hình thức câu nói tí chút: “nếu bà chị cần đến em” hoặc “nếu bà chị cần đến một người nào đó”.

Mẹ chủ chưa xem vở opéra của Halévy nên không biết tại sao tôi quen miệng nói: “Rachel-ân-Chúa”. Nhưng dù không hiểu, mẹ vẫn thấy câu đùa là ngộ và mỗi lần thấy tôi gọi thế, mẹ đều cười ngặt nghẽo mà rằng:

“Vậ tối nay vẫn chưa phải lúc để tôi kết hợp cậu với *Rachel-ân-Chúa* ư? Cậu gọi thế nào nhỉ: Rachel-ân-Chúa? Chà, tìm ra cái tên hay thật! Tôi sẽ làm mối cho cậu. Rồi cậu xem, cậu sẽ không phải hối tiếc đâu.”

Một lần, suýt nữa tôi đã quyết định, nhưng cô ả lại “đang mắc công chuyện”, một lần khác, đang trong tay người “làm đầu”, một ông già chẳng làm gì khác với đàn bà ngoài việc rót dầu thơm lên những lọn tóc đã đuôi của họ, rồi chải cho mượt. Và tôi phát ngán vì chờ đợi mặc dù có mấy cô nàng nhẵn mặt ở chốn này, nhan sắc rất bình thường, tiếng là công nhân nhưng không bao giờ có việc làm, đến bắt chuyện dài dài với tôi; tuy bàn toàn những đề tài đúng

đắn, nhưng sự lỏa lồ một phần hay toàn phần cơ thể của họ phả vào câu chuyện một vị đậm đà mà dung dị. Vả chẳng, tôi cũng thôi không đến đấy nữa, từ sau khi, để tỏ thiện cảm với mục chủ đang cần đồ đạc, tôi biếu mục một số thứ (trong đó đáng kể nhất là một chiếc tràng kỷ lớn) mà tôi được thừa kế của bà-cô Léonie. Những thứ này, trước đó, tôi chưa bao giờ thấy vì, do thiếu chỗ để, cha mẹ tôi không đưa về nhà, mà chất đống trong một gian nhà kho. Nhưng khi thấy chúng được kê trong nhà chứa này cho đám gái điếm sử dụng, thì bỗng trỗi dậy trong trí nhớ tôi tất cả những đức hạnh thấm đượm căn phòng của bà-cô tôi ở Combray, giờ đây phơi ra không gì che chở, do lỗi của tôi, trước cái cực hình là sự đụng chạm nhơ bẩn kia! Ngay cả nếu như do lỗi của tôi mà một thi thể nữ bị làm nhục, chắc tôi cũng không thấy đau đớn hơn. Tôi không trở lại chỗ mục ấy nữa vì tôi có cảm giác như những đồ đạc ấy đang sống động và đang khẩn cầu tôi, giống như trong một truyện cổ Ba Tư, những linh hồn bị nhốt và chịu cực hình trong những đồ vật bề ngoài tưởng như vô tri vô giác đang van xin được giải thoát. Vả lại, vì trí nhớ của ta thường không gọi lại những hồi ức theo đúng trình tự thời gian, mà như một hồi quang trong đó trật tự các phần bị đảo lộn, nên mãi lâu về sau tôi mới nhớ ra là chính trên chiếc tràng kỷ ấy, nhiều năm trước, tôi đã lần đầu tiên nếm mùi lạc thú ái ân với một cô em họ - trong khi tôi phân vân chưa biết nên chọn chỗ nào, nàng đã đưa ra lời khuyên khá nguy hiểm là lợi dụng giờ bà-cô Léonie ra ngoài phòng.

Cả phần còn lại trong số đồ bà-cô Léonie để lại, đặc biệt

là một bộ đồ ăn bằng bạc rất đẹp, tôi đều đem bán, bất chấp ý kiến phản đối của cha mẹ, để có tiền gửi thêm nhiều hoa cho Madame Swann; mỗi lần nhận được một lẵng hoa phong lan lớn, bà thường bảo tôi: “Nếu tôi là ông thân sinh ra cậu, chắc tôi phải kiếm cho cậu một cố vấn pháp lý thôi*.” Làm sao tôi có thể giả định rằng một hôm nào đó, tôi sẽ rất tiếc bộ đồ ăn bằng bạc ấy, một hôm nào đó, niềm vui thích tưởng như không gì có thể lớn hơn đối với tôi: làm đẹp lòng cha mẹ Gilberte, sẽ trở nên tuyệt đối vô nghĩa? Cũng chính vì Gilberte và để khỏi rời xa nàng mà tôi quyết định không dấn thân vào sự nghiệp ngoại giao. Bao giờ người ta cũng hạ những quyết tâm dứt khoát vì một trạng thái tinh thần nhất thời. Tôi khó mà tưởng tượng được là cái tố chất kỳ diệu ngự trong Gilberte và tòa ngời nơi cha mẹ nàng, tỏa khắp ngôi nhà nàng ở, khiến tôi đứng vững với mọi thứ khác, lại có thể thoát ra và “di trú” đến một con người khác. Quả thật vẫn cái tố chất ấy, vậy mà tác động của nó đối với tôi lại hoàn toàn khác. Bởi vì vẫn là căn bệnh cũ song đã chuyển hóa; và mỗi độc tố ngọt ngào không được chấp nhận như trước nữa khi mà cùng với năm tháng, sức đề kháng của con tim suy giảm.

Tuy nhiên, cha mẹ tôi những muốn trí thông minh mà Bergotte công nhận ở tôi phải được thể hiện ra bằng một công việc đáng kể nào đó. Khi chưa quen biết ông bà Swann, tôi cứ ngỡ cái trạng thái cón cào do không thể tự do gặp Gilberte khiến tôi không thể làm việc. Nhưng khi cánh cửa nhà họ mở rộng đối với tôi, thì hể ngồi vào bàn làm việc chưa nóng chỗ, tôi đã đứng lên và chạy tới nhà họ.

Và một khi chia tay họ, trở về nhà, cảnh cô độc của tôi chỉ là bề ngoài, ý nghĩ của tôi không thể trở ngược lại dòng thác lời chữ mà vừa đây, tôi đã thả mình vào mặc cho nó cuốn đi suốt hàng tiếng đồng hồ. Ngồi một mình, tôi tiếp tục vắt óc nghĩ ra những câu chuyện có thể làm vừa lòng ông bà Swann và để cho trò chơi thêm phần lý thú, tôi đóng vai những người chơi vắng mặt, đặt cho chính mình những câu hỏi hư cấu, lựa chọn sao cho trí tuệ sắc sảo của tôi tìm ra lời thật đắt để đối đáp. Bài tập này, tuy lặng lẽ, nhưng vẫn là một cuộc hội thoại chứ không phải là một sự suy tưởng, trạng thái cô đơn của tôi là một cảnh sinh hoạt tinh thần chốn *salon* trong đó không phải chính con người tôi mà là những người đối thoại tưởng tượng trò chuyện với nhau, trong đó thay vì tư duy những điều tôi tin là chân lý, tôi tạo ra những ý nghĩ đến với tôi thật dễ dàng, không do bên ngoài tác động vào trong, do đó có được cái thích thú hoàn toàn thụ động giống như một người nặng bụng vì tiêu hóa kém cảm thấy dễ chịu khi ngồi nghỉ thật yên tĩnh.

Nếu không thật sự quyết tâm làm việc nghiêm túc thì có lẽ tôi đã cố gắng bắt đầu ngay lập tức. Nhưng vì quyết định của tôi là dứt khoát, vì trong vòng hai mươi bốn giờ nữa, trong những khung trống của ngày hôm sau mà mọi thứ đặt vào đều vừa khớp bởi lẽ tôi vẫn còn ở đây trong ngày hôm nay, những tâm thế của tôi sẽ dễ dàng thành hình, cho nên tốt hơn hết là đừng có chọn một buổi tối tôi chưa sẵn sàng cho một cuộc khởi đầu - than ôi, những ngày sau cũng tỏ ra chẳng thuận lợi gì hơn cho một cuộc khởi đầu. Nhưng tôi là đứa biết điều. Đối với một kẻ đã biết chờ đợi nhiều

năm, mà lại nôn nóng không chịu nổi một sự chậm trễ vài ba ngày thì thật là trẻ con. Chắc chắn là hai hôm sau, tôi sẽ viết được mấy trang, tôi không hé răng nói với cha mẹ tôi một lời về quyết định của mình; tôi muốn kiên trì thêm ít thời gian nữa, rồi khi đã rõ nét là một công trình đang tiến hành, đem đến khoe bà tôi để bà được an ủi và tin tưởng. Buồn thay, ngày hôm sau không phải là cái ngày hướng ngoại mênh mông mà tôi bồn chồn chờ đợi. Khi hết ngày, tính lười nhác của tôi, cuộc vật lộn nhọc nhằn của tôi chống lại một số trở lực nội tại chỉ đơn thuần là kéo dài thêm hai mươi bốn giờ nữa. Và sau mấy ngày vẫn giẫm chân tại chỗ, tôi không còn hy vọng là kế hoạch của mình sẽ được thực hiện ngay lập tức, do đó, cũng không còn đủ can đảm như cũ để huy động tất cả phục vụ cho việc hoàn thành kế hoạch ấy; tôi lại bắt đầu thức khuya, vì không còn cái lý do để buộc mình phải đi ngủ sớm: niềm xác tín là tác phẩm sẽ bắt đầu từ sáng hôm sau. Trước khi lấy lại đà, tôi cần có vài ngày thư giãn, và lần duy nhất khi bà tôi mạnh dạn nói thẳng ra lời trách móc bằng một giọng dịu dàng mà đầy thất vọng: “Thế nào, cái công việc viết lách ấy, thậm chí người ta cũng không buồn nhắc đến nó nữa ư?”, tôi đâm giận cụ, tôi dám chắc do không biết nhìn thấy quyết tâm theo nghiệp văn của tôi là không thể đảo ngược, cụ vừa làm chậm thêm và có lẽ còn trì hoãn lâu dài việc thực thi quyết tâm ấy, vì nỗi bức dọc mà sự bất công của cụ gây cho tôi, và trong tâm thái bức dọc, tôi ắt chẳng muốn bắt đầu tác phẩm của mình. Cụ cảm thấy thái độ hoài nghi của mình vừa mù quáng làm tổn thương một ý chí. Cụ xin lỗi và vừa

hôn tôi vừa nói: “Xin lỗi, bà sẽ không nói gì nữa hết.” Và để tôi khỏi nản chí, cụ cam đoan rằng khi nào tôi thật sự khỏe mạnh, công việc sẽ tự nó trôi chảy băng băng.

Vả chẳng, tôi tự hỏi, dành nhiều thời gian như thế để sống bên nhà ông bà Swann, phải chẳng mình đã làm giống như Bergotte? Cha mẹ tôi thì hầu như thấy rằng tuy vẫn lười nhác, nhưng vì sinh hoạt trong cùng một *salon* với một nhà văn lớn, tôi đang có một cuộc sống thuận lợi nhất cho việc phát triển tài năng. Tuy nhiên, việc một kẻ nào đó được người khác ban cho tài năng chứ không phải tự mình tạo ra nó bằng những gì có trong bản thân, là điều tối bất khả, giống như chỉ bằng cách năng đi tiệc tùng với một ông thầy thuốc mà tạo được cho mình một sức khỏe tốt, bất cần tuân theo những quy tắc vệ sinh và mặc sức phạm những thái quá tệ hại nhất. Tuy nhiên, người mắc lừa cái ảo tưởng ấy một cách trọn vẹn nhất, giống như bản thân tôi và cha mẹ tôi, đó là Madame Swann. Khi tôi nói với bà là tôi phải ở nhà làm việc, không đến được, bà có vẻ cho rằng tôi làm bộ làm tịch, nói năng có phần ngớ ngẩn mà hờn hĩnh:

“Nhưng Bergotte vẫn đến đấy thôi! Cậu thấy ông ấy viết không hay hay sao? Sắp tới sẽ còn oách hơn nữa kia,” bà nói thêm, “vì ngòi bút của ông ấy khi viết báo còn sắc sảo và tập trung hơn khi viết sách, trong đó ông hơi pha loãng đi một chút. Tôi đã thu xếp để từ nay trở đi, ông ấy sẽ phụ trách viết *leader article* cho tờ *Le Figaro*. Thế mới gọi là *the right man in the right place**.”

Và bà nói thêm:

“Hãy đến nhé, ông ấy sẽ cho cậu những lời khuyên xác

đáng hơn ai hết.”

Và bà dẫn tôi ngày hôm sau nhất thiết phải đến bà ăn tối với Bergotte, vì lợi ích sự nghiệp văn chương của tôi, như người ta mời một tình nguyện quân đến diện kiến đại tá của anh ta, như thể những kiệt tác có thể ra đời nhờ những “quan hệ” đích đáng.

Như vậy, cả ông bà Swann lẫn cha mẹ tôi - tức là những người, vào những thời điểm khác nhau, từng thấy cần phải ngăn cản tôi - nay đều thôi không hề tỏ ra chống đối cái cuộc sống êm đềm trong đó tôi có thể tha hồ gặp Gilberte với niềm vui sướng dạt dào dù chưa thật sự yên tâm. Trong tình yêu, không thể có sự an tâm vì cái mà ta đạt được bao giờ cũng chỉ là một điểm xuất phát mới để khao khát nhiều hơn. Chừng nào tôi chưa thể đến nhà nàng, đôi mắt đắm đắm hướng về niềm hạnh phúc không thể với tới ấy, tôi thậm chí vẫn chưa thể hình dung được những nguyên nhân gây khó khăn rắc rối đang chờ đợi tôi ở đó. Một khi sự phản kháng của cha mẹ nàng đã bị bẻ gãy, cái vấn đề tưởng đã giải quyết dứt điểm, lại bắt đầu trôi lên, mỗi lần dưới một dạng khác. Theo nghĩa đó, quả là mỗi ngày lại bắt đầu một tình bạn mới. Mỗi tối, khi trở về nhà, tôi lại nhận thấy mình cần phải nói với Gilberte những điều tối quan trọng mà tình bạn của chúng tôi tùy thuộc vào đó; và những điều đó không bao giờ giống nhau cả. Nhưng rốt cuộc, tôi thật may mắn và không còn gì đe dọa hạnh phúc của tôi nữa. Than ôi, đe dọa lại đến từ một phía mà tôi không bao giờ thấy là nguy hiểm - từ phía Gilberte và chính tôi. Tuy nhiên, ngược lại, điều khiến tôi yên tâm, cái tôi vẫn tưởng là hạnh phúc,

lẽ ra phải làm tôi băn khoăn. Trong tình yêu, cái đó là một trạng thái bất bình thường, nó có thể ngay lập tức gán cho một sự cố ngẫu nhiên, bề ngoài có vẻ cực kỳ đơn giản, lúc nào cũng có thể xảy đến, một tâm nghiêm trọng mà bản thân nó không có. Điều khiến ta sung sướng là trong tim ta, hiện diện một cái gì chung chiêng mà ta luôn duy trì được ở thế ổn định và hầu như không nhận thấy nữa chừng nào nó vẫn ở nguyên chỗ. Thực ra, trong tình yêu, có một nỗi đau thường trực mà niềm vui tạm thời hóa giải, hoãn chậm lại, giữ ở dạng tiềm tàng, song có thể trở thành hiện thực bất cứ lúc nào nếu ta không đạt được điều ta cầu ước.

Nhiều lần, tôi cảm thấy Gilberte muốn tôi đến chơi cách quãng hơn. Đành rằng khi nào muốn gặp nàng quá, tôi chỉ việc kiếm cách để cha mẹ nàng mời tôi, họ càng ngày càng tin rằng tôi có ảnh hưởng rất tốt đối với con gái mình. Nhờ họ, tình yêu của tôi không bị nguy cơ nào đe dọa - tôi nghĩ vậy; khi mà tôi được họ ủng hộ, tôi có thể yên tâm, vì họ có uy quyền lớn đối với Gilberte. Buồn thay, qua một số dấu hiệu bức bối nàng để lộ ra khi bố qua mặt mình mời tôi đến, tôi buộc phải tự hỏi liệu cái mà tôi coi là một sự bảo trợ cho hạnh phúc, ngược lại, có phải là lý do thâm kín khiến nó không thể bền vững.

Lần gần đây nhất tôi đến thăm Gilberte, trời mưa; nàng được mời đến dự một buổi học khiêu vũ tại một nhà nàng chỉ quen biết sơ sơ, không tiện rủ tôi đi cùng. Vì thời tiết ẩm ướt, tôi đã dùng nhiều cà phê hơn bình thường. Có thể do thời tiết xấu, cũng có thể do có chút thành kiến đối với gia đình tổ chức cuộc khiêu vũ, Madame Swann, vào lúc

con gái sắp sửa đi, gọi giật nàng lại bằng một giọng rất xẵng: “Gilberte!” và chỉ tôi, ra ý rằng tôi đến cốt thăm nàng và nàng phải ở lại với tôi. Cái tiếng “Gilberte!” được thốt lên, được quát lên thì đúng hơn, vì thiện ý với tôi, nhưng qua cái nhún vai của Gilberte khi cởi áo ngoài ra, tôi hiểu rằng mẹ nàng đã vô tình đẩy nhanh cái tiến trình (cho đến nay vẫn còn có thể chặn lại được) đang dần dần tách bạn gái tôi ra khỏi tôi. “Không phải hôm nào cũng bắt buộc phải đi khiêu vũ,” Odette bảo con gái với cái phong thái khôn khéo mà hẳn bà đã học được ở Swann từ ngày xưa. Rồi trở lại là Odette chính hiệu, bà chuyển sang nói tiếng Anh với con gái. Tức thì, cứ như thể một bức tường dựng lên che khuất một phần đời của Gilberte, như thể một hung thần đã mang bạn gái tôi đi xa khỏi tôi. Trong một ngôn ngữ ta nắm vững, ta đã thay thế cái mờ đục của âm thanh bằng sự trong suốt của ý tưởng. Nhưng một ngôn ngữ ta không biết là một cung điện kín cổng cao tường trong đó, người ta yêu có thể lừa ta mà ta chẳng thể nhìn thấy gì, chẳng thể ngăn chặn được gì bởi lẽ ta phải ở bên ngoài, co cứng một cách tuyệt vọng trong nỗi bất lực. Một cuộc trò chuyện bằng tiếng Anh như vậy, nếu trước đó một tháng, chắc tôi chỉ mỉm cười cho qua, nhưng lúc này đây, với mấy danh từ riêng tiếng Pháp xen vào khiến tôi không khỏi nghi ngờ và thêm phần lo lắng, mặc dù diễn ra giữa hai con người đứng yên tại chỗ chỉ cách tôi vài bước, nó phũ phàng như một cuộc bắt cóc, để tôi bơ vơ và đơn độc. Cuối cùng, Madame Swann đi khỏi, để chúng tôi lại. Ngày hôm ấy, có lẽ vì oán giận tôi, nguyên nhân vô tình đã khiến nàng

không đến chỗ vui chơi được, cũng có lẽ vì đoán là nàng đang cáu, để đề phòng, tôi tỏ ra lạnh lùng hơn thường lệ, nên suốt buổi chiều, gương mặt trần hoang vắng mọi niềm vui của Gilberte dường như dồn hết nỗi sầu tiếc vào vũ khúc bốn người mà sự có mặt của tôi ngăn trở nàng đến tham gia và thách thức mọi người, trước hết là tôi, hiểu được những lý do tinh tế khiến nàng dành tình cảm đặc biệt cho khiêu vũ*. Nàng chỉ trao đổi nhất gừng với tôi về thời tiết đang diễn ra, về cơn mưa mỗi lúc một to, về cái đồng hồ quả lắc hơi bị nhanh, một cuộc trò chuyện điểm xuyết bằng những quãng lặng và những tiếng giống một, trong đó chính tôi cũng cố chấp một cách cuồng phẫn tuyệt vọng, một mực phá bỏ những khoảnh khắc mà lẽ ra chúng tôi có thể dành cho tình bạn và hạnh phúc. Và mọi lời lẽ của chúng tôi, do chúng vô nghĩa, nghịch lý đến tột độ, đều cực kỳ cộc cằn, tuy nhiên cái vô nghĩa tột độ ấy lại an ủi tôi vì nó khiến Gilberte không thể mắc lừa tin ở những nhận xét tế nhị và âm sắc hờ hững của tôi. Dù tôi có nói: “Hình như hôm nọ, đồng hồ chậm thì phải” cũng vô ích, thế nào nàng cũng *dịch* ra là: “Sao mà cô ác thế!” Cho dù tôi cứ một mực lái nhải những lời lẽ âm u không chút lóe nắng suốt cái ngày mưa này, tôi vẫn biết rằng thái độ lạnh lùng của mình không phải một cái gì dứt khoát cố định như tôi vờ tỏ ra, rằng Gilberte tất cảm thấy rõ nếu tôi dám nhắc lại lần thứ tư, sau khi đã nói với nàng đến ba lần, rằng ngày sắp hết, thì hẳn tôi đã khó khăn lắm mới nén lòng không òa khóc. Khi nàng như thế, không một ánh cười nào khiến mắt nàng ngời lên và gương mặt rạng mở, ai mà biết được sự

đơn điệu sâu nào đã hằn dấu lên đôi mắt buồn và những nét u ám của nàng. Lúc đó, mặt nàng, hồ như xấu đi, giống như cái bãi tắm chán ngắt khi biển rút ra xa tít, chỉ còn ánh lên một làn phản quang không thay đổi bao quanh bởi một đường chân trời hạn hẹp và bất di bất dịch, làm ta mỏi mắt. Cuối cùng, không thấy xuất hiện ở Gilberte một thay đổi sáng sủa nào mà tôi đã mong đợi suốt mấy tiếng đồng hồ, tôi bèn trách nàng không tốt. “Chính anh mới là người không tốt,” nàng đáp. “Có chứ.” Tự vấn mình đã làm gì không phải và thấy chẳng có gì đáng trách, tôi quay sang hỏi vặn nàng. “Dĩ nhiên là anh thấy mình tốt!” nàng đáp với một hồi cười dài. Lúc đó, tôi liền cảm thấy đau đớn vì không hiểu được khía cạnh kia, khó nắm bắt hơn, của ý nàng, thể hiện ở nhịp cười ấy. Nó có vẻ như muốn nói: “Không, không, tôi không dễ gì tin theo những điều anh nói đâu, tôi biết anh si mê tôi điên cuồng, nhưng điều đó đối với tôi là vô thưởng vô phạt, tôi cóc cần anh.” Nhưng tôi tự nhủ cười đâu phải là một ngôn ngữ đủ cụ thể để tôi có thể dám chắc mình hiểu được tiếng cười này. Mà những lời của Gilberte thì lại trù mẩn. “Tôi không tốt ở chỗ nào?” tôi hỏi nàng, “nói cho tôi biết đi, tôi sẽ làm tất cả những gì Gilberte muốn.” - “Không, điều đó chẳng ích gì, tôi không thể giải thích cho anh hiểu.” Trong một thoáng, tôi sợ nàng ngỡ là tôi không yêu nàng, và đối với tôi, đó là một nỗi đau mới, không kém nhói buốt, song nó cần được biện giải cách khác. “Hãy nói với tôi nhé nếu em biết em làm tôi buồn biết chừng nào.” Nếu như nàng chưa tin là tôi thực lòng yêu nàng, thì nỗi buồn ấy ắt khiến nàng vui, nhưng, đằng này,

nó lại làm nàng bức tức. Bấy giờ, hiểu ra rằng mình đã lầm, nhất định không đếm xỉa đến mọi lời lẽ của nàng nữa, không thềm tin dù nàng có nói: “Tôi thực lòng yêu anh mà, rồi một ngày kia, anh sẽ thấy,” (cái ngày những thủ phạm cam đoan rằng họ sẽ được công nhận là vô tội, nhưng vì những lý do bí ẩn nào đó, không bao giờ là ngày thẩm vấn họ), tôi bất đồ có đủ can đảm để quyết định sẽ không gặp nàng nữa song chưa báo cho nàng ngay, vì chắc nàng sẽ không tin.

Một nỗi buồn do người mình yêu gây nên, có thể là cay đắng, ngay cả khi nó lọt giữa bộn bề những bận tâm, những công việc, những niềm vui không liên quan gì đến người ấy, mà tâm trí ta chỉ thi thoảng mới tạm dứt khỏi chúng để quay trở lại với nó. Nhưng một nỗi buồn như vậy nảy sinh trong trường hợp này - vào một lúc lòng ta tràn ngập niềm hạnh phúc được gặp người ấy, thì sự suy sụp xảy ra trong tâm hồn ta cho tới giây phút đó vẫn tươi nắng, vững vàng và yên tĩnh, sẽ dấy lên trong ta một cơn bão điên cuồng mà ta không biết liệu mình có đủ sức chống lại đến cùng hay không. Cái cơn bão vừa sập xuống tim tôi mạnh đến nỗi tôi trở về nhà, xáo đảo, ê chề, cảm thấy chỉ có thể tìm lại được nhịp thở bằng cách trở lui, bằng cách kiếm có gì đó để quay về bên Gilberte. Nhưng nếu vậy, nàng sẽ tự nhủ: “Lại là anh ta. Rành là mình có thể tha hồ muốn làm gì thì làm, bởi vì mỗi lần chia tay với mình càng đau khổ thì khi trở lại, anh ta càng dễ bảo hơn.” Rồi ý nghĩ lại lôi tuột tôi trở về với nàng không sao cưỡng nổi, và những định hướng xoay chiều ấy, sự xáo loạn ấy của chiếc la bàn nội tâm cứ dai

dễ dàng diễn ra mỗi khi tôi về nhà và thể hiện ra trên bản nháp những bức thư đầy mâu thuẫn tôi viết cho Gilberte.

Tôi đang sắp trải qua một bước khó khăn, một trong những trạng huống mà người ta thường phải đối mặt nhiều lần trong đời và mỗi lần như thế, tức là ở mọi độ tuổi, người ta không đối mặt với tình thế theo cùng một cách, mặc dù người ta không hề thay đổi tính cách, không hề thay đổi bản chất - chính cái bản chất của chúng ta tạo nên những mối tình của chúng ta và hầu như cả những người đàn bà chúng ta yêu, cho tới tận những khuyết tật của họ. Vào những thời điểm ấy, cuộc đời của chúng ta chia đôi, như san ra mỗi bên chiếc cân, nằm trọn trên hai đĩa cân đối lập. Một bên là nỗi khát khao không muốn làm phật lòng người mình yêu, không muốn có vẻ quá nhún nhường đối với nàng mà không hiểu rõ nàng, nhưng thấy nên khéo léo che giấu nó đi một chút để nàng khỏi tự cảm thấy mình là không thể thiếu, rồi đâm chán ta; bên kia là một nỗi đau - không phải là một nỗi đau đã định vị ở một bộ phận - mà là một nỗi đau toàn phần chỉ có thể xoa dịu nếu như trái lại, một mặt, không chịu chiều lòng người đàn bà ấy và khiến cho nàng tưởng là ta có thể sống thiếu nàng, một mặt vẫn tìm gặp lại nàng. Chỉ cần ta rút bớt bên đĩa cân chứa lòng kiêu hãnh một lượng nhỏ của cái ý chí mà ta đã nhu nhược để cho tuổi tác làm cùn mòn đi, và thêm vào bên đĩa đựng sâu não một chút đau đớn thể xác mới bị mà ta trót để nặng thêm, thế là thay vì cái giải pháp can đảm ắt thắng thế ở tuổi hai mươi, ta đành phải chấp nhận cái giải pháp đã trở nên quá nặng và không có đủ đối trọng ở tuổi năm mươi, cái giải

pháp hạ thấp ta xuống. Nhất là vì các tình huống khi lặp lại đều có thay đổi và vì có khả năng là ở tuổi trung niên hoặc về cuối đời, người ta đâm có cái khoái tai hại là làm cho tình yêu phức tạp thêm với một yếu tố thói quen mà thời niên thiếu không biết tới do bị ràng buộc bởi quá nhiều bổn phận khác, làm hạn chế tự do cá nhân.

Tôi vừa viết cho Gilberte một bức thư xả cơn giận dữ điên cuồng, song vẫn không quên buông vài lời tựa như ngẫu nhiên, làm phao cho bạn gái tôi bám vào để làm lành; một lát sau, gió đã xoay chiều, tôi viết cho nàng những lời âu yếm, với một số từ ngữ dịu dàng ngỏ ý xin lỗi, những cụm từ “không bao giờ nữa” đầy xúc cảm đối với kẻ sử dụng chúng, song lại chán ngắt đối với người sẽ đọc chúng, hoặc vì nàng nghĩ chúng là dối trá và hiểu “không bao giờ nữa” có nghĩa là “ngay tối hôm nay nếu em thực sự muốn tôi đến”, hoặc vì nàng tin chúng là thật và thông báo một cuộc chia tay vĩnh viễn thuộc loại khiến ta hoàn toàn đứng đưng khi mà ta không hề yêu người cùng ta chia tay. Nhưng một khi, trong lúc đang yêu, ta không thể hành xử như kẻ tiền nhiệm xứng đáng của con người sắp tới (cũng chính là ta) sẽ không còn yêu nữa, thì làm sao ta có thể hình dung chính xác tâm trạng của một người đàn bà mà ngay cả khi biết rằng ta chẳng là gì đối với nàng, trong những phút mơ mộng, để tự ru ngủ bằng một ảo vọng đẹp đẽ, hay để tự an ủi cho quên đi nỗi sầu lớn, ta vẫn không ngừng tưởng tượng nàng thủ thỉ với ta những lời âu yếm như thể nàng yêu ta? Trước những tư tưởng và hành động của đàn bà, ta cũng mất phương hướng chẳng khác nào

những nhà vật lý đầu tiên hoang mang trước những hiện tượng của tự nhiên (trước khi khoa học được tạo lập và rọi một chút ánh sáng vào cõi chưa-biết). Hoặc tệ hơn nữa, như một kẻ hồ như không biết đến nguyên lý nhân quả, một kẻ không có khả năng xác lập một mối liên quan giữa một hiện tượng này với một hiện tượng khác, trước mắt anh ta, cảnh tượng thế giới cũng mờ ảo như trong một giấc mơ. Dĩ nhiên, tôi ráng thoát ra khỏi cái tình trạng mông lung thiếu mạch lạc này, tìm ra những nguyên nhân. Thậm chí tôi cố gắng “khách quan” và, vì thế, thận trọng tính đến sự chênh lệch giữa vị trí quan trọng của Gilberte trong tim tôi và mức độ quan trọng không những của tôi đối với nàng, mà cả của chính nàng đối với những người khác ngoài tôi, sự chênh lệch này, nếu tôi bỏ qua, có thể khiến tôi ngộ nhận một thái độ hòa nhã đơn thuần của bạn gái tôi là một sự tỏ tình, và ngỡ cái động thái kịch côm và hèn hạ của mình là một cử chỉ hồn nhiên, duyên dáng hướng tới đôi mắt người đẹp. Nhưng tôi cũng sợ rơi vào một thái cực ngược lại, trong đó tôi có thể diễn giải việc Gilberte đến chỗ hẹn trễ giờ, hoặc tỏ ra cáu giận, như là một thái độ thù địch vô phương cứu chữa. Tôi cố chọn giữa hai nhãn quan méo mó ngang nhau ấy xem cái nào có thể giúp tôi nhìn đúng sự vật; những tính toán mà tôi phải làm nhằm mục đích ấy khiến nỗi đau của tôi khuây đi được một chút; và hoặc vì nghe theo giải đáp của các con số, hoặc vì tôi chủ động lái chúng nói lên điều mình mong muốn, tôi quyết định hôm sau sẽ đến nhà ông bà Swann, cảm thấy sung sướng, nhưng sung sướng giống như cách một kẻ bao lâu

day dứt vì một chuyến đi mà anh ta không muốn thực hiện, giờ chỉ đi không quá nhà ga rồi quay về nhà tháo dỡ hành lý. Và vì trong thời gian phân vân do dự, chỉ riêng ý nghĩ về một quyết định khả thể (trừ phi ý nghĩ đó đã bị dập tắt bằng cách nhất quyết không quyết định gì hết) cũng đủ phát triển từ những đường nét lớn đến mọi chi tiết của những cảm xúc sẽ nảy nở trong khi xúc tiến hành động, tôi tự trách mình thật vô lý khi dự định không gặp lại Gilberte nữa để chuốc lấy khổ sở có lẽ cũng không kém gì nếu như tôi đã phải thực thi dự định ấy, và nghĩ rằng vì trước sau, rốt cuộc mình vẫn phải quay về nhà nàng, lẽ ra tôi đã có thể tránh được bao ngập ngừng và chọn lựa đau đớn. Nhưng sự nổi lại quan hệ thân hữu này chỉ kéo dài trong thời gian đi tới nhà ông bà Swann: không phải vì người quản gia, vốn rất quý tôi, nói rằng Gilberte đi vắng (quả vậy, ngay tối hôm ấy, một số người đã gặp nàng cho tôi biết đúng là thế), mà vì cái cách bác ta nói với tôi: “Thưa cậu, tiểu thư ra phố, tôi khẳng định là tôi không nói dối. Nếu cậu muốn hỏi rõ hơn, tôi có thể cho gọi chị hầu phòng đến. Cậu biết là tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để chiều lòng cậu và nếu tiểu thư có nhà, tôi ắt đưa cậu đến bên tiểu thư ngay lập tức.” Những lời của bác quản gia, vô tình mà thành ra quan trọng như chỉ những lời nói hồn nhiên mới có thể quan trọng đến thế, soi rõ một thực tế bất ngờ, ít nhất cũng cho ta một hình chụp X-quang sơ lược của thực tế ấy mà những câu chữ có cân nhắc cẩn thận ắt sẽ che khuất, chúng chứng tỏ rằng những người xung quanh Gilberte có cảm giác là tôi làm rầy nàng; cho nên những lời

ấy vừa thốt ra khỏi miệng bác quản gia đã khuấy lên nơi tôi nổi căm ghét mà, thay vì mục tiêu là Gilberte, tôi muốn nhằm vào bác quản gia; tất cả nỗi giận dữ mà tôi có thể cảm thấy đối với bạn gái mình tập trung vào bác ta; rũ bỏ được hờn giận nhờ những lời nói kia, tình yêu đơn độc của tôi vẫn tồn tại; nhưng đồng thời chúng cũng chỉ cho thấy tôi không nên tìm cách gặp Gilberte trong một thời gian. Chắc hẳn nàng sẽ viết cho tôi để xin lỗi. Mặc dầu vậy, tôi sẽ không trở lại gặp nàng ngay lập tức để chứng tỏ với nàng rằng tôi có thể sống thiếu nàng, vả chăng, một khi nhận được thư nàng rồi, việc tạm ngừng đến thăm Gilberte trong một thời gian sẽ là một điều tôi có thể dễ dàng chịu đựng hơn, vì tôi tin chắc hễ khi nào muốn là có thể tìm gặp lại nàng được ngay. Điều tôi cần để nhẹ bớt lòng buồn khi tự nguyện chịu đựng nỗi vắng xa người thương, là cảm thấy tim mình trút được nỗi phấp phỏng ghê sợ không biết liệu chúng tôi có bất hòa với nhau mãi mãi hay không, liệu nàng có đính hôn với ai, có ra đi hẳn, có ai mang đi? Những ngày tiếp theo giống như những ngày tôi sống thiếu Gilberte vào tuần đầu một năm mới. Nhưng dạo xưa, hết cái tuần ấy, một mặt, tôi chắc chắn là bạn gái tôi sẽ trở lại vườn hoa Champs-Élysée và tôi sẽ lại gặp nàng như trước; mặt khác, tôi cũng biết không kém phần chắc chắn rằng chừng nào còn nghỉ Tết thì chẳng phải đến Champs-Élysée làm gì cho mất công. Thành thử trong cái tuần lễ buồn bã giờ đã xa xôi ấy, tôi đã biết bình tĩnh chịu đựng nỗi buồn của mình vì nó không pha lẫn sợ hãi hay hy vọng. Giờ đây, trái lại, chính hy vọng, gần như ngang bằng với sợ hãi, đẩy nỗi đau của

tôi đến mức không chịu nổi. Không nhận được thư nàng ngay tối hôm đó, tôi cho đó là do nàng vô tâm hay bận việc, tôi chắc trong đợt thư sáng hôm sau, thế nào cũng có một lá của nàng. Ngày nào tôi cũng chờ đợt thư đến, tìm chọn rộn để rồi sau đó rơi vào một trạng thái ủ rũ khi chỉ thấy thư của những người khác không phải là Gilberte, hoặc chẳng thấy gì, điều này cũng chẳng tệ gì hơn, vì những biểu hiện thân ái của một cô bạn khác ắt chỉ khiến những biểu hiện thờ ơ của nàng làm tôi thêm đau đớn. Tôi lại đặt hy vọng vào chuyến thư buổi chiều. Ngay cả trong khoảng giữa những giờ giao thư, tôi cũng không dám ra khỏi nhà, vì có thể nàng cho người mang thư đến. Rồi khi, cuối cùng, chẳng thấy bưu tá đến mà người nhà ông bà Swann cũng không, hy vọng nhận được thư để yên tâm đành phải gác lại đến sáng hôm sau; như vậy, vì tin rằng nỗi đau của mình sẽ không kéo dài, tôi buộc phải không ngừng cho nó một khởi đầu mới, có thể nói vậy. Nỗi buồn có lẽ vẫn là thế, nhưng thay vì, như trước kia, chỉ kéo dài một cách đơn điệu một cảm xúc ban đầu, mỗi ngày nó bắt đầu lại nhiều lần bằng một cảm xúc thường xuyên đổi mới đến nỗi cuối cùng, mặc dù hoàn toàn vật thể và rất tạm thời, nó trở nên ổn định, và vì những xao xuyến do thấp thỏm chờ đợi chưa kịp nguôi ngoai hẳn, đã xuất hiện một lý do mới để đợi chờ, thành thử cả ngày, không có lấy một phút nào tôi không ở trong cái trạng thái lo âu mà chỉ cần chịu đựng nó trong một tiếng đồng hồ cũng đã cực lắm rồi. Như vậy, nỗi đau của tôi là vô cùng khốc liệt hơn so với hồi mong một tháng Giêng năm xưa, vì lần này, thay vì cứ chấp nhận bég nỗi

đau ấy cho giản tiện, tôi còn nuôi hy vọng thấy nó chấm dứt bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, cuối cùng, tôi cũng đi đến chỗ chấp nhận nó, bấy giờ tôi hiểu rằng đó là nỗi đau dứt khoát không thể tránh khỏi và tôi vĩnh viễn khước từ Gilberte, chính vì lợi ích của mối tình tôi và vì điều tôi mong ước hơn hết là nàng đừng giữ một kỷ niệm đầy miệt thị về tôi. Thậm chí, từ lúc đó trở đi, mỗi khi nàng hẹn gặp, để nàng khỏi ngờ rằng tôi giả thối hèn dối, tôi thường vẫn nhận lời và đến phút cuối cùng mới viết cho nàng tỏ ý tiếc là không thể đến được, như cách tôi ắt làm với ai đó mà tôi không muốn gặp. Tôi cảm thấy những từ ngữ tỏ ý tiếc, thường dành cho những kẻ thờ ơ, chắc có sức thuyết phục Gilberte về thái độ dửng dưng của tôi hơn là cái giọng làm ra vẻ dửng dưng mà ta chỉ dùng với người mình yêu. Khi nào, bằng những hành động lặp đi lặp lại không cùng, hơn là bằng lời nói, tôi đã chứng tỏ với Gilberte rằng tôi không thích gặp nàng, có thể nàng lại cảm thấy thích gặp tôi cũng nên. Than ôi! Sẽ là vô ích thôi: cố khơi lại trong nàng ý muốn gặp tôi bằng cách không gặp nàng nữa, có nghĩa là mãi mãi mất nàng; trước hết, là vì khi ý muốn ấy bắt đầu thức dậy trở lại, nếu muốn nuôi cho nó bền lâu, tôi không nên nhượng bộ nó ngay lập tức; vả chăng, những giờ khắc đau đớn nhất đã qua rồi, đây chính là lúc tôi rất cần nàng và tôi những muốn có thể báo cho nàng biết rằng sắp tới, gặp lại tôi, nàng sẽ chỉ phải xoa dịu một nỗi đau đã thuyên giảm tới mức gần như không còn tồn tại, như nó vẫn đang hiện hữu vào chính lúc này, và để chấm dứt nó, đây là một lý do để nhượng bộ, để làm lành và để gặp lại nhau. Và sau

này, khi rốt cuộc, tôi có thể thú nhận với Gilberte một cách an toàn vì sở thích của nàng đối với tôi đã mãnh liệt trở lại, thì về phía tôi, sở thích đối với nàng, không đủ sức chống lại một thiếu vắng kéo dài đến thế, chắc sẽ không tồn tại nữa; Gilberte sẽ chẳng còn gây cho tôi bất cứ cảm xúc gì. Tôi biết thế, nhưng tôi không thể nói với nàng điều đó; nàng sẽ tưởng sở dĩ tôi lặn quá lâu không gặp nàng, làm như không yêu nàng nữa, là cốt để khích nàng bảo tôi mau mau trở lại bên nàng. Trong khi chờ đợi, điều giúp tôi chịu đựng cái án xa cách ấy dễ dàng hơn, đó là (để nàng thấy rõ rằng, mặc dù tôi khẳng định ngược lại, việc tôi không gặp nàng là do chính tôi muốn thế, chứ không phải vì tôi mắc bận hay đau ốm) tất cả những lần biết trước là Gilberte vắng nhà, đi cùng với một bạn gái và không về ăn tối, tôi đều đến thăm Madame Swann (đối với tôi, bà đã trở lại là vị phu nhân vào cái thời tôi rất khó gặp con gái bà, cái thời mà hôm nào Gilberte không đến vườn Champs-Élysée, tôi lại đi dạo ở đại lộ Cây Keo). Bằng cách đó, tôi được nghe kể về nàng và tôi chắc chắn sau đó nàng sẽ được nghe kể về tôi theo một cách chứng tỏ tôi chẳng thiết gì nàng. Và như tất cả những ai đau khổ, tôi thấy tình cảnh đáng buồn của mình lẽ ra có thể còn tệ hơn. Bởi lẽ, vốn có thể tự do ra vào ngôi nhà Gilberte đang ở, tôi luôn tự nhủ rằng, mặc dù đã quyết không dùng đến cái khả năng đó, tôi vẫn có thể làm cho nỗi đau của mình chấm dứt nếu nó quá nhức nhối. Tôi chỉ khốn khổ từng ngày thôi. Nói thế cũng đã là quá rồi. Mỗi giờ không biết bao nhiêu lần (có điều bây giờ bớt được nỗi đợi chờ khắc khoải đến thắt lòng như trong những tuần

đầu sau cuộc giận dữ giữa chúng tôi, trước khi tôi quay trở lại gia đình nhà Swann) tôi nhắm lại thuộc lòng lá thư mà tôi tưởng tượng là một hôm nào đó Gilberte sẽ gửi cho tôi, thậm chí là tự tay mang tới! Việc luôn luôn hình dung ra hạnh phúc tưởng tượng ấy đã giúp tôi chịu đựng sự tan vỡ của hạnh phúc thực tồn. Đối với người đàn bà không yêu ta, cũng như đối với người “quá cố”, biết rằng mình chẳng còn gì để hy vọng không ngăn ta tiếp tục chờ đợi. Ta sống trong rình rập, nghe ngóng. Một bà mẹ có con trai ra biển khơi tiến hành một cuộc thám hiểm nguy hiểm, dù biết chắc anh ta đã chết từ lâu, nhưng lúc nào cũng tưởng tượng thấy anh ta bước vào, lành lặn và khỏe mạnh như được sĩ cứu thoát. Và tùy theo sức mạnh của ký ức và sự đề kháng của cơ thể, sự chờ đợi ấy hoặc sẽ khiến bà có thể vượt qua năm tháng tận đến khi bà cam chịu chấp nhận là con trai mình không còn nữa, hoặc nó sẽ giết chết bà. Mặt khác, nỗi buồn này được an ủi phần nào bởi ý nghĩ rằng nó có lợi cho mối tình của tôi. Mỗi lần đến thăm bà Swann mà không gặp Gilberte đều làm tôi đau đớn biết chừng nào, nhưng tôi cảm thấy nó cũng nâng cao tôi lên chừng nấy trong mắt Gilberte.

Vả lại, sở dĩ bao giờ trước khi đến thăm bà Swann, tôi cũng cố sao để biết chắc rằng Gilberte không có nhà, đó có lẽ là do tôi quyết làm mặt hờn dỗi với nàng, cũng là do niềm hy vọng làm lạnh chồng lên ý muốn khước từ hạnh phúc (trong lòng người, chẳng có mấy cái là tuyệt đối, ít nhất là một cách liên tục, mà một trong những quy luật là sự gián cách, quy luật ấy lại được củng cố thêm bởi dòng lũ những kỷ niệm khác nhau bất ngờ ập về) và khiến tôi

không thấy được phần đau đớn nhất của chia xa. Tôi biết niềm hy vọng ấy có nhiều phần ảo tưởng. Tôi như một gã nghèo tự nhủ rằng có thể một người xa lạ nào đó sắp để lại cho mình tất cả tài sản của anh ta, để bớt chan nước mắt lên mẩu bánh mì khô cầm trên tay. Để có thể chịu đựng thực tại, tất cả chúng ta đều buộc phải nuôi dưỡng trong lòng đôi điều rồ dại nho nhỏ. Mà hy vọng của tôi thì vẫn nguyên vẹn - cùng lúc sự cách chia được thực hiện mỹ mãn hơn - nếu tôi không gặp Gilberte. Nếu tôi gặp mặt Gilberte ở nhà mẹ nàng, có thể chúng tôi sẽ nói với nhau những lời vô phương cứu chữa khiến mối bất hòa giữa chúng tôi trở thành đoạn tuyệt, giết chết mọi hy vọng của tôi và mặt khác, bằng cách đẩy lên một lo âu mới, đánh thức tình yêu của tôi và khiến tôi khó cam chịu hơn.

Đã từ lâu, một thời gian dài trước khi xảy ra mối bất hòa giữa tôi và con gái bà, Madame Swann có bảo tôi: “Đến chơi với Gilberte là rất tốt, nhưng tôi cũng muốn đôi khi cậu đến thăm riêng *tôi*, đừng nhằm vào ngày tiếp tân*, cậu sẽ đâm chán vì quá nhiều khách, mà vào những ngày khác; những hôm ấy, cậu gặp tôi lúc nào cũng được, kể cả hơi muộn tí.” Vậy là khi đến thăm bà, tôi có vẻ như chỉ tuân theo một mong muốn bà đã bày tỏ từ lâu, mà thôi. Và rất muộn, khi đêm đã xuống, gần vào lúc cha mẹ tôi ngồi vào bàn ăn, tôi mới tới Madame Swann, thực hiện một cuộc thăm viếng trong đó tôi biết là sẽ không gặp Gilberte, nhưng lại chỉ nghĩ đến nàng. Trong cái khu phố, hồi ấy coi là hẻo lánh, của một Paris tối tăm hơn bây giờ, mà ngay cả ở trung tâm cũng không có điện công cộng ngoài phố và

rất ít trong các nhà tu, những ngọn đèn trong một phòng khách ở tầng trệt hay ở một tầng xép rất thấp (như cái phòng Madame Swann thường dùng để tiếp khách) cũng đủ để chiếu sáng ra phố và khiến khách qua đường ngược mắt nhìn; khách nghĩ luồng sáng đó, cũng như nguyên nhân hiển lộ và tàng ẩn của nó, có liên quan đến sự hiện diện của mấy cỗ xe ngựa sang trọng đậu trước cửa nhà. Không khỏi có chút hồi hộp, khách tưởng có một thay đổi xảy đến với cái nguyên nhân bí ẩn ấy khi thấy một trong những cỗ xe bắt đầu chuyển động; nhưng đó chỉ là người xà ích, sợ mấy con ngựa của mình nhiễm lạnh, thỉnh thoảng bắt chúng đi đi lại lại một chút; chuyển động ấy càng gây ấn tượng vì những bánh xe cao su êm ru tạo nên một nền im lặng làm nổi bật rõ từng tiếng vó ngựa nện trên đường.

Cái loại “vườn mùa đông” mà vào những năm ấy, khách qua đường thường thoáng thấy, bất cứ ở phố nào, miễn là căn hộ không nằm quá cao so với vỉa hè, giờ chỉ còn thấy trên những ảnh tranh khắc trong những cuốn sách làm quà thưởng do P.-J. Stahl* ấn hành; trong những tấm hình này, tương phản với những trang trí hoa lá lụa thưa trong những phòng khách kiểu Louis XVI hiện nay - một bông hồng hay một đóa diên vĩ Nhật Bản trong một bình pha lê cổ ngỗng không thể chứa thêm một bông hoa nào nữa - loại vườn mùa đông ấy, vì hồi ấy người ta chơi rất nhiều cây cảnh trong nhà mà tuyệt nhiên không biết bố trí chúng theo kiểu cách nào, dường như đáp ứng nơi những nữ chủ nhân một niềm say mê sống động và đắm đuối đối với cỏ cây, hơn là một mối quan tâm lạnh lùng đến trang trí bằng tĩnh vật. Nó

khiến ta nghĩ đến, ở quy mô lớn hơn, những nhà kính “xách tay” nhỏ xíu mà ở những khách sạn hồi bấy giờ, người ta đặt dưới ánh đèn thấp sáng từ sớm mồng một tháng Giêng - bọn trẻ không đủ kiên nhẫn để chờ đến sáng bạch - giữa những quà Tết khác, nhưng chúng là đẹp nhất trong số đó, với những mầm cây người ta có thể trồng trong đó, chúng mang lại an ủi, làm ta khuây đi cảnh tro trụi của mùa đông; loại vườn mùa đông tựa tựa chính những nhà kính nói trên đã dành, hơn thế nữa, nó còn giống hệt cái hình nhà kính ngay cạnh chúng, in trong một cuốn sách đẹp, một món quà Tết khác, và hình đó, mặc dù không dành cho bọn trẻ, mà là cho M* Lili*, nhân vật chính của tác phẩm, vẫn khiến chúng thích mê tới mức giờ đây, đã gần như trở thành ông già bà lão, họ tự hỏi phải chăng trong những năm may mắn ấy, mùa đông là đẹp nhất trong tất cả các mùa. Sau cùng, khách qua đường kiểng chân nhìn xuyên qua đám cành lá cây các loại từ ngoài phố vườn vào khiến ô cửa sổ sáng đèn giống như lớp kính của những nhà kính cho trẻ con kia - dù thật hay vẽ -, thường có thể thấy ở tận cuối khu vườn mùa đông ấy một thanh niên mặc rơm đánh gót, với một đóa son chỉ hoặc cầm chướng còi ở khuyết áo, đứng trước một quý bà đang ngồi, cả hai cùng mờ ảo, như hai vết khắc chìm trên một viên hồng ngọc, đắm trong không khí phòng khách ngát mùi thơm tỏa ra từ chiếc ấm samovar - hồi ấy vừa được du nhập - có lẽ hiện vẫn bốc hơi nhưng vì thói quen, không ai để ý thấy nữa. Madame Swann rất thiết tha muốn duy trì giờ dùng “trà” này; bà nghĩ mình tỏ ra độc đáo và quyến rũ khi nói với một người đàn ông: “Tôi bao

giờ cũng có nhà vào lúc hơi muộn trong ngày, hãy đến dùng trà vào quãng ấy”, cho nên bà thường thốt ra những lời ấy với thoáng chút giọng Anh lơ lớ kèm theo một nụ cười tinh tế và dịu dàng; người tiếp chuyện ghi nhớ kỹ trong khi trang trọng cúi chào, như thể đó là một thông điệp quan trọng và khác thường cần được tôn kính và chú ý. Có một lý do khác ngoài lý do kể trên, khiến hoa không chỉ mang tính cách trang trí trong phòng khách bà Swann; lý do này không liên quan đến thời đại, mà phần nào khởi nguồn từ cuộc sống ngày xưa của Odette. Một gái bao cao cấp, như bà đã từng là, dành phần lớn cuộc sống cho những người tình, nghĩa là tại nhà mình, điều đó có thể dẫn đến chỗ sống vì bản thân. Những thứ ta thấy ở một người đàn bà chính chuyên mà dĩ nhiên nàng cũng thấy là quan trọng, chính là những thứ người gái bao coi trọng nhất. Đỉnh điểm trong ngày của người gái bao không phải là lúc nàng khoác trang phục để ra chốn xã giao, mà là lúc nàng cởi trang phục vì một người đàn ông. Nàng phải thanh lịch cả khi mang chiếc áo choàng trong nhà hay bộ đồ ngủ, cũng như khi diện trang phục đi phố. Những phụ nữ khác phô trương đồ trang sức, còn nàng, nàng sống những khoảnh khắc riêng tư với những hạt ngọc trai của mình. Kiểu sống này buộc phải duy trì một sự xa hoa bí ẩn và cuối cùng, tạo nên sở thích đối với nó, nghĩa là gần đến mức vô tư. Madame Swann mở rộng sở thích ấy đến các loài hoa. Bên chiếc ghế bành của bà, bao giờ cũng có một chiếc âu lớn bằng pha lê đầy tràn những đóa vi ô lét Parma hay những bông cúc đại đóa rụng cánh lả tả xuống nước; điều đó, dưới mắt người

mới bước vào phòng, như mách rằng nữ chủ nhân vừa bị ngắt quãng trong một công việc ưa thích, như thưởng trà một mình; một công việc thậm chí còn riêng tư hơn thế, bí mật hơn thế, đến nỗi khách những muốn xin lỗi khi nhìn thấy những bông hoa trải ra đó, như thể người ta những muốn xin lỗi vì đã ngó thấy cái đầu đề cuốn sách còn để mở, làm lộ những gì Odette vừa đọc gần đây, vậy cũng có thể là những gì Odette đang nghĩ. Mà hoa thì còn sống động hơn sách. Sự hiện diện của chúng hiển nhiên và bí hiểm đến nỗi ta đâm bối rối nếu ta bước vào phòng để thăm Madame Swann và thấy không phải chỉ có mình bà ở đó, hoặc nếu ta cùng bà trở về nhà và thấy phòng khách đầy hoa; chúng liên quan đến những giờ phút ta không hề hay biết trong cuộc đời nữ chủ nhân, chúng không được bày để đón khách, mà như bị bà bỏ quên ở đó, chúng đã và sẽ còn có những cuộc trò chuyện riêng với bà mà ta ngại không dám quấy rầy, ta dăm dăm nhìn cái màu tím tím, lênh loãng, lọt phai của những bông vi ô lét Parma, cố đọc điều bí mật của những cuộc trò chuyện ấy, nhưng chỉ uống công vô ích. Từ cuối tháng Mười, Odette cố về nhà đều đặn nhất có thể để chủ trì bữa trà mà hồi ấy người ta còn gọi là *five o'clock tea**, vì bà nghe nói (và thích nhắc lại) rằng sở dĩ bà Verdurin lập riêng một *salon* là để bao giờ người ta cũng có thể chắc chắn gặp được bà tại nhà vào cùng một giờ nhất định. Bà tưởng tượng chính mình cũng có một *salon* cùng loại ấy nhưng tự do hơn, *senza rigore** bà thích nói vậy. Như vậy, bà hình dung mình như một kiểu Lespinasse* đứng ra lập một *salon* kinh địch, lôi kéo được

khỏi nhóm của nữ hầu tước Du Deffand* những người đàn ông hay nhất, đặc biệt là Swann, người đã ủng hộ bà trong cuộc ly khai và rút khỏi nhóm, theo một giai thoại mà bà đã thuyết phục được những người mới tới không biết về quá khứ của bà tin là thật, nhưng chính bà thì lại không tin. Nhưng chúng ta đã sắm quá nhiều vai ưa thích và ôn tập chúng quá nhiều trong tâm trí đến nỗi chúng ta dễ dàng dựa vào chứng cứ giả tạo của chúng hơn là vào bằng chứng của một thực tế hầu như đã bị quên lãng hoàn toàn. Những hôm Madame Swann không bước chân ra khỏi nhà, ta thấy bà trong chiếc áo nhiễu Tàu mặc trong nhà, trắng như tuyết đầu mùa, đôi khi mặc váy dài lụa muxolin xếp nếp ống, nom như chỉ rải trên mình một lớp cánh hoa màu hồng hay trắng, một mốt mà bây giờ người ta cho là không hợp với mùa đông. Nghĩ vậy là lầm to vì trong những *salon* sưởi nóng rực và đóng kín cửa thời ấy mà các tiểu thuyết gia thời thượng không tìm ra cái gì nhã hơn cụm từ “lót nệm êm ái” để mô tả, những loại vải nỉ nà ấy, những màu mon mồn ấy đem lại cho người đàn bà cùng một vẻ run rẩy như những bông hồng bên cạnh nàng, bất chấp tiết đông hàn, hoa vẫn phô trần sắc hồng tươi bên người đẹp như giữa độ xuân về. Vì thảm trải nhà dìm nghệt mọi âm thanh và vì bà thường ngồi thụt vào hõm tường, lại không được báo trước là có khách đến thăm như theo tục lệ hiện nay, nữ chủ nhân vẫn tiếp tục đọc trong khi khách đã gần như đến trước mặt mình; điều đó làm tăng cái ấn tượng lạnh mạn, cái thú của việc bắt chột được một bí mật, mà ngày nay, ta thấy lại trong ký ức về những chiếc áo dài đã lỗi mốt mà có lẽ

Madame Swann là người duy nhất chưa chịu bỏ, những chiếc áo khiến ta nghĩ rằng người mặc chúng ắt phải là một nữ nhân vật tiểu thuyết vì phần đông chúng ta chỉ thấy chúng trong một số tiểu thuyết của Henry Gréville*. Giờ đây, vào đầu mùa đông, Odette có trong *salon* của mình những bông cúc lớn nhiều màu sắc khác nhau mà dạo xưa Swann chưa hề thấy ở nhà bà*. Hẳn nhiên lòng ngưỡng mộ của tôi đối với họ - trong một lần đến thăm Madame Swann vào cái thời kỳ tôi buồn bã triền miên, tâm trạng sầu não đã khiến tôi tìm thấy lại tất cả chất thơ bí ẩn nơi người mẹ của nàng Gilberte ấy mà chắc hôm sau bà sẽ cho biết: “Bạn trai của con đã đến thăm mẹ” - là do chỗ những thứ trước mắt tôi hòa sắc với nhau: hồng nhạt như chất lụa Louis XV bọc ghế bành, trắng tuyết như chiếc áo nhiều Tàu bà mặc trong nhà, hay màu đỏ kim loại như chiếc ấm samovar của bà, chúng chồng lên bài trí chung của phòng khách một nét trang trí phụ với màu sắc không kém phong phú, không kém tinh tế, nhưng sống động và chắc sẽ chỉ kéo dài mấy ngày. Nhưng tôi xúc động ở chỗ những bông cúc đó có ít chất phù du hơn là tương đối bền lâu so với những sắc độ kia, cũng đỏ hoặc ánh màu đồng như thế, mà vầng dương tà làm hùng lên lộng lẫy đến thế trong làn sương chiều muộn tháng Mười một, và sau khi nhìn thấy chúng trước lúc bước vào nhà bà Swann, lịm tắt trên bầu trời, tôi lại thấy chúng kéo dài, chuyển thể vào bảng màu rực lửa của những bông hoa. Như những chùm lửa do một họa sĩ pha màu vĩ đại giật ra khỏi thế bất ổn của khí quyển và mặt trời, để đến điểm tô cho một ngôi nhà người, chúng, những

bông cúc ấy, bất chấp nỗi buồn đè nặng trong tôi, mời tôi, trong cái giờ trà này, ngẫu nhiên thưởng thức những khoái cảm ngán ngủi của tháng Mười một với vẻ lộng lẫy thân tình và bí ẩn được chúng làm rực cháy lên bên tôi. Than ôi, cảm khoái đó vắng hẳn trong những lời trò chuyện tôi nghe thấy, những lời chẳng có gì là lộng lẫy. Mặc dù đã muộn, ngay cả với bà Cottard, bà Swann cũng lấy giọng mon trón để nói: “Không, còn sớm chán, đừng có nhìn đồng hồ, chưa đến giờ đâu, đồng hồ chết mà. Bà có việc gì mà phải vội thế?” Và bà mời vợ ông giáo sư tay khư khư chiếc ví đựng danh thiếp dùng thêm một cái bánh nhân kem.

“Quả là không thể đi khỏi cái nhà này được,” bà Bontemps nói với bà Swann trong khi bà Cottard, ngạc nhiên thấy người khác phát biểu trùng cảm giác của chính mình, kêu lên: “Đó chính là điều tôi luôn tự nhủ trong cái đầu óc nhỏ bé của mình, trong thâm tâm mình”; mấy ông trong Câu lạc bộ Jockey gật gù tán thành bà, vừa nãy họ đã rối rít cúi chào như được ban một vinh dự rất lớn khi bà Swann giới thiệu họ với cái bà trưởng giả nhỏ nhắn chẳng mấy hòa nhã ấy, trước các bạn bè xuất sắc của Odette, bà ta vẫn giữ thái độ dè dặt, hay theo lời của chính bà, giữ “thế thủ”, vì bao giờ bà cũng dùng một ngôn ngữ quý phái cho những điều giản dị nhất. “Ai lại thế, bà đã bỏ tôi ba tối thứ Tư rồi,” bà Swann nói với bà Cottard. “Đúng vậy, Odette, có dễ đến *hàng thế kỷ*, *hàng thiên thu* tôi không gặp bà. Bà thấy đấy, tôi nhận tội, nhưng phải nói với bà là tôi bị những chứng *đau vật nó hành*,” bà nói thêm, vẻ e thẹn và mập mờ, vì tuy là vợ thầy thuốc, bà vẫn không dám

nhắc đến bệnh thấp khớp hay những cơn đau sỏi thận mà không dùng uyển ngữ vòng vèo. “Mỗi người có những nỗi khổ của riêng mình. Với lại, tôi đang gặp khủng hoảng trong nhân sự gia nhân nam giới. Tuy chẳng hống hách ra uy gì hơn người khác, tôi vẫn phải đuổi tay quản gia* để làm gương, và chẳng hấn cũng đang kiếm một chỗ thu nhập cao hơn. Nhưng sự ra đi của hấn suýt nữa kéo theo sự *từ nhiệm* của cả bộ sậu. Cả cô hầu phòng của tôi cũng không muốn ở lại, đã có những cuộc to tiếng ầm ĩ. Nhưng tôi đã vững tay chèo và đó là một bài học tôi sẽ nhớ đời. Tôi làm nhảm tai bà với những chuyện kẻ ăn người ở, nhưng bà cũng biết đấy, việc bắt buộc phải cải tổ nhân sự đau đầu biết chừng nào. Mà sao ta không thấy cô con gái tuyệt vời của bà đâu nhỉ?” bà Cottard hỏi thêm. - “Cô con gái tuyệt vời của tôi đi ăn tối ở nhà bạn,” bà đáp và quay sang nói với tôi: “Tôi tưởng em nó đã viết thư nhắn cậu mai đến gặp nó. Thế còn các *babys** của bà?” bà hỏi bà Cottard. Tôi thở phào. Câu nói vừa rồi của bà Swann có nghĩa là tôi có tốt lành tôi tới đây để tìm kiếm, và mục đích ấy khiến những cuộc đến thăm bà Swann vào đận này trở nên thiết yếu đối với tôi. “Không, tối nay, cháu sẽ viết cho Gilberte mấy chữ. Với lại, Gilberte và cháu không thể gặp nhau nữa,” tôi nói thêm với cái vẻ khiến người ta nghĩ rằng cuộc chia tay của chúng tôi là do một nguyên nhân bí ẩn, điều này lại gây thêm cho tôi một ảo tưởng tình ái được nuôi dưỡng bằng thái độ âu yếm của hai chúng tôi khi nói về nhau. “Cậu biết là em nó thích cậu vô cùng,” Madame Swann nói với tôi. “Cậu thật sự không muốn đến ngày mai ư?” Đột nhiên, một

niềm vui nâng tôi lên, tôi vừa tự nhủ: “Nhưng xét cho cùng, tại sao lại không nhỉ vì chính mẹ nàng đề nghị thế kia mà?” Nhưng lập tức tôi lại rơi vào nỗi buồn của mình. Tôi sợ khi gặp tôi, Gilberte sẽ nghĩ rằng thái độ hồ hững của tôi thời gian qua là giả vờ và tôi thích kéo dài cuộc chia cách lâu hơn. Trong khi chúng tôi trao đổi riêng, Madame Bontemps phàn nàn về những bà vợ các nhà chính trị làm bà phát chán vì bà ra vẻ thấy tất cả mọi người đều quá ớn và lỗ bịch, bà buồn cho vị thế của ông chồng: “VẬY bà có thể cứ thế tiếp liền tù tì năm mươi bà vợ các thầy thuốc ư,” bà nói với bà Cottard; bà này, trái lại, đầy từ tâm đối với mọi người và tôn trọng mọi nghĩa vụ. “À, bà quả là người có khí tiết. Tôi đây, ở bộ, phải có nghĩa vụ đã đành. Chà! Bà biết đấy, ngoài ý muốn của mình, bà biết đấy, cứ thấy cái đám vợ viên chức ấy là tôi muốn lè lưỡi chọc tức, không dùng được. Và con cháu gái Albertine cũng giống tôi. Con bé ấy, bà không biết nó táo tợn đến nhường nào đâu. Tuần vừa rồi, vào ngày tiếp tân của tôi, có bà vợ ông thứ trưởng Bộ Tài chính nói rằng bà ta chẳng biết gì về công việc bếp núc. ‘Nhưng thưa bà, cháu gái tôi đáp với nụ cười duyên dáng nhất của nó, đáng ra bà phải thạo lắm chứ, vì cụ thân sinh nhà ta là phụ bếp cơ mà’.” - “Ôi, tôi rất thích câu chuyện này, tôi thấy nó thật tuyệt bà Swann nói, nhưng trong những ngày ông nhà khám bệnh, bà nên thu xếp một cái *home** nho nhỏ với hoa tươi, với sách vở, với những gì bà yêu thích,” bà khuyên bà Cottard. “Thế đấy, đập một cái vào mặt, đánh đập một cái, nó chẳng báo trước gì cho tôi cả, cái con quỷ ấy, nó ranh ma như một con khỉ. Bà thật

may mắn tự kiềm chế được mình; tôi thèm được như những người biết ngụ ý ngẫm của mình.” - “Nhưng thưa bà, tôi đâu có cần cái khả năng ấy: tôi đâu đến nỗi khó chiều đến thế, bà Cottard dịu dàng đáp. Trước hết, ở đó, tôi không có quyền như bà,” bà nói thêm với cái giọng hơi mạnh hơn mà bà thường dùng để nhấn rõ mỗi khi đưa vào câu chuyện một vài ý thân ái tế nhị hay ca ngợi khéo, góp phần giúp ông chồng thăng tiến trên bước đường sự nghiệp, khiến ông ta rất thán phục. “Và tôi sung sướng làm tất cả những gì có thể hữu ích cho ông giáo sư nhà tôi.”

“Nhưng thưa bà, cũng phải có bản lĩnh chứ. Có lẽ bà không dễ bị kích động. Còn tôi, hễ thấy cái bà vợ ông bộ trưởng Bộ Chiến tranh nhăn nhăn nhó nhó, là tôi nhái theo liền. Thật kinh khủng, sao tôi lại có cái tính khí như thế.”

“À phải, bà Cottard nói, tôi nghe nói bà ta có cái chứng máy cơ ấy; ông chồng tôi biết một ông rất cao cấp, và dĩ nhiên, khi cánh đàn ông tán gẫu với nhau...”

“Mà này, bà ạ, lại còn cái ông gù vù trưởng Lễ tân Bộ Ngoại giao nữa, thật đấy, hễ ông ta có mặt ở nhà tôi dăm phút là tôi đã muốn sờ vào cái bướu trên lưng ông rồi. Nhà tôi bảo khéo tôi đến làm ông ta bị huyền chức mất thôi. Đào, mặc xác Vụ với Bộ! Phải, mặc xác Vụ với Bộ! Tôi những muốn in câu này làm châm ngôn - tiêu đề trên giấy viết thư của mình. Tôi chắc chắn tôi làm bà bất bình vì bà là người đôn hậu, còn tôi, tôi thú thật là chẳng gì làm tôi vui thích bằng những trò tai ác nhỏ nhỏ ấy. Nếu không thì cuộc đời thật đơn điệu.”

Và bà tiếp tục nói suốt buổi về Bộ như thể đó là chốn

Bồng Lai. Để chuyển đề tài, bà Swann quay sang bà Cottard:

“Hôm nay, nom bà thật đẹp. Hàng hiệu *Redfern fecit**?”

“Không, bà biết tôi vốn là một tín đồ của Raudnitz* mà. Vả lại đây là đồ cũ sửa lại thôi.”

“Chà! Vậy mà sang ghê.”

“Bà đoán là bao nhiêu?... Không, đổi con số đầu đi.”

“Sao? Thế thì chả là gì, bằng cho không. Người ta bảo tôi là gấp ba chừng nấy.”

“Ấy, người ta viết lịch sự như thế đó,” bà vợ ông bác sĩ kết luận. Rồi chỉ chiếc vòng cổ đang đeo do chính Madame Swann tặng bà:

“Nhìn xem, Odette, bà có nhận ra nó không?”

Qua tấm màn trướng hé mở, lộ ra một cái đầu, cung kính trình trọng, giả vờ sợ hãi vì đã quấy rầy: đó là Swann. “Odette, ông hoàng D’Agrigente, hiện đang ngồi trong thư phòng với tôi, muốn biết liệu ông ấy có thể đến chào mình không. Tôi phải trả lời thế nào đây?” - “Rằng em sẽ rất lấy làm vinh hạnh,” Odette đặc ý nói, vẫn dễ dàng giữ vẻ bình thản vì xưa nay, ngay cả trong thời kỳ là gái bao, bà vẫn quen tiếp các quý ông sang nhà. Swann đi truyền đạt lời chấp thuận và lẽ ra đã cùng ông hoàng trở lại bên vợ mình nếu giữa quãng ấy, Madame Verdurin không xuất hiện. Khi cưới Odette, ông đã yêu cầu bà thôi không lui tới cái “phe cánh nhỏ” ngày xưa (ông có đầy đủ lý do để yêu cầu điều đó và ngay cả nếu không có, ông cũng vẫn làm thế, tuân thủ một quy luật không có ngoại lệ, quy luật của sự vô ơn,

nó chứng tỏ những người môi giới thường vô tư hoặc chẳng mấy lo xa). Ông chỉ đồng ý để cho Odette và Madame Verdurin thăm nhau một năm hai lần, như thế thật quá đáng dưới con mắt của một số “tín đồ” bất bình về sự xúc phạm đối với Bà Chủ trong bao năm đã đối xử với Odette và cả với Swann nữa như những đứa con thân yêu trong nhà. Trong cái “nhóm nhỏ”, có dăm con chiên ghê bỏ một số buổi họp, lén lút nhận lời mời đến chỗ Odette, sẵn sàng viện cớ, trong trường hợp bị phát hiện, là do tò mò muốn gặp Bergotte (mặc dù Bà Chủ quả quyết rằng ông này không lui tới gia đình nhà Swann, cũng chẳng có tài gì, tuy vậy, bà vẫn tìm cách lôi kéo ông ta, nói theo cái từ bà ưa dùng). Nhưng nhóm cũng có những phần tử “cực đoan”. Và những người này không biết đến những phép tắc cư xử riêng thường khiến người ta khước từ cái thái độ cực đoan mà họ muốn thấy người ta phải tỏ ra để làm phiền lòng một ai đó, họ rất muốn - nhưng không thuyết phục được - bà Verdurin cắt đứt mọi quan hệ với Odette và như vậy không cho con người này có cơ hội vừa cười lấp liếm vừa phân bua: “Từ ngày Ly Giáo, chúng tôi rất ít đến Bà Chủ. Điều đó, khi chồng tôi là trai chưa vợ, thì còn khả dĩ, nhưng đối với một gia đình thì không phải bao giờ cũng dễ dàng... Swann nhà tôi, nói thật với các vị, không kham nổi mẹ Verdurin và không thích tôi lui tới đó thành lệ. Và tôi, với tư cách là vợ hiền...” Swann tháp tùng vợ đến dự dạ hội ở nhà bà Verdurin, nhưng tránh mặt khi bà này đến thăm Odette. Cho nên nếu Bà Chủ ở phòng khách, thì ông hoàng D’Agrigente sẽ vào đó một mình. Odette cũng sẽ chỉ giới

thiệt một mình ông vì bà muốn Madame Verdurin không phải nghe những cái tên không mấy ai biết đến và do thấy nhiều gương mặt lạ, sẽ tưởng mình đang ở giữa những thân hào quý tộc, một tính toán thành công đến nỗi tối hôm ấy về nhà, Madame Verdurin làm ra vẻ ngán ngẩm nói với chồng: “Cái môi trường mới hay ho làm sao! Tập hợp tất cả tinh hoa của Phe Phản Động!” Đối với Madame Verdurin, Odette có một ảo tưởng ngược lại. Không phải vì cái *salon* này bấy giờ mới chỉ bắt đầu manh nha để đạt tới cái vị thế sau này mà ta đã thấy. Ngay cả Madame Verdurin cũng chưa đến giai đoạn “ấp trứng”, cái giai đoạn mà người ta tạm gác lại việc tổ chức mọi dạ hội lớn, e những ngôi sao hiếm hoi mới nổi có thể bị chìm giữa đám tạp nham quá đông, để chờ cho mười bậc hiền vừa lôi kéo chiêu mộ được phát huy năng lực tạo sinh nhân lên thành hàng trăm* bậc hiền nữa. Vì Odette sắp đẩy mạnh việc phát huy thanh thế, Madame Verdurin đặt mục tiêu là “giới thượng lưu”, nhưng những vùng “tiến công” của bà là hạn hẹp và hơn nữa, lại rất xa những khu vực Odette có chút cơ may thâm nhập và đạt được kết quả tương tự, nên cô nàng đệ tử cũ này hoàn toàn không biết gì về những kế hoạch chiến lược mà Bà Chủ đang xây dựng. Và khi nghe người nói Madame Verdurin là kẻ đua đòi thời thượng, Odette bật cười mà nói một cách thành tâm nhất trên đời: “Hoàn toàn ngược lại. Trước hết, bà ta không có những yếu tố cơ bản, bà ta không quen biết ai. Sau nữa, phải công bằng mà nói rằng bà ta lấy thế làm hài lòng. Không, điều bà ấy yêu thích là những tối thứ Tư liên hoan, những người nói chuyện có

duyên.” Và bà ngấm ngấm ghen tị với cách Madame Verdurin nắm được (tuy bà vẫn hy vọng rằng cuối cùng, chính mình cũng sẽ học được từ một trường học lớn như thế này) những nghệ thuật mà Bà Chủ hết sức coi trọng mặc dù chúng chỉ tô điểm chút sắc thái tinh tế vào cái không hiện hữu, chạm khắc vào trống không, nói cho đúng là những Nghệ thuật của Hư vô: nghệ thuật của một nữ chủ nhân biết “tập hợp” khách, biết “liên kết” họ với nhau, “làm họ nổi bật”, “khiêm nhường lùi lại phía sau”, đóng vai trò “gạch nối” giữa mọi người.

Dù sao đi nữa, các bà bạn của Madame Swann cũng đều thán phục khi thấy tại nhà bà một phụ nữ mà người ta chỉ quen hình dung ở *salon* của chính mình giữa một cái khung không thể tách rời là những khách mời, cả một nhóm nhỏ vây quanh, giờ được gọi lại, siết chặt lại, rút gọn lại dưới dạng Bà Chủ ngồi lút trong độc một chiếc ghế bành, giờ đây trở thành một bà khách choàng kín trong chiếc măng tô lót lông cò trắng, mượt mà như những tấm thảm lông thú trải sàn phòng khách này trong đó bản thân Madame Verdurin cũng khác nào một phòng khách. Những bà rụt rè nhất muốn rút lui để tỏ ra ý tứ và dùng nhân xưng số nhiều để gợi ý những người khác rằng không nên làm một một người dưỡng bệnh ngồi dạy lần đầu tiên, họ nói: “Odette, chúng tôi xin cáo từ nhé.” Người ta ganh tị với bà Cottard được Bà Chủ thân mật gọi bằng tên hồi con gái: “Liệu tôi có bắt cóc cô cùng về được không?” Madame Verdurin hỏi bà Cottard, bà không chịu nổi cái ý nghĩ là một tín đồ của mình ở lại chứ không theo mình về. “Nhưng một bà bạn đã

có nhã ý đưa em về,” bà Cottard đáp, không muốn có vẻ vì một người nổi tiếng hơn mà quên là mình đã nhận lời mời của bà Bontemps.

“Thú thật là em rất biết ơn các bà bạn đã muốn đưa em về cùng xe của họ. Đó là một món quà đích thực vì em không có xà ích.” - “Hơn nữa, Bà Chủ tiếp lời (bà không dám quá lời vì bà có biết bà Bontemps đôi chút và vừa ngỏ lời mời bà ta đến tham dự một tối thứ Tư nào đó), từ nhà Madame de Crécy về nhà cô cũng không gần. Ôi, lạy Chúa! Tôi không tài nào nói được Madame Swann.” Trong cái “phe cánh nhỏ”, những người không tinh tế lắm thường có cái ngón đùa là giả vờ không thể quen với cách gọi Odette là Madame Swann. “Tôi đã quá quen gọi bà ta là Madame de Crécy, suýt nữa tôi lại buột miệng nói nhầm.” Riêng có Madame Verdurin, khi nói chuyện với Odette, là không chỉ “suýt”, mà còn cố tình nhầm: “Odette, cô ở cái khu phố hẻo lánh này mà không sợ ư? Tôi cảm thấy, ở địa vị cô, khi về nhà vào buổi tối, chắc tôi chỉ yên tâm được một nửa. Với lại, ở đây ẩm quá. Chẳng tốt gì cho chứng eczema của chồng cô đâu. Ít nhất cũng không có chuột chứ?” - “Ồ, không! Cái giống kinh tởm!” - “Thế cũng tốt. Người ta bảo nhà cô lắm chuột, tôi rất mừng được biết không đúng như thế, vì tôi sợ chuột khủng khiếp và nếu đúng thì chắc tôi sẽ chẳng dám trở lại nhà cô. Tạm biệt, cô bạn yêu quý, cô biết là tôi rất sung sướng được gặp lại cô. Cô không biết cắm hoa cúc. Đó là loài hoa Nhật Bản, phải cắm theo cách của người Nhật Bản,” bà vừa cất bước ra về vừa nói thêm trong khi Madame Swann đứng dậy để tiễn bà.

“Tôi không đồng ý với bà Verdurin, mặc dù đối với tôi, trong mọi chuyện, lời phán của bà tựa như kinh Phúc âm*. Odette, chỉ có bà mới kiếm được những bông cúc *diễm lệ* như thế, hay là phải nói *tuấn tú** như thế, như cách người ta nói bây giờ,” bà Cottard tuyên bố khi Bà Chủ đã khép cửa lại sau lưng. - “Bà chị Verdurin thân mến không phải bao giờ cũng từ tâm với hoa của người khác,” bà Swann dịu dàng nói. - “Odette, bà thường lấy hoa ở cửa hàng nào vậy?” bà Cottard hỏi để khỏi kéo dài những chỉ trích nhằm vào Bà Chủ.

“Lemaître* phải không? Thú thật là hôm nọ, ở trước cửa hàng Lemaître, có một cây cảnh hồng hồng làm tôi mê cuống nhắm mắt mua liều.” Nhưng vì e thẹn, bà không chịu cho biết cụ thể về giá cái cây đó mà chỉ kể là ông giáo sư “vốn tính điềm đạm” cũng làm toáng lên, là vợ mà không biết giá trị đồng tiền. “Không, tôi chỉ chuyên lấy hoa ở một cửa hàng quen là Debac* thôi.” - “Tôi cũng thế, bà Cottard nói, nhưng tôi thỉnh thoảng cũng *tư tình* với bên Lachaume*.” - “A, *phản bội* Debac, *dan díu* với Lachaume, tôi sẽ mách ông ấy cho mà xem,” Odette kêu lên, cố tỏ ra dí dỏm và cầm trịch cuộc trò chuyện ở nhà mình, nơi bà cảm thấy thoải mái hơn ở trong cái “phe cánh nhỏ” ngày xưa. “Vả lại, bên Lachaume dạo này bán quá đắt. Bà biết không, tôi thấy những mức giá quá đáng ấy là không chấp nhận được,” bà vừa cười vừa nói thêm.

Trong khi đó, Madame Bontemps, người đã hàng trăm lần tuyên bố không muốn đến nhà vợ chồng Verdurin, sượng ron được mời đến dự những cuộc vui tối thứ Tư ở đó,

giờ bà đang tính toán xem làm thế nào để đến được nhiều lần nhất có thể. Bà không biết rằng Madame Verdurin mong muốn khách không bỏ lỡ một tối thứ Tư nào; mặt khác, bà thuộc loại người ít được săn đón, khi được một nữ chủ nhân mới dự một “đợt” dạ hội, họ không đến theo cách những người luôn luôn biết làm hài lòng chủ nhân, bất cứ lúc nào muốn và có thì giờ đều đến được; trái lại, họ không dự buổi thứ nhất và buổi thứ ba, chẳng hạn, nghĩ rằng sự vắng mặt của mình sẽ gây chú ý; họ chọn đến vào buổi thứ hai và buổi thứ tư; nhưng nếu biết chắc buổi thứ ba là đặc biệt quan trọng, họ sẽ theo một trật tự ngược lại, viện cớ rằng “tiếc quá, lần vừa rồi, chúng tôi bận việc”. Theo cách đó, bà Bontemps tính xem từ giờ đến lễ Phục sinh có bao nhiêu tối thứ Tư và làm cách nào có thể dự thêm một tối nữa mà không có vẻ gò ép. Bà hy vọng bà Cottard (mà bà mời về cùng xe) sẽ cho mình một vài chỉ dẫn. “Kìa, bà Bontemps, tôi thấy bà đang đứng dậy, cái kiểu báo hiệu rút lui như thế là xấu chơi lắm đấy. Mà bà còn phải bù cho tôi tối thứ Năm vừa rồi bà không tới... Thôi nào, ngồi lại thêm lát nữa. Dù sao, từ giờ đến bữa tối, bà cũng không phải thăm ai nữa chứ gì. Bà thật sự không thấy hấp dẫn sao?” bà Swann vừa nói thêm vừa chìa ra một đĩa bánh ga tô: “Bà biết là không đến nổi tôi lắm đâu, những cái bánh xấu xí này, trông thì không tốt mã, nhưng bà cứ nếm thử coi, rồi cho tôi biết ý kiến.” - “Trái lại, nom có vẻ ngon đấy chứ, bà Cottard nói. Odette, ở nhà bà, chẳng bao giờ thiếu thức ăn. Không cần phải hỏi nhãn sản xuất, tôi cũng biết bà đặt tất cả những thứ này ở nhà Rebattet*. Tôi phải nói là tôi có xu

hướng trung dung hơn. Về bánh nướng nhỏ và mọi loại đồ ngọt, tôi thường đặt của Bourbonneux*. Nhưng tôi công nhận họ không biết làm đồ kem lạnh, về khoản kem các loại, dù là kem trộn kiểu vùng Bavière hay kem trái cây, thì Rebattet vẫn là chúa, đúng là nghệ thuật lớn. Như ông chồng tôi nói: đó là *nec plus ultram*.” Nhưng những thứ này là đồ nhà làm, bà không muốn dùng thật ư?” - “Tôi không ở lại ăn tối được, bà Bontemps đáp, nhưng tôi sẽ ngồi lại một lát, bà biết đấy tôi thích trò chuyện với một phụ nữ thông minh như bà.” - “Bà sẽ thấy tôi là kẻ thất thố, nhưng tôi muốn biết bà nhận định thế nào về chiếc mũ của bà Trombert. Tôi biết một bây giờ chuộng kiểu mũ rộng vành. Dù sao liệu có hơi thái quá không? Và so với chiếc bà ta đội hôm đến thăm tôi, thì chiếc bà ta đang đội chỉ bé tí teo.” - “Không, tôi đâu có thông minh, Odette nói, nghĩ bụng nói vậy là phải. Thực ra, tôi là đứa cả tin, ai nói gì cũng bào hao làm vậy, động một tí là buồn.” Và bà nói bóng gió rằng lúc đầu bà rất đau khổ vì đã lấy một người lừa dối mình với một mảnh đời riêng như Swann. Trong khi đó, ông hoàng D’Agrigente, nghe thấy mấy tiếng “tôi đâu có thông minh”, nghĩ mình cần lên tiếng phản đối, song ông không có khiếu đối đáp. “Chà-chà-chà! bà Bontemps kêu lên, bà mà không thông minh!” - “Thật vậy, tôi tự hỏi: *Mình nghe thấy cái gì đây?* Ông hoàng nắm ngay lấy cây sào ấy. Chắc là mình bị tai đánh lừa.” - “Không mà, tôi cam đoan với các vị, Odette nói, thực ra tôi chỉ là một mụ tiểu tư sản rất dễ bị sốc, đầy thành kiến, sống ru rú xó nhà, nhất là lại dốt nát nữa.” Và để hỏi thăm tin tức ông nam tước De Charlus. “Ngài có gặp

ông nam tước thân mến ấy không?” bà hỏi ông hoàng - “Bà mà dốt nát! Madame Bontemps lại kêu lên. Vậy thì bà sẽ nói gì về đám quan chức thượng lưu, cái đám phu nhân của các ông Lớn mở mồm là chỉ biết nói đến váy với áo!... Bà ạ, mới cách đây tám hôm thôi, tôi thử nhắc đến *Lohengrin** với vợ ông bộ trưởng Giáo dục. Bà ta bèn trả lời tôi: ‘*Lohengrin*? À, buổi diễn mới đây ở Folies-Bergère* chứ gì, hình như buồn cười nôn ruột.’ Ấy đấy, bà xem, nghe những điều như vậy, thật tức đến sôi tiết. Tôi những muốn tát vào mặt mẹ ta, vì tính tôi khí nóng, bà biết đấy. Cậu xem - bà quay sang tôi - tôi nói có đúng không?” - “Bà ạ, bà Cottard nói, khi bị hỏi đột một cái, không được báo trước, mà có trả lời trệt một tí thì cũng có thể bỏ qua cho người ta. Về chuyện này, tôi cũng có đôi chút kinh nghiệm: bà Verdurin thường có thói quen gí dao vào cổ bọn tôi theo kiểu đó.” - “Nhân nói về bà Verdurin, bà Bontemps hỏi bà Cottard, bà có biết tối thứ Tư tới, sẽ có những ai ở nhà bà ấy không?... À! Giờ tôi chợt nhớ là hai chúng mình đã nhận lời mời đến nhà bà ấy vào thứ Tư tới. Thứ Tư tới, bà có muốn ăn tối với tôi không? Ăn xong, chúng ta sẽ cùng đến nhà bà Verdurin. Tôi ngại vào nhà bà ta một mình, không hiểu sao tôi cứ thấy sờ sợ người đàn bà cao lớn ấy.” - “Tôi xin nói để bà biết, bà Cottard đáp, điều khiến bà sợ nơi bà Verdurin là cái giọng quyền uy của bà ấy. Biết làm sao được? Không phải ai cũng có giọng ngọt ngào như bà Swann. Nhưng sau một hồi múa lưởi, theo chữ Bà Chủ thường dùng, là băng giá tan ngay ấy mà. Vì thực ra bà ấy rất niềm nở. Nhưng tôi rất hiểu cảm giác của bà: lần đầu

tiên lạc vào xứ lạ thì có bao giờ dễ chịu ngay được.” - “Bà cũng đến ăn tối với tôi nhé, bà Bontemps bảo bà Swann. Ăn xong, cả ba ta sẽ cùng đi, theo phong cách Verdurin, nghĩa là Verdurin-hóa; và cho dù điều đó có dẫn đến hậu quả là Bà Chủ trọn trùng mắt với tôi và sẽ không mời tôi nữa, một khi đã đến nhà bà, cả ba chúng ta vẫn sẽ cùng trò chuyện với nhau, tôi cảm thấy đó là điều làm tôi vui thích nhất.” Nhưng lời khẳng định ấy hẳn không lấy gì làm xác thực lắm, vì bà Bontemps lại hỏi thêm: “Theo bà thì tối thứ Tư tới, sẽ có những ai? Sẽ có những trò vui gì? Ít ra cũng không quá đông khách chứ?” - “Tôi thì chắc chắn là sẽ không đến, Odette nói. Chúng tôi sẽ chỉ xuất hiện một thoáng vào tối thứ Tư cuối tháng thôi. Nếu bà thấy đợi đến hôm đó cũng không sao thì...” Nhưng hình như bà Bontemps thấy lời đề nghị trì hoãn này không hấp dẫn lắm.

Mặc dù trình độ trí tuệ và mức độ hợp thời trang của một *salon* thường tương quan với nhau theo tỷ lệ nghịch, chứ không theo tỷ lệ thuận, cần phải thấy rằng mỗi lần chấp nhận “xuống cấp” đều kéo theo hậu quả là khiến người ta đỡ xét nét hơn đối với những kẻ mà mình đành lòng ra mặt vui vẻ tiếp, bớt đòi hỏi ở họ hơn về trí tuệ cũng như về các mặt khác - chẳng phải là Swann đã thấy Madame Bontemps là dễ chịu đó sao? Và nếu quả là như vậy thì, cùng với tính độc lập, văn hóa và thậm chí ngôn ngữ của mọi người, cũng như của các dân tộc, ắt có nguy cơ bị tiêu vong. Một trong những tác động của sự “độ lượng” này là làm trầm trọng thêm cái khuynh hướng mà bắt đầu từ một độ tuổi nào đó, người ta thường ngã theo:

thích nghe những lời ca ngợi trí xảo cùng những năng khiếu của mình, như kiểu khuyến khích mình phát triển theo hướng ấy; đó là cái độ tuổi khi mà một nghệ sĩ lớn không thích giao tiếp với những thiên tài độc đáo bằng ở giữa đám đệ tử chỉ theo học thuyết của mình trên bề mặt chữ mà thôi, song luôn tăng bậc mình, lắng nghe mình huấn dụ; cái độ tuổi khi mà một người xuất sắc (nam hay nữ) chỉ biết sống vì yêu thấy người thông minh nhất trong một cuộc họp mặt là một kẻ kém cỏi, song bằng một lời phát biểu tỏ ra hiểu biết và tán thành một cuộc sống tận hiến cho ái ân, đã môn trớn xu hướng khoái lạc của những người đang yêu; đó cũng là cái độ tuổi khi mà Swann, với tư cách là chồng của Odette, thích nghe bà Bontemps chê cái thói chỉ giao du với các phu nhân quyền quý* là lối bịch (do vậy kết luận rằng bà ta là một phụ nữ đôn hậu, rất trí tuệ và không đua đòi - giá hồi xưa, khi còn thuộc “phe cánh” Verdurin, chắc ông đã nhận định ngược hẳn lại) và cũng thích kể cho bà nghe những chuyện làm bà “cười bò” vì tuy bà không biết nhưng “nắm ý” rất nhanh, lại được cái thích tán dương và ham vui.

“Vậy ra ông bác sĩ không yêu hoa đến mê cuồng như bà?” bà Swann hỏi bà Cottard. - “Ô! Bà lạ gì, nhà tôi vốn là người khôn ngoan; ông ấy mực thước trong mọi chuyện. Ờ mà tuy nhiên, ông ấy cũng có một đam mê.” Mắt lóe lên một ánh vui thích, tò mò pha lẫn ác ý, Madame Bontemps hỏi: “Mê gì hở bà?” Madame Cottard đáp gọn lỏn: “Đọc.” - “Ồ, ở một đức ông chồng, đó là một đam mê khiến ta hoàn toàn yên tâm,” bà Bontemps thốt lên, cố nén một nhịp cười

ting quái. - “Các bà biết đấy, khi ông bác sĩ nhà tôi đắm vào một cuốn sách thì chả còn biết giờ đất thiên địa gì nữa!” - “Dào, thế thì có gì đáng sợ...” - “Có chứ... sợ cho thị lực của ông ấy. Tôi phải về đây, Odette, nhưng sẽ sớm trở lại gõ cửa nhà bà đấy. Nhân nói đến thị lực, các bà có nghe nói là ngôi biệt thự bà Verdurin vừa mua sẽ được thắp sáng bằng điện không? Tôi biết tin này không phải do có thám tử riêng, mà là từ một nguồn khác: chính nhà cung cấp điện Mildé* nói cho tôi biết. Các bà thấy là tôi dẫn nguồn đích xác chứ! Phòng nào cũng có bóng điện với một cái chao đèn để làm dịu ánh sáng. Quả là một sự xa hoa đài các. Với lại, các bậc nữ lưu cùng thời với chúng ta đều tuyệt đối muốn có cái mới, cái tân tiến nhất trên đời. Cô em chồng một bà bạn tôi có máy điện thoại đặt tại nhà riêng! Cô ta có thể đặt mua hàng mà không cần phải bước nửa bước ra khỏi cửa phòng! Tôi thú thật là đã giở mánh để xin được phép một hôm nào đó đến nhà cô ta nói vào máy điện thoại. Điều đó là một cảm dỗ lớn đối với tôi, nhưng là ở nhà một người bạn chứ không phải ở nhà mình. Hình như tôi không thích có máy điện thoại tại nhà. Qua phút vui thích ban đầu, chắc sẽ trở thành một thứ đau đầu thực sự. Thôi nhé, Odette, tôi phải chạy đây, cũng đừng giữ bà Bontemps nữa vì bà ấy chịu trách nhiệm đưa tôi về; dứt khoát tôi phải bút đi thôi, bà sẽ khiến tôi gặp rắc rối nếu tôi về muộn hơn nhà tôi.”

Và cả tôi nữa, tôi cũng phải về trước khi được hưởng những thú vui mùa đông mà tôi cảm thấy như chúng được phong kín trong cái vỏ bọc rực rỡ là những đóa hoa cúc. Những thú vui ấy không đến, tuy nhiên có vẻ như bà

Swann cũng chẳng chờ đợi thêm một điều gì nữa. Bà để cho người nhà dọn đồ trà cất đi như thể bà đã ra lệnh “Đóng cửa!” Và cuối cùng, bà bảo tôi: “Thế cậu cũng về thật ư? Vậy, *good bye* nhé!” Tôi cảm thấy nếu tôi có thể ở lại cũng chẳng gặp được những thú vui chưa từng biết đó và nỗi buồn tôi mang không phải là trở ngại duy nhất ngăn tôi sở đắc chúng. Vậy phải chăng chúng không nằm trên con đường luôn luôn có người qua lại, bao giờ cũng rất nhanh chóng dẫn tới lúc chia tay, mà là ở trên một con đường ngang bí ẩn nào đó mà tôi phải rẽ vào? Ít nhất mục đích cuộc viếng thăm của tôi cũng đã đạt, Gilberte sẽ biết tôi đã đến nhà cha mẹ nàng trong khi nàng đi vắng và tại đó, tôi đã “lập tức, ngay từ phút đầu, chinh phục Madame Verdurin”, như bà Cottard không ngừng nhắc đi nhắc lại; bà vợ ông bác sĩ còn nói thêm là chưa bao giờ thấy Bà Chủ “vồn vã đến thế”; bà nói: “Phải nói là bà ấy với cậu có những điểm tương hợp”. Gilberte sẽ biết tôi đã nói về nàng một cách âu yếm, như tất phải là thế, nhưng cũng biết rằng tôi chưa đến nỗi không thể sống mà không gặp nàng, điều mà tôi nghĩ là nguyên nhân khiến thời gian vừa qua, nàng cảm thấy buồn chán khi ở bên tôi. Tôi có nói với bà Swann rằng tôi không sao gặp được Gilberte nữa. Tôi đã nói vậy như kiểu tôi đã quyết định sẽ mãi mãi không gặp nàng nữa. Và bức thư mà tôi sắp gửi cho nàng cũng sẽ được thảo theo tinh thần ấy. Có điều, đối với bản thân, để giữ vững ý chí, tôi chỉ tự động viên mình cố gắng tối đa trong ít ngày ngắn ngủi thôi. Tôi tự nhủ: “Đây là lần cuối mình từ chối cuộc hẹn do nàng đề xướng, lần tới mình sẽ nhận lời.” Để việc

thực hiện đỡ khó khăn, tôi không hình dung đây là cuộc chia ly dứt khoát. Nhưng tôi cảm thấy đây sẽ là một đoạn tuyệt.

Năm ấy, ngày mồng một tháng Giêng đặc biệt đau đớn đối với tôi. Hẳn là khi ta bất hạnh, tất cả những gì đáng ghi nhớ hay tưởng niệm đều làm ta đau. Nhưng nếu đó chẳng hạn là chuyện mất một người thân, thì nỗi đau chỉ là cái nhói buốt khi đem so hiện tại với quá khứ. Trong trường hợp của tôi thì có thêm chút hy vọng thầm kín là Gilberte, sau khi dành cho tôi chủ động đi bước trước mà không thấy tôi làm thế, chỉ còn chờ ngày đầu năm để có cơ viết cho tôi: “Rốt cuộc, có chuyện gì vậy? Em yêu anh đến phát cuồng, anh hãy đến để chúng ta phân trần thẳng thắn với nhau, em không thể sống mà không gặp anh.” Những ngày cuối năm, tôi vẫn hy vọng có thể sẽ nhận được một bức thư kiểu đó. Có lẽ nó chẳng hề tồn tại, nhưng để tin vào một khả năng như vậy, chỉ cần ta có nhu cầu, chỉ cần ta khao khát là đủ. Người lính trên chiến trường đinh ninh rằng mình được dành cho một thời hạn có thể kéo dài vô tận trước khi ngã xuống, tên kẻ trộm cũng có niềm tin tương tự, trước khi hẳn bị tóm cổ, nói chung, con người ta đều ảo tưởng như vậy trước khi đến ngày tận số. Đó là lá bùa bảo toàn cho các cá nhân - và đôi khi cả cho các dân tộc - không phải để phòng ngừa nguy hiểm, mà là chống nỗi sợ hiểm nguy, thực ra là để dẹp nỗi hoang mang tin rằng sẽ gặp nguy hiểm, điều đó trong một số trường hợp giúp người ta có thể đương đầu với hiểm nguy mà không cần phải dửng dưng. Một niềm tin thiếu cơ sở như vậy nâng đỡ kẻ si tình

đang trông đợi ở một sự hòa giải, một lá thư. Để tôi khỏi chờ lá thư ấy, chỉ cần tôi thôi không cầu ước nó nữa. Dầu biết người đàn bà mình đang còn yêu lạnh nhạt với mình đến mấy, ta vẫn gán cho nàng hàng loạt ý nghĩ - cho dù là dừng dưng - mà nàng muốn biểu lộ, làm phức tạp đời sống nội tâm của nàng trong đó ta có thể là đối tượng luôn luôn hứng chịu ác cảm của nàng đồng thời luôn luôn được nàng chú ý tới. Trái lại, muốn hình dung những gì đang diễn ra trong đầu Gilberte, thì ngay từ mồng một tháng Giêng này, tôi đã phải dự cảm thấy trước được những gì tôi sẽ cảm thấy vào ngày đầu tiên của một trong những năm sau, khi mà cho dù Gilberte có để ý hay không màng đến tôi, âu yếm hay lạnh nhạt với tôi, thì tôi cũng chẳng nhận ra, khi mà tôi không còn nghĩ đến, thậm chí không thể nghĩ đến việc tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề đã thôi không còn đặt ra với tôi. Khi ta yêu, tình yêu quá lớn, không nằm trọn trong ta; nó phát tỏa về phía người thương, gặp nơi nàng một bề mặt chặn lại, buộc nó phải quay về điểm xuất phát và ta gọi sự dội lại đó của chính nỗi lòng mình là tình cảm của nàng, nó khiến ta say mê hơn cả lúc ban đầu bởi ta đâu có nhận ra là nó khởi nguồn từ chính bản thân ta. Ngày mồng một tháng Giêng, tất cả hai mươi tư giờ đã điếm mà chẳng thấy lá thư ấy của Gilberte tới. Và vì tôi có nhận được mấy bức thư chúc mừng muộn hoặc phát trễ do tình hình ùn nghẽn thư tín vào những ngày lễ tết như thế này, nên sang đến ngày mồng ba, mồng bốn, tôi vẫn còn hy vọng, tuy nhiên mỗi lúc một giảm dần. Những ngày tiếp theo, tôi khóc nhiều. Dĩ nhiên, cái đó là do tôi vẫn giữ chút

hy vọng nhận được thư chúc Tết của Gilberte vì khi khước từ nàng, tôi đã không thật lòng như mình tưởng. Và thấy chút hy vọng ấy đã cạn kiệt trước khi tôi kịp bám vào một cái phao khác, tôi đau đớn như một người bệnh đã dốc hết lọ moócphin mà chưa có trong tay lọ thứ hai. Nhưng có thể trong tôi - và hai cách giải thích này không hề loại trừ nhau vì đôi khi một tình cảm duy nhất lại do những yếu tố trái ngược nhau tạo nên - hy vọng nhận được một bức thư đã đưa hình ảnh Gilberte lại gần tôi, tái tạo những xúc động xưa từng làm tôi bồi hồi khi chờ đợi được ở bên nàng, khi thấy nàng, khi được nàng niềm nở tiếp đãi. Khả năng trước mắt đạt được một cuộc giảng hòa đã xóa đi cái điều mà ta không nhận ra là nó to lớn biết chừng nào - sự cam chịu. Những người mắc chứng suy nhược thần kinh không thể tin những lời cam đoan rằng họ chỉ việc nằm tĩnh dưỡng không nhận thư từ, không đọc báo, là sẽ dần dần an thần trở lại. Họ nghĩ rằng cái chế độ ấy sẽ chỉ làm họ bất an đến tột bậc mà thôi. Những người đang yêu cũng vậy: xét từ góc độ ngược lại, hơn nữa lại chưa từng bắt đầu thử nghiệm, họ không thể tin ở sức mạnh tốt lành của sự khước từ.

Tim tôi đập quá mạnh, vì thế phải giảm lượng caféine trong điều trị; nhịp tim trở lại bình thường. Tôi bèn tự hỏi phải chăng chất caféine là một trong những nguyên nhân gây nên cơn khắc khoải tôi cảm thấy khi tôi gần như đoạn tuyệt với Gilberte, mà mỗi khi nó lại dấy lên, tôi đều đổ tại nỗi đau do không được gặp lại bạn gái của mình, hoặc chỉ gặp vào những lúc nàng bức bối cái kỉnh. Nhưng nếu chất thuốc ấy là cội nguồn những đau đớn mà trí tưởng tượng

của tôi đã lý giải sai lệch (điều này chẳng có gì là kỳ lạ, vì ở những người đang yêu, nguyên nhân của những khổ não tinh thần nhức nhối nhất lại thường là thói quen thường xuyên tiếp xúc vật thể với người đàn bà sống chung với mình), thì cũng chỉ là theo cái cách mà thứ nước bùa yêu bao lâu sau khi uống vẫn tiếp tục gắn bó Tristan với Yseut*. Bởi vì sự cải thiện thể chất do việc giảm lượng caféine hầu như tức thì mang lại cho tôi, không hề chặn được sự tiến triển của nỗi buồn mà việc uống độc tố nếu không phải là gây nên thì ít nhất cũng làm nó bớt nhói hơn.

Có điều, gần đến trung tuần tháng Giêng, khi mà mọi hy vọng nhận được một lá thư chúc Tết đã tiêu tan, khi mà nỗi đau kèm theo thất vọng ấy cũng đã dịu đi, thì nỗi buồn của tôi trước những ngày nghỉ “Lễ” lại bắt đầu. Điều cay nghiệt nhất trong nỗi buồn ấy có lẽ vẫn là ở chỗ chính tôi là kẻ tạo nên nó một cách tàn nhẫn, kiên trì và có ý thức. Điều duy nhất tôi tha thiết muốn duy trì - quan hệ giữa tôi và Gilberte - chính tôi đang ra sức làm cho nó thành bất khả bằng cách dần dà khiến chính tôi, chứ không phải nàng, đâm trở nên dửng dưng (mà rốt cuộc thì đằng nào cũng thế thôi) do kéo dài thời gian xa cách nhau. Tôi đang quyết liệt tiến hành một cuộc tự sát từ từ và đau đớn của cái bản-ngã-yêu-Gilberte trong chính mình một cách liên tục và sáng suốt, không chỉ ý thức rõ những gì mình hiện đang làm, mà còn thấy cả hậu quả về sau nữa; tôi không chỉ biết rằng trong một thời gian, tôi sẽ thôi không yêu Gilberte nữa, mà còn biết rằng nàng sẽ lấy đó làm hối tiếc và bấy giờ nếu

nàng có cố tìm cách gặp tôi thì cũng vô ích như hiện giờ thôi, không còn vì tôi quá yêu nàng mà vì chắc chắn khi đó tôi sẽ yêu một người đàn bà khác, dành thời gian để khao khát người đó, chờ đợi hàng giờ mà không dám rời ra một giây để nghĩ tới Gilberte lúc đó đã chẳng còn ý nghĩa gì với tôi. Và hẳn là chính trong lúc này đây, khi mà tôi đã mất Gilberte (bởi chung tôi đã quyết định không gặp nàng nữa, trừ phi nàng chính thức đề nghị gặp tôi để phân giải hoặc để tỏ tình hẳn hoi, cả hai khả năng này đều tuyệt đối không thể xảy đến), khi mà tôi càng yêu nàng hơn (tôi cảm thấy trọn vẹn nàng là gì đối với tôi, rõ hơn cả năm ngoái khi mà, chiều nào cũng ở bên nàng, tôi ngỡ chẳng có gì đe dọa tình bạn giữa hai chúng tôi), hẳn là vào lúc này đây, tôi thấy cái ý nghĩ rằng một ngày kia, cũng vẫn những tình cảm ấy được trao gửi nơi một người đàn bà khác, là bỉ ổi, vì cái ý nghĩ đó, ngoài việc loại trừ Gilberte, còn cướp đi tình yêu và nỗi đau của tôi: qua tình yêu ấy và nỗi đau ấy, qua hàng nước mắt, tôi cố hiểu cho đúng con người thật của Gilberte và tôi buộc phải công nhận rằng tình yêu và nỗi đau ấy không thuộc riêng nàng và sớm hay muộn, sẽ được dành cho một người đàn bà nào khác. Thành thử - ít nhất cũng là theo cách nghĩ của tôi hồi ấy - tình yêu bao giờ cũng tách biệt với con người: khi ta yêu một người đàn bà, ta cảm thấy tình yêu đó không mang tên nàng, trong tương lai nó có thể tái sinh và thậm chí, trong quá khứ, cũng có thể đã từng nảy sinh với một người đàn bà khác chứ không phải với nàng; và trong thời gian ta không yêu, sở dĩ ta chấp nhận với thái độ triết gia những gì là mâu thuẫn trong tình

yêu, ấy là vì cái tình yêu đó mà ta nói đến một cách thoải mái, lúc đó ta không cảm nhận thấy nó, vậy là không biết nó, hiểu biết về những cái đó chỉ là cách quăng và không tồn tại lâu hơn sự hiện diện thực tế của tình cảm. Nỗi đau giúp tôi đoán là một ngày kia tôi sẽ không còn yêu Gilberte nữa, không cần trí tưởng tượng gợi lên hình ảnh rõ ràng, dĩ nhiên, hãy còn kịp để báo cho Gilberte là cái tương lai ấy đang dần dần hình thành, nếu chưa đến ngay, thì ít nhất cũng là tất yếu, không thể tránh khỏi, nếu nàng, đích thân Gilberte, không đến trợ lực cho tôi diệt trừ trong mầm sự hồ hững của tôi. Đã bao lần tôi suýt viết hoặc bảo thẳng Gilberte: “Liệu đây, anh đã quyết định, đây là bước tối hậu. Đây là lần cuối anh gặp em. Sắp tới, anh sẽ không yêu em nữa!” Thế thì ích gì? Tôi có quyền gì mà trách cứ Gilberte về một thái độ lạnh nhạt mà tôi biểu lộ với tất cả những gì không phải là Gilberte, mà không nghĩ là chính mình gây ra cơ sự ấy? Lần cuối cùng! Với tôi, điều đó có vẻ là một cái gì lớn lao vì tôi yêu Gilberte. Với nàng, điều đó hẳn cũng chẳng gây ấn tượng gì hơn lá thư của một cô bạn xin đến thăm trước khi ra nước ngoài, điều mà ta thường từ chối như từ chối một người phụ nữ chán ngắt si mê ta, bởi vì ta có vô khối thú vui khác trước mặt. Thời gian ta có trong tay mỗi ngày, là co dãn; những đam mê ta hưởng thụ kéo dài nó, những đam mê ta khơi dậy ở người khác làm nó ngắn lại, và thói quen thì choán đầy nó.

Vả lại, dù tôi có tha hồ nói với Gilberte, nàng cũng chẳng nghe thấy gì. Khi ta nói, bao giờ ta cũng tưởng tượng rằng tai ta, tâm trí ta lắng nghe. Những lời tôi nói với Gilberte

chệch đi như thể phải xuyên qua tấm màn chuyển động của một thác nước trước khi tới tai nàng, méo đi thành một âm thanh kỳ cục không sao nhận ra nổi, chẳng có một thứ ý nghĩa gì. Cái chân lý ta gửi gắm vào câu chữ không mở được con đường đi thẳng tới đích, không có tính hiển nhiên không thể bác bỏ. Phải mất khá nhiều thời gian để một chân lý cùng loại hình thành trong câu chữ. Lúc đó, chính địch thủ chính trị, người đã từng coi tin đồn của một học thuyết đối lập là kẻ phản bội, bất chấp mọi lý lẽ và bằng chứng, lại chia sẻ cái tín niệm mình vẫn ghét, trong khi người đã hoài công tìm cách lan truyền nó không còn tha thiết với nó nữa. Cái kiệt tác mà những người hâm mộ đọc to lên, cảm thấy tự thân tác phẩm đã chứng tỏ tính xuất sắc của nó trong khi những kẻ nghe qua chỉ tiếp nhận ở nó một hình ảnh điên rồ hay xoàng xĩnh, cuối cùng cũng được chính những kẻ này tung hô là kiệt tác, song quá muộn không còn đến tai tác giả nữa. Tương tự như thế trong tình yêu, muốn làm cách nào đi nữa, những rào cản cũng không thể bị phá sập từ bên ngoài bởi kẻ đã bị chúng làm cho tuyệt vọng; và khi anh ta thôi không bận tâm đến chúng nữa thì dùng một cái, những rào cản đó gục xuống, vô dụng, do tác động của một công lực từ một phía khác, hoàn thành trong lòng người đàn bà không tiếp nhận tình yêu. Nếu tôi đến báo cho Gilberte biết thái độ dửng dưng của tôi trong tương lai và cách thức để ngăn ngừa nó, nàng sẽ dựa vào động thái này mà suy luận rằng tôi còn yêu nàng, cần nàng hơn là nàng tưởng và do vậy càng thấy chán gặp tôi. Và vả chăng, đúng là tình yêu ấy, bằng những trạng

thái tinh thần nhiều vẻ khác nhau nó gây ra nối tiếp nhau trong tôi, đã giúp tôi tiên đoán rõ hơn nàng về cái kết thúc của cuộc tình này. Tuy nhiên, một cảnh báo như vậy, có lẽ tôi sẽ truyền đạt cho Gilberte bằng thư hay trực tiếp bằng lời, khi đã qua một thời gian đủ để khiến nàng trở nên ít thiết yếu đối với tôi, thật vậy, mà tôi cũng có thể chứng tỏ với nàng rằng tôi không cần nàng đến thế. Khốn thay, một số người nào đó, do thiện ý hay ác ý, đã nói với nàng về tôi theo một cách khiến nàng tưởng tôi đã cầu xin họ làm thế. Mỗi lần tôi được biết bác sĩ Cottard, hay chính mẹ tôi, hay đến cả ông De Norpois, bằng những lời vụng về, đã làm uổng toàn bộ sự hy sinh tôi vừa hoàn tất, phá hỏng mọi kết quả đạt được trong “chiến dịch” im lặng của tôi, bằng cách làm mọi người lầm tưởng là tôi đã bỏ cuộc, tôi đâm khó hai bề. Trước hết, cái quá trình “kiêng nhịn” nhọc nhằn nhưng hiệu quả tôi tự áp đặt cho mình mà những người rách việc kia, sau lưng tôi, đã ngắt quãng và do đó, triệt tiêu nó, chỉ còn có thể xem như bắt đầu từ ngày hôm ấy. Mà hơn nữa, tôi sẽ bớt hứng thú gặp Gilberte, nàng sẽ nghĩ tôi giờ đây không còn đang hoang cam chịu, mà đang giở mánh để đạt được một cuộc gặp mặt mà nàng đã gạt bỏ không chấp nhận. Tôi nguyên rủa những lời ba hoa ấy của những người nhiều khi chẳng vì cái gì cả, không có ý làm hại cũng chẳng phải muốn giúp ích, chỉ cốt có chuyện để nói, đôi khi vì chúng ta không thể không chuyện gẫu với họ và vì họ vốn không ý tứ (cũng như chúng ta), đến một lúc nào đó, gây cho ta vô khối điều tệ hại. Quả thật, trong khi hoàn thành cái công việc tai hại là hủy hoại tình yêu của chúng tôi, họ

còn xa mới đóng một vai trò ngang bằng với hai loại người đặc biệt: một loại vì quá tốt, loại kia vì quá độc ác, cả hai đều có cái thói quen phá tan tất cả đúng lúc tất cả sắp ổn định đâu vào đấy. Nhưng hai loại người đó, ta không oán giận họ bằng oán giận những ông Cottard rách việc, vì loại thứ hai là người mà ta yêu, còn loại thứ nhất chính là bản thân ta.

Tuy nhiên, vì hầu như lần nào tôi đến thăm bà Swann, bà cũng mời tôi dùng bữa nhẹ buổi chiều với con gái bà và bảo tôi trả lời trực tiếp với nàng, nên tôi thường viết thư cho Gilberte và trong việc giao lưu bằng thư từ ấy, tôi không chọn những câu tôi cho là khả dĩ thuyết phục được nàng, tôi chỉ tìm cách làm sao khơi được một dòng êm nhất cho suối nước mắt của tôi tuôn trào. Vì sự tiếc nuối cũng như niềm khao khát không tìm cách để tự phân tích mà là tự thỏa mãn; khi người ta bắt đầu yêu, người ta không mất thì giờ để tìm hiểu tình yêu của mình là gì, mà để chuẩn bị những khả năng cho các cuộc hẹn hò ngày hôm sau. Khi cuộc tình kết thúc, người ta không tìm cách thấu hiểu nỗi buồn của mình, mà chỉ cố bày tỏ với người đàn bà đã gây nên nỗi buồn ấy nét thăm thiết nhất của nó. Ta nói những điều ta cảm thấy cần nói ra, song nàng ắt sẽ không hiểu, ta chỉ nói cho ta nghe. Tôi viết: “Trước đây, tôi những tưởng không thể như vậy được. Than ôi, giờ đây tôi thấy điều ấy đâu có khó đến thế.” Tôi còn viết thêm: “Có lẽ tôi sẽ không gặp em nữa”, tôi nói vậy trong khi vẫn cố giữ không tỏ ra lạnh lùng, một thái độ mà nàng có thể coi là giả tạo, và khi viết câu ấy, tôi đã khóc, vì nó không diễn đạt điều tôi muốn

tin, mà nói lên cái điều có thể xảy tới trong thực tế. Vì sắp tới, khi được nhận là nàng hẹn gặp, thì cũng như lần này, tôi vẫn sẽ đủ can đảm để không nhượng bộ, nhưng rồi từ chối hết lần này đến lần khác, dần dà đi tới chỗ, do bằng đi không thấy nhau, tôi sẽ không còn ham muốn gặp nàng. Tôi khóc, nhưng tôi tìm thấy dũng khí, tôi biết được sự êm dịu khi hy sinh niềm hạnh phúc được ở bên nàng để đổi lấy cái khả năng có thể một ngày nào đó làm đẹp lòng nàng, một ngày mà than ôi, làm đẹp lòng nàng cũng chẳng có ý nghĩa gì với tôi. Cứ cho rằng lúc này nàng yêu tôi, như nàng khẳng định khi tôi đến thăm nàng lần gần đây nhất - mặc dù giả thuyết này khó có thể là thật - cứ cho rằng cái thái độ mà tôi tưởng là nỗi ngán ngấm khi phải ở bên một kẻ làm ta chán ngấy, chỉ là do cái tính dễ ghen bóng ghen gió, hoặc do một sự giả vờ hồ hững tương tự như cách tôi làm ra bộ dửng dưng, thì điều đó cũng chỉ khiến quyết định của tôi đỡ đau đớn đi mà thôi. Tôi cảm thấy trong vòng mấy năm nữa, sau khi chúng tôi đã quên được nhau, nếu có dịp ôn lại chuyện cũ, tôi có thể nói với nàng rằng bức thư tôi viết cho nàng lúc này đây chẳng thành thật chút nào và nàng sẽ trả lời: “Sao? Sao kia, anh, lúc ấy anh vẫn yêu em? Giá anh biết khi đó, em mong chờ bức thư ấy biết nhường nào, em xiết bao hy vọng nó mang tới cho em một lời hẹn gặp, và nó đã làm em khóc ê chề như thế nào!” Trong lúc ngồi viết cho nàng ngay sau khi ở nhà bà Swann trở về, tôi nghĩ có lẽ mình đang hoàn tất đích thị sự hiểu lầm đó, và ý nghĩ này, chính bởi nó thật buồn song lại mang tới niềm thích thú được tưởng tượng là Gilberte yêu mình, thúc đẩy

tôi viết tiếp bức thư.

Nếu lúc chia tay với bà Swann sau khi bữa trà kết thúc, tôi nghĩ về những gì sẽ viết cho Gilberte, thì bà Cottard, khi ra về lại có những ý nghĩ có tính chất hoàn toàn khác. Sau khi đảo mắt “thanh tra” suốt lượt, bà ta không quên chúc mừng bà Swann về những đồ đạc mới, những thứ vừa “sắm được”, mà bà nhận thấy trong phòng khách. Bà còn thấy lại, tuy là ít ỏi, một số đồ vật Odette đã từng bày trong ngôi biệt thự ngày trước ở phố La Pérouse, nhất là những con vật bằng chất liệu quý, những linh vật của nữ chủ nhân.

Nhưng bà Swann, sau khi đã học lỏm được từ một người bà kính trọng cái từ “đồ rởm” - cái từ đã mở ra cho bà những chân trời mới, vì nó chỉ đích thị những thứ mà vài năm trước bà thấy là “sang” - đã lần lượt cho xếp xó tất cả những thứ đó, từ tấm lưới mắt cáo thếp vàng làm giàn đỡ cho những bông cúc đến nhiều hộp đựng kẹo mua ở cửa hàng Giroux* và những giấy viết thư có in nổi hình mũ miện (chưa kể những đồng louis bằng các tông rải rác trên những mặt lò sưởi mà trước cả khi bà quen biết Swann, một ông có đầu óc thẩm mỹ đã khuyên bà nên bỏ đi). Vả chăng, trong cái thiếu ngăn nắp kiểu nghệ sĩ, trong cái lộn xộn của xưởng làm việc, những gian phòng tường vẫn còn quét vôi màu tối khác hẳn những phòng khách trắng toát mà sau đó ít lâu bà Swann sở hữu, phong cách Viễn Đông ngày càng lùi bước trước sự xâm lấn của phong cách thế kỷ 18; và những chiếc nệm mà bà Swann sai nhào cho mềm và chồng lên sau lưng tôi để cho tôi được “thoải mái*”, đều được trang trí hình hoa kiểu Louis XV chứ không thô rỗng

Tàu như trước nữa. Trong căn phòng người ta hay thấy bà ở đó nhất (bà thường nói về căn phòng này: “Phải, tôi yêu nó, tôi thiết nó lắm; tôi không thể sống giữa những thứ không thân thiện và khoa trương; đây chính là nơi tôi làm việc”; tuy nhiên, bà không nói cụ thể là đang vẽ tranh, hoặc có lẽ đang viết sách, phụ nữ đến một độ tuổi nào đó bắt đầu thích viết văn để làm một cái gì đó và khỏi trở thành vô dụng), bà bày xung quanh mình toàn đồ Saxe (bà mê thích thứ đồ sứ vùng này mà bà phát âm bằng giọng Anh đến nỗi thấy cái gì ung mắt, bà cũng nói: đẹp đấy, nom giống như những bông hoa vùng Saxe); bà sợ cho chúng, hơn cả đạo xưa sợ cho đám độc bình, tượng sứ, bị bọn đầy tớ ngu dốt chạm tay vào; mỗi khi họ vô ý đụng phải, bà phát sốt phát rét và nổi cơn lòi đình quất tháo họ trước sự chứng kiến bàng quan của ông chủ Swann rất lịch sự và hiền khô. Việc thấy rõ một số khiếm khuyết không hề làm giảm sự mê thích; trái lại, sự mê thích còn khiến những khuyết tật ấy thành dễ thương. Bây giờ, khi tiếp những người thân, Odette ít khi mặc kimono Nhật Bản, mà thường khoác áo choàng lụa kiểu Watteau* sáng màu và nhẹ bồng; bà đưa tay mơn trớn mép áo bồng như bột sóng nở hoa trên ngực mình, như thanh thoi vùng vẫy, tắm trong đó với một vẻ thoải mái, tươi mát của làn da cùng nhịp thở sâu, đến nỗi bà dường như coi loại áo này không chỉ có chức năng trang trí như kiểu một khung cảnh, mà là vật cần thiết như cái “tub*” hay cuộc “footing*” để đáp ứng những yêu cầu tinh vi về chăm sóc dung mạo cũng như về vệ sinh cá nhân. Bà có thói quen tuyên bố rằng thà nhịn ăn còn dễ hơn là thiếu

văng nghệ thuật và sự tinh sạch, rằng nếu phải chứng kiến *La Joconde* cháy trong lửa thì còn buồn hơn là thấy một lô người quen bị chết thiêu. Những lý thuyết này nghe có vẻ nghịch lý đối với các bà bạn của bà nhưng lại khiến bà được coi là một bậc nữ lưu siêu đẳng, hằng tuần được ngài bộ trưởng nước Bỉ tới thăm, đến nỗi trong cái thế giới nhỏ mà bà là mặt trời, người ta ắt hết sức kinh ngạc nếu biết rằng ở chỗ khác, chẳng hạn ở nhà vợ chồng Verdurin, người ta coi bà là ngu đần. Do tinh thần linh hoạt ấy, Madame Swann thích giao tiếp với nam giới hơn là với nữ giới. Nhưng khi bà chỉ trích những người cùng giới, bao giờ cũng là ả gái bao ngày xưa lên tiếng, chỉ ra ở họ những khuyết tật có thể làm hại họ trước con mắt đàn ông - cổ tay cổ chân thô, nước da xấu, bất chấp chính tả, cẳng chân đầy lông, mùi hôi nồng nặc, lông mày giả... Trái lại, đối với ai đó xưa kia đã tỏ ra độ lượng và hòa nhã đối với bà, Odette ưu ái hơn, nhất là nếu người ấy bất hạnh. Bà khéo léo bênh vực người ấy và nói: “Người ta thật bất công với bà ấy vì đó là một phụ nữ tốt, tôi cam đoan vậy.”

Bà Cottard và những người năng lui tới nhà Madame de Cr cy không chỉ ngỡ ngàng trước đồ đạc nội thất ở đây, mà hẳn còn khó nhận ra bản thân Odette nếu lâu nay họ không gặp bà. Bà dường như trẻ ra nhiều tuổi so với trước kia! Chắc hẳn điều đó một phần do bà đã đẩy ra, khỏe mạnh hơn, có vẻ bình tĩnh, tươi tắn, ung dung tự tại hơn, và phần khác là vì những kiểu tóc mới mượt mà khiến khuôn mặt hây hây chút phấn hồng của bà mở thoáng hơn, trên đó cặp mắt cùng nét bán diện trước đây nom quá dô, nay như xẹp

hắn. Nhưng một lý do khác của sự thay đổi ấy là ở chỗ, giờ đây đã tới đoạn giữa của cuộc đời, Odette rốt cuộc đã phát hiện (hoặc phát kiến) ở bản thân một diện mạo riêng, một “tính cách” bất di bất dịch, một “loại sắc đẹp”, và trên những nét mặt trước đây rời rạc của mình - bấy lâu bị phò mặc cho những nổi húng ngẫu nhiên và bất lực của da thịt, một thoáng mệt nhọc cũng làm cho già đi mấy tuổi, một thứ lão hóa qua mau, chúng cấu thành một cách được chẳng hay chớ, tùy theo tâm thế và thái độ, một gương mặt lơ đãng, thường nhật, vô dạng, dị biến và dễ thương - bà đã in đậm dấu ấn cố định của hình mẫu ấy như một vẻ thanh xuân bất tử.

Trong phòng của Swann, thay vì những tấm hình đẹp người ta chụp vợ ông hiện tại, trên đó vẫn cái vẻ bí hiểm và đặc thặng nọ khiến người ta nhận ra dáng hình và gương mặt kiêu sa của bà, cho dù bà mang mũ, áo kiểu gì, chỉ có một bức ảnh nhỏ cũ rất đơn giản, chụp trước lô ảnh kia và trên đó dường như vắng thiếu nét thanh xuân và vẻ đẹp mà đạo ấy Odette chưa phát hiện ra. Nhưng hẳn là Swann, trung thành (hoặc trở lại) với một quan niệm khác, thích cái vẻ duyên dáng kiểu Botticelli nơi người thiếu phụ mảnh mai có đôi mắt tư lự, những nét mệt mỏi, thái độ phân vân nửa muốn bước đi nửa muốn đứng yên tại chỗ. Thật vậy, ông vẫn còn thích nhìn thấy ở vợ mình một tác phẩm của Botticelli. Odette thì không muốn làm nổi bật, mà trái lại còn muốn giấu đi những nét bà không vừa lòng nơi bản thân mình, những nét mà với tư cách là phụ nữ, bà coi là khiếm khuyết nhưng đối với một nghệ sĩ lại có thể là “tính

cách” của bà, nên bà không muốn nghe nhắc đến danh họa người Ý kia. Swann có một chiếc khăn quàng phương Đông tuyệt vời, màu xanh và hồng, mà ông đã mua vì nó giống hệt chiếc khăn của Đức Mẹ Đồng Trinh trong bức *Magnificat**). Nhưng Madame Swann không muốn mang tấm khăn quàng ấy. Có độc một lần, bà để chồng đặt mua cho mình một bộ xiêm y lấm chấm đầy những hoa chuông, cúc lam, bạch cúc và lưu ly dựa theo La Primavera trong bức *Mùa xuân**. Thỉnh thoảng vào buổi tối, lúc bà mệt mỏi, ông Swann khẽ nhắc tôi lưu ý đến đôi bàn tay tư lự của Odette bất giác phồng lại cái cử chỉ thanh thoát, hơi bối rối của Đức Mẹ Đồng Trinh lúc Người chấm bút vào bình mực do một thiên thần chìa ra trước khi viết vào cuốn sách thánh trên đó đã ghi sẵn chữ “Magnificat”*. Nhưng ông dặn thêm: “Cần nhất là cậu đừng có nói cho bà ấy biết kéo bà ấy lại làm khác đi.”

Trừ những lúc vô tình buông lời như vậy, khi Swann thử tìm lại cái dáng man mác buồn kiểu Botticelli, thân hình Odette giờ đây in rõ nét trong một vóc dáng duy nhất khuôn tròn trong một “đường vành”; đường vành này, nương theo chu vi thân bà, dứt bỏ những “mốt” cũ với đường nét mấp mô, lồi ra lõm vào giả tạo, xoắn xuýt hay tóe loe gây hiệu quả hỗn hợp, nhưng ở những chỗ cơ thể lệch khỏi khuôn hình lý tưởng, nó có thể chỉnh lại những lệch lạc đó của tự nhiên bằng một nhát táo bạo, bổ khuyết cho những nhược điểm của da thịt cũng như vải vóc. Những cái gối, “đệm” nhỏ, cái thứ nệm nhồi “lót mông” góm ghiếc đã biến mất cũng như những chiếc áo cánh có vạt chòm ra

ngoài váy, lại bị những gọng căng làm cho cứng quèo, đắp thêm cho Odette một cái bụng giả, khiến bà có vẻ cấu thành bởi nhiều mảnh tạp nham mà không một cá tính nào có thể liên kết lại. Dáng thẳng đứng của những tua sợi và vòng cong của những băng xếp nếp đã nhường chỗ cho sự mềm mại của một cơ thể cho lụa phập phồng như nàng ngư nữ giỡn sóng, đem lại cho vải láng một vẻ người, khi mà giờ đây, như một hình thái được tổ chức và sống động, nó đã thoát ra khỏi thời hỗn mang dài dặc và sự bao bọc âm u của cái vỏ-nhộng-những-mốt-đã-lỗi-thời. Tuy nhiên, Madame Swann đã muốn, đã biết giữ lại vết tích của một vài trong số những mốt đó ngay chính giữa những mốt đã thay thế chúng. Tối đến, khi không có hứng làm việc và biết chắc Gilberte đã đi xem hát với các bạn, tôi bất chợt đến nhà cha mẹ nàng, thường thấy bà Swann trong một bộ đồ trong nhà sang nhã, váy màu tối - đỏ thẫm hay da cam - có vẻ như mang một ý nghĩa gì đặc biệt vì những màu này không còn hợp thời trang, với một dải đăng ten đen vắt chéo gợi nhớ đến những diềm ren thuở xưa. Trước cái đàn Gilberte với tôi giận nhau, vào một ngày xuân tiết trời còn lạnh, bà đưa tôi đến Vườn Thuần hóa; đi bộ một lúc, ấm người lên, bà mở hé áo vét, để lộ đường viền răng cưa của chiếc sơ mi ngắn tay, nom như ve áo gi lê, cái kiểu gi lê mép hơi xơ tướp mà mấy năm trước bà vẫn thích mặc; và chiếc cà vạt, loại kẻ “ca-rô” mà bà vẫn cố kết nhưng đã làm dụi “tông” xuống (đỏ thành hồng, xanh thành lơ nhạt) đến nỗi người ta có thể tưởng là thứ lụa trơn ánh đổi màu hiện đang là “mốt” nhất - không biết nó được thất như thế

nào dưới cằm bà, buộc vào đầu, khiến người ta không thể không liên tưởng đến những dải quai mũ nay không ai dùng nữa. Chỉ cần bà “duy trì” như vậy một thời gian, lớp trẻ tìm hiểu cách trang phục của bà ắt bảo nhau: “Madame Swann tiêu biểu cho cả một thời kỳ, phải không nhỉ?” Giống như trong một văn phong đẹp chồng xếp những hình thức biểu hiện khác nhau, với bộ đỡ vững chắc của một truyền thống khuất kín, trong trang phục của Madame Swann, những gợi nhớ lơ mờ về gi lê hay về dải thắt như nói trên, có khi một khuynh hướng (bị dẹp ngay) ngả về kiểu “vét ngắn” hay thậm chí một ám chỉ xa xôi và mơ hồ về “dải mũ phát phơ theo gió”*, khiến ta thấy thấp thoáng dưới cái hình thức cụ thể bà khoác trên người sự sao chép nửa chừng những hình thức cũ hơn mà ta không thể tìm lại ở sản phẩm thực tế của người thợ khâu hay nhà thiết kế thời trang, song ta vẫn không ngừng nghĩ tới, và tất cả những thứ đó bao quanh Madame Swann một nét gì đó thật quý phái - có lẽ vì chính sự vô dụng của những trang sức đó lại khiến chúng đáp ứng một mục đích trên cả thực dụng, có lẽ do vết tích còn lưu lại được của những năm qua, hoặc nữa, do một thứ cá tính trong y phục, riêng cho người phụ nữ này, nó khiến cho những gì bà mặc, dù khác nhau đến đâu, cũng vẫn có vẻ mang cùng một họ. Người ta có cảm giác bà ăn mặc không chỉ để tiện lợi hoặc tô điểm cho thân thể bà; y phục bao quanh bà như mô hình tinh tế và tâm linh hóa của một nền văn minh.

Gilberte thường mời bạn bè tới bữa trà chiều vào những ngày tiếp tân của bà mẹ, nhưng cũng có hôm nàng phá lệ

tổ chức ở ngoài, khi đó tôi nhân cơ hội đến dự “Đại yến” của Madame Swann; những lần đó, tôi thấy bà mặc nhiều kiểu áo dài đẹp, một số bằng sa, số khác bằng lụa phay hay bằng nhung, bằng nhiều Tàu hay xa tanh hay lụa trơn, không lòng thùng như những bộ bà thường mặc trong nhà, mà gọn gàng như để đi dạo phố, khiến cho buổi chiều nhàn nhã ở nhà bà có một cái gì linh hoạt và nhộn nhịp. Và hẳn là kiểu cắt may vừa đơn giản vừa táo bạo của những chiếc áo ấy rất hợp với vóc dáng và cử chỉ của bà, những ống tay áo có vẻ như là màu sắc của từng ngày, thay đổi tùy theo tâm thế; ta có thể đoán, nhưng màu xanh là dấu hiệu vừa có quyết định đột ngột, sa trắng nói lên tâm trạng cởi mở; và bằng vào cái cách bà giơ tay ra cho mọi người thấy, ta cảm thấy như mặt nhiều Tàu đen nhánh, tựa nụ cười rờ rờ của đức hy sinh, thể hiện một thái độ thận trọng tốt độ và rất mực cao sang. Nhưng những “phụ trang” phức tạp không có lợi ích thực tế cũng chẳng có lý do tồn tại rõ rệt, đồng thời cũng điểm thêm cho những chiếc áo dài tươi thắm ấy một cái gì không vụ lợi, tư lự và bí ẩn, hợp với vẻ buồn man mác mà bà Swann vẫn còn giữ lại, ít nhất là trong quang mắt và trên những đốt tay. Dưới vô số những vật cầu phúc bằng xa phía, những hình hoa có cộng bốn lá bằng men, những huy chương bằng bạc, bằng vàng, những bùa ngải bằng ngọc lam, những dây chuyền hồng ngọc, những hạt ngọc tôpa, ngay trên áo còn có một họa tiết màu như nối dài thêm một đoạn của tiền kiếp, một hàng khuy nhỏ bằng xa tanh chẳng để cài gì cả mà cũng không để cởi mở cái gì, một dải trang sức kín đáo làm vui như một nhắc

nhỏ tế nhị, tất cả những thứ đó, cũng như những đồ nữ trang, đều có vẻ như - nếu không thì chúng chẳng có lý do gì để có mặt ở đây - để bộc lộ một ý đồ, đóng vai trò một vật làm tin cho một hẹn thề, ghi nhớ một tâm sự sâu kín, thực thi một điều mê tín, giữ kỷ niệm về một lần khỏi bệnh, về một điều ước muốn, về một mối tình... Và đôi khi, một khe hở nơi chiếc áo lót bằng nhung xanh, một khoảng hơi phồng lên nơi ống tay áo ở gần vai, hoặc ngược lại, ở dưới váy, đem lại cho chiếc áo dài xa tanh đen một vẻ gì phẳng phất như một bộ giả trang; và bằng cách luồn vào dưới mạch sống hiện tại đôi nét mơ hồ gọi lại quá khứ, những chi tiết trang phục ấy điểm thêm vào con người Madame Swann nét quyến rũ của một số nữ kiệt lịch sử hay nhân vật tiểu thuyết. Và nếu tôi nêu nhận xét đó với bà, tôi sẽ được trả lời: “Tôi không chơi golf như nhiều bà trong số bạn của tôi. Tôi chẳng có lý do gì để mặc áo chần.”

Trong cảnh hỗn độn của phòng khách, khi cầm một đĩa bánh ngọt để mời khách, hay trở lại sau khi tiễn một người ra về, bà Swann tranh thủ kéo riêng tôi ra một giây: “Gilberte đặc cách giao cho tôi mời cậu ngày kia đến dùng bữa trưa. Vì chưa chắc có gặp cậu không, tôi đã toan viết thư mời nếu cậu không đến.” Tôi tiếp tục khước từ. Và sự cưỡng lại ấy đối với cảm dỗ ngày càng bớt khó khăn đối với tôi, bởi lẽ cho dù ta có yêu thích đến mấy cái chất độc làm hại ta, khi mà do một sự cần thiết nào đó, ta đã phải thiếu nó trong một thời gian, ta không thể không ít nhiều quý trọng trạng thái an tĩnh, không phải xúc động và đau khổ mà giờ đây ta không còn biết tới nữa. Nếu ta không hoàn

toàn thành thật khi tuyên bố rằng ta không bao giờ muốn gặp lại người mình yêu, thì khi ngỏ lời muốn gặp lại nàng, ta cũng chẳng thành thật gì hơn. Bởi vì dĩ nhiên, ta chỉ có thể chịu đựng nỗi thiếu vắng nàng bằng cách tự hứa với mình sẽ rút ngắn cực hình ấy, bằng cách nghĩ đến ngày tìm lại được nhau, nhưng mặt khác, ta cảm thấy những mơ ước hằng nhật về một cuộc tái ngộ không ngừng bị trì hoãn không đau đớn bằng một cuộc gặp mặt dễ bề kèm theo ghen tuông, thành thử cái tin sắp gặp lại người yêu có thể gây cho ta một chấn động chẳng mấy dễ chịu. Điều mà giờ đây ta lần lữa hết ngày này sang ngày khác không phải là sự chấm dứt nỗi khắc khoải không sao chịu nổi vì chia cách, mà là sự tái khởi đầu nỗi sợ của những xúc cảm không lối thoát. Thay vì gặp như vậy, ta thà, trong cô đơn, quay về với kỷ niệm còn bổ hơn gấp bội: kỷ niệm dễ bảo, ta có thể tùy thích thêm dệt thêm những mộng mơ trong đó người đàn bà không hề yêu ta trong thực tế, lại tỏ tình với ta! Cái kỷ niệm mà ta có thể làm cho trở nên hết sức dịu ngọt bằng cách dần dà hòa lẫn vào đó nhiều điều ta khao khát, ta ưng nó hơn biết bao so với cuộc gặp mặt luôn luôn bị hoãn trong đó chắc ta phải ứng phó với một con người mà ta sẽ không thể bắt thốt ra những lời ta ao ước được nghe, trái lại còn phải đón nhận từ nàng một vẻ lạnh lùng mới, thậm chí những thái độ dữ dằn bất ngờ là đằng khác! Tất cả chúng ta đều biết, khi ta không yêu nữa thì sự lãng quên, thậm chí ký ức mơ hồ, không gây nhiều đau đớn bằng tình yêu bất hạnh. Không dám tự thú với mình, tôi thích sự êm dịu an tĩnh của một sự lãng quên dự cảm trước như vậy.

Vả chăng, có một lý do khác khiến cho phương thuốc trị bằng cách chế ngự tâm lý và tự cô lập như vậy càng lúc càng bớt đau đớn hơn, đó là vì phương thuốc trị ấy làm suy yếu cái ý tưởng cố định trong đầu được gọi là tình yêu, trong khi chờ đợi triệt hẳn nó. Tình yêu của tôi còn đủ mạnh để khiến tôi muốn giành lại toàn bộ uy tín của mình trong mắt Gilberte; uy tín này, tôi cảm thấy thế, tăng dần lên, do tôi tự nguyện rời xa nàng, thành thử những ngày buồn yên ả vắng bóng nàng nối tiếp nhau không ngừng, không định hạn (trừ phi có kẻ rách việc xía vô chuyện riêng của tôi) chẳng hề uổng phí, mà mỗi một ngày trong số đó đều lợi cho tôi. Có thể là lợi một cách vô ích vì chẳng bao lâu nữa, người ta có thể tuyên bố tôi đã khỏi hẳn bệnh yêu. Sự cam chịu, một phương thức của thói quen, khiến cho một số nguồn lực trong ta có thể tăng lên vô hạn độ. Cái nguồn lực nhỏ nhoi tôi sở hữu để chịu đựng nỗi buồn buổi tối đầu tiên tôi bất hòa với Gilberte, từ đó đến giờ đã mạnh lên đến độ khôn lường. Có điều, cái khuynh hướng muốn đậu được dài lâu của tất cả những gì tồn tại trên đời đôi khi bị ngắt đứt bởi những xung động bất chợt mà ta đành nhượng bộ, không mấy băn khoăn để tự buông thả, vì ta biết, qua bao ngày bao tháng cam chịu, rằng ta có thể cam chịu thêm bao ngày bao tháng nữa. Và thường khi đúng vào lúc túi tiền ta dành dụm sắp đầy, dùng một cái ta lại dốc sạch, đúng vào lúc ta đã quen với phương pháp điều trị, ta lại dừng phắt bất cần chờ kết quả của nó. Và một hôm khi, theo thói quen, bà Swann lại bảo tôi rằng Gilberte chắc sẽ rất thích nếu được gặp tôi, bằng cách đó, như thể đặt trong

tầm tay tôi niềm hạnh phúc mà tôi đã tự tước đoạt bao lâu nay, tôi bàng hoàng hiểu ra rằng vẫn còn có thể nắm vị hạnh phúc đó; và tôi khó khăn lắm mới nén lòng chờ đến hôm sau: tôi vừa quyết định sẽ đến để gặp Gilberte bất chợt vào trước giờ ăn tối.

Điều giúp tôi kiên nhẫn chờ suốt một ngày trời là vạch ra một kế hoạch. Một khi đã làm lành với Gilberte và quảng mọi sự vào quên lãng, tôi chỉ còn muốn gặp nàng với tư cách người yêu. Hằng ngày nàng sẽ nhận được những bông hoa đẹp nhất trên đời. Và nếu bà Swann (tuy chẳng có quyền làm một người mẹ quá nghiêm khắc) không cho phép tôi gửi hoa hằng ngày, tôi sẽ tìm ra những tặng vật quý hơn và gửi thưa hơn. Cha mẹ tôi không cho tôi đủ tiền để mua những thứ đắt. Tôi nghĩ đến một chiếc độc bình sứ lớn, đồ cổ Tàu, của bà cô Léonie để lại cho tôi; mẹ tôi ngày nào cũng tiên đoán thể nào cũng có lúc Françoise đến thưa bà chủ: “Bình vỡ tan tành rồi”, và sẽ chẳng còn gì nữa. Trong những điều kiện đó, đem bán quách nó đi để có thể mua niềm vui cho Gilberte, có phải hơn không? Tôi nghĩ có thể bán được một nghìn franc. Tôi cho gói nó lại; thói quen khiến tôi chẳng bao giờ ngó đến chiếc độc bình, bây giờ đem đi bán, tôi mới có dịp thấy nó. Tôi mang nó theo trước khi đến nhà ông bà Swann và khi nói địa chỉ cho xà ích, tôi bảo bác ta đi lối Champs-Élysée, ở đó có cửa hàng của một thương gia lớn buôn đồ cổ Tàu quen cha tôi. Tôi hết sức ngạc nhiên khi ông ta trả giá chiếc độc bình không phải một nghìn, mà là mười nghìn franc. Tôi sượng mê nhận số tiền ấy; tôi sẽ có thể cả năm ngày nào cũng tắm Gilberte

trong hoa hồng và hoa tử đinh hương. Sau khi cáo từ ông chủ cửa hàng, tôi trở lên xe và bác xà ích, lẽ dĩ nhiên, thay vì theo con đường mọi khi, cho xe xuôi đại lộ Champs-Élysée vì gia đình Swann ở gần rừng Boulogne. Xe đã vượt quá góc phố Berri thì trong ánh hoàng hôn nhập nhoạng, tôi ngỡ nhận ra dáng của Gilberte ở rất gần nhà Swann nhưng rời khỏi đó theo hướng ngược lại, nàng bước những bước chậm rãi nhưng dứt khoát bên cạnh một gã trai trẻ mà tôi không nhìn rõ mặt, hai người vừa đi vừa trò chuyện. Tôi nhổm người lên trong xe, muốn bảo bác xà ích dừng lại, rồi tôi đâm do dự. Hai người đã đi được một quãng khá xa và hai vệt song song do bước dạo lững thững của họ vạch ra trên đường đang mờ dần trong bóng tối của vườn Élysée. Chẳng mấy chốc, tôi tới trước cửa nhà Gilberte. Bà Swann ra tiếp tôi. “Ôi, con bé chắc sẽ tiếc lắm, bà nói với tôi. Tôi không biết làm sao nó lại không có đây. Ban chiều, trong giờ học, nó kêu nóng quá, nó bảo tôi nó muốn ra ngoài hóng gió cùng với một đứa bạn gái.” - “Cháu nghĩ là đã thoáng thấy Gilberte ở đại lộ Champs-Élysée.” - “Tôi nghĩ đó không phải là Gilberte. Dù sao cậu cũng đừng nói với ba nó, ông ấy không thích nó ra ngoài vào những giờ này. *Good evening*).” Tôi ra về, bảo bác lái xe đi đường cũ, nhưng không tìm lại được đôi bạn đi dạo. Họ đi đâu rồi? Họ nói với nhau những gì với cái vẻ bí bí mật mật thế?

Tôi trở về, nắm trong tay một cách tuyệt vọng cái món tiền mười nghìn franc không ngờ tới mà lẽ ra tôi có thể dùng để đem lại những niềm vui nho nhỏ cho cô gái Gilberte mà giờ đây tôi đã quyết định không gặp lại nữa.

Hẳn là việc tôi dừng lại ở cửa hàng đồ cổ Tàu đã làm tôi vui sướng, đem lại cho tôi hy vọng rằng từ nay và mãi mãi về sau, bạn gái tôi sẽ chỉ hài lòng và biết ơn mỗi khi gặp tôi. Nhưng nếu tôi không ghé lại đó, nếu xe không đi theo đại lộ Champs-Élysée, thì tôi đã không gặp Gilberte đi dạo với gã trai trẻ ấy. Vậy là cùng một sự việc tẽ ra hai nhánh đối lập và nỗi bất hạnh nó gây ra đã triệt tiêu niềm hạnh phúc nó vừa mang lại. Đã xảy đến với tôi điều trái ngược với những gì vẫn thường xuyên diễn ra. Ta khao khát một niềm vui, song lại thiếu phương tiện vật chất để đạt tới nó. “Thật là buồn khi yêu mà không có một tài sản lớn,” La Bruyère* đã nói vậy. Chỉ còn mỗi một việc là xóa bỏ dần niềm vui đó. Với tôi, trái lại, phương tiện vật chất đã có, nhưng đồng thời, niềm vui lại bị cướp đi, nếu không phải bởi một hiệu quả logic, thì ít nhất cũng bởi một hậu quả ngẫu nhiên của thành công ban đầu. Vả chăng, dường như bao giờ ta cũng bị tước đoạt niềm vui. Đành rằng thông thường không phải là vào cùng buổi tối khi ta đạt đủ điều kiện để có được niềm vui đó. Đa phần trường hợp là ta vẫn tiếp tục ráng sức và hy vọng thêm một thời gian nữa. Nhưng hạnh phúc vẫn không thể đến. Nếu ta khắc phục được, thắng được hoàn cảnh khách quan, thì bản chất tự nhiên sẽ chuyển cuộc đấu tranh từ bên ngoài vào nội giới, dần dần làm thay đổi con tim ta đủ để nó thêm muốn một cái gì khác với điều nó sắp sở hữu. Và nếu hoàn cảnh đột biến nhanh chóng đến nỗi con tim ta không kịp thay đổi theo, thì bản chất tự nhiên không vì thế mà nản, vẫn chế ngự được ta, đành rằng có muộn hơn, tinh vi hơn, nhưng không kém phần hiệu quả.

Chính lúc bấy giờ vào giây cuối cùng, ta bị tước đi cái quyền năng nắm giữ hạnh phúc, hay nói cho đúng hơn, bằng một quỷ kế, bản chất tự nhiên giao cho chính cái quyền năng ấy nhiệm vụ phải hủy diệt hạnh phúc. Sau khi đã thất bại trong tất cả những gì thuộc về lĩnh vực các sự kiện và đời sống, bản chất tự nhiên tạo ra trở ngại tối hậu: làm cho hạnh phúc thành điều bất khả về tâm lý. Cái hiện tượng gọi là hạnh phúc không diễn ra, hoặc sẽ gây những phản ứng cay đắng nhất.

Tôi riết chặt món tiền mười ngàn franc. Nhưng nó không còn có ích gì cho tôi nữa. Vả lại tôi tiêu nó nhanh hơn là nếu dùng vào việc gửi hoa hồng ngày cho Gilberte, vì cứ tối đến tôi lại khổ sở đến nỗi không thể ở lại nhà mà đi khóc trong vòng tay những người đàn bà mình không yêu. Còn như cố làm đẹp lòng Gilberte bằng cách nào đó, tôi không thiết nữa; trở lại nhà Gilberte bây giờ chỉ có thể làm tôi đau khổ mà thôi. Ngay cả gặp lại Gilberte - con người mới hôm qua còn xiết bao tuyệt diệu với tôi - cũng không còn là đủ cho tôi. Vì tôi sẽ luôn luôn lo ngay ngáy những khi tôi không ở bên nàng. Đó là điều khiến một người đàn bà, bằng tất cả những nỗi đau mới nàng gây cho ta (thường là không tự ý thức), không chỉ tăng quyền lực của nàng đối với ta, mà cả những đòi hỏi của ta đối với nàng. Bằng nỗi đau nàng gây cho ta như vậy, người đàn bà quây ta ngày càng chặt, tăng thêm xiềng xích cầm giữ ta, nhưng cũng gia cố những sợi dây mà cho tới nay ta vẫn cho là đủ để trói chặt nàng khiến ta cảm thấy có thể yên tâm. Chỉ mới hôm trước thôi, nếu không nghĩ là làm rầy Gilberte, tôi ắt đã chỉ

yêu cầu một vài cuộc gặp gỡ thừa thớt, mà giờ đây tôi thấy là không đủ và sẵn sàng thay thế bằng những điều kiện khác. Bởi vì, trái ngược với những gì diễn ra sau chiến tranh, trong tình yêu, càng thất bại nặng, người ta càng đưa ra những điều kiện cứng rắn, nếu như dù sao người ta vẫn ở trong tình thế có thể áp đặt điều kiện. Đó không phải là trường hợp của tôi đối với Gilberte. Cho nên tôi thà không trở lại nhà mẹ nàng. Tôi tiếp tục tự bảo mình rằng Gilberte không yêu tôi, rằng tôi đã biết thế từ lâu rồi, rằng nếu muốn, tôi có thể gặp lại nàng, và nếu không muốn thế, thì dần dà tôi có thể quên hẳn nàng. Nhưng những ý đó, như một liều thuốc không có tác dụng đối với một số bệnh, chẳng có chút hiệu lực nào để xóa đi cái hình ảnh thi thoảng vẫn hiện về ám ảnh tâm trí tôi: hai vệt dài song song do Gilberte và gã trai trẻ để lại khi sóng bước đi vào đại lộ Champs-Élysée. Đó là một nỗi đau mới, cuối cùng rồi cả nó cũng nhạt đi, đó là một hình ảnh rồi sẽ có ngày hiện lên trong tâm trí tôi, hoàn toàn gạn lọc hết những gì là độc hại, như những chất độc chết người mà người ta có thể xử lý an toàn, như một mẩu dynamite mà người ta có thể dùng châm thuốc lá mà không sợ nổ. Trong khi chờ đợi, trong tôi có một lực khác dốc hết sức đấu tranh chống lại cái lực ác độc đang một mực hiển thị lên nguyên vẹn cuộc dạo chơi của Gilberte trong chạng vạng bóng chiều: trí tưởng tượng của tôi hoạt động đầy hiệu quả để bẻ gãy những đợt tấn công liên tiếp của ký ức. Dĩ nhiên, lực thứ nhất trong hai lực ấy tiếp tục vẽ lên trước mắt tôi hai bóng người đi dạo trên đại lộ Champs-Élysée, kèm theo những hình ảnh khó

chịu khác lỗi ra từ quá khứ, chẳng hạn như Gilberte nhún vai khi mẹ nàng bảo ngồi lại với tôi. Nhưng lực thứ hai, hoạt động theo kịch bản những niềm hy vọng của tôi, thì vẽ lên một tương lai triển diễn ưng ý hơn nhiều so với cái quá khứ tội nghiệp, xiết bao hạn hẹp kia. Bù lại một phút phải thấy lại hình ảnh Gilberte cau có, tôi có bao nhiêu lúc khác để hình dung nàng gắng sức tìm cách để chúng tôi làm lành, thậm chí đính hôn, với nhau! Đành rằng cái lực do trí tưởng tượng điều khiển hướng về tương lai, dù sao cũng chỉ bắt nguồn từ quá khứ. Chừng nào nỗi phiền muộn của tôi vì cái nhún vai của Gilberte dần xóa nhòa, thì ký ức về duyên sắc của nàng cũng giảm theo, cái ký ức khiến tôi cầu ước nàng trở lại với tôi. Nhưng quá khứ chưa chết trong tôi, cái giờ phút ấy còn xa lắm. Tôi vẫn yêu cô gái mà thật tình tôi ngỡ mình đã ghét. Nhưng mỗi khi người ta thấy tôi đầu óc chải chuốt, mặt mày tươi tắn, tôi đều muốn có nàng ở đó. Tôi bực mình vì hồi ấy nhiều người tỏ ý muốn mời tôi đến nhà nhưng tôi từ chối. Đã xảy ra một cuộc to tiếng vì tôi không theo cha tôi đến dự một dạ tiệc tại đó chắc thể nào cũng có ông bà Bontemps với cô cháu gái Albertine, một cô gái nhỏ gần như còn là con nít. Những giai đoạn của cuộc đời chúng tôi cứ gối đầu lên nhau như thế. Vì một người ta đang yêu nhưng một ngày kia sẽ chẳng còn ý nghĩa gì với ta, ta ngạo mạn chối từ không gặp một người hôm nay chẳng có ý nghĩa gì với ta nhưng mai kia ta sẽ đem lòng yêu, một người mà nếu đồng ý gặp, ta ắt sẽ yêu sớm hơn, và do vậy sẽ rút ngắn những đau khổ hiện tại, đành rằng chỉ để thay thế bằng những nỗi đau khác. Những nỗi đau

của tôi mỗi ngày một đổi khác. Tôi ngạc nhiên thấy ở đáy lòng mình, nay một tình cảm này, mai một tình cảm khác, thường là bắt nguồn từ những hy vọng nào đó, hay những nỗi sợ nào đó liên quan đến Gilberte. Đến nàng Gilberte mà tôi mang trong lòng mình. Lẽ ra tôi nên tự bảo mình rằng nàng Gilberte kia, tức nàng Gilberte đích thực, hoàn toàn khác với nàng này, không hề biết gì đến những ân hận mà tôi gán cho nàng, có lẽ chẳng nghĩ gì đến tôi mấy, có chăng cũng ít hơn nhiều không những so với tôi nghĩ đến nàng, mà cả so với mức tôi gán cho nàng nghĩ đến tôi trong những lúc mình tôi giáp mặt với nàng Gilberte tưởng tượng, cố tìm hiểu xem ý đồ thật sự của nàng đối với mình là thế nào và hình dung nàng luôn luôn chú ý đến tôi.

Trong những thời kỳ nỗi buồn vẫn dai dẳng, tuy có suy giảm, cần phải phân biệt hai dạng: một dạng do không ngừng nghĩ tới người thương và dạng kia là nỗi niềm do một số ký ức khuấy động trở lại - một câu độc địa nào đó, một từ nào đó được sử dụng trong một bức thư ta nhận được. Trong khi dành lại việc mô tả những “dị bản” khác nhau của nỗi buồn vào dịp kể về một mối tình sau này*, hãy tạm nói rằng trong hai dạng kể trên, dạng thứ nhất đỡ đau đớn hơn dạng thứ hai nhiều. Đó là do ta hình dung người đàn bà luôn sống trong ta với vòng hào quang mà ta đã tức thì tô điểm cho nàng và hình ảnh ấy thấm đẫm, nếu không phải là những giọt ngọt thường xuyên của hy vọng, thì ít nhất cũng là sự bình an của một nét buồn muôn thuở. (Vả chăng, cần lưu ý rằng hình ảnh một người đàn bà làm ta đau khổ chẳng chiếm mấy chỗ trong những rắc rối làm

trầm trọng thêm một nỗi sầu tình ái, kéo dài nó và ngăn không cho nó dứt hẳn, giống như trong một số bệnh, nguyên nhân thật chẳng cân xứng chút nào với con sốt nó gây ra, dằng dai mãi mới bước vào thời kỳ dưỡng bệnh.) Nhưng nếu hình ảnh con người ta yêu nhận được ánh rọi chiếu của một trí thông minh thường là lạc quan, thì tình hình lại không được khả quan như thế đối với những ký ức đặc biệt về những lời nói độc ác ấy, về lá thư hằn học ấy (tôi chỉ nhận được từ Gilberte một lá thư như vậy) cứ như thể bản thân con người đó ngự trong những mảnh giấy nhỏ xíu đó, như thể trong đó nàng được nâng lên tới một tầm sức mạnh vượt xa ý niệm quen thuộc ta thường nghĩ về toàn bộ con người nàng. Đó là vì, khác với khi ngắm hình ảnh của người ta yêu, ta đã không chiêm nghiệm lá thư ấy trong bình tĩnh sâu tư của nuối tiếc; ta đã đọc nó, ngấu ngiến nó trong nỗi khắc khoải gớm ghiếc mà một tai họa bất ngờ đã siết quanh cổ ta. Loại buồn tủi này hình thành một cách khác; nó đến với ta từ bên ngoài và nó đi thẳng vào tim ta bằng con đường của nỗi đau bạo liệt nhất. Hình ảnh người bạn gái của ta mà ta tưởng là đích thực, nguyên xưa, thật ra đã bị chính ta tái tạo lại nhiều lần. Còn cái ký ức đau đớn thì không cùng thời với hình ảnh phục chế ấy, nó thuộc một thời kỳ khác, nó là một trong những nhân chứng hiếm hoi của một quá khứ quái đản. Nhưng vì cái quá khứ ấy vẫn tồn tại, ngoại trừ trong ta bởi ta đã thích thay thế nó bằng một thời hoàng kim tuyệt diệu, một thiên đường ở đó tất cả mọi người đều hòa giải với nhau, nên những ký ức ấy, những lá thư ấy mới kéo ta trở về với thực

tại và, bằng nỗi đau đột ngột chúng gây cho ta, khiến ta cảm thấy xa cách nàng biết bao trong cuồng vọng đợi chờ hằng ngày của ta. Không phải là cái thực tại ấy bao giờ cũng vẫn nguyên như thế mặc dù điều đó đôi khi cũng xảy ra. Trong đời chúng ta, có nhiều người đàn bà mà ta không bao giờ tìm cách gặp lại, và dĩ nhiên, họ đáp lại sự im lặng hoàn toàn không cố ý của chúng ta bằng một im lặng tương tự. Có điều, những người đàn bà này, vì chúng ta không yêu họ, chúng ta không tính đến những năm tháng sống xa họ và khi biện luận về tính hiệu quả của việc cách biệt nhau, chúng ta bỏ qua cái phản chứng phủ định ấy, giống như những người tin ở khả năng dự cảm tương lai bỏ qua tất cả những trường hợp mà dự cảm của họ không được kiểm chứng.

Nhưng rốt cuộc, việc sống xa cách nhau cũng có thể mang lại hiệu quả. Nỗi khao khát, háo hức muốn gặp lại nhau, cuối cùng, cũng sống lại trong con tim lúc này đang ngộ nhận về chúng ta. Có điều là phải có thời gian. Vậy mà những yêu sách của chúng ta về thời gian cũng quá quắt không kém những đòi hỏi của con tim để thay đổi. Trước hết, thời gian, đó đích thị là cái ta ít sẵn lòng ban tặng hơn cả, vì nỗi đau của ta đang nhức nhối, ta muốn thấy nó mau chấm dứt. Sau nữa, cái thời gian mà con tim người kia cần để thay đổi, con tim ta cũng nhận đó mà thay đổi chính mình, thành thử khi mục đích ta tự đề ra cho mình trở nên ở trong tầm tay, thì nó không còn là một mục đích đối với ta nữa. Và chẳng, bản thân cái ý niệm rằng mục đích ấy sẽ ở trong tầm tay, không có hạnh phúc nào mà rốt cuộc ta

không đạt được khi nó đã không còn là hạnh phúc đối với ta nữa, cái ý ấy cũng có phần đúng, nhưng chỉ một phần thôi. Nó rơi vào tay ta khi ta đã trở nên dửng dưng với nó. Nhưng chính sự dửng dưng đó đã khiến ta bết đòi hỏi và cho phép ta, khi hồi nhớ, tin rằng hạnh phúc ấy đã làm ta tràn ngập vui sướng vào một thời kỳ mà có lẽ ta cảm thấy nó còn xa mới tới mức trọn vẹn. Người ta không khó tính lắm, cũng chẳng có khả năng nhận định xác đáng lắm về những gì người ta không hề bận tâm. Sự ưu ái của một người mà ta không còn yêu nữa, thậm chí dường như còn là thái quá đối với thái độ dửng dưng của ta, có thể không mấy may đáp ứng nổi tình yêu của ta. Những lời âu yếm ấy, lời gọi mở cho một buổi hẹn hò, ta nghĩ đến niềm vui thích chúng có thể đem lại cho ta, chứ không nghĩ đến tất cả những lời mà ta những muốn nghe thấy tiếp liền sau đó, nhưng có lẽ chính vì háo hức thế mà ta đã ngăn chúng lại. Thành thử không chắc cái niềm hạnh phúc đến quá trễ, khi ta không thể tận hưởng nó, khi ta không còn yêu nữa, có phải vẫn là niềm hạnh phúc mà trước đây, vì thiếu nó, ta đã thấy khổ sở đến thế. Chỉ có một người có thể quyết đoán vấn đề: bản ngã lúc đó của ta; giờ nó không còn ở trong ta nữa; và dĩ nhiên, chỉ cần nó trở lại, dù giống nguyên như cũ hay không là hạnh phúc tan biến.

Trong khi chờ đợi cái giấc mơ được thực hiện quá trễ ấy mà tôi không thiết nữa, vì tôi không ngừng tưởng tượng ra, như hồi tôi mới chỉ quen Gilberte sơ sơ, những lời, những bức thư trong đó nàng khẩn cầu tôi tha thứ, thú thật chỉ yêu mình tôi và xin kết hôn với tôi, nên cuối cùng, cả một

loạt hình ảnh êm đềm luôn luôn được tái tạo chiếm nhiều chỗ trong tâm trí tôi hơn cả cái hình ảnh Gilberte cùng gã trai trẻ giờ đây mờ đi vì không còn gì để duy trì. Đận ấy, lẽ ra tôi đã trở lại nhà bà Swann nếu không mơ thấy một giấc mơ trong đó một gã bạn của tôi (tuy nhiên trong đời thực, tôi không hề biết gã) hành động cực kỳ xảo trá đối với tôi, trong khi gã tưởng chính tôi xảo trá. Nỗi đau mà giấc mơ vừa gây cho tôi làm tôi bừng tỉnh đột ngột; thấy nó vẫn dai dẳng, tôi ôn lại giấc mơ, cố nhớ xem người bạn tôi thấy trong khi ngủ là ai, gã có cái tên Tây Ban Nha lúc này đã mờ nhiều trong trí tôi. Một mình sắm cả hai vai, vừa là Joseph vừa là Pharaon, tôi bắt đầu giải mộng*. Tôi biết rằng trong nhiều giấc mộng, không nên chú ý tới bề ngoài các nhân vật, họ có thể cải trang và thay đổi diện mạo lẫn cho nhau, như những tượng thánh què cụt ở một số nhà thờ được những nhà khảo cổ dốt nát phục chế lại, đem đầu vị này lắp sang cổ vị kia, làm lẫn lộn cả biệt hiệu với tên họ. Những tên mà những nhân vật ấy mang trong mộng có thể đánh lừa chúng ta. Trong mộng, ta chỉ có thể nhận ra người mà ta yêu bằng vào cường độ của nỗi đau ta cảm thấy. Nỗi đau của tôi cho biết rằng trong giấc mơ ấy, con người biến thành một gã trai trẻ mà hành động xảo trá làm tôi đến giờ vẫn còn đau, chính là Gilberte. Tôi bèn nhớ ra rằng lần gặp nàng gần đây nhất, cái hôm mẹ nàng ngăn không cho nàng đến một buổi tập khiêu vũ ban ngày, nàng đã phá lên cười một cách kỳ lạ, khước từ - một cách thành thật hay vờ vĩnh - không chịu tin ở thiện ý của tôi đối với nàng. Liên tưởng đưa tôi từ ký ức này sang một ký ức khác. Trước đây lâu

rồi, chính Swann là người đã không muốn tin ở sự thành thật của tôi, cũng như không tin rằng tôi sẽ là một người bạn tốt cho Gilberte. Tôi đã uổng công viết cho ông, Gilberte đã mang bức thư về trả lại cho tôi, cũng với điệu cười khó hiểu ấy. Nàng không trả lại cho tôi ngay lập tức, tôi còn nhớ y nguyên cái cảnh đằng sau khóm nguyệt quế. Con người ta, hễ bất hạnh, là trở nên đạo đức. Tôi có cảm giác như mối ác cảm hiện tại của Gilberte đối với tôi là một đòn cuốc đời giáng xuống để trừng phạt ứng xử của tôi ngày hôm đó. Vì khi qua đường, chỉ cần chú ý xe cộ là tránh được nguy hiểm, nên người ta ngỡ có thể tránh được hình phạt. Nhưng có những hình phạt bên trong. Tai nạn đến từ phía người ta không nghĩ tới, từ bên trong, từ trái tim. Câu nói của Gilberte: “Nếu anh muốn thì ta hãy tiếp tục vật nhau”, lúc này làm tôi kinh tởm. Tôi hình dung nàng y hệt như thế, tại nhà mình, có lẽ trong phòng để đồ vải vóc, cùng gã thanh niên mà tôi đã trông thấy đi theo nàng trên đại lộ Champs-Élysée. Vậy là, giống như cách đây ít lâu tôi tin rằng mình đã yên vị trong hạnh phúc, giờ đây, khi mà tôi đã khước từ hạnh phúc, tôi lại rồ dại định ninh rằng ít ra mình cũng đã trở nên, và có thể vẫn tiếp tục, bình tâm. Bởi vì chừng nào con tim ta thường xuyên ôm ấp hình ảnh một người khác, thì không chỉ riêng hạnh phúc của ta có thể đổ vỡ bất cứ lúc nào; khi hạnh phúc biến mất, ta đau khổ, rồi ru ngủ được nỗi khổ đau ấy, thì chính trạng thái bình tâm mới đạt được lại cũng đầy ảo ảnh lừa mị và mong manh như cái hạnh phúc kia đã từng thế. Cuối cùng, tôi cũng bình tâm trở lại, bởi vì cái gì nhân một giấc mơ len

vào tâm trí ta, làm thay đổi trạng thái tinh thần và những dự vọng của ta, cả nó nữa cũng dần dần tiêu tan, chẳng gì có thể mãi mãi trường tồn, kể cả nỗi đau. Và lại, như người ta nói về một số người bệnh, những kẻ đau khổ vì tình là thầy thuốc của chính mình. Vì sự an ủi chỉ có thể đến từ người gây ra nỗi đau và vì nguồn gốc nỗi đau là người ấy, nên chung cuộc, phải tìm phương thuốc chữa nó ngay trong nó. Đến một lúc nhất định, chính nỗi đau phát hiện cho họ phương thuốc chữa nó, vì dần dà, trong khi lật đi lật lại nỗi đau trong lòng, nó chỉ cho họ thấy một khía cạnh khác của con người mà họ luyến tiếc và con người ấy hiện ra, lúc thì đáng ghét đến nỗi thậm chí họ không muốn gặp lại nữa vì phải làm tổn thương nàng trước khi vui vẻ bên nàng, lúc lại dịu dàng đến nỗi họ coi sự dịu dàng ấy (mà họ gán cho nàng) như một ưu điểm từ đó rút ra một lý do để hy vọng. Nhưng nỗi đau lặp lại trong tôi, dù cuối cùng cũng dịu đi, tôi vẫn chỉ muốn năm thì mười họa mới trở lại nhà bà Swann. Trước hết là vì ở những kẻ yêu say đắm và bị bỏ rơi, cái cảm giác đợi chờ - dù là chờ mà không nói ra - mà họ nghiệm sinh, tự nó biến đổi, và mặc dù bề ngoài vẫn y như cũ, nhưng trạng thái thứ hai tiếp nối trạng thái thứ nhất thì hoàn toàn ngược lại. Trạng thái thứ nhất là hậu quả, là phản quang của những sự kiện đau đớn đã làm chúng ta xáo đảo. Sự chờ đợi điều có thể xảy ra trộn lẫn với nỗi khiếp sợ, nhất là vì lúc đó, nếu không có gì mới đến với ta từ phía người đàn bà ta yêu, ta muốn tự mình hành động, ta không biết kết quả của một động thái sẽ ra sao, mà sau đó có lẽ sẽ không thể tiến hành thêm bước nào nữa. Nhưng

rất mau chóng - mà ta không nhận ra - sự chờ đợi tiếp tục của ta được quyết định, không phải bởi cái quá khứ ta đã trải, mà bởi niềm hy vọng vào một tương lai tưởng tượng. Từ bấy giờ, sự chờ đợi gần như dễ chịu. Thế rồi, giai đoạn đầu, trong khi kéo dài đôi chút, khiến ta quen sống trong chờ đợi. Nỗi đau ta cảm thấy trong những cuộc hẹn cuối vẫn tồn tại trong ta, nhưng đã được ru ngủ. Ta chẳng vội gì đánh thức nó, nhất là vì ta chưa thấy rõ nên đòi hỏi những gì bây giờ. Sở hữu thêm một phần người đàn bà ta yêu chỉ làm ta càng thấy cần những gì ta chưa sở hữu, và cái phần ấy, dù thế nào đi nữa, vẫn sẽ là những nhu cầu nảy sinh từ những gì ta đã thỏa nguyện - một cái gì mãi mãi ngoài tầm với.

Sau rốt, còn có thêm một lý do khiến tôi chấm dứt hoàn toàn, không đến thăm bà Swann nữa. Lý do muộn màng này không phải ở chỗ tôi đã quên Gilberte, mà là để cố quên nàng mau hơn. Dĩ nhiên, từ khi nỗi đau lớn của tôi chấm dứt, ban đầu những cuộc đến thăm nhà bà Swann là cách giải khuây, là liều thuốc an thần rất quý cho nỗi buồn còn sót lại trong tôi. Nhưng lý do khiến cho liều thuốc an thần công hiệu lại gây trở ngại cho sự giải khuây, vì kỷ niệm về Gilberte mật thiết gắn liền với những cuộc thăm viếng ấy. Sự giải khuây chỉ có ích cho tôi nếu nó đem đổi chọi những ý nghĩ, những lợi ích, những đam mê không liên quan gì đến Gilberte với một tình cảm không còn được bồi bổ bằng sự hiện diện của nàng nữa. Những trạng thái ý thức ấy - hoàn toàn xa lạ với người mà ta yêu thương - chiếm một khoảng, dẫu thoạt đầu rất nhỏ bé, vẫn xén đi

ngân nấy chỗ của tình yêu đang độc chiếm toàn bộ tâm hồn. Cần phải tìm cách nuôi dưỡng, phát huy những ý nghĩ này, trong khi tàn phai cái tình cảm giờ chỉ còn là một kỷ niệm, để cho những yếu tố mới, vừa được đưa vào tâm trí, có thể tranh chấp với nó, giành giật khỏi nó một phần càng lúc càng lớn của tâm hồn và cuối cùng, đoạt lấy toàn bộ tâm hồn. Tôi nhận ra đó là cách duy nhất để giết chết một tình yêu và tôi còn đủ trẻ, đủ can đảm để bắt tay làm việc này, để gánh lấy nỗi đau bạo liệt nhất, biết chắc rằng dù mất bao thời gian vào đó, cũng sẽ thành công. Giờ đây, trong những thư gửi cho Gilberte, lý do tôi viện ra để từ chối không gặp nàng là một sự hiểu lầm bí ẩn nào đó - tất nhiên là hoàn toàn bịa đặt - từng xảy ra giữa chúng tôi mà lúc đầu, tôi đã hy vọng Gilberte sẽ yêu cầu tôi giải thích. Nhưng trên thực tế, ngay cả trong những quan hệ vô thưởng vô phạt nhất trong đời sống, không bao giờ người nhận thư, vốn biết tổng rằng cái câu tối nghĩa, giả trá, có tính chất buộc tội, được đưa vào thư cốt để kích mình phản đối, lại xin được làm sáng tỏ, mà chỉ sung sướng cảm thấy qua đó rằng mình nắm trong tay - và tiếp tục giữ - quyền làm chủ và quyền chủ động. Huống hồ trong quan hệ luyến ái, tình yêu xiết bao hùng hồn, còn sự dửng dưng thì chẳng mấy gọi hiếu kỳ. Vì Gilberte không hề tỏ ý nghi ngờ, cũng chẳng tìm biết đầu đuôi sự hiểu lầm đó ra sao, nên nó trở thành một cái gì có thật đối với tôi và trong thư nào tôi cũng nhắc đến nó. Trong những tình huống dễ bị diễn giải sai như thế, trong sự giả bộ lạnh nhạt như thế, có một kiểu phù phép khiến ta cứ một mực tiếp tục. Do cứ viết

hoài: “Từ khi hai trái tim chúng ta chia lìa”, hy vọng Gilberte sẽ đáp lại: “Nhưng chúng đâu có chia lìa, chúng ta hãy giải bày với nhau đi”, rốt cuộc, tôi đâm tin rằng chúng đã chia lìa thật. Do không ngừng nhắc đi nhắc lại: “Cuộc đời có thể đã thay đổi đối với chúng ta, nhưng sẽ không xóa được tình cảm giữa chúng ta”, ước sao cuối cùng sẽ được nghe nàng trả lời: “Nhưng chẳng có gì thay đổi cả, tình cảm ấy mãnh liệt hơn bao giờ hết”, tôi sống với ý nghĩ rằng quả là cuộc đời đã thay đổi thật, rằng chúng ta sẽ chỉ giữ kỷ niệm về một tình cảm không hiện hữu nữa, như một số người thần kinh vì giả bệnh, cuối cùng đâm ra lúc nào cũng bệnh. Bây giờ, mỗi khi phải viết cho Gilberte, tôi lại nhắc tới sự thay đổi tưởng tượng ấy, nó vẫn tồn tại giữa chúng tôi do việc nàng giữ im lặng về vấn đề này trong những thư trả lời giống như một sự công nhận ngầm. Thế rồi Gilberte thôi không giữ thái độ lấp lửng nữa. Chính nàng chọn theo quan điểm của tôi; và giống như trong những lúc trịnh trọng nâng cốc chúc mừng, vị Quốc trưởng khách mời dùng lại gần như nguyên văn lời của vị Quốc trưởng chủ nhà, mỗi lần tôi viết cho Gilberte: “Cuộc đời đã chia lìa chúng ta, nhưng kỷ niệm về thời gian chúng ta quen biết nhau vẫn sẽ trường tồn”, nàng lại trả lời: “Cuộc đời đã chia lìa chúng ta, nhưng không thể làm chúng ta quên những giờ phút tốt đẹp vẫn mãi mãi thân thiết với lòng chúng ta” (chúng tôi ắt bối rối nếu phải nói tại sao “cuộc đời” đã chia lìa chúng tôi, sự thay đổi nào đã xảy ra). Tôi không quá đau khổ nữa. Tuy nhiên, một hôm khi biên thư báo cho nàng biết bà già bán kẹo mạch ở vườn hoa Champs-Élysée đã mất, vừa đặt bút

viết mấy chữ: “Tôi đã nghĩ điều này làm cô buồn, nó đã khuấy động trong tôi bao kỷ niệm”, tôi đã trào nước mắt không sao ngăn nổi khi thấy mình dùng thì quá khứ để nói về cái mối tình mà, bất chấp tất cả, tôi vẫn không thôi nghĩ là còn sống hay ít nhất cũng có thể tái sinh, như thể nói về một cái chết hầu như đã rơi vào quên lãng. Thật xiết bao trù mến, cuộc trao đổi thư từ này giữa những người bạn không còn muốn gặp nhau nữa! Thư của Gilberte có cái tế nhị của những bức thư tôi viết cho những người chẳng thân thiết gì với mình, và thể hiện cùng những dấu hiệu thương mến bề ngoài như vậy, khiến tôi thấy lòng mình dịu hẳn khi nhận được thư.

Vả chẳng, những lần từ chối không gặp nàng dần dần cũng đỡ làm tôi đau buồn. Và vì nàng trở nên ít thân thiết hơn đối với tôi, những kỷ niệm đau đớn của tôi, mặc dù không ngừng trở lại, vẫn không đủ sức phá hủy sự hình thành niềm thích thú trong tôi khi nghĩ tới Florence, tới Venise. Những lúc ấy, tôi thấy tiếc là đã khước từ ngành ngoại giao và đã chọn một cuộc sống định cư để khỏi phải xa một cô gái mà tôi sẽ không gặp lại nữa và gần như đã quên. Ta xây dựng cuộc sống của mình vì một người và cuối cùng khi ta có thể đón người ấy vào, người ấy không đến và đối với ta, nàng đã chết, ta tiếp tục sống, cầm tù trong những gì chỉ dành cho nàng. Cha mẹ tôi thấy Venise là quá xa và quá náo nhiệt đối với tôi, tuy nhiên, ít ra thì đến Balbec ở một thời gian cũng dễ dàng và chẳng mệt nhọc gì. Nhưng muốn thế thì phải rời Paris, phải từ bỏ những cuộc viếng thăm dù rất thừa thớt, nhưng nhờ đó mà thi thoảng

tôi còn được nghe Madame Swann nhắc đến con gái bà. Và chẳng, tôi cũng bắt đầu tìm thấy ở những cuộc viếng thăm đó đôi chút thích thú này nọ không liên quan với Gilberte.

Gần tới mùa xuân, rét trở lại, trong tiết Các Thánh Băng Giá* và những trận mưa vào Tuần lễ Thánh*, vì bà Swann thấy trong nhà mình lạnh cóng, tôi thường thấy bà mặc toàn đồ lông thú tiếp khách, đôi bàn tay và đôi vai run rẩy của bà biến mất dưới màu trắng lấp lánh của một chiếc bao tay to sụ và một chiếc khăn quấn cổ, cả hai đều bằng lông cây giông*, mà bà không hề cởi ra từ lúc trở về nhà, nom như những mảng tuyết cuối cùng, dai dẳng nhất, của mùa đông, mà cả sức nóng của lửa trong lò sưởi lẫn thời tiết sang mùa đều không làm tan chảy được. Và thực chất tổng hợp của những tuần lễ giá lạnh nhưng đã kịp trở hoa này, tôi đã bắt gặp ở cái *salon* mà chẳng bao lâu, tôi sẽ không đặt chân tới nữa, nó được gọi lên cho tôi bởi những màu trắng làm ta mê say hơn, chẳng hạn màu trắng của những cây hoa tú cầu* gom những quả cầu tròn, trắng như những thiên sứ, bao bọc trong hương chanh, trên những ngọn cao trơ trụi của chúng nom như những hình cây đường nét tuyến tính của các họa sĩ trào lưu tiền-Raphael*. Và bà chủ lâu đài Tansonville* biết rõ rằng tháng Tư dù giá lạnh vẫn không thiếu hoa, rằng mùa đông, mùa xuân, mùa hè không bị ngăn cách nhau bởi những bức vách kín mít đến mức như người đường phố có xu hướng nghĩ thế, cho đến lúc nhoe lên chút nắng ấm đầu tiên, vẫn hình dung thế giới như chỉ bao gồm những ngôi nhà trần trụi dưới mưa. Dĩ nhiên bà Swann không chỉ bằng lòng với số hoa mà bác

làm vườn của bà ở Combray đều đặn gửi lên, và không quên nhờ bà hàng hoa “của mình” bù lấp những thiếu hụt trong việc gọi lên hình ảnh mùa xuân bằng những loại hoa nở sớm của vùng Địa Trung Hải, điều đó tôi không phủ nhận mà cũng chẳng quan tâm. Muốn mang lại cho tôi nỗi nhớ đồng quê, chỉ cần bên cạnh những hạt tuyết trên bao tay của bà Swann, có những bông tú cầu (có lẽ trong ý nghĩ của nữ chủ nhân, chúng không có mục đích gì khác ngoài việc hòa với đồ đạc bài trí và trang phục của bà thành một “giao hưởng cung Trắng trưởng*” theo lời khuyên của Bergotte) khiến tôi nhớ lại rằng Phép mầu của Ngày Thứ Sáu Thánh* tượng trưng cho một điều kỳ diệu tự nhiên mà năm nào ta cũng có thể chứng kiến nếu ta sáng tuệ hơn, và những bông tú cầu ấy, cộng thêm hương thơm chua chua, hăng hắc của những loài hoa khác tôi không biết tên nhưng đã bao lần níu tôi dừng lại trong những cuộc đi dạo ở Combray, khiến phòng khách bà Swann cũng trinh bạch, cũng trong trắng nở hoa không bợn một chiếc lá, cũng đầy tràn những mùi vị nguyên chất như con đường nhỏ dốc đứng dẫn lên lâu đài Tansonville.

Nhưng ngay cả chừng nấy kỷ niệm cũng là quá đối với tôi. Ký ức về con đường nhỏ có nguy cơ làm dai dẳng thêm chút gì ít ỏi còn sót lại từ tình tôi dành cho Gilberte. Cho nên, mặc dù tôi không còn thấy đau khổ gì nữa trong những lần đến thăm bà Swann, tôi vẫn thưa đến hơn, tìm cách càng ít gặp bà càng tốt. Cùng lắm, vì vẫn chưa rời Paris, tôi cũng chỉ tự chiều lòng đi dạo với bà một vài buổi. Cuối cùng, những ngày đẹp trời và nắng ấm trở lại. Vì biết

bà Swann trước bữa ăn trưa thường ra khỏi nhà khoảng một tiếng, đi dạo trên đại lộ Rừng Boulogne, gần quảng trường Ngôi Sao và cái chỗ dạo ấy được gọi là “Câu lạc bộ Những kẻ túng tiền*”, nơi mọi người đến ngắm nhìn những phú hộ họ chỉ nghe tên chứ không quen biết, tôi xin cha mẹ cho phép ngày Chủ nhật được ăn trưa muộn vào lúc một giờ mười lăm để trước đó đi dạo một vòng - ngày thường tôi không rảnh vào giờ này. Trong tháng Năm ấy, tôi không bỏ lỡ một buổi nào, tranh thủ thời gian đó Gilberte đang thăm nhà bạn ở nông thôn. Tôi tới Khải Hoàn Môn vào giữa trưa, rình sẵn ở đầu đại lộ, không rời mắt khỏi góc con phố nhỏ bà Swann thường đi theo (nhà bà chỉ cách con phố đó mấy mét). Vì đã đến giờ nhiều người đi dạo trở về nhà ăn trưa, còn lại đại đa số là những người thanh lịch. Đột nhiên, trên lối đi rải cát, muộn mằn, lả lướt, rực rỡ như bông hoa đẹp nhất chỉ nở vào đúng ngọ, Madame Swann xuất hiện, xòe ra quanh mình một bộ trang phục mỗi lần một khác nhưng tôi đặc biệt nhớ màu hoa cà; rồi bà giương cái cán dài xòe mở vòm lưa của một chiếc dù rộng hòa sắc với những cánh hoa lả tả trên xiêm áo bà, đó là thời điểm tỏa ngời trọn vẹn của bà. Cả một đoàn tùy tùng bao quanh bà: Swann cùng bốn hay năm thành viên câu lạc bộ, hoặc đến thăm bà từ ban sáng, hoặc bà vừa mới gặp; và cái đội hình ngoan ngoãn trang phục màu đen hoặc xám này, như một cái khung bất động quanh Odette, làm những động tác gần như máy móc, khiến cho người phụ nữ ấy - trong cả đám đàn ông, duy chỉ mình bà sở hữu ánh mắt sống động mãnh liệt - có vẻ như đang tựa cửa sổ nhìn thẳng ra trước mặt, và

khiến bà nổi bật lên, mảnh mai trong những màu sắc nồn nà phơi trần, không chút sợ hãi, của bà, như sự hiện hình của một sinh vật loại khác, thuộc một giống nòi chưa ai biết tới, chứa một cái gì gần như sức mạnh chiến đấu, nhờ đó một mình bà bù lại cho cả đám tháp tùng đông đảo. Tươi cười, sung sướng với thời tiết tốt, với nắng mới chưa đến mức nóng bức khó chịu, mang vẻ tự tin và bình tĩnh của người sáng tạo vừa hoàn tất công trình, không còn bận tâm gì đến phần còn lại, tin chắc rằng trang phục của mình - dù những kẻ qua đường tầm thường không biết đánh giá - là thanh lịch hơn tất cả, bà mang bộ đồ ấy vì bản thân mình và vì bạn bè, một cách tự nhiên, không chú trọng quá đáng, nhưng cũng không hoàn toàn coi nhẹ, cứ để mặc những dải nơ nhỏ từ áo lót và váy phất phơ nhẹ nhẹ phía trước như những con vật kiểng mà bà thừa biết đang lảng vảng quanh đó nhưng vẫn khoan dung cho phép tha hồ nô giỡn, tùy theo chính tiết tấu của chúng, miễn sao chúng ăn nhịp với bước chân của bà; và ngay cả với chiếc dù màu hoa cà mà lúc tới, bà vẫn để cụp chưa mở ra, thì thoảng bà nhìn nó như nhìn một bó hoa vi ô lét vùng Parme, một cái nhìn hân hoan và dịu dàng đến nỗi cả khi đối tượng không phải bạn bè mà chỉ là một vật vô tri, ánh mắt vẫn lấp lánh cười. Như vậy, Madame Swann dành cho trang phục của mình chiếm một khoảng không gian thanh lịch mà những người đàn ông được bà trò chuyện thân mật, phải tôn trọng và coi là cần thiết, họ không khỏi thú nhận sự dốt nát của mình về phương diện này bằng một thái độ kính nể của kẻ phạm tục; và bằng sự thú nhận đó, họ công nhận bà bạn gái của

mình quả có con mắt tinh tường và thẩm quyền xác đáng trong lĩnh vực trang phục, như người ta công nhận một người bệnh có quyền được chăm sóc đặc biệt, hay một người mẹ có quyền dạy dỗ con cái mình. Không chỉ bởi cái “triều đình” quây quanh bà (họ dường như chẳng buồn để ý đến người qua đường), Madame Swann, do sự xuất hiện vào cái giờ muộn mằn này, gọi lên căn nhà, nơi sáng nay bà đã qua nhiều giờ dài dặc và sắp phải về ăn trưa; bà còn như cho thấy căn nhà ấy ở ngay gần đây, bằng dáng đi lững thững bình thản như người ta dạo từng bước ngẩn trong vườn nhà vậy; có thể nói bà vẫn còn mang theo ánh sáng mờ dịu và mát rượi bên trong căn nhà ấy quanh mình. Nhưng ngay cả với tất cả những cái đó, nhìn thấy bà, tôi chỉ càng có cảm giác về hơi ấm nóng và sự thoáng đãng ngoài trời. Nhất là vì tin chắc rằng, vốn là người hiểu biết sâu sắc lễ chế và nghi thức, bà Swann luôn gắn trang phục với mùa vụ và giờ giấc bằng một sợi dây cần thiết, độc nhất vô nhị, những bông hoa trên chiếc mũ rom mềm, những dải ruy băng nho nhỏ trên áo của bà dường như nảy sinh từ tháng Năm một cách còn tự nhiên hơn hoa mọc trong vườn và trong rừng; và để thấy cái xao động sang mùa, tôi không cần ngược mắt lên cao hơn chiếc dù của bà, mở cánh như một bầu trời khác gần hơn, xanh, cơ động và hiền hòa. Vì dù có là tối thượng, những nghi thức ấy - và do đó, bản thân Madame Swann - vẫn thấy vinh dự được chiều theo mùa xuân, ban mai và mặt trời, cả ba, như tôi cảm thấy, đều chưa đủ mãn nguyện khi một phụ nữ thanh lịch đến thế sẵn lòng để tâm tới và vì mình mà chọn một chiếc áo

dài bằng chất vải sáng hơn, nhẹ hơn, với vành cổ và ống tay rộng khiến người ta nghĩ đến làn da nhâm nhấp mồ hôi trên cổ và cổ tay, và sau rốt, vì mùa xuân, vì ban mai, vì ánh nắng mặt trời, vì đại phu nhân, chịu về phần mình mọi thiệt thòi, vui vẻ hạ cố về nông thôn gặp những người bình dân, và mặc dầu ai nấy, kể cả kẻ tầm thường nhất, đều biết bà, vẫn không vì thế mà không mặc một bộ trang phục mang hơi hướng đồng nội nhân ngày đặc biệt này. Bà Swann vừa tới, tôi chào, bà dừng tôi lại, mỉm cười nói: *"Good morning"*. Chúng tôi dạo vài bước. Và tôi hiểu rằng những quy chuẩn ăn mặc bà tuân theo là vì bản thân bà, giống như phục tùng một thuyết lý minh triết mà bà là người truyền giảng lớn: vì nếu thẳng hoặc, cảm thấy quá nóng, bà hé mở hoặc thậm chí cởi hẳn chiếc jakét (mà bà nghĩ có thể cài khuy kín suốt buổi), đưa tôi cầm hộ, tôi phát hiện trên chiếc áo lót vô vằn chi tiết thêu may có thể sẽ chẳng lọt vào mắt ai, tựa như những phần trong tổng phổ mà nhà soạn nhạc đã dày công sáng tạo mặc dù chẳng bao giờ đến được tai công chúng; hoặc giả ở những ống tay áo của chiếc jakét tôi vắt trên cánh tay, tôi trông thấy, tôi ngắm nhìn hoài, vì thích thú hay vì thiện cảm, mấy chi tiết tuyệt diệu, một dải có sắc dễ thương, một mảnh vải láng màu hoa cà khuất mắt mọi người nhưng cũng được gia công tinh tế không kém gì phần bên ngoài, kiểu như những điêu khắc gothic của một nhà thờ bị che lấp sau một bao lon ở độ cao tám mươi bộ, cũng hoàn hảo chẳng kém những phù điêu trên cổng lớn, nhưng chưa ai từng thấy trước khi tình cờ một họa sĩ lãng du được phép lên dạo chơi giữa bầu

trời để nhìn bao quát toàn thành phố, giữa hai tòa tháp.

Đối với những ai không biết thói quen “tập đi bộ” của bà Swann, điều làm tăng cái cảm giác là bà đi dạo trên đại lộ Rung Boulogne như đi dạo trên lối đi trong vườn nhà, đó là việc bà đi bộ tới đây không cho xe đi theo, người ta đã quen thấy bà đi qua với cỗ xe trắng cặp ngựa được chăm chút cẩn thận nhất, với xà ích mặc áo dậu chỉnh tề nhất Paris, bà ngồi lả lướt và uy nghi như một nữ thần trong cái khoang lộ thiên của một chiếc victoria tám lò xo rộng mênh mông. Đi bộ như thế này, nhất là vì tiết trời nóng nực làm chậm nhịp bước, Madame Swann có vẻ như vì tò mò mà vi phạm nghi thức lễ tân, kiểu như những vị vua chẳng thèm hỏi ai trong đám tùy tùng bất bình nhưng không ai dám hé răng phản đối, cứ ra khỏi buồng “lô” dành riêng trong một gala, thăm suốt khán phòng, hòa lẫn với khán giả một lúc. Như vậy, đám đông cảm thấy giữa Madame Swann và họ, có một thứ rào cản giàu-nghèo mà họ cảm thấy khó vượt qua hơn tất cả. Khu ngoại ô Saint-Germain cũng những rào cản của nó nhưng kém hiển nhiên hơn trước con mắt và trí tưởng tượng của “kẻ túng tiền”. Những người này, bên cạnh một phu nhân giản dị hơn, dễ làm với một phụ nữ tiểu tư sản hơn, bớt xa cách lớp bình dân hơn, ắt sẽ không có cái cảm giác bất bình đẳng, thậm chí thấy mình không xứng đáng, như họ cảm thấy trước một Madame Swann. Dĩ nhiên, những phụ nữ kiểu này không hề ngạc nhiên về bộ sậu chói sáng bao quanh họ như người nghèo kia, họ không còn để ý đến nó nữa, nhưng đó là do đã quá quen với điều đó, nghĩa là do thói quen, đã coi đó là đương nhiên, là cần

thiết, đi đến chỗ đánh giá những người khác tùy theo mức họ am hiểu những thói quen sang trọng ấy nhiều hay ít; thành thử ra (cung cách quý phái mà họ phô bày nơi bản thân và phát hiện ở những phụ nữ khác, hoàn toàn có tính vật chất, dễ nhận thấy, cần nhiều thời gian mới đạt tới, khó mà bù lại được), nếu như những phụ nữ này đặt một kẻ qua đường xuống hàng thấp kém nhất, thì cũng theo cái cách anh ta thấy họ xuất hiện trước mắt mình chót vót trên vị trí cao nhất - ngay lập tức, từ cái nhìn đầu tiên, dứt khoát một lần cho mãi mãi. Cái tầng lớp xã hội đặc biệt ấy hồi bấy giờ bao gồm những phụ nữ như Lady Israels hòa mình với các phu nhân của giới quý tộc và Madame Swann một ngày kia sẽ giao du với họ, cái tầng lớp trung gian ấy, thấp hơn lớp thượng lưu Saint-Germain vì họ ở thế cạnh nhóm này, nhưng cao hơn những gì không thuộc Saint-Germain, với một nét đặc biệt là, tuy đã tách khỏi giới phú hộ, họ vẫn là một tầng lớp giàu sang, nhưng sự giàu có của họ trở nên dễ xử lý, uốn nắn được, tuân theo định hướng và tư duy nghệ thuật - những đồng tiền ngoan ngoãn có thể “dát mỏng”, những đồng tiền được trau chuốt đầy chất thơ, những đồng tiền biết mỉm cười - có thể cái tầng lớp ấy không còn tồn tại, hay ít nhất cũng không giữ được tính cách như cũ, mất đi cái duyên xưa. Và lại những người phụ nữ thuộc tầng lớp ấy nay không còn cái vốn là điều kiện để ngự trị nữa, bởi chung tuổi tác đã làm mất đi nhan sắc của họ. Vậy mà, không kém gì từ trên đỉnh giàu sang phú quý, Madame Swann, từ chót vót mùa-hạ-đời-mình đến độ chín càng đầm vị, dần bước trên đại lộ Rừng Boulogne và như Hypatie*

xưa, nhìn thấy cả thiên hạ lẫn rạp dưới bước chân chậm rãi của mình. Những chàng trai trẻ đi ngang qua nhìn bà lo lắng, không dám chắc những quan hệ mơ hồ của mình với bà (hơn nữa, mới chỉ được giới thiệu qua quýt một lần với Swann, họ còn sợ ông ta không nhận ra mình) có đủ để mạo muội chào bà hay không. Và họ quyết định chào mà vẫn run sợ trước những hậu quả, lòng tự hỏi lòng liệu rồi cái cử chỉ khiêu khích và phạm thánh một cách táo tợn của mình nhằm vào tính bất khả vi phạm của một đẳng cấp tối thượng có châm ngòi cho những tai họa hay khiến một vị thần giáng đòn trừng phạt. Nhưng cử chỉ thi lễ của họ chỉ khởi động một phản ứng máy móc, như một cú vặn dây cót đẩy những nhân vật nhỏ xíu ra cúi chào trên mặt đồng hồ - ở đây không ai khác ngoài đám bộ sậu bao quanh Odette, bắt đầu từ Swann trở đi, ông này nhắc chiếc mũ ống lát da màu xanh với cái điệu duyên dáng tươi cười học được từ khu Saint-Germain nhưng thiếu đi vẻ ơ hờ ngày xưa. Thay vào đó (vì ông đã phần nào nhiễm những thiên kiến của Odette), là vẻ chán ngấy vì phải đáp lại một kẻ ăn mặc khá xoàng xĩnh cộng với vẻ mãn nguyện thấy nhiều người biết vợ mình đến thế, một cảm giác pha trộn mà ông biểu đạt bằng cách nói với những người bạn thanh lịch đi theo mình như sau: “Lại một anh chàng nữa! Quả thật tôi cứ tự hỏi không biết Odette kiếm đâu ra cả lũ người đó!” Tuy nhiên sau khi khẽ gật đầu đáp lại một gã qua đường nhón nhơ nhón nhác đã đi khuất nhưng tim còn đập như trống làng, Madame Swann quay sang tôi hỏi: “Thế nào, kết thúc rồi ư? Cậu sẽ mãi mãi không đến gặp Gilberte nữa ư? Tôi lấy

làm hài lòng thấy mình được miễn trừ và cậu đã không *bỏ rơi** tôi hoàn toàn. Tôi thích gặp cậu, nhưng tôi cũng thích con gái tôi chịu ảnh hưởng của cậu như trước đây. Thôi, tôi không muốn rầy la cậu nữa, kéo cậu lại không muốn gặp cả tôi luôn thể.” - “Odette, ngài Sagan* chào mình kìa,” ông Swann nhắc vợ. Và quả nhiên, giống như trong màn cao trào của một vở kịch, một cuộc biểu diễn xiếc hay trong một bức tranh cổ, vị hoàng tử cho ngựa quay đầu, khoát rộng tay trong một điệu chào rất tuồng, gần như mang tính phúng dụ, với tất cả tinh thần lịch lãm hiệp sĩ được cường điệu lên của một đại lãnh chúa rạp mình tỏ lòng tôn kính trước Ngôi Nữ dù chỉ được hiện thân nơi một người đàn bà mà mẹ hoặc chị, em gái ông ta ắt không thể hạ cố đi lại giao du. Vả chăng, dù ẩn sau trong ánh râm trong suốt và lấp loáng tỏa xuống từ chiếc dù, Madame Swann vẫn luôn được nhận ra và những kỵ sĩ nán lại sau cùng chào bà, họ như trong một đoạn phim, đang phi nước đại trên nền đại lộ trắng xóa ánh nắng, những thành viên câu lạc bộ lòng danh đối với công chúng -Antoine de Castellane, Adalbert de Montmorency* cùng bao người khác - đối với Madame Swann là những cái tên bạn bè quen thuộc. Và vì độ dài đời sống (nói cách khác là tuổi thọ) trung bình đối với ký ức về những cảm giác thơ mộng là lớn hơn nhiều so với ký ức về những vết thương lòng, khi nỗi buồn thất tình do Gilberte gây cho tôi đã tiêu tan từ lâu, thì vẫn còn đó niềm thích thú mà tôi cảm thấy mỗi khi muốn đọc, như trên một đồng hồ mặt trời, những giây phút từ mười giờ mười lăm đến một giờ vào một ngày tháng Năm, thấy lại mình đang trò

chuyện như thế này với bà Swann dưới chiếc dù che nắng
như dưới bóng râm của một lùm cây đậu tía.

Phần hai
Tên xứ sở: Xứ sở

Hai năm sau, khi cùng bà tôi đi Balbec, tôi đã đạt tới trạng thái gần như đứng dừng với Gilberte. Khi tôi như bị một gương mặt mới bỏ bùa, hoặc hy vọng được một cô gái dẫn khám phá các nhà thờ, cung điện và vườn cây của nước Ý, tôi buồn bã nghĩ rằng ái tình, với tư cách là tình yêu đối với một con người nào đó, có lẽ không phải là một cái gì thực sự hiện hữu, vì nếu những liên tưởng mộng mơ êm dịu hay đau đớn có thể gắn tình yêu ấy một thời gian với một người đàn bà tới mức khiến ta tin rằng đó tất yếu bắt nguồn từ nàng, thì ngược lại, nếu, một cách hữu thức hay vô thức, ta thoát ra khỏi những liên tưởng nọ, tình yêu ấy, tựa hồ tự phát, chỉ khởi nguồn từ riêng ta, hồi sinh trở lại để hiến dâng cho một người đàn bà khác. Tuy nhiên vào lúc khởi hành đi Balbec và trong thời gian đầu ở đó, tâm trạng đứng dừng của tôi vẫn còn ngắt quãng từng lúc, chưa liên tục. Nhiều khi (dòng chảy đời chúng ta nào mấy khi tuân theo trình tự thời gian mà thường xen lẫn bao xáo lộn ngày tháng) tôi sống trong những ngày trước cả hôm qua, hôm kia, khi mà tôi còn yêu Gilberte. Bây giờ, việc không gặp nàng nữa đột nhiên trở nên đau đớn như vào thời kỳ ấy. *Cái tôi từng yêu nàng, đã được thay thế hầu như hoàn toàn bởi một cái tôi khác, bỗng lại trỗi dậy và chiếm lĩnh tôi, nhiều*

khi do một điều vật vãnh hơn là do một sự kiện quan trọng. Chẳng hạn - để kể trước cái đoạn ở Normandie - có lần ở Balbec, tôi tình cờ nghe thấy một người không quen thoáng gặp trên đường nhắc đến “gia đình ông chánh văn phòng Bộ Bưu chính”. Và lẽ ra tôi có thể coi mấy tiếng ấy là vô thường vô phạt (vì bấy giờ tôi đâu đã biết gia đình này rồi đây sẽ có ảnh hưởng đối với đời mình), nhưng chúng đã gây cho tôi một nỗi đau nhói buốt, cái nỗi đau mà một *cái tôi* phần lớn đã tiêu tan từ lâu cảm thấy khi phải chia lìa với Gilberte. Là vì trước đó, tôi không bao giờ nhớ lại một đoạn trò chuyện giữa Gilberte với cha nàng trước mặt tôi, liên quan đến gia đình ông “chánh văn phòng Bộ Bưu chính”. Mà những kỷ niệm tình ái thì đâu có nằm ngoài những quy luật chung của ký ức và chính những quy luật này lại chịu sự chi phối của những quy luật bao quát hơn của thói quen. Thói quen có thể làm suy yếu tất thảy, nên những gì nhắc ta nhớ rõ nhất về một con người lại chính là những gì ta đã quên (vì chúng thật không đáng kể, bởi thế ta để chúng còn nguyên vẹn sức mạnh). Cho nên phần tinh túy nhất của trí nhớ chúng ta nằm bên ngoài chúng ta, nó ở trong một ngọn gió đẫm hơi mưa, trong mùi ẩm mốc của một căn phòng hay trong mùi một ngọn lửa đầu tiên nhóm lên trong lò sưởi khi rét về, bất cứ ở nơi nào ta tìm lại được những gì mà đầu óc sáng suốt coi khinh vì không dùng được vào việc gì, chút dư trữ cuối cùng của quá khứ, phần tốt đẹp nhất biết cách làm ta còn khóc được khi mà nước mắt ta đã cạn kiệt. Nằm ngoài chúng ta? Nói cho đúng hơn, nó ở bên trong ta, nhưng con mắt nội tâm của chính ta không nhìn

thấy, trong một lãng quên ít nhiều kéo dài. Chính nhờ sự quên lãng ấy mà thi thoảng ta tìm lại được con người mà ta đã từng là, tự đặt mình đối mặt với những điều như con người ấy từng đối mặt, lại đau khổ vì ta không còn là ta nữa mà là con người ấy, hẳn yêu say mê cô gái mà giờ đây ta chẳng thiết nữa. Trong ánh sáng bạch của ký-ức-thông-lệ-theo-thói-quen, những hình ảnh của quá khứ nhờ nhạt dần, rồi bị xóa nhòa chẳng còn gì nữa, ta không thấy lại được con người ấy nữa. Hay nói cho đúng hơn, ta ắt sẽ không thấy lại hẳn nếu một vài chữ (như “ông chánh văn phòng Bộ Bưu chính”) không được cất giữ cẩn thận trong ngăn-kéo-lãng-quên, tựa như người ta lưu trữ một bản của một cuốn sách trong Thư viện Quốc gia, nếu không, cuốn sách đó có nguy cơ trở nên mất tăm.

Nhưng nỗi đau ấy cùng vang bóng trở lại của tình tôi đối với Gilberte không kéo dài hơn những cảm giác trong mộng và lần này thì trái lại vì ở Balbec, Thói Quen cũ không hiện diện để giúp nó đậu lâu. Và sở dĩ những tác động ấy của Thói Quen có vẻ mâu thuẫn nhau, là vì nó phải tuân theo nhiều quy luật khác nhau. Ở Paris, tôi trở nên ngày càng dừng dưng với Gilberte, nhờ Thói Quen. Sự thay đổi thói quen, tức là tạm ngưng Nếp Quen, hoàn tất thành quả của Thói Quen khi tôi lên đường đi Balbec. Nó làm suy yếu nhưng lại tạo nên ổn định, nó đưa đến phân rã nhưng khiến cho tình trạng phân rã ấy kéo dài vô hạn độ. Từ nhiều năm nay, mỗi ngày tôi sao nguyên xi tâm trạng ngày hôm trước. Ở Balbec, sáng sáng người ta mang tới cho tôi một bữa điểm tâm khác với bữa điểm tâm ở Paris, phục vụ tận

giường - một cái giường mới không lẽ cứ tiếp tục nâng đỡ những ý nghĩ nuôi dưỡng cho tình yêu của tôi đối với Gilberte: có những trường hợp (đành rằng khá hiếm hoi) tình trạng cố định ở một nơi khiến cho ngày tháng như trở nên bất động, cách tốt nhất để tranh thủ thời gian là đổi chỗ. Chuyển đi của tôi đến Balbec giống như lần đầu tiên một người dưỡng bệnh ra khỏi nhà, anh ta chỉ chờ có thể để tin rằng mình đã bình phục.

Hành trình kiểu này, vào thời buổi bây giờ, người ta ắt dùng xe hơi, nghĩ rằng như vậy, chuyển đi sẽ thú vị hơn. Bằng cách ấy, ta sẽ thấy chuyển đi, theo một nghĩa nào đó, thật hơn bởi lẽ ta sẽ theo sát hơn, khăng khít mật thiết hơn, những địa hình cao thấp của bề mặt trái đất. Nhưng rất cuộc, điều thú vị đặc thù của kiểu du hành như thế này không phải ở chỗ có thể xuống dọc đường và dừng lại khi ta mệt, đó là ở chỗ nó khiến cho sự khác nhau giữa đi và đến không phải là cực kỳ khó nhận thấy, mà là sâu xa đến hết mức có thể, nó cho ta cảm thấy sự khác nhau ấy trong tổng thể nguyên vẹn của nó, y như ta nghĩ trong đầu khi trí tưởng tượng đưa ta từ nơi ta đang sống tới tận giữa một nơi ta ước muốn, bằng một bước nhảy kỳ diệu; bước nhảy này kỳ diệu không phải chỉ vì nó vượt qua một khoảng cách lớn, mà hơn thế nữa, nó kết liên hai cá thể tách biệt của mặt đất, nó đưa ta từ một địa danh này sang một địa danh khác; bước nhảy này được sơ đồ hóa (rõ nét hơn so với biểu trưng bằng một cuộc xe trong đó ta muốn xuống đâu thì xuống nên chẳng có đích đến) bởi một thao tác bí ẩn hoàn tất ở những nơi đặc biệt - nhà ga xe lửa - có thể nói không thuộc

thành phố, song lại chứa đựng tính chất nhân cách của thành phố, giống như tên của thành phố được ghi trên một tấm biển báo ở nhà ga.

Nhưng trong tất cả mọi loại, thời đại chúng ta có cái thói chỉ cho thấy sự vật với những gì bao quanh nó trong thực tại và do đó loại bỏ cái cốt yếu - hành động của trí óc để tách biệt sự vật khỏi thực tại. Người ta “giới thiệu” một bức tranh giữa những đồ gỗ, những đồ mỹ nghệ vật, những tấm màn cùng thời kỳ, cái kiểu trang trí nhạt nhẽo trong những tư dinh thời nay vốn là sở trường các nữ chủ nhân mới hôm trước còn thuộc loại dốt nát nhất, giờ đây miệt mài cả ngày trong các kho lưu trữ, thư viện; và giữa cái khung cảnh ấy, kiệt tác hội họa phô cho người ta nhìn trong khi ăn tiệc không đem lại niềm vui say sưa mà ta chỉ có thể tận hưởng từ nó trong một phòng bảo tàng trần trụi, sạch trơn mọi chi tiết trang trí, tượng trưng hoàn hảo hơn cho cái không gian nội tâm trong đó nhà danh họa ẩn mình vào để sáng tạo*.

Nhưng những nơi tuyệt vời ấy - những nhà ga xe lửa - từ đó người ta xuất phát để tới một đích đến xa xôi cũng là những nơi bi thảm, vì nếu như nhờ cái phép thần diệu diễn ra ở đó, những xứ sở mới chỉ tồn tại trong ý nghĩ của ta sẽ thành những vùng đất ta sẽ ở, thì cũng chính vì lý do đó mà ta phải khước từ, ngay từ lúc ra khỏi phòng đợi, triển vọng sớm thấy lại căn phòng quen thuộc ta vừa ở cách đây một lúc; ta phải bỏ mọi hy vọng về ngủ ở nhà mình, một khi ta đã quyết định dẫn bước vào cái hang động hôi thối dẫn tới điều bí ẩn, trong một cái xưởng rộng mái che bằng kính như nhà ga Saint-Lazare, nơi tôi đến đón tàu đi Balbec, bên

trên đó, bên trên thành phố toang hoác, xòe ra mênh mông một bầu trời hoang vu đầy những đe dọa bi đát chất chồng, tựa như một số bầu trời thể hiện gần như theo phong cách hiện đại Paris trong tranh của Mantegna hay Véronèse, dưới những bầu trời như vậy chỉ có thể diễn ra một sự kiện ghê gớm và trọng thể như xe lửa khởi hành hay dựng tượng đài Thánh giá*.

Chùng nào tôi chỉ nằm trên giường ấm nệm êm ở Paris mà hình dung ngôi nhà thờ Ba Tư ở Balbec giữa vãn vũ đông bão, cơ thể tôi tuyệt nhiên không hề phản đối gì hết. Nó chỉ bắt đầu phản kháng khi nó hiểu ra rằng nó sẽ ở trong cuộc, rằng tối hôm tới Balbec, người ta sẽ đưa tôi về phòng “của tôi”, một căn phòng sẽ xa lạ với nó. Sự nổi loạn của nó càng thêm sâu sắc khi ngay hôm trước khi khởi hành, tôi được biết mẹ tôi sẽ không cùng đi, vì cha tôi, do phải ở lại Bộ cho đến khi đi Tây Ban Nha với ông De Norpois, muốn thuê một căn nhà ở vùng ven Paris trong khi chờ đợi. Vả chăng, không phải vì tôi đã phải trả giá bằng một nỗi đau mà niềm ao ước được ngắm nhìn Balbec bị giảm sút; trái lại, tôi cảm thấy nỗi đau ấy hiện thân và bảo đảm tính hiện thực của cái ấn tượng tôi tìm kiếm, một ấn tượng không thể thay thế bằng bất kỳ cảnh tượng nào được cho là tương đương, bằng bất kỳ “toàn cảnh” nào tôi có thể tới ngắm nhìn mà không bị chính điều đó ngăn cản trở về ngủ trên giường mình. Đây không phải lần đầu tiên tôi cảm thấy những người đang yêu không hẳn là những người có được niềm vui thú. Tôi tin rằng mình ao ước Balbec cũng sâu sắc như ông bác sĩ điều trị cho tôi; buổi

sáng hôm lên đường, ngạc nhiên thấy tôi có vẻ ỉu xiu, ông bảo: “Tôi cam đoan với cậu, chỉ cần tôi thu xếp được tám ngày đi nghỉ mát bên bờ biển, tôi sẽ không để người ta phải mòi. Cậu sẽ thấy những cuộc đua ngựa, đua thuyền, sẽ thật tuyệt.” Đối với tôi, trước cả khi tôi đi xem La Berma biểu diễn, tôi đã biết rằng dù điều mà tôi yêu quý là gì, tôi cũng sẽ chỉ tìm thấy nó ở cuối một cuộc săn đuổi đau đớn và trong quá trình này, trước hết, tôi phải hy sinh vui thú vì mục đích tối thượng, thay vì kiếm tìm vui thú ở đó.

Bà tôi, dĩ nhiên, quan niệm chuyến đi của chúng tôi theo một cách hơi khác; như ngày xưa, bà vẫn thích rằng mọi quà tặng cho tôi phải mang tính cách nghệ thuật, cho nên, để cho tôi một “bản in thử” có phần cũ kỹ của cuộc du hành, bà muốn chúng tôi đi lại chặng hành trình nửa-bằng-tàu-hỏa-nửa-bằng-xe-ngựa của Madame de Sévigné khi bà đi từ Paris đến “L'Orient” qua Chaulnes và cầu “Pont-Audemer”*. Nhưng bà tôi buộc phải từ bỏ dự định ấy trước sự phản đối của cha tôi, ông biết rằng một khi bà tôi tổ chức một cuộc di chuyển nhằm khai thác triệt để sự bổ ích về trí tuệ nó có thể mang lại, người ta có thể đoán trước sẽ xảy ra biết bao sự cố - nhỡ tàu, mất hành lý, viêm họng, bị phạt vi cảnh... Dù sao, ít ra cụ cũng thấy vui với ý nghĩ rằng: vào lúc sắp ra bãi biển tắm, chắc chắn chúng tôi sẽ không có nguy cơ bị ngăn trở bởi sự đột ngột xuất hiện của cái mà Madame de Sévigné yêu quý của cụ gọi là “một cỗ xe chết tiệt chở đầy khách đến thăm”, vì chúng tôi không quen ai ở Balbec cả, ông Legrandin đã không chủ động viết giới thiệu chúng tôi với em gái của ông (hai bà-cô Céline và

Victoire*, em gái của bà tôi, đánh giá sự sao nhãng này không giống nhau, hai cụ quen biết từ hồi con gái vị phu nhân mà cho đến nay, để chứng tỏ tình thân cố tri, hai cụ vẫn chỉ gọi là “Renée de Cambremer”, và vẫn sở hữu những món quà bà ta tặng, hiện còn bày trong phòng ngủ hoặc được nhắc tới trong khi trò chuyện song đã lỗi thời, hai cụ nghĩ rằng mỗi khi đến thăm lão phu nhân Legrandin, không bao giờ thêm nhắc đến tên con gái bà ấy, là đã trả thù cho chúng tôi về sự xúc phạm này, và khi ra khỏi nhà chỉ khen tào lao nhau bằng những câu đại loại như: “Chị không hề nói xa nói xôi gì đến ai thì em biết đấy”, “Em nghĩ là *người ta* cũng hiểu thôi.”)

Vậy là chúng tôi khởi hành từ Paris đi Balbec đơn giản bằng chuyến tàu một giờ hai mươi hai phút mà từ bao lâu tôi đã thích thú tìm hiểu trong cuốn chỉ dẫn về đường sắt, lần nào nó cũng mang lại cho tôi niềm xúc động, gần như là cái ảo tưởng mê ly của sự lên đường, đến nỗi tôi ngỡ như mình đã trải nghiệm điều đó. Vì trong trí tưởng tượng của ta, việc xác định những nét của một hạnh phúc sắp tới dựa vào sự đồng nhất của những khát khao nó khơi dậy trong ta hơn là vào sự chính xác cụ thể của những thông tin ta nắm được về nó, tôi nghĩ rằng mình biết kỹ về niềm hạnh phúc này đến từng chi tiết, và tôi đinh ninh rằng vào lúc ngày bắt đầu se lạnh, tôi sẽ cảm thấy trong toa tàu một khoái cảm đặc biệt, rằng vào lúc tới gần một ga nào đó, tôi sẽ nhận ra bằng vào một cảnh quan riêng biệt; thành thử chuyến tàu này bao giờ cũng đánh thức trong tôi những hình ảnh vắn của những thành phố mà tôi hình dung trong

ánh sáng của những giờ xế chiều mà nó chạy xuyên qua, tôi cảm thấy nó khác hẳn mọi chuyến tàu khác; và cuối cùng, giống như đối với một người ta chưa bao giờ gặp nhưng lại thích thú tưởng tượng rằng mình đã chiếm được tình thân hữu của người đó, tôi gán cho kẻ lữ hành nghệ sĩ tóc vàng ấy một diện mạo đặc biệt, bất di bất dịch, hẳn sẽ đưa tôi đi suốt chặng đường và tôi sẽ chào tạm biệt hẳn dưới chân nhà thờ Saint-Cloud trước khi hẳn tiếp tục xa dần về phía mặt trời lặn.

Vì bà tôi không thể cam tâm cứ “ngu xuẩn” đi thẳng một mạch đến Balbec, ngay tối hôm đó, cụ dừng lại hăm bốn tiếng ở nhà một bà bạn; cũng ngay tối đó, tôi rời nhà bà này tiếp tục chuyển đi để khỏi làm phiền, và cũng để sao cho hôm sau có thể thấy nhà thờ Balbec vào ban ngày, vì chúng tôi vừa được biết nhà thờ ở khá xa bãi tắm Balbec, điều này có thể khiến tôi khó đến đó, một khi tôi bắt đầu đợt điều trị bằng tắm biển. Và có lẽ sẽ đỡ đau lòng cho tôi hơn nếu cảm thấy mục tiêu cao cả của chuyến đi được đặt lên trước cái đêm đầu tiên khổ sở bước vào một ngôi nhà lạ và chấp nhận sẽ sống ở đấy. Nhưng trước hết, phải rời ngôi nhà cũ đã; mẹ tôi đã thu xếp đến ở Saint-Cloud ngay hôm đó, và mẹ đã sắp sẵn, hoặc giả vờ sắp sẵn, để đến thẳng đó sau khi tiễn chúng tôi ra ga, không phải trở lại ghé qua ngôi nhà nơi mẹ sợ là tôi muốn quay về đó thay vì đi Balbec. Và thậm chí, lấy cớ là có nhiều việc phải làm ở ngôi nhà vừa mới thuê mà thời gian thì quá ít (thực ra để tránh cho tôi nỗi chia tay), mẹ quyết định không nán lại với chúng tôi cho đến khi tàu chạy, cái lúc mà một cuộc ly biệt

- trước đó chìm khuất trong nhốn nháo những đi đi lại lại, những chuẩn bị còn dở chừng - bỗng lù lù hiển lộ, không sao tránh khỏi, không sao chịu đựng nổi, hoàn toàn tụ đọng lại trong một khoảnh khắc mênh mông, hết sức tỏ tường mà đành bất lực.

Lần đầu tiên, tôi cảm thấy mẹ tôi có thể sống một cuộc sống khác, không vì tôi và thiếu tôi. Mẹ sắp ở riêng với cha, có lẽ mẹ thấy tình trạng sức khỏe và thần kinh tồi tệ của tôi khiến cho cuộc sống của cha phức tạp và đau buồn. Cuộc chia ly này càng làm tôi náo lòng vì tôi tự bảo rằng đây có thể là sự kết thúc của chuỗi dài thất vọng tôi đã gây cho mẹ mà mẹ không nói ra và sau những thất vọng ấy, mẹ hiểu rằng khó mà có những đợt nghỉ chung với nhau; và cũng có lẽ là bước đầu thử nghiệm một cuộc sống mà mẹ sẽ cam chịu trong tương lai khi cha và mẹ già đi cùng năm tháng, một cuộc sống trong đó tôi sẽ ít được gặp mẹ hơn, trong đó mẹ đã trở nên hơi xa lạ đối với tôi, một vị phụ nhân trở về một mình trong một ngôi nhà không có tôi, hỏi người gác cổng xem có thư của tôi gửi tới - điều mà ngay cả trong những cơn ác mộng, tôi cũng không bao giờ thấy.

Tôi khó khăn lắm mới trả lời được người phu ngỏ ý xin xách va li cho tôi. Để an ủi tôi, mẹ tôi thử những cách mẹ cho là hiệu nghiệm nhất. Mẹ nghĩ làm ra vẻ không thấy tôi buồn là vô ích, mẹ nói đùa nhẹ nhàng:

“Này, nhà thờ Balbec sẽ nói sao nếu biết rằng người ta sửa soạn đến tham quan mình với cái bộ dạng khổ sở thế kia? Đó là cái vẻ mê đắm của người du khách mà Ruskin nói tới hay sao*? Vả lại, mẹ sẽ biết con có vững vàng trước

hoàn cảnh mới hay không, dù xa xôi mẹ vẫn ở bên chú sói con của mẹ. Ngày mai, con sẽ nhận được thư mẹ.”

“Con gái, bà tôi nói, mẹ thấy con như Madame de Sévigné, một tấm bản đồ trước mắt, không rời bà cháu ta lấy một giây.*”

Rồi mẹ tìm cách giải khuây cho tôi, mẹ hỏi tôi sẽ gọi món gì cho bữa tối, mẹ thán phục Françoise, thưởng bác ta một chiếc mũ và một áo măng tô mà bác không nhận ra mặc dù ngày xưa chúng đã khiến bác phát kinh khi bác thấy bà-cô tôi mang chúng còn mới tinh trên người, mũ thì có con chim to tướng chồm chồm trên chóp, áo thì đầy những hình góm ghiếc. Nhưng chiếc măng tô đã lỗi mốt, Françoise đem lộn trái phôi lần lót dạ nhẵn mịn, còn tươi màu chán. Còn con chim trên chóp mũ thì đã gãy và bị vứt vào sọt rác từ lâu rồi. Và nếu như thi thoảng ta ngỡ ngàng bắt gặp những nét tinh tế mà những nghệ sĩ ý thức nhất ráng vươn tới trong một bài dân ca, hoặc ở một bông hồng trắng hay vàng xòe nở rất đúng chỗ trên cửa một ngôi nhà nông dân - thì cũng tương tự như vậy, với một nhã thức hồn nhiên mà tuyệt đối chuẩn xác, Françoise đã làm cho chiếc mũ trở nên duyên dáng bằng cách cài lên đó một chiếc nơ nhung và một chùm dải băng lụa, mà nếu được thể hiện trên một bức tranh chân dung của Chardin hay của Whistler* ắt sẽ làm say đắm lòng người.

Để trở ngược lại một thời xa xưa hơn, sự khiêm nhường và trung thực thường đem lại cho gương mặt bà lão bộc của chúng tôi một vẻ cao quý lan cả sang những y phục mà, với tư cách là một phụ nữ dè dặt, nhưng không hề hèn kém,

“biết giữ đúng thứ bậc và địa vị của mình”, bác mặc trong chuyến đi này chỉ cốt xứng đáng đồng hành với chúng tôi mà không có vẻ tìm cách làm cho mình nổi bật, Françoise trong chiếc măng tô dạ màu anh đào đã phai và chiếc cổ áo lông thú mịn, gợi nhớ đến một trong những tấm hình nàng Anne de Bretagne do một bậc thầy già vẽ trong một cuốn sách về giờ giấc*, trong đó, mọi thứ đều đúng chỗ, cảm giác tổng thể dàn đều ra khắp mọi bộ phận, đến nỗi sự khác lạ cũ kỹ mà phong phú của trang phục cũng biểu hiện cùng một vẻ trang nghiêm sùng kính như ánh mắt, đôi môi và hai bàn tay.

Nói về Françoise mà bàn đến tư duy, ắt là không phù hợp. Bác không biết gì, theo cái nghĩa tổng quát *không biết gì* tức là *không hiểu gì*, ngoại trừ những chân lý hiếm hoi mà trái tim có thể trực tiếp đạt tới. Thế giới mênh mông của những ý tưởng không tồn tại đối với bác. Nhưng trước ánh nhìn ngời sáng của bác, trước đường nét thanh tú của cái mũi ấy, đôi môi ấy, trước tất cả những nét thường thiếu vắng ở bao con người có học mà nếu có nơi họ, chúng ắt biểu hiện sự xuất chúng nổi trội, sự thanh thoát cao quý của một trí tuệ tinh anh, người ta thấy bối rối như trước cái nhìn thông minh và hồn hậu của một chú chó tuy biết rằng mọi khái niệm của con người đều xa lạ đối nó và người ta có thể tự hỏi, trong lớp nông dân kia, những người anh em khiêm nhường của chúng ta, liệu có những thành viên cao cấp của thế giới những người dẫn độn, hay nói cho đúng hơn, những người chịu số phận bất công phải sống trong tăm tối giữa những kẻ dẫn độn, song lại tương đồng với

những cốt cách tinh hoa một cách tự nhiên hơn và căn bản hơn so với phần đông những người có học, tựa như những thành viên thất tán, lạc lối, mất lý trí của Gia Đình Thánh, những người bà con mãi mãi trẻ thơ, những đầu óc thông minh nhất chỉ thiếu kiến thức để trở thành tài năng, sự thông minh cao siêu ấy thể hiện rõ không thể không thấy ở ánh sáng ngời ngọi của đôi mắt họ dù nó không rơi vào đâu.

Thấy tôi khó cầm được nước mắt, mẹ tôi bảo: “Régulus, trong những hoàn cảnh quan trọng*... Vả lại, như thế là không thương mẹ đấy. Ta hãy bắt chước bà, dẫn Madame de Sévigné vậy: “Mẹ sắp buộc phải vận dụng toàn bộ lòng can đảm thiếu vắng nơi con*.” Và nhớ ra rằng lòng yêu thương người khác làm quên đi những nỗi đau ích kỷ của mình, mẹ ráng làm tôi khuây bằng cách bảo tôi là mẹ tin rằng chuyến đi của mẹ đến Saint-Cloud sẽ tốt đẹp, rằng mẹ hài lòng với cỗ xe ngựa thuê mẹ đã chọn, hy vọng gã xà ích sẽ lễ phép và xe thì đầy đủ tiện nghi. Nghe những chi tiết ấy, tôi cố mỉm cười và nghiêng đầu ra chiều đồng tình và mãn nguyện. Nhưng chúng chỉ khiến tôi hình dung rõ nét hơn cuộc ra đi của mẹ, và lòng se lại, tôi nhìn mẹ như thể mẹ đã rời xa tôi, dưới chiếc mũ rơm tròn vừa mua để đội ở nông thôn, trong chiếc áo váy mỏng mẹ mặc vì chuyến đi dài giữa tiết trời nóng nực, chúng biến mẹ thành một người khác ngay từ giờ đã thuộc về biệt thự Montretout*, nơi chắc tôi sẽ không đến gặp mẹ nữa.

Để tránh những cơn ghệt thở mà chuyến đi có thể gây cho tôi, thầy thuốc đã khuyên tôi lúc khởi hành nên uống

nhiều bia hay cô-nhắc, hơi quá mức một chút, nhằm đạt tới một trạng thái ông gọi là “lâng lâng”, làm giảm nguy cơ hệ thần kinh bị tổn thương. Tôi còn phân vân không biết chắc mình có nên nghe theo hay không, nhưng ít nhất, tôi cũng muốn bà tôi, trong trường hợp tôi quyết định làm thế, phải công nhận rằng điều đó thuộc quyền của tôi và cũng là khôn ngoan nữa. Cho nên tôi nói về chuyện ấy như thể tôi chỉ do dự về việc chọn chỗ uống rượu - buffet hay toa ăn uống. Nhưng liền đó, thấy vẻ quở trách biểu lộ trên mặt bà tôi, thậm chí đẹp luôn ý tưởng ấy, tôi kêu lên: “Sao nào?”, đột nhiên cương quyết đi uống, việc thực thi hành động ấy trở nên cần thiết để chứng tỏ tự do của tôi vì tuyên bố miệng không thể xuôi lọt mà không gặp phản đối: “thế nào, bà biết cháu bệnh đến mức nào, bà biết thầy thuốc dặn cháu những gì, và đây bà khuyên cháu ra thế đấy!”

Khi tôi nói rõ cho bà tôi biết mình bị khó thở, cụ bảo tôi: “Vậy thì cháu mau mau kiếm chút bia hay rượu đi, nếu cái đó làm cháu dễ chịu” với một vẻ xót xa và hiền hậu đến nỗi tôi nhào tới, hôn lên khắp mặt cụ. Và sở dĩ tôi đi uống quá nhiều bia ở toa giải khát là vì tôi cảm thấy nếu không thế, tôi sẽ lên cơn rất dữ dội và nếu vậy càng làm cụ đau lòng hơn. Khi dừng lại ở ga đầu tiên, tôi trở về toa mình, tôi nói với bà tôi rằng tôi rất sung sướng được đi Balbec, rằng tôi cảm thấy thực ra, mọi sự rồi sẽ ổn, tôi sẽ mau chóng quen với việc phải xa mẹ, rằng chuyến tàu này thật dễ chịu, người bán bar và các nhân viên thật đáng yêu, đến nỗi tôi những muốn lại có dịp đáp chuyến tàu này nhiều lần để có thể gặp lại họ. Tuy nhiên, xem ra bà tôi không cảm thấy vui

như tôi về mọi điều tốt lành ấy. Cụ đáp lại song tránh nhìn tôi: “Có lẽ cháu nên cố ngủ đi một chút”, đưa mắt về phía cửa sổ, nơi đó tấm rèm chúng tôi đã kéo xuống không che kín toàn bộ khung kính, thành thử ánh nắng có thể lách vào lảng lên mặt gỗ sồi đánh xi của cánh cửa và lớp dạ bọc ghế ngồi vẫn cái thứ vàng sáng âm ỉ ru ngủ thường thấy la đà ở những khoảng rừng quang (giống như một tấm quảng cáo cho lối sống chan hòa với thiên nhiên có sức thuyết phục hơn nhiều so với những áp phích mà công ty đường sắt cho treo quá cao trong các toa, thể hiện những phong cảnh mà tôi không sao đọc ra tên).

Nhưng khi bà tôi tưởng tôi đã nhắm mắt, đôi lúc tôi thấy cụ liếc nhìn tôi qua tấm voan điểm những chấm tròn to, rồi ngoảnh đi, rồi lại bắt đầu nhìn lại, như kiểu một người cố gắng làm quen với hoàn cảnh, với một bài tập khó nhọc đối với cụ.

Bấy giờ, tôi bèn nói chuyện với cụ, nhưng hình như cụ không thích thế. Tuy nhiên, với tôi, giọng nói của chính mình cũng như những động tác khó nhận thấy nhất, sâu kín nhất của cơ thể mình lại đem đến cho tôi khoái cảm. Cho nên tôi cố kéo dài chúng, tôi nhấn nhá uốn giọng trên mỗi chữ, tôi cảm thấy mỗi tia nhìn của mình tới đúng chỗ nó được nhằm tới và đậu lại đó lâu hơn thường lệ. “Thôi nào, nghỉ đi cháu, bà tôi bảo. Nếu cháu không ngủ được thì hãy đọc một cái gì đó.” Và cụ đưa cho tôi một cuốn của Madame Sévigné và trong khi tôi mở nó ra thì bản thân cụ vùi đầu vào cuốn *Hồi ức* của Madame de Beausergent*. Cụ không bao giờ đi xa mà không mang theo một tập của một

trong hai tác phẩm đó. Đó là hai tác giả ưa thích nhất của cụ. Lúc này, để nguyên cuốn sách của Madame de Sévigné mà không giở ra, chỉ để mắt đến tấm màn xanh lơ nơi cửa sổ toa tàu, tôi không muốn tự ý nhúc nhúc đầu và cảm thấy rất khoan khoái khi giữ tư thế mình đã chọn. Nhưng tôi thấy ngấm cái màn ấy thật là dễ chịu và chẳng phải bận lòng trả lời bất kỳ ai muốn làm mình nhãng đi khỏi sự nhìn ngấm ấy. Tôi có cảm giác như màu xanh lơ của tấm màn, có lẽ không chỉ bằng vẻ đẹp, mà còn bằng cường độ mãnh liệt của nó, đã xóa nhòa mọi màu đã có trước mắt tôi từ ngày tôi ra đời cho tới lúc đồ uống tôi hấp thụ bắt đầu phát huy tác dụng, đến mức bên cạnh màu xanh ấy, chúng xỉn đi và hầu như không còn, khác nào bóng tối hồi cố trong đầu những người mù bẩm sinh, cái bóng tối bao trùm những ngày của họ trước khi vào cuối đời, họ được phẫu thuật và nhờ đó, cuối cùng, nhìn thấy ánh sáng và màu sắc. Một bác nhân viên già đến soát vé của chúng tôi. Những ánh bạc của bộ khuy kim loại trên áo bác ta không khỏi làm tôi mê thích. Tôi những muốn mời bác ngồi xuống bên chúng tôi. Nhưng bác đi sang toa khác và tôi lan man nghĩ đến cuộc đời những công nhân hỏa xa, họ suốt thời gian trên đường sắt, hẳn không ngày nào không gặp bác nhân viên già ấy. Niềm thích thú tôi cảm thấy khi ngấm tấm màn xanh, ý thức rõ miệng mình đang hé mở, rốt cuộc, cũng bắt đầu giảm đi. Tôi trở nên cơ động hơn; tôi cựa quậy một chút, tôi mở cuốn sách bà tôi đưa cho và có thể chốt sự chú ý vào mấy trang tôi chọn đây, đó. Càng đọc, tôi cảm thấy thêm ngưỡng mộ Madame de Sévigné.

Không nên mắc lừa những đặc điểm thuần túy hình thức liên quan đến thời đại, đến sinh hoạt *salon* khiến cho một số người ngỡ chúng sẽ tạo nên cái chất Sévigné cho chính mình khi họ nói: “Thông báo cho tôi biết nhá, bà bạn thân mến,” hay “Tôi thấy cái ông bá tước ấy dí dỏm ra phết,” hay “Cắt và phơi khô cỏ là điều thú vị nhất trên đời*.” Ngay cả Madame de Simiane cũng tưởng tượng mình giống bà ngoại của mình, khi bà viết: “Thưa ông, M. de la Boulie đang khỏe phây phây và ông ấy sẵn sàng được nghe tin báo tử của mình”, hay: “Ôi, ngài hầu tước thân mến, bức thư của ngài làm tôi rất hài lòng! Làm sao mà không trả lời cho được!” hay nữa: “Thưa ông, hình như ông nợ tôi một câu trả lời và tôi nợ ông nhiều hộp đựng thuốc lá sợi ướp hương vỏ trái bergamote*. Tôi xin trả trước tám hộp và sẽ gửi thêm nữa...; chưa bao giờ đất lại sinh sôi nhiều bergamote đến thế. Chắc là để chiều lòng ngài.” Và cũng theo cái giọng ấy, bà viết thư về việc chích máu, về những trái chanh, v.v... mà bà ngỡ như là thư của Madame de Sévigné*. Nhưng, là người đã đến với Madame de Sévigné bằng nội tâm, bằng tình yêu đối với những người thân của chính mình, đối với thiên nhiên, bà tôi đã dạy tôi biết yêu những vẻ đẹp thật sự, hoàn toàn khác nơi nữ sĩ. Những vẻ đẹp đó, sắp tới đây, càng làm thấm thía vì Madame de Sévigné là một nghệ sĩ lớn thuộc cùng một gia đình với một họa sĩ mà tôi sẽ gặp ở Balbec - Elstir - ông này rồi đây có ảnh hưởng sâu sắc đối với cách nhìn sự vật của tôi. Đến Balbec, tôi nhận ra cách Madame de Sévigné mô tả sự vật cũng giống cách của ông, nghĩa là trình bày chúng theo trình tự cảm thụ của chúng

ta, thay vì giải thích chúng trước hết bằng nguyên nhân gây ra chúng. Nhưng ngay chiều hôm ấy, trong toa tàu này, khi đọc lại bức thư mô tả ánh trăng: “Mẹ không thể cưỡng lại sức cám dỗ, mẹ mang tất cả những mũ áo không cần thiết, mẹ đi vào con đường dạo chơi ấy mà không khí dễ chịu như trong phòng ngủ của mẹ; mẹ thấy hàng ngàn chuyện hoang đường, *những thầy dòng trắng-đen, nhiều nữ tu sĩ xám-trắng, những người đàn ông bị chôn thẳng đứng mình áp sát vào những thân cây, v.v.**”, tôi đã rất khoái cái mà ít lâu sau đó tôi gọi là khía cạnh Dostoievski trong *Những bức thư của Madame de Sévigné* (bà đã chẳng vẽ những phong cảnh theo cách văn hào Nga mô tả nhân vật đó sao?).

Chiều hôm ấy, sau khi đưa bà tôi đến nhà bà bạn và ở lại đó vài tiếng đồng hồ, tôi lại đáp tàu một mình, ít ra tôi cũng không thấy cái đêm đang tới là nặng nề; là vì tôi không phải qua đêm, giam trong một căn phòng mà không khí buồn ngủ ở đó khiến tôi thao thức; bao quanh tôi lúc này là tất cả những chuyển động của con tàu, hoạt động ấy làm tôi an tâm, bầu bạn với tôi, tình nguyện trò chuyện với tôi nếu tôi không tìm thấy giấc ngủ, ru tôi bằng những tiếng động của nó mà tôi ghép lại - như từng ghép tiếng chuông nhà thờ ở Combray - lúc thì theo tiết tấu này, khi thì theo một tiết tấu khác (tôi tưởng tượng nghe dồn dập trước tiên là bốn nốt móc kép đều đặn, rồi một móc kép dữ dần dần chìm sâu vào một nốt đen); những tiếng động đó hóa giải lực ly tâm của cơn mất ngủ của tôi bằng cách dồn lên nó những áp lực trái chiều giữ cho tôi thăng bằng và trên

những áp lực đó, trạng thái bất động và, liền sau đó, ngủ lịm của tôi như được chở đi vãn với cái cảm giác sảng khoái như sau một đợt nghỉ ngơi lấy lại sức nhờ những lực hùng mạnh, cảnh giác giữa lòng thiên nhiên và đời sống, nếu tôi có thể trong một khoảnh khắc hóa thân thành một con cá ngừ trên dòng hải lưu và sóng lang thang giữa biển khơi, hay thành một con đại bàng xoải cánh trên lưng bão.

Những cảnh mặt trời mọc là một nét đi kèm những cuộc hành trình dài bằng xe lửa, giống như món trứng luộc, những số họa báo, những ván bài, những dòng sông với những con thuyền mãi miết mà chẳng thấy tiến lên được chút nào. Vào một lúc nào đó, khi tôi điểm lại những ý nghĩ chất đầy đầu trong mấy phút trước để xem mình có vừa chợp ngủ đi hay không (cũng là lúc chính sự phân vân không biết chắc đã khiến tôi tự hỏi như thế, lại mang đến cho tôi một câu trả lời khẳng định), qua ô vuông cửa sổ toa tàu, bên trên một cánh rừng nhỏ đen sậm, tôi trông thấy những đám mây rìa khía răng cưa, mịn màng một màu hồng chết, cố định, không thay đổi được nữa, như cái sắc hồng đã quyện hẳn vào lông cánh chim, hay như một bức màu phấn mà họa sĩ đã nổi hứng điểm hồng vào. Nhưng tôi cảm thấy rằng trái lại, cái màu hồng đó không phải do quán tính, cũng chẳng do bốc đồng, mà là tất yếu, là chất sống. Không lâu sau, đằng sau nó, chất chồng những trữ lượng ánh sáng. Nó linh hoạt lên, bầu trời trở nên rực một màu hồng thắm mà tôi dán mắt vào cửa kính cố nhìn cho rõ hơn vì tôi cảm thấy nó liên quan đến mạch nguồn sâu xa của thiên nhiên, nhưng con đường sắt đến đây lại đổi

hướng, con tàu ngoặt theo, trong khung cửa sổ, cảnh ban mai bị thay thế bằng ngôi làng ban đêm với những mái nhà xanh mượt ánh trăng, với căn nhà giặt công cộng lem nhem ánh xà cừ của bóng đêm, dưới một bầu trời còn lấm tấm muôn vàn vì sao và tôi buồn nẫu ruột vì đã mất dải trời màu hồng của mình cho đến khi tôi thấy lại nó, nhưng lần này chuyển thành đỏ, trong khung cửa sổ đối diện mà lát sau nó rời bỏ ở một khúc quanh thứ hai của con đường sắt; thành thử tôi cứ chạy từ cửa sổ này sang cửa sổ kia để ghép nối, chấp lại những mảnh gián cách và ngược nhau từ buổi sáng đẹp đỏ thắm, luôn thay đổi của tôi để có một cái nhìn toàn cảnh và một bức tranh liên tục.

Quang cảnh trở nên gập ghềnh, khúc khuỷu, tàu dừng lại ở một ga nhỏ giữa hai quả núi. Ở cuối đèo, bên bờ suối chảy xiết, chỉ thấy một trạm gác ngấp trong nước mấp mé đến thành cửa sổ. Nếu một con người có thể là sản phẩm biểu trưng cho một vùng đất khiến ta thấm được cái chất quyền rũ đặc biệt của nó, thậm chí còn điển hình hơn cả nàng thôn nữ mà tôi xiết bao mong muốn được thấy xuất hiện khi tôi tha thân một mình về phía Mésaglise, trong những cánh rừng của Roussainville, thì đó ắt là cô gái cao cao tôi thấy ra khỏi trạm gác, mang một bình sữa đi về phía nhà ga, trên con đường mòn hừng sáng trong chênch chếch ánh bình minh. Trong con thung bị hai trái núi ấy che khuất phần còn lại của thế giới, chắc cô không bao giờ thấy ai khác ngoài những người trong các đoàn tàu chỉ dừng lại trong khoảnh khắc. Cô đi dọc theo các toa, mời một số hành khách vừa thức dậy dùng cà phê sữa. Mặt cô

ứng lên trong ánh ban mai, còn hồng hơn cả bầu trời. Hình ảnh cô khiến tôi cảm thấy cái niềm khát khao sống trở lại trong ta mỗi lần ta lại ý thức được cái đẹp và hạnh phúc. Ta luôn luôn quên rằng cái đẹp và hạnh phúc mang tính cá thể, và với việc thay thế hai cái đó trong đầu ta bằng một mô hình quy ước, một thứ trung bình giữa những gương mặt khác nhau ta ưa thích, giữa những thích thú ta từng nếm trải, ta chỉ có được những hình ảnh ẻo uột và nhạt nhẽo vì chúng thiếu đích thị cái tính cách của một sự vật mới mẻ, khác với những gì ta từng biết, cái tính cách riêng biệt của cái đẹp và của hạnh phúc. Thế là ta phán cho cuộc đời một nhận định bi quan mà ta cho là đúng, vì tưởng đâu như trong đó ta đã tính đến cái đẹp và hạnh phúc trong khi kỳ thực ta đã loại bỏ và thay chúng bằng những tổng hợp trong đó chẳng có lấy một vi phân tử nào của chúng. Chính như vậy mà một bậc trí giả, vừa mới nghe nói đến một “giai phẩm” mới, đã ngáp ngáp dài chán ngán vì ông hình dung một thứ phức hợp gồm tất cả những cuốn sách hay ông đã đọc, trong khi một giai phẩm là một cái gì đặc biệt, không thể đoán trước, nó không phải được tạo nên từ tổng số của tất cả những kiệt tác đã có trước, mà từ một cái gì đó mà việc đồng hóa hoàn toàn cái tổng số ấy tuyệt nhiên không đủ để tìm ra, chính bởi nó nằm ngoài tổng số ấy. Ngay khi được biết tác phẩm mới này, bậc trí giả, vừa nãy ngán ngẫm, tức thì cảm thấy quan tâm đến cái thực tế mà nó mô tả. Cũng theo cách như vậy, khác hẳn với mọi mẫu hình sắc đẹp mà ý nghĩ tôi vẽ nên khi chỉ có một mình, người đẹp kia lập tức cho tôi ý thức được cái vị của một

hạnh phúc nào đó (dưới hình thức duy nhất mà ta có thể nắm trái vị của hạnh phúc), một hạnh phúc có thể sẽ thành hiện thực nếu tôi sống bên nàng. Nhưng ở đây, một lần nữa, sự tạm ngưng của Thói Quen có tác động một phần lớn. Tôi dành cho giai nhân bán sữa cái gì là trọn vẹn bản ngã của tôi đang đối diện nàng, sẵn sàng tận hưởng những vui thú mãnh liệt của cuộc đời. Thông thường chúng ta sống với bản ngã rút gọn đến mức tối thiểu của mình; phần lớn những năng lực của chúng ta ở trạng thái ngủ yên, vì chúng dựa vào thói quen, mà thói quen thì biết phải làm những gì và không cần đến chúng. Nhưng trong buổi sáng du hành này, sự ngắt quãng trong thông lệ đời thường của tôi, sự thay đổi nơi chốn và giờ giấc khiến sự hiện diện của chúng thành cần thiết. Thói quen ở yên một chỗ và không hay dậy sớm bị gián đoạn, mọi năng lực trong tôi ào tới để thay thế, thi nhau thể hiện nhiệt tình - tất cả, như những ngọn sóng, cùng vươn lên tới một mức độ khác thường - từ năng lực tầm thường nhất đến năng lực cao cả nhất, từ hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn đến cảm quan và trí tưởng tượng. Tôi không biết cái đẹp hoang dại của nơi này, trong khi khiến tôi tin rằng sơn nữ kia không giống như những người đàn bà khác, có tôn thêm duyên sắc của nàng hay không, nhưng nàng thì có làm cho cảnh quan thêm phần quyến rũ. Cuộc đời sẽ tuyệt vời đối với tôi nếu tôi có thể từng giờ sống với nàng, đi theo nàng đến tận bờ suối, đến bên con bò cái để vắt sữa vào bình mang đến tận đoàn tàu, luôn luôn ở cạnh nàng, cảm thấy nàng luôn nghĩ đến mình. Nàng sẽ khai tâm cho tôi hiểu cái đẹp của đời sống thôn dã

và những giờ đầu tiên của ngày mới. Tôi ra hiệu cho nàng mang cà phê sữa đến cho tôi. Tôi cần được nàng để ý đến. Nàng không trông thấy tôi, tôi bèn cất tiếng gọi. Bên trên thân hình rất cao, nước da mặt nàng đỏ dần và ửng hồng đến nỗi tưởng như nàng được nhìn qua một tấm kính ghép màu được chiếu sáng. Nàng đi lộn trở lại, tôi không thể rời mắt khỏi gương mặt nàng mỗi lúc một lớn dần, tựa một mặt trời mà ta có thể nhìn thẳng không chớp trong khi nó xấp lại tới sát bên ta, để cho ta nhìn gần kề, làm ta lóa mắt với ánh vàng óng và đỏ tươi của nó. Nàng rơi vào tôi một tia nhìn sắc sảo, nhưng khi đám nhân viên đóng cửa các toa, con tàu bắt đầu chuyển bánh; tôi nhìn thấy nàng rời khỏi nhà ga và trở lại con đường mòn, trời lúc này đã sáng bạch: tôi xa dần ánh rạng đông. Sự phấn hứng của tôi là do người con gái ấy tạo ra, hay ngược lại, nó là nguyên nhân gây nên phần lớn nhất của niềm vui thích tràn ngập lòng tôi khi thấy mình ở ngay gần nàng, dù là thế nào đi nữa, nàng vẫn dính dáng sâu sắc với cảm khoái ấy đến nỗi mong ước của tôi được gặp lại nàng trước hết là nỗi mong muốn tinh thần không để cho trạng thái phấn chấn ấy lụi tàn đi hoàn toàn, không phải mãi mãi cách xa con người đã góp phần, tuy không tự biết, vào niềm vui thích ấy. Trạng thái ấy không chỉ đơn thuần là dễ chịu, chủ yếu là (giống như một sợi dây đàn căng hơn, hay một dây thần kinh rung nhanh hơn cho một âm hoặc một màu khác), nó đem lại một sắc điệu khác cho những gì tôi nhìn thấy, như đưa tôi vào một vũ trụ chưa từng biết và vô cùng lý thú hơn; người đẹp mà tôi vẫn còn thấy thấp thoáng trong khi con tàu lao đi mỗi lúc một

nhanh hơn, nàng như một phần của một cuộc đời khác, cách cuộc đời tôi từng biết một đường viền, trong đó cảm giác về sự vật không còn như cũ nữa và giờ đây, đối với tôi, ra khỏi đó giống như là chết vậy. Để có ít nhất cái cảm giác êm dịu được gắn bó với cuộc sống này, chỉ cần tôi ở đủ gần cái nhà ga nhỏ kia để sáng nào cũng có thể đến xin nàng thôn nữ cho uống cà phê sữa. Nhưng than ôi! Nàng sẽ chẳng bao giờ có mặt trong cuộc sống nọ mà tôi đang đi tới càng lúc càng nhanh, mà tôi đành lòng chấp nhận chỉ để phối hợp những kế hoạch khả dĩ cho phép tôi một ngày nào đó lại đáp vãn chuyến tàu này để dừng lại vẫn ở ga này, dự định này còn có cái thuận lợi là nó miễn cho cái xu hướng vị kỷ, chủ động, thực tế, máy móc, lười nhác và ly tâm của trí óc chúng ta vì nó sẵn lòng né tránh mọi nỗ lực cần có để ngẫm sâu một cách chung chung và vô tư về một ấn tượng thú vị ta từng trải nghiệm. Và vì mặt khác, ta muốn tiếp tục nghĩ đến ấn tượng ấy, trí óc ta ưng tưởng tượng nó lặp lại trong tương lai, khéo léo bố trí những hoành cảnh có thể làm nó “tái sinh”, điều tuy không cho ta biết gì về bản chất của nó, nhưng tránh cho ta khỏi một nhọc để tái tạo nó trong bản thân ta và cho phép ta hy vọng được đón nhận nó từ bên ngoài.

Một số tên thành phố, Vézelay hay Chartres, Bourges hay Beauvais, được dùng để chỉ, theo cách nói tắt, những nhà thờ chính của thành phố. Cách hoán dụ lấy tổng thể để chỉ bộ phận ta hay dùng ấy, rốt cuộc - trong trường hợp nói đến những nơi ta chưa từng biết - đi đến kết quả là khắc lên cái tên chỉ cái toàn thể và do vậy, khi ta muốn đưa ý

niệm toàn thành phố (cái thành phố ta chưa từng đến) trở vào trong cái tên chung thì cách hiểu đó, như một cái khuôn, hằn lên nó vẫn những nét chạm trổ ấy, cùng một phong cách, biến nó thành một thứ đại giáo đường. Tuy nhiên, chính ở một nhà ga xe lửa mà tôi đã đọc thấy, phía trên một quầy ăn, cái tên Balbec viết bằng chữ trắng, gần như theo phong cách Ba Tư, trên nền xanh của một cái chuông báo. Tôi vội vã đi xuyên qua nhà ga và qua con phố lớn dẫn đến ga, tôi hỏi đường đến bãi biển để xem cái nhà thờ ven biển, người ta có vẻ không hiểu tôi nói gì. Nơi tôi đang đứng là Balbec-Ông-Già, Balbec-Đất-Liên, không phải là một bãi biển, cũng chẳng phải là một hai cảng, cố nhiên, theo truyền thuyết, đúng là những người dân chài đã vớt được tượng Chúa Jésus huyền diệu* ngoài khơi và sự tích này được thể hiện lại bằng một tấm tranh kính màu trên cửa sổ ngôi nhà thờ chỉ cách chỗ tôi đang đứng có mấy mét; đúng là gian giữa và các tháp của nhà thờ được xây bằng đá lấy từ những vách đá sóng đánh dập dồn. Vì câu chuyện đó, tôi đã tưởng tượng ở quãng này, biển xô những đợt sóng vỗ bờ của nó vào tận dưới chân tấm tranh kính màu, nhưng thực ra nó cách đấy những hơn năm dặm, ở Balbec-Bãi-Biển cơ, và bên cạnh vòm nóc, cái tháp chuông mà, do đọc thấy ở đâu đó rằng bản thân nó cũng là một vách đá dựng đứng vùng Normandie, nơi xoáy lộn từng bầy chim tìm hạt, bao giờ tôi cũng hình dung nó đón nhận dưới chân mình lớp bọt sóng cuối cùng tung lên trắng xóa, nó sừng sững ở chỗ chẽ của hai nhánh đường tàu điện, trước một quán cà phê mang tên “Billard” viết bằng chữ vàng

nhũ; nó nổi bật trên nền một dãy nhà không có cột buồm nào trên mái. Và ngôi nhà thờ lọt vào tầm chú ý của tôi cùng với quán cà phê, cùng với người khách bộ hành mà tôi phải níu lại hỏi đường, cùng với nhà ga mà tôi sắp phải quay về, ngôi nhà thờ ấy hòa làm một với toàn cảnh, như một ngẫu nhiên, một sản phẩm của buổi cuối chiều này, trong đó cái vòm mái mềm mại căng tròn trên nền trời như một trái cây chín hồng lên, vỏ óng vàng và rười rượi cùng tắm trong làn ánh sáng bao trùm ống khói các mái nhà. Nhưng tôi chỉ còn muốn nghĩ đến ý nghĩa vĩnh cửu của những tác phẩm điêu khắc khi tôi nhận ra các vị thánh tông đồ mà tôi đã thấy tượng đúc lại ở Bảo tàng Trocadéro, đứng hai bên Đức Mẹ Đồng Trinh, trước cổng lớn sâu hun hút, chờ nghênh đón tôi như khách danh dự. Vẻ mặt từ bi, dịu dàng với chiếc mũi tẹt, lưng còng còng, các vị dường như tiến lên đón mừng, miệng hát *Allellula* ngợi ca ngày mới. Nhưng ta thấy sắc diện các vị bất động như mặt người chết và chỉ thay đổi nếu ta xoay quanh họ. Tôi tự bảo: Đây rồi, đây là nhà thờ Balbec. Cái quảng trường này có vẻ biết rành về tiếng thơm của mình, chắc là nơi duy nhất trên thế giới sở hữu nhà thờ Balbec. Những gì tôi đã thấy cho tới nay chỉ là ảnh chụp ngôi nhà thờ ấy và những tượng đúc lại trừ danh của các thánh tông đồ cùng Đức Mẹ Đồng Trinh nơi cổng lớn. Giờ đây, là ngôi nhà thờ đích thực, là pho tượng đích thực; đây là nguyên bản, những nguyên bản duy nhất - hơn biết bao!

Mà cũng có thể là kém. Chẳng khác một chàng trai, vào một ngày thi, hoặc trong một cuộc đấu súng, thấy đề thi,

hoặc viên đạn anh ta bắn ra, chẳng nhiều nhận gì so với vốn kiến thức, hay với trữ lượng can đảm, mà anh ta sở hữu, mà anh ta muốn chứng tỏ, cũng như vậy, từ trước tâm trí tôi đã xây dựng hình ảnh Đức Mẹ Đồng Trinh nơi cổng lớn từ những phiên bản tôi từng nhìn thấy, kéo Người ra khỏi đó, không để Người bị tổn thương vì những trầm luân đe dọa những phiên bản ấy, để Người vẫn vẹn toàn nếu người ta hủy chúng đi, để hình ảnh này trở thành lý tưởng, có một giá trị phổ quát, giờ đây nó ngạc nhiên thấy pho tượng nó đã khắc tủa hàng nghìn lần lúc này trở lại dạng vẻ bề ngoài bằng đá của chính mình, chiếm một chỗ cách tôi một tầm tay với, đưa chen với một tấm áp phích về bầu cử và cái đầu gậy nhọn của tôi, bị gắn chặt vào quảng trường, không thể rời khỏi nút đường phố lớn, không thể lẩn tránh những tia nhìn từ quán cà phê và từ văn phòng điều hành xe buýt, phơi mặt ra chia sẻ với cái văn phòng Quầy Tiết kiệm vàng sáng tà dương - và chẳng mấy chốc, trong vài giờ tới, là ánh đèn đường -, cùng với một chi nhánh Tín dụng sức mùi nhà bếp của hiệu bánh ngọt bên cạnh, chịu khuất phục sự bạo ngược của Kẻ Dân thường đến độ nếu tôi muốn ký tên mình lên khối đá ấy, thì chính Người - Đức Mẹ Đồng Trinh sáng láng mà tôi phú cho một đời sống chung chung và một vẻ đẹp không gì chạm tới được, Đức Mẹ Đồng Trinh ở Balbec, duy nhất (hỡi ôi! nghĩa là chỉ có một) -, phải, chính Người sẽ phô ra trên thân thể ám mờ hóng như những ngôi nhà bên cạnh, những chữ cái tên tôi nguệch ngoạc bằng phấn, không gột đi được, và rốt cuộc, tác phẩm nghệ thuật bất tử bao lâu khao khát hiện ra trước

mắt tôi, cũng như bản thân ngôi nhà thờ, hóa thân thành một bà lão nhỏ thó bằng đá mà tôi có thể đo được chiều cao và đếm từng nếp nhăn trên mặt. Giờ khắc trôi nhanh, đã đến lúc tôi phải quay về nhà ga, nơi tôi phải đợi bà tôi và Françoise để cùng đến Balbec-Bãi-Biển. Tôi nhớ lại những gì tôi đã đọc về Balbec, nhớ lại những lời của Swann: “Thật tuyệt, đẹp chẳng kém gì Sienne*”. Và truy nguyên nỗi thất vọng của mình là chỉ tại những ngẫu nhiên, tại tôi chưa sẵn sàng đón nhận, tại tôi mệt, tại tôi không có khả năng nhìn nhận đúng đắn, tôi cố tự an ủi bằng cách nghĩ rằng vẫn còn những thành phố khác nguyên vẹn cho tôi chiêm ngưỡng, rằng sắp tới đây, tôi sẽ có thể đi vào tiếng tí tách mát rượi của Quimperlé* như trong một trận mưa ngọc trai, xuyên qua ánh quang biêng biếc, hồng hồng ngập tràn Pont-Aven*. Nhưng đối với Balbec thì ngay lúc tôi vào đó, cứ như thể tôi đã hé mở một cái tên lẽ ra phải giữ kín mít và do vậy, lợi dụng khe hở tôi đã đại dột banh ra để tất cả những hình ảnh cho tới lúc ấy vẫn sống trong đó thoát ra, một cái xe điện, một quán cà phê, đôi ba khách bộ hành, cái Quầy Tiết kiệm, bị đẩy bởi một áp lực bên ngoài và một sức hút không thể cưỡng lại, ùa vào bên trong các âm tiết và những âm tiết này khép lại, để chúng giờ đây thành cái khung bao quanh ngôi nhà thờ phong cách Ba Tư, không rờ ra nữa.

Trên chuyến xe lửa nội vùng chở chúng tôi đến Balbec-Bãi-Biển, tôi gặp lại bà tôi, nhưng chỉ thấy một mình bà - vì bà đã phái Françoise đi trước để chuẩn bị mọi thứ, nhưng lại chỉ dẫn sai, khiến bác ta đáp nhầm một con tàu đi về

một hướng khác; lúc này, Françoise đâu có ngờ là mình đang lao hết tốc lực tới Nantes và có lẽ chỉ thức dậy khi đến Bordeaux. Tôi vừa kịp ngồi xuống trong toa tàu tràn ngập ánh dương tà lấp loáng và hơi nóng dai dẳng của buổi chiều (hỡi ôi! ánh chiều chiếu thẳng vào mặt cụ cho tôi thấy cái nóng đã làm cụ mệt đến nhường nào), cụ đã hỏi: “Này, Balbec thế nào?”; hy vọng rằng tôi sẽ rất thích thú như cụ nghĩ đã thấp sáng bừng nụ cười trên môi cụ đến nỗi tôi không dám đột ngột thú nhận nỗi thất vọng của mình. Và lại, cái ấn tượng mà tôi tìm kiếm càng lúc càng choán ít chỗ hơn trong tâm trí tôi khi tới gần nơi mà thân thể tôi phải thích ứng. Vào cuối cuộc hành trình, khi đích đến còn cách hơn một tiếng đồng hồ nữa, tôi đã cố tưởng tượng ra ông quản lý khách sạn Balbec, mà đối với ông ta lúc này, tôi chưa hề tồn tại, và tôi những muốn ra mắt ông ta cùng một bộ sậu oách hơn là đi cùng với bà tôi, thế nào cụ cũng sẽ yêu cầu ông ta giảm giá phòng. Ông ta hiện ra trong trí tôi rành là đầy vẻ hóm hỉnh, nhưng dáng nét thì rất mơ hồ.

Trước khi đến Balbec-Bãi-Biển, con tàu nhỏ chở chúng tôi chốc chốc lại dừng ở một ga; tên của những ga này (Incarville, Marcoville, Denville, Pont-au Couleuvre, Arambouville, Saint-Mars-le-Vieux, Hermonville, Maineville) tôi nghe là lạ, nhưng nếu đọc trong một cuốn sách, chắc sẽ thấy chúng có liên quan nào đó với tên của một số địa phương lân cận Combray. Nhưng tai của một nhạc sĩ có thể thấy hai mô típ có chung nhiều nốt lại chẳng giống nhau chút nào, nếu chúng được hòa âm và phối khí theo những màu khác nhau. Cũng tương tự như vậy, chuỗi

dài những cái tên buồn bã đầy cát và muối, đầy không gian quá ư thoáng đãng song lại quá ư trống rỗng, với vãn *ville* bứt ra khỏi, như chữ *vole* trong Pigeon-vole*, không làm tôi nghĩ đến những cái tên khác như Roussainville hay Martinville; những cái tên này, do tôi đã luôn luôn nghe thấy bà-dì tôi nhắc tới trong bữa ăn hay trong “khuê phòng”, đã mang một nét đẹp u sầu nào đó, có lẽ là một hỗn hợp của vị mứt quả nghiền, mùi lửa đốt bằng củi, mùi giấy một cuốn sách của Bergotte và màu sành của ngôi nhà đối diện, và đến tận hôm nay, khi từ đáy sâu ký ức của tôi nổi lên như một bọt sủi, chúng vẫn giữ nguyên tính năng đặc thù của chúng xuyên qua nhiều lớp trung gian chồng xếp lên nhau trước khi ngoi lên tới bề mặt.

Đó là những khu nghỉ dưỡng nhỏ trấn ngự biển xa từ trên đỉnh cồn cao, hay đã hòa mình vì màn đêm dưới chân những ngọn đồi màu xanh chói gắt và hình thù thô lậu như cái tràng kỷ trong một phòng khách sạn khi ta vừa mới tới, bao gồm mấy biệt thự với một sân quần vợt và đôi khi một sòng bạc trưng cờ hiệu phần phật trước ngọn gió se se lạnh, trống trơn và khắc khoải; lần đầu tiên, những nơi này cho tôi thấy những khách quen của chúng, nhưng cho tôi thấy họ ở vẻ bên ngoài - những người chơi quần vợt đội cát két trắng, ông xếp ga sống ở luôn đó bên những khóm liễu bách và những khóm hồng của mình, một phu nhân đội “canô-chi-ê*” huýt gọi con chó săn kể cả phía sau và trở về ngôi nhà gỗ đã lên đèn, vẽ lại cái sơ đồ hằng ngày của một cuộc sống mà ắt tôi chẳng bao giờ biết tới - và bằng những hình ảnh thông dụng đến lạ lùng và quen thuộc đến mức bị

coi rẻ, chúng làm tổn thương nặng nề con mắt nhìn xa lạ và con tim lạc xứ của tôi. Nhưng nỗi đau của tôi trầm trọng thêm xiết bao khi chúng tôi “đổ bộ” vào sảnh của Đại Khách sạn ở Balbec* đối diện chiếc cầu thang đồ sộ giả cẩm thạch, và trong khi bà tôi, bất cần hành xử của mình có thể làm tăng sự đối địch và khinh thị của những kẻ xa lạ mà chúng tôi sắp sửa phải sống giữa bọn họ, lớn tiếng mà cả “điều kiện” với viên quản lý*, một thứ xã xệ mặt và giọng nói đầy những sẹo (sẹo mặt thì do nhiều lần nặn chích mụn, sẹo trong giọng nói là do pha tiếng, trộn những âm sắc khác nhau từ những miền xa và do một thời ấu thơ tứ chiếng), vận bộ *smoking* thời thượng, với cái nhìn của nhà tâm lý học mỗi khi thấy chiếc xe buýt chở khách tới thường ngỡ những vị đại quý tộc là bọn keo kiệt và những tên chuyên nghề trộm cắp ở khách sạn là đại lãnh chúa! Quên đứt là lương tháng của bản thân mình chưa tới năm trăm franc, y cực kỳ khinh rẻ những người coi năm trăm franc mà y gọi là “hăm lăm louis” - là “cả một khoản tiền” và xem họ thuộc loại khố rách áo ôm không đáng được ở Đại Khách sạn vốn không dành cho họ. Cố nhiên, ngay tại Đại Khách sạn này, cũng có những người trả không thật nhiều tiền mà vẫn được tay quản lý trọng vọng, với điều kiện y biết chắc rằng họ tính toán chặt chẽ trong chi tiêu không phải vì nghèo mà là vì hà tiện. Thật vậy, hà tiện không hề làm giảm uy tín đi chút nào bởi nó là một tật xấu và do đó, có thể bắt gặp ở mọi địa vị xã hội. Địa vị xã hội là điều duy nhất khiến tay quản lý chú ý, hay nói cho đúng hơn, những dấu hiệu mà y cảm thấy hàm chỉ một địa vị xã

hội cao sang, tỷ như việc không bỏ mũ khi bước vào sảnh, vận quần đánh golf, áo pa-lơ tô bó sát người và rút một chiếc xì gà có đai tía và vàng kim từ một bao đựng thuốc làm bằng da dê thuộc (tất cả những lợi thế mà than ôi! tôi đều thiếu). Y điếm vào những câu chuyện doanh thương của mình nhiều từ ngữ chọn lọc, nhưng đều dùng sai nghĩa.

Trong khi nghe bà tôi hỏi viên quản lý bằng một ngữ điệu giả tạo: “Giá cả khách sạn ta... như thế nào?... Ồ, quá cao so với túi tiền của tôi”, không hề khó chịu về việc y vừa nghe vừa huýt sáo khe khẽ, mũ vẫn đội nguyên trên đầu, tôi ngồi đợi trên một chiếc ghế dài nhỏ, trốn biệt vào đáy sâu bản thân mình, cố gắng “di trú” vào những tư tưởng vĩnh cửu, không để lại gì của bản ngã, không để lại gì sống động trên bề mặt cơ thể mình - vô cảm hóa như bề mặt cơ thể một con thú giả chết do ức chế khi người ta làm nó bị thương - để khỏi quá đau đớn giữa cái nơi tôi hoàn toàn không quen này, cảm giác xa lạ ấy càng nhói lên khi tôi thấy những người dường như rất quen thuộc với khung cảnh này: một phu nhân sang trọng mà viên quản lý xun-xoe bày tỏ sự tôn kính đối với bà ta bằng những cử chỉ thân thiện với con chó nhỏ theo sau bà, một gã công tử bột đội mũ cầm lông chim vừa bước vào vừa hỏi “có thư từ gì không?”, tất cả những con người ấy bước lên những bậc thềm giả cẩm thạch như trở về nhà mình. Và cùng lúc đó, mấy me-xù mang danh hiệu “trưởng ban tiếp tân” nhưng có lẽ chẳng mấy thông thạo nghệ thuật “tiếp tân”, tia vào tôi ánh nhìn nghiêm khắc của Minos, Éaque và Rhadamante* (tôi nhấn chìm tâm hồn trần trụi của mình vào ánh nhìn ấy

như vào một cõi xa lạ ở đó chẳng còn có gì che chở cho nó); xa hơn chút nữa, đằng sau một tấm kính ngăn, nhiều người ngồi trong một phòng đọc mà để mô tả nó, chắc tôi phải lần lượt mượn ở Dante* những màu sắc ông dùng để vẽ nên cảnh thiên đường, rồi cảnh địa ngục, tùy theo tôi nghĩ đến niềm hạnh phúc của những kẻ đắc tuyển được quyền hoàn toàn yên tĩnh ngồi đọc trong đó, hay nghĩ đến nỗi kinh hoàng mà bà tôi ắt gây cho tôi nếu như không đếm xỉa đến thứ cảm giác ấy, cụ cứ lệnh cho tôi phải vào trong ấy.

Một lát sau, cảm giác cô đơn của tôi lại càng nặng nề hơn. Khi tôi thú thật với bà tôi rằng tôi không được khỏe, rằng hai bà cháu có lẽ đến phải trở về Paris mất thôi, cụ không phản đối, chỉ nói cụ ra ngoài mua mấy thứ có thể đắc dụng nếu chúng tôi ra về cũng như nếu chúng tôi ở lại (về sau, tôi biết là tất cả đều dành cho tôi, Françoise thì đã mang theo sẵn những đồ dự phòng khi tôi cần đến); trong khi chờ đợi, tôi đi bách bộ trên những phố chen chúc một đám đông khiến ngoài đường mà nóng như trong phòng, giờ này vẫn còn một hiệu cắt tóc mở cửa cùng một tiệm bánh ngọt, nơi những khách quen đang ăn kem trước pho tượng Duguay-Trouin*. Pho tượng khiến tôi thích thú gần như một bệnh nhân thích thú ngắm hình ảnh nó trong một số họa báo mà người đó lần giở từng trang trong phòng chờ của một bác sĩ phẫu thuật. Tôi lấy làm ngạc nhiên thấy có nhiều người khác với tôi tới mức đủ để khiến tay quản lý khuyên tôi nên dạo chơi trong thành phố này như một thứ giải trí và cũng đủ để khiến một số người có thể coi cái phòng tra tấn là nơi ở mới này là “một chốn lưu trú tuyệt

thú” như được khẳng định trong tờ quảng cáo của khách sạn, dành rằng có phần phóng đại, nhưng phỉnh nịnh được thị hiếu của đông đảo khách hàng. Quả thật, để câu khách tới Đại Khách sạn ở Balbec, tờ quảng cáo nêu lên không chỉ những “cao lương mỹ vị” và “cảnh đẹp những khu vườn của Casino”, mà cả “những chỉ dụ của Hoàng đế Thời thượng mà ta không thể ngang nhiên vi phạm mà thoát khỏi nguy cơ bị coi là kẻ thô lỗ, tiếng xấu mà không một người có giáo dục nào muốn phải mang.”

Tôi sợ đã làm cho bà tôi thất vọng, do vậy càng thấy cần đến cụ. Chắc cụ đã nản, cảm thấy nếu mới chỉ một nhọc thế này mà tôi đã không chịu nổi thì ắt là hết hy vọng, chẳng chuyển đi nào có thể giúp ích gì cho tôi nữa. Tôi quyết định trở về đợi cụ ở khách sạn; đích thân tay quản lý đến bấm vào một cái nút; và một nhân vật tôi chưa quen mà người ta gọi là “lift*” (được bố trí như một nhiếp ảnh gia đằng sau tấm kính, hay một người chơi đại phong cầm ở giáo đường trong khoang của mình, trên điểm cao nhất của khách sạn, ở cái chỗ mà trong kiến trúc nhà thờ Normandie, thường đặt tháp đèn) bắt đầu hạ xuống phía tôi, thoăn thoắt như một chú sóc bị bắt nuôi trong nhà, cần cù. Thế rồi, lại tiếp tục trượt theo một cây trụ, gã kéo tôi theo sau về phía vòm của gian giữa thương mại. Ở mỗi tầng, hai bên những cầu thang liên thông nhỏ, tỏa ra theo hình nan quạt, những hành lang tối, có cô hầu phòng đi qua trong đó, mang một chiếc gối dài. Tôi áp lên gương mặt của cô, nhòa mờ đi trong chạng vạng, tấm mặt nạ những mộng mơ say đắm nhất của tôi, nhưng đọc thấy một

điều khủng khiếp trong tia nhìn cô hướng về mình: tôi chẳng là gì sất! Tuy nhiên, trong quá trình đi lên bất tận, để xua tan nỗi lo âu khắc khoải đến muốn chết mà tôi cảm thấy khi lặng lẽ xuyên qua cái bí mật của vùng sáng-tối chẳng chút thơ mộng này chỉ được rọi chiếu bởi một dãy thẳng đứng những cửa kính nhà vệ sinh mà mỗi tầng chỉ có một cái, tôi bắt chuyện với gã trai trẻ chơi đại phong cầm, người tạo cho tôi chặng hành trình này và bạn đồng hành với tôi trong thế tù hãm, gã vẫn tiếp tục thi triển những ngón kỹ năng trên nhạc cụ của mình. Tôi xin lỗi vì đã chiếm ngân nấy chỗ, đã làm gã vất vả và hỏi liệu tôi có làm phiền gã trong việc thực hành một nghệ thuật mà để phỉnh nịnh tuyệt kỹ của gã, tôi không chỉ tỏ ra tò mò muốn tìm hiểu, mà còn thú thật sự say mê của mình đối với nó nữa. Nhưng gã không trả lời tôi, hoặc vì ngạc nhiên trước lời lẽ của tôi, hoặc do đang tập trung vào công việc, hoặc vì giữ lễ nghi, do nặng tai, do tôn trọng nơi sang trọng này, do sợ nguy hiểm, do lười hoạt động trí óc, hoặc theo lệnh của viên quản lý.

Có lẽ không gì cho ta ấn tượng về thực trạng những gì bên ngoài ta rõ hơn là sự thay đổi vị trí của một người đối với ta trước và sau khi ta biết người ấy, cho dù đó là một người rất bình thường. Tôi vẫn là con người đã đáp con tàu hỏa nhỏ đi Balbec vào cuối chiều, vẫn mang trong tôi tâm hồn ấy. Nhưng trong tâm hồn ấy, ở cái chỗ mà vào lúc sáu giờ, thắc thỏm một nỗi chờ đợi mơ hồ, chờ lúc tới nơi mà không thể hình dung ra viên quản lý, tòa khách sạn lớn cùng các nhân viên, thì giờ đây, hiện lên những cái mụn bị

nặng nề trên bộ mặt của viên quản lý người tứ xứ (thực ra, y đã nhập quốc tịch Monaco mặc dù “gốc tích Rumani*”, theo cách y nói, vì bao giờ y cũng dùng những từ y tưởng là sang mà không thấy đó là sai), cái cử chỉ y bấm chuông gọi thang máy, bản thân gã điều khiển thang máy, cả một màn phô trương những nhân vật con rối chui ra từ cái hộp Pandore*-Đại-Khách-sạn này, không thể phủ nhận, không thể bãi bỏ và có tác dụng tiết trùng như tất cả những gì đã thành hiện thực. Nhưng ít nhất, sự thay đổi ấy mà tôi không hề can dự vào cũng chứng tỏ rằng có một cái gì diễn ra bên ngoài tôi - cho dù tự thân nó chẳng có gì hay ho - và tôi như người du khách, lúc bắt đầu đi thấy mặt trời trước mặt, nhận ra là nhiều giờ khắc đã trôi qua khi thấy mặt trời đằng sau lưng. Tôi mệt bã người, tôi sốt, nếu có chỗ ngả lưng thì tôi đã đi nằm rồi. Tôi những muốn ít nhất cũng được nằm dài trên giường một lúc, nhưng nào có ích gì, bởi lẽ tôi chẳng thể khiến cái tổng-thể-thụ-giác là thân thể vật chất hay ít nhất là thân thể hữu thức của mỗi chúng ta tìm được chút ngơi nghỉ trong tư thế đó, và bởi lẽ những đồ vật xa lạ vây quanh nó buộc nó phải huy động mọi cảm thức ở thế cảnh giác phòng thủ thường trực, do đó duy trì thị giác, thính giác, tất cả các giác quan của tôi trong một tư thế bất tiện và gò bó (ngay cả nếu hai chân tôi có thể duỗi dài) khác nào giáo chủ La Balue bị nhốt trong cũi*, đứng không được mà ngồi cũng chẳng xong. Thoạt đầu, vì chú ý nên ta thấy đồ đạc khắp phòng, rồi quen dần, đồ đạc như rút khỏi, không còn chiếm chỗ của ta nữa. Nói đến chỗ thì trong căn phòng dành cho tôi ở Balbec (nó chỉ là phòng của tôi trên

danh nghĩa) không hề có chỗ cho tôi, nó đẩy những đồ vật xa lạ với tôi, tôi cảnh giác nhìn chúng thì chúng cũng phóng trả lại tôi những tia mắt nghi ngờ và tuyệt nhiên không đếm xỉa gì đến sự tồn tại của tôi, tỏ rõ rằng tôi đã đảo lộn nhịp sống của chúng. Trong khi ở nhà mình, mỗi tuần tôi chỉ nghe thấy tiếng đồng hồ quả lắc trong vài giây, chỉ vào những lúc tôi dứt ra khỏi một dòng suy tưởng sâu xa, thì chiếc đồng hồ quả lắc ở đây liên tục lải nhải, không lúc nào ngừng, bằng một thứ ngôn ngữ lạ hoắc, những câu chuyện chắc là không lọt lỗ tai tôi, vì những tấm rèm lớn màu tím nghe nó mà không thèm trả lời, với một thái độ tương tự như thái độ của những người nhún vai để tỏ ra khó chịu khi thấy một kẻ thứ ba đột nhập. Chúng mang lại cho căn phòng cao ngất này một tính cách gần như lịch sử khiến nó có thể thích hợp với cuộc mưu sát công tước De Guise* và sau này, thích hợp làm nơi để một hướng dẫn viên của hãng du lịch Cook đưa một đoàn khách đến tham quan - nhưng tuyệt đối không thích hợp cho giấc ngủ của tôi. Tôi khổ sở vì sự hiện diện của những tủ sách nhỏ có cửa kính chạy dọc bốn bức tường, nhưng nhất là vì một tấm gương lớn có đế chân sừng sững chắn ngang phòng và tôi cảm thấy mình không thể thư giãn được trước khi người ta cất nó đi. Tôi không ngừng ngược mắt lên (tựa như những đồng tử của chính tôi, đồ đạc trong phòng tôi ở Paris không hề làm vướng mắt tôi bởi chúng chỉ còn là những phần phụ thêm thắt vào các cơ quan trong cơ thể tôi, một sự phóng to bản thân tôi) nhìn về phía cái trần cao quá cỡ của cái phòng-chòi trên tận đỉnh khách sạn, mà bà tôi đã chọn cho

tôi. Và mùi hương của cây hương bài xộc vào tận cái vùng sâu kín hơn cả vùng thị giác và thính giác của tôi - cái vùng ở đó ta cảm nhận được chất lượng các mùi hương - gần như vào tận nơi cố thủ cuối cùng bên trong bản ngã của tôi; chống lại đợt tấn công của nó. Tôi mệt mỏi phản kích bằng cách không ngừng hít hà hoảng loạn nhưng vô hiệu. Không còn thế giới riêng, không còn phòng riêng, thậm chí thân thể mình cũng bị những kẻ địch xung quanh đe dọa, bị cơn sốt xâm chiếm đến tận xương, tôi trơ trọi một mình, tôi chỉ muốn chết. Đúng lúc ấy, bà tôi bước vào; và lập tức, những không gian vô tận mở ra đón sự khai phóng của trái tim tôi suốt từ khi tới đây bị dồn nén.

Bà tôi vận chiếc áo dài chúc bầu cù thường mặc trong nhà mỗi khi trong gia đình có ai ngã bệnh (cụ bảo mặc thế thoải mái hơn, bao giờ cụ cũng gán cho mọi việc mình làm những động cơ vị kỷ), cụ dùng nó như chiếc áo “blu” hộ lý phục vụ, hay chiếc áo bà phước, để điều trị và chăm sóc chúng tôi. Nhưng trong khi sự săn sóc của chị hộ lý, cô người hầu và bà phước, những giá trị ta thấy ở họ, và lòng tốt của họ mà ta phải hàm ơn, chỉ làm tăng thêm cái cảm giác cô đơn của ta, khiến ta tự thấy là người xa lạ đối với họ, không thể thổ lộ những suy nghĩ, nỗi khao khát sống của mình, đành giữ kín trong lòng, thì trái lại, khi ở bên bà tôi, tôi biết chắc rằng dù nỗi buồn trong tôi có lớn đến mấy, nó cũng sẽ được đón nhận trong một tấm lòng đồng cảm thương yêu còn bao la hơn; rằng tất cả những gì là của tôi, những ưu tâm, mong muốn của tôi, một khi trút sang cụ, sẽ được củng cố bởi một khát khao còn mạnh mẽ hơn khát

khao của chính tôi muốn bảo toàn và cải thiện cuộc sống của tôi; và những ý nghĩ của tôi kéo dài nơi bà tôi không hề chệch hướng vì chúng từ đầu óc tôi sang đầu óc cụ mà không đổi môi trường, không đổi chủ thể. Và - như một anh chàng soi gương để thất cà vạt không nhận ra rằng cái đầu dài cà vạt mình nhìn thấy trong đó thực ra không ở phía mình đưa tay vắt nó sang, hay như một con chó đuổi theo cái bóng tung tăng dưới đất của một con bướm đang bay* - tôi bị bề ngoài của thể chất đánh lừa, như ta vẫn mắc lừa ở dương gian này, nơi ta không thể trực tiếp cảm thụ được linh hồn, tôi lao vào vòng tay bà tôi và áp môi vào mặt cụ như thể bằng cách ấy, tôi bước vào trái tim mệnh mệnh cụ đã mở ra đón tôi. Khi tôi gấn miệng mình lên má, lên trán cụ, tôi hút được từ đấy một cái gì rất tốt lành, rất bổ dưỡng khiến tôi giữ nguyên tư thế bất động, vẻ hau háu nghiêm trang và điềm tĩnh của một đứa trẻ đang bú.

Tiếp đó, tôi ngấm không biết chán gương mặt khoát đạt của cụ, nổi bật như một áng mây đẹp ngời ngời mà đằng sau đó người ta cảm thấy niềm yêu thương tỏa ánh nồng nàn. Và tất cả những gì còn mang chút hơi hướng cảm giác của cụ dù chỉ rất loáng thoáng, tất cả những gì còn có thể gọi là thuộc về cụ, do đó lập tức được tâm linh hóa, thánh hóa, đến nỗi tôi vuốt ve trong lòng tay mái tóc đẹp mới chỉ loáng thoáng bạc của cụ với niềm tôn kính, cẩn trọng và dịu dàng như thể tôi đang nâng niu món trồn lòng đôn hậu của cụ vậy. Hễ có dịp gánh lấy phần vạt vả thay tôi và tạo cho đôi chân đôi tay mệt mỏi của tôi một lúc nghỉ ngơi yên tĩnh, là cụ vui thích, coi đó là điều tuyệt vời đến nỗi khi tôi

định ngăn không để cụ giúp tôi cởi giày đi nằm và bắt đầu tự mình thay đồ, cái nhìn van vỉ của cụ khiến đôi tay tôi lúc ấy đã đặt lên khuy áo vét và dây giày phải dừng lại.

“Ôi, bà van cháu đấy,” bà tôi nói. “Đối với bà của cháu, đây là một niềm vui rất lớn. Và nhất là, nhớ gõ vào tường gọi bà nếu cháu cần gì đêm nay, giường bà kề sát giường cháu mà vách thì rất mỏng. Lát nữa, lên giường nằm rồi, cháu thử gõ xem bà có nghe rõ không.”

Và quả vậy, tối hôm ấy, tôi gõ ba tiếng - điều mà một tuần sau, khi tôi bị ốm, sáng nào tôi cũng lặp lại trong mấy ngày liền, vì bà tôi muốn cho tôi uống sữa từ sớm. Bấy giờ, khi nghĩ rằng vừa nghe thấy bà tôi thức giấc - để cụ khỏi phải đợi và có thể quay về ngủ lại ngay - tôi rụt rè gõ ba tiếng khe khẽ nhưng rành rõ, vì nếu tôi sợ làm ngắt quãng giấc ngủ của cụ trong trường hợp tôi nghe lầm và cụ vẫn đang ngủ, thì mặt khác, tôi cũng không muốn cụ phải tiếp tục rình ngóng một tiếng gọi mà thoát đầu cụ không nghe rõ còn tôi thì không dám nhắc lại. Và tôi vừa mới gõ tín hiệu của mình thì liền nghe thấy ba cú ngữ điệu khác hẳn, đồng dục, bình thản, lặp lại hai lần cho rõ hơn, ý nói: “Đừng lo, bà nghe thấy rồi, vài phút nữa bà sẽ có mặt”; và không lâu sau đó, bà tôi tới. Tôi bảo tôi sợ cụ không nghe thấy tôi gõ, hoặc tưởng đó là một người phòng bên cạnh; cụ cười: “Nhầm lẫn tiếng gõ của cụ tí nhà bà với những tiếng khác ư? Có trộn cả nghìn tiếng, bà của nó cũng nhận ra! Vậy cháu tưởng trên đời này còn có những tiếng gõ khác cũng ngốc nghếch, cũng run rẩy, cũng phân vân giằng xé giữa nỗi sợ làm ta thức giấc với nỗi lo là ta không nghe

thấy, như tiếng gõ của cháu hay sao? Dù sao cũng chỉ cần khẽ gại vào vách là bà nhận ra ngay con chuột chí của bà, nhất là khi nó lại độc nhất vô nhị và tội nghiệp như thế. Bà đã nghe thấy nó loay hoay đủ kiểu!”

Bà tôi mở hé cánh cửa chớp; bên nhà phụ của khách sạn, mặt trời đã ngự trên mái như một người thợ lợp mái siêng năng bắt đầu làm việc từ sớm, và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong im lặng để khỏi đánh thức thành phố còn đang ngủ và sự im ắng bất động của phố phường làm cho bác ta càng có vẻ lạnh lẽo hơn. Cụ cho tôi biết bây là mấy giờ, dự đoán thời tiết, nhắc đến sương mù trên biển, dặn tôi đừng có ra tận cửa sổ chả bỏ mệ, thông báo cỗ xe nào vừa đi qua, hiệu bánh mì đã mở cửa hay chưa: tất cả cái tiết mục mở màn vô vị ấy, cái bài *introit** đầu ngày chẳng có gì đặc biệt ấy mà chẳng ai tham gia, cái mẫu đời con con chỉ thuộc về hai bà cháu tôi, mà trong ngày, tôi sẵn sàng nhắc lại trước mặt Françoise hay những người khách lạ khi nói về sương mù dày đặc vào lúc sáu giờ sáng, không phải để phô trương một kiến thức vừa học được, mà để khoe một dấu hiệu mến thương mà chỉ mình tôi được nhận; khoảnh khắc sớm mai êm đềm mở ra như một bản giao hưởng bằng một cuộc đối thoại: ba tiếng gõ nhịp nhàn của tôi được bức vách thấm đẫm tình yêu thương và niềm vui đáp lại bằng ba tiếng khác - được lặp lại hai lần - mà tôi háo hức chờ đợi và cái bức vách trở nên hài hòa, phi vật thể, lạnh lót như tiếng hát thiên thần ấy biết chuyển vào trong đó lời hứa sẽ tới và toàn bộ tâm hồn của bà tôi, với giọng điệu thông báo hoan hỉ và thánh thót. Nhưng đêm đầu tiên tới

đây, khi bà tôi rời phòng tôi, tôi lại bắt đầu đau khổ y như lúc rời khỏi nhà ở Paris. Giống như bao người khác, tôi sợ ngủ trong một phòng lạ, nỗi khiếp sợ ấy có lẽ là dạng nhún nhường nhất, kín đáo nhất, hữu cơ và gần như vô thức của sự cự tuyệt quyết liệt mà tất cả những gì tạo nên phần tốt đẹp nhất trong cuộc sống hiện tại của ta đem đối lại cái vô lý thuyết phủ ngoài việc ta chấp nhận một tương lai không có chúng trong đó; sự cự tuyệt này thực chất là do nỗi kinh hoàng tôi thường cảm thấy khi nghĩ đến việc một ngày kia cha mẹ tôi mất đi, những khó khăn về đời sống có thể buộc tôi phải sống xa Gilberte, hay đơn giản là phải cố định ở hẳn một nơi mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại bạn bè nữa; sự cự tuyệt ấy còn là nguyên nhân sâu xa khiến tôi khó mà nghĩ đến cái chết của chính mình hay nghĩ đến cái kiếp sau mà Bergotte hứa hẹn với độc giả trong những cuốn sách của ông, trong đó tôi không thể mang theo những ký ức, những khuyết điểm cùng tính cách của mình, chúng không đành lòng chịu thôi tồn tại, thôi thành hư không, cũng chẳng mong cho tôi một kiếp vĩnh hằng trong đó chúng không hiện diện.

Một hôm ở Paris, thấy tôi đau yếu nhiều, Swann bảo: “Cậu nên đến những hòn đảo tuyệt vời của Úc châu, cậu sẽ không trở về nữa”, khi ấy tôi đã muốn trả lời: “Nhưng nếu vậy thì cháu sẽ không gặp lại con gái bác nữa, cháu sẽ sống giữa những con người và sự vật mà cô ấy không bao giờ thấy.” Tuy nhiên, lý trí lại bảo tôi: “Thế thì đã sao, bởi chừng mày sẽ không vì thế mà buồn. Khi ông Swann nói mày sẽ không trở về, ông ấy ngụ ý rằng mày sẽ không

muốn trở về nữa và một khi mà đã không muốn trở về, tức là ở đó, mà thấy sung sướng.” Bởi vì lý trí của tôi biết rằng thói quen - cái thói quen giờ đây sẽ lãnh nhiệm vụ làm cho tôi yêu nơi ở này, thay đổi vị trí để gương, thay đổi sắc thái của những tấm rèm, dùng quả lắc đồng hồ - sẽ lo luôn cả việc làm cho những người bạn thoát đầu ta không ưa trở nên thân thiết đối với lòng ta, đem lại cho những gương mặt một hình thái khác, khiến cho âm sắc của một giọng nói trở nên dễ thương, chuyển biến xu thế tình cảm. Dĩ nhiên, tình thân hữu với những nơi chốn và con người mới ấy được dệt nên trên sự lãng quên những mối thân tình cũ; nhưng chính lý trí lại nghĩ rằng tôi có thể bình thản không kinh hãi nhìn thẳng vào viễn cảnh một cuộc sống trong đó tôi sẽ phải xa rời những con người mà tôi sẽ chẳng còn nhớ gì nữa, và nó hứa sẽ làm cho trái tim tôi quên đi, xem đó như một an ủi, điều đó trái lại chỉ làm cho lòng tôi phát cuồng vì tuyệt vọng. Không phải trái tim ta không cảm thấy được hiệu quả làm giảm đau của thói quen, một khi sự chia lìa đã hoàn tất; nhưng từ giờ cho tới lúc đó, nó vẫn sẽ tiếp tục đau đớn. Và nỗi sợ rằng một ngày mai ta sẽ không còn được gặp gỡ và trò chuyện với những người ta thương yêu, những người hiện đang đem lại cho ta niềm vui lớn nhất, nỗi sợ ấy chẳng những không tiêu tan mà còn tăng lên, nếu như ta nghĩ rằng thêm vào nỗi đau mất mát đó, còn có cái điều lúc này đây dường như còn xót xa hơn đối với ta: không cảm thấy nó như một nỗi đau, đứng dưng với nó; bởi vì thế thì bản ngã của ta sẽ thay đổi: sẽ không chỉ là chuyện ta không còn được bao bọc giữa những nét đáng

yêu của cha mẹ, người tình và bạn bè ta; tình cảm thương yêu của ta đối với họ rồi sẽ bị hoàn toàn dứt ra khỏi tim ta mà giờ đây nó chiếm giữ một phần quan trọng, đến nỗi ta sẽ có thể thích được cái cuộc sống lìa xa họ như thế này mà hôm nay đây, mới chỉ nghĩ đến ta đã chết khiếp; vậy sẽ là một cái chết thật sự của bản thân ta, đành rằng sau đó là sự phục sinh, nhưng là trong một bản ngã khác mà tình yêu của nó nằm ngoài tầm với của những bộ phận bị buộc phải tiêu vong của bản ngã cũ. Chính chúng - kể cả những bộ phận nhỏ nhoi yếu ớt nhất như sự gắn bó mơ hồ với kích thước và không khí của một căn phòng - đã thất kinh, khước từ và đẩy lên những cuộc nổi loạn mà ta nên xem như một phương thức kín đáo, cục bộ nhưng cụ thể và đích thực kháng cự lại cái chết, một sự kháng cự lâu dài, quyết liệt, hằng ngày chống lại cái chết dần mòn từng mảnh nối tiếp, nó đã xâm nhập vào suốt chiều dài đời ta, không ngừng tách khỏi ta những mảnh của bản thân ta và trên sự rữa nát của những mảnh ấy, những tế bào mới sẽ sinh sôi. Và đối với một bản chất yếu thần kinh như tôi (nghĩa là trong đó những dây thần kinh không làm tròn chức năng trung gian của chúng là chặn đường, không để lọt vào tới ý thức một cách rành rõ, tiếng than van đau đớn, nẫu lòng và đa bồi của những thành tố muộn măn nhất của bản ngã sắp sửa phải biến mất), nỗi hoảng sợ khắc khoải mà tôi cảm thấy dưới cái trần nhà quá cao và xa lạ này chỉ là sự phản kháng của dư tàn một tình bạn còn sót lại trong tôi đối với một cái trần nhà thấp quen thuộc. Dĩ nhiên, cái tình bạn ấy rồi sẽ biến mất, một tình bạn khác thế chỗ của nó (bấy giờ,

cái chết, rồi một cuộc sống mới, dưới cái tên Thói Quen, ắt đã hoàn tất công việc kép của chúng); nhưng từ giờ đến lúc nó tiêu tan, mỗi tối nó đều đau đớn và nhất là cái tối đầu tiên ấy, khi phải trực diện với một tương lai đã bắt đầu thành hiện thực, trong đó không có chỗ cho nó, nó vùng lên chống lại, nó rên xiết kêu than làm lòng tôi quặn đau mỗi khi mắt tôi, không thể ngoảnh đi khỏi những thứ gai mắt xung quanh, lại ngược lên cái trần nhà cao vợi vợi.

Nhưng sáng hôm sau thì thật tuyệt! - sau khi một người hầu mang nước nóng đến và đánh thức tôi dậy, trong lúc tôi tắm rửa rồi lục lọi tìm hoài không thấy những đồ mình cần trong hòm, chỉ lôi ra từ đấy một mớ lộn xộn những thứ chẳng dùng được vào việc gì, thì vui sướng biết bao! đồng thời với ý nghĩ thích thú về bữa điểm tâm và cuộc đi dạo sắp tới, tôi chợt nhìn thấy qua ô cửa sổ và tất cả các cửa kính tủ sách, như qua cửa sổ một con tàu thủy, biển khơi trần trụi tuy không có cây lá tỏa bóng mà vẫn có bóng phủ trên suốt nửa bề mặt cho tới một đường biên mảnh luôn chuyển động, và đưa mắt dõi theo những con sóng nối tiếp nhau vọt lên như những vận động viên nhảy lấy đà trên ván nhún! Tay cầm chiếc khăn tắm hồ bột cứng có in tên khách sạn, cố gắng lau khô mình mãi mãi không xong, chốc chốc tôi lại trở ra bên cửa sổ tiếp tục ngắm cái diễn trường mênh mông chói chang và trập trùng, những con sóng bạc đầu bằng ngọc bích đây, đó nhấp và trong suốt, ào ào như thác đổ với một sự cuồng bạo lạnh lùng điểm thêm một nụ cười vô diện của mặt trời. Thế rồi sau đó, sáng nào tôi cũng ra đứng nhìn bên cửa sổ, như ngó qua cửa một cỗ xe ngựa,

trong đó ta vừa ngủ dậy, để xem qua đêm dãy đồi ta khao khát có gần lại hay xa ra - ở đây, những ngọn đồi-sóng-biển, trước khi nhún nhảy trở lại phía ta, có thể lùi xa đến nỗi thường thường chỉ sau một dải cát chạy dài, tôi mới thấy những dập dờn đầu tiên của chúng tít tặn trong một khoảng cách như hơi nước, xanh mờ, trong suốt, như những dải băng hà ta thấy ở phần nền những bức tranh của các nghệ sĩ Toscane trước thời Phục hưng. Vào một số lần khác, sóng ở ngay gần kề tôi, nằng cừi trên những con sóng xanh mướt như những đồng cỏ vùng núi Alpes, cái màu xanh mơn mớn được bảo toàn cho đồng cỏ nhờ chuyển động linh hoạt của ánh sáng hơn là do độ ẩm của đất (trong những dãy núi nơi nắng trải ra đây đó như một gã khổng lồ vui vẻ nhảy tâng tâng bước dài bước ngắn xuống các triền dốc). Hơn nữa, ở cái khoảng trống này mà sóng và bãi biển đột phá vào phần còn lại của thế giới cho ánh sáng tràn vào và tích tụ lại, chính ánh sáng - tùy theo nó từ phía nào chiếu tới và hướng nhìn của mắt ta - mới là nhân tố chủ yếu di chuyển và định vị những hình thể nhấp nhô trập trùng của biển. Sự đa dạng của cách chiếu sáng có thể làm thay đổi quang cảnh của một nơi, dựng nên trước mắt ta những mục tiêu khiến ta ao ước đạt tới, không kém gì tác động của một hành trình dài đã thực sự trải qua. Buổi sáng, khi nhô lên từ đằng sau khách sạn, phơi bày trước mắt tôi bãi cát sỏi sáng lóa trải dài tới tận dãy núi ngang đầu tiên của biển, mặt trời dường như muốn chỉ cho tôi một sườn dốc khác của dãy núi và mời tôi theo trục đường xoay của những tia nắng bước vào một cuộc du hành tại chỗ mà đa

sắc thái qua những phong cảnh đẹp nhất trong cảnh quan từng giờ. Và ngay từ buổi sáng đầu tiên ấy, ông mặt trời đã tươi cười chỉ trỏ cho tôi thấy đằng xa những đỉnh xanh lơ của biển, không có tên trên bất kỳ một bản đồ địa lý nào, cho tới khi, choáng ngợp vì cuộc đi dạo uy nghi trên bề mặt những ngọn sóng và những khối nước ào ào ụp xuống, vang động và hỗn độn, ông ghé vào trú gió trong phòng tôi, kèn càng thoải mái trên chiếc giường còn bề bộn nệm gối của tôi, rải những tia nắng lên chiếc bồn rửa mặt ướt át, vào chiếc giường để mở, và bằng chính sự lộng lẫy và sang trọng không đúng chỗ của mình, ông càng làm tăng vẻ lộn xộn của căn phòng. Than ôi, một giờ sau, trong phòng ăn lớn - trong khi chúng tôi dùng bữa trưa và vắt mấy giọt chanh vàng óng lên hai con cá bơn chẳng mấy chốc chỉ còn để lại trên đĩa của chúng tôi những bộ xương tua tủa, loăn xoăn như lông chim và lạnh tanh như tiếng đàn tranh - bà tôi thấy thật đáng tiếc nếu không được hưởng hơi gió biển đầy sinh khí tốt lành vì khung kính đóng chặt tuy vẫn cho thấy tất cả bên ngoài nhưng lại ngăn cách chúng tôi với bãi biển và bầu trời lồng vào khung đó trọn vẹn đến nỗi màu thiên thanh có vẻ là màu cửa sổ và những lọn mây trắng tựa như vết lỗi thủy tinh. Ngỡ mình đang “ngồi trên đê chắn sóng” hay trong tận “khuê phòng” như trong thơ Baude laire*, tôi tự hỏi liệu cái “ánh mặt trời tỏa chiếu trên biển” ông nhắc tới có phải - nó khác xa tia nắng chiều, đơn sơ và hời hợt như một vạch run rẩy màu vàng rộm - là cái nắng lúc này đây đang nung mặt biển thành hồng ngọc, làm cho nó lên men, trở nên vàng ươm và nhờ nhờ trắng

như bia, ngầu bọt như sữa, trong khi thi thoảng những vạt bóng lớn màu xanh lơ la đà đây đó trên mặt nước, như thể do một vị thần nào đó làm xê dịch bằng cách đùa chơi xoay xoay một mảnh gương trên bầu trời. Khốn thay, không phải chỉ khác “phòng lớn” ở Combray trông sang nhà trước mặt ở vẻ bề ngoài, cái phòng ăn ở Balbec này trần trụi, tràn đầy một thứ ánh nắng xanh như nước bể bơi, và cách đó chỉ mấy mét là bức thành lũy bất khả công phá và cơ động bằng vàng và ngọc bích mà ánh sáng bạch nhật và nước triều đang dựng lên như để bảo vệ “thành phố thiên đường”. Ở Combray, vì mọi người đều biết chúng tôi, nên tôi không phải để tâm đến ai cả. Nhưng trong sinh hoạt tắm biển, người ta không quen biết người bên cạnh. Tôi còn chưa đủ lớn tuổi và còn quá nhạy cảm nên chưa thể từ bỏ mong muốn làm đẹp lòng và chinh phục người khác. Tôi chưa có được cái vẻ dửng dưng kiêu sang mà một người thượng lưu ắt phải cảm thấy đối với những người dùng bữa trưa trong phòng ăn, hay đối với những chàng trai, cô gái dạo mát dọc bờ biển; tôi buồn khổ khi nghĩ rằng mình không thể đi chơi cùng họ, nhưng sẽ còn buồn khổ hơn nếu như, do chỉ nghĩ đến sức khỏe của tôi mà bất chấp những thể thức xã giao nơi thượng lưu, bà tôi xin họ bằng lòng cho tôi đi dạo cùng - một lời yêu cầu nhục nhã đối với tôi. Dù là họ trở về một ngôi nhà nghỉ xa lạ, hay cầm vợt đi đến một sân ten-nít, hay leo lên lưng những con ngựa nện móng lên trái tim tôi, tôi đều nhìn họ với một sự tò mò say đắm dưới cái ánh sáng chói lòa làm thay đổi các chiều bề xã hội ở nơi bãi biển này, tôi dõi theo mọi cử động của họ qua lớp kính

trong suốt của khung cửa sổ rộng để biết bao ánh sáng tràn vào. Nhưng nó chắn gió và bà tôi cho đó là một khuyết điểm, cụ không thể chịu đựng được ý nghĩ làm tôi mất đi cả một giờ không được hưởng không khí và cụ lén mở một ô kính cho gió lùa vào và vèo một cái, làm bay tứ tung các tờ thực đơn, báo chí cùng khăn, mũ của những người đang ăn trưa; bản thân cụ, sáng khoái với cơn gió trời, vẫn bình thản, tươi cười như nữ thánh Blandine* giữa những tiếng la ó của những du khách đầu tóc rối tung, giận dữ, khinh miệt xúm quanh chúng tôi phản đối, điều càng làm tăng cảm giác cô độc và buồn bã của tôi.

Một bộ phận trong số này - điều mang lại một tính cách địa phương khá rõ nét cho “cư dân” của loại khách sạn cực sang này ở Balbec (thường thường là những phú hộ tứ xứ khá vô vị) - bao gồm những nhân vật lỗi lạc của những tỉnh quan trọng trong vùng này của nước Pháp: một ông chánh án tỉnh Caen, một ông chủ tịch đoàn luật sư ở Cherbourg, một ông công chứng cỡ bự ở Le Mans; vào kỳ nghỉ, từ những điểm tản mát nơi họ làm ăn riêng lẻ quanh năm như những quân cờ trên bàn cờ, họ tụ về khách sạn này. Bao giờ họ cũng đặt trước vẫn những phòng đã ở lần trước, và, cùng với các bà vợ tấp tễnh ngoi lên hàng quý tộc, họ hợp thành một nhóm nhỏ, sau có thêm một ông trạng sư tầm cỡ và một danh y của Paris gia nhập. Hai ông này, lúc ra về nói:

“A, phải rồi, các vị không đi cùng chuyến tàu với chúng tôi, các vị được ưu đãi mà - giờ ăn trưa, các vị đã ngồi nhà rồi!” “Sao kia, ưu đãi? Hai vị ở thủ đô, ở Paris, thành phố

lớn, còn tôi ở một tỉnh lẻ nghèo mười vạn dân, đúng ra là mười vạn hai nghìn theo số liệu điều tra dân số mới nhất; nhưng thối thấp gì so với chư vị ở thành phố có tới hai triệu rưỡi người và sắp trở về với đường rải nhựa và tất cả ánh sáng hoa lệ của thế giới Paris.”

Họ nói vậy, uốn lưỡi phát âm chữ “r” theo kiểu nông dân mà không ra ý chua chát, vì họ là những ngôi sao tỉnh lẻ đáng ra có thể đến Paris như nhiều người khác - vị chánh án ở Caen đã mấy lần được mời giữ một ghế ở Tòa Đại hình - nhưng họ ưng ở lại địa phương, vì yêu thành phố quê hương, hoặc vì muốn ẵm danh, hoặc vì thích vinh quang ngay tại quê nhà, hoặc nữa, tại họ bảo thủ và thích giữ quan hệ láng giềng tốt với các chủ lâu đài. Vả chẳng nhiều người trong số họ cũng không về tỉnh nhà ngay.

Vịnh Balbec như một vũ trụ nhỏ riêng biệt giữa một vũ trụ lớn, một thứ giỏ đựng các mùa tập hợp thành vòng tròn trong lòng nó những ngày biến đổi và những tháng kế tiếp nhau, sao cho không những vào những hôm người ta nhìn thấy Rivebelle - dấu hiệu sắp có đông - nắng chiếu trên các mái nhà trong khi trời tối dần ở Balbec, mà cả khi ở Balbec đã trở rét, người ta vẫn có thể chắc chắn sẽ có thêm hai, ba tháng ấm nóng ở bờ bên kia; vì vậy, những người trong số khách quen của Đại Khách sạn có lịch nghỉ bắt đầu muộn hoặc kéo dài, hễ thấy trời chuyển mưa và sương mù vào lúc sắp sang thu, liền thuê chất hành lý lên một con thuyền vượt qua vịnh sang gặp lại mùa hè ở Rivebelle hay ở Costedor. Cái nhóm nhỏ ấy của Đại Khách sạn Balbec nhìn mỗi người mới đến bằng con mắt nghi ngờ và trong khi làm

ra vẻ chẳng quan tâm gì, tất cả đều hỏi gã trưởng bồi bàn về người ấy. Gã này - tên là Aimé - thân với họ vì năm nào, vào mùa này, cũng trở lại đây làm việc và giữ bàn ăn dành riêng cho họ; và các quý phu nhân của họ, biết vợ gã sắp ở cũ, sau bữa ăn vừa ngồi khâu may đồ cho trẻ sơ sinh vừa giương kính cầm tay trùng trùng nhìn bà cháu tôi ăn trứng luộc trộn vào xà lách vì lối ăn này bị xem là tầm thường, không được ưa chuộng trong giới thượng lưu ở Alençon. Họ tỏ một thái độ mỉa mai khinh thị đối với một người Pháp được gọi là Hoàng Thượng và thực tế, ông này đã xưng vương trên một hòn đảo nhỏ ở châu Đại Dương, cư dân chỉ bao gồm mấy tên mọi. Ông trọ ở khách sạn cùng cô người tình xinh đẹp; trên đường ra bãi tắm, khi cô đi qua, bọn trẻ hô vang: “Hoàng hậu muôn năm!” vì cô rắc những đồng năm mươi xăng tim như mưa lên đầu chúng*. Ông chánh án và ông chủ tịch đoàn luật sư thậm chí còn muốn làm ra vẻ không thấy cô ta và hể thấy ai trong nhóm bạn nhìn cô là họ nghĩ cần phải cảnh báo đó chỉ là một ả thợ quèn mà thôi.

“Nhưng người ta cam đoan với tôi rằng ở Ostende*, họ từng sử dụng một phòng tắm hoàng gia mà!”

“Dĩ nhiên rồi! tiền thuê phòng là hai mươi franc. Ông cũng có thể thuê nếu ông thấy khoái. Và tôi biết đích xác là hẳn có cầu kiến đức vua, nhưng ngài nói ngài không có phận sự gì phải gặp tên vua con rồi ấy.”

“À, thật là hay ho! Lại có loại người như thế nữa!...”

Và dĩ nhiên, tất cả những điều đó là đúng, nhưng cũng vì bức bối cảm thấy đối với phần lớn đám đông, họ chỉ là

những trưởng giả không quen biết cặp vương hậu hào phóng vung vãi tiền kia mà vị công chứng, vị chánh án và vị luật sư trưởng tức tối đến thế khi cái mà họ gọi là “hình nộm hóa trang” đi ngang qua và lớn tiếng bày tỏ sự bất bình; biết vậy, nhưng gã trưởng bồi bàn thân với họ vẫn bắt buộc phải làm mặt tươi cười với cặp vương hậu tuy không chính danh nhưng hào hiệp, tuy nhiên, trong khi ghi nhận các món ăn cặp này gọi, gã gửi từ xa tới những khách hàng lâu năm của mình một cái nháy mắt đầy ý nghĩa. Có lẽ phần nào cũng vẫn cái nổi bực bội vì bị tưởng lầm là kém “sang” mà không chứng minh được rằng mình còn sang hơn, đã khiến họ tặng cái biệt hiệu “Cậu kẻo trai” cho một gã công tử bột lao phổi thích hội hè đình đám, con trai một kỹ nghệ gia, cái gã hôm nào cũng diện một chiếc vét tông mới, với một bông hoa phong lan cài khuyết áo, ăn trưa không thể thiếu sâm banh, rồi mặt trắng bệch, lạnh lùng, một nụ cười hờ hững trên môi, đi đến Casino vút lên chiếu bạc những món tiền khổng lồ “mà gã không biết quảng đi đâu cho hết”, như cách ông công chứng nói đầy vẻ thạo tin với ông chánh án, còn vợ ông này thì được “nguồn tin chính xác” cho biết chàng trai “tân kỳ*” làm cha mẹ rầu muốn chết.

Mặt khác, vị luật sư trưởng và bè bạn không ngớt lời châm biếm về một bà già giàu có và được tước phong vì bà đi đâu cũng kéo theo cả nhà. Mỗi khi hai bà vợ của vị công chứng và vị chánh án thấy bà lão trong phòng ăn vào giờ ăn, họ hỗn xược sầm soi bà bằng mục kính cầm tay với cái vẻ chi li và thách thức như đối với một món ăn có cái tên

khoa trương nhưng với vẻ bề ngoài đáng ngờ, mà sau kết quả không khả quan của một cuộc kiểm tra đúng phương pháp, người ta gạt ra với một cử chỉ xa lánh kèm một cái nhăn mặt ghê tởm.

Hắn là bằng thái độ ấy, họ chỉ muốn tỏ ra rằng nếu họ kém cạnh về một vài điểm nào đó - cụ thể là một số đặc quyền của lão phu nhân và việc họ không có quan hệ với bà - đó không phải vì họ không thể sở hữu chúng, mà là vì họ không muốn thôi. Nhưng cuối cùng, họ cũng đã tự thuyết phục được mình; đó là phải dẹp bỏ mọi khát khao, tò mò về những hình thức đời sống mà ta không biết, dẹp bỏ hy vọng làm thân với những người bạn mới, thay bằng một vẻ giả vờ cao ngạo, bằng một sự hân hoan giả tạo, điều này có cái bất tiện là khiến họ phải đặt sự bất mãn dưới cái nhãn “bằng lòng” và mãi mãi phải tự dối mình, hai điều kiện làm họ khổ sở. Nhưng hẳn là tất cả mọi người trong cái khách sạn này đều hành xử theo cách như họ, mặc dầu dưới những hình thức khác, hy sinh nỗi xao xuyến tuyệt vời được hòa mình vào một cuộc sống xa lạ, nếu không phải vì lòng tự trọng thì ít nhất cũng vì một số nguyên tắc về nề nếp giáo dục hay thói quen trí tuệ. Dĩ nhiên, cái tiểu vũ trụ biệt lập của lão phu nhân không bị nhiễm chất cay độc dữ dội như cái nhóm trong đó vợ ông công chứng và vợ ông chánh án tức tối cười gằn. Trái lại, nó ngào ngạt một hương thơm tinh tế, cũ kỹ, nhưng không kém phần giả tạo. Bởi vì thực ra, nếu cố gắng chinh phục, cố gắng chiếm cảm tình bí ẩn của những người mới (bằng cách tự làm mới bản thân) thì chắc lão bà đã tìm thấy một nét hấp dẫn hoàn toàn không

có trong cái thú chỉ giao du với người cùng giới và tự nhắc nhở mình không thềm chấp sự cao ngạo ngu dốt của kẻ khác, bởi giới mình là ưu tú nhất. Có lẽ bà cảm thấy nếu bà cứ lặng lẽ không kèn không trống đến Đại Khách sạn thì hẳn với chiếc áo dài đen bằng len và chiếc mũ vải lỗi mốt, bà sẽ khiến một gã ăn chơi nào đó ngồi trên ghế xích đu tủm tỉm lẩm bẩm: “Ôi, một mái già, ngán ời là ngán!” hoặc hơn thế, một người sáng láng nào đó với gương mặt tươi tắn và đôi mắt tinh anh hợp “gu” của bà, như kiểu dung mạo của ông chánh án giữa hai chòm râu má muối tiêu, người ấy lập tức sẽ lưu ý bà vợ xoay mặt phóng to của chiếc mực kính cầm tay để quan sát sự xuất hiện của hiện tượng bất thường này; và có lẽ vì nỗi sợ vô thức cái phút đầu tiên ngăn ngủi nhưng không kém phần khủng khiếp - giống như lần đầu lao xuống nước - mà vị phu nhân ấy đã phái một gia nhân đến trước báo cho khách sạn biết danh vị cùng những thói quen của bà, và cắt ngang những lời chào đón của viên quản lý, đi thẳng về phòng, một hành xử ngắn gọn ẩn chứa nhiều rụt rè hơn là kên kiệu; và ở phòng này, bà cũng sai lấy những rèm riêng của mình treo thay vào những rèm cửa sổ, tranh ảnh, bình phong của khách sạn, kiên quyết đặt giữa bà và cái thế giới bên ngoài người ta muốn bà phải thích nghi một bức vách ngăn làm bằng những thói quen của bà, đến nỗi tưởng như chính ngôi nhà chở che bà mang bà đi lãng du chứ không phải chỉ riêng bản thân bà.

Vậy là, sau khi đã đặt giữa một bên là bà và bên kia là đám nhân viên khách sạn cùng các dịch vụ cung cấp, các

gia nhân của mình làm trung gian để thay bà tiếp xúc với cái nhân loại mới này và duy trì quanh bà chủ cái không khí quen thuộc; sau khi đã đặt những thành kiến cá nhân thành hàng rào ngăn cách những du khách tắm biển với mình, không bận tâm đến sự phật ý của những kẻ mà bạn bè của bà ắt không thêm tiếp, bà tiếp tục sống trong thế giới riêng của mình, với việc trao đổi thư từ với bạn bè, với kỷ niệm riêng, trong lòng tự biết rõ địa vị, cung cách cao sang và ứng xử xã giao hợp thức của mình. Và hằng ngày, mỗi khi bà xuống để dạo chơi trong xe ngựa, thì anh hầu chạy bộ đi trước, cô hầu phòng mang đồ theo sau, khác nào hai lính canh ở cửa một tòa đại sứ trường quốc kỳ nước mình, đảm bảo đặc quyền ngoại giao trên đất khách quê người. Hôm chúng tôi tới, bà không rời khỏi phòng trước lúc xế chiều và chúng tôi không thấy bà ở phòng ăn; là khách mới, chúng tôi được viên quản lý thân hành dẫn tới đây vào giờ ăn trưa dưới sự che chở của ông ta, như một thầy đội dẫn lính mới đến chỗ thầy cai-phó may để lấy số đo may quần áo; nhưng bù lại, một lát sau, chúng tôi gặp hai cha con một nhà tiểu quý tộc nông thôn vùng Bretagne, tôn ông và tiểu thư De Stermaria, thuộc một dòng họ không mấy danh giá nhưng rất lâu đời; người ta đã xếp chúng tôi ngồi bàn dành cho họ, tưởng đến tối họ mới về. Đến Balbec cốt gặp lại những chủ lâu đài họ quen ở trong vùng, họ chỉ qua phòng ăn của khách sạn vừa đủ thời gian thật cần thiết xen giữa những lần nhận lời mời dùng bữa ở ngoài và những buổi đi thăm viếng. Chính thái độ kiêu căng của họ đã tước đi của họ thiện cảm của mọi người và

khiến họ không quan tâm gì đến những người lạ quanh mình; ở giữa đám người ấy, ông De Stermaria giữ vẻ giá băng, hồi hã, xa cách, cộc cằn, chấp nhặt và ác ý, như kiểu người ta thường thể hiện ở một quầy ăn trên tàu hỏa, giữa những hành khách ta chưa gặp bao giờ, chắc cũng sẽ chẳng gặp lại và giữa đôi bên không có liên quan gì khác ngoài việc bảo vệ món gà đông lạnh và chỗ của mình trong toa khỏi bị giành mất. Chúng tôi vừa mới bắt đầu bữa trưa thì đã có người đến yêu cầu trả lại bàn, theo lệnh của tôn ông De Stermaria, ông này vừa trở về và, không thêm tỏ một cử chỉ nhỏ nào xin lỗi chúng tôi, lớn tiếng yêu cầu tay trưởng bồi bàn chú ý đừng để một sai lầm như thế lặp lại vì ông rất khó chịu khi thấy “những người ông không quen biết” lấy bàn của ông.

Còn có một nữ diễn viên (nổi tiếng vì phong thái thanh lịch, trí tuệ và bộ sưu tập đồ sứ Đức đẹp của mình hơn là vì mấy vai diễn ở Nhà hát Odéon) cùng người tình, một chàng trai rất giàu, và hai người đàn ông cực kỳ nổi bật trong giới quý tộc, hợp thành một nhóm riêng biệt trong sinh hoạt, đi đâu cũng chỉ đi cùng nhau, ăn trưa ở Balbec rất muộn, khi mọi người đã ăn xong, rồi suốt ngày đánh bài trong phòng khách; cố nhiên, động cơ thúc đẩy nàng ứng xử như thế không hề hàm chứa chút gì là ác ý, mà chỉ do sở thích của họ đối với một số hình thái tinh thần trong trò chuyện, đối với một số tinh tế trong ẩm thực, đòi hỏi vậy, những điều đó khiến họ thấy chỉ sinh hoạt, ăn uống cùng nhau mới thích và khiến họ không thể chịu nổi phải sống cùng những người chưa được “vỡ lòng” về những mặt ấy. Ngay cả trước

bàn ăn hay trước bàn đánh bài, mỗi người trong nhóm họ cũng cần biết liệu trong người thực khách hay người bạn chơi ngồi trước mặt mình, có tiềm tàng một kiến thức chưa dùng tới, đủ để cho phép nhận ra cái của rỏm mà vô khối nhà ở Paris trưng ra khoe là đồ “Trung cổ” hay là đồ “Phục hưng” chính cống và trong mọi lĩnh vực, có những tiêu chí chung với họ để phân biệt cái thật với cái rỏm. Dĩ nhiên, lối sinh hoạt đặc biệt mà ở đâu những người bạn ấy cũng muốn đắm mình vào, chỉ còn thể hiện vào những lúc ấy bằng một tiếng tán thán hiếm hoi và ngộ nghĩnh thốt ra giữa im lặng của bữa ăn hay của ván bài, hoặc bằng chiếc áo dài mới duyên dáng mà cô đào trẻ mặc để ăn trưa hay để đánh bài. Nhưng bằng cách bao bọc họ trong những thói quen mà họ thấu triệt, lối sinh hoạt ấy đủ để che chở họ chống lại cái bí ẩn của cuộc sống xung quanh. Trong những buổi chiều dằng dặc, biển chỉ lơ lửng trước mặt họ như một bức tranh màu sắc ư nhìn treo trong phòng khách của một gã độc thân giàu có, và chỉ thi thoảng, giữa những nước bài, vì không biết làm gì hơn, một trong những người chơi mới ngược mắt nhìn ra biển để xem thời tiết tốt xấu ra sao hay ước đoán giờ và nhắc những người kia là bữa chiều đang đợi. Và buổi tối, họ không ăn ở khách sạn, nơi nguồn điện rót tràn trề những làn sóng ánh sáng vào phòng ăn rộng lớn, căn phòng trở nên giống như một bể nuôi cá kỳ ảo, mênh mông, thu hút thợ thuyền, dân chài và cả những gia đình tiểu tư sản của Balbec đến chen chúc nhau trong bóng tối, dán mắt vào vách kính ngắm cảnh sống xa hoa của những con người kia đang chậm chậm đung đưa trong

dập dềnh vàng son, đối với người nghèo, cuộc sống ấy cũng kỳ lạ như cuộc sống của các loài cá và nhuyễn thể lạ (một vấn đề xã hội lớn đặt ra: liệu bức vách thủy tinh có mãi mãi bảo vệ được bữa tiệc của những con vật kỳ diệu, hay những con người tăm tối đang hau háu nhìn chúng trong đêm, một ngày kia, sẽ đến tóm gọn chúng ngay trong bể này để đánh chén?). Trong khi chờ đợi, trong đám đông lão nháo dừng lại trong đêm, có thể có một nhà văn nào đó, một người nghiên cứu không chuyên về loài nhân ngư; người này, nhìn hàm những quái vật già giống cái khép lại trên một miếng thức ăn được nuốt vào, thích phân loại chúng theo chủng, theo tính cách bẩm sinh, nhưng cũng theo cả những tính cách hình thành trong quá trình tiến triển, điều đó khiến một bà già người Serbie có cái miệng của loài cá biển lớn nhưng lại ăn xà lách như một thành viên của dòng họ La Rochefoucauld*, bởi vì từ bé bà đã sống trong vùng nước ngọt ngoại ô Saint-Germain.

Vào giờ này, người ta thấy ba chàng mặc *smoking* đang chờ nàng diễn viên đến trễ; không lâu sau, từ buồng thang máy mà nàng đã bấm nút gọi lên tầng để đưa mình xuống, nàng bước ra như từ một hộp đựng đồ chơi, trong một chiếc áo dài - hầu như lần nào cũng là một chiếc mới - cổ quàng những tấm khăn được chọn theo sở thích riêng của người yêu. Và, xét thấy cái hiện tượng đại tử lâu quốc tế cấy vào Balbec chỉ có tác dụng phát triển sự xa hoa chứ không nâng cao nghệ thuật nấu ăn, cả bốn người chui tọt vào một chiếc xe đưa họ tới dùng bữa tối ở một tiệm ăn nhỏ nổi tiếng cách đó nửa dặm; tại đây, họ có những cuộc trao

đổi bất tận với người đầu bếp về thành phần thực đơn và cách làm những món ăn. Trong cuộc xe này, con đường hai bên trống táo xuất phát từ Balbec đối với họ chỉ là khoảng cách phải vượt qua - trong đêm đen, nó chẳng mấy khác với khoảng cách từ nhà họ ở Paris đến quán cà phê Anh quốc hay đến Tháp Bạc - trước khi tới cái tiệm ăn nhỏ thanh lịch; ở đây, trong khi bạn bè của chàng trai phú hộ ganh tị vì thấy chàng có cô nàng người yêu diện ngất như vậy, thì những tấm khăn quàng của nàng giăng ra trước họ một tấm mạng mềm mại, thom ngào ngạt, ngăn cách nàng với thế giới.

Tôi muốn có tâm thái yên tĩnh, mà khốn thay! Tôi không sao giống được những người ấy. Tôi quan tâm đến nhiều người trong bọn họ. Tôi những muốn mình bị xem như không tồn tại trong mắt của vị lãnh chúa lớn của vùng này. Đó không phải ai khác, mà là anh rể của Legrandin, một người trán thấp tè, có cái nhìn luôn né tránh, bị hạn chế bởi những thành kiến và tầm học vấn của ông ta. Thỉnh thoảng đến thăm Balbec, vợ chồng ông hằng tuần mở tiệc chiêu đãi ngoài hoa viên và do đó, ngày Chủ nhật, làm khách sạn vui đi một phần các khách quen vì một vài người trong số đó được mời đến dự các dạ hội đó, còn những người khác, để khỏi có vẻ bị cho ra rìa, chọn hôm đó để làm một cuộc đi chơi xa. Hơn nữa, hôm đầu tiên đến khách sạn, ông ta còn bị tiếp đãi rất sơ suất nữa vì đám nhân viên vừa từ Côte d'Azur tới chưa biết ông là ai. Chẳng những ông không vận đồ flanen trắng, mà còn vì quen với cung cách Pháp cổ và không biết gì về sinh hoạt ở những khách sạn

sang, khi bước vào một sảnh có phụ nữ, ông đã bỏ mũ từ ngoài cửa, khiến viên quản lý thậm chí không thèm chạm đến mũ mình để đáp lễ, đồ rằng đó ắt là một lão cha căng chú kiết nào đó, mà y gọi là một kẻ “ngoài rìa”. Chỉ có bà vợ ông công chứng là cảm thấy cuốn hút về phía người mới tới, ông ta toát ra tất cả cái tầm thường trịnh trọng của những người đứng đắn nghiêm chỉnh và, với đầu óc phân định không thể sai và uy tín không thể phản bác của một người biết rõ giới thượng lưu ở Le Mans đến từng chân tơ kẽ tóc, bà tuyên bố rằng họ đang đứng trước một người rất cao sang, có giáo dục hoàn hảo, khác hẳn với những người thường gặp ở Balbec mà bà cho là “không thể chơi được” chừng nào bà chưa giao du với họ. Việc bà ta đánh giá ông anh rể của Legrandin cao như vậy có lẽ là do cái vẻ bề ngoài tẻ nhạt của một người chẳng có gì là oai phong, cũng có lẽ là do bà đã nhận ra ở ông quý tộc - nông dân có dáng dấp một người giữ kho đồ thờ kia những dấu hiệu bí ẩn của chủ nghĩa tăng lo* mà chính bà tin theo.

Mặc dù được biết những gã trai hôm nào cũng cưỡi ngựa trước cửa khách sạn là con của một thương gia gian xảo, chủ một cửa hiệu kinh doanh hàng mốt mới, mà cha tôi ắt chẳng bao giờ hạ mình làm quen, môi trường “sinh hoạt tầm biển” vẫn dựng chúng thành những pho tượng “á thần kỵ mã” trước mắt tôi và điều tốt nhất tôi có thể trông chờ là chúng đừng có bao giờ để mắt đến tôi đây, cái thằng bé tội nghiệp mỗi khi rời khỏi phòng ăn của khách sạn chỉ còn biết ra ngồi trên cát. Thậm chí tôi những muốn khơi gợi thiện cảm ở con người phiêu lưu đã từng làm vua của một

hòn đảo nhỏ xa vắng ở châu Đại Dương, ở cả anh chàng ho lao mà tôi thích phỏng đoán rằng anh giấu dưới vẻ bề ngoài xấc xược một tâm hồn nhút nhát và dịu dàng, chan chứa tình yêu thương mà có thể anh sẽ hào phóng dồn cho mình tôi. Vả chăng (trái với điều người ta thường nói về những mối quan hệ trên đường du lịch), vì việc ta xuất hiện cùng một số người nào đó trên một bãi biển - nơi ta đôi lần trở lại - có thể thêm cho ta một hệ số nhân không có thứ tương đương trong thực tế đời sống thượng lưu, thành thử khi trở về với đời sống ở Paris, không có gì ta chăm chút vun trồng bằng những tình bạn được kết giao ở những lần đi tắm biển, thay vì đẩy chúng ra xa. Tôi băn khoăn về những ý kiến mà các nhân vật quan trọng nhất thời hay ở địa phương có thể nhận định về tôi, cái cách tôi hay đặt mình vào địa vị người khác và thử mang tâm trạng của họ khiến tôi xếp họ không phải vào thứ bậc thật sự của họ, mà là vào hàng họ có thể chiếm giữ ở Paris chẳng hạn, trong trường hợp này sẽ là rất thấp, nhưng ở Balbec không có một thước đo chung, nên ngôi vị thực ra thuộc về họ có vẻ rất cao và đáng quan tâm đặc biệt. Buồn thay, không một thái độ miệt thị nào của tất cả những người ấy đối với tôi làm tôi khổ tâm bằng sự khinh bỉ của ông De Stermaria.

Bởi vì tôi đã để ý đến con gái ông ngay từ lúc cô bước vào, gương mặt xinh đẹp trắng, gần như phơn phớt xanh, của cô, có gì riêng biệt trong tư thế thân hình cao lớn cũng như trong dáng đi nó khiến tôi có lý do để nghĩ đến tính kế thừa và nề nếp gia giáo quý tộc nơi cô, nhất là khi tôi biết cô thuộc dòng họ nào - giống như những chủ đề biểu hiện

được một nhạc sĩ thiên tài chế ra, miêu tả cái nhấp nháy của ngọn lửa, tiếng róc rách của dòng sông và sự yên ả của thôn dã một cách tuyệt vời, đối với những thính giả đã đọc lướt qua kịch bản trước, chúng lái trí tưởng tượng của họ vào hướng đúng. “Dòng giống” tôn thêm những nét quyến rũ của tiểu thư De Stermaria, cho ta thấy nguyên nhân tạo nên chúng, càng làm cho duyên sắc của nàng dễ hiểu hơn, toàn vẹn hơn. Dòng giống cũng khiến ta ham muốn duyên sắc ấy hơn, với ý thông báo rằng đó là điều khó với tới được, như kiểu một món đồ ta ưng ý được đặt giá càng cao thì càng tăng giá trị. Và dòng huyết thống đem lại cho nước da bao gồm những tinh cốt chọn lọc cái hương vị của một trái cây từ miền đất lạ hay của một loại rượu nho nổi tiếng.

Vậy mà một sự tình cờ đột ngột trao vào tay hai bà cháu tôi cơ hội giành được uy tín tức thì đối với toàn thể cư dân của khách sạn. Thật vậy, ngay từ hôm đầu tiên đến đây, vào lúc vị lão phu nhân từ trên phòng mình đi xuống, với gã hầu bộ đi trước, cô hầu phòng chạy theo sau mang một tấm mền và một cuốn sách bỏ quên, gây ấn tượng đối với mọi người, kích thích ở tất cả, và rõ ràng nhất là ở ông De Stermaria, sự tò mò và kính trọng, viên quản lý cúi về phía bà tôi và với đầy nhã ý (như kiểu người ta chỉ cho một khán giả thấy hoàng đế Ba Tư hay nữ hoàng Ranavalô*, dĩ nhiên là người này chẳng có bất kỳ quan hệ gì với vị vua hùng mạnh, nhưng có thể thấy thú vị được nhìn thấy ngài chỉ cách mình vài bước), ông ta nói nhỏ vào tai cụ: “Nữ hầu tước De Villeparisis đấy”, trong khi cùng lúc ấy, vị phu nhân này, chợt thấy bà tôi, không kìm nổi niềm vui bất ngờ

trong ánh mắt.

Có thể nói sự xuất hiện bất ngờ của bà tiên quyền uy nhất dưới hình dạng một lão bà nhỏ bé cũng không làm tôi vui thích hơn, giữa lúc tôi tuyệt không có cách nào để tiếp cận tiểu thư De Stermaria, ở một xứ sở tôi không quen biết ai. Tôi muốn nói, không quen biết ai về mặt thực dụng. Còn về phương diện thẩm mỹ thì số lượng mẫu người điển hình quá ít ỏi nên dù đi đâu, ta cũng luôn có niềm vui được gặp lại những gương mặt quen thuộc, thậm chí không cần phải tìm trong tranh của các bậc thầy xưa, như Swann vẫn làm. Chính theo quan niệm đó mà ngay từ những ngày đầu chúng tôi lưu trú ở Balbec, tôi đã gặp Legrandin dưới dạng một gã bồi bàn quán cà phê, người gác cổng nhà ông Swann biến thành một khách vắng lai người nước ngoài mà tôi không có dịp thấy lại nữa và sau cùng là chính Madame Swann hóa thân thành chuyên viên trông coi việc tắm biển. Và có một lực nam châm hút một số tính cách về diện mạo và tâm tính lại với nhau và giữ chúng khăng khít bên nhau không thể tách rời đến nỗi khi tạo hóa đưa một nhân cách vào một cơ thể mới, nhân cách ấy không bị sút mẻ quá nhiều. Legrandin hóa thân thành bồi bàn tiệm cà phê vẫn giữ nguyên vẹn vóc dáng, nét mũi nhìn nghiêng và một phần cái cằm; Madame Swann ở dạng nam giới, với tư cách là chuyên viên trông coi việc tắm biển, vẫn kế tiếp không chỉ những nét diện mạo quen thuộc mà cả một chút gì trong cách nói năng. Có điều, với chiếc dây lưng đỏ thắt quanh mình, hơi thấy sòng lưng một tí là phát cờ cấm tắm (vì không mấy người trong số các chuyên viên trông coi

việc tắm biển biết bơi nên họ rất thận trọng), “bà” không giúp ích gì cho tôi hơn khi ở bức tranh tường *Cuộc đời của Moïse* trong đó đạo xưa ông Swann đã nhận ra bà dưới những nét của con gái của Jethro. Trong khi Madame de Villeparisis đúng là con người mình đích thực, không hề bị phép mầu nào tước hết uy lực, mà trái lại, còn có khả năng khiến tôi sử dụng một phép mầu làm tăng uy lực lên gấp trăm lần, nhờ đó, tôi như được chở trên cánh một con thần diệu chỉ trong vài khoảnh khắc đã băng qua những khoảng cách xã hội mênh mông - ít nhất là mênh mông trên địa bàn Balbec - ngăn giữa tôi và tiểu thư De Stermaria.

Rủi thay, nếu có một người nào đó sống khép kín, hơn ai hết, trong thế giới riêng của mình, thì đó là bà tôi. Cụ sẽ không hiểu, thậm chí sẽ không khinh tôi, nếu biết tôi quan tâm đến hoặc coi trọng ý kiến của những ai đó mà ngay đến sự tồn tại của họ, cụ cũng không để ý, và cho đến khi rời khỏi Balbec, cụ vẫn không nhớ họ tên của họ; tôi không dám thú thật với cụ rằng tôi sẽ rất vui thích nếu chính những người đó trông thấy cụ trò chuyện với Madame de Villeparisis, vì tôi cảm thấy bà nữ hầu tước có uy tín trong khách sạn và tình bạn của bà sẽ nâng cao vị thế của chúng tôi trong mắt ông De Stermaria. Tuyệt nhiên không phải tôi nghĩ bà bạn cũ của bà tôi là người tiêu biểu cho giới quý tộc; tại tôi đã quá quen với tên bà vốn luôn được nhắc tới ở nhà tôi từ hồi tôi còn bé tí chưa đủ ý thức để chú tâm đến nó; và tước hiệu của bà cũng chỉ thêm vào đó một đặc điểm kỳ dị như kiểu một cái tên hiếm thấy đôi khi xuất hiện trong những tên đường phố, người ta chẳng thấy nơi tên

phố Lord-Byron, phố Rochechouart rất bình dân và tầm thường, hay phố De Grammont có gì quý phái hơn phố Léonce-Reynaud hay phố Hyppolyte-Lebas. Tôi nghĩ về Madame de Villeparisis cũng chỉ như về một người thuộc một giới đặc biệt, không hơn gì ông anh em họ Mac-Mahon của bà mà tôi chẳng thấy khác với ông Carnot* cũng là tổng thống nước Cộng hòa như ông ta, hay với Raspail mà bác Françoise đã mua ảnh chụp ông ta cùng với ảnh Giáo hoàng Pie IX. Nguyên tắc của bà tôi là khi đi du lịch thì không nên vướng víu với những quan hệ thân quen nữa, người ta đến bãi biển không phải để gặp người quen, việc đó ở Paris ta có dư thời gian để làm, ở đây họ chỉ khiến ta mất thì giờ quý báu vào những thứ lịch sự xã giao, trò chuyện nhàm chán, mà đáng lẽ phải dành toàn bộ để tận hưởng không khí thoáng đãng trước những con sóng; và thấy rằng cứ xem như mọi người đều chia sẻ quan điểm này cho tiện, nó cho phép những người bạn tình cò chạm trán nhau ở một khách sạn giả bộ như không quen biết nhau, nên khi viên quản lý nhắc tên vị nữ hầu tước, bà tôi chỉ quay mắt đi chỗ khác và có vẻ như không trông thấy Madame de Villeparisis, và bà này, hiểu ý cụ không muốn tỏ vẻ nhận ra ai, đến lượt mình, lại nhìn vào khoảng không. Bà đi khỏi và tôi ở lại trong cô đơn như một nạn nhân đắm tàu ngỡ một con tàu tiến lại gần mình nhưng sau đó lại biến mất không dừng lại.

Bà hầu tước cũng dùng bữa ở phòng ăn, nhưng ở đầu đằng kia. Bà không biết một ai trong số những người ở dài hạn hay trọ tại khách sạn, kể cả ông De Cambremer; thật

vậy, tôi thấy ông này không chào bà, hôm hai vợ chồng ông nhận lời mời ăn trưa của vị chủ tịch đoàn luật sư của tỉnh; ông này, say sưa với vinh hạnh được tiếp nhà quý tộc tại bàn ăn của mình, né tránh các bạn ngày thường, chỉ nháy mắt với họ từ xa, ngụ ý bảo đây là một sự kiện lịch sử, song khá kín đáo để họ khỏi lầm tưởng đó là một lời mời lại gần.

“Thế nào, chắc là ông nhầm đúng chỗ, ông thành người sang rồi,” tối hôm ấy, bà vợ ông chánh án tỉnh nói với chồng.

“Sang ư? Tại sao?” ông chủ tịch đoàn luật sư hỏi lại, giấu niềm vui của mình dưới một vẻ ngạc nhiên đẩy lên thái quá; “vì những khách mời của tôi ư?” ông vừa nói vừa cảm thấy không thể giả vờ lâu hơn nữa; “nhưng mà mời các bạn đến ăn trưa thì có gì là sang chứ. Đằng nào họ chả phải ăn ở đâu đó”.

“Sang chứ! Có đúng là ông bà De Cambremer không nào? Tôi đã nhận ra họ mà. Bà vợ là một nữ hầu tước. Chính thống đấy. Không phải theo nữ hệ đâu”.

“Ôi, đó là một phụ nữ rất giản dị, khó thấy ai ít kênh kiêu hơn. Tôi ngỡ bà sẽ đến, tôi đã ra hiệu cho bà mà... nếu thế thì tôi đã có dịp giới thiệu bà!” ông nói, sửa sự huênh hoang của đề xuất ấy bằng một vẻ châm biếm nhẹ nhàng, như khi Assuérus nói với Esther: “Ta có phải tặng nàng một nửa Giang Sơn của ta không?”*

“Không, không, không, phận nữ chúng tôi ẩn mình như đóa hoa vi ô lét e ấp.”

“Nhưng bà đã sai lầm rồi, tôi khẳng định lại với bà thế,” ông chủ tịch đoàn luật sư nói, lúc này mạnh dạn hơn khi mà

phút nguy hiểm đã qua. “Họ ắt chẳng ăn thịt bà đâu. Vậy bây giờ ta chơi bài chứ?”

“Sẵn sàng thôi. Chúng tôi không dám đề xuất trước vì bây giờ ông giao du với các bà hầu tước cơ.”

“Ôi, thôi đi, họ đâu có gì khác thường đến thế. Mà này, mai tôi ăn tối ở chỗ họ. Ông có muốn đi thay tôi không? Rất thiện ý đấy. Thật lòng, tôi cũng muốn ở lại đây.”

“Không, không!... Họ sẽ cách chức tôi vì tội phản động mất”, ông chánh án kêu lên, cười rữ đến chảy nước mắt vì câu đùa của mình. “Nhưng cả ông nữa, ông cũng được tiếp đãi ở Féterne đấy thôi,” ông quay sang nói thêm với viên công chứng.

“Ồ, những ngày Chủ nhật tôi thường đến đó, vào một cửa, ra cửa kia ấy mà. Nhưng họ không ăn trưa ở nhà tôi như ở nhà ngài chủ tịch đoàn luật sư.”

Ông chủ tịch luật sư đoàn rất tiếc là hôm ấy ông De Stermaria không có mặt ở Balbec. Nhưng ông khôn ngoan đánh tiếng với tay trưởng hầu bàn như sau:

“Aimé này, anh có thể nói với ngài De Stermaria rằng ngài không phải là nhà quý tộc duy nhất trong phòng ăn này. Anh nhìn thấy rõ vị tôn ông đã ăn trưa với tôi chứ? Để rìa nhỏ, dáng dấp nhà binh, thấy chứ hử? Này, đó là hầu tước De Cambremer.”

“Ôi, thật à? Mà tôi chả lấy gì làm lạ!”

“Điều đó sẽ chỉ cho ông ta thấy là ông ta không phải người duy nhất có danh tước. Nghe kỹ nhé! Cho mấy tay quý tộc ấy câm họng cũng chẳng phải là điều dở. Anh biết

đấy, Aimé, nếu anh muốn thì đừng nói gì với ông ta cả; tôi đây, những điều tôi nói không phải vì cá nhân tôi; vả chăng, ông ta cũng có biết ngài hầu tước đấy.”

Và ngày hôm sau, ông De Stermaria, vốn biết ông chủ tịch luật sư đoàn đã từng cãi cho một người bạn của mình, thân hành đến tự giới thiệu.

“Đúng ra, bạn chung của chúng ta, ông bà De Cambremer, có ý muốn tạo cơ hội để chúng ta gặp nhau, song lịch ngày giờ của chúng ta không trùng khớp nhau, hay vì lý do gì khác tôi không biết nữa,” ông chủ tịch luật sư đoàn nói; giống như nhiều kẻ nói dối, ông tưởng rằng người ta sẽ không tìm cách làm sáng tỏ một chi tiết tuy vặt vãnh nhưng cũng đủ để tố cáo một tính cách khiến ta mãi mãi không tin cậy nữa nếu tình cờ khiến ta nắm được sự thật đơn giản trái ngược hẳn với chi tiết ấy.

Như mọi khi, nhưng thoải mái hơn trong khi ông bố tách ra xa để trò chuyện với ông chủ tịch luật sư đoàn, tôi ngắm tiểu thư De Stermaria. Những tư thế của cô, độc đáo một cách táo bạo và bao giờ cũng đẹp, như cách cô đặt khuỷu tay trên mặt bàn mà nâng ly rượu cao hơn tầm cánh tay trên, cũng rõ nét không kém vẻ khô lạnh trong một ánh nhìn mau chóng tắt lịm, cái chất khắc nghiệt cơ bản, di truyền trong dòng tộc (người ta cảm thấy thế) ẩn tận đáy giọng nói, mà những thanh điệu uốn éo của cá nhân cô không đủ để che phủ kín, cái chất đã làm bà tôi thấy chối, một thứ chốt cố định luôn kéo cô về chỗ mỗi khi cô vừa bộc lộ ý nghĩ riêng của mình bằng một tia mắt hay một ngữ điệu; tất cả những cái đó khiến ai quan sát cô cũng không

khỏi nghĩ về dòng dõi đã truyền lại nơi cô cái thiên hướng thiếu đồng cảm với con người như vậy, cũng như những khiếm khuyết về tính nhạy cảm và luôn thiếu khoáng đạt trong thực chất. Nhưng qua một vài ánh mắt vụt lóe nơi đáy đồng tử nhanh chóng khô kiệt, trong đó người ta cảm thấy cái dịu dàng ngoan ngoãn gần như phục tòng nơi người đàn bà kiêu kỳ nhất khi bị ngự trị bởi ham thích khoái cảm nhục dục, người ấy sắp tới đây chỉ còn công nhận một thứ giá trị, đó là thứ giá trị của bất kỳ kẻ nào, dù là kép hát hay gã làm trò ngoài chợ, có thể mang lại cho nàng khoái cảm ấy, và có thể một ngày kia nàng sẽ bỏ chồng theo gã; bằng vào một sắc hồng rực đầy nhục cảm chột ửng lên trên đôi gò má nhợt nhạt của cô tựa cái sắc hồng chúm chím giữa những bông hoa súng trắng trên hồ Vivonne, tôi cảm thấy cô có thể dễ dàng cho phép tôi đến tìm trên mình cô cái vị của cuộc sống thơ mộng cô sống ở Bretagne, cái cuộc sống mà, hoặc do quá quen, hoặc do thiên kiến bẩm sinh, hoặc vì ghê tởm sự nghèo khó hay vì ngán cái thói keo kiệt của những người thân, dường như cô coi chẳng đáng giá gì, song vẫn giữ nguyên phong nhụy trong thân thể mình. Trong cái trữ lượng ý chí còm cõi, khiến sắc diện cô có một vẻ gì đó hèn nhát, có lẽ cô sẽ không tìm thấy đủ nghị lực để cưỡng lại. Và cái mũ dạ màu *ghi* có cầm chiếc lông chim hơi lỗi mốt và kiểu cách, mà nhất nhất bữa ăn nào cô cũng đội, làm tôi thấy cô dịu dàng hơn, không phải vì nó hài hòa với nước da trắng hồng của cô, mà vì, bằng cách khiến tôi tưởng như cô nghèo, nó kéo cô lại gần tôi hơn. Buộc phải giữ một thái độ quy ước vì sự

có mặt của ông bố, nhưng trong cách nhìn nhận và đánh giá những người trước mắt mình, nàng đã có những nguyên tắc khác với ông, và có lẽ ở tôi, nàng sẽ không chú mục tới cái thứ hạng xoàng xĩnh, mà để tâm đến giới tính và tuổi trẻ. Nếu một hôm nào đó, ngài De Stermaria ra phố một mình không rủ con gái đi cùng và nhất là nếu nàng lại thấy Madame de Villeparisis đến ngồi vào bàn ăn bà cháu tôi, do đó nhìn chúng tôi bằng con mắt trọng thị, khiến tôi mạnh dạn lên tiếp cận nàng, biết đâu chúng tôi chẳng có thể trao đổi đôi lời, hẹn hò nhau, gắn bó với nhau hơn. Và rồi một tháng nào đó, khi nàng ở lại một mình, xa cha mẹ, trong tòa lâu đài lãng mạn, biết đâu chúng tôi sẽ chẳng có cơ hội chỉ riêng hai đứa sánh vai dạo chơi trong hoàng hôn khi trên mặt nước đã sẫm tối, những bông hoa thạch thảo hồng hồng lấp lánh dịu dàng hơn dưới bóng những cây sồi sừng vồ bì bõm nơi gốc. Chúng tôi sẽ có thể cùng nhau rong ruổi trên hòn đảo này, đối với tôi, nó in đậm bao nét quyến rũ vì nó chứa đựng cuộc sống hằng ngày của tiểu thư De Stermaria và mãi mãi mắt nàng còn lưu giữ ký ức về nó. Bởi tôi cảm thấy tôi sẽ chỉ thực sự sở hữu nàng ở đó, khi tôi đã đi qua những nơi chốn từng bao bọc nàng trong bao kỷ niệm - những kỷ niệm ấy tựa như tấm mạng che mà dự vọng nơi tôi muốn giật bỏ, thứ mạng che mà Tạo hóa giăng ra giữa người đàn bà và một vài kẻ đàn ông (cũng vẫn với cái ý đồ đã khiến Tạo hóa đặt hành động sinh sản xen giữa mọi sinh vật với khoái cảm mãnh liệt nhất, và với côn trùng thì đặt trước mặt hoa lớp phấn mà chúng phải tải đi) để những kẻ này, trong tâm trạng bị đánh lừa bởi cái ảo tưởng

là như vậy, họ sẽ sở hữu nàng một cách trọn vẹn hơn, buộc phải, trước hết, chiếm lĩnh những cảnh quan trong đó nàng đang sống, và những cảnh quan đó tuy có ích cho trí tưởng tượng hơn là khoái cảm nhục dục, nhưng không đủ để cuốn hút họ nếu thiếu nó.

Nhưng lúc này đây, tôi phải rời mắt đi khỏi tiểu thư De Stermaria vì, hẳn là xét thấy việc làm quen với một nhân vật quan trọng là một hành động hiếu kỳ và ngắn gọn, chừng nấy là đủ, việc phát huy trọn vẹn mức độ quan tâm không đòi hỏi gì hơn một cái bắt tay thật chặt và một cái nhìn sắc sảo, không chuyện trò ngay tức thì cũng chẳng hứa hẹn liên lạc sau này, phụ thân nàng đã cáo từ ông chủ tịch luật sư đoàn và trở lại ngồi trước mặt con gái, hai tay xoa vào nhau như một người vừa mua được một món đồ quý. Còn ông chủ tịch luật sư đoàn thì một khi những xúc động đầu tiên của cuộc hội kiến này đã qua đi, người ta lại thấy ông như những ngày khác, chốc chốc lại nói với tay trưởng hầu bàn.

“Ta có phải vua chúa gì đâu, Aimé; hãy đến mà châu chực bên đức vua... Ngài chánh án nhìn xem, mấy chú cá hồi kia có vẻ ngon đấy chứ, ta sẽ yêu cầu Aimé cho món đó. Aimé này, cái con cá con con đằng kia xem ra rất đáng thưởng thức, hãy xọc-via* món ấy cho chúng ta, Aimé. Và bao nhiêu cũng vừa...”

Ông nhắc đi nhắc lại cái tên Aimé* suốt, đến nỗi mỗi khi ông mời ai ăn tối, vị khách thường nói với ông: “Tôi thấy ngài rất được quý trọng ở đây”, và nghĩ mình cũng phải luôn thốt lên “Aimé” theo cái xu hướng vừa rụt rè, vừa tầm

thường lại vừa ngu ngốc của một số người sẵn sàng tin rằng bắt chước nguyên xi những người ngồi cùng bàn với mình là trí xảo và thanh lịch. Ông không ngừng nhắc đi nhắc lại cái tên ấy nhưng với một nụ cười tủm tỉm vì ông muốn chứng tỏ mình có quan hệ tốt với tay trưởng hầu bàn đồng thời vẫn là bề trên của anh ta. Và cả tay trưởng bồi bàn cũng vậy, mỗi khi nghe thấy ông chủ tịch đoàn luật sư nhắc đến tên mình, anh ta lại tủm tỉm, tỏ ra cảm nhận niềm vinh hạnh ấy đồng thời hiểu tinh thần đùa cợt trong đó.

Những bữa ăn ở cái nhà hàng rộng mênh mông này của Đại Khách sạn, luôn chật kín, bình thường đã làm tôi phát sợ, lại càng trở nên hãi hùng hơn vào những ngày có mặt ông chủ (hay có thể chỉ là tổng giám đốc do một hội cổ đông bầu lên), ông này điều hành không riêng khách sạn này, mà cả bảy hay tám cái khác nữa - tôi không biết đích xác - trên khắp nước Pháp, ông chạy qua chạy lại như con thoi giữa những khách sạn đó, thỉnh thoảng ở lại mỗi nơi một tuần. Những hôm ấy, mỗi tối, gần như ngay từ đầu giờ ăn, xuất hiện nơi cửa vào phòng ăn nhân vật ấy, một người đàn ông thấp bé, tóc bạc, mũi đỏ, chỏm chu và phớt đời lạ lùng, người mà hình như cả London lẫn Monte-Carlo đều biết là một trong những nhà kinh doanh khách sạn đầu tiên của châu Âu. Một lần tôi ra ngoài một lát vào lúc đầu bữa, khi quay trở vào đi qua trước mặt ông, ông chào tôi, hẳn là để tỏ ra biết là tôi đang trọ ở khách sạn của ông, nhưng với một vẻ lạnh lùng mà tôi không sao phân biệt nổi đó là do sự dè dặt của một người không quên địa vị của mình, hay do coi rẻ một khách hàng xoàng xĩnh. Trái lại, trước những

vị khách rất quan trọng, ông tổng giám đốc, tuy vẫn không kém lạnh lùng, nhưng cúi thấp hơn, mí mắt sụp xuống với một thái độ kính trọng e ấp, như trong một lễ tang, đứng trước thân phụ của cô gái bạc mệnh, hay dự lễ Thánh thể. Ngoại trừ những cái chào lạnh băng và hiếm hoi đó, ông không làm bất kỳ cử động nào, như để chứng tỏ rằng đôi mắt long lanh tưởng chừng bật ra khỏi khuôn mặt của ông nhìn thấy tất thảy, điều chỉnh tất thảy, đảm bảo trong “Bữa Ăn tối tại Đại Khách sạn” mọi chi tiết đều hoàn chỉnh và tổng thể tuyệt đối hài hòa. Đương nhiên, ông tự cảm thấy mình còn hơn cả đạo diễn, hơn cả nhạc trưởng, mà thực sự là đại nguyên soái. Xét thấy chỉ cần một sự thị sát đẩy lên tới mức tập trung tối đa là đủ để ông yên tâm rằng tất cả đã sẵn sàng, rằng không một lỗi nào đã phạm có thể kéo theo đổ vỡ và để, rốt cuộc, ông có thể gánh trách nhiệm của mình, ông chẳng những không làm bất kỳ một cử chỉ nào, thậm chí không động đậy hai con mắt trơ sưng vì chăm chú bao quát và điều khiển toàn bộ mọi hoạt động. Tôi cảm thấy đến cả từng động tác cùi-dìa của mình cũng không lọt qua mắt ông, và mặc dù ông rút lui ngay sau món canh, cuộc thanh sát ông vừa tiến hành đã làm tôi mất ngon miệng ca bữa. Bản thân ông thì ăn rất ngon miệng, như người ta có thể thấy vào bữa trưa mà ông dùng vào cùng giờ với mọi người tại phòng ăn như một nhân viên bình thường. Bàn ăn của ông chỉ có một điểm đặc biệt, đó là trong suốt bữa, viên quản lý thường ngày của khách sạn luôn đứng bên cạnh ông để hầu chuyện. Bởi lẽ là thuộc hạ của tổng giám đốc, ông ta tìm cách nịnh bợ và rất sợ ông

này. Còn tôi thì trong những bữa ăn trưa ấy, tôi thấy đỡ sợ ông hơn, vì bấy giờ, lẫn giữa những khách trọ, ông giữ thái độ ý tứ của một vị tướng ngồi trong một nhà hàng có mặt cả lính tráng của mình, cố không ra vẻ bận tâm đến họ. Tuy nhiên, khi bác gác cổng, với những gã bồi vây quanh, thông báo cho tôi: “Sáng mai, ông ấy đi Dinard rồi từ đó đến Biarritz và sau đó đến Cannes”, tôi thở phào nhẹ nhõm.

Cuộc sống của tôi ở khách sạn không những buồn vì tôi chẳng quen ai ở đây, mà còn trở nên bất tiện vì Françoise làm quen thêm với nhiều người khác. Tưởng như những mối quan hệ mới ấy ắt sẽ khiến chúng tôi dễ dàng hơn trong nhiều chuyện. Nào ngờ hoàn toàn ngược lại. Những người vô sản, tuy phải khó khăn mới được Françoise coi là chỗ quen biết, với điều kiện là phải rất mực lễ độ với bác, nhưng bù lại, một khi đã đạt được điều ấy, họ trở thành những người duy nhất đáng kể đối với bác. Bộ luật ứng xử xưa nay bác vẫn tuân thủ dạy bác rằng bác chẳng có bổn phận gì sát với bạn bè của chủ bác, rằng trong trường hợp có việc vội, bác có thể cho “de” luôn một vị phu nhân đến cầu kiến bà tôi. Nhưng đối với những quan hệ cá nhân của mình, nghĩa là với những người bình dân hiếm hoi được hưởng tình bằng hữu ngọt ngào của bác, thì cách ứng xử của bác lại theo một nghi thức tuyệt đối nhất, tế nhị nhất. Như vậy, sau khi kết giao với người phục vụ cà phê và một cô hầu phòng may áo cho một phu nhân người Bỉ, Françoise không lên phòng soạn đồ cho bà tôi ngay sau bữa trưa nữa, mà hoãn lại một giờ sau vì tay bồi cà phê

muốn đãi bác một tách cà phê, hay một ly nước sắc ở quầy cà phê, hoặc giả cô hầu phòng nhờ bác đến xem đồ khâu may của cô, không thể từ chối họ được, với lại ai nữ làm thế. Giả dĩ, cô gái hầu phòng đáng được đối xử đặc biệt: cô vốn là trẻ mồ côi được những người nước ngoài nuôi dạy và thi thoảng cô đến ở với cha mẹ nuôi vài ngày. Tình cảnh ấy làm Françoise động lòng thương hại, đồng thời cũng khiến người đàn bà từ tâm này không khỏi xem thường. Bác thì có gia đình, có một ngôi nhà nhỏ của cha mẹ để lại, ở đó em trai bác nuôi mấy con bò cái, bác không thể coi một cô gái bị trốc rể là ngang hàng với mình được. Và vì cô gái hy vọng ngày 15 tháng Tám có thể đến thăm ân nhân của mình, Françoise không thể nén lòng không nhắc đi nhắc lại: “Nó làm mình phì cười. Nó bảo: cháu hy vọng 15 tháng Tám sẽ được về thăm nhà mình. Nhà mình, nó nói thế đấy! Đó thậm chí không phải là nước nó, đó là những người đã nhặt nó về nuôi, thế mà nó nói *nhà mình* như thể đó là nhà nó thật. Tội nghiệp con bé! Thật khốn khổ đến nỗi không biết thế nào là nhà mình nữa!” Nhưng nếu Françoise chỉ kết thân với những cô hầu phòng riêng du khách mang theo, thường ngồi ăn cùng bác trong phòng dành cho người nhà* của khách và, bằng vào chiếc mũ đẹp viền ren và nét mặt thanh tú của bác, vẫn nghĩ bác là một vị phu nhân, có lẽ thuộc dòng quý tộc, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, hoặc do tình cảm quyến luyến thôi thúc, mà nhận làm tùy nữ tri kỷ cho bà tôi, tóm lại, nếu Françoise chỉ biết những người không thuộc về khách sạn, thì ắt chẳng có gì quá bất tiện, vì bác sẽ không thể ngăn họ giúp chúng tôi bởi cái lý do

đơn giản là chẳng có trường hợp nào để họ, dù quen hay không quen bác, có thể giúp chúng tôi bất cứ việc gì. Nhưng bác còn kết giao với một gã hầu rượu, với một gã phụ bếp, với một chị trông coi quản lý một tầng gác nữa. Và kết quả của chuyện này, liên quan đến sinh hoạt thường ngày của bà cháu tôi, là: nếu trong thời gian mới đến đây, chưa quen biết ai, hễ có chút vấn đề gì dù là vặt vãnh nhất, là Françoise bấm chuông vắng mạng gọi nhân viên phục vụ, vào cả những giờ mà bà cháu tôi không dám làm thế, và nếu chúng tôi có nhẹ nhàng góp ý thì bác liền đáp: “Cơ mà ta trả tiền khách sạn đấy thì có quyền làm thế chứ”, như thế chính bác là người trả tiền vậy, thì bây giờ từ khi bác thân với một nhân vật trong nhà bếp - điều mà chúng tôi ngỡ là điểm tốt cho sự tiện nghi của mình - nếu bà tôi hay tôi thấy lạnh chân, dù là vào một giờ hoàn toàn bình thường, Françoise cũng không dám bấm chuông gọi; bác cam đoan rằng làm vậy sẽ bị đánh giá không tốt bởi vì điều đó sẽ buộc họ phải nhóm lại lò, hoặc sẽ gây phiền hà cho đám người làm đang dở bữa ăn khiến họ không bằng lòng. Và bác kết thúc bằng một câu lửng nhưng không kém phần dứt khoát, rõ ràng có ý cho là bà cháu tôi sai: “Thực ra là...” Chúng tôi không gắng thêm, sợ phải chuốc lấy một lời phán nghiêm khắc hơn: “Thật quá đáng!...” Thành thử chúng tôi không có nước nóng nữa, vì Françoise đã trở thành bạn thân của người cung cấp nước nóng.

Cuối cùng, cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng có một mối quan hệ từ phía bà tôi, tuy ngoài ý muốn của cụ: một buổi sáng, cụ và Madame de Villeparisis tình cờ chạm trán nhau

ở một cửa ra vào và buộc phải bắt chuyện với nhau, không quên màn giao đãi giáo đầu với những cử chỉ ngạc nhiên, do dự rồi lùi lại như chưa tin, và sau cùng là những từ tán thán hoan hỉ và lịch sự, khác nào ở một số lớp kịch của Molière trong đó hai diễn viên, mỗi người độc thoại phần mình từ một hồi lâu, cách nhau có vài bước mà không thấy nhau, dùng một cái nhận ra nhau, không tin ở mắt mình, cắt ngang lời nhau, sau rốt cùng hòa tiếng nói, hợp xướng đi theo đối thoại, và rồi ôm chầm lấy nhau*. Được một lát, Madame de Villeparisis giữ ý, toan chia tay, nhưng bà tôi muốn giữ bà lại đến tận giờ ăn trưa, nhằm tìm hiểu làm thế nào bà ta nhận được thư tín sớm hơn chúng tôi và làm sao có được món thịt nướng ngon (vì Madame de Villeparisis, vốn rất sành ăn, không thích đồ ăn của nhà bếp khách sạn, ở đây họ dọn cho chúng tôi những bữa ăn mà bà tôi, vốn sành trích dẫn Madame de Sévigné, mô tả là “hào nhoáng mới nom mà đã thấy đói muốn chết”*). Và bà hầu tước đâm có thói quen ngày nào cũng đến ngồi bên bà cháu tôi một lúc, trong khi chờ đợi nhà bếp dọn bàn ăn cho mình, xuề xòa không để chúng tôi phải mất công đứng dậy chào hỏi gì cả. Cùng lắm là khi ăn xong, chúng tôi nán lại chuyện gẫu với bà, vào cái lúc tiêu điều khi dao đĩa bản ngổn ngang cạnh những khăn ăn nhàu nhĩ trên khăn trải bàn. Về phần tôi, nhằm duy trì ý tưởng mình đang ở nơi đầu mút tận cùng đất liền để tiếp tục yêu Balbec, tôi cố gắng nhìn ra xa hơn, chỉ để mắt đến biển, kiếm tìm ở đó những hiệu quả được mô tả trong thơ Baudelaire và chỉ cho phép mình nhìn xuống bàn ăn vào những hôm nhà bếp phục vụ một loại cá

to đùng, cái giống quái vật biển, khác hẳn với những dao đĩa tân thời, vốn có từ thuở hồng hoang khi sự sống bắt đầu ủa vào sinh sôi trong lòng đại dương, vào thời những người Cimméri*, thân nó vô số đốt sống và nhánh thần kinh xanh-đỏ, do thiên nhiên cấu tạo, nhưng theo một sơ đồ kiến trúc như một giáo đường đa sắc của biển.

Giống như một bác thợ cắt tóc thấy viên sĩ quan vẫn được mình phục vụ một cách trân trọng đặc biệt nhận ra một vị khách vừa mới bước vào và bắt chuyện với ông ta, lấy làm vui thích khi hiểu rằng họ thuộc cùng một giới cao sang và không thể nén một nụ cười khi lảng đi tìm bát xà phòng cạo râu vì bác biết rằng trong cái cửa hàng của mình, không chỉ đơn thuần có những công việc tầm thường của một tiệm cắt tóc, mà nay còn có thêm những niềm vui thú xã hội, thậm chí là nghệ thuật nữa. Aimé thấy Madame de Villeparisis gặp lại bạn cũ, cũng tùm tùm cười cái nụ cười khiêm tốn mà hãnh diện, hiểu ý một cách kín đáo của bà chủ nhà biết rút lui đúng lúc, khi chạy đi kiếm cốc nước súc miệng cho chúng tôi. Cũng có thể ví như một người cha sung sướng và xúc động, lặng lẽ canh giữ cho hạnh phúc lễ đính hôn của đôi trẻ diễn ra ở bàn tiệc của mình. Vả chăng, chỉ cần ai đó xưng tên một nhân vật có danh tước là đủ để cho Aimé tỏ ra hoan hỉ, trái lại với Françoise, đứng trước bác, người ta không thể nói “vị bá tước này, nọ” mà mặt bác không sa sầm lại, lời lẽ bác không trở nên lạnh lùng và cộc lốc, điều đó có nghĩa là bác yêu mến giới quý tộc chẳng những không kém, mà còn hơn cả Aimé. Với lại Françoise có cái phẩm chất mà nếu ở người khác thì bác coi là khuyết

điểm lớn nhất: tính kiêu hãnh. Bác không thuộc cái nòi dễ chịu và hiền hậu của Aimé. Những người này cảm thấy và tỏ ra rất thích thú khi nghe kể một sự kiện thời sự ít nhiều giật gân, nhưng chưa đăng trên báo. Françoise thì không muốn tỏ vẻ ngạc nhiên. Nếu trước mặt bác, có ai nhắc đến đại công tước Rodolphe - bác thậm chí chưa bao giờ ngờ tới sự tồn tại của một vị đại công tước Rodolphe ở trên đời -, nói rằng ông ta chưa chết như thiên hạ cam đoan là thế*, mà vẫn còn sống, thì bác liền đáp “Phải”, như thể bác đã biết vậy từ lâu. Vả lại, nếu Françoise không thể nghe nhắc đến tên một nhà quý tộc nào mà không cố nén một cử chỉ giận dữ, ngay cả khi cái tên ấy thốt ra từ chính miệng của chúng tôi - những người mà bác cung kính gọi là chủ, những người đã hầu như hoàn toàn thuần phục bác - thì hẳn là vì gia đình xuất thân của bác có một vị thế sung túc, độc lập trong làng và uy tín của nó chỉ bị thách thức bởi chính những gia đình quý phái, nơi những kẻ như Aimé vào làm con ăn người ở từ nhỏ, nếu không phải là được mang về nuôi như một hành động từ thiện. Cho nên, Françoise cho rằng lẽ ra Madame de Villeparisis phải xin thứ lỗi vì là quý tộc. Nhưng, ít nhất là ở nước Pháp, đó lại chính là cái tài, đồng thời là công việc duy nhất, của các đại lãnh chúa và các đại phu nhân. Tuân theo cái khuynh hướng của các gia nhân luôn luôn gom nhặt những nhận xét phiến diện về quan hệ của chủ nhân họ với những người khác, từ đó đôi khi họ rút ra những suy diễn sai lầm - như con người suy diễn sai về đời sống động vật -, Françoise lúc nào cũng thấy là người ta “thiếu trân trọng” đối với chúng tôi, cái kết

luận bác dễ dàng đi tới vì khoái làm chúng tôi bực mình, cũng như do quá yêu quý chúng tôi. Nhưng sau khi nhận thấy rõ không thể lâm lẩn sự săn sóc muôn phần chu đáo mà Madame de Villeparisis dành cho chúng tôi cũng như cho bản thân bà, Françoise bỏ qua cho bà cái “khuyết điểm” mang danh vị nữ hầu tước, và bởi xưa nay vẫn luôn hàm ơn bà vì bà là nữ hầu tước, nên bác ưu ái bà hơn tất cả những người quen biết của chúng tôi. Cũng vì trong số họ, không ai cố gắng chiều ý chúng tôi liên tục như thế. Mỗi khi bà tôi tỏ ý thích một cuốn sách mà Madame de Villeparisis đang đọc, hay khen những trái cây mà nữ hầu tước vừa được một bà bạn biếu, là một giờ sau đã thấy một gã hầu phòng mang sách hoặc trái cây lên cho chúng tôi. Và khi gặp lại nhau, đáp lại những lời cảm ơn của chúng tôi, bà chỉ nói, có vẻ muốn viện ra một tiện ích đặc biệt nào đó làm cớ để tặng quà: “Đó không phải là một kiệt tác, nhưng báo đến trễ quá, phải có cái gì mà đọc chứ”, hay: “Ở bờ biển, có trái cây đảm bảo lành, bao giờ cũng là tốt, cần tắc vô áy náy mà”.

“Nhưng tôi thấy hình như hai bà cháu không bao giờ ăn sò huyết,” Madame de Villeparisis nói với chúng tôi (càng làm tăng thêm cảm giác lờm lợm nơi tôi lúc bấy giờ, vì cái chất thịt sống động của con sò còn làm tôi ghê tởm hơn cái chất lầy nhầy của những con sứa làm xỉn cả bãi tắm Balbec của tôi); “ở cái rẻo bờ biển này, sò ngon tuyệt! À, để tôi bảo cô hầu phòng của tôi đi lấy thư của tôi thì lấy cả của bà luôn thể. Sao, con gái bà *ngày nào* cũng viết thư cho bà? Cơ mà mẹ con bà có thể kiếm đâu ra chuyện mà tâm sự với

nhau suốt như thế!” Bà tôi không nói gì, nhưng có lẽ vì không tin là bà ta có thể cảm thông được những lời của Madame de Sévigné mà cụ vẫn nhắc lại với mẹ tôi: “Vừa nhận được một bức thư, mẹ lại muốn nhận ngay một bức khác, mẹ chỉ hít thở bằng việc nhận thư con mà thôi. Ít người xứng đáng hiểu được những gì mẹ cảm thấy.” Và tôi e rằng cụ áp dụng câu kết: “Mẹ kiếm tìm những ai thuộc số ít đó và mẹ né tránh những người khác*” vào Madame de Villeparisis. Cụ quay trở lại khen những trái cây mà Madame de Villeparisis sai người mang lên cho bà cháu tôi hôm qua. Quả vậy, chúng thật tuyệt, đến nỗi viên quản lý, mặc dù ghen tị vì thấy đĩa hoa quả mình dọn ra không hề được đụng đến, vẫn phải thừa nhận với tôi: “Tôi cũng giống cậu, tôi thích trái cây hơn mọi thức tráng miệng khác.” Bà tôi thì nói với bà nữ hầu tước rằng vì đồ hoa quả do khách sạn phục vụ thường là rất tồi nên cụ càng quý món quà trái cây bà biếu. Cụ nói thêm: “Tôi không thể nói như Madame de Sévigné rằng nếu chúng ta nổi máu nông, muốn có một trái cây tồi, thì chúng ta buộc phải đặt mua từ Paris*.”

- “À, phải, bà hay đọc Madame de Sévigné. Ngay từ hôm đầu tiên, tôi đã thấy bà cầm cuốn *Thư* của nữ sĩ ấy (bà quên mất rằng bà chưa hề thấy bà tôi trong khách sạn trước hôm hai người gặp nhau ở cái cửa ấy). Bà không thấy ưu tâm của bà ấy đối với con gái là hơi quá đáng sao? Bà ấy nói quá nhiều về con gái nên khó có thể là thành thật, nghe thiếu tự nhiên thế nào ấy.” Bà tôi thấy có tranh luận cũng vô ích và để tránh phải nói về những điều mình yêu thích trước mặt một kẻ không thể hiểu chúng, cụ giấu cuốn *Hồi*

ký của Madame de Beausergent bằng cách đặt chiếc xác tay của mình lên trốc.

Hễ gặp Françoise vào cái thời điểm (mà bác gọi là “giờ ngọ”) lúc bác đi xuống “phòng ăn gia nhân”, đầu chụp chiếc mũ mềm xinh xắn, và bao bọc trong tình cảm quý trọng của mọi người, Madame de Villeparisis thường giữ bác lại hỏi thăm chúng tôi. Và sau đó Françoise chuyển lời của bà hầu tước: “Bà ấy bảo: Bác cho tôi gửi lời chào đến hai bà cháu nhé”, bắt chước giọng Madame de Villeparisis, nghĩ rằng mình đã truyền đạt nguyên văn lời của bà ta, trong khi đã bóp méo chúng không kém gì Platon bóp méo lời của Socrate, hay Thánh Jean bóp méo lời của Chúa Jésus. Dĩ nhiên Françoise rất xúc động vì những quan tâm ấy. Cùng lắm bác chỉ không tin bà tôi khi cụ cam đoan rằng Madame de Villeparisis đạo xưa đẹp mê hồn, bác nghĩ là cụ nói dối vì lợi ích giai cấp: những người giàu bao giờ chả bênh nhau. Quả là chỉ còn sót lại le lói những dư tàn mà từ đó, nếu không phải là nghệ sĩ, thì khó lòng hình dung lại vẻ đẹp đã tàn. Vì muốn hiểu một bà già đã có thời xinh đẹp nhường nào, thì không chỉ cần nhìn, mà còn phải biết diễn dịch từng nét nữa.

“Chắc có lúc bà sẽ phải hỏi lại Madame de Villeparisis xem bà có nhầm không khi nghĩ rằng bà ấy có chút quan hệ họ hàng gì đó với cánh nhà De Guermantes”, bà tôi bảo tôi, và cái ý đó khiến tôi không khỏi bất bình. Làm sao tôi có thể tin rằng hai cái tên họ tộc ấy - hai cái tên họ tộc đã đi vào trong tôi theo hai cách khác hẳn nhau, một cái qua lối cửa thấp hèn và nhục nhã của trải nghiệm thực tế, và

cái kia qua lối cửa vàng son của tượng tượng - lại có chung một nguồn gốc?

Từ mấy hôm nay, người ta thường thấy một phụ nữ đẹp, cao lớn, tóc hung, mũi hơi thô, diều qua trong một đoàn xe ngựa tùy tùng trắng lệt: quận chúa xứ Luxembourg về nghỉ vài tuần ở vùng này. Chiếc xe mui gấp của bà dừng lại trước khách sạn, một gã hầu chạy bộ được phái đến nói gì đó với viên quản lý, quay về xe, mang trở lại những trái cây tuyết vôi (gom nhiều mùa khác nhau trong độc một chiếc giỏ, như chính vịnh Balbec này), với một tấm thiệp: “Quận chúa xứ Luxembourg” trên đó có mấy chữ viết bằng bút chì. Được gửi tặng vị du khách vương giả nào giấu tên trọ ở khách sạn này vậy, những trái mận màu xanh lục, ngời ngời và tròn trịa như mặt biển vồng lên vào chính lúc này, những trái nho lủng lẳng từ nhánh đã khô khốc, trong suốt như một ngày thu sáng đẹp, những trái lê một màu thiên thanh tiên giới? Bởi vì không thể là quận chúa muốn ghé thăm bà bạn của bà tôi. Thế nhưng, tối hôm sau, Madame de Villeparisis gửi cho bà cháu tôi chùm nho tươi vàng au, cùng mận và lê mà chúng tôi vẫn nhận ra, mặc dù những trái mận đã ngả sang màu tím tím như mặt biển vào lúc chúng tôi ăn tối và trong màu thiên thanh của những trái lê đã bông bênh vãi vẩn mây hồng. Mấy hôm sau, tan cuộc hòa nhạc giao hưởng buổi sáng trên bãi biển, chúng tôi gặp Madame de Villeparisis. Định ninh rằng những tác phẩm tôi nghe ở đó (khúc *prélude* của *Lohengrin*, màn *ouverture* của *Tannhäuser**, v.v.) đều thể hiện những chân lý cao siêu, tôi ráng nâng mình lên hết sức có thể để đạt tới tầm đó,

tôi tận dụng trí lực để hiểu, huy động tất cả những gì ưu tú nhất, sâu sắc nhất trí tuệ tôi tàng trữ.

Thế rồi, ra khỏi cuộc hòa nhạc, trên đường trở về khách sạn, khi hai bà cháu tôi dừng lại một lát để chuyện trò với Madame de Villeparisis - bà thông báo đã đặt món “bánh quy chết phở mát” và trứng tráng kem ở khách sạn cho “chúng ta” - tôi trông thấy từ xa quận chúa xứ Luxembourg đi về phía chúng tôi; bà chống hờ lên một chiếc dù đầm khiến cái thân hình cao đẹp nghiêng nghiêng, uốn theo một đường lượn dài vốn xưa là nét điển hình của những giai nhân thời Đế chế, giờ đây khi vai đã thõng xuống, lưng đã còng, hông đã hóp lại, bước chân đã oải, vẫn khiến được toàn thân mềm mại như một dải khăn quấn quanh một trục vô hình vững chắc, chênh chếch, xuyên suốt người bà. Sáng nào bà cũng dạo một tua quanh bãi biển, gần như vào giờ mọi người tắm xong chuẩn bị lên ăn trưa và vì bữa trưa của bà chỉ bắt đầu vào lúc một rưỡi, nên hồi lâu sau khi những người tắm biển đã rời bỏ con đường đi dạo nóng bỏng và vắng tanh, bà mới trở về biệt thự của mình. Madame de Villeparisis giới thiệu bà tôi với quận chúa, định giới thiệu tôi, nhưng phải hỏi lại họ tên tôi, vì bà không nhớ. Có lẽ bà chưa bao giờ biết cũng nên, hoặc dù thế nào đi nữa, từ bao năm nay, bà đã quên bém bà tôi đã gả con gái cho ai. Cái tên họ đó dường như đã gây ấn tượng mạnh đối với Madame de Villeparisis. Trong khi đó, quận chúa xứ Luxembourg chìa tay bắt tay chúng tôi và thỉnh thoảng, vừa trò chuyện với bà hầu tước, bà vừa đưa mắt lại dật dàng nhìn bà tôi và tôi với cái vẻ như phác một nụ hôn

đi kèm theo nét cười gửi tới một đứa bé trong tay người vú nuôi ẵm nó. Ngay cả muốn không tỏ vẻ ở đẳng cấp cao hơn chúng tôi, bà cũng đã tính toán không đúng khoảng cách vì, do một điều chỉnh sai lầm, ánh mắt bà thăm đắm một vẻ hồn hậu đến nỗi tôi cảm thấy sắp đến lúc bà đưa tay vuốt nựng chúng tôi như hai con thú dễ thương thò đầu ra về phía bà qua hàng giậu sắt ở Vườn Thuần hóa. Cái ý liên tưởng tới những con thú ở Rừng Boulogne ấy liền sau đó được cụ thể hóa rõ nét thêm đối với tôi. Lúc này là giờ con đường đi dạo đầy những người bán bánh kẹo rong rạo hàng inh ỏi. Không biết làm thế nào để chúng tỏ thiện ý của mình, bà quận chúa bèn dừng người bán rong đầu tiên đi ngang qua, anh ta chỉ còn mỗi một chiếc bánh đại mạch thuộc loại người ta thường ném cho gà vịt. Bà quận chúa mua chiếc bánh và bảo tôi: “Để cho bà cậu.” Thế nhưng bà lại đưa nó cho tôi, dặn thêm với một nụ cười tinh quái: “Cậu phải chính tay cho bà cụ ăn nhé”, nghĩ rằng như vậy, không có trung gian giữa tôi và con thú, tôi sẽ thích thú một cách trọn vẹn hơn. Những người bán rong khác xáp lại, bà nhét đầy hai túi tôi tất cả những gì họ bán - những gói buộc dây cẩn thận, bánh quế, bánh sữa, kẹo mạch nha. Bà bảo tôi: “Cậu ăn và cho cả bà cậu ăn nữa nhé”, bà bảo thằng nhỏ da đen trả tiền cho những người bán hàng, thằng nhỏ vận đồ xa tanh đỏ đi theo bà khắp mọi nơi, làm cả bãi tắm trầm trồ. Rồi bà chào tạm biệt Madame de Villeparisis và chìa tay bắt tay chúng với ý đồ đối xử với chúng tôi theo cùng một cách với bà bạn mình: coi như người thân và hạ mình ngang tầm với chúng tôi. Nhưng lần này, hẳn bà đặt thứ

bậc của chúng tôi đỡ thấp hơn chút đỉnh trong thang giá trị vì bà biểu thị ý thức bình đẳng của mình với bà tôi bằng cái nụ cười âu yếm đượm tình mẫu tử mà người ta thường dành cho một đứa trẻ khi tạm biệt nó như tạm biệt một người lớn. Nhờ một bước tiến tuyệt vời của tiến hóa, bà tôi từ một con vịt, hay một con hươu, đã trở thành cái mà Madame Swann chắc sẽ gọi là một “baby”. Cuối cùng, sau khi chia tay với cả ba chúng tôi, bà quận chúa tiếp tục cuộc tản bộ của mình trên con đường đi dạo đẹp nắng, uốn cái thân hình mỹ miều, tựa một con rắn quấn quanh chiếc đu, xoắn xuýt lấy chiếc dù đã cụp, chiếc dù đậm màu trắng in hoa xanh bà cầm trong tay. Đó là bà hoàng đầu tiên tôi được gặp, tôi nói đầu tiên là vì công chúa Mathilde thì chả có gì là cung cách bà hoàng cả. Bà hoàng thứ hai tôi được gặp, như độc giả rồi sẽ thấy, cũng làm tôi không kém ngạc nhiên vì thiện tâm dễ mến của bà*. Ngày hôm sau, tôi được “dạy” cho biết thế nào là sự hòa nhã tử tế của các đại lãnh chúa - trung gian giữa đế vương và trưởng giả - khi Madame de Villeparisis nói với chúng tôi: “Bà ấy thấy hai bà cháu rất dễ thương. Bà ấy là một phụ nữ có con mắt nhận xét tinh tường, rất có tâm. Bà ấy không như biết bao bà hoàng bà chúa khác. Bà ấy có giá trị thật sự.” Và Madame de Villeparisis nói thêm đầy tự tin, khoan khoái vì nói ra được điều đó với chúng tôi: “Tôi nghĩ bà ấy sẽ rất vui sướng gặp lại bà cháu bà”.

Nhưng ngay cái buổi sáng hôm ấy, sau khi chia tay với quận chúa xứ Luxembourg, Madame de Villeparisis nói với tôi một điều khiến tôi càng ngạc nhiên hơn, một điều chẳng

dính dáng gì đến hòa nhã với tử tế.

“Cậu có phải là con trai ông đồng lý văn phòng bộ không?” bà hỏi tôi. “A! Cha cậu là một người tuyệt vời. Lúc này đây, ông ấy đang có một chuyến đi thật hay ho.”

Mấy hôm trước, mẹ tôi viết thư báo cho chúng tôi biết là cha tôi cùng người bạn đồng hành, ông De Norpois bị mất hết hành lý.

“Đã tìm lại được hành lý, hay nói cho đúng là hành lý chưa bao giờ bị mất, chuyện xảy ra là thế này,” Madame de Villeparisis nói với chúng tôi - không biết làm sao bà lại có vẻ được thông tin về chuyến đi chi tiết hơn chúng tôi. “Tôi nghĩ cha cậu sẽ trở về vào tuần sau, sớm hơn dự định, vì có lẽ ông sẽ thôi không đi Algésiras nữa. Nhưng ông muốn dành thêm một ngày để thăm Tolède vì ông rất ngưỡng mộ một danh họa học trò của Titien mà tôi quên mất tên, chỉ ở đó mới có tranh đẹp của ông ta*.”

Và tôi tự hỏi, do một ngẫu nhiên nào mà qua cái ống kính lạnh lùng quan sát từ khá xa hoạt động sơ giản, nhỏ nhoi và mơ hồ của đám người bà quen biết, lại xen vào dưới luồng mắt Madame de Villeparisis quan sát cha tôi một mảnh kính phóng đại diệu kỳ khiến bà thấy nổi rõ mồn một và với chi tiết lớn nhất tất cả những gì là thú vị - những tình huống bất ngờ khiến cha tôi phải trở về, những rầy rà với thuế quan, sở thích của cha tôi đối với El Greco - và, thay đổi tỷ lệ thị ảnh của bà, chỉ cho bà thấy độc một con người lớn lao mệnh mông giữa những người khác bé tí xiu, giống như vị thần Jupiter mà Gustave Moreau đã thể hiện trong tranh theo một kích cỡ lớn hơn tầm vóc con người,

bên cạnh một nữ nhi trần thế yếu đuối*.

Bà tôi cáo từ Madame de Villeparisis để chúng tôi có thể nán lại hít thở không khí thêm một lúc nữa trước khách sạn trong khi chờ đợi người ta ra dấu qua cửa kính là bữa trưa của chúng tôi đã sẵn sàng. Có tiếng nhốn nháo. Đó là cô bồ trẻ của tay “vua đảo mọi” vừa tắm xong, giờ trở về ăn trưa.

“Quả là một tai họa, khiến người ta đến phải rời bỏ nước Pháp mất thôi!” ông chủ tịch đoàn luật sư vừa lúc này đi ngang qua, kêu lên giận dữ.

Tuy nhiên, bà vợ ông công chúng lại dán cặp mắt tròn tròn vào cô hoàng hậu róm.

“Ngài không thể tưởng tượng tôi điên tiết biết nhường nào khi thấy bà Blandais trở mắt nhìn cái bọn ấy như thế”, ông chủ tịch đoàn luật sư nói với ông chánh án. “Tôi chỉ muốn có thể cho bà ta một cái bạt tai. Chính bằng cách đó mà người ta khiến đám rác rưởi trở nên quan trọng, mà chúng thì dĩ nhiên chỉ mong được mọi người chú ý. Ngài phải bảo ông chồng cảnh báo bà ta thế là lỗ bịch; còn tôi thì tôi sẽ không đi chơi với họ nữa nếu họ có vẻ quan tâm đến bọn đội lốt.”

Về quận chúa xứ Luxembourg, hôm bà mang hoa quả đến, cỗ xe ngựa sang trọng đậu trước khách sạn đã không lọt khỏi mắt nhóm bà vợ ông công chúng, ông chủ tịch đoàn luật sư, ông chánh án; từ ít bữa nay, họ rất xôn xao muốn biết cái Madame de Villeparisis ấy có phải là một nữ hầu tước đích thực hay chỉ là một ả giang hồ, tất cả các bà vợ trong nhóm đều nóng lòng được xác định rằng mọi sự trọng vọng dành cho Madame de Villeparisis cho tới nay là

không xứng đáng. Khi Madame de Villeparisis đi qua sảnh, bà vợ ông chánh án, vốn có cái tài ở đâu cũng đánh hơi thấy những người nữ không chính chuyên, ngược mắt lên khỏi hộp đồ khâu, ngó nhìn với một vẻ làm các bà bạn chết cười.

“À, các bà biết đấy,” bà hãnh diện nói, “thoạt tiên bao giờ tôi cũng tin ở điều không hay. Tôi chỉ thừa nhận một người đàn bà thực sự có chồng khi người ta cho tôi xem trích lục giấy khai sinh và các giấy tờ công chứng khác, vả lại, các bà yên trí, tôi sẽ tiến hành cuộc điều tra riêng của mình.”

Và hôm nào tất cả các bà cũng tươi cười chạy đến:

“Chúng tôi đến nghe tin.”

Nhưng buổi tối hôm quận chúa xứ Luxembourg đến trước khách sạn, bà vợ ông chánh án đặt một ngón tay lên miệng:

“Có tin mới đấy.”

“Ôi, bà Poncin thật phi thường! Tôi chưa từng thấy... nhưng mà bà nói xem, có chuyện gì vậy?”

“Thì đây, có chuyện là một người đàn bà tóc nhuộm, mặt trát son phấn, trong một cỗ xe ngựa sắc mùi đàn điểm thuộc dạng chỉ những ả loại ấy mới có, hồi chiều đến hỏi cái bà xưng là nữ hầu tước.”

“Trời đất! Thấy không? Chính là cái bà chúng ta đã gặp, ông nhớ không, ông luật sư trưởng, chúng ta đã thấy bà ta khả nghi nhưng không biết là bà ta đến tìm bà hầu tước.”

“Đúng thế.”

“À, ra thế. Bà có biết tên cụ ấy không?”

“Có, tôi giả vờ cầm nhầm danh thiếp, biệt danh của mẹ ta là quận chúa xứ Luxembourg. Tôi nghi ngờ là có cơ sở đấy chứ! Thật hay là ở đây ta có thể trà trộn với cái loại nam tước phu nhân D’Ange* ấy.”

Ông luật sư trưởng dẫn Mathurin Régnier và Macette* với ông chánh án.

Tuy nhiên, không nên tin rằng sự ngộ nhận này chỉ là nhất thời, như những tình tiết gây hiểu lầm được tạo ra ở hồi hai một vở kịch chợ để được giải ở hồi kết. Mỗi khi quận chúa xứ Luxembourg, cháu gái của đức vua Anh quốc và của hoàng đế nước Áo, đến rủ Madame de Villeparisis đi dạo trong xe ngựa, họ cứ như một cặp giăng há về già thuộc cái loại mà người ta không dễ né tránh ở những khu nghỉ dưỡng có suối nước khoáng. Phần đông tầng lớp trưởng giả coi ba phần tư những quý ông ở ngoại ô Saint-Germain là những gã trác táng rỗng túi (và chẳng đôi khi từng cá nhân trong bọn họ cũng là thế), vì vậy chả ai thèm tiếp, về mặt này, tầng lớp trưởng giả quả là ngay thẳng: những thói tật của đám quý tộc nghèo túng không hề ngăn họ được tiếp đãi hết sức ưu ái ở những nơi không bao giờ tiếp những phần tử trưởng giả. Còn những nhà quý tộc ấy thì họ định ninh rằng cánh trưởng giả biết rõ điều đó, đến nỗi họ tỏ vẻ thản nhiên trước tình cảnh của chính mình, thậm chí phê phán những người bạn “khánh kiệt” nhất của mình. Thế là dứt khoát sinh hiểu lầm. Nếu tình cờ một người thuộc giới thượng lưu có quan hệ với tầng lớp tiểu tư sản vì do cực kỳ giàu có, ông ta làm chủ tịch nhiều công ty tài chính rất quan trọng, đám trưởng giả - cuối cùng, thấy

được một nhà quý tộc đáng mặt là đại tư sản - dám chắc như đinh đóng cột là ông ta ắt không đi lại giao du với một hầu tước lụn bại vì cờ bạc, mà họ tin rằng ông này càng dễ thương thì càng mất hết mọi quan hệ. Và họ ngã ngửa người kinh ngạc khi thấy ngài công tước, chủ tịch hội đồng quản trị của công ty khổng lồ cho con trai kết hôn với con gái của ông hầu tước phá sản vì cờ bạc nhưng thuộc dòng họ cổ xưa nhất nước Pháp, giống như một ông vua thà gả con trai cho con gái một quân vương bị hạ bệ còn hơn thông gia với chủ tịch đương chức một nước cộng hòa. Có nghĩa là hai thế giới có cách nhìn nhận về nhau cũng hư ảo như những cư dân của một bãi biển ở tận đầu mút vịnh Balbec nhìn bãi biển ở đầu mút đằng kia; từ Rivebelle, người ta thấy một phần nhỏ Marcouville-Kiên-Kỳ; nhưng chính cái đó lại gây lầm lẫn, vì trái lại, từ Marcouville, phần lớn những vẻ đẹp lộng lẫy của Rivebelle đều khuất không thể nhìn thấy.

Sau khi ông thầy thuốc ở Balbec - được mời đến lúc tôi lên cơn sốt - phán rằng tôi không nên ở bên bờ biển suốt ngày dưới nắng chang chang vào lúc nóng nực nhất và kê một vài thứ thuốc cho tôi dùng, bà tôi nhận đơn với một vẻ bề ngoài kính cẩn trong đó tôi nhận ra ngay ý định của cụ kiên quyết không thi hành một điểm nào trong đơn, nhưng lưu ý đến lời khuyên về vệ sinh, và chấp nhận nhã ý của Madame de Villeparisis thì thoảng đưa bà cháu tôi dạo chơi bằng xe ngựa. Tôi đi đi lại lại từ phòng mình đến phòng bà tôi, cho tới giờ ăn trưa. Phòng bà tôi không nhìn thẳng ra biển như phòng tôi, nhưng đón ánh sáng từ ba cửa sổ khác

nhau trông ra một đoạn của con đường đi dạo, một mảnh sân và cảnh đồng quê; đồ đạc trong phòng cũng khác: những chiếc ghế bành có thêu đường chìm kim loại với hình hoa màu hồng dường như tỏa ra cái mùi dịu mát khoan khoái mà ta cảm thấy ngay từ khi bước vào phòng. Vào cái giờ này, khi những tia nắng chiếu qua những khoang cửa sổ khác nhau và tựa như vào một thời điểm khác trong ngày, bề gãy những góc tường, đặt lên mặt tủ com một một ánh phản quang của bãi biển cạnh một hương án sặc sỡ màu sắc như hoa đại ven đường, tạm đậu lên sáng bùng lớp ván ốp tường với đôi cánh ấm gập lại run rẩy, sẵn sàng bay tiếp, sưởi ấm - như kiểu người ta hâm nóng nước tắm - một vuông thảm quê mùa trải trước ô cửa sổ mảnh sân nhỏ được mặt trời kết hoa viền quanh tựa dây leo, và tôn thêm vẻ đẹp cùng nét trang trí phức hợp của đồ đạc bằng cách làm như lột bỏ lớp lụa in hoa và tách phần thêu ren của những ghế bành, căn phòng của bà tôi (nơi tôi đi qua một lát trước khi thay đồ để đi dạo) giống như một lăng kính giải phân những sắc màu của ánh sáng bên ngoài, hay như một tổ ong trong đó những tinh cốt mật hoa, thu hoạch men say của cả ngày, mà tôi sắp được thưởng thức, còn tản mát, rải rác, nhưng đã hiện rõ, hay như một khu vườn của hy vọng xốn xang những tia ánh bạc cùng những cánh hoa hồng. Nhưng trước hết, tôi mở toang những rèm cửa sổ phòng mình vì nóng lòng muốn biết sáng nay Biển nào nô giỡn ven bờ, như một nàng Néréide*. Bởi lẽ mỗi Biển không bao giờ ở lại quá một ngày. Hôm sau đã là một Biển khác, mặc dù đôi khi nó hao hao giống Biển

hôm trước. Nhưng không bao giờ tôi thấy vẫn nguyên một Biển đến hai lần.

Có những hôm biển mang một vẻ đẹp hy hữu đến nỗi khi nhìn thấy biển, niềm thích thú của tôi còn tăng bởi sự bất ngờ. Đặc ân nào đã khiến, vào một buổi sáng chứ không phải một buổi sáng khác, cửa sổ phòng tôi vừa hé mở, đôi mắt ngỡ ngàng của tôi đã được đón nhận hình ảnh tươi cười của nữ hải thần Glaukonoméné* mà vẻ đẹp loi lả với nhịp thở mềm mại có cái trong mờ của một viên ngọc bích qua đó tôi thấy trào dâng những yếu tố khiến nàng vừa đầm vừa thắm? Nàng tung hứng ánh mặt trời với một nụ cười mờ dần bởi một màn sương mù vô hình vốn chỉ là một khoảng trống chứa lại quanh bề mặt trong mờ của nàng nhờ thế mà trở nên gọn hơn, xúc động hơn, khác nào hình nét một nữ thần được nhà điêu khắc làm nổi bật trên nền phần còn lại của khối đá mà anh ta để nguyên vẻ xù xì thô nháp. Và như thế, với sắc màu độc nhất vô nhị của mình, biển mời gọi du khách vào cuộc dạo chơi ven biển. Từ những con đường thô sơ trên đất liền, ngồi trong chiếc xe ngựa của Madame de Villeparisis, chúng tôi có thể suốt ngày thấy - mà chẳng tới được - biển mát rượi, nhẹ nhẹ thở phập phồng.

Madame de Villeparisis cho thắng xe sớm để có thể đủ thời gian tới được Saint-Mars-le-Vêtu, hoặc dãy núi đá ở Quetteholme, hoặc một điểm thắng cảnh khác nào đó đủ xa để một chiếc xe di chuyển chậm phải mất cả ngày mới tới được. Trong niềm vui sắp bước vào một cuộc du ngoạn dài, tôi vừa đi bách bộ vừa khe khẽ hát một điệu mới được nghe

trong khi chờ đợi Madame de Villeparisis sửa soạn xong. Nếu là vào một ngày Chủ nhật, sẽ không chỉ có xe của Madame de Villeparisis đậu trước khách sạn, mà còn có nhiều xe ngựa thuê nữa; những chiếc xe này không chỉ đợi những người được mời đến lâu đài Féterne của Madame de Cambremer, mà cả những người đã tuyên bố “Chủ nhật ở Balbec thì chán ốm”, do đó không cam chịu ở lại khách sạn như những đứa trẻ hư bị phạt và ngay sau khi ăn trưa là tềch ngay sang ăn náu ở một bãi biển quanh đó, hay đi thăm một thắng cảnh nào đấy. Và thường khi nếu có ai hỏi bà Blandais là bà có đến lâu đài nhà Cambremer không, bà liền quả quyết đáp: “Không, chúng tôi đi tham quan thác nước ở Le Bec”, cứ như thể đó là lý do duy nhất khiến cả ngày hôm đó, bà không có mặt ở Féterne. Và ông chủ tịch đoàn luật sư thì nói với giọng tương thân tương ái:

“Tôi ghen tị với bà đấy, tôi những muốn đổi chỗ với bà, ở đấy chắc thú vị hơn nhiều”.

Cạnh những chiếc xe ngựa, trước cổng lớn nơi tôi đứng đợi, im ắng như một thứ cây con hiếm thấy, là một gã bồi trẻ; ở gã, mái tóc nhuộm màu hài hòa kỳ lạ đập vào mắt mọi người chẳng kém nước da như vỏ cây. Bên trong, ở tiền sảnh - tương ứng với cái gian trước dành cho người mới học đạo trong nhà thờ La Mã - nơi những người không ở khách sạn cũng có quyền vào, đám bạn của gã bồi “đối ngoại” chẳng bận rộn gì hơn gã, song ít nhất họ cũng vận động đôi chút. Có lẽ buổi sáng, họ giúp việc dọn dẹp. Nhưng buổi chiều, họ ở lại đó chỉ với tư cách là những thành viên ban đồng ca tuy không còn nhiệm vụ gì vẫn không rời sân khấu

để giữ cho hình ảnh thêm phần trọn vẹn. Ông tổng giám đốc, người đã làm tôi sợ chết khiếp, dự tính năm sau sẽ tăng số người này lên gấp bội, bởi ông là người “nhìn xa trông rộng”. Và quyết định của ông làm viên quản lý khách sạn phiền lòng, ông này thấy tất cả đám trẻ chỉ là một “lũ rách việc”, có nghĩa chúng chỉ làm quẩn chân, chẳng được việc gì cả. Ít nhất, trong khoảng thời gian giữa bữa ăn trưa và bữa tối, giữa những lúc ra phố và lúc trở về của khách trọ, bọn này cũng lấp được chỗ trống, giống như đám học trò của Madame de Maintenon giả trang thanh niên Israel điểu qua làm màn đệm mỗi khi Esther hay Joad rời sàn diễn*. Nhưng gã bồi bên ngoài, với những sắc thái hiếm quý, với thân hình dong dỏng cao và mảnh dẻ, đứng không xa chỗ tôi đợi bà hầu tước đi xuống, vẫn giữ nguyên tư thế bất động cộng thêm vẻ buồn buồn vì lớp đàn anh của gã đã rời bỏ khách sạn để hướng tới những số phận chói sáng hơn và gã cảm thấy cô đơn trơ trọi trên mảnh đất lạ này. Cuối cùng, Madame de Villeparisis cũng tới. Chăm nom xe của bà và đỡ bà lên xe hẳn là một trong những chức năng của gã bồi. Nhưng gã biết rằng một vị khách mang theo gia nhân thường để người nhà phục vụ và ít khi cho tiền “boa” ở một khách sạn, rằng những nhà quý tộc ở ngoại ô Saint-Germain cũng hành xử như vậy. Madame de Villeparisis thuộc cả hai loại người như vậy. Gã bồi-giống-cây-kiếng ấy bèn kết luận rằng mình chẳng thể trông chờ gì ở bà hầu tước và để tay trưởng hầu bàn cùng cô hầu phòng riêng đỡ bà cùng hành lý lên xe, gã buồn bã mơ về số phận của những bậc đàn anh và giữ nguyên tư thế bất động.

Chúng tôi lên đường. Một lúc sau khi vòng quanh nhà ga xe lửa, chúng tôi đi vào một con đường nông thôn; chẳng mấy chốc con đường đã trở nên quen thuộc đối với tôi như con đường ở Combray, từ chỗ nó quành giữa những khu vườn dễ thương cho đến tận chỗ rẽ cuối hai bên có ruộng đang canh tác. Đây đó, giữa những thửa ruộng ấy, có những cây táo lẻ loi, tuy trụi hết hoa chỉ còn trơ một chùm nhụy, nhưng cũng đủ làm tôi vui sướng vì tôi nhận ra những chiếc lá độc nhất vô nhị kia, tán lá xòe rộng chỉ mới đây thôi còn quần quýt những bông hoa ửng sắc hồng, như tấm thảm nhà thờ từng quyện vào vạt váy xa tanh trắng của cô dâu trong hôn lễ giờ đã kết thúc.

Trở về Paris, biết bao lần trong tháng Năm năm sau, tôi đã mua một cành táo ở cửa hàng hoa để rồi sau đó, ban đêm, ngồi trước những bông hoa nở bừng vẫn cái tinh cốt mờ màng ấy rắc bụi phấn xuống những chồi búp và giữa những tràng hoa trắng muốt, dường như chính ông bán hoa, vì hào hiệp đối với tôi và cũng do máu mê sáng tạo, gây tương phản tài tình, đã thêm vào mỗi bên một cái nụ màu hồng rất đắt; tôi ngắm chúng, tôi bày bố chúng dưới ánh đèn - lâu đến nỗi nhiều bận tôi vẫn còn ngồi đó khi ánh rạng đông tới nhuộm những đóa hoa cũng bằng cái màu đỏ mà cùng lúc ấy nó dùng để nhuộm cả Balbec nữa - và tôi tìm cách, bằng sức tưởng tượng, đem chúng trở lại trên con đường ấy, nhân chúng nhiều lên gấp bội, trải rộng chúng trong cái khung đã chuẩn bị, trên tấm “toan” đã sẵn sàng, giữa những khu vườn mà tôi thuộc lòng từng đường nét và muốn thấy lại vào lúc mùa xuân đang đà cao hứng thiên tài

phủ sắc màu lên cảnh vật.

Trước khi lên xe, tôi đã phác sẵn bức tranh biển mà tôi tìm kiếm, hy vọng được thấy ánh mặt trời tỏa chiếu, bức tranh mà tại Balbec tôi chỉ thấy quá lộn vụn giữa biết bao thứ xen kẽ tầm thường mà ước mơ tôi không chịu chấp nhận: đám người đi tắm, những ca bin thay đồ, những du thuyền. Nhưng mỗi khi chiếc xe của Madame de Villeparisis tới một đỉnh dốc, nhìn thấy biển hiện ra giữa khoảng những vòm lá, bị tước đi những chi tiết đương đại nọ hẳn là vì từ quá xa, những chi tiết đã như đặt biển ra khỏi tự nhiên và lịch sử, và tôi có thể, trong khi nhìn những con sóng, cố gắng nghĩ rằng đó chính là những con sóng mà Leconte de Lisle đã tả trong *Orestie* khi “tựa một bầy chim ăn thịt trong rặng đông”, những chiến binh tóc xù của con tàu Hellas anh hùng “khua sóng rộn vang bằng hàng trăm nghìn mái chèo*.” Nhưng bù lại, tôi không còn ở khá gần biển nữa, tôi cảm thấy như nó không sống động mà im ỉm, tôi không còn cảm thấy sức hùng mạnh dưới những màu sắc của nó trải ra như những màu sắc của một bức tranh giữa đám lá cây, trong đó biển hiện ra cũng trông rỗng thiếu thực chất như bầu trời, có điều chỉ sẫm hơn một chút.

Madame de Villeparisis thấy tôi thích nhà thờ hứa sẽ lần lượt đưa chúng tôi đi thăm các nhà thờ khác nhau, nhất là nhà thờ Carqueville “ẩn kín dưới lớp dây thường xuân già*”, bà nói vậy và đưa tay lên làm một cử chỉ như âu yếm bao bọc mặt tiền của ngôi nhà thờ không hiện diện bằng một lớp lá non vô hình. Cùng với điệu bộ mô tả ấy, Madame

de Villeparisis thường có những chữ rất trúng để xác định cái đẹp cái duyên và cái đặc biệt của một công trình kiến trúc, luôn luôn tránh những thuật ngữ kỹ thuật, nhưng không thể giấu là mình rất thông tỏ những điều mình nói. Bà dường như tìm cách xin lỗi về sự hiểu biết ấy, viện lý do là vì một trong những tòa lâu đài thuộc sở hữu của thân phụ bà đồng thời là nơi bà đã lớn lên, nằm trong một vùng có nhiều nhà thờ cùng phong cách như ở xung quanh Balbec, thật xấu hổ nếu bà không thích kiến trúc, và lại tòa lâu đài ấy lại là thí dụ điển hình đẹp nhất của kiến trúc thời Phục hưng. Nhưng vì nó còn là một bảo tàng thực sự, mặt khác vì Chopin và Liszt đã từng chơi đàn ở đây, Lamartine* từng đọc thơ ở đây, tất cả các nghệ sĩ nổi tiếng của cả một thế kỷ từng ghi ký họa trong album gia đình, từng viết những tư tưởng, những giai điệu ở đây, nên Madame de Villeparisis, con người duyên dáng, được giáo dục tốt, lại thực sự khiêm tốn, tuy có thiếu tinh thần triết học, cho rằng kiến thức của mình về các bộ môn nghệ thuật chỉ là do cái nguồn gốc thuần túy vật chất ấy mà thôi, và rất cuộc, có vẻ coi hội họa, âm nhạc, văn học và triết học như là thứ dành riêng cho một cô gái được nuôi dạy theo cách quý tộc nhất trong một di tích trứ danh đã xếp hạng. Dường như đối với bà, chẳng có tranh nào là đáng giá ngoài những bức ta được thừa kế. Bà hài lòng thấy bà tôi thích chiếc vòng bà đeo ở cổ thò ra ngoài áo dài. Đó chính là chiếc vòng cổ trong bức chân dung một trong những bà cụ cố của Madame de Villeparisis do Titien vẽ, một vật gia bảo chưa từng ra khỏi dòng tộc. Chỉ như thế, người mới

dám chắc là của thật. Bà không muốn nghe nói đến những bức tranh do một tay tử phú mua được chẳng biết bằng cách nào, chưa gì bà đã tin chắc là đồ giả và tuyệt nhiên chẳng muốn xem. Chúng tôi biết chính bà cũng vẽ tranh hoa bằng thuốc nước và bà tôi nghe thấy có người ca ngợi bèn kể lại với bà. Vì khiêm tốn, Madame de Villeparisis chuyển đầu đề câu chuyện, nhưng không hề tỏ ra ngạc nhiên hay thích thú, khác nào một nữ họa sĩ đã được khá nhiều người biết đến, chẳng còn lạ gì với những lời khen. Bà chỉ nói đó là một thứ tiêu khiển thú vị bởi vì những đóa hoa nở dưới ngọn bút lông dù có kém phần tươi thắm, thì ít nhất việc vẽ hoa cũng cho ta sống giữa thế giới hoa tự nhiên mà vẽ đẹp khiến ta không bao giờ biết chán, nhất là khi ta buộc phải nhìn thật kỹ để mô phỏng lại. Nhưng ở Balbec thì Madame de Villeparisis không vẽ để cho mắt được nghỉ.

Bà cháu tôi ngạc nhiên thấy Madame de Villeparisis có tư tưởng “tự do” hơn cả phần đông giới tư sản biết mấy. Bà ngạc nhiên thấy người ta bất bình về việc trục xuất những tín đồ dòng Tên, bà nói rằng xưa nay thiên hạ vẫn làm thế, ngay cả dưới chế độ quân chủ, ngay cả ở Tây Ban Nha. Bà bênh vực chế độ Cộng hòa, chỉ chê trách chủ trương chống giáo quyền của nó trong chừng mực như sau: “Tôi thấy việc ngăn không cho tôi đi lễ nhà thờ nếu tôi muốn thế cũng tệ hại không kém việc cưỡng bách tôi đi lễ nếu tôi không muốn”, thậm chí còn văng ra một số câu như: “Ôi, nghĩa lý gì, cái tầng lớp quý phái ngày nay!” “Đối với tôi, một người không lao động thì chẳng là cái thá gì hết”, có lẽ chỉ vì bà

cảm thấy những lời đó phải từ miệng bà thốt ra mới sắc sảo, mới ý vị, mới đáng nhớ.

Do luôn nghe những ý kiến tiến bộ - chưa tới mức tương đồng với chủ nghĩa xã hội, cái thứ mà Madame de Villeparisis ghét cay ghét đắng - thốt ra một cách thẳng thắn từ chính miệng một trong những người mà vì trân trọng trí tuệ của họ nên tính vô tư cần trọng và rút rè của chúng tôi ngần ngại không dám lên án những ý tưởng bảo thủ, hai bà cháu tôi đã gần như tin rằng ở bà bạn đồng hành dễ chịu của chúng tôi có cả sự mực thước và mẫu mực của chân lý trong mọi chuyện. Chúng tôi sẵn sàng tin lời bà khi bà nhận định về những bức Titien của mình, về hàng cột trong lâu đài của bà, về thuật trò chuyện dí dỏm của vua Louis-Philippe. Nhưng - giống như các vị học giả nọ khi thuyết trình về hội họa Ai Cập, về những bia chữ của người Étrurie* thì khiến ta vui thích ngõ ngàng nhưng khi nói về những tác phẩm hiện đại thì lại nhàm chán đến nỗi ta đâm băn khoăn không biết mình có đề cao quá mức sự lý thú của các môn học mà họ thấu đạt, vì ở đó thậm chí không thấy cái trình độ trung bình mà dù sao họ cũng đã thể hiện được trong những nghiên cứu ngờ nghệch của mình về Baudelaire - Madame de Villeparisis cười rũ khi tôi hỏi bà về Chateaubriand, về Balzac, về Victor Hugo (cả ba từng là khách ở nhà song thân bà và chính bà đã thoáng thấy họ), bà cười sự ngưỡng mộ của tôi và kể về họ với những nét chua cay như bà vừa kể về những ông đại lãnh chúa, những chính trị gia, và bà nghiêm khắc nhận định về họ chính trong tư cách nhà văn: họ thiếu khiêm tốn, không

chịu dẹp bớt cái tôi của mình, thiếu cái đúng mực trong nghệ thuật - chỉ một nét duy nhất thật trúng, không cần nhấn mạnh, tránh nhất là cái lỗ bịch của sự khoa trương - họ thiếu độ thích hợp, thiếu những phẩm chất giản dị và chừng mực trong nhận định, những phẩm chất mà bà đã được dạy để biết rằng chỉ có chân giá trị mới đạt tới. Rõ ràng bà không ngần ngại đánh giá họ thấp hơn những người có lẽ nhờ những phẩm chất ấy mà có được ưu thế đối với những Balzac, Hugo, Vigny trong một *salon*, một viện hàn lâm, một hội đồng bộ trưởng, như Molé, Fontanes, Vitrou, Bersot, Pasquier, Lebrun, Salvandy hay Daru*.

“Cũng giống như những tiểu thuyết của Stendhal, nhà văn mà cậu có vẻ ngưỡng mộ. Cậu sẽ làm ông ta ngạc nhiên nếu cậu nói với ông ta bằng cái giọng ngưỡng mộ ấy. Cha tôi, từng gặp Stendhal ở nhà ông Mérimée* - ít nhất ông này cũng là một tài năng - thường nói với tôi rằng Beyle (đó là tên thật của ông ta) là một người phàm tục khủng khiếp, nhưng lại rất dí dỏm khi là bạn ăn tối và không bao giờ phách lối về những cuốn sách của mình. Và chẳng, ta có thể tự thấy đấy, ông ta đã đáp lại những lời tâng bốc quá lố của ông Balzac bằng một cái nhún vai như thế nào. Về phương diện này, ít nhất ông ta cũng là một người dễ chịu để bầu bạn”.

Bà có chữ ký, lưu bút của tất cả những con người vĩ đại ấy và dường như, dựa thế gia đình có những quan hệ đặc biệt với họ, nghĩ rằng nhận định của bà về họ tất phải đúng hơn nhận định của lớp trẻ vốn cũng như tôi không có cơ hội lui tới với họ.

“Tôi nghĩ mình có thể nói về họ, vì họ thường đến nhà cha tôi và, như ông Sainte-Beuve thông tuệ nói, nên tin lời những người đã quan sát họ gần hơn và có thể nhận định chính xác hơn về giá trị của họ.”

Thỉnh thoảng, khi xe leo một con dốc hai bên có đất trồng cây, vài cây xa cúc lam đại giống như loại thường thấy ở Combray rụt rè bám theo xe chúng tôi, điểm thêm vào những cánh đồng đã trở nên thật hơn một dấu ấn chúng thực, tựa cái hình hoa nhỏ xinh quý giá mà một số họa sĩ bậc thầy thời xưa thường ký vào tranh của mình. Chẳng mấy chốc, ngựa chúng tôi bỏ xa chúng, nhưng đi một quãng nữa, chúng tôi lại thấy một cây khác đứng đợi, khoe ngôi sao xanh ngời ngời của nó giữa đám cỏ; nhiều cây đánh bạo tiến tận rệ đường và thế là hình thành cả một đám tinh vân quỳện những bông hoa thuần hóa ấy với những hồi ức xa xăm của tôi.

Xe xuống dốc; bấy giờ chúng tôi gặp những cô gái trở ngược lên, cô thì đi bộ hay đi xe đạp, cô thì ngồi trên xe bò hoặc xe ngựa - những bông hoa của ngày đẹp nhưng không như những bông hoa đồng nội, vì mỗi bông ẩn chứa một cái gì đó không có ở bất cứ bông nào khác, nó khiến ta không thể thỏa mãn niềm ham muốn mà bông hoa ấy làm nảy sinh trong ta bằng những thứ tương tự - một thôn nữ thúc con bò cái đi phía trước mình, hay ngả người trên chiếc xe ba gác, một cô gái con chủ cửa hiệu tạp hóa đi dạo, một tiểu thư thanh lịch ngồi trên ghế đối diện với cha mẹ trong một chiếc xe ngựa. Dĩ nhiên Bloch đã mở cho tôi một kỷ nguyên mới và đã thay đổi giá trị cuộc sống đối với tôi vào

cái hôm anh ta giảng cho tôi hiểu những mơ tưởng tôi ôm ấp một mình trong những cuộc đi dạo về phía Méséglise khi tôi ước gì có một thôn nữ đi qua rơi vào vòng tay mình, không phải là một ảo mộng chẳng liên quan với cái gì bên ngoài tôi, mà tất cả các cô gái ta gặp, dù là thôn nữ hay tiểu thư, đều sẵn sàng làm ta thỏa nguyện bằng cách biến những giấc mơ tưởng tự thành sự thật. Và bây giờ đây, khi mà tôi đang bệnh, không được ra ngoài một mình, dù tôi có phải chịu phạt mãi mãi không thể làm tình với họ, tôi vẫn sung sướng như một đứa trẻ sinh ra trong một nhà tù hay trong một bệnh viện từ lâu vốn tưởng cơ thể con người chỉ có thể tiêu hóa được bánh mì khô và thuốc trị bệnh, nay bỗng nhiên được biết rằng những trái đào, trái mơ, giàn nho không phải chỉ đơn thuần điểm trang cho đồng quê mà còn ăn được và là thức ăn tuyệt vời. Ngay cả nếu người quản tù hay hộ lý không cho phép nó hái những trái đẹp ấy, thì nó cũng thấy thế giới tốt đẹp hơn và cuộc sống khoan hòa hơn. Ta cảm thấy một ham muốn đẹp hơn, ta dựa vào nó tin cậy hơn khi biết rằng hiện thực bên ngoài ta phù hợp với nó, ngay cả nếu nó là điều không thể thực hiện được đối với ta. Và với niềm vui lớn hơn, ta nghĩ đến một cuộc sống trong đó ta có thể hình dung mình đang thỏa mãn ham muốn đó, với điều kiện là ta tạm gạt ra khỏi đầu cái trở ngại nhỏ ngẫu nhiên và cá biệt ngăn bản thân ta không với được tới nó. Đối với những cô gái đẹp đi qua, từ hôm biết rằng má họ sẵn sàng đón một nụ hôn, tôi đâm tò mò muốn hiểu tâm hồn họ. Và tôi thấy vũ trụ lý thú hơn.

Xe của Madame de Villeparisis đi nhanh. Tôi chỉ kịp

thoáng nhìn thấy cô gái nhỏ đi ngược lên về phía chúng tôi; vậy mà - vì vẻ đẹp của con người không như vẻ đẹp của sự vật, vì ta cảm thấy nó thuộc về một sinh linh duy nhất, có ý thức và có ý chí - ngay khi nét cá tính của nàng, cái tâm hồn mơ hồ và ý chí xa lạ với tôi ấy, vừa hiển lộ thành một hình ảnh nhỏ xíu thu gọn một cách kỳ diệu nhưng trọn vẹn nơi đáy mắt nàng, là lập tức, như phản ứng bí ẩn của phấn hoa sẵn sàng quyện lấy nhụy hoa, tôi cảm thấy nhú lên trong tôi cái mầm cũng mơ hồ, cũng bé tẹo của niềm khao khao quyết không để kiều nữ này đi qua mà không hề ý thức gì về con người tôi, mà tôi không ngăn nổi nàng ham muốn ai khác, mà tôi không lọt vào ngực trong mơ mộng của nàng và chiếm lĩnh trái tim nàng. Tuy nhiên, xe chúng tôi xa dần, người đẹp đã ở đằng sau chúng tôi và vì nàng chẳng có về tôi chút khái niệm nào trong cấu thành một nhân cách, đôi mắt nàng, vốn mới chỉ thoáng thấy tôi, chắc đã quên tôi rồi. Có phải vì chỉ thoáng nhìn thấy nàng mà tôi ngỡ nàng đẹp thế chẳng? Có lẽ thế. Trước hết, việc không thể dừng xe để tiếp cận một phụ nữ cũng như khó có cơ thấy lại nàng vào một hôm khác, khiến nàng đột nhiên trở nên hấp dẫn như một xứ sở mà ta không thể đến thăm vì bệnh tật hay vì nghèo khó, hoặc như những ngày tẻ nhạt còn lại trong đời bỗng trở nên đẹp để trước trận chiến trong đó ta chắc chắn sẽ gục ngã. Thành thử, nếu không có thói quen, cuộc đời ắt có vẻ tuyệt vời trước con mắt của những người bị cái chết đe dọa từng giờ - có nghĩa là toàn thể loài người. Còn điều này nữa: nếu trí tưởng tượng bị cuốn theo niềm khao khát những gì ta không thể sở hữu,

thì đà bay bổng của nó không hề bị hạn chế bởi một thực tế có thể hoàn toàn thấy được qua những cuộc gặp ngẫu nhiên trong đó sức hấp dẫn của người đẹp đi qua thường liên quan trực tiếp với độ ngắn ngủi của khoảnh khắc nàng xuất hiện. Chỉ cần đêm vừa buông và xe chạy nhanh một chút, dù ở nông thôn hay trong thành phố, là đủ cho tất cả những thân vóc nữ, bị bóng tối nhập nhoạng và tốc độ xe chạy cắt xén đôi phần như pho tượng cẩm thạch cổ đại*, từ mỗi góc phố, từ trong mỗi cửa hiệu, bắn vào tim ta những mũi tên của Nhan sắc, cái Nhan sắc mà đôi khi ta băn khoăn tự hỏi: không biết trên đời này, đó có phải là cái gì khác với phần bổ sung mà trí tưởng tượng quá kích động vì nuối tiếc* của ta bù thêm cho bóng giai nhân thoáng ẩn thoáng hiện trên đường?

Giá tôi có thể xuống xe nói chuyện với cô gái gặp giữa đường, biết đâu một khuyết tật trên làn da mà từ trên xe tôi không nhận ra chẳng làm tôi tan vỡ ảo tưởng? (Và thế là tôi bỗng cảm thấy không thể có cách nào thâm nhập được vào cuộc đời của cô, vì nhan sắc là một chuỗi giả thuyết giờ đã bị vẻ xấu xí thu hẹp lại bằng cách chặn con đường mà ta đã thấy mở ra hướng tới cái chưa-biết.) Có thể chỉ một lời cô nói, một nụ cười, sẽ cung cấp cho tôi một chìa khóa, một mã số bất ngờ để đọc vẻ mặt hay dáng đi của cô, khiến chúng lập tức trở nên tầm thường. Điều đó là có thể vì từ trước tới nay trong đời, tôi chỉ gặp những cô gái gọi cảm như thế vào những ngày tôi đi cùng một người nghiêm nghị mà dù có bịa ra trăm phương ngàn có, tôi vẫn không sao rời ra nửa bước. Mấy năm sau cái năm tôi đến Balbec lần

đầu tiên, một hôm, đang cùng một ông bạn của cha tôi dạo phố Paris bằng xe ngựa, tôi thoáng thấy một bóng phụ nữ rảo bước trong đêm. Tôi chợt nghĩ thật điên rồ nếu chỉ vì giữ phép tắc mà để mất phần hạnh phúc của mình trong cuộc đời mà ta hẳn chỉ được sống có một lần, và thế là tôi nhảy xuống đất không một lời xin lỗi. Tôi rượt theo người đàn bà không quen, mất dấu nàng ở giao điểm của hai phố, tìm lại được ở con phố thứ ba và cuối cùng thấy mình hỗn hờ hỗn hờ dưới chân một cột đèn đường, ngáy ra trước cái bà già Verdurin mà ở đâu tôi cũng muốn lánh mặt; và bà ta sung sướng và ngạc nhiên kêu lên: “Ôi! Cậu thật đáng yêu biết bao! Chạy cả một quãng đường để chào tôi một câu!”

Năm ấy, ở Balbec, trong những trường hợp gặp gỡ như vậy, tôi thường viện cớ đau đầu dữ dội, xin bà tôi và Madame de Villeparisis để tôi đi bộ về nhà một mình, cam đoan rằng đó là cách tốt nhất. Hai bà không chịu để cho tôi xuống xe. Và tôi đành bổ sung thêm người đẹp ấy (khó tìm lại hơn cả một di tích lịch sử bởi nàng vừa cơ động vừa khuyết danh) vào bộ sưu tập những giai nhân mà tôi tự hứa với mình sẽ tìm cách gặp mặt đối mặt. Tuy nhiên có một nàng xuất hiện trở lại dưới mắt tôi trong những điều kiện khiến tôi nghĩ có thể làm quen với nàng như mình muốn. Đó là một cô gái nuôi bò sữa từ một trang trại mang kem đến cho khách sạn. Tôi nghĩ nàng cũng nhận ra tôi; quả vậy, nàng nhìn tôi với một vẻ chăm chú chắc hẳn vì ngạc nhiên thấy tôi chăm chú nhìn nàng. Ngày hôm sau, tôi ngủ cả buổi sáng; gần trưa, khi Françoise đến mở rèm cửa, bác trao cho tôi một lá thư gửi ở quầy lễ tân khách sạn nhờ

chuyển cho tôi. Tôi không quen ai ở Balbec. Tôi chắc chắn đây là thư của cô nàng bán sữa. Hối ôi, đó chỉ là thư của Bergotte, nhân đi qua, ông định ghé thăm tôi nhưng biết tôi còn ngủ, đã để lại mấy lời thân ái mà gã bồi phục vụ thang máy cẩn thận bỏ vào phong bì khiến tôi tưởng là do nàng bán sữa viết. Tôi thất vọng ghê gớm vì đó không phải thư của nàng và dù biết có được một bức thư của Bergotte là điều khó khăn hơn và đáng tự hào hơn, ý nghĩ đó cũng không an ủi tôi chút nào. Cả cô gái đó nữa, tôi cũng không gặp lại thêm lần nào, cũng như các cô tôi chỉ nhìn thấy từ chiếc xe của Madame de Villeparisis. Thấy tất cả bọn họ để rồi lại mất tất cả, điều đó làm tăng tâm trạng xáo động của tôi và tôi thấy các nhà triết học có phần minh triết khi khuyên chúng ta hạn chế ham muốn (nếu như họ muốn nói đến con người ham muốn con người, thứ ham muốn duy nhất dẫn đến lo âu, nhằm vào cái chưa-biết trong vùng ý thức; chứ giả định là triết học muốn nói đến ham muốn của cái thì quá ư là phi lý). Tuy nhiên, tôi sẵn sàng nhận định sự minh triết này là không trọn vẹn vì tôi nghĩ những cuộc gặp thoáng qua ấy càng làm tôi thấy thế giới đẹp hơn, một thế giới biết làm cho mọc lên trên mọi nẻo đường quê những bông hoa vừa kỳ lạ vừa thông thường, những kho báu thoát ẩn thoát hiện của mỗi ngày, những món quà bất ngờ đến trong cuộc dạo chơi, mà chỉ những hoàn cảnh ngẫu nhiên có lẽ không phải bao giờ cũng tái diễn ngăn không cho chúng ta được hưởng, những thứ đem lại một hương vị mới cho cuộc đời.

Nhưng có lẽ trong khi hy vọng rằng vào một ngày nào đó

thoải mái hơn, tôi có thể gặp những cô gái tương tự trên những con đường khác, tôi đã bắt đầu làm loãng cái tính chất hoàn toàn cá nhân của niềm khao khát được sống bên một người đàn bà ta thấy là xinh đẹp và chỉ bằng việc thừa nhận là người ta có thể làm nảy sinh khát khao đó như một sản phẩm nhân tạo, tôi đã hàm ý công nhận đó là ảo tưởng.

Hôm Madame de Villeparisis đưa chúng tôi đến Carqueville*, nơi có ngôi nhà thờ phủ đầy dây thường xuân mà bà đã kể với chúng tôi - ngôi nhà thờ xây trên một khu đất cao trắn ngự cả làng thôn cùng dòng sông chảy qua làng và còn lưu giữ được cây cầu nhỏ xíu thời Trung cổ bà tôi nghĩ tôi hẳn sẽ hài lòng nếu được ở lại một mình ngắm tòa giáo đường cổ, bèn đề nghị bà bạn đến ăn chiều ở cái cửa hiệu bánh ngọt nổi bật trên quảng trường đằng kia với lớp rỉ đồng vàng óng trông như một bộ phận khác của một tổng thể xưa. Chúng tôi thỏa thuận là tôi sẽ đến gặp lại họ ở đấy. Xe thả tôi xuống phía trước một lùm cây và trong vòm lá xanh rì ấy, muốn nhận ra một ngôi nhà thờ, tôi phải cố gắng nắm lại chắc hơn khái niệm về nhà thờ; thật vậy, như một học sinh nắm được trọn vẹn hơn ý nghĩa của một câu văn khi làm một bài tập dịch xuôi hay dịch ngược, phải tước bỏ khỏi câu đó những dạng thức quen thuộc, cái khái niệm về nhà thờ mà tôi chẳng mấy cần đến khi đứng trước những gác chuông tự chúng đã khiến ta nhận ra đó là giáo đường, giờ tôi phải luôn luôn viện đến nó để khỏi quên rằng chỗ vòm dây thường xuân này là ván khuôn của một cửa kính ghép màu hình cung nhọn, chỗ khóm lá nhô ra kia là do gờ nổi của một mũ cột. Nhưng rồi một thoáng gió,

cánh cổng di động khẽ rùng mình, loang loáng những gợn sóng rung rinh lan tỏa như ánh sáng; lá ào ào xô nhau trút; và run rẩy, cái mặt tiền thực vật ấy của nhà thờ cuốn theo hàng cột lung linh và chập chờn dưới những cơn trớn vượt ve.

Trong khi rời khỏi nhà thờ, tôi trông thấy trên chiếc cầu cổ mấy cô gái làng ăn vận diêm dúa - hẳn vì đó là một ngày Chủ nhật - đang í ới gọi những chàng trai đi ngang qua. Có một cô nàng cao lớn không diện bằng các cô khác, nhưng có vẻ vai vế hơn hẳn do một ưu thế nào đó - vì cô ta hầu như không thềm trả lời khi các cô kia nói với mình - coi bộ nghiêm trang hơn và kiên nghị hơn; cô nàng ngồi ghếch lên thành cầu, hai chân đung đưa, trước mặt là một hũ đầy cá có lẽ cô nàng vừa câu được. Nàng có nước da bánh mật, đôi mắt dịu dàng nhưng cái nhìn thì lại coi khinh những gì bao quanh mình, cái mũi nhỏ đáng nét thanh tú và đáng yêu. Tôi đắm đắm nhìn làn da nàng và môi tôi hồ như cũng theo tia mắt đặt lên đó. Nhưng tôi đâu chỉ muốn với tới thân thể nàng, mà cả con người sống trong đó, và muốn chạm vào con người, chỉ có một cách là thu hút sự chú ý của nàng, muốn thâm nhập con người, chỉ có cách là đánh thức một ý niệm trong đầu nàng.

Và con người bên trong ấy của người đẹp câu cá dường như còn khép chặt với tôi, tôi không dám chắc mình đã vào được đó ngay cả sau khi tôi thấy hình ảnh của chính mình thấp thoáng phản chiếu trong tấm gương-ánh-nhìn của nàng hướng về tôi, sai lệch đi theo một chỉ số khúc xạ xa lạ với tôi, khác nào tôi ở trong trường thị giác của một con nai

rừng vậy. Nhưng cũng giống như đối với tôi, cảm thấy sung sướng khi đặt môi lên môi nàng là chưa đủ, mà còn phải mang lại khoái cảm cho môi nàng, tôi những muốn ý niệm về tôi khi nhập vào con người ấy, bám chắc vào đó, không chỉ đem lại cho tôi sự chú ý, mà cả sự ngưỡng mộ, lòng ham muốn của nàng nữa, và buộc con người ấy phải giữ kỷ niệm về tôi cho đến ngày gặp lại. Tuy nhiên, tôi thấy khu quảng trường không còn xa, xe của Madame de Villeparisis đợi tôi ở đó. Tôi chỉ còn một khoảnh khắc ngăn ngại; và tôi đã cảm thấy các cô gái bắt đầu cười vì thấy tôi dừng lại như vậy. Tôi có năm franc trong túi. Tôi lấy ra và trước khi giải thích với người đẹp về việc tôi muốn nhờ nàng giúp, để khiến nàng chú ý lắng nghe hơn, tôi giơ đồng tiền trước mắt nàng.

“Vì cô có vẻ là người địa phương”, tôi nói với ngư nữ xinh đẹp, “tôi muốn nhờ cô chút việc, cô có sẵn lòng giúp không? Cô hãy đến trước một hiệu bánh ngọt hình như nằm trên một quảng trường mà tôi không biết ở quăng nào, có một chiếc xe ngựa chờ tôi ở đấy. Khoan đã!... Để khỏi nhầm, cô phải hỏi xem đó có đúng là xe của nữ hầu tước De Villeparisis không. Vả lại, cô sẽ dễ nhận ra thôi, xe có hai ngựa mà.”

Đó là điều tôi muốn nàng biết để thấy tôi oai như thế nào. Nhưng khi thốt ra những tiếng “nữ hầu tước” và “hai ngựa”, tôi đột nhiên cảm thấy lòng mình nguôi dịu hẳn. Tôi cảm thấy ngư nữ sẽ không quên tôi, nỗi khiếp sợ không tìm thấy lại được nàng tan biến cùng với một phần nỗi ham muốn gặp lại nàng. Dường như tôi vừa chạm được vào con

người nàng bằng đôi môi vô hình và tôi đã làm nàng vừa lòng. Và sự cưỡng đoạt tinh thần nàng như vậy, sự chiếm hữu phi vật thể ấy đã tước đi nét bí ẩn khỏi nàng chẳng kém một lần chiếm đoạt thân thể.

Xe chúng tôi xuôi về phía Hudimesni; bỗng nhiên tôi thấy lòng tràn đầy cái niềm hạnh phúc sâu sắc mà từ độ xa Combray, tôi không mấy khi cảm thấy, nó tương tự như cái cảm giác sung sướng mà những gác chuông nhà thờ ở Martainville mang lại cho tôi. Nhưng lần này, nó không được trọn vẹn. Xe chúng tôi đi theo con đường sống trâu và, thụt vào mé trong rệ đường, tôi vừa trông thấy ba cái cây chắc là cổng vào một lối đi râm mát, hình thành một nét hoa văn không phải tôi mới thấy lần đầu; tôi không nhớ ra cái nơi chúng như được tách ra, nhưng tôi cảm thấy đạo xưa chúng rất quen thuộc đối với tôi; thành thử, vì đầu óc đang lấn cấn giữa những năm xa xôi nào đó và thời điểm hiện tại, những vùng lân cận của Balbec chao đảo và tôi tự hỏi phải chăng toàn bộ cuộc dạo chơi này chỉ là một hư cấu của trí tưởng tượng, Madame de Villeparisis một nhân vật của tiểu thuyết và ba cái cây già kia là thực tại mà ta thấy lại khi ngược mắt lên khỏi cuốn sách ta đang đọc, trong đó mô tả một môi trường mà cuối cùng, ta ngỡ như đã thực sự được đưa tới đó.

Tôi nhìn ba cái cây, tôi trông thấy chúng rất rõ, nhưng đầu óc tôi cảm thấy chúng che phủ một cái gì đó mà nó không sao bám vào được, tựa như những vật để ở một chỗ quá xa, ngón tay ta vươn hết tầm cũng chỉ thi thoảng khẽ chạm vào bao bì mà chẳng nắm được gì. Ta bèn nghĩ một

lúc để rồi lấy đà vung cánh tay ra phía trước mạnh hơn, cố với tới xa hơn. Nhưng muốn cho đầu óc tôi tập trung để lấy đà, tôi phải tách riêng ra một mình. Sao mà tôi muốn bứt ra như trong những cuộc đi dạo về phía Guermantes khi tôi tách ra khỏi cha mẹ tôi! Thậm chí tôi cảm thấy đáng ra lúc này tôi cũng phải làm thế. Tôi nhận ra loại khoái cảm này, tuy nó đòi hỏi đầu óc phải lật đi lật lại tự vấn, nhưng so với nỗ lực ấy, cái thú làm biếng tránh suy nghĩ xui ta không động não, xem ra thật vô vị. Cái khoái cảm ấy, vốn chỉ nhằm tới dự cảm, tôi phải tự mình tạo ra nó, rất hiếm khi tôi có được khoái cảm ấy, nhưng mỗi lần như vậy, tôi đều thấy những chuyện xảy ra trong khoảng thời gian qua dường như chẳng có gì quan trọng và chỉ cần gắn hết mình với hiện thực của nó là cuối cùng, tôi có thể bắt đầu một cuộc sống thực sự. Tôi giơ tay lên trước mặt một lát để có thể nhắm mắt lại mà Madame de Villeparisis không thấy. Tôi cứ ngồi thế chẳng nghĩ gì, rồi gom lại ý lực dồn nén với một sức mạnh lớn hơn, tôi phóng mình xa hơn về phía ba cái cây, hay nói đúng hơn, phóng mình theo hướng nội tâm đến tận điểm tôi nhìn thấy chúng trong tôi. Một lần nữa, tôi lại cảm thấy đằng sau chúng vẫn cái vật quen thuộc nhưng mơ hồ mà tôi không sao nắm bắt lại được. Tuy nhiên, theo đà xe tiến tới, tôi thấy cả ba cây cùng xấp lại gần. Tôi đã nhìn thấy chúng ở đâu nhỉ? Quanh vùng Combray, không nơi nào có một con đường khởi đầu như vậy. Cảnh quan chúng gợi lại cho tôi cũng không có chỗ trong khung cảnh đồng quê Đức, nơi tôi cùng bà tôi đi an dưỡng tắm nước khoáng một năm nào đó. Liệu có phải tin

rằng ba cái cây đó là một hình ảnh từ những năm xa lắc trong đời tôi, xa đến nỗi quang cảnh bao quanh chúng đã hoàn toàn xóa mờ trong trí nhớ tôi, và như những trang viết ta đột nhiên xúc động thấy lại trong một cuốn sách ta ngỡ chưa bao giờ đọc, chúng lênh bênh nổi lên tro trọi từ cuốn sách bị lãng quên thời thơ ấu của tôi? Hoặc ngược lại, phải chăng chúng chỉ thuộc về những phong cảnh trong mơ, bao giờ cũng vẫn thế, ít nhất là đối với tôi? Trong giấc ngủ của tôi, vẻ kỳ lạ của chúng chỉ là sự diễn dịch những cố gắng tôi đã tiến hành lúc còn thức, hoặc để nhìn thấu cái bí ẩn tôi linh cảm thấy đằng sau bề ngoài của một nơi, như đã xảy đến với tôi biết bao lần trong những cuộc đi dạo về phía Guermantes, hoặc để trả lại nét bí ẩn cho một nơi tôi từng khát khao muốn biết, nhưng từ hôm biết rõ lại trở nên hoàn toàn hơi hợt trước mắt tôi, như Balbec chẳng hạn. Phải chăng chúng chỉ là một hình ảnh mới toanh tách ra từ một cơn mơ đêm hôm trước nhưng đã nhạt nhòa đến nỗi tôi có cảm giác như nó trở về từ một thuở xa xôi hơn nhiều? Hoặc giả, phải chăng tôi chưa bao giờ thấy chúng, và phải chăng, giống như những cái cây nào đó, khóm cỏ nào đó tôi đã từng thấy ở nẻo đi về phía Guermantes, chúng cũng giấu đằng sau chúng một ý nghĩa gì cũng mù mờ, cũng khó nắm bắt như một quá khứ xa xăm, thành thử khi được chúng khơi gợi để đào sâu một tư tưởng, tôi ngỡ mình phải nhận ra một kỷ niệm? Hoặc nữa, thậm chí chúng chẳng giấu tư tưởng gì sắt và phải chăng một khoảnh khắc thị lực mệt mỏi đã khiến tôi nhìn chúng chập chờn trong thời gian, như thi thoảng người ta nhìn một hình mà hóa chập chờn

trong không gian? Tôi chẳng biết nữa. Tuy nhiên, chúng đang tiến lại phía tôi; có lẽ một hiển hiện huyền thoại, một tuần du của những mù phù thủy truyền bá những lời sấm truyền. Tôi nghiêng về ý nghĩ đó là những bóng ma của quá khứ những bạn thân thiết thời thơ ấu, những đứa bạn đã khuất nay hiện về gọi lại những kỷ niệm chung. Như những cái bóng, chúng như xin tôi mang chúng theo, trả chúng về với cuộc sống. Trong những cử chỉ chất phác và khẩn thiết của chúng, tôi nhận ra sự tiếc nuối bất lực của một người thân yêu đã mất khả năng ngôn ngữ, giờ cảm thấy không thể nói lên những gì mình muốn, còn chúng ta thì không đoán ra được. Chẳng mấy chốc, đến một ngã tư, chiếc xe bỏ chúng lại đằng sau. Nó mang tôi rời xa những gì chỉ riêng mình tôi tin là có thật, xa những gì lẽ ra có thể khiến tôi thật sự sung sướng, nó giống như cuộc đời tôi.

Tôi thấy ba cái cây xa dần, khoa những cánh tay tuyệt vọng như muốn nói với tôi rằng: “Điều mà hôm nay đây cậu không nắm bắt được nơi chúng tôi, cậu sẽ không bao giờ biết được. Nếu cậu để chúng tôi rút trở lại cuối con đường này, từ đó chúng tôi đã ráng vươn tới cậu, cả một phần của bản thân cậu mà chúng tôi mang đến cho cậu sẽ mãi mãi rơi vào hư vô.” Thật vậy, sau này, một lần nữa tôi thấy lại cái dạng khoái cảm và xao xuyến như tôi vừa trải nghiệm, và nếu một chiều tôi thả hết mình vào nó - quá muộn nhưng là mãi mãi - thì trái lại, về chính những cái cây đó, tôi vẫn không bao giờ biết được chúng đã muốn mang đến cho tôi điều gì, cũng như tôi đã nhìn thấy chúng ở đâu. Và khi - xe đã rẽ, tôi đã quay lưng lại với chúng, không còn

nhìn thấy chúng nữa - Madame de Villeparisis hỏi tại sao tôi có vẻ mơ mộng thế, tôi thấy buồn như vừa mất một người bạn, như có cái gì chết ở trong lòng, như thất hứa với một người quá cố, hay như đứng trước một vị thần mà không nhận ra*.

Đã đến lúc phải nghĩ đến chuyện trở về. Với một cảm thức tương đối về thiên nhiên, tuy không nồng nàn như ở bà tôi, nhưng cũng đủ để nhận ra vẻ đẹp giản dị và uy nghi của một số sự vật xưa cũ, ngay cả ở bên ngoài những bảo tàng và những tư dinh quý tộc Madame de Villeparisis, bác xà ích đi theo con đường cũ của Balbec ít có xe qua lại, với hai hàng du trống ven đường nom thật thích mắt.

Một khi đã quen với con đường cũ này, để thay đổi, chúng tôi thường về bằng một con đường khác, trừ phi lúc đi chúng tôi đã theo lối đó; con đường này xuyên qua những cánh rừng Chantereine và Canteloup. Chim chóc líu lo hót trong những lùm cây ngay bên cạnh mà chẳng nhìn thấy con nào, điều đó mang lại cho chúng tôi cái cảm giác nghỉ ngơi như khi ta nhắm mắt lại. Ngồi sững trên chiếc ghế nhỏ như thần Prométhée* bị xiềng trên mỏm đá, tôi lắng nghe tiếng chim ca*. Và mỗi khi tình cờ trông thấy một con chim từ dưới chiếc lá này chuyển sang một chiếc khác, tôi hầu như chẳng thấy liên quan gì giữa nó và những tiếng hót kia, đến nỗi tôi khó lòng tin rằng nguồn gốc phát sinh tiếng hót lại nằm trong cái cơ thể bé tí ngớ ngàng, nhẩy nhót chẳng nhìn ai kia.

Con đường cũ này cũng giống như nhiều con đường khác cùng loại người ta thường gặp trên đất Pháp, lên thì khá

dốc mà xuống thì thoải thoải rất dài. Vào chính lúc này đây, tôi không thấy nó đẹp lắm, tôi chỉ hài lòng được trở về. Nhưng về sau, nó trở thành một nguồn vui khi trụ lại trong ký ức tôi như một điểm xuất phát mà tất cả những con đường tương tự sau này tôi qua, dù trong một cuộc đi dạo hay một hành trình dài, đều có thể nối thẳng vào liền như không hề ngắt quãng, và nhờ có nó, liên thông ngay với trái tim tôi. Bởi vì hễ xe ngựa hay xe hơi đi vào một con đường tựa như nối tiếp con đường tôi đã rong ruổi trong xe của Madame de Villeparisis, điều lập tức chiếm lĩnh ý thức tôi lúc đó như là thuộc về quá khứ gần nhất của tôi (tất cả những năm giữa quãng đó đều triệt tiêu), đó chính là những ấn tượng tôi cảm thấy vào những buổi chiều tà ấy trong những cuộc dạo chơi quanh vùng Balbec, khi hương lá cây ngào ngạt, khi sương mù dâng lên và khi chúng tôi nhìn thấy qua hàng cây mặt trời lặn tận bên kia ngôi làng sắp tới, như một vùng rừng rú tiếp theo, quá xa để có thể tới ngay trong chiều. Hòa với những cảm giác giờ đây tràn ngập trong tôi ở một nơi khác, trên một con đường tương tự, giữa mọi cảm giác phụ họa chung cho cả hai nơi nhưng chỉ thế thôi - hít thở thoải mái, hiếu kỳ trẻ nải, ăn ngon miệng, hoan hỷ - những ấn tượng ấy tăng cường lên, giàu thêm một thực chất khoái cảm thuộc một loại đặc biệt và gần như một khung sinh tồn mà chính tôi hiếm khi có dịp thấy lại nhưng trong đó những kỷ niệm thức dậy đặt vào giữa cái thực tại được cảm nhận bằng cách vật thể một phần thực tại được nhớ lại, nằm trong ý nghĩ, không thể nắm bắt, đủ để mang lại cho tôi, giữa lúc đi qua những

vùng ấy, không chỉ một mỹ cảm, mà cả một khao khát náo nức, dù chỉ thoáng qua, muốn sống ở đó mãi mãi. Biết bao lần, chỉ đơn giản để được ngửi mùi cây lá, tôi đã coi việc ngồi trên chiếc ghế gập đối diện với Madame de Villeparisis, gặp bà quận chúa vùng Luxembourg chào vọng sang từ xe mình, trở về ăn tối ở Đại Khách sạn, như một trong những niềm vui không thể xóa mờ mà cả hiện tại lẫn tương lai đều không thể trả lại cho ta, mà người ta chỉ được hưởng một lần trong đời.

Nhiều khi chiều đã xuống mà chúng tôi vẫn chưa trở về. Chỉ văng vẳng trên bầu trời, tôi rứt rứt trích dẫn cho Madame de Villeparisis mấy lời hay ý đẹp của Chateaubriand, Vigny hay Victor Hugo: “Trăng giải bí mật ngàn đời của sâu tư”, hay “Khóc như nữ thần Diane bên nguồn nước”, hay “Bóng tối mang sắc màu tân hôn uy nghi và trang trọng”*.

“Cậu thấy những câu ấy là đẹp, là ‘thiên tài’ theo cách nói của cậu sao?” bà hầu tước hỏi. “Tôi xin nói với cậu, tôi luôn luôn ngạc nhiên thấy ngày nay giờ người ta rất mực coi trọng những điều mà bạn bè các vị ấy là những người đầu tiên mang ra đùa, trong khi vẫn công nhận giá trị của chúng. Ngày xưa người ta không hào phóng tặng cái danh hiệu thiên tài như ngày nay, bây giờ nếu ta bảo một nhà văn là anh ta chỉ có tài năng, anh ta sẽ coi đó là một lời lăng nhục. Cậu vừa dẫn một câu văn hay của ông De Chateaubriand về ánh trăng. Cậu sẽ thấy tôi có những lý do để không tán thưởng. Ông De Chateaubriand thường hay đến cha tôi. Bình thường, khi chỉ có chúng tôi, ông là

người rất dễ chịu vì lúc ấy ông thật giản dị và vui vẻ, nhưng hễ có khách một cái là ông bắt đầu điệu dàng và trở nên lỗ bịch; trước mặt cha tôi, ông huênh hoang rằng ông đã ném đơn từ chức vào mặt đức vua, và đã điều khiển hội nghị bầu giáo hoàng, quên bẵng là ông đã nhờ cha tôi van xin đức vua gọi ông ta trở lại và chính cha tôi đã nghe từ miệng ông ta những dự đoán điên rồ nhất về cuộc bầu cử giáo hoàng, về hội nghị bầu giáo hoàng đáng ghi nhớ ấy, phải nghe ông De Blacas nói thì mới đáng tin, ông là người khác hẳn với ông De Chateaubriand*. Còn về câu văn của ông này về ánh trăng, nó đã dứt khoát trở thành một gánh nặng cho nhà chúng tôi. Mỗi khi trăng vắng vặc sáng quanh lâu đài, nếu có một vị khách nào đó mới đến lần đầu, người ta thường gợi ý ông ta nên mời ông De Chateaubriand đi dạo ngoài vườn sau bữa ăn. Khi họ trở vào, cha tôi không quên kéo riêng vị khách ra một chỗ: “Ông De Chateaubriand rất hùng biện, phải không? - À, phải! - Ông ấy đã nói với ông về ánh trăng? - Phải, sao ông biết? - Khoan đã, ông ấy có nói với ông thế này không? (và cha tôi dẫn câu đó) - Phải, nhưng bằng cách bí mật nào? - Và ông ấy thậm chí còn nói với ông về cả ánh trăng trên các cánh đồng La Mã*. - Nhưng ông thật là phù thủy.” Cha tôi đâu phải là phù thủy ma xó gì, nhưng ông De Chateaubriand thì bao giờ cũng chỉ dọn ra độc một món có sẵn.

Nghe nhắc đến tên Vigny, bà bật cười:

“Cái ông xưng danh: ‘Tôi là bá tước Alfred de Vigny’ ấy à? Người ta là bá tước hay không là bá tước thì có quan trọng gì.” Nhưng có lẽ bà nhận ra chuyện đó đâu sao cũng

có chút quan trọng, vì bà lại nói thêm:

“Ban đầu tôi không dám chắc ông ta là bá tước, và dẫu sao gốc gác ông ta cũng xoàng, mà ông ta cứ nói mãi trong thơ về cái ‘ngũ mũ quý ông’ của mình. Như là thế thì hay lắm và độc giả thích như thế lắm! Khác nào Musset, tư sản còm ở Paris, cứ huênh hoang nói: ‘Con kim ung trên mũ của tôi’. Chẳng đời nào một lãnh chúa thực thụ lại nói những điều như thế. Ít ra Musset còn có tài làm thơ. Tôi chẳng bao giờ đọc nổi thứ gì của cái ông De Vigny ấy, ngoại trừ cuốn *Ngày 5 tháng Ba*; chán đến mức đánh rơi cả sách. Ông Molé, người trí tuệ và lịch thiệp hơn hẳn ông De Vigny, hành xử cao đẹp với ông ta khi tiếp nhận ông ta vào Viện Hàn lâm. Sao, cậu không biết bài diễn từ của ông ta ư? Nó là tuyệt tác về sự khôn ranh và xác xược.”

Bà ca cẩm Balzac, người mà bà ngỡ ngàng khi thấy đám cháu mình ngưỡng mộ, đã muốn phác họa nên một xã hội “nơi ông không được chào đón”, và còn kể ngàn điều huyền hoặc về nó. Còn về Victor Hugo, bà bảo chúng tôi rằng ông cụ thân sinh, ngài De Bouillon, vốn có nhiều bằng hữu trong thời tuổi trẻ lãng mạn, nhờ có họ mà cụ đã đi xem công diễn vở *Hernani*, nhưng cụ không tài nào ngồi lại được tới cuối, những lời thơ của nhà văn có thiên bẩm nhưng lại khoa trương này khiến cụ thấy lố bịch, ông ta được nhận cái danh đại thi hào chỉ là vì một giao kèo, và coi như phần thưởng cho sự độ lượng vụ lợi mà ông ta đã bày tỏ đối với những lời ba hoa nguy hại của phe xã hội.

Chúng tôi đã trông thấy khách sạn, thấy những ngọn đèn có vẻ thù nghịch vào cái tối đầu tiên đặt chân tới đây, giờ

mang vẻ che chở và dịu dàng, như báo hiệu một chốn ấm cúng. Và khi chiếc xe ngựa tới gần cửa, người gác cổng, nhân viên dắt ngựa, nhân viên giữ thang máy, vốn vã, ngây thơ, phấp phồng lo âu khi chúng tôi về muộn, đang tùm tùm trên bậc thềm chờ đón chúng tôi, giờ đã trở nên thân thiết, những con người mà chúng ta thay đổi biết bao lần trong suốt chặng đường đời, cũng như bản thân ta đã thay đổi, nhưng trong những con người ấy, vào lúc họ chốc lát trở thành tấm gương soi chiếu những thói quen của chúng ta, chúng ta nhận ra sự êm ái khi cảm thấy mình được phản chiếu một cách trung thành và thân ái. Chúng ta yêu mến họ hơn cả những bằng hữu lâu rồi chẳng gặp mặt, vì họ chứa đựng còn hơn cả những gì chúng ta đang là. Chỉ có “anh bồi”, giải nắng suốt cả ngày, là đi vào vì không chịu đựng nổi sự khắc nghiệt của đêm, quần kín người bằng đồ len, nổi liền với những dải màu cam của mái tóc và sắc hồng ửng đáng ngạc nhiên của đôi má, khiến người ta, ở giữa đại sảnh gần kính, liên tưởng tới một cái cây trồng trong lồng kính để chống rét. Chúng tôi xuống xe, được dìu đỡ bởi vô số kẻ hầu thừa thãi, nhưng bọn họ đều cảm thấy tầm quan trọng của “màn” này và cho là phải đóng một vai trong đó. Tôi đói lả. Thế nên, để không bị muộn giờ ăn tối, tôi không trở lên căn phòng rồi cuộc đã trở thành căn phòng thật sự của tôi, đến mức cứ nhìn những tấm màn lớn màu tím và những tủ sách thấp tịt ấy là như chỉ còn tôi với tôi, mọi thứ, cũng như mọi người, đều gọi lên hình ảnh trong tôi, và tất cả chúng tôi cùng đợi ở sảnh cho tới lúc ông trưởng bồi bàn tới thông báo rằng bữa ăn đã sẵn sàng.

Đó còn là dịp để chúng tôi lắng nghe Madame de Villeparisis.

“Chúng tôi lạm dụng bà quá rồi,” bà tôi nói.

“Nhưng sao nào, tôi đang rất vui, tôi lấy làm hân hạnh,” bà hầu tước đáp lại với một nụ cười âu yếm, buột ra những tiếng với tông giọng nhịp nhàng đối nghịch với vẻ giản dị thường ngày ở bà.

Thật vậy, vào những lúc như thế này, bà hầu tước trở nên không tự nhiên do nhớ đến những gì mình đã được giáo dục, nhớ đến những cung cách quý tộc cần có của một đại phu nhân để tỏ ra với đám trưởng giả rằng mình vui vẻ hòa nhập với họ, rằng mình không hề cao ngạo. Và nét thiếu lịch sự đích thực duy nhất nơi bà lại nằm ở chỗ bà quá lịch sự; bởi vì trong đó, người ta nhận ra cái nếp quen đã thành chuyên nghiệp của một phu nhân khu ngoại ô Saint-Germain luôn dự liệu ắt có ngày mình làm mất lòng một số tay tiểu tư sản, nên ráo riết tranh thủ mọi cơ hội có thể để ứng trước vào sổ “kế toán những điều thân ái” đối với họ một số dư vào bên “có”, đăng sẽ có thể ghi bên “nợ” không mời họ dự bữa tiệc tối hoặc cuộc chiêu đãi sắp tới mà không áy náy. Và như vậy, cái tinh thần đẳng cấp từ xưa đã in dấu vĩnh viễn lên Madame de Villeparisis và đến nay vẫn không màng tới chuyện hoàn cảnh cũng như con người đã thay đổi (ở Paris bà ắt mong chúng tôi năng đến thăm bà), cái tinh thần ấy ráo riết thúc bà, trong khi còn ở Balbec, vì thời gian để bà ưu ái chúng tôi chỉ ngắn chừng nấy, gia tăng những cử chỉ ân cần với chúng tôi - gửi hoa hồng, gửi dưa, cho mượn sách, đưa đi chơi bằng xe ngựa, những lời

nồng nhiệt. Và bởi thế - cũng chẳng kém cái rực rỡ lóa mắt của bãi biển, cái ngời ngời muôn sắc và những ánh lung linh như dưới đại dương của các căn phòng khách sạn, chẳng kém những bài luyện cưỡi ngựa khiến mấy chàng trai con những gia tộc được tôn vinh như Alexandre xứ Macédoine* - những hành xử thân tình hằng ngày của Madame de Villeparisis cũng như thái độ bà tôi chấp nhận chúng, một thái độ dễ dãi nhất thời trong mùa hè năm ấy, lưu lại trong ký ức tôi như những đặc điểm của sinh hoạt tắm biển.

“Xin đưa áo măng tô cho bồi mang lên phòng.”

Bà tôi đưa áo cho viên quản lý và vì ông ta luôn ân cần với tôi, tôi thấy áy náy vì thái độ thiếu tôn trọng này khiến ông ta có vẻ méch lòng.

“Tôi nghĩ cái ông kia bị chạm tự ái,” bà hầu tước nói. “Có lẽ ông ta tưởng mình là đại lãnh chúa, đâu phải hạng xách khăn áo cho bà. Tôi còn nhớ hình ảnh công tước De Nemours*, hồi tôi còn bé, khi ông bước vào phòng cha tôi dạo ấy ở tầng trên cùng của tòa tư dinh Bouillon, cắp nách một bó lớn thư và báo. Tôi như vẫn còn nhìn thấy vị hoàng thân mặc bộ lễ phục màu xanh lơ trong khuôn cửa có những mảng khắc gỗ rất đẹp (hình của Bagard*), bà biết đấy, những thanh nhỏ mềm mại người thợ làm gỗ đôi khi uốn thành những khung nhỏ, thành hoa, như những dải băng thắt bó hoa. ‘Này, Cyrus, ông nói với cha tôi, đây là những gì người gác cổng nhờ tôi mang lên cho ông. Bác ta bảo: Đằng nào ngài cũng đến chỗ ngài bá tước, tôi đỡ mất công leo mấy tầng gác, nhưng xin cẩn thận đừng làm hỏng

cái dây buộc.’ Bây giờ, khăn áo đã đưa cho họ rồi, bà ngồi xuống đây,” bà vừa nói vừa cầm lấy tay bà tôi.

“Ồ không, nếu bà thấy không sao thì miễn cho tôi cái ghế bành này đi, nó quá chật cho hai người, mà mình tôi thì ngồi lọt thỏm, mất thoải mái.”

“Bà làm tôi nghĩ đến một chiếc ghế bành y như thế này tôi đã dùng một thời gian dài, nhưng cuối cùng, không giữ lại được; đó là quà của công tước phu nhân De Praslin bất hạnh* tặng mẹ tôi. Mẹ tôi, tuy là người giản dị nhất trần đời nhưng vẫn còn giữ những ý niệm cũ kỹ mà ngay cả hồi ấy tôi cũng không hiểu rõ lắm, thoát đầu không muốn để người ta giới thiệu mình với Madame de Praslin vốn trước khi lấy chồng chỉ là tiểu thư Sébastiani; còn bà này nghĩ mình đường đường là một công tước phu nhân, cần gì phải được giới thiệu với ai. Và thực ra (Madame de Villeparisis nói thêm, quên bẵng là mình vừa nói là không hiểu cái kiểu so đo tinh vi ấy) ngay cả nếu bà chỉ là Madame de Choiseul, thì lập luận của bà vẫn có thể đứng vững. Dòng họ Choiseul thuộc loại cao sang nhất, tổ mẫu của họ là em gái vua Louis-To-Béo*, họ là những quân vương của vùng đất phong Bassigny. Tôi thừa nhận rằng về mặt quan hệ thông gia và thành đạt hiển hách, dòng họ Bouillon chúng tôi có trội hơn, nhưng về mặt lâu đời thì cũng gần như nhau thôi. Và vấn đề ngôi thứ ấy làm nảy sinh những sự việc tức cười, như bữa ăn trưa bị trễ cả hơn một tiếng đồng hồ do một trong hai vị phu nhân dùng dằng mãi mới chịu để người ta giới thiệu mình với vị kia. Mặc dù vậy, hai bà đã trở thành bạn thân, và bà ấy đã biếu mẹ tôi một chiếc ghế

bành giống như chiếc này, ai cũng chối đây đây - như bà vừa làm đấy - không chịu ngồi vào. Một hôm, mẹ tôi nghe thấy tiếng xe ngựa vào sân. Cụ bèn hỏi một gã hầu nhỏ xem đó là ai. 'Thưa bà bá tước, đó là công tước phu nhân De La Rochefoucauld. - À được, ta sẽ tiếp bà ấy.' Mười lăm phút trôi qua, chẳng thấy ai. 'Này, công tước phu nhân De La Rochefoucauld đâu?' - 'Bà ấy đang lên cầu thang, dừng lại lấy hơi, thưa bà bá tước,' gã hầu nhỏ trả lời, gã mới vào làm chưa được bao lâu, đến từ nông thôn, nơi mẹ tôi có thói quen mộ người ở, nhiều khi cụ biết họ từ khi mới ra đời. Chính vì thế mà nhà chúng tôi có những gia tộc tốt. Và đó là thứ sang trọng nhất. Quả như lời gã hầu, công tước phu nhân De La Rochefoucauld lên cầu thang một cách khó nhọc, vì bà quá to béo, to béo đến nỗi khi bà bước vào, mẹ tôi đã có một thoáng lo lắng không biết nên mời bà ngồi vào đâu. Đúng vào lúc ấy, chiếc ghế của Madame de Praslin cho, đập vào mắt cụ: 'Xin mời bà ngồi,' mẹ tôi nói, đẩy chiếc ghế về phía bà. Và bà công tước ngồi đầy ắp chiếc phôi-tôi. Mặc dầu bề vẻ như thế, bà ta vẫn khá dễ chịu. 'Bà ấy vẫn gây một ấn tượng mỗi khi xuất hiện,' một trong những người bạn của gia đình chúng tôi nhận xét. 'Nhất là khi bà ta đi khỏi, ' mẹ tôi đáp, cụ vốn có lối ăn nói sống sượng không thích hợp với ngày nay. Ngay tại nhà Madame de La Rochefoucauld, người ta cũng không ngại bông đùa về kích thước đồ sộ của bà ngay trước mặt bà mà chính bà là người đầu tiên phá lên cười. Một hôm mẹ tôi đến thăm công tước phu nhân De La Rochefoucauld, gặp ông chồng ở cửa vào mà không nhìn thấy bà vợ ngồi trong

một hôm tường cuối phòng, bèn hỏi: ‘Ông ở nhà một mình sao, thưa ông? Bà nhà đi đâu sao, tôi không thấy bà ấy. - Bà thật đấy nhĩ ý!’ ông công tước đáp, ông là người có những nhận định rất sai lầm, nhưng không thiếu hóm hỉnh.”

Ăn tối xong, trở về phòng, tôi nói với bà tôi rằng những đức tính đáng mến ở Madame de Villeparisis - ý tứ, tinh tế, khiêm nhường - có lẽ không phải là thực sự quý giá, bởi chung những người sở hữu những đức tính ấy ở mức tột đỉnh chỉ là những Molé, những Loménie, còn như nếu thiếu chúng, quan hệ hằng ngày có thể trở nên khó chịu, nhưng điều đó không ngăn những kẻ hợm mình không có đầu óc phán xét trở thành Chateaubriand, Vigny, Hugo, Balzac, những kẻ mà loại như Bloch dễ dàng giễu cợt... Nhưng nghe nhắc đến tên Bloch, bà tôi liền phản đối. Và cụ ca ngợi Madame de Villeparisis với tôi. Người ta thường nói, trong tình yêu, chính lợi ích giống loài dắt dẫn lựa chọn của mỗi người và muốn con cái sinh ra được cấu tạo một cách bình thường nhất, thì nên tìm những người nữ gầy cho đàn ông béo và nữ béo cho đàn ông gầy; tương tự như vậy, chính linh cảm mơ hồ về những gì cần thiết cho hạnh phúc của tôi, luôn bị đe dọa bởi chúng dễ bị kích động, bởi xu hướng bệnh hoạn dễ rơi vào tâm trạng buồn bã hay cô đơn, đã khiến bà tôi đặt những đức tính điềm đạm và suy xét lên hàng đầu, những phẩm chất đặc biệt không chỉ riêng cho Madame de Villeparisis, mà cả cho một môi trường xã hội trong đó tôi có thể tìm thấy khuây khỏa và an tĩnh - một môi trường giống như cái môi trường ở đó người ta thấy nở rộ tinh thần của một Dondan, một De Rémusat, nếu không

muốn nói của một Madame de Beausergent, một Joubert*, một Madame de Sévigné, cái tinh thần đưa nhiều hạnh phúc, nhiều phẩm cách vào cuộc sống hơn là những tinh tế đối lập chỉ đưa những Baudelaire, những Poe, những Verlaine, những Rimbaud đến đau khổ, đến mất uy tín, điều mà bà tôi không muốn cháu mình phải chịu đựng. Tôi ngắt lời cụ bằng một cái hôn và hỏi cụ có để ý một câu trong đó Madame de Villeparisis nêu rõ là người phụ nữ thực bụng coi trọng dòng dõi hơn là thừa nhận ra miệng. Cứ như thế, tôi tâm sự với bà tôi những cảm giác của mình, vì chỉ khi nào được cụ chỉ rõ, tôi mới biết nên đánh giá ai đó ở mức nào. Mỗi tối, tôi mang đến trình với cụ những ký họa chân dung tôi đã phác trong ngày theo tất cả những con người không hiện hữu, khác với cụ. Một lần tôi nói với cụ: “Thiếu bà, cháu không thể sống được. - Không nên thế, bà tôi đáp bằng một giọng bối rối. Phải rèn luyện cho con tim cứng cáp hơn thế. Bằng không, nếu bà đi xa thì cháu sẽ ra sao? Trái lại, bà hy vọng cháu sẽ rất biết điều và sẽ thoải mái. - Cháu có thể sẽ biết điều nếu bà chỉ đi vài ngày, nhưng cháu sẽ đếm từng giờ. - Nhưng nếu bà đi xa hàng tháng... (chỉ mới nghĩ thế, tim tôi đã se lại), hàng năm...”

Cả hai bà cháu im bật, không dám nhìn nhau. Tuy nhiên, hơn cả nỗi lo của chính mình, vẻ kinh hoàng của bà tôi làm tôi đau đớn. Vì vậy, tôi lại gần cửa sổ, ngoảnh mặt đi, nói rõ từng chữ:

“Bà biết cháu là đứa sống theo thói quen như thế nào đấy. Những hôm đầu phải rời xa những người thân yêu nhất, cháu thấy khổ sở. Nhưng rồi cháu quen dần, tuy vẫn

yêu thương họ không kém đi chút nào; đời sống của cháu trở nên bình lặng, êm đềm. Cháu sẽ chịu đựng được phải xa họ hàng tháng, hàng năm...”

Tôi phải dừng lời và nhìn hẳn qua cửa sổ. Bà tôi ra khỏi phòng một lát. Nhưng hôm sau, tôi bắt đầu nói về triết học bằng một giọng dửng dưng nhất, tuy nhiên lựa cách để khiến bà tôi chú ý đến những lời của tôi; tôi nói rằng thật kỳ lạ là sau những khám phá mới nhất của khoa học, chủ nghĩa duy vật xem ra lại đâm lụn bại, và xác suất lớn nhất vẫn là sự vĩnh cửu và sự đoàn tụ sau này của những linh hồn.

Madame de Villeparisis báo cho bà cháu tôi là sắp tới bà sẽ không thể gặp chúng tôi thường xuyên như trước nữa. Một chàng trai, cháu của bà, chuẩn bị vào trường kỵ binh Saumur, hiện đóng đồn ở vùng lân cận, tại Doncières*, sẽ nghỉ phép vài tuần đến thăm bà và bà sẽ phải dành nhiều thì giờ cho anh ta. Trong những cuộc dạo chơi gần đây, bà đã ca ngợi trí thông minh, nhất là lòng tốt của cậu cháu trai; ngay từ giờ, tôi đã hình dung anh ta sẽ có thiện cảm với tôi, và tôi sẽ là người bạn ưa thích của anh ta. Trước khi anh ta đến, Madame de Villeparisis thổ lộ với bà tôi một chuyện không vui: chàng trai đã rơi vào móng vuốt một người đàn bà bất hảo mà anh ta say mê điên cuồng, ả không chịu buông tha anh. Vì tin chắc rằng cái kiểu yêu đương ấy tất sẽ kết thúc bằng điên loạn, bằng tội ác, bằng tự tử, nghĩ đến thời gian quá ngắn dành cho tình bạn giữa chúng tôi, chưa gặp mặt mà đã thân thiết trong lòng tôi, tôi khóc cho tình bạn ấy, cho những bất hạnh đang chờ nó, như

khóc cho một người thân yêu mà ta vừa được biết là người đó mắc trọng bệnh, không còn sống được bao ngày nữa.

Một buổi chiều nóng gắt, tôi đang ngồi trong tranh tối tranh sáng phòng ăn khách sạn rủ rèm kín song vẫn để nắng nhuộm vàng bên mép và lọt qua kẽ phản quang nhấp nháy xanh của biển, thì bỗng thấy từ phía bãi biển tiến vào gian giữa khách sạn một chàng trai cao, mảnh, cổ để hở, đầu cất cao kiêu hãnh, mắt sắc, tóc vàng óng và da đỏ au như thể chúng hấp thụ tất cả những tia nắng mặt trời. Chàng trai bước nhanh trong một bộ đồ vải mềm nhờ nhờ trắng như tôi tưởng đàn ông không dám mặc, chất vải mỏng cũng như cái mát mẻ trong phòng gọi cho người ta nghĩ đến cái nóng và thời tiết trong sáng ngoài trời. Mắt chàng màu xanh nước biển, một bên kẹp chiếc kính một mắt lúc nào cũng chỉ chực rơi. Ai nấy tò mò nhìn chàng đi qua, người ta biết chàng hầu tước trẻ De Saint-Loup-en-Bray này nổi tiếng về phong thái thanh lịch. Tất cả các báo đều tả bộ trang phục chàng mặc gần đây khi làm chứng cho công tước trẻ D'Uzé trong một cuộc đấu súng. Dường như cái phẩm chất rất đặc biệt của mái tóc chàng, mắt chàng, da chàng và dáng điệu của chàng - điều khiến chàng nổi bật giữa đám đông như một mạch máu não quý phơn phớt xanh giữa một chất thô kệch - phải tương ứng với một đời sống không giống đời sống của những người khác. Và do vậy, trước khi xảy ra vụ đạn dúa làm đau lòng Madame de Villeparisis, khi mà những phụ nữ xinh đẹp nhất trong giới giao tế đổ xô tranh giành chàng, sự xuất hiện của chàng, trên một bãi biển chẳng hạn, bên cạnh một

giai nhân nổi tiếng chàng đang theo đuổi chẳng những đặt nàng lên vị trí minh tinh, mà còn thu hút mọi con mắt đổ dồn về cả chàng lẫn nàng. Vì phong cách lịch sự, vẻ ngược ngạo “tiểu sư tử”, nhất là vì vẻ đẹp dị thường của chàng, một số người thậm chí còn thấy ở chàng một vẻ ảo ảo nhưng không chê trách chàng về điểm ấy vì họ biết chất nam tính ở chàng rất mạnh và chàng yêu đàn bà say đắm. Đó là người cháu trai của Madame de Villeparisis mà bà đã kể với bà cháu tôi. Tôi sung sướng nghĩ rằng mình sắp quen biết anh ta trong mấy tuần, và tôi tin chắc anh ta sẽ hết lòng quý mến tôi. Anh đi nhanh qua suốt chiều ngang của khách sạn, coi bộ như đuổi theo chiếc kính một mắt tung tăng phía trước anh như một con bướm. Anh đến từ phía bãi tắm, và biến dằng đến tận nửa chừng mặt kính của sảnh khách sạn, tạo thành một cái nền để làm nổi bật toàn thân trên đó, như trong một số chân dung trong đó người họa sĩ không may mắn bớt xén những quan sát chính xác nhất về đời sống hiện tại, đặt người mẫu của mình vào trong một khung cảnh phù hợp - một sân chơi polo, một sân chơi golf, một trường đua ngựa, một cảng du thuyền - tạo nên một tương đương hiện đại của những bức tranh trong đó các họa sĩ nguyên thủy đưa hình người lên tiền cảnh một phong cảnh. Một cỗ xe hai ngựa đợi anh trước cửa khách sạn; và trong khi chiếc kính một mắt tiếp tục nhún nhảy, thì với vẻ tao nhã và với cái bản lĩnh bậc thầy khiến một nghệ sĩ dương cầm lớn biết cách chứng tỏ mình hơn hẳn một nhạc công hạng hai bằng một nét đơn giản đến mức tưởng như không ai có thể khẳng định sự ưu việt của

mình bằng một nét như vậy, người cháu trai của Madame de Villeparisis đón lấy những dây cương do bác xà ích trao cho, rồi vừa ngồi lên bên cạnh bác ta vừa bóc một phong thư do viên quản lý chuyển, và thúc ngựa chạy.

Những ngày tiếp theo, tôi cảm thấy thất vọng biết bao khi mà mỗi lần gặp anh trong hoặc ngoài khách sạn - cổ áo dựng cao, luôn luôn cân đối các động tác chân tay quanh chiếc kính một mắt nhoay nhoáy, thoát ần thoát hiện, nó như trọng tâm của tứ chi - tôi đều có thể nhận ra rằng anh ta không hề tìm cách gần gũi chúng tôi và thấy anh ta không chào hỏi chúng tôi mặc dầu chẳng lạ gì chúng tôi là bạn của bà cô anh ta! Và nhớ lại thái độ hòa ái đối với tôi của Madame de Villeparisis và trước nữa là của ông De Norpois, tôi nghĩ có lẽ họ chỉ là quý tộc rơm, rằng có lẽ trong bộ luật quy định ứng xử của giới quý tộc, có một ngoại lệ bí mật - vì một lý do gì tôi không hiểu - cho phép phụ nữ và một số nhà ngoại giao, trong quan hệ với đám bình dân, được miễn không phải tỏ thái độ cao ngạo mà trái lại, một hầu tước trẻ phải triệt để thể hiện. Trí thông minh của tôi lẽ ra có thể nói với tôi điều ngược lại. Nhưng đặc điểm của cái độ tuổi kỳ cục tôi đang trải qua - tuổi dậy thì rất phì nhiêu - là không chịu thỉnh vấn trí thông minh và coi những thuộc tính nhỏ nhất của con người là bộ phận không thể chia cắt khỏi nhân cách. Bao quanh toàn quái vật với thần linh, con người chẳng mấy khi biết đến yên tĩnh. Hầu như không có một cử chỉ nào ta đã làm, mà sau này ta không muốn có thể xóa bỏ. Nhưng trái lại, điều mà lẽ ra ta phải nuối tiếc, chính là tính tự phát đã xui ta thực

hiện những cử chỉ đó một cách hồn nhiên. Sau này, ta nhìn thấy sự vật một cách thực tế hơn, hoàn toàn phù hợp với phần còn lại của xã hội, nhưng thời niên thiếu mới là quãng thời gian duy nhất trong đó ta học được một cái gì.

Sự xấu xược mà tôi cảm thấy ở hầu tước De Saint-Loup và tất cả những gì là tàn nhẫn tự nhiên tiềm ẩn trong đó thể hiện rõ nét bằng thái độ mỗi khi anh ta đi qua bên cạnh chúng tôi, thân hình vẫn vươn lên cứng ngắc, đầu vẫn cất cao, mắt nhìn lạnh tanh, nói cho đúng hơn là nghiệt ngã, thiếu vắng cả đến một thoáng biểu hiện tôn trọng cần có đối với người khác, ngay cả nếu họ không quen biết bà cô mình, cái ý thức khiến thái độ tôi đối với một bà già không giống như khi tôi đứng trước một cái cột đèn đường. Những cung cách ấy thật khác xa với những lá thư đáng yêu mà mới vài hôm trước thôi, tôi còn tưởng tượng anh ta viết cho tôi bày tỏ thiện cảm; cũng giống như sự khác biệt giữa niềm phấn khích của Nghị viện và dân chúng mà một kẻ hoang tưởng hình dung mình đã khuấy lên bằng một bài diễn từ bất hủ, với cái tình cảnh tồi tàn, tăm tối anh ta lại rơi tõm vào sau cơn mơ mộng đơn độc thốt lên thành lời như vậy, một khi những tràng vỗ tay hoan hô tưởng tượng lắng xuống, và Cu Ngắc trước sau vẫn chỉ là Cu Ngắc. Khi Madame de Villeparisis, hẳn là để cố gắng xóa đi cái ấn tượng xấu mà những biểu lộ bề ngoài của một bản chất kiêu kỳ và độc ác gây cho chúng tôi, lại kể với chúng tôi về lòng tốt vô hạn của đứa cháu trai gọi bà bằng bà-cô (anh ta là con một người cháu gái của bà và lớn tuổi hơn tôi một chút), tôi thấy thán phục cái cách giới thượng lưu bất chấp

sự thật rành rành, vẫn gán những phẩm chất hảo tâm cho những kẻ có trái tim khô cằn, cho dù họ có hòa nhã với những người xuất sắc thuộc môi trường của họ. Bản thân Madame de Villeparisis cũng đã xác nhận, tuy bằng cách gián tiếp, những nét chủ yếu (với tôi thì đã rành rành) của bản chất cháu bà vào một hôm tôi gặp cả hai bà cháu trên một con đường hẹp đến nỗi bà không thể làm gì khác ngoài trừ giới thiệu tôi với anh ta. Anh ta như không hề nghe thấy cái tên của ai đó được nhắc đến, không một cơ mặt nào của anh ta động đậy; trong mắt anh ta, không mảy may lóe lên một ánh nhỏ nào của thiện cảm con người, chỉ thấy một sự thái quá của độ vô cảm và trống rỗng trong tia nhìn, mà thiếu cái đó thì cặp mắt này chẳng khác gì những chiếc gương vô hồn. Rồi chậm chậm dỗi vào tôi đôi mắt rắn đanh ấy như thể muốn dò xét tôi trước khi đáp lại lời chào của tôi, bằng một khởi động dường như do một phản xạ cơ bắp thì đúng hơn là do một hành động của ý chí, chừa một khoảng cách rộng nhất có thể giữa hai chúng tôi, anh ta vươn hết tầm cánh tay và chìa bàn tay ra nửa vời cho tôi bắt. Ngày hôm sau, khi anh ta nhờ chuyển đến tôi một tấm các câu kiến, tôi tưởng đây ít ra cũng là một cuộc thách đấu súng. Nhưng anh ta chỉ nói chuyện văn chương và sau một hồi đàm thoại dài dòng, tuyên bố anh cực kỳ muốn ngày nào cũng gặp tôi nhiều giờ. Trong cuộc đến thăm này, anh ta không những chứng tỏ một sở thích rất nồng nhiệt đối với những vấn đề trí tuệ, mà còn bày tỏ với tôi một thiện cảm khác xa với cái bắt tay hôm trước. Khi tôi đã thấy anh ta lặp lại cái cung cách ấy mỗi lần người ta giới thiệu ai

đó với anh ta, tôi hiểu đó chỉ là một thói quen thời thượng đặc thù của một bộ phận trong dòng họ anh ta, thói quen mà bà mẹ anh ta, muốn con mình thể hiện gia giáo cao sang, bắt thân thể anh ta tuân thủ; anh ta làm động tác thi lễ đó mà chẳng buồn nghĩ đến nó, cũng như chẳng buồn nghĩ đến bộ trang phục đẹp, đến mái tóc đẹp của mình; đó là một điều không hề mang cái ý nghĩa tinh thần mà thoát đầu tôi gán cho nó, một điều thuần túy học vẹt, giống như một thói quen khác của anh ta là yêu cầu được giới thiệu ngay lập tức với họ hàng bà con của người mình quen biết, thói quen này đã trở nên bản năng đến nỗi ngày hôm sau buổi gặp gỡ tay đôi, vừa thấy tôi, anh chàng đã lao bổ tới và, quên cả chào hỏi, yêu cầu tôi giới thiệu với bà tôi lúc ấy ở ngay cạnh tôi, cuống quýt vội vàng như thể yêu cầu này là do một thứ bản năng tự vệ, khác nào cái cử chỉ đỡ đòn hay nhắm mắt lại trước một tia nước sôi, không phòng ngừa như vậy mà hoãn lại dù chỉ thêm một giây, ắt có nguy hiểm.

Một khi những “nghị thức trừ tà” sơ bộ đã hoàn tất*, như một bà tiên trút bỏ bề ngoài cau có ban đầu để khoác vẻ duyên dáng mê hồn, tôi thấy con người khinh khỉnh kia trở nên chàng trai hòa nhã nhất, chu đáo nhất tôi từng gặp. “Phải, tôi tự nhủ, mình đã nghĩ lầm về anh ta, mình đã là nạn nhân của một ảo ảnh, nhưng mình vượt qua ảo ảnh thứ nhất để rồi lại rơi vào ảo ảnh thứ hai, vì đó là một đại lãnh chúa say sưa với chất quý tộc của mình và đang tìm cách che giấu điều đó.” Thật vậy, ít lâu sau, toàn bộ phẩm chất giáo dục, toàn bộ sự hòa nhã của Saint-Loup để lộ cho tôi thấy một con người khác không giống chút nào với con

người tôi đoán phỏng chừng.

Chàng trai có dáng vẻ một nhà quý tộc và một nhà thể thao khinh bạc ấy chỉ coi trọng và muốn tìm hiểu những vấn đề của trí tuệ, nhất là những biểu hiện hiện đại chủ nghĩa trong văn học và nghệ thuật có vẻ lộ bịch đối với bà cô của anh ta; mặt khác, anh ta thấm nhuần cái mà bà gọi là những lời khoa trương của cánh xã hội chủ nghĩa, lòng đầy khinh bỉ sâu sắc đối với đẳng cấp của mình và cặm cụi hàng giờ đọc Nietzsche và Proudhon*. Anh ta là một trong những “trí thức*” sẵn sàng ngưỡng mộ, giam mình vào một cuốn sách, chỉ bận tâm đến tư tưởng cao siêu. Thậm chí, sự biểu hiện ở Saint-Loup cái khuynh hướng rất chi là trừu tượng ấy, khác xa với những ưu tâm thường ngày của tôi, không khỏi làm tôi phiền lòng đôi chút, mặc dù nó cũng khiến tôi thấy xúc động. Tôi có thể nói rằng, khi biết rõ ai là cha của anh ta, những ngày tôi vừa đọc một cuốn hồi ký đầy những giai thoại về vị bá tước De Marsantes trứ danh, người thâm tóm trong bản thân cả sự thanh lịch rất đặc biệt của cả một thời đã xa, tâm trí mơ màng muốn biết thêm chi tiết cụ thể về cuộc đời ông De Marsantes đã trải, tôi tức điên khi thấy Robert de Saint-Loup, thay vì đành phận là con trai của cha mình, thay vì có thể dắt dẫn tôi trong cuốn tiểu-thuyết-cuộc-đời ông, lại nâng mình lên đến tầm say mê Nietzsche và Proudhon. Thân phụ anh ta ắt không chia sẻ những tiếc nuối ấy của tôi. Bản thân ông là người thông minh, vượt ra ngoài khuôn khổ đời sống thượng lưu. Ông không có mấy thì giờ để hiểu con trai nhưng muốn nó phải hơn mình. Và tôi chắc, trái với mọi người trong gia đình,

ông hẳn cảm phục, vui mừng thấy anh ta bỏ qua những thứ xưa từng là thú tiêu khiển phù phiếm của ông để lao vào những suy tư khắc khổ, và lặng lẽ không nói ra, trong sự khiêm tốn của bậc lãnh chúa tinh thần, ông ắt giấu giếm tìm đọc những tác giả yêu thích của con trai mình để đánh giá nó cao hơn mình chừng bao.

Có một điều khá đáng buồn là: trong khi ông De Marsantes, với đầu óc rất cởi mở, đã đánh giá cao một cậu con trai khác ông nhường ấy, thì Robert de Saint-Loup, vốn thuộc loại những người cho rằng giá trị gắn liền với một số hình thức nghệ thuật và cách sống, nhớ về cha mình một cách quý mến nhưng có phần khinh bỉ như về một người cha suốt đời chỉ bận săn bắn và đua ngựa, nghe Wagner thì ngáp dài, mà chỉ mê Offenbach*. Saint-Loup không đủ thông minh để hiểu rằng giá trị trí tuệ không liên quan gì với việc tin theo một công thức mỹ học nào đó, và anh xem thường trình độ “trí tuệ” của cha mình, chẳng khác gì một con trai Boieldieu hay một con trai Labiche đệ tử cuồng nhiệt với dạng âm nhạc phức tạp nhất, với dạng văn học tượng trưng nhất, có thể coi khinh Boieldieu hay Labiche*. “Tôi hiểu cha mình rất ít, Robert de Saint-Loup nói. Có vẻ đó là một con người tuyệt vời. Tai họa chính là ở cái thời kỳ thảm hại ông đã sống. Sinh ra trong môi trường quý phái Saint-Germain và sống vào thời *Nàng Hélène xinh đẹp**, chừng nấy đủ là tai ương phá nát một đời người. Giá như chỉ là một người tiểu tư sản hâm mộ cuồng nhiệt kiệt tác *Ring**, có thể ông đã làm được điều gì hoàn toàn khác đáng kể. Người ta thậm chí còn nói với tôi rằng ông yêu văn

chương. Nhưng chẳng thể biết được, bởi vì cái mà ông hiểu là văn chương gồm toàn những tác phẩm lỗi thời”. Và về phần mình, nếu tôi thấy Saint-Loup có phần nghiêm túc, thì anh ta lại không hiểu là tại sao tôi không nghiêm túc gì hơn. Vốn chỉ nhận định mọi sự bằng vào trọng lượng thông minh chứa đựng trong đó, không thấy rằng một số điều anh cho là phù phiếm lại khiến trí tưởng tượng của tôi phiêu diêu kỳ thú, anh lấy làm lạ là tôi - mà anh ngỡ là cao siêu hơn anh nhiều - lại có thể quan tâm đến chúng.

Ngay từ những ngày đầu, Saint-Loup đã chinh phục bà tôi, không chỉ bởi lòng tốt anh không ngừng bày tỏ với cả hai bà cháu tôi, mà còn bởi cái tố chất tự nhiên anh biểu lộ trong đó cũng như trong mọi hành xử. Tố chất tự nhiên - hẳn là vì nó cho ta cảm thấy được cái bản chất đằng sau cái nghệ thuật của con người - là cái phẩm chất bà tôi ưa thích hơn tất cả; cụ thích vẻ tự nhiên nơi vườn tược, cụ không thích trong đó có những vật trồng hoa quá đều đặn như trong khu vườn ở Combray; trong lĩnh vực bếp núc, cụ ghét cái kiểu bánh cưới trang trí cầu kỳ đến nỗi khó mà nhận ra nó làm bằng nguyên liệu gì; trong biểu diễn dương cầm, cụ không ưa lối chơi quá tảo tót, quá trau chuốt, thậm chí còn đặc biệt khoái những nốt vấp, những nốt “phô” của Rubinstein*. Cái tố chất tự nhiên ấy, cụ thưởng thức nó cả ở y phục của Saint-Loup đậm đà một nét thanh lịch uyển chuyển, không chút “choáng lộn” hay “điệu dàng”, không cứng đờ do hồ bột. Bà tôi càng đánh giá cao chàng trai giàu có trong cái cách anh ta sống xuề xòa trong sang trọng mà “không sức mùi tiền”, không hề tỏ vẻ quan trọng;

cụ thậm chí còn thấy nét đáng yêu của tố chất tự nhiên ấy trong việc Saint-Loup không thể ngăn sắc diện mình bộc lộ cảm xúc - điều thường biến mất cùng tuổi thơ đồng thời với một số đặc điểm sinh lý của độ tuổi này, nhưng vẫn còn lưu lại nơi anh. Chẳng hạn một cái gì đó anh ta mong muốn, mà anh ta không ngờ có thể nhận được, dù chỉ là một lời khen, làm phả ra trong anh một niềm thích thú đột ngột, nóng bỏng, bay hơi, lan rộng đến nỗi anh ta không thể kiềm chế, không thể che giấu; nét mặt anh giãn ra, biến dạng không cưỡng nổi, hoan hỷ; làn da má quá nồn nà đỏ bừng lên, đôi mắt ánh lên cả vẻ bối rối lẫn niềm vui; và bà tôi vô cùng nhạy cảm với những biểu hiện dễ thương ấy của sự ngay thẳng và hồn nhiên, và chẳng thể hiện này ở Saint-Loup, ít nhất là trong thời kỳ tôi mới quen anh, không bọn chút lừa mị. Nhưng tôi biết có người - loại này cũng nhiều - ở họ, sự chân thực sinh lý của thoáng đỏ mặt ấy không hề loại trừ thói giả trá hai mặt về đạo lý; nhiều khi nó chỉ chứng tỏ độ mãnh liệt trong cảm nhận khoái lạc đến nỗi lộ tẩy, buộc phải thú nhận, ở những kẻ có thể làm những điều xảo trá đê tiện nhất. Nhưng điều bà tôi quý nhất trong cái tố chất tự nhiên của Saint-Loup là cái cách anh thú nhận không chút vòng vo mỗi thiện cảm của anh đối với tôi; để thể hiện mỗi thiện cảm đó, anh đã dùng những chữ mà chính cụ cũng không tìm ra - cụ nói thế -, những chữ đúng nhất và thực sự mến thương, những chữ xứng đáng với "Sévigné và Beauséjour"; anh không e ngại nói đùa về những khuyết điểm của tôi - mà anh phát hiện ra một cách tinh tế khiến bà tôi thích thú - nhưng theo cách giống như

cụ, đầy trùu mến, và bù lại, ca ngợi những ưu điểm của tôi một cách nồng nhiệt, xả lảng, chứ không dè dặt và lạnh lùng như những chàng trai cùng lứa tuổi thường nghĩ rằng phải thế mới oai. Và trong việc quan tâm đến tôi - phòng ngừa mọi cơn sốt mũi nhức đầu của tôi, ủ mền lên chân tôi khi trời se lạnh mà tôi không để ý, lẳng lặng thu xếp để buổi tối ở lại với tôi muộn hơn nếu anh cảm thấy tôi buồn hoặc yếu mệt - anh tỏ ra một tinh thần cảnh giác mà bà tôi thấy là hầu như thái quá vì xét trên quan điểm sức khỏe của tôi, một chút rèn luyện cho cứng rắn thêm có thể là tốt, nhưng xét như một bằng chứng quý mến tôi, điều đó đã làm cụ xúc động sâu sắc.

Chúng tôi mau chóng đi đến thỏa thuận trở thành bạn thân của nhau mãi mãi và anh nói mấy chữ “tình bạn của chúng ta” như nhắc đến một điều gì quan trọng và tuyệt vời tồn tại bên ngoài bản thân chúng tôi mà chẳng bao lâu sau - không kể tình yêu dành cho người tình - anh gọi là niềm vui lớn nhất của đời mình. Những lời đó khiến tôi buồn buồn thế nào ấy và bối rối không biết đáp lại ra sao, bởi lẽ khi trò chuyện với anh ta - và hẳn là cũng giống như với bất kỳ ai khác - tôi không hề cảm thấy cái hạnh phúc mà tôi có thể cảm thụ khi chỉ có một mình không bầu bạn. Đơn độc một mình, đôi khi tôi cảm thấy trào lên từ đáy bản thể một cảm giác khiến tôi thấy sáng khoái tuyệt vời. Nhưng hễ có ai bên cạnh, hễ tôi nói với một người bạn, là tâm trí tôi xoay chiều, hướng những ý nghĩ về phía người đối thoại chứ không vào bản thân tôi nữa, và khi dòng suy nghĩ chảy theo chiều ngược lại như vậy, nó không đem lại

cho tôi một thích thú nào. Một khi chia tay với Saint-Loup là tôi liền tìm lời “dọn dẹp lại cho gọn” những giây phút lộn xộn vừa trải qua với anh; tôi tự nhủ rằng mình có một người bạn tốt, rằng một người bạn tốt là điều hi hữu; ở giữa những của cải khó mà có được, vậy mà điều tôi cảm thấy không phải là một thích thú tự nhiên mà đích thị là điều ngược lại với nó, ngược lại với niềm thích thú do đã moi được từ bản thân để đưa ra ánh sáng một cái gì ẩn khuất trong bóng tối. Nếu tôi trò chuyện với Robert de Saint-Loup hai ba tiếng đồng hồ và nếu những gì tôi nói làm anh ta khâm phục, tôi cảm thấy một cái gì tựa như là ân hận, mệt mỏi và tiếc là đã không ở lại nhà một mình, chuẩn bị làm việc. Nhưng tôi tự nhủ rằng người ta không chỉ thông minh cho riêng mình, rằng những người vĩ đại nhất cũng muốn được đánh giá đúng, rằng tôi không thể coi những giờ tôi tạo cho bạn nghĩ tốt về mình là phí phạm, tôi dễ dàng tự thuyết phục mình phải lấy thế làm sung sướng và chính vì chưa từng cảm thấy niềm sung sướng ấy mà tôi càng tha thiết cầu sao không bao giờ phải mất nó. Trong tất cả các của cải, cái ta sợ mất nhất chính là những gì còn ở bên ngoài ta vì trái tim ta chưa chiếm lĩnh chúng. Tôi tự cảm thấy có khả năng thực thi những phẩm chất của tình bạn tốt hơn nhiều người khác (vì tôi bao giờ cũng đặt quyền lợi của bạn bè lên trên những lợi ích vị kỷ thiết thân với một số người khác, nhưng tôi thì chẳng coi trọng gì), nhưng lại không thể thấy vui khi tình cảm, thay vì gia tăng những khác biệt giữa tâm hồn tôi với tâm hồn người khác (bởi tâm hồn chúng ta đâu có giống nhau) lại xóa bỏ chúng

di. Ngược lại, đôi lúc tâm trí tôi phát hiện thấy ở Saint-Loup một con người mang tính khái quát hơn bản thân anh, “nhà quý tộc”, con người ấy như một linh hồn bên trong sai khiến chân tay anh cử động, điều phối cử chỉ và hành động của anh; những lúc ấy, mặc dù ở cạnh anh, tôi thấy thoải mái cô đơn như khi đứng một mình trước một phong cảnh mà tôi thấu hiểu nét hài hòa của nó. Anh chỉ còn là một đồ vật cho đầu óc mơ mộng của tôi tìm cách thâm nhập vào. Luôn luôn thấy lại nơi Robert con người thuở trước, cổ xưa đó, đích thị cái kiểu nhà quý tộc mà anh không muốn trở thành, tôi cảm thấy rất vui, nhưng là một niềm vui trí tuệ chứ không phải do tình bạn mang lại. Trong sự lạnh lẽo về cả tinh thần lẫn thể chất khiến cho thái độ hòa ái của anh xiết bao duyên dáng, trong cách anh thoải mái mời và đỡ bà tôi lên xe ngựa của anh, trong việc anh lẹ làng nhảy xuống khỏi ghế để choàng áo măng tô của mình lên vai tôi, sợ tôi nhiễm lạnh, tôi cảm thấy không chỉ nét mềm mại di truyền của bao thế hệ những cao thủ săn bắt, tổ tiên của chàng trai chỉ quan tâm đến trí tuệ này, không chỉ thái độ coi khinh phú quý, tuy vẫn muốn có của nhưng chỉ cốt để chiêu đãi bạn bè, ơ hờ trải sự xa hoa của mình dưới chân họ; mà nhất là còn cảm thấy sự tin chắc (hay ảo tưởng) của những đại lãnh chúa ấy rằng họ “hơn những kẻ khác”, do đó họ không thể di truyền cho Saint-Loup cái mong muốn tỏ ra mình cũng chỉ “bằng những kẻ khác” cùng nỗi sợ là mình có vẻ quá vồn vã, điều thật sự xa lạ với anh và làm xấu đi thái độ thân thiện bình dân chân thành nhất, khiến nó đậm cứng nhắc và vụng về. Đôi khi tôi tự trách mình đã

lấy việc coi bạn mình như một tác phẩm nghệ thuật làm thích thú, nghĩa là đã xem sự tác động qua lại của tất cả các bộ phận con người anh ta như là được điều chỉnh một cách hài hòa bởi một ý tưởng chung mà chúng dựa vào, nhưng vì nằm ngoài ý thức của anh, ý tưởng ấy không thêm gì cho những phẩm chất của riêng anh, cái giá trị cá nhân về trí tuệ và đạo đức mà anh xiết bao coi trọng.

Vậy mà trong một chừng mực nào đó, ý tưởng ấy lại là điều kiện làm nảy sinh những phẩm chất của anh. Chính vì anh là một nhà quý tộc mà những hoạt động tinh thần, những khát vọng xã hội chủ nghĩa đã khiến anh tìm đến với những sinh viên trẻ hóm hỉnh ăn mặc nhếch nhác, cho thấy nơi anh một cái gì thật sự trong sáng và vô tư không hề có ở họ. Tưởng mình là kẻ thừa kế của một đẳng cấp ngu dốt và ích kỷ, anh thành thật tìm cách để họ tha lỗi cho anh về nguồn gốc quý tộc ấy; ngược lại, cái nguồn gốc ấy lại hấp dẫn họ và là nguyên nhân khiến họ tìm kiếm anh, trong khi vẫn giả vờ lạnh lùng và thậm chí hỗn xược đối với anh. Như vậy anh bị đẩy đến chỗ phải chủ động làm quen với những kẻ mà cha mẹ tôi, vốn trung thành với “nguyên lý giao tiếp xã hội Combray”, ắt sẽ kinh ngạc nếu thấy anh không quay lưng với họ. Một hôm, Saint-Loup và tôi đang ngồi trên bãi biển, cạnh một lều vải, thì bỗng nghe vẳng ra từ trong đó những lời nguyện rửa đám người Israel đông như kiến, nhan nhản khắp Balbec. “Không thể đi vài bước mà không đụng bọn họ, giọng nói vọng ra. Về nguyên tắc, tôi không phải là thù địch không đội trời chung với người Do Thái, nhưng ở đây sao mà lăm thế. Chỉ toàn nghe thấy: ‘Nè,

Apraham, tui chông thé Chakop*’ Cứ như đang ở giữa phố Aboukir* vậy.” Người vừa lớn tiếng đả kích Israel như vậy, cuối cùng, bước ra khỏi lều, chúng tôi ngược mắt lên nhìn phần tử bài Do Thái ấy. Đó là anh bạn Bloch của tôi. Saint-Loup lập tức yêu cầu tôi nhắc Bloch rằng hai người đã gặp nhau tại *Concours Général* trong đó Bloch đã giành giải danh dự, rồi sau đó, ở một lớp đại học bình dân*.

Đôi khi tôi chỉ tủm tỉm cười khi đọc thấy ở Robert những giáo huấn của dòng Tên, điều đó thể hiện trong thái độ lúng túng của anh do sợ làm méch lòng, mỗi khi một người nào đó trong số bạn “trí thức” của anh phạm một sai lầm trong giao tiếp ở chốn thượng lưu, làm một điều gì lỗi bịch mà bản thân anh, Saint-Loup đây, chẳng coi là quan trọng gì, nhưng cảm thấy người đó sẽ đỏ mặt nếu có ai nhận thấy. Và chính Robert là người đỏ mặt như thể anh là kẻ phạm sai lầm, chẳng hạn như hôm Bloch, sau khi hứa đến thăm anh ở khách sạn, còn dặn thêm:

“Vì tôi không chịu nổi cảnh ngồi chờ trong cái thứ sang trọng rỗng của những trạm du khách lớn kiểu ấy với những ban nhạc di gan làm tôi phát ốm, anh hãy dặn gã *laïft** bảo chúng tạm dẹp đàn địch và báo ngay cho anh biết là tôi đã đến.”

Riêng cá nhân tôi thì không tha thiết lắm với việc Bloch đến thăm ở khách sạn. Phiền nổi là gã không đến Balbec một mình, mà cùng với các em gái của mình, bọn này có nhiều bà con và bạn bè ở đây. Mà cái đám dân Do Thái du thực này thì nom ngoạn mục thôi chứ chẳng dễ chịu gì. Về mặt này, ở Balbec cũng tương tự như ở một số nước - Nga

hoặc Rumani chẳng hạn - các giáo trình địa lý dạy rằng kiều dân Israel ở đây không được ưu đãi như người bản xứ và không đạt tới mức đồng hóa như ở Paris. Bao giờ cũng đi cùng nhau, không pha trộn bất cứ thành phần nào khác, mỗi khi đám chú bác cô dì nhà Bloch, hay những nam nữ giáo hữu của họ, kéo nhau đến Casino, người tới chỗ khiêu vũ, kẻ rẽ vào sòng *baccarat*, họ tạo thành một đám “rồng rắn” thuần nhất, hoàn toàn khác với những người nhìn họ đi qua, năm nào cũng gặp lại mà không chào hỏi nhau lấy một tiếng, dù là với “hội” nhà Cambremer, với phe cánh ngài chánh án tỉnh Caen, hay với những nhà tư sản và tiểu tư sản, hay thậm chí với những nhà buôn ngũ cốc bình thường ở Paris - đám con gái họ xinh đẹp, kiêu kỳ, thích giễu cợt và đặc Pháp như những pho tượng Nhà thờ lớn thành Reims, hẳn không muốn dây với lũ nôm thiều giáo dục, quá chú trọng đến thời trang “tắm biển” tới mức lúc nào cũng ra vẻ vừa đi câu tôm về hay đang nhẩy tango vậy. Còn đám đàn ông thì mặc dù khoác lên những bộ smoking hào nhoáng, đi những đôi giày bóng lộn, cái cách cường điệu thái quá tính cách điển hình của mình khiến người ta liên tưởng đến những tìm tòi gọi là “thông minh” của những họa sĩ có nhiệm vụ minh họa kinh Phúc âm hoặc *Ngàn lẻ một đêm* lại nghĩ đến nơi chốn diễn ra câu chuyện và gán cho Thánh Pierre hay Ali-Baba chính cái diện mạo của nhân vật “tai to mặt lớn” nhất của Balbec. Bloch giới thiệu tôi với các em gái mà anh ta bắt cầm miệng một cách thô bạo nhất còn các cô này thì ngưỡng mộ Bloch như thần tượng, hễ thấy ông anh hé ra nửa lời dí dỏm là phá lên cười

tán thưởng. Thành thử xem ra, cũng như và có lẽ còn hơn cả mọi môi trường khác, cộng đồng này chắc phải chứa nhiều điều thú vị, nhiều cái hay, cái tốt. Nhưng muốn cảm nhận chúng thì phải thâm nhập vào cộng đồng ấy. Vậy mà người ta lại không ưa nó, nó cảm thấy thế, nhìn thấy ở thái độ ấy bằng chứng của một chủ nghĩa bài Do Thái mà nó phải cụm lại thành một đội dày đặc, khép kín để đương đầu, khiến chẳng ai nghĩ đến chuyện len lách vào.

Còn về cách phát âm “lift” thành “laift”, nó chẳng làm tôi ngạc nhiên vì mấy hôm trước, khi Bloch hỏi tại sao tôi đến Balbec (trong khi, trái lại, gã thấy việc bản thân mình có mặt ở đó là điều hoàn toàn tự nhiên), phải chăng với “hy vọng kiếm được những mối quan hệ tốt” và được tôi trả lời rằng chuyến đi này đáp ứng một trong những nguyện vọng ấp ủ lâu ngày nhất của tôi, tuy không sâu sắc bằng nỗi khát khao được tới Venise, gã đã nói: “Phải, dĩ nhiên rồi, vừa uống nước quả với người đẹp, vừa giả vờ đọc *Stones of Venaïce** của Lord John Ruskin, một trong những tác giả buồn tẻ nhất trên đời.” Hiển nhiên là Bloch tưởng ở bên Anh, chẳng những tất cả các cá nhân nam giới đều là *lord*, mà tất cả những chữ “i” đều đọc là “ai”. Còn người bạn mới Saint-Loup của tôi thì coi cái lỗi phát âm ấy chẳng có gì là nghiêm trọng vì anh chủ yếu nhìn thấy ở đó sự thiếu vắng những khái niệm có thể gọi là phù hoa, mà anh vừa sở hữu vừa khinh thường. Nhưng sợ rằng Bloch một ngày kia, khi biết người Anh đọc là “Venice” chứ không phải “Venaïce”, rằng Ruskin không phải là *lord*, chợt dạ nhớ lại, ngỡ lúc ấy Robert có thể cho mình là lỗ bịch, anh cảm thấy mình có lỗi

như thế anh đã thiếu độ lượng, đức tính mà thực ra anh có thừa, và do vậy, sự hổ thẹn lẽ ra phải khiến Bloch đỏ mặt khi, một hôm nào đó, phát hiện ra sai lầm của mình, thì lại đến trước, theo chiều đảo nghịch, nhuộm hồng sắc diện của anh. Bởi anh nghĩ Bloch coi cái lỗi ấy nghiêm trọng hơn là trong mắt anh. Điều đó được Bloch chứng thực ngay ít lâu sau, một hôm khi nghe thấy tôi phát âm *lift* và ngắt lời: “À ra thế, người ta nói là *lift*”. Rồi bằng một giọng lạnh khô và kênh kiệu: “Vả chẳng thế thì có cái quái gì quan trọng.” Một câu tương tự như một phản xạ, y hệt nhau ở những người giàu tự ái, trong những hoàn cảnh quan trọng nhất cũng như trong những trường hợp vặt vãnh nhất; vào những lúc như thế này, nó phát lộ cho thấy sự việc được nhắc tới quan trọng biết bao đối với người vừa tuyên bố là nó chẳng quan trọng gì; có khi là câu nói bi thảm, nghe đến não lòng, buột ra đầu tiên khỏi miệng mọi anh chàng có chút kiêu hãnh vừa bị người ta khước từ giúp đỡ, tước đi mất hy vọng cuối cùng mà anh ta bám vào: “À, được thôi, cái đó thì quan trọng quái gì, mình sẽ thu xếp cách khác”, cái cách thu xếp khác anh ta bị đẩy tới trong hoàn cảnh chẳng quan trọng quái gì ấy, đôi khi là tự sát.

Rồi Bloch nói với tôi những điều rất dễ thương. Chắc hẳn gã muốn hết sức ưu nhã đối với tôi. Thế nhưng, gã lại hỏi tôi: “Có phải vì muốn nâng tầm mình lên hàng quý tộc (dĩ nhiên là quý tộc hạng hai thôi, nhưng cậu thì bao giờ chả ngây thơ) mà cậu chơi với De Saint-Loup-en-Bray? Chắc cậu đang trải qua một cơn ‘học làm sang’ hay ho đấy. Này, cậu có học đòi làm sang không đấy? Có, phải không

nào?” Không phải là ý muốn ưu nhã đối với tôi đã thay đổi. Nhưng chính cái mà người ta gọi bằng một thứ tiếng Pháp không chuẩn là “mauvaise éducation (kém giáo dục)” tạo nên thiếu sót của gã, do đó gã không nhận thấy đó là thiếu sót, càng không thể nghĩ rằng thiếu sót ấy làm người khác khó chịu. Trong cộng đồng nhân loại, tần số của những đức tính giống nhau ở mọi người thật kỳ diệu, song cũng chẳng diệu kỳ hơn sự đa bội của những khuyết điểm riêng biệt của mỗi người. Có lẽ “điều phổ biến nhất trên đời*” không phải là lương tri, mà là lòng tốt. Ở những góc khuất nẻo xa xôi, hẻo lánh nhất, ta ngạc nhiên sung sướng thấy lòng tốt tự nó bùng nổ, như một đóa hoa mào gà giữa một con thung nhỏ heo hút, giống hệt mọi đóa hoa mào gà khác trên đời mà nó chưa từng thấy, chỉ biết có ngọn gió thi thoảng lay động chiếc khăn quàng đỏ cô đơn của nó. Ngay cả nếu lòng tốt ấy bị lợi ích làm tê liệt, không phát huy tác dụng, nó vẫn tồn tại và hẳn không có động cơ ích kỷ nào ngăn cản, chẳng hạn như trong lúc người ta đọc tiểu thuyết hay đọc báo, là nó liền xòe nở, thậm chí len vào con tim của những kẻ tuy ngoài đời là sát nhân, song vẫn biết rung cảm với những trầm luân trên trang sách, và hướng về kẻ yếu, hướng về người chính trực, hướng về người bị truy hại. Nhưng sự đa dạng của các khuyết điểm cũng kỳ lạ không kém sự đồng dạng của các đức tính. Người hoàn hảo nhất cũng có một khuyết điểm nào đó khiến ta bị sốc hoặc tức điên. Có người cực kỳ thông minh, nhìn mọi sự với một quan điểm cao siêu, không bao giờ nói xấu ai, nhưng lại quên biến trong túi bức thư tối quan trọng mà tự anh đã

yêu cầu ta giao cho anh chuyển, khiến ta lỡ một cuộc hẹn quyết định, mà thay vì xin lỗi, chỉ tủm tủm cười, vì anh ta vốn lấy việc không bao giờ thềm biết đến giờ giấc làm tự hào. Một người khác cực kỳ tinh tế, rất mực dịu dàng, cung cách hết sức ân cần, khi trò chuyện với ta về bản thân ta chỉ toàn nói những điều có thể làm ta sung sướng, nhưng ta cảm thấy anh ta giấu trong lòng những điều hoàn toàn khác, mỗi lúc một thêm chua cay vì không được nói ra; tuy nhiên anh tha thiết với niềm vui được gặp ta đến nỗi anh thà làm ta mệt đến chết chứ không chịu rời ta. Một người thứ ba thành thật hơn, nhưng đẩy sự thật thà tới mức, khi ta viện cớ sức khỏe kém không đến thăm anh ta được, nhất thiết phải nói cho ta biết rằng có người đã thấy ta đi xem hát, coi bộ khỏe như vâm, hoặc giả rằng công việc của anh ta có kết quả không phải hoàn toàn nhờ ta chạy vạy, mà đã có ba người khác tình nguyện giúp, cho nên anh chỉ hàm ơn ta chút đỉnh mà thôi. Trong hai trường hợp sau, người bạn thứ hai ắt đã giả vờ lừa chuyện ta đi xem hát cũng như chuyện những người khác có thể giúp công việc ấy. Còn về người bạn sau, anh ta cảm thấy cần phải nhắc lại hay tiết lộ cho ai đó thấy điều có thể làm ta phật ý nhất, khoái trá với sự thăng thấn của mình và mạnh mẽ bảo ta: “Tôi vốn thế đấy.” Có những người khác làm ta khó chịu vì thói tò mò thái quá của họ, hoặc vì thái độ bàng quan tuyệt đối của họ, đến nỗi ta có kể với họ về những sự kiện giạt gân nhất, họ cũng chẳng biết ta nói gì; còn có những người khác nữa lần nữa chưa trả lời ta nếu bức thư của ta nói đến một sự việc liên quan với ta chứ không phải với họ, hoặc giả họ bảo

sắp đến hỏi ta một điều gì đó, khiến ta không dám ra ngoài sợ họ đến không gặp, thế rồi họ chẳng đến để mặc ta đợi hàng tuần vì không thấy ta trả lời điều mà họ không hề hỏi trong thư, họ ngỡ đã làm ta giận. Và một số người, chỉ nghe theo ý muốn của bản thân chứ không phải của ta, nói liên hồi không để ta xen vào nửa lời nếu họ đang vui, và muốn gặp ta, bất kể ta đang có việc khẩn cấp phải làm; nhưng nếu họ đang mệt mỏi vì thời tiết, hoặc đang buồn bực, ta sẽ không thể moi ra một lời từ miệng họ, đáp lại những cố gắng của ta, họ chỉ ì ra uể oải, và không buồn trả lời, dù chỉ âm ừ, những gì ta nói với họ, như thể họ không nghe thấy ta vậy. Mỗi người trong số bạn bè của chúng ta đều không khỏi có khuyết điểm, nên muốn tiếp tục yêu họ, ta buộc phải tự an ủi mình - bằng cách nghĩ đến tài năng của họ, hảo tâm của họ, tình thương mến của họ - thay vì cố gắng không đếm xỉa đến chúng bằng cách phát huy tất cả thiện chí của mình. Khốn thay, thiện ý của ta cố tình không nhìn thấy khuyết điểm của bạn không sánh bằng ý chí của anh ta một mực kiên trì khuyết điểm do chính anh ta mù quáng hay cho là người khác mù quáng. Bởi lẽ anh ta không nhìn thấy khuyết điểm hoặc nghĩ rằng người ta không nhìn thấy nó. Vì nguy cơ làm mất lòng người khác chủ yếu là do khó đánh giá được điều gì dễ hiển lộ, điều gì không ai để ý, ít nhất ta nên thận trọng đừng bao giờ nói về mình bởi lẽ đó là một đề tài trong đó chắc chắn là quan điểm của những người khác và quan điểm của chính ta không bao giờ trùng khớp nhau. Ta vào một ngôi nhà bên ngoài bình thường như bất kỳ ngôi nhà nào khác, ta kinh

ngạc thấy bên trong đầy vật báu, đầy những dụng cụ bẻ khóa, nạy cửa của bọn trộm cướp, đầy xác chết, ta phát hiện ra cuộc sống thực của người khác, thế giới đích thực đằng sau vỏ bề ngoài của nó; ta cũng không kém ngạc nhiên nếu, qua lời người khác bàn tán sau lưng, ta biết được hình ảnh họ thực sự mang trong đầu về ta và cuộc đời ta - hoàn toàn khác với hình ảnh thể hiện qua những gì họ nói về ta trước mặt ta. Thành thử mỗi khi ta nói về bản thân, ta có thể chắc chắn rằng những lời vô hại và thận trọng của ta, được lắng nghe với một thái độ lịch sự bề ngoài và một vẻ tán thưởng giả trá, sẽ khuấy lên những bình luận phần nộ nhất hoặc hoan hỉ nhất, dù sao đi nữa cũng ít thiện ý nhất. Ít nhất ta cũng có nguy cơ gây khó chịu bởi sự so le giữa ý thức của ta về bản thân với những lời ta nói ra miệng, sự so le ấy thường khiến những lời thiên hạ tự nói về mình đâm lố bịch, khác nào cái kiểu âm à âm ừ của mấy tay ra cái điệu mê nhạc cảm thấy cần phải lầm rầm hát một điệu ưa thích, bù vào sự thiếu hụt của những âm lí nha lí nhí không thành tiếng bằng một điệu bộ mạnh mẽ và một vẻ khâm phục mà những gì họ bắt lỗi tai ta phải chịu đựng không thể chứng minh nổi. Và cộng với cái thói quen nói về mình và khuyết điểm của mình, còn phải thêm vào, như hợp thành một khối, cái tật thích tố cáo ở người khác đích thị những khuyết điểm tương tự như của mình. Mà bao giờ người ta cũng thích nói về những khuyết điểm ấy, như là một cách vòng vo gián tiếp nói về mình, cộng cái thú tự xưng tội với cái thú tự xá tội. Và chẳng sự chú ý của ta, vốn bao giờ cũng bị hút về những gì làm nên đặc điểm

của mình, nhận ra chúng trước tiên ở những người khác. Một người cận thị nói về một người cận thị khác: “Anh ta hầu như không mở được mắt”; một người ho lao nghi ngờ phổi của anh chàng khỏe mạnh nhất có vấn đề; một gã ở bản thì chỉ nói đến chuyện người khác không năng tắm rửa; một anh chàng hôi như cú kêu người khác bốc mùi; một anh chồng mọc sùng nhìn đâu cũng thấy những anh chồng mọc sùng; một ả vợ lẳng lơ nhìn đâu cũng thấy những ả vợ lẳng lơ; kẻ học đòi làm sang nhìn đâu cũng thấy những kẻ học đòi làm sang. Và mỗi thói xấu, cũng như mỗi nghề, đòi hỏi và phát triển một loại tri thức đặc biệt mà người ta sẵn sàng phô bày. Người tình dục đồng giới dễ dàng nhận ra những người tình dục đồng giới, người thợ may được mời đến chốn giao tế chưa trò chuyện gì với anh đã đánh giá ngay chất vải bộ trang phục của anh, những ngón tay đã ngứa ngáy muốn mân mê nó và sau vài phút trao đổi với vị nha sĩ, nếu anh hỏi ý kiến thực của ông ta về anh, ông ta sẽ cho anh biết anh có bao nhiêu chiếc răng sâu. Đối với ông, dường như chẳng có gì quan trọng hơn điều đó, còn với anh (anh nhận thấy ông ta cũng ối răng sâu) thì chẳng có gì lỗ bịch hơn. Và không phải chỉ khi nói về bản thân, ta mới tưởng người khác mù: ta hành xử như thể họ mù thật. Mỗi chúng ta có một vị thần đặc biệt bên cạnh che khuất, hoặc đảm bảo không để ai nhìn thấy, thiếu sót khuyết điểm của ta, cũng như vị thần đó đồng thời bịt mắt, bịt mũi những người không bao giờ tắm rửa để họ khỏi thấy vết cáu ghét nơi tai mình và mùi mồ hôi lưu cữu ở nách mình, làm cho họ tin chắc rằng họ có thể vô tư tha cái vết bẩn và mùi hôi

ấy đi khắp bàn dân thiên hạ không sợ ai thấy gì. Và những người mang, hoặc tặng người khác, những hạt trai giả, tưởng thiên hạ sẽ coi đó là của thật. Bloch là kẻ ít học, mắc chứng thần kinh và thuộc một dòng tộc không mấy danh giá, gã như ở dưới đáy biển chịu vô vàn áp lực đè xuống, không chỉ từ lớp người Cơ đốc trên cùng, mà cả từ những tầng lớp chồng chất lên nhau của các đẳng cấp Do Thái cao hơn đẳng cấp của gã, mỗi đẳng cấp lại khinh miệt nặng nề đẳng cấp ngay bên dưới mình. Muốn nâng cấp dần từ dòng tộc Do Thái này sang dòng tộc Do Thái kia để ngoi lên tận bề mặt, Bloch ắt phải mất hàng nghìn năm. Tốt hơn hết là tìm lối thoát theo một ngã khác.

Khi Bloch nói với tôi về cái con “học đòi làm sang” mà tôi hẳn đang trải qua và ép tôi thú nhận là có “học đòi”, lẽ ra tôi có thể trả lời gã: “Nếu mình học đòi làm sang thì mình đã chẳng chơi với cậu.” Nhưng tôi chỉ bảo là gã thô bạo. Lúc ấy, gã muốn xin lỗi, nhưng theo chính cái cách của người thiếu giáo dục, nghĩa là khi sửa lời của mình lại sung sướng thấy đó là cơ hội để khiến nó xúc phạm nặng nề hơn. “Tha lỗi cho mình - bây giờ mỗi khi gặp tôi, gã đều nói vậy - mình đã làm cậu buồn, làm cậu đau lòng, mình đã ác khẩu cho sướng cái miệng. Thế nhưng - con người nói chung và cái thằng bạn này của cậu nói riêng, là một con vật đến là kỳ lạ - cậu không thể tưởng tượng được mình thương mến cậu đến mức nào mặc dù mình trêu chọc cậu thật độc ác. Khi nghĩ đến cậu, mình thấy tràn ngập yêu thương đến trào nước mắt,” gã nấc lên một tiếng.

Ở Bloch, điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả những cung

cách thô lỗ, là trình độ bập bõm của gã thể hiện trong trò chuyện. Anh chàng vốn rất khó tính này, từng phát biểu về những nhà văn đang nổi như cồn: “Một gã ngu tối, một tay hoàn toàn xuẩn ngốc”, lại có những lúc hào hứng kể những giai thoại chẳng có gì là hay ho và dẫn một kẻ hoàn toàn xoàng xĩnh “như một tác giả thật sự kỳ lạ”. Cái thước đo hai chuẩn mực ấy để đánh giá trí tuệ, giá trị và phẩm chất con người không khỏi làm tôi ngạc nhiên, cho đến hôm tôi biết ông thân sinh ra Bloch.

Tôi ngỡ ông chẳng bao giờ chấp nhận cho chúng tôi gặp, vì Bloch-con đã nói xấu tôi với Saint-Loup và nói xấu Saint-Loup với tôi. Nhất là gã bảo Robert rằng tôi (vẫn) có thói đua đòi học làm sang góm ghiếc. “Có đấy, có đấy, cậu ta sướng mê được quen biết ông LLLLegrandin”, gã nói. Cái cách nhấn chữ như thế ở Bloch vừa là dấu hiệu mỉa mai vừa ra dáng văn vẻ. Saint-Loup, vốn chưa nghe đến cái tên Legrandin bao giờ, ngạc nhiên hỏi: “Ông ta là ai vậy? - À, một nhân vật *rất oách*”, Bloch vừa cười vừa đáp và làm ra vẻ co ro rút tay vào túi áo vét tông, đinh ninh rằng lúc này mình đang ngắm cái khía cạnh ngoạn mục của một quý tộc tỉnh lẻ mà những nhân vật quý tộc của Barbey d'Aurevilly* còn thua xa. Không vẽ được ông Legrandin, gã tự an ủi bằng cách nhân bội chữ cái “l” và nhấm nháp cái tên ấy như thưởng thức một loại rượu vang lâu năm. Tuy nhiên, những gì gã đang hưởng thụ, người khác không hề biết. Nếu gã nói xấu tôi với Saint-Loup, thì mặt khác, với tôi, gã cũng không kém nặng lời chỉ trích Saint-Loup. Ngay hôm sau, mỗi đứa tôi đều đã biết chi tiết những lời gièm pha ấy,

không phải vì chúng tôi kể cho nhau nghe - nếu thế thì chúng tôi ắt đã cảm thấy có lỗi - nhưng Bloch thì thấy đó là điều tự nhiên và gần như tất yếu, nên vì lo lộ tẩy và tin chắc mình chỉ báo cho mỗi đứa tôi những gì chúng tôi trước sau rồi cũng biết, gã thấy thà chủ động đi bước trước còn hơn; và kéo riêng Saint-Loup ra một góc, gã thú nhận là đã cố tình nói xấu anh, cốt để điều đó sang tai anh, viện cả “Kronion Zeus*”, vị thần bảo vệ những lời nguyện” để thể rằng gã yêu mến anh, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì anh và không quên lau một giọt nước mắt. Cùng ngày, gã thu xếp để gặp tôi một mình, “xưng tội” với tôi, tuyên bố rằng gã làm thế là vì lợi ích của tôi bởi gã nghĩ một số kiểu quan hệ thời thượng là có hại cho tôi và bởi tôi “đáng giá hơn thế”. Rồi nắm lấy tay tôi với cái vẻ sụt sướt của chàng say, dù là thuần túy say do thần kinh: “Hãy tin lời mình, gã nói, hôm qua, nghĩ đến cậu, đến Combray, đến tình thương mến vô hạn mình dành cho cậu, đến một số buổi chiều mà thậm chí cậu không còn nhớ, mình đã thẫn thức cả đêm, thực đấy, nếu mình bịa, xin quỷ thần bắt mình ngay lúc này, tống qua cửa địa ngục mà con người khiếp sợ. Phải, cả đêm, mình thể với cậu đấy, nhưng than ôi, mình biết cậu không tin vì mình hiểu tâm lý con người mà.” Quả vậy, tôi không tin gã, và lời thể “xin quỷ thần bắt đi” chẳng hề tăng thêm trọng lượng cho những lời mà tôi cảm thấy là được bịa ngay tại chỗ, lòng sùng bái thiên địa quỷ thần nơi Bloch chỉ có tính chất thuần túy văn chương. Vả chẳng, hễ bắt đầu lên cơn xúc động và muốn người ta động lòng cảm thương trước một sự việc giả, là gã lại nói: “Tôi thể đấy”,

cốt hường niềm khoái lạc cuồng loạn do việc nói dối mang lại, hơn là nhằm làm cho người ta tin rằng mình nói thật. Tôi không tin lời gã, nhưng tôi không giận gã, vì tôi thừa hưởng từ mẹ và bà tôi cái tính không biết oán hận, ngay cả với những kẻ phạm lỗi nặng hơn nhiều, và không bao giờ lên án ai.

Vả lại, Bloch tuyệt nhiên không phải thanh niên xấu, gã có thể rất dễ thương. Và từ khi cái nòi Combray, cái nòi đã sản sinh ra những con người tuyệt đối toàn vẹn như bà tôi và mẹ tôi, xem chừng đã gần như tận tuyệt, vì tôi chỉ còn nước lựa chọn giữa những kẻ thô lỗ vô cảm nhưng lương thiện và trung thành, mà chỉ nghe giọng nói của họ đã thấy họ chẳng mấy may quan tâm đến đời sống của ta - và một loại người khác, loại này chừng nào ở bên ta, tỏ ra hiểu biết, cung chiêu, thương cảm ta đến trào nước mắt, nhưng vài giờ sau, bù lại bằng cách đùa giỡn độc địa về ta, nhưng khi quay về bên ta, lại vẫn thông cảm, vẫn đáng yêu, vẫn nhất thời hòa đồng với ta, tôi nghĩ mình nghiêng về loại người sau này hơn, nếu không phải vì giá trị đạo đức, thì cũng vì giao lưu với họ dễ chịu hơn.

“Cậu không thể tưởng tượng mình đau lòng thế nào khi nghĩ đến cậu, Bloch nói tiếp. Thật ra đây là một nét Do Thái khá rõ ở mình đấy,” gã bổ sung, giọng mỉa mai, hai đồng tử nhỏ lại như thể chuẩn định bằng kính hiển vi một lượng cực nhỏ “máu Do Thái”, và như một vị lãnh chúa Pháp có thể nói (nhưng không bao giờ thực sự thốt ra) rằng trong số tổ tiên mình, toàn thị là Cơ đốc giáo, lại lẫn vào cụ Samuel Bernard*, hay xa hơn nữa, chính Đức Mẹ Đồng

Trinh mà theo lời đồn của thiên hạ, tất cả những ai mang họ Lévy* đều xưng là hậu duệ của Người, “nó xuất hiện trở lại. Trong tình cảm - gã nói thêm - mình thích dành phần dư là nhỏ bé cho nguồn gốc Do Thái của mình.” Gã đồng dục xướng câu đó lên vì cảm thấy mình vừa hóm vừa dũng cảm khi nói lên sự thật về chủng tộc của mình, sự thật mà nhân dịp này, gã lựa cách làm giảm nhẹ đi nhiều, như anh hà tiện quyết định thanh toán nợ nần nhưng chỉ đủ can đảm để trả một nửa. Cái kiểu gian lận bằng cách táo bạo tuyên bố sự thật, nhưng pha trộn vào đó một tỷ lệ dối trá đủ để biến thật thành giả, là một thực hành phổ biến hơn người ta nghĩ và thậm chí, với những người không quen làm thế, một số hoàn cảnh gay cấn trong cuộc sống, nhất là khi một cuộc dan díu ái ân bị đe dọa, là dịp để họ dùng đến thủ đoạn ấy.

Tất cả những lời Bloch nhỏ to với Saint-Loup về những khuyết tật của tôi và với tôi về những thói xấu của Saint-Loup kết thúc bằng một lời mời ăn tối. Tôi không biết chắc thoát đầu gã có định mời một mình Saint-Loup hay không. Có vẻ là thế, nhưng không thành, bởi vì một hôm, có cả tôi lẫn Saint-Loup, gã nói: “Tôn sư thân mến và hiệp sĩ yêu thích của vùng Arés, De Saint-Loup-en-Bray, nhà thuần phục ngựa dữ, nhân gặp nhau đây bên bờ Amphitrite âm vang bọt sóng, cạnh những lều rạp của gia đình Menier*, chủ nhân của những con tàu vạn dặm, không biết hai vị có vui lòng nhận lời đến dùng bữa tối với người cha lỗi lạc có trái tim nhân hậu của tại hạ, vào một ngày trong tuần?” Anh ta mời chúng tôi như thế vì muốn kết thân chặt chẽ

hơn với Saint-Loup, hy vọng chàng trai này sẽ đưa anh ta vào những môi trường quý tộc. Nếu đó là ước muốn của tôi, vì bản thân tôi, thì hẳn Bloch đã coi đó là dấu hiệu của thói học làm sang ghê tởm nhất, phù hợp với nhận định của gã về cả một khía cạnh của bản chất tôi mà, ít nhất cho tới thời điểm ấy, gã không cho là nét cá tính chủ yếu; nhưng cũng cái ước muốn ấy, ở bản thân gã, thì gã lại cảm thấy nó chứng tỏ một nét hiếu kỳ đẹp đẽ của trí tuệ muốn thử lạc vào một môi trường xã hội xa lạ, ở đó biết đâu gã lại tìm thấy một chất liệu văn chương nào đó. Khi được cậu con trai báo là sẽ đưa một người bạn về dùng bữa tối và xướng tước vị cùng tên họ anh ta bằng một giọng thỏa mãn pha chút châm biếm: “Hầu tước De Saint-Loup-en-Bray”, ông Bloch-bố cảm thấy kích động mãnh liệt. “Hầu tước De Saint-Loup-en-Bray! Chà! Mẹ kiếp!” ông kêu lên, dùng cái tiếng chửi thề vốn ở ông là dấu hiệu biểu thị mạnh mẽ nhất sự trọng vọng địa vị xã hội. Và ông nhìn cậu con trai tài giỏi đã tự tạo cho mình những quan hệ như vậy bằng con mắt thán phục như muốn nói: “Nó quả là kỳ diệu. Thằng nhỏ thần đồng này là con mình sao?”, khiến bạn tôi thích thú như thể trợ cấp hàng tháng của gã được tăng thêm năm mươi franc vậy. Bởi vì Bloch ở nhà mình không thoải mái và cảm thấy bị bố cho là lầm lạc vì chỉ ngưỡng mộ Leconte de Lisle, Heredia* và những “lãng tử” khác. Nhưng giao du với Saint-Loup-en-Bray có cha từng là chủ tịch Kênh đào Suez (Chà! Mẹ kiếp!) đó là một kết quả “không thể bàn cãi”. Lại càng thấy tiếc là đã để chiếc kính lập phương đem lại cho những người tham dự xem hình nổi ba chiều ở Paris, sợ

đem đi đường nhờ ra bị hỏng. Chỉ riêng ông Bloch-bố biết cách, hoặc ít nhất, có quyền sử dụng nó. Và chẳng, họa hoằn ông mới dùng đến nó, một cách có ý thức hân hoi, vào những ngày có tổ chức gala và phải mướn thêm gia nhân nam giới. Thành thử các buổi xem hình ba chiều bằng kính lập phương ấy đem lại cho khách tham dự một cái gì cao sang, một ưu đãi đối với lớp người có đặc quyền, cho chủ nhân đẳng cai một thứ uy tín tương tự như uy tín do tài năng, không thể lớn hơn nếu do chính ông Bloch chiếu bằng cái “máy” do ông sáng chế. “Hôm qua anh không được mời đến nhà Salomon ư? Người ta hỏi nhau trong gia đình - Không, tôi không thuộc loại ưu tú được tuyển chọn! Có vụ gì ở đấy? - Một sự kiện rôm rả. Kính lập phương và đủ các thứ ngoạn mục. - Chao! Nếu là kính lập phương thì tiếc thật đấy, tôi nghe nói Salomon rất tuyệt khi trình chiếu kính lập phương.”

“Con biết không, ông Bloch bảo con trai, không nên cho xem tất cả một lúc, như thế mới khiến người ta thòm thòm.” Với tình cảm yêu thương của người cha và muốn làm cho con trai cảm động, ông đã nghĩ đến chuyện cho chuyển chiếc kính tới. Nhưng không đủ “thời gian vật chất”, hay nói cho đúng hơn là người ta nghĩ là không kịp; nhưng chúng tôi phải hoãn bữa tiệc lại vì Saint-Loup chưa đi được, anh phải chờ ông chú sắp ghé thăm bà chị De Villeparisis bốn mươi tám tiếng. Vì rất chuyên tâm tập thể dục, nhất là đi bộ những chặng dài, nên phần lớn thời gian cuộc hành trình từ tòa lâu đài ông đang nghỉ chơi đến Balbec, ông chú ấy đều cuộc bộ, đêm nghỉ lại ở những

trang trại, thành thử không thể biết chắc khi nào ông tới. Và không dám rời chỗ, Saint-Loup phải nhờ tôi đích thân đến phòng điện tín ở Incarville hằng ngày gửi điện cho người tình của anh. Ông chú mẹ con anh đang chờ mang tên Palamède, một cái tên truyền từ tổ tiên là các ông hoàng ở Sicile ngày xưa. Về sau này, đọc những văn bản về lịch sử, mỗi lần gặp lại trong danh xưng một vị quan đầu tỉnh* nào đó hoặc một hoàng thân nào đó của Giáo hội, vẫn cái tên ấy, tấm mẽ đay đẹp thời Phục hưng (một số người còn nói là một cổ vật thật sự) vẫn còn lại trong dòng tộc, truyền từ hậu duệ này sang hậu duệ khác từ văn phòng tòa thánh Vatican cho tới ông chú của bạn tôi đây, tôi cảm thấy niềm thích thú dành cho những người vì thiếu tiền không xây dựng được một bộ sưu tập mẽ đay, một bảo tàng tranh, đành sưu tầm những cái tên cổ (những tên địa phương ngoạn mục và mang tính chất tư liệu như một tấm bản đồ cổ, một cảnh phóng lăng, một tấm biển cửa hàng hay một bộ tập quán, những tên đặt theo tên thánh với những vĩ âm Pháp đẹp trong đó ta còn nghe vang lổ khiếm khuyết của ngôn ngữ, cách uốn giọng thổ dân thô thiển, cách phát âm sai, theo đó tổ tiên chúng ta đã bắt những chữ La tinh và xắc xông chịu những méo mó lâu dài để rồi sau đó trở thành luật uy nghiêm của ngữ pháp), nói cách nào đó là những bộ sưu tập các âm sắc nhờ đó tự tạo cho mình thưởng thức hòa nhạc theo cái cách những người kiếm được hồ và nhị* để chơi nhạc ngày xưa bằng nhạc cụ cổ. Saint-Loup cho tôi biết là ngay cả trong môi trường quý tộc khép kín nhất, ông chú Palamède của anh lại càng nổi rõ là

người đặc biệt khó tiếp cận, khinh mạn, ý thức sâu sắc về chất quý phái của mình, cùng với bà chị dâu và mấy người chọn lọc khác hình thành cái mà người ta gọi là câu lạc bộ Phụng Hoàng. Ngay cả trong câu lạc bộ này, người ta cũng khiếp hãi những lời ngược ngạo của ông đến nỗi dạo xưa đã từng có những người trong giới thượng lưu muốn làm quen với ông, nhờ chính anh trai ông giới thiệu, đã bị ông này từ chối. “Không, đừng yêu cầu tôi giới thiệu ông với chú em Palamède của tôi. Ngay cả nếu vợ tôi, cả hai chúng tôi, hứa vào nói giúp ông cũng vô ích thôi. Hoặc giả ông sẽ có thể bị chú em tôi tỏ ra bất nhã và tôi không muốn điều đó xảy ra.” Ở câu lạc bộ Jockey, ông đã cùng vài người bạn chỉ định hai trăm thành viên vào danh sách “không bao giờ được phép giới thiệu với ông”. Và ở nhà bá tước De Paris, ông nổi tiếng với cái biệt danh “Hoàng tử” vì sự thanh lịch và kiêu hãnh.

Saint-Loup kể với tôi về thời trai trẻ đã qua lâu rồi của ông chú. Hồi ấy, ngày nào ông cũng đưa phụ nữ đến một căn phòng “trai độc thân” mà ông sở hữu chung với hai người bạn cũng đẹp trai như ông, vì thế người ta gọi họ là “Ba Thiên Phước*”.

“Một hôm, một ông (nay ở trong số nhân vật hàng đầu Saint-Germain, nói theo cách Balzac, nhưng vào thời kỳ đầu chẳng may nhiễm phải những sở thích kỳ dị) ngỏ ý với bác mình muốn đến thăm căn phòng ấy. Nhưng vừa mới tới nơi, ông ta liền tỏ tình ngay, không phải với đám phụ nữ, mà là với bác mình. Bác mình vờ như không hiểu, kiếm cớ cho gọi hai người bạn kia đến. Họ tới, túm cổ kẻ phạm tội,

lột trần, đánh đến tóe máu rồi đá ra khỏi nhà giữa tiết trời lạnh mười độ âm; người ta tìm thấy ông ta thập tử nhất sinh ngoài trời. Nhà chức trách mở cuộc điều tra, và kẻ bất hạnh phải vất vả tìm mọi cách để ngăn lại*. Bây giờ, ông chú mình ắt không phóng tay tiến hành một vụ ‘hành quyết’ tàn bạo như vậy nữa rồi và cậu không thể tưởng tượng được số người bình dân được ông quý mến, che chở, cho dù có bị đáp lại bằng sự vô ơn, ông, người xưa nay vốn kiêu kỳ đến thế với đám thượng lưu. Một người hầu đã phục vụ ông ở một khách sạn, sau đó được ông đưa về lập nghiệp ở Paris, hay một nông dân được ông tạo điều kiện cho học nghề. Đó là khía cạnh khá dễ thương ở ông, tương phản với khía cạnh thời thượng.” Quả vậy, Saint-Loup thuộc lớp thanh niên thượng lưu ở một độ cao có thể vun trồng những cách nói như: “Ở anh ta, cũng có nét khá dễ thương”, “khía cạnh khá dễ thương của anh ta”, đó là những hạt giống quý rất nhanh chóng tạo ra một cách nhìn nhận sự vật theo đó bản thân ta chẳng đáng kể gì và “dân đen” mới là tất cả; tóm lại, trái ngược hẳn với niềm kiêu hãnh dân dã. “Xem ra không thể hình dung cách ông ‘bắt giọng’ định hướng chung cho xã hội trong thời thanh xuân như thế nào. Với ông, trong mọi hoàn cảnh, ông làm những gì ông cho là dễ chịu nhất, tiện lợi nhất, nhưng liền sau đó, bọn học đòi làm sang lại bắt chước luôn. Nếu khi ở nhà hát, ông khát và nhẩn mang đồ uống vào buồng ‘lô’ của mình, là ngay tuần sau, các phòng khách nhỏ đằng sau mỗi ‘lô’ đều đầy ắp đồ giải khát. Một mùa hè mưa nhiều, hơi bị thấp khớp, ông đặt một chiếc ba-đờ-xuy bằng da lạc đà cừu

mềm mà ấm thường chỉ dùng làm chăn ủ ấm trong khi đi đường và ông dặn giữ lại những vạt xanh lơ và da cam. Lập tức các tiệm may lớn được các khách hàng đổ xô đến đặt những chiếc ba-đờ-xuy xanh lơ có diềm lông dài*. Hễ vì một lý do nào đó, ông muốn gác bỏ mọi tính cách long trọng trong một lâu đài ông ghé qua một ngày, và để nhấn cái sắc thái đó, không mang theo lễ phục, ngồi vào bàn ăn với chiếc vét tông mặc từ buổi chiều, là việc mặc vét tông để ăn tối trở thành một thói ở nông thôn. Hễ khi ăn bánh ngọt, ông không dùng cùi dĩa mà dùng dĩa, hay một bộ đồ thìa dĩa theo phát kiến của ông do ông đặt một thợ kim hoàn làm, hay đơn giản là bốc tay, từ đó về sau, không được phép làm khác. Ông thêm nghe lại một số bản tứ tấu của Beethoven (mặc dù luôn có những ý tưởng kỳ cục, ông đâu có ngốc, và ông rất có năng khiếu) và hằng tuần vẫn mời các nghệ sĩ đến chơi những bản đó cho ông và mấy người bạn nghe. Năm ấy, nét thanh lịch lớn là tổ chức những cuộc họp mặt ít người để nghe nhạc thính phòng. Vả chăng, mình nghĩ ông đâu có thiếu thú vui trong đời. Đẹp trai như ông, đàn bà hẳn đổ như ngả rạ! Mình không thể kể đích xác là những ai vì ông rất kín. Nhưng mình biết ông đã hơn một lần phản bội bà bác tội nghiệp của mình. Mặc dù vậy, ông rất âu yếm bà, bà tôn thờ ông và sau khi bà qua đời nhiều năm, ông còn khóc thương bà. Hồi ở Paris, hầu như ngày nào ông cũng đến nghĩa trang.”

Buổi sáng sau hôm Robert kể như vậy với tôi về ông chú trong khi chờ đợi ông (vẫn chưa đến!), khi một mình đi qua trước nhà Casino trên đường trở về khách sạn, tôi bỗng có

cảm giác như có ai cách không xa đang nhìn mình. Tôi ngoảnh đầu lại và thấy một người đàn ông trạc tứ tuần, rất cao và khá đầy đà, ria đen nhánh; hắn ta vừa đập đập một chiếc gậy mảnh vào ống quần vừa dăm dăm nhìn tôi bằng cặp mắt với đồng tử dãn ra vì chú ý. Đôi lúc, cặp mắt ấy bắn ra tứ phía những tia cực kỳ ráo riết như chỉ có thể thấy ở những kẻ đứng trước một người hoàn toàn xa lạ mà vì một nguyên cớ nào đó lại gọi cho họ những ý nghĩ không đến với bất kỳ ai khác ngoài những người điên hay những gián điệp. Hắn phóng về phía tôi một xéo mắt tối hậu như kiểu bắn đại một phát cuối trước khi bỏ chạy và sau khi nhìn quanh, chợt làm ra vẻ lơ đãng và cao ngạo, đột ngột quay ngoắt người về phía một tấm áp phích, dăm mình vào đó, vừa đọc vừa âm ư hát và chỉnh lại một đóa hồng hung lũng lẳng nơi khuyết áo. Hắn rút trong túi ra một quyển sổ, vẽ như ghi vào đó tên của vở diễn được thông báo, lấy đồng hồ ra xem giờ vài ba lần, kéo sụp xuống tận mắt một chiếc mũ rom màu đen, đưa tay khum khum lên nối dài vành mũ phía trước như để nhìn xem có ai đến không, phác một cử chỉ bực bội ra cái điều đã chờ quá đủ (nhưng nếu thực sự chờ đợi thì chẳng ai làm thế), rồi hất mũ ra phía sau, để lộ một mái tóc húi “cua” nhưng hai bên vẫn rủ hai lọn tóc mai dài lượn sóng, hắn phát ra tiếng thở phì phò của những người không thực sự quá nóng, nhưng muốn tỏ ra qua nóng. Tôi nghĩ đây có thể là một tên trộm khách sạn, có lẽ hắn đã để ý đến hai bà cháu tôi từ mấy hôm trước, đang chuẩn bị một cú làm ăn, giờ vừa nhận ra tôi bất chợt thấy hắn đang dò la tôi; có lẽ hắn chỉ tìm cách làm tôi lạc hướng

bằng thái độ đối khác, biểu hiện vẻ lơ đãng và thờ ơ, nhưng lại đẩy lên thái quá một cách hung hãn đến nỗi tưởng như mục đích của hắn không chỉ là xua tan những nghi ngờ hắn đã nảy sinh trong tôi, mà còn nhằm - ít nhất cũng ở mức tương đương - trả thù nỗi nhục tôi đã vô tình khiến hắn phải chịu, cũng như để cho tôi hiểu ra rằng không phải hắn không trông thấy tôi, mà là tôi chẳng là cái thá gì khiến hắn phải chú ý. Hắn uốn người ra vẻ thách thức, mím môi, vểnh ria và biểu lộ trong ánh mắt một cái gì dửng dưng, khắc nghiệt, gần như là thóa mạ. Đến nỗi sắc diện kỳ dị của hắn khiến tôi lúc tưởng hắn là một tên kẻ cắp, lúc nghĩ hắn là một gã khùng. Tuy nhiên trang phục rất chải chuốt của hắn thì lại nghiêm chỉnh hơn nhiều vừa giản dị hơn nhiều so với cách ăn mặc của tất cả những người đi tắm biển mà tôi thấy ở Balbec, và tôi thấy yên tâm cho chiếc vét tông của mình đã bao lần bị “sỉ nhục” trước cái màu trắng rực rỡ và nhàm chán của những bộ đồ tắm họ mang trên mình. Nhưng bà tôi đã đến, hai bà cháu cùng nhau dạo một vòng, và một giờ sau, khi cụ trở vào khách sạn một lát và tôi đang đứng đợi ở trước cửa thì thấy Madame de Villeparisis và Robert de Saint-Loup đi ra cùng với người lạ mặt đã chăm chăm nhìn tôi ở trước cửa sòng bạc. Nhanh như chớp, tia nhìn của ông ta xuyên qua tôi y như lúc tôi mới thấy ông lần đầu, rồi trở lại, như chưa chạm tới tôi, đậu thấp hơn một chút trước mắt ông, mờ xỉn đi, tựa như cái tia nhìn trung lập giả vờ chẳng thấy gì bên ngoài và không thể đọc được gì bên trong, cái tia nhìn chỉ biểu hiện sự thỏa mãn được cảm thấy quanh giũa hai hàng mi mà nó căng

tròn ra hun hút, cái tia nhìn ra vẻ sùng mộ mà tự mãn của một số kẻ đạo đức giả, cái tia nhìn hóm hỉnh của một số kẻ ngu ngốc. Tôi thấy ông ta đã thay đổi trang phục, bộ đồ ông mang lúc này sẫm hơn; và hẳn là sự thanh lịch đích thực gần sự giản dị hơn là thứ thanh lịch rởm; nhưng còn một điều này nữa: nhìn gần hơn chút nữa, ta thấy nếu như màu sắc hầu như vắng thiếu ở bộ quần áo này, thì đó không phải vì người đã loại bỏ nó thờ ơ với nó, mà đúng hơn là vì người đó tự cấm mình viện đến màu sắc vì một lý do nào đó. Và sự điều độ thể hiện ở bộ đồ ấy dường như thuộc loại xuất phát từ việc tuân thủ một chế độ hơn là do thiếu ham muốn. Một vạch xanh đậm trên vải quần hài hòa với đường sọc ở tất một cách tinh tế, hé lộ một sở thích mãnh liệt bị kìm nén ở mọi chỗ khác (đây chỉ là nhân nhượng duy nhất), trong khi một vết đỏ ở cà vạt thì gần như không thấy được, khác nào một thoáng tự do mà người ta không dám tận hưởng.

“Cậu khỏe chứ? giới thiệu với cậu đây là cháu tôi, nam tước De Guermantes,” Madame de Villeparisis nói với tôi trong khi người khách lạ, mắt vẫn không nhìn tôi, làu bàu một câu “Hân hạnh” ơ hờ kèm theo mấy tiếng “hơ-hơ-hơ” để khiến thái độ xã giao của mình có chút gì miễn cưỡng rồi, gập ngón út, ngón trỏ và ngón cái lại, chìa hai ngón còn lại (không ngón nào đeo nhẫn cả) cho tôi bắt qua chiếc gang Thụy Điển; rồi không buồn ngược mắt nhìn tôi, ông ta quay sang Madame de Villeparisis.

“Lạy Chúa, đầu óc mình để đi đâu mất rồi?” bà này nói, “cô vừa gọi cháu là nam tước De Guermantes. Xin giới

thiệu với cậu nam tước De Charlus. Xét cho cùng sai lầm cũng không nghiêm trọng lắm, bà nói thêm, dù sao cháu vẫn đúng là người của gia tộc Guermantes mà.”

Bà tôi trở ra và chúng tôi cùng đi. Ông chú của Saint-Loup chẳng những không hạ cố nói với tôi một lời mà thậm chí còn không thèm nhìn tôi. Nếu với người lạ, ông nhìn chăm chăm vào mặt (trong cuộc dạo chơi ngắn này, ông đã hai ba lần phóng tia nhìn thăm dò sâu sắc để sợ của mình vào những người qua đường chẳng có gì đặc biệt, xuất thân rất xoàng xĩnh) thì ngược lại, như tôi suy từ bản thân, không một lúc nào, ông ngó tới những người ông đã biết - như một cảnh sát mật vụ đặt bạn bè ra ngoài vòng giám sát chuyên môn của mình. Để mặc họ - bà tôi, Madame de Villeparisis và ông ta - trò chuyện với nhau, tôi giữ Saint-Loup lại ghế sau.

“Này, tôi có nghe đúng hay không nhỉ? Madame de Villeparisis bảo ông chú cậu là người của gia tộc Guermantes.”

“Phải, dĩ nhiên là đúng: Palamède de Guermantes mà.”

“Cùng thuộc dòng với gia đình Guermantes có cái lâu đài ở gần Combray chứ? Họ bảo tổ mẫu của họ là Geneviève de Brabant*.”

“Hoàn toàn đúng. Là người xem trọng truyền thống gia huy hơn ai hết, ông chú tôi hẳn sẽ giảng cho cậu biết rằng tiếng hô xung trận của chúng tôi - sau này trở thành *Passavant* - thoát tiên là *Combraysis**, Saint-Loup vừa nói vừa cười để khỏi có vẻ là tự đắc về cái đặc quyền sở hữu lời hô xung trận mà chỉ những gia đình á vương, những đại thủ

lĩnh bằng đẳng mới có được. “Ông chú tôi là em trai chủ nhân hiện nay của lâu đài ấy.”

Hóa ra Madame de Villeparisis có quan hệ họ hàng, và rất gần là đẳng khác, với gia tộc Guermantes, bao lâu nay, với tôi bà vẫn chỉ là vị phu nhân đã cho tôi con vịt cầm một hộp sô cô la dạo tôi còn bé tí; hồi ấy, trong mắt tôi, bà còn xa cách nẻo nhà Guermantes hơn cả nếu bà “cầm cung” bên nẻo nhà Méséglise, và trong thang giá trị của tôi, bà còn kém xuất sắc, ở bậc thấp hơn cả ông thầy thuốc nhãn khoa ở Combray, và bây giờ đột ngột trải một sự tăng giá trị huyền hoặc, song song với sự giảm giá không kém bất ngờ của những vật ta sở hữu, cả hai sự kiện ấy - tăng cũng như giảm - đều đưa vào thời niên thiếu của ta, vào những phần đời còn lưu lại chút ít hơi hướng thời niên thiếu của ta những thay đổi nhiều không kém những hóa thân của Ovide*.

“Trong lâu đài ấy, có tượng bán thân của tất cả các lãnh chúa ngày xưa của dòng tộc Guermantes không?”

“Có, một cảnh tượng đẹp tuyệt,” Saint-Loup đáp, giọng mỉa mai. “Nói riêng với nhau, mình thấy tất cả những cái đó hơi nhạt nhòa thế nào ấy. Nhưng ở Guermantes có một cái mình cho là lý thú hơn một chút, đó là bức chân dung bà cô mình do Carrière* vẽ. Đẹp như tranh của Whistler hay của Velasquez* ấy,” Saint-Loup nói thêm, nhiệt tình của kẻ mới thụ giáo khiến anh không thấy được chính xác tỷ lệ cân đối giữa các giá trị. “Có cả những bức tranh rất xúc động của Gustave Moreau*. Cô mình là cháu gái Madame de Villeparisis, được bà nuôi dạy, và lấy ông anh họ, công

tước De Guermantes cũng là cháu gọi Madame de Villeparisis bằng cô.”

“Vậy thì ông chú cậu là gì?”

“Ông ấy mang tước hiệu nam tước De Charlus. Đúng theo quy chế, sau khi cụ thân sinh ra ông (mình gọi bằng ông-chú) qua đời, lẽ ra ông ấy phải mang tước hiệu hoàng thân De Laumes, tước hiệu của anh trai ông trước khi ông này trở thành công tước De Guermantes, vì trong gia tộc này người ta đổi tên như thay áo. Nhưng về những chuyện này, ông chú mình có những ý niệm riêng biệt. Và vì ông thấy người ta có phần lạm dụng các danh tước của Ý, Tây Ban Nha v.v., nên mặc dù có thể lựa chọn giữa bốn, năm tước hiệu hoàng thân, ông vẫn giữ cái tước hiệu nam tước De Charlus như một sự phản kháng, với vẻ bề ngoài giản dị hàm chứa bao kiêu hãnh. ‘Ngày nay - ông nói - anh đếch nào chả là hoàng thân, tuy nhiên, phải có cái gì khác người ta chứ; tôi sẽ nhận một tước hoàng thân khi nào tôi muốn đi du hành không ai nhận ra’. Theo ông, không có tước hiệu nào lâu đời hơn tước hiệu nam tước De Charlus. Để chứng minh cho cậu thấy tước hiệu nam tước De Charlus có trước những nam tước của dòng tộc Montmorency (dòng tộc này mạo nhận rằng những nam tước của họ là những nam tước đầu tiên của nước Pháp, nhưng thực ra chỉ là đầu tiên ở Île-de-France nơi có phong ấp của họ thôi), ông chú mình sẵn sàng bỏ hàng giờ giải thích cho cậu, sung sướng mà làm vậy, bởi vì mặc dầu rất tinh tế, rất có năng khiếu, ông vẫn thấy đây là một đầu đề trò chuyện hoàn toàn sinh động, Saint-Loup mỉm cười nói thêm. Nhưng vì mình không phải

là ông ấy nên cậu sẽ không phải nghe mình nói về phả học đâu, mình không biết có cái gì chán hơn, lỗi thời hơn không; quả thật cuộc đời quá ngắn.”

Lúc này đây, tôi nhận ra trong cái nhìn rắn đanh lúc nãy ở gần sông bạc đã làm tôi quay lại tia mắt mà ở Tansonville tôi đã thấy chăm chăm dõi vào tôi lúc Madame Swann gọi Gilberte.

“Trong số những người tình cặp với ông chú De Charlus của cậu, mà cậu nói là rất nhiều, có Madame Swann không?”

“Ồ, tuyệt không! Ông là bạn thân của ông Swann và bao giờ cũng ủng hộ ông ấy nhiệt liệt, nhưng không ai nói ông là người tình của vợ ông Swann bao giờ. Nếu cậu có vẻ tin như thế, cậu sẽ khiến giới thượng lưu rất ngạc nhiên đấy.”

Tôi không dám trả lời anh rằng nếu ở Combray, tôi có vẻ không tin điều ấy, tôi sẽ khiến người ta ngạc nhiên hơn.

Bà tôi rất hài lòng về ông De Charlus. Hẳn là ông hết sức coi trọng mọi vấn đề dòng dõi sinh thành và địa vị xã hội, và bà tôi nhận thấy thế, nhưng không hề có cái thái độ nghiêm khắc trong đó thẳng thừng xen vào chút tức tối và ngấm ngầm ghen tị khi thấy một người khác được hưởng những lợi thế mình thèm muốn mà không có được. Vì, trái lại, bà tôi vốn bằng lòng với số phận, không hề tiếc rằng mình không được sống trong môi trường cao sang hơn, chỉ dùng trí thông minh của mình để quan sát những trái thói của ông De Charlus, nên cụ nói về ông chú của Saint-Loup một cách thoải mái, tươi tắn, từ tâm, gần như thiện cảm - cái cách ta thường cho đối tượng sự quan sát vô tư của ta vì

niềm thích thú nó mang lại - hơn nữa lần này đối tượng lại là một nhân vật có những cung cách tự phụ nếu không phải là chính đáng thì ít nhất cũng là ngoạn mục, khiến ông nổi bật, khác hẳn những người mà cụ thường có dịp gặp. Nhưng sở dĩ bà tôi bỏ qua cho cái thiên kiến quý tộc của ông De Charlus dễ dàng đến thế, chính là vì trí thông minh và sự nhạy cảm mà người ta đoán là cực kỳ sắc sảo nơi ông, trái hẳn với bao người trong giới thượng lưu mà Saint-Loup thường cười giễu. Tuy nhiên, không giống như cậu cháu, ông không hy sinh cái thiên kiến quý tộc ấy vì những phẩm chất cao hơn, ông chú De Charlus hòa hợp nó với chúng. Với tư cách là hậu duệ của những công tước Nemours và những hoàng thân Lamballe, ông sở hữu những tư liệu lưu trữ, những đồ gỗ, những tấm thảm, những chân dung do Raphaël, Velasquez, Boucher vẽ cho các cụ tổ mình, và, trong khi chỉ đưa mắt lướt qua những kỷ vật gia truyền, vẫn có thể nói không sai rằng mình đang “tham quan” một bảo tàng và một thư viện vô song, ông đặt cái di sản ấy của giới quý tộc ở vị trí tốt đỉnh trong khi cháu ông không ngần ngại hạ bệ nó. Không khuynh về tư tưởng bằng Saint-Loup, ít nói suông hơn, quan sát con người bằng con mắt thực tế hơn, ông không muốn bỏ qua một yếu tố mà người ta thấy là thiết yếu để tạo nên uy tín, yếu tố này trong khi đem lại cho trí tưởng tượng của ông những khinh khoái vô tư, nhiều khi có thể hỗ trợ rất đắc lực cho hoạt động thực dụng của ông. Cuộc tranh luận vẫn còn bỏ ngỏ giữa những người thuộc loại này và những người tuân theo lý tưởng nội tâm thúc đẩy họ rũ bỏ những lợi thế ấy để chỉ chuyên tâm thực

hiện lý tưởng ấy, tựa như những họa sĩ, những nhà văn từ bỏ tuyệt kỹ của mình, những dân tộc nghệ sĩ tự hiện đại hóa mình, những dân tộc thiện chiến chủ động đề xướng việc giải vũ trang toàn cầu, những chính phủ chuyên chế tự chuyển thành dân chủ và xóa bỏ những luật hà khắc, nhiều khi những nỗ lực ấy chẳng được thực tế khen thưởng đền bù gì; bởi vì những họa sĩ, văn sĩ thì mất tài năng của mình, những dân tộc, chính phủ thì mất thế thượng phong lâu đời; đôi khi chủ nghĩa hòa bình lại nhân bội chiến tranh và sự khoan dung lại làm tăng tỷ lệ phạm tội. Nếu xét những kết quả bề ngoài, người ta thấy những cố gắng của Saint-Loup để tỏ ra chân thành, nhằm phục vụ lý tưởng giải phóng là rất cao quý - không thể nói khác thì người ta cũng có thể mừng là ở ông De Charlus, không có những nỗ lực theo hướng ấy, ông cho chuyển phần lớn gỗ lát tường tuyệt đẹp ở tư dinh Guermantes về nhà mình, thay vì làm như cậu cháu: thay gỗ lát tường bằng một bộ bàn ghế phong cách hiện đại, những bức tranh của Lebourg và Guillaumin*. Mặc dù thế, lý tưởng của ông De Chalus cũng rất là giả tạo và - nếu như người ta có thể định tính một lý tưởng bằng tính ngữ như thế - đậm chất thời thượng cũng như nghệ thuật. Ở những người đàn bà nhan sắc tuyệt trần và học vấn hiếm thấy, hậu duệ của những giai nhân hai thế kỷ trước đã từng góp phần làm nên vinh quang và thanh lịch của chế độ cũ, ông thấy một sự ưu tú khiến ông không thể không cảm thấy vui thích khi ở bên họ, và dĩ nhiên lòng ngưỡng mộ ông dành cho họ là chân thành, nhưng một phần lớn là do nhiều hồi tưởng lịch sử và nghệ thuật mà cái

tên dòng tộc của họ gọi lại, tựa như những ký ức về thời Cổ đại là một trong những lý do khiến một học giả thích thú khi đọc một tráng khúc của Horace* có lẽ còn kém những bài thơ đương đại mà chính học giả này xem thường đến mức dửng dưng. Trong mắt ông De Charlus, một phụ nữ tư sản xinh đẹp đặt bên cạnh bất kỳ ai trong số những người đàn bà ấy cũng tựa như một bức tranh đương đại vẽ một con đường hay một đám cưới bên cạnh một tác phẩm hội họa cổ xưa mà ta biết cặn kẽ nguồn gốc lịch sử, từ thời đức vua hay đức giáo hoàng nào đó đặt vẽ nó cho tới nhân vật hiện sở hữu nó - do được tặng, mua được, chiếm đoạt, hay thừa kế - sự hiện diện của nó bên nhân vật ấy nhắc ta nhớ đến một sự kiện hay ít nhất là một cuộc thông gia có ý nghĩa lịch sử, do đó khiến nó có thêm một khía cạnh đặc dụng nữa, bồi bổ cho kiến thức của ta thêm phong phú, uyên bác. Ông De Charlus lấy làm mừng là với một thiên kiến tương tự như của ông, mấy đại phu nhân ấy ắt không giao du với những phụ nữ dòng dõi thấp kém hơn, do đó đối tượng sùng bái của ông vẫn nguyên vẹn cao sang, khác nào những mặt tiền kiến trúc phong cách thế kỷ 17 với những cột chống phẳng bằng cẩm thạch màu hồng mà những thời đại mới không thay đổi gì được.

Ca ngợi sự *cao quý* thực sự về trí tuệ và tâm hồn của những người đàn bà ấy, ông De Charlus chơi trên nghĩa hai mặt của từ này, khiến chính ông bị lầm lẫn, nó chứa đựng sự giả trá của khái niệm lai tạp ấy, của sự lập lòe pha trộn cả quý tộc, hào hiệp lẫn nghệ thuật và cả sức quyến rũ nguy hiểm của nó đối với những người như bà tôi, trong mắt cụ,

cái thiên kiến thô thiển hơn nhưng ngây thơ hơn của một người quý tộc đánh giá người khác chỉ nhìn vào bề dày thế hệ quý tộc chứ không tính đến gì khác, là quá lỗ bịch, song cụ lại dễ bị thuyết phục khi thấy những gì có bề ngoài ưu đẳng về trí tuệ, thành thử cụ thấy các hoàng thân là đáng thèm muốn hơn tất cả vì họ có thể có một La Bruyère hay một Fénelon* làm gia sư.

Đến trước cửa Đại Khách sạn, ba thành viên của dòng họ Guermantes chia tay bà cháu tôi; họ đi ăn trưa ở nhà quận chúa De Luxembourg. Lúc bà tôi chào tạm biệt Madame de Villeparisis và Saint-Loup chào bà tôi, ông De Charlus, từ đầu đến giờ chẳng nói gì với tôi, lùi vài bước đến cạnh tôi: “Tối nay, ăn xong, tôi sẽ dùng trà ở phòng bà cô De Villeparisis của tôi, ông nói với tôi. Tôi mong được tiếp cậu và bà cậu ở đó”. Đoạn ông dẫn bước lên cho kịp bà hầu tước.

Mặc dù hôm ấy là Chủ nhật, nhưng trước khách sạn vẫn không nhiều xe ngựa thuê hơn những ngày đầu mùa. Đặc biệt, để khỏi đến nhà ông bà Cambremer, bà vợ ông công chứng cho rằng mỗi lần lại phải thuê một chiếc xe ngựa thì thật tốn kém, bà thà ở lại trong phòng mình còn hơn.

“Bà Blandais bệnh hay sao, hôm nay không thấy bà đâu,” có người hỏi ông công chứng.

“Nhà tôi hơi đau đầu, nóng nực thế rồi lại đông nữa. Hơi một tí là vầng mình sốt mảy, nhưng tôi nghĩ tối nay, các vị sẽ gặp nhà tôi. Tôi đã khuyên bà ấy nên xuống khỏi phòng. Điều ấy chỉ tốt cho bà ấy thôi.”

Tôi nghĩ, bằng việc mời chúng tôi đến phòng bà cô của

ông - chắc hẳn ông đã báo trước cho Madame de Villeparisis - ông De Charlus muốn bù lại thái độ bất lịch sự ông đã tỏ ra đối với tôi trong cuộc dạo chơi sáng nay. Nhưng khi tới phòng khách của Madame de Villeparisis, tôi định chào ông cháu của bà, lúc ấy đang kể một câu chuyện khá ác ý về một người bà con, thì tha hồ cho tôi quanh quẩn bên ông, ông vẫn không để mắt đến tôi; tôi bèn quyết định cất cao giọng “bonjour” để báo cho ông biết sự hiện diện của mình, nhưng tôi hiểu rằng ông đã thấy tôi, vì trước cả khi tôi thốt ra bất cứ tiếng nào, đúng lúc tôi nghiêng mình, ông chìa hai ngón tay cho tôi bắt mà không hề liếc mắt lại hay ngừng nói chuyện. Rành là ông đã trông thấy tôi mà không để lộ vẻ là thế, và bấy giờ tôi nhận ra rằng đôi mắt ông không bao giờ chốt vào người đối chuyện mà luôn đảo đi đảo lại tứ phía, như mắt một số con vật hốt hoảng, hay mắt một gã bán hàng rong, trong khi huyên thuyên xích đế, phô món hàng bất hợp pháp của mình, không ngoảnh đầu vẫn dõi nhìn nhiều điểm phía chân trời từ đó cảnh sát có thể xuất hiện. Tuy nhiên tôi lấy làm lạ thấy Madame de Villeparisis, mặc dù vui mừng thấy bà cháu tôi đến, lại có vẻ như bất ngờ, tôi lại càng ngạc nhiên hơn khi nghe thấy ông De Charlus nói với bà tôi: “A! Cụ có nhã ý đến dùng trà với chúng tôi, thật là tuyệt, phải không, cô nhỉ?” Hẳn là ông đã nhận thấy vẻ bất ngờ của bà cô lúc chúng tôi bước vào, và vốn là người quen cầm trịch, quen “bắt giọng”, ông nghĩ, để chuyển sự bất ngờ thành vui thích thì chỉ cần bản thân ông tỏ ra vui và chính việc bà cháu tôi tới đã gây nên niềm vui ấy. Về điểm này ông đã

tính toán đúng, vì Madame de Villeparisis, vốn rất coi trọng ông cháu và biết rõ ông là người khó làm hài lòng như thế nào, dường như đột nhiên phát hiện thấy ở bà tôi bao đức tính mới và không ngừng tiếp đãi cụ. Nhưng tôi không hiểu làm sao trong có mấy giờ ông De Charlus đã quên lời mời ngắn gọn nhưng đầy chủ ý, suy tính kỹ càng mà ông đã thông báo với tôi mới sáng nay, làm sao ông lại gọi ý của chính ông là “nhã ý” của bà tôi. Với tính cẩn trọng muốn tìm hiểu chính xác - thói quen mà tôi giữ đến độ tuổi đủ già dặn để hiểu ra rằng không phải bằng cách hỏi thẳng một người mà ta có thể biết được ý đồ thực sự của người ấy, và rằng thà cứ để tồn tại một sự hiểu lầm mà có lẽ không ai để ý thấy còn đỡ chối hơn là gắng hỏi một cách ngây ngô -, tôi nói: “Nhưng chính ông đã yêu cầu hai bà cháu tôi đến tối nay, chắc ông còn nhớ chứ?” Không một cử chỉ nào, không một âm thanh nào chứng tỏ rằng ông De Charlus đã nghe thấy câu hỏi của tôi. Thấy vậy, tôi bèn nhắc lại, như những nhà ngoại giao hay như những người trẻ tuổi vừa cãi lộn nhau, ra sức với một thiện chí không biết mệt nhưng vô ích, đòi những giải thích làm sáng tỏ vấn đề mà đối phương nhất quyết không chịu đưa ra. Ông De Charlus vẫn không trả lời. Tôi có cảm giác thấy trên môi phẳng phất một nụ cười - cái nụ cười của người ở tầm cao hơn hẳn nhìn xuống tính cách và trình độ của những kẻ dưới.

Vì ông ta không chịu phân trần gì cả, tôi đành tự mình tìm ra một cách giải thích và tôi chỉ đi đến chỗ phân vân giữa nhiều đáp án mà không một đáp án nào có thể là thỏa

đáng. Có thể là ông ta không nhớ, hay có thể là tôi đã hiểu sai những gì ông nói với tôi sáng nay... Hợp lý hơn, có thể do cao ngạo, ông không muốn mọi người thấy mình đã tìm cách lôi kéo những người mình xem thường và muốn đổ cho họ đã chủ động đến. Nhưng vậy thì, nếu ông ta xem thường chúng tôi, tại sao ông lại muốn chúng tôi đến, hay đúng hơn, muốn bà tôi đến, vì tối hôm đó, trong hai bà cháu, ông ta chỉ trò chuyện với bà tôi và không một lần nào nói gì với tôi. Trò chuyện hết sức sôi nổi với bà tôi cũng như với Madame de Villeparisis, ẩn mình đằng sau họ, như thể đang ngồi cuối một buồng “lô” trong nhà hát, ông chỉ thỉnh thoảng xoay tia nhìn dò xét của đôi mắt sắc như mũi khoan, dán vào mặt tôi với vẻ nghiêm túc và đăm chiêu như thể đó là một văn bản viết tay khó giải mã.

Hẳn là nếu không có cặp mắt ấy, khuôn mặt của De Charlus cũng tương tự như mặt nhiều người đàn ông đẹp trai. Và về sau, khi kể về những thành viên khác của dòng họ Guermantes, Saint-Loup nói với tôi: “Họ không có cái vẻ “nhà nòi” đại lãnh chúa đến tận đầu móng tay như ông chú Palamède của mình”, xác nhận rằng cái vẻ “nhà nòi” và cái đáng quý tộc ấy chẳng có gì là bí ẩn và mới mẻ, mà bao gồm những yếu tố mà tôi nhận ra không khó khăn gì, cũng chẳng cảm thấy ấn tượng gì đặc biệt, tôi cảm thấy tan đi một trong những ảo tưởng của mình. Nhưng mặc dù ông De Charlus cố giữ không để lộ bất kỳ biểu hiện nào trên bộ mặt kín bưng, nom giông giống mặt “tuồng” do phủ một lớp phấn mỏng, đôi mắt vẫn như một kẻ nứt trên tường, như một lỗ châu mai duy nhất ông không bịt nốt, qua đó -

tùy theo chỗ ta đứng so với vị trí của ông - ta bỗng cảm thấy mình ở trên đường ngắm của một khí cụ ghép bên trong có vẻ chẳng mấy an toàn, ngay cả với người mang nó trong mình (nhưng không hoàn toàn kiểm soát được nó) ở trạng thái chông chênh, lúc nào cũng sẵn sàng nổ tung; và cái vẻ thận trọng, không ngừng lo âu của đôi mắt ấy - khiến gương mặt dù “sắp đặt, bố cục” rất chỉnh vẫn tỏ ra mệt mỏi -, cộng thêm cả nét phờ phạc này in đậm quanh mắt cho tới một quang thâm trễ xuống rất thấp, làm ta nghĩ đến một nhân vật có quyền thế cải trang đi “vi hành” và đang gặp nạn, hoặc chỉ là một phần tử nguy hiểm nhưng bi thảm. Tôi những muốn đoán biết cái bí mật ấy là gì, cái bí mật không ẩn chứa trong những người đàn ông khác, cái bí mật đã khiến tôi thấy ánh nhìn của ông ta là khó hiểu khi tôi gặp ông ở gần sông bạc sáng nay. Nhưng với những gì tôi biết về họ hàng nhà ông, tôi không thể tiếp tục tin rằng đó là cái nhìn của một tên kẻ trộm, hoặc căn cứ vào những gì tôi nghe thấy ông nói trong khi trò chuyện, rằng đó là ánh mắt của một người điên. Việc ông ta rất lạnh lùng với tôi trong khi lại cực kỳ hòa ái với bà tôi, có thể không phải do ác cảm cá nhân, vì nói chung, ông khoan hậu với phụ nữ bao nhiêu (thường thường, khi đề cập đến những khuyết điểm của họ, bao giờ ông cũng tỏ ra hết sức độ lượng) thì đối với nam giới, đặc biệt đối với lớp trẻ, ông hằn học dữ dội bấy nhiêu, y như một anh ghét gái hằn học với phụ nữ vậy. Mỗi khi Saint-Loup tình cờ nhắc đến tên vài ba tay “đĩ đực” trong họ hoặc là bạn của anh ta, ông De Charlus phán với một vẻ gần như dữ dằn trái hẳn với thái độ lạnh lùng thường ngày

của ông: “Đó là bọn vô lại hạng bét.” Tôi hiểu cái mà ông chê trách ở lớp trai trẻ ngày nay là họ quá ẻo ợt. “Quả là những ả đàn bà thật sự,” ông nói với vẻ khinh miệt. Nhưng đối với ông, thế nào mới là không ẻo ợt đàn bà so với cuộc đời mà ông quan niệm một đấng mày râu phải sống, mà ông chưa bao giờ thấy là đủ mạnh mẽ, đủ “khí chất nam nhi”? (Bản thân ông, trong những chuyến bộ hành dài, sau nhiều giờ bôn sải, người nóng rực, thường lao mình xuống dòng sông lạnh giá). Thậm chí ông không chấp nhận đàn ông đeo nhẫn, dù chỉ là một chiếc. Nhưng cái lập trường quyết liệt “nam tính” ấy không ngăn ông sở hữu những phẩm chất nhạy cảm tinh tế nhất. Khi Madame de Villeparisis yêu cầu ông tả cho bà tôi nghe về một tòa lâu đài nơi Madame de Sévigné từng lưu trú, rồi lại nói thêm rằng bà thấy ít nhiều có “gia vị văn chương” trong nỗi buồn của nữ sĩ khi phải xa Madame de Grignan tẻ ngắt, De Charlus nói:

“Trái lại, cháu thấy không gì có thể chân thật hơn. Và chẳng, thời ấy, người ta dễ dàng hiểu những tình cảm như vậy. Anh chàng ở Monomopata, trong ngụ ngôn La Fontaine chạy đến nhà bạn vì trong giấc ngủ mơ thấy bạn buồn, con chim bồ câu thấy điều bất hạnh lớn nhất là thiếu vắng con chim câu bạn*, có lẽ cô thấy những chuyện đó cũng cường điệu như nỗi lòng của Madame de Sévigné chỉ mong đến lúc được một mình với con gái. Đẹp sao điều bà nói khi chia tay con gái: ‘Cuộc chia ly này gây cho mẹ một nỗi đau trong tâm hồn mà mẹ cảm thấy như một nhức nhối thể xác. Trong sự thiếu vắng nhau, người ta hào phóng với

thời gian, người ta tiến tới luôn cái thời điểm người ta khao khát’*.”

Bà tôi vui sướng được nghe ông ta nói về *Thư* của Madame de Sévigné dùng như ý cụ. Cụ ngạc nhiên thấy một người đàn ông có thể hiểu thấu đáo những đoạn thư ấy đến thế. Cụ thấy ở ông De Charlus một độ mẫn cảm và tế nhị chẳng khác gì nữ giới. Khi chỉ còn lại hai bà cháu, trao đổi với nhau về De Charlus, chúng tôi nhận định rằng ông ta hẳn đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của một người phụ nữ - mẹ ông hay về sau, con gái ông, nếu ông có con. Tôi thì nghi: “Một người tình”, liên tưởng tới ảnh hưởng từ người tình của Saint-Loup đối với anh, nó cho phép tôi nhận ra người đàn bà có thể làm cho người đàn ông sống với mình tinh tế lên đến mức nào.

“Một khi ở bên con gái rồi, khéo bà ấy sẽ không còn gì để nói,” Madame de Villeparisis đáp.

“Chắc chắn là có chứ, dù chỉ là cái bà ấy gọi là ‘những thứ vật vãnh đến nỗi chẳng ai ngoài hai mẹ con mình nhận thấy’*. Và dù sao đi nữa, bà ấy vẫn ở bên con gái mình. La Bruyère đã nói với chúng ta rằng thế là đủ: ‘Ở bên những người mình yêu, trò chuyện với họ hay chẳng nói gì với họ, cũng như nhau cả thôi’*. Ông ta có lý, đó là hạnh phúc duy nhất,” De Charlus nói thêm, giọng buồn buồn; “và niềm hạnh phúc ấy, than ôi, cuộc đời sắp đặt thật dở, chẳng mấy khi ta được hưởng nó. Tổng lại, bà De Sévigné còn may mắn hơn nhiều người khác. Bà ấy đã qua một phần lớn cuộc đời bên những gì mình yêu.”

“Cháu quên rằng đó không phải là ái tình, đó là quan hệ

với con gái.”

“Nhưng điều quan trọng trong cuộc đời là yêu, chứ không phải những gì mình yêu,” ông nói tiếp, giọng tự tin, đanh thép, gần như quyết đoán. “Có thể nói, so với những mối quan hệ tầm thường của thiếu gia nhà Sévigné với những cô bồ thì tình cảm Madame de Sévigné dành cho con gái còn giống với niềm đam mê mà Racine tả trong *Andromaque* hay *Phèdre* hơn. Cũng tương tự như vậy là tình yêu của một người theo chủ nghĩa thần bí đối với vị thần của mình. Chúng ta vạch xung quanh tình yêu những đường ranh giới quá hẹp chỉ vì chúng ta chẳng hiểu biết gì về cuộc đời.”

“Chú thích *Andromaque* và *Phèdre* lắm phải không?” Saint-Loup hỏi ông chú.

“Trong một vở bi kịch của Racine có nhiều chân lý hơn trong tất cả các vở kịch của Victor Hugo,” ông De Charlus đáp.

“Giới thượng lưu mới dễ sợ làm sao,” Saint-Loup ghé tai tôi nói nhỏ. “Thích Racine hơn Victor Hugo dù sao cũng thật quá quắt!” Anh thành thật lấy làm buồn vì lời lẽ của ông chú, nhưng điều an ủi anh là niềm vui thích được nói mấy tiếng “dù sao” và nhất là “quá quắt”.

Nói lên những suy nghĩ ấy về nỗi buồn phải sống xa những gì mình yêu (những suy nghĩ đã khiến bà tôi nhận xét rằng ông cháu của Madame de Villeparisis hiểu một số tác phẩm sâu sắc hơn bà cô mình nhiều và nhất là có một cái gì khiến ông ta vượt trội hơn hẳn phần đông những người thuộc giới giao tế phù hoa), ông De Charlus không

những bộc lộ một sự tinh tế về cảm xúc quả thực hiếm thấy ở nam giới; mà bản thân giọng ông cũng thật đặc biệt - tựa như một số giọng ca sĩ nữ trầm mà phần trung của âm vực chưa được tinh luyện đủ mức và phần thanh, như trong hát đối một nam một nữ, vút lên những nốt cao khi ông phát biểu những ý tế nhị ấy, lúc này giọng ông trở nên dịu dàng đến bất ngờ và như vang vọng chan chứa yêu thương của những dàn đồng ca hôn ước. Nhưng cái bầy thiếu nữ mà De Charlus, vốn ghê tởm mọi thứ ẻo ọt đàn bà, ắt sẽ hết sức rầu lòng nếu biết họ làm tổ trong giọng nói của ông, họ không dừng lại ở mức diễn giải và chuyển *tông* những đoạn tình cảm mà thôi. Nhiều khi, trong lúc De Charlus trò chuyện, ta có thể nghe ré lên nhịp cười lạnh lạnh, tươi mát, kiểu cười ranh mãnh của những cô gái đóm dáng hay những nữ sinh nội trú.

Ông kể về một ngôi nhà trước kia thuộc về gia đình ông, nơi Marie-Antoinette* đã từng nghỉ đêm, có hoa viên do Le Nôtre* vẽ kiểu, nay đã bán cho những nhà tài chính giàu sụ Israel. "Israel - ít nhất đó cũng là cái họ mà những người đó mang - tôi thấy nó có vẻ là một từ chỉ dòng giống, chủng tộc hơn là một tên người. Có lẽ người ta không biết rằng loại người ấy không mang tên riêng và chỉ được chỉ danh bằng tên của cái tập thể bao gồm họ. Cái đó chả sao! Đã từng là ngôi nhà của dòng tộc Guermantes và nay thuộc về dòng giống Israel!!! - ông kêu lên. Điều đó khiến tôi nghĩ đến căn phòng ở lâu đài Blois mà người bảo vệ đưa tôi đến tham quan: "Đây là nơi hoàng hậu Marie Stuart thường đến cầu nguyện - bác ta nói - và bây giờ là chỗ tôi để chửi." Cố

nhiên, tôi chẳng muốn biết gì về cái ngôi nhà đã mất danh giá ấy, cũng như về bà chị họ Clara de Chimay đã bỏ chồng theo trai*. Nhưng tôi còn giữ tấm hình chụp ngôi nhà gần như còn nguyên ảnh nàng quận chúa thuở đôi mắt đẹp của nàng chỉ biết nhìn anh họ tôi. Ảnh chụp lấy được chút phẩm chất nó vốn thiếu, khi nó không còn là phiên bản của thực tế, nó phô cho ta thấy những gì không tồn tại nữa. Tôi có thể biểu cụ một tấm, vì cụ quan tâm đến loại hình kiến trúc này,” ông nói với bà tôi. Đúng lúc ấy, thấy chiếc mùi soa thêu trong túi áo thò ra những đường viền màu, ông vội nhét vào với vẻ mặt e sợ của một phụ nữ cả thẹn nhưng không hề ngại thơ giấu đi nét khô gợt mà vì quá thận trọng, nàng cho là tro trên. “Hãy tưởng tượng xem, ông nói tiếp, những người ấy đã bắt đầu bằng việc phá cái hoa viên do Le Nôtre thiết kế, điều ấy cũng đáng tội như rạch nát một bức tranh của Poussin* vậy. Làm thế, các tay Israel ấy đáng ra phải vào tù. Đành rằng, ông mỉm cười nói thêm sau một thoáng im lặng, hẳn còn có khối lý do khác để bỏ tù họ! Dù sao đi nữa, ta cũng có thể tưởng tượng được hiệu quả một khu vườn kiểu Anh có thể gây ra trước những kiến trúc ấy.”

“Nhưng,” Madame de Villeparisis nói, “ngôi nhà ấy cùng một phong cách với Tiểu Trianon*, vậy mà Marie-Antoinette đã cho tạo dựng một khu vườn kiểu Anh ở phía trước đấy thôi.”

“Dẫu sao nó cũng làm xấu đi cả mặt tiền do Gabriel thiết kế,” De Charlus đáp. “Đương nhiên bây giờ mà phá cái thượng uyển ấy đi thì cũng man rợ. Nhưng dù tinh thần

thời đại có là thế nào đi nữa, tôi cũng không tin là một thói
ngông của một phu nhân Israel có thể có uy tín như kỷ
niệm của hoàng hậu được.”

Trong khi đó, bà tôi đã ra hiệu cho tôi lên phòng đi nằm.
Mặc dù Saint-Loup gắng giữ tôi lại; trước mặt ông De
Charlus, anh ta đã đả động đến việc tôi thường cảm thấy
buồn vào buổi tối trước khi ngủ, làm tôi rất xấu hổ, vì chắc
ông chú anh ta hẳn coi đó là một cái gì chẳng mấy “nam
nhi”. Tôi nán lại chút nữa rồi về phòng và rất ngạc nhiên
khi một lát sau, nghe tiếng gõ cửa và hỏi ai, tôi nhận ra
giọng nói lạnh tanh của ông De Charlus: “Charlus đây. Tôi
vào được không cậu?”

Sau khi khép cửa lại, ông nói tiếp, vẫn bằng cái giọng
khô khốc ấy: “Lúc này, cháu tôi nói là cậu thường hơi buồn
chán trước khi ngủ và cậu thán phục sách của Bergotte. Vì
trong va li của tôi có một cuốn của ông ta mà có lẽ cậu
chưa biết, tôi mang đến để giúp cậu qua những lúc cậu
cảm thấy không dễ chịu ấy.”

Tôi xúc động cảm ơn ông De Charlus và nói với ông rằng,
trái lại, tôi e những điều Saint-Loup kể với ông về tâm
trạng buồn chán của tôi lúc đêm xuống có thể khiến hình
ảnh tôi dưới mắt ông ngu xuẩn hơn trong thực tế.

“Không đâu,” ông đáp với một sắc thái dịu dàng hơn. “Có
thể cậu chưa có được giá trị cá nhân, mấy ai có được cái
ấy! Nhưng ít nhất trong một thời gian, cậu có tuổi trẻ và đó
bao giờ cũng là một sức quyến rũ. Vả chăng, cậu ạ, điều
ngu dại lớn nhất nằm ở chỗ coi những gì mình không cảm
được là lỗi bịch hoặc đáng chê trách. Tôi yêu thích đêm và

cậu bảo tôi là cậu sợ đêm; tôi thích ngửi hương hoa hồng và tôi có một người bạn cứ ngửi mùi hoa hồng là phát sốt. Cậu có cho rằng tôi nghĩ vì thế mà anh ta kém mình không? Tôi ráng hiểu tất cả và tránh không lên án bất cứ cái gì. Tóm lại, đừng quá ưu phiền, tôi không nói là những nỗi buồn đó là không nặng nề, tôi biết người ta có thể đau khổ như thế nào vì những điều người khác không thể hiểu nổi. Nhưng ít ra, cậu đã đặt đúng chỗ lòng mến yêu vào bà cậu. Hai bà cháu luôn bên nhau. Với lại, đây là một tình thương mến được phép, tôi muốn nói một tình yêu được đền đáp. Không phải về bất cứ tình yêu nào, ta cũng có thể nói như vậy.”

Ông đi ngang dọc căn phòng, quan sát các đồ vật, ngắm cái này, nhắc cái kia. Tôi có cảm giác ông có điều gì muốn thông báo với tôi, nhưng chưa tìm ra lời lẽ thích hợp để diễn đạt.

“Tôi có mang theo một cuốn khác của Bergotte, tôi sẽ bảo người tìm cho cậu,” ông nói thêm và bấm chuông gọi. Lát sau, một gã bồi tới.

“Đi kiểm tay trưởng bồi bàn cho ta. Ở đây chỉ có anh ta là biết xử lý công việc được giao một cách thông minh thôi,” ông De Charlus nói, vẻ cao ngạo. - “Tức là ông Aimé phải không, thưa ngài?” gã bồi hỏi lại. - “Ta không biết tên anh ta, nhưng ta có nghe thấy người ta gọi anh ta là Aimé. Đi mau lên, ta đang vội.” - “Ông ấy sẽ tới ngay thôi ạ, thưa ngài, con vừa trông thấy ông ấy ở dưới nhà,” gã bồi đáp, muốn tỏ vẻ nắm vững tình hình. Một khoảnh khắc trôi qua. Gã bồi quay lại. “Thưa ngài, ông Aimé đi nằm rồi, nhưng con có thể hoàn thành công việc được giao.” - “Không,

dựng anh ta dậy.” - “Thưa ngài con không thể: ông ấy không ngủ tại đây.” - “Vậy thì đi đi, để chúng ta yên!”

Gã bồi đi khỏi, tôi nói: “Thưa ông, ông quá hảo tâm, với tôi chỉ một cuốn Bergotte là đủ.”

“Xét cho cùng tôi cũng nghĩ thế.”

De Charlus đi đi lại lại. Mấy phút trôi qua như vậy, rồi sau khi lưỡng lự đôi chút và trấn tĩnh lại, quay ngoắt hẳn một vòng và bằng cái giọng trở lại rắn đanh như roi quất, ông ném vào tôi một câu “chào cậu” rồi ra về. Sau những tình cảm cao đẹp mà tôi đã nghe ông diễn đạt tối hôm ấy, sáng hôm sau - ngày ông lên đường - trên bãi biển, vào lúc tôi sắp xuống tắm, trong khi De Charlus tiến lại gần để báo cho tôi biết bà tôi cần gặp ngay sau khi tôi lên bờ, tôi rất ngạc nhiên khi nghe thấy ông nói với tôi bằng một vẻ suồng sã kèm theo một nhíp cười phàm tục, vừa nói vừa véo cổ tôi:

“Này, người ta bắt cần bà già của mình, hử, đồ nhóc vô lại?”

“Sao kia, thưa ông, tôi hết lòng yêu kính bà tôi mà!”

“Này cậu,” ông lùi lại một bước và nói với vẻ lạnh tanh, “cậu hãy còn trẻ, cậu nên lợi dụng cái đó mà học lấy hai điều: điều thứ nhất là đừng có phát biểu những tình cảm quá tự nhiên để khỏi bị hiểu lầm; điều thứ hai là đừng có xằng giọng trả lời những điều người ta nói với mình trước khi thấu đạt ý nghĩa của chúng. Vừa rồi, nếu biết thận trọng như thế thì cậu đã tránh được vẻ nói quàng nói xiên như một anh điếc và do đó khỏi thêm một nét lỗ bịch nữa vào những hình mỏ neo lỗ bịch thêu trên bộ đồ tắm của

cậu. Tôi đã cho cậu mượn một cuốn sách của Bergotte, giờ tôi cần nó. Hãy bảo cái tay trưởng bồi bàn có cái tên buồn cười và chẳng thích hợp tí nào ấy mang lại cho tôi trong vòng một tiếng nữa, tôi chắc giờ này hẳn chưa ngủ đâu. Cậu làm tôi thấy ra là hôm qua mình đã nói quá sớm với cậu về những nét quyến rũ của tuổi trẻ, giá tôi cảnh báo cậu về sự đại dột, sự thiếu hiểu biết và những khinh suất của nó thì chắc giúp ích cho cậu hơn. Cậu à, tôi hy vọng cú tráng mình bằng vôi hoa sen này sẽ không kém bổ dưỡng đối với cậu so với buổi tắm biển sáng nay. Nhưng kìa, đừng đứng im như thế, cậu có thể nhiễm lạnh đấy. Thôi chào cậu.”

Hẳn là ông thấy ân hận về những lời ấy vì ít lâu sau tôi nhận được cuốn sách ông đã cho tôi mượn mà tôi đã nhờ người mang trả lại, không phải là tay Aimé lúc ấy “ra ngoài” mà là người phụ trách thang máy; bản này được đóng bìa “ma rô canh” trên mặt trước có lồng một mảnh da thuộc khắc nổi hình một nhánh hoa lưu ly.

Ông De Charlus đi rồi, Robert và tôi, rốt cuộc, mới có thể đến ăn tối ở nhà Bloch. Trong những cuộc hội hè nhỏ này, tôi hiểu ra rằng những giai thoại mà anh bạn của chúng tôi dễ dàng coi là buồn cười đến thế chính là những truyện kể của ông Bloch-bố trong đó nhân vật “rất chi là kỳ lạ” bao giờ cũng là một trong những người bạn của ông mà ông nhận định theo cách đó. Có một số người mà hồi bé ta ngưỡng mộ - một ông bố dí dỏm hơn những người khác trong gia đình, một ông giáo sư vì khai tâm cho ta về siêu hình học nên khiến ta nhìn ông cao siêu hơn, một bạn học

tiến bộ hơn ta (Bloch là thế đối với tôi) biết coi khinh Musset của “Hy vọng đặt nơi Chúa*” trong khi chúng ta còn yêu ông, nhưng khi chúng ta đến với Leconte hay Claudel, thì lại chỉ nắc nỏm với một số câu của Musset*.

Khi ta ngưỡng mộ một ai đó thì với lòng ái mộ ấy, ta nhặt, ta dẫn những đoạn kém xa những gì mà nếu trong sáng tác của chính mình, ta ắt sẽ nghiêm khắc gạt bỏ, giống như trường hợp một nhà văn, lấy có đó là những chi tiết “có thật”, sử dụng trong một tiểu thuyết những “ngôn từ” và nhân vật mà trái lại, đặt trong tổng thể sống động, chúng chỉ tạo nên trọng lượng chết, phần xoàng xĩnh. Những chân dung “tự họa” của Saint-Simon thật đáng ngưỡng mộ mặc dù chắc hẳn ông không viết chúng với tinh thần tự ngưỡng mộ mình, còn những nét ông dẫn từ những người thông tuệ ông quen biết xem như lời hay ý đẹp thì vẫn là tầm thường hoặc trở nên khó hiểu. Ông ắt không bịa khi kể lại những lời tinh tế hay đầy màu sắc đến thế của Madame Cornuel* hay của vua Louis XIV, và chẳng đó là một điểm có thể nhận thấy ở nhiều người khác và bao gồm nhiều cách lý giải khác nhau trong đó tạm thời chỉ cần nhớ điều sau đây: trạng thái trí tuệ lúc ta “quan sát” thấp hơn nhiều so với tâm cao khi ta sáng tạo.

Vậy là lọt vào bên trong anh bạn đồng môn Bloch của tôi, có một ông Bloch-bố lạc hậu đến bốn chục năm so với con trai, ông ta kể những giai thoại kỳ cục và lấy thế làm khoái chí cười khanh khách bên trong bạn tôi chẳng khác gì ông bố thật bên ngoài, bởi chung hể ông này cất tiếng cười đồng thời không quên lặp lại hai ba lần đoạn kết để cử

tọa thường thức trọn vẹn câu chuyện, là y như rằng cậu con trai hòa nhịp cười ầm ĩ của mình vào để chào đón những chuyện ông bố kể tại bàn ăn. Như vậy, sau khi nói những điều cực kỳ thông minh, Bloch-con, biểu tỏ những gì tiếp nhận được từ gia đình, kể cho chúng tôi nghe tới lần thứ ba mươi một số chuyện “tử” mà Bloch-bố chỉ “xuất chiêu” (cùng lúc với chiếc áo đuôi tôm của ông) vào những ngày long trọng khi Bloch-con đưa về một nhân vật nào đó bổ công làm cho lóa mắt: một trong những giáo sư của anh ta, một bạn “cánh hẩu” đoạt tất cả các giải, hoặc như tối nay, có Saint-Loup và tôi. Chẳng hạn như: “Một nhà bình luận quân sự cự phách đã suy luận một cách bác học, với chứng cứ làm bằng vì sao trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật, người Nhật thua và người Nga thắng*” hoặc giả: “Đó là một con người lỗi lạc, trong giới chính trị thì nổi tiếng là một nhà tài chính lớn và trong giới tài chính thì nổi tiếng là một nhà chính trị lớn”. Những câu chuyện kiểu ấy có thể hoán đổi chủ thể cho nhau, chuyện này nói về nam tước De Rothschild, chuyện kia về ngài Rufus Israël, những nhân vật được đưa lên sân khấu một cách lập lòe khiến người ta có thể hiểu là đích thân ông Bloch quen biết họ.

Chính tôi cũng mắc lỗi: theo cái cách ông Bloch-bố nói về Bergotte, tôi cũng ngỡ đó là một trong những bạn cố tri của ông. Vậy mà tất cả những nhân vật nổi tiếng đó, ông Bloch chỉ biết họ “mà không quen” do nhìn thấy họ từ xa, trong nhà hát hay trên phố. Vả chẳng ông tưởng tượng rằng họ không lạ gì gương mặt của chính ông, tên ông, nhân cách ông, và khi thấy ông, họ thường phải dẫn lòng

đẹp một thoáng ý muốn chào hỏi ông. Những người trong xã hội giao tế có thể quen biết những người tài năng, độc đáo, mời họ đến tiệc tùng, nhưng không vì thế mà hiểu họ hơn. Nhưng khi ta đã sống ít lâu trong xã hội giao tế, thì sự ngu ngốc của những người trong giới đó khiến ta quá ư mong muốn được sống trong những môi trường âm thầm ở đó người ta chỉ biết nhau “mà không quen”, ở đó người ta dễ dàng nhìn ra sự thông minh vì đã quá ư chờ đợi nó. Tôi sẽ nhận ra điều ấy khi nói về Bergotte. Ông Bloch không phải là người duy nhất thành công tại nhà mình. Anh bạn học của tôi càng thành công hơn bên các cô em gái mà anh ta không ngừng gặt gồng trong khi cắm mặt vào đĩa thức ăn, do vậy khiến họ cười chảy nước mắt. Họ cũng đã chọn theo cái biệt ngữ của ông anh mà họ nói thông thạo như thể nó là ngôn ngữ bắt buộc và duy nhất mà những người thông minh có thể sử dụng. Khi chúng tôi tới, cô lớn bảo một trong các cô em: “Em đi báo cho ông bố thận trọng và bà mẹ tôn kính của chúng ta đi.” - “Này lũ nữ cẩu, Bloch nói với họ, anh giới thiệu với mấy em kị sĩ Saint-Loup, người phóng lao như tia chớp, từ Doncier tới thăm vài ngày, Doncier vùng có những ngôi nhà đá nhẵn và ê hề ngựa.” Vì là người vừa có học vừa thô phàm, anh ta quen lệ thường kết thúc bài diễn từ của mình bằng một câu đùa kém hào hùng hơn: “Này, khéps cái áo cánh có khuy cài đẹp của các cô lại một tí, làm gì mà rộn cả lên thế? Dù sao đây đâu phải bố tôi*!” Thế là các cô tiểu thư Bloch cười lăn cười lóc. Tôi nói với Bloch là anh ta đã cho tôi biết bao niềm vui khi khuyên tôi đọc Bergotte, tác giả tôi yêu thích.

Ông Bloch-bố, vốn chỉ biết Bergotte từ xa và về cuộc đời của nhà văn này qua những câu chuyện vỉa hè, có một cách làm quen cũng gián tiếp như thế với các tác phẩm của nhà văn nhờ những nhận định có vẻ là văn học. Ông sống trong thế giới của những “suýt-soát-gần-tới” ở đó người ta chào suýt vào khoảng không, nhận định trên cơ sở giả tạo. Ở đây sự thiếu chính xác, năng lực bất túc không làm giảm sự tự tin, mà trái lại. Lòng tự ái tác động như một sự tốt lành: bởi chung ít ai có được những quan hệ chói sáng và kiến thức uyên thâm, nên những người thiếu những cái đó vẫn tưởng mình được phần hơn, vì nhãn quan tầng bậc xã hội khiến họ dù ở vị trí nào cũng thấy đó là tốt nhất, coi những người khác là không được ưu đãi bằng mình, kém may mắn và đáng thương hại, kể cả những người cao sang nhất mà họ chỉ danh, vu khống mà không hề quen biết, phán xét và coi khinh mà không cần hiểu người ta như thế nào. Ngay cả trong trường hợp lòng tự ái dù đã phóng đại những lợi thế cá nhân nhỏ bé lên vẫn không đủ để đảm bảo khẩu phần hạnh phúc cần thiết cho họ - lớn hơn phần của người khác - thì đã có lòng ganh ghét để bù lấp vào. Đã đành rằng nếu lòng ganh ghét thể hiện bằng những lời ngạo mạn thì phải dịch “Tôi không muốn quen với anh ta” thành “Tôi không cách nào quen được với anh ta”. Đó là theo nghĩa lý trí thôi, còn về tình cảm, vẫn phải hiểu là “Tôi không muốn quen với anh ta”. Ta biết thế là không thật, tuy nhiên ta nói thế không phải đơn thuần là xảo thuật, mà vì ta cảm thấy thế, và điều đó đủ để xóa bỏ khoảng cách thiếu hụt, nghĩa là đủ cho hạnh phúc của ta.

Thói duy ngã trung tâm, như vậy, cho phép mỗi con người thành một vị vua nhìn vũ trụ sắp xếp bên dưới mình. Ông Bloch tự cho phép mình vào vai một quân vương khắc nghiệt: buổi sáng, vừa uống ly sô cô la vừa liếc thấy cái tên Bergotte ký dưới một bài trong tờ báo mới, ông khinh khỉnh lướt nhanh, “thăng đường” ngắn gọn, “tuyên án” và khoái trá lặp đi lặp lại giữa mỗi ngụm sô cô la nóng bỏng: “Cái tay Bergotte này trở nên không thể đọc nổi nữa rồi! Sao mà chán thấy mồ! Khiến người ta muốn thôi không đặt mua báo dài hạn nữa. Dây cà ra dây muống! Rườm rà!” Và lại làm một khoanh bánh mì bơ nữa.

Cái ảo tưởng tự cho mình là quan trọng ấy của ông Bloch-bố còn có phần vượt ra quá phạm vi cảm nhận của chính ông. Trước hết các con ông coi ông là một con người thượng đẳng. Con cái thường có khuynh hướng, hoặc gièm pha, hoặc ca ngợi cha mẹ và đối với một cậu con trai ngoan, bố mình bao giờ cũng là ông bố ưu tú nhất, thậm chí ngoài cả mọi lý do khách quan để ngưỡng mộ ông. Mà trong trường hợp ông Bloch thì những lý do khách quan này tuyệt nhiên không thiếu: ông là người có học vấn, tinh tế, yêu thương vợ con. Những người thân cận nhất với ông trong gia đình càng yêu thích ông vì, nếu như *ngoài* “xã hội” người ta nhận định theo một quy chuẩn phi lý và những quy tắc sai lầm nhưng cố định, so với toàn thể những người thanh lịch khác, thì ngược lại, trong đời sống trung lưu hiện phân nhỏ ra, những bữa dạ tiệc, những tối vui gia đình xoay quanh những con người được coi là dễ chịu, làm vui mọi người nhưng trong giới giao tế thì không

trụ được hai ngày. Sau rốt, trong cái môi trường phân nhỏ này, nơi những “số đo” giả tạo của giới quý tộc không tồn tại, người ta thay chúng bằng những phân biệt còn ngớ ngẩn hơn. Cho nên trong gia đình, cho tới cả những người bà con rất xa, người ta gọi ông Bloch là “công tước D’Amale giả” vì cho rằng sống mũi và cách để ria của ông giống “nguyên mẫu”*. (Trong đám bồi phục vụ câu lạc bộ, một gã đội mũ cát-két lệch và siết thật chặt áo va-roi để ra vẻ một sĩ quan nước ngoài - gã tưởng thế - đó chẳng phải là một cách lên mặt với các đồng nghiệp sao?)

Sự giống nhau ấy chỉ là rất mơ hồ, nhưng xem ra người ta đã xem nó như một tước hiệu. Người ta hỏi lại: “Bloch? Bloch nào? Cái ông công tước D’Amale ấy ư?” Giống như người ta nói: “Công chúa Murat nào? Nữ hoàng (thành Naples*) ấy ư?” Một số dấu hiệu cực nhỏ khác hoàn tất việc tô điểm cho ông một nét gọi là cao sang trong mắt họ hàng. Chưa đến độ sắm một cỗ xe nhà, ông Bloch thỉnh thoảng thuê một chiếc *victoria* song mã mui trần, rong chơi qua rừng Boulogne, uể oải nằm ngả nằm nghiêng, hai ngón tay chống thái dương, hai ngón khác chống cằm, và nếu những ai không biết ông thấy vậy có thể cho ông là “kẻ rách việc”, thì trong dòng họ, mọi người đều tin rằng về mặt ăn chơi đài các thì bác Salomon nhà ta còn có thể chỉ bảo cho Gramont-Caderousse* đôi điều. Ông thuộc loại người khi qua đời được mô tả trong chuyên mục thời luận đời sống phần hoa của *Le Radical** như là “một gương mặt rất quen thuộc với người Paris” vì đã có lần ăn cùng bàn với chủ bút của tờ báo đó trong một tiệm ăn đường phố.

Ông Bloch nói với Saint-Loup và tôi rằng Bergotte biết rõ tại sao ông, Bloch đây, không chào ông ta, rằng hễ thấy ông ở nhà hát hay ở câu lạc bộ, là ông ta lẩn tránh cái nhìn của ông. Saint-Loup đỏ mặt, vì anh nghĩ câu lạc bộ ấy không chắc là câu lạc bộ Jockey mà cha anh đã từng là chủ tịch. Mặt khác, đó hẳn là một câu lạc bộ tương đối khép kín vì ông Bloch đã nói rằng từ giờ Bergotte không được chấp nhận ở đó nữa. Cho nên, khi Saint-Loup hỏi đó có phải cái câu lạc bộ ở phố Royale bị gia đình anh cho là “hạ cấp”, trong đó có một số thành viên Do Thái hay không, anh vẫn phấp phỏng sợ là mình “đánh giá thấp đối thủ”.

“Không,” ông Bloch đáp, vẻ ơ hờ, vừa kiêu hãnh vừa hổ thẹn, “đó là một câu lạc bộ nhỏ nhưng dễ chịu hơn cái câu lạc bộ kia nhiều, câu lạc bộ Những Kẻ Bất Tài*. Ở đây, chúng tôi tuyển chọn rất ngặt nghèo.”

“Chẳng phải Sir Rufus Israels đã là chủ tịch ở đó sao?” Bloch hỏi để cung cấp cho bố cơ hội xuất chiêu một lời nói dối danh giá, không hề ngờ rằng nhà tài chính này, trong mắt Saint-Loup không có uy tín lớn như đối với anh ta. Thực ra, ở câu lạc bộ Những Kẻ Bất Tài, làm gì có Sir Ruhis Israël, mà chỉ có một nhân viên của ông thôi. Nhưng nhân viên này được chủ rất tin cậy nên có quyền sử dụng danh thiếp của nhà tài chính; anh ta cho ông Bloch một tấm mỗi khi ông này đi tàu lửa trên một tuyến đường dưới sự quản lý của Sir Rufus, điều đó khiến Bloch-bố huênh hoang: “Tôi sẽ qua bên câu lạc bộ xin ngài Rufus giới thiệu”. Và tấm danh thiếp cho phép ông lòe các “sếp tanh”. Các tiểu thư nhà Bloch quan tâm đến Bergotte hơn và quay trở lại hỏi về

ông thay vì tiếp tục đề tài “Những Kẻ Bất Tài”, cô em út hỏi bằng giọng nghiêm túc nhất trên đời, bởi cô tin rằng để nói về những người tài năng thì không có cách nào khác ngoài việc sử dụng từ vựng của ông anh trai: “Cái ông Bergotte có phải là một tay quái kiệt không? Có vào loại đại cự sự như Villiers và Catulle* không?” - “Tôi có gặp ông ta tại mấy cuộc công diễn,” ông Nissim Bernard nói. “Ông ta vựng về, đó là một thứ Schlemihl*.” Việc nhắc tới tác phẩm của bá tước Chamisso là chuyện bình thường thôi, nhưng cái tính ngữ “Schlemihl” thuộc về cái thổ ngữ nửa Đức, nửa Do Thái, việc dùng nó khiến ông Bloch vui sướng trong phạm vi gia đình, nhưng lại thấy nó dung tục và lạc lõng trước người lạ. Cho nên, ông nghiêm khắc lườm ông chú vợ.

“Ông ta có tài,” Bloch nói.

“À, ra thế,” cô em nghiêm trang đáp như muốn nói: trong trường hợp ấy, em có thể được miễn thứ.

“Tất cả các nhà văn đều có tài,” ông Bloch-bố nói, vẻ khinh bỉ.

“Thậm chí,” con trai ông tiếp lời, vung chiếc đĩa và nheo mắt với một vẻ mỉa mai quỷ quái, “hình như ông ta sắp ứng cử vào Viện Hàn lâm nữa.”

“Thôi đi, ông ta không đủ hành trang kiến thức,” ông Bloch-bố đáp, xem ra ông không coi khinh Viện Hàn lâm như con trai và các con gái mình. “Ông ta không có tầm cỡ cần thiết.”

“Vả chẳng, Viện Hàn lâm là một *salon*, và ông ta đâu có uy tín gì,” ông chú của Madame Bloch tuyên bố, ông này là một nhân vật vô hại và hiền lành có của để lại mà có lẽ chỉ

riêng cái họ Bernard của ông đã đánh thức năng khiếu chẩn bệnh của ông rồi, nhưng chưa đủ để hài hòa với một gương mặt tựa như được mang về từ lâu đài của triều vua Darius và được Madame Dieulafoy* tái tạo lại, nếu một bậc tài tử, với ý muốn hoàn tất gương mặt ngàn xưa ấy bằng một nét Đông phương, không thêm vào đó cái tên Nissim, tạo ra bên trên gương mặt hình ảnh đôi cánh xòe rộng của thần bò tót đầu người từ Khorsabad*.

Nhưng ông Bloch không ngừng xúc phạm ông chú vợ, hoặc do tính hiền hậu không biết tự vệ của người bị ông bắt nạt kích thích ông, hoặc vì, tuy ông Nissim Bernard trả tiền thuê biệt thự và ông là người được hưởng lợi, ông muốn tỏ ra mình vẫn giữ tính độc lập và nhất là không tìm cách dùng lời ngon ngọt bợ đỡ để bảo đảm chắc chắn quyền thừa kế sắp tới từ ông phú hộ. Ông này phát ý nhất là bị đối xử thô lỗ thế trước mặt viên quản gia. Ông làu bàu một câu lí nha lí nhí trong đó chỉ nghe được mấy chữ “Khi mà bọn Meschorès có mặt ở đó”. Meschorès trong Kinh Thánh chỉ đầy tớ của Chúa. Giữa họ với nhau, các thành viên gia đình Bloch dùng từ đó để chỉ đám gia nhân và bao giờ cũng lấy thế làm vui thích vì biết chắc là cả những người Cơ đốc giáo lẫn đám gia nhân đều không hiểu, điều đó tôn thêm ở ông Nissim Bernard và ông Bloch cái biệt tính kếp vừa là “chủ” vừa là “Do Thái”. Nhưng cái nguyên nhân thỏa mãn thứ hai này lại trở nên một nguồn cơn để bực mình khi nhà có khách. Lúc ấy, nghe thấy ông chú vợ nói “Meschorès”, ông Bloch thấy là ông ta để cái khía cạnh Đông phương của mình lộ ra quá rõ, giống như một ả giăng

há, tiếp một số “đồng nghiệp” cùng lúc với những người chỉn chu, thấy khó chịu nếu những ả này nói gần nói xa đến nghề của mình hay thốt ra những từ bất nhã. Cho nên, chẳng những yêu cầu của ông chú vợ không có tác dụng gì với ông, mà nó còn làm ông lộn ruột, không tự kiểm chế được nữa. Ông không bỏ qua một cơ hội nào nữa để xỉ vả ông chú tội nghiệp: “Dĩ nhiên, khi có cơ hội để xổ ra một lời ngu xuẩn rỗng tuếch, chắc chắn là chú không bỏ lỡ rồi. Chú ắt sẽ là người đầu tiên liếm chân ông ta*, nếu ông ta có mặt ở đây”, ông Bloch nói lớn trong khi ông Nissim Bernard buồn xịu nghiêng bộ râu “có đốt” của vua Sargon* trên đĩa thức ăn. Anh bạn đồng môn của tôi, từ khi để râu (cũng xoắn tít và phon phốt xanh), nom rất giống ông già mà anh ta gọi là ông-chú. “Sao, cậu là con trai của hầu tước De Marsantes? Tôi biết ông cụ lắm mà,” ông Nissim nói với Saint-Loup. Tôi nghĩ ông nói “biết” theo cái nghĩa ông bố của Bloch nói “biết” Bergotte, nghĩa là “đã nhìn thấy”. Nhưng ông nói thêm: “Cha cậu là một trong những người bạn tốt của tôi.” Trong khi đó, Bloch đỏ dừ mặt, ông bố anh ta có vẻ phật ý sâu sắc, còn các tiểu thư nhà Bloch thì cười đến nghẹt thở. Là vì cái sở thích phô phang nơi ông Nissim, bị kiểm chế nơi ông Bloch-bố và các con ông, đã đẻ ra cái thói quen thường xuyên nói dối. Chẳng hạn, mỗi khi đi du lịch, ở khách sạn, ông Nissim Bernard - như ông Bloch-bố chắc cũng có thể làm vậy - sai anh hầu phòng riêng mang tất cả báo đến phòng ăn cho ông giữa bữa trưa, khi tất cả đều tụ tập, để mọi người thấy ông đi du lịch cũng mang theo hầu phòng. Nhưng với những người ông kết giao

ở khách sạn, ông khoe mình là thượng nghị sĩ - điều mà ông cháu không bao giờ làm. Dù biết chắc chắn là một ngày kia, người ta sẽ biết là ông mạo xưng, vào chính lúc đó, ông không thể cưỡng nổi nhu cầu nhận xằng ấy. Ông Bloch rất khổ tâm vì những lời nói xạo của ông chú vợ và những phiền toái chúng gây ra cho ông. “Đừng có để ý, ông ấy cực kỳ hay nói lỡm đớ,” ông rỉ tai Saint-Loup, anh này vì thế càng quan tâm hơn vì anh rất muốn biết tâm lý những người nói dối. “Còn phét lác hơn cả Odysseus ở đảo Ithaque mà nữ thần Athéné* đã gọi là kẻ đại ngôn nhất của loài người”, anh bạn Bloch của tôi nói thêm.

“A! Thật thú vị!” ông Nissim Bernard kêu lên, tôi không ngờ có dịp ngồi ăn tối cùng con trai ông bạn của tôi! Ở Paris, tôi có một tấm ảnh của cha cậu và không biết bao nhiêu thư từ của ông ấy. Không biết tại sao bao giờ ông ấy cũng gọi tôi là “chú của tôi”. Đó là một con người đáng yêu, sáng láng. Tôi nhớ một bữa tiệc tối ở nhà tôi, tại Nice, có Sardou, Labiche, Augier*...”

“Molière, Racine, Corneille,” ông Bloch-bố mỉa mai tiếp lời và con trai ông hoàn tất danh sách bằng những cái tên: Plante, Ménandre, Kalidasa*”.

Ông Nissim Bernard, bị tổn thương, đột ngột ngừng câu chuyện và câm như hến cho đến hết bữa, khổ hạnh tự tước đi một niềm vui thú lớn.

“Saint-Loup-giáp-sắt-mũ-đồng,” Bloch nói, “hãy dùng thêm một chút cái món thịt vịt đùi ngậy mỡ này, biết bao vang đỏ đã tưới trên đó.”

Thông thường, sau khi đã trở ra những truyện “tủ” về

ngài Rufus Israels để gây ấn tượng với một khách quý của con trai, cảm thấy mình đã khiến con trai cảm kích, ông Bloch bèn rút lui để khỏi làm “suy giảm hình ảnh của mình” trước con mắt “đám trẻ”. Tuy nhiên, nếu có một lý do đặc biệt quan trọng, chẳng hạn như con trai ông trúng tuyển thạc sĩ, ông Bloch sẽ thêm vào cái chuỗi giai thoại thường lệ một suy ngẫm mà ông dành cho các bạn của chính ông, mà Bloch-con cực kỳ hãnh diện khi thấy ông phát biểu trước bạn bè mình: “Chính phủ thật quá đáng, không thể tha thứ được! Họ không thèm thỉnh vấn ông Coquelin*! Ông Coquelin đã cho biết là ông không hài lòng.” (Ông Bloch tự đắc là mình chống đối và khinh thường giới sân khấu).

Nhưng các tiểu thư nhà Bloch và người anh trai thì đổ mặt đến tận mang tai vì họ rất cảm kích khi ông Bloch, để tỏ rõ phong thái vương giả đến cùng với hai “labaden*” của con trai, sai người mang sâm banh tới và làm ra vẻ ơ hờ thản nhiên thông báo rằng để “thết” chúng tôi, ông đã lấy ba vé hạng “phô-tôi*” xem một đoàn opéra hài trình diễn ở Casino ngay tối hôm ấy. Ông lấy làm tiếc không lấy được vé “lô”, vì đã bán hết. Vả lại, ông đã thử nhiều lần, ngồi gần dàn nhạc vẫn hơn. Có điều, nếu khuyết điểm của cậu con trai - nghĩa là cái mà con trai ông tưởng là không nhìn thấy - là sự thô tục, thì thói tật của ông bố là hà tiện. Cho nên cái thứ rót ra mời khách từ một cái chai dưới danh nghĩa sâm banh chỉ là một loại vang sủi bọt bình thường và dưới chiêu bài “phô-tôi dàn nhạc” chỉ là vé ngồi đằng sau đó, rẻ bằng một nửa, mà do sức thuyết phục thần diệu của thói hà

tiện, ông định ninh rằng cả ở bàn ăn lẫn trong rạp hát (tất cả các “lô” đều trống không), không ai phát hiện ra sự khác biệt. Sau khi để chúng tôi nhấp môi vào những chiếc cốc bột mà con trai ông gọi bằng cái tên mỹ miều là “miệng núi lửa hai bên sườn khoét sâu”, ông cho chúng tôi chiêm ngưỡng một bức tranh mà ông mang theo mình như một báu vật đến Balbec. Ông bảo đó là một tác phẩm của Rubens. Saint-Loup thật thà hỏi tranh có ký tên không, ông Bloch đỏ mặt đáp rằng ông đã cho cắt bỏ chỗ có chữ ký cho vừa khung, song điều đó không quan trọng bởi ông không có ý định bán. Rồi ông vội vàng cho chúng tôi lui để vùi đầu vào tờ *Công báo*; nhà ông ngổn ngang những số *Công báo* và “vị thế của ông trong Nghị viện” khiến ông cần phải đọc chúng - là ông nói thế thôi, chứ đích xác cái vị thế ấy là gì thì ông chẳng minh thị cho chúng tôi rõ. “Để mình đi lấy cái khăn quàng cổ,” Bloch bảo chúng tôi, “vì thần gió Tây và thần gió Bắc đang tranh chấp dữ dội vùng biển đầy cá và nếu nấn ná một chút sau buổi biểu diễn, ta sẽ chỉ về đến nhà cùng lúc với những ánh hùng đầu tiên của Êô^s-Ngón-Tay-Hồng.”

“Nhân tiện xin hỏi,” Bloch nói với Saint-Loup khi chúng tôi đã ra khỏi nhà hát (và tôi thấy run sợ vì hiểu rằng với cái giọng mỉa mai này, ý nhằm nói đến ông De Charlus), “cái tay bù nhìn trứ danh trang phục đen tôi thấy anh dẫn đi dạo trên bãi biển sáng hôm kia là ai vậy?”

“Đó là ông chú tôi,” Saint-Loup, chạm tự ái, đáp.

Khốn thay, xem ra Bloch còn lâu mới hiểu một “lời nói hớ” là điều nên tránh. Y cười ngặt nghẽo. “Xin hết lời chúc

mừng, lẽ ra tôi đã phải đoán ra, ông ấy thật oách với cái dung mạo lão nhi lắm cảm thương thặng.”

“Anh nhầm to, ông ấy cực kỳ thông minh,” Saint-Loup giận dữ đáp trả.

“Tôi rất lấy làm tiếc vì nếu thế ông ta sẽ kém hoàn hảo. Vả chẳng tôi rất muốn làm quen với ông ấy vì tôi dám chắc sẽ viết được một cái gì ứng hợp với loại nhân vật như thế. Nom ông ấy đi qua mà chết cười. Tuy nhiên, tôi sẽ bỏ qua khía cạnh biếm họa của bộ mặt - xin lỗi, nó đã cho mình một bữa cười no - vì thật ra, đó là điều không đáng quan tâm đối với một nghệ sĩ yêu cái đẹp tạo hình của câu văn; và tôi sẽ làm nổi bật khía cạnh quý tộc của ông chú anh, nhìn tổng thể, nó tạo một hiệu quả chúa sùng và, một khi con cười đầu tiên qua đi, nó khiến ta ngạc nhiên bởi một phong thái thật đài các. Nhưng - y quay sang nói với tôi - có một điều thuộc loại ý niệm hoàn toàn khác từ lâu mình đã muốn hỏi cậu và mỗi lần gặp nhau, một vị thần nào đó, cư dân hạnh phúc của thiên giới, lại làm mình quên bằng không xin cậu cái thông tin lẽ ra đã, và sẽ còn, rất có ích cho mình. Chẳng hay người đàn bà đẹp mình thấy đi cùng với cậu ở Vườn Bách thảo, kèm theo một ông mà mình nhìn rất quen và một cô gái tóc dài, là ai vậy?” Madame Swann không nhớ tên của Bloch thì tôi đã thấy rõ vì bà nhắc tới y bằng một cái tên khác và nói bạn tôi làm ở một bộ nào đó, và từ bấy đến giờ tôi vẫn chưa nghĩ đến chuyện kiểm tra xem có đúng thế không. Nhưng theo như bà nói bấy giờ, Bloch đã nhờ người giới thiệu với bà, làm sao y lại có thể không biết tên bà? Tôi ngạc nhiên đến nỗi ngáy ra một lúc

không trả lời được. “Dù sao đi nữa cũng xin nhiệt liệt chúc mừng,” y nói với tôi, “cậu hẳn đã không buồn chán bên cạnh bà ấy. Mình đã gặp bà ấy mấy hôm trước trên chuyến xe lửa tuyến Vành đai. Bà ấy vui vẻ cởi mở tâm tư với tên đầy tớ của cậu đây và mình chưa bao giờ qua những khoảnh khắc tốt đẹp như thế và bọn mình đang sắp đặt để mai một gặp lại nhau thì chết thay! một người bà quen biết xông lên tàu vào ngay trạm dừng trước ga cuối.” Dường như sự im lặng của tôi không làm Bloch hài lòng. Y bảo tôi: “Mình đã hy vọng nhờ có cậu mà biết được địa chỉ của bà ấy và mỗi tuần mấy lần đến nhà bà thưởng thức những khoái cảm nhục dục ưa thích của các vị thần, nhưng mình không gắng bởi chung cậu quyết giữ bí mật cho một ả chuyên nghiệp đã ba lần liên tiếp trao thân cho mình một cách tinh tế nhất trần đời từ Paris đến Le Point-du-Jour*. Dù sao mình cũng sẽ gặp lại nàng, không tối này thì tối khác”.

Sau bữa ăn tối ấy, tôi có đến thăm Bloch và y có tới đáp lễ, nhưng tôi đi vắng. Lúc y hỏi tôi, Françoise trông thấy; thật tình cờ, tuy hồi ở Combray, Bloch có đến nhà tôi, vậy mà giờ bác mới thấy y lần đầu. Thành thử bác chỉ biết là “có một cậu quen cậu” ghé qua thăm, không rõ “nhằm mục đích gì”, ăn vận xênh xoàng, chẳng gây cho bác một ấn tượng gì lớn. Mặc dầu biết mình sẽ không bao giờ hiểu nổi một số quan niệm của Françoise về xã hội, có lẽ một phần do nhầm lẫn giữa các từ ngữ, các tên họ (một lần nhầm không ai sửa rồi cứ thế nhầm suốt) và từ lâu đã quyết không tự đặt câu hỏi trong những trường hợp ấy, tôi vẫn

không thể không tìm hiểu (tất nhiên, một cách vô ích thôi!) xem cái họ Bloch chứa đựng ý nghĩa gì to tát đối với Françoise. Bởi vì tôi vừa nói chàng trai bác nom thấy là Mr. Bloch, bác đã sững sốt lùi lại vài bước, đẩy thất vọng. “Sao kia, đấy là Mr. Bloch ư?” bác kêu lên, vẻ thất kinh, như thể một nhân vật lừng lẫy thế mà lại có một bề ngoài “khiến thiên hạ biết” ngay là mình đang đứng trước một vĩ nhân của trái đất và, theo cái cách người ta thấy ra rằng một nhân vật lịch sử không ngang tầm với danh tiếng của mình, bác nhắc đi nhắc lại bằng một giọng kinh ngạc trong đó ta cảm thấy những mầm mống nay mai sẽ làm nảy sinh một tâm lý hoài nghi tất thảy: “Sao kia, đấy là Mr Bloch ư? Chao, quả thật trông thế thì ai bảo là Mr. Bloch!” Bác có vẻ giận tôi như thể tôi đã “phóng đại” Bloch trước mắt bác. Tuy nhiên, bác vẫn hồn hậu nói thêm: “Phải, dù đó có là Mr. Bloch, cậu cũng chả kém cạnh gì, có thể nói thế”.

Không lâu sau đó, Françoise lại trải nghiệm một nỗi thất vọng - lần này thuộc một loại khác và không kéo dài - về Saint-Loup, người mà bác rất quý mến: bác được biết anh ta theo khuynh hướng cộng hòa. Vậy mà, mặc dù khi nhắc đến hoàng hậu Bồ Đào Nha chẳng hạn, bác nói với cái lối xách mé mà trong dân gian, người ta coi là biểu hiện của lòng tôn kính tối cao: “Amélie, em gái của Philippe”, Françoise vẫn là người bảo hoàng. Nhưng cái chính là một hủ tước, một hủ tước đã khiến bác cảm phục mà lại đi ủng hộ phe Cộng hòa, thì không còn là chân chính trong mắt bác nữa. Vì thế bác tỏ ra hậm hực như thể tôi đã cho bác một chiếc hộp mà bác tưởng bằng vàng nên cảm ơn rồi

rít, nhưng sau đó một người thợ kim hoàn đã vạch cho bác biết đó là đồ mỹ ký. Bác liền “thu hồi” tình cảm trọng vọng đối với Saint-Loup, nhưng không lâu sau, lại “khôi phục” lòng mến mộ như cũ, sau khi ngẫm rằng, đường đường là hầu tước De Saint-Loup, anh ta không thể theo Cộng hòa, anh chỉ giả vờ thế vì tư lợi bởi với chính phủ hiện tại, điều đó có thể mang lại lợi ích lớn cho anh. Từ hôm ấy, thái độ lạnh nhạt của bác đối với Saint-Loup, cũng như sự giận dữ đối với tôi, chấm dứt. Và khi nhắc tới Saint-Loup, bác toét miệng ra cười hồn hậu mà rằng: “Đó là một người giả dối”, khiến người ta hiểu rằng bác lại trân trọng anh như những ngày đầu và đã bỏ qua cho anh.

Thực ra, trái với bác nghĩ, sự chân thành và vô tư của Saint-Loup là tuyệt đối. Và tấm lòng rất mực thuần khiết ấy, không tự thỏa mãn hoàn toàn trong một tình cảm chỉ biết đến mình như tình yêu, mặt khác, anh không như tôi chẳng thể tìm thấy thức ăn tinh thần ở đâu khác ngoài bản thân; nó cũng khiến anh thực sự có khả năng kết bạn, điều mà tôi không có được.

Françoise cũng nhầm về Saint-Loup khi nói rằng anh chỉ có vẻ không khinh người thôi, nhưng thực ra không phải thế: cứ nhìn anh nổi cáu với người xà ích của mình thì đủ rõ. Quả thật, đã xảy ra đôi lần Robert la mắng gã một cách cục cằn, nhưng thái độ đó chứng tỏ ý thức bình đẳng giữa các giai cấp hơn là sự khác biệt giữa các giai cấp. Đáp lại những lời tôi trách anh đã hơi nghiêm khắc với gã xà ích đó, anh nói: “Nhưng tại sao tôi lại phải giả vờ nói năng lịch sự với anh ta? Anh ta chẳng ngang hàng với tôi sao? Anh ta

chẳng gần gũi tôi như các chú bác hay anh em họ của tôi sao? Anh có vẻ muốn tôi đối với anh ta một cách nể trọng, như một kẻ cấp dưới! Anh nói như một tay quý tộc ấy”, anh nói thêm, vẻ khinh thị.

Thật vậy, nếu có một giai cấp mà Saint-Loup nhìn với con mắt thành kiến và phòng ngừa, thì đó là giai cấp quý tộc, đến mức anh khó tin ở sự ưu việt của một người thuộc giới thượng lưu, trong khi lại dễ dàng tin ở phẩm chất hơn hẳn của một người bình dân. Khi tôi nhắc đến quận chúa Luxembourg mà tôi cùng bà-cô anh đã gặp, anh nói:

“Ngu xuẩn như mọi quận chúa khác thôi. Đâu như cũng có chút quan hệ họ hàng gì đó với tôi.”

Vốn có thành kiến với những người thường giao du với mình, anh ít khi lai vãng đến chốn giao tế và thái độ khinh khỉnh hoặc đối địch của anh tại đó càng khiến những người bà con thân cận thêm buồn phiền vì cuộc đàn dứu của anh với một “đào hát”, mối quan hệ mà họ kết tội là tai hại cho anh và nhất là đã phát triển ở anh một khuynh hướng xấu, khuynh hướng bài bác tất thảy, khiến anh “lầm đường lạc lối”, trong khi chờ đợi anh hoàn toàn “tha hóa”. Cho nên nhiều người nông nổi trong giới thượng lưu, khi nhắc đến cô người tình của Robert, buông lời tàn tệ không thương tiếc:

“Bọn gái điếm hành nghề giảng há, cũng như người khác làm nghề của mình - họ nói - nhưng ả này thì không! Ta không thể bỏ qua cho ả! ả đã gây quá nhiều tai hại cho một người mà chúng ta yêu mến.”

Dĩ nhiên, Saint-Loup không phải là người đầu tiên chịu

hệ lụy của tình ái. Nhưng những người khác vui chơi với tư cách là người thượng lưu, tiếp tục suy nghĩ về chính trị, về mọi sự với tư cách là người thượng lưu. Còn anh thì gia đình anh thấy là anh trở nên “chua chát”. Họ không hiểu ra rằng với nhiều chàng trai trong giới thượng lưu, thường khi chính người tình là thầy dạy thật sự của họ và những quan hệ luyến ái kiểu ấy là nhà trường đạo lý duy nhất ở đó họ được thụ giáo một văn hóa cao hơn, học được cái giá của những kiến thức vô tư và không trải nghiệm điều đó, họ sẽ vẫn mãi là kẻ đầu óc vô văn hóa, thô lỗ trong quan hệ bạn bè, không biết thế nào là dịu dàng và nhã nhặn. Ngay cả trong lớp tiện dân (về phương diện thô lỗ, nhiều khi họ rất giống giới thượng lưu), người phụ nữ, nhạy cảm hơn, tinh tế hơn, rồi việc hơn, cũng muốn tìm hiểu một số điều tế nhị, tôn trọng một số vẻ đẹp tình cảm và nghệ thuật, và dù không hiểu, vẫn đặt chúng lên trên những cái mà người đàn ông dường như khát khao hơn hết: tiền bạc, địa vị. Dù người yêu của nàng là một chàng trai hay lui tới chốn xã giao như Saint-Loup hay một công nhân trẻ (ngày nay, người ta kể thợ điện, chẳng hạn, vào hàng quý phái thực sự), anh ta cũng ngưỡng mộ và tôn trọng nàng tới mức sẵn sàng mở rộng những tình cảm ấy sang những gì mà chính nàng ngưỡng mộ và tôn trọng; và điều đó khiến thang giá trị của anh ta hoàn toàn đảo ngược. Là nữ giới, yếu đuối, nàng bị những rối loạn thần kinh không rõ vì đâu mà nếu ở một người đàn ông, thậm chí ở một người đàn bà khác - cô, dì hay chị em họ của anh ta - ắt chỉ khiến chàng trai cường tráng này cười khẩy. Nhưng anh ta không thể nhìn người

mình yêu đau đớn. Khi một chàng trai quý tộc như Saint-Loup có người tình, anh ta đâm có thói quen, mỗi lần đưa nàng đi ăn tối ở nhà hàng, đều mang sẵn trong túi lọ *Valérianate** phòng khi nàng cần đến, quyết liệt và nghiêm túc không chút giấu cợt ra lệnh cho gã bồi phải chú ý đóng cửa khế khàng, không được để khăn *mút* ẩm lên bàn ăn để tránh cho bạn gái của anh những cơn “khó ở” mà bản thân anh không bao giờ cảm thấy nhưng là thành tố của một thế giới huyền bí mà nàng đã dạy anh tin là có thật, những cơn “khó ở” mà giờ đây anh không cần phải trải nghiệm vẫn thấy thương cảm và thậm chí sẽ vẫn thương cảm khi người thấy “khó ở” không phải là nàng. Giống như những thầy tu đầu tiên thời Trung cổ truyền đạo cho giáo dân, người tình của Saint-Loup dạy cho anh biết thương loài vật vì nàng rất yêu chúng - nàng không bao giờ đi xa mà không mang theo chú chó, bầu bạch yến và vệt của mình. Saint-Loup săn sóc chúng như mẹ chăm con và gọi những người đối xử không tốt với loài vật là đồ súc sinh. Mặt khác, người đàn bà hiện chung sống với anh, dù là nữ diễn viên thực thụ hay chỉ được gọi là thế, dù thông minh hay không - điều này tôi không biết - do khiến anh thấy buồn chán khi ở bên những phụ nữ thời lưu và coi “nghĩa vụ” phải đến dự một dạ hội như một thứ lao động khổ sai, đã ngăn anh không mắc phải thói đua đòi thời thượng và chữa cho anh khỏi bệnh phù phiếm. Nếu như nàng khiến những quan hệ thời lưu chiếm bớt chỗ đi trong đời sống của anh, thì bù lại, nàng đã dạy cho anh đưa cái cao quý và tinh tế vào những quan hệ bạn bè mà nếu anh chỉ là một kẻ thường lui tới các *salon*, chúng

ắt sẽ bị chi phối bởi tình phù hoa và vụ lợi, điểm thêm dấu ấn của thô kệch. Với bản năng của phụ nữ, biết đánh giá đúng hơn ở đàn ông một số phẩm chất nhạy cảm mà người tình của nàng, nếu không nhờ nàng, có lẽ sẽ không nhìn ra hoặc chế giễu, nàng luôn nhanh chóng nhận ra trong số bạn bè của Saint-Loup ai là người thật sự yêu mến anh, và do đó, ưu ái người ấy hơn mọi người khác. Nàng biết cách buộc anh phải cảm thấy và bày tỏ lòng biết ơn đối với người ấy, hướng anh nhận biết những điều làm mình vui thích, cũng như những điều làm mình đau buồn. Và chẳng bao lâu, Saint-Loup, không cần để nàng nhắc nhở, bắt đầu quan tâm đến mọi điều đó; và ở Balbec, vốn không phải là nơi thường trú của nàng, anh cũng ân cần đối với tôi - người mà nàng chưa bao giờ gặp và thậm chí có lẽ cũng chưa hề được nhắc tới trong những lá thư anh gửi cho nàng - anh tự mình đóng cửa sổ cỗ xe chở tôi, đẹp những bông hoa có thể làm tôi nôn nao và khi phải chào tạm biệt nhiều người cùng một lúc, anh lựa cách lần lượt chia tay với những người khác sớm hơn một chút để sau rốt ở lại một mình với tôi, thể hiện sự khác biệt giữa tôi và họ, khẳng định lòng ưu ái đối với tôi. Người tình của anh đã mở mang cho đầu óc anh tiếp nhận cái không-nhìn-thấy-được, nàng đã khiến anh biết sống nghiêm túc, đặt vào tim anh những điều tế nhị, nhưng gia đình anh không sao hiểu được điều đó mà chỉ lải nhải qua hàng nước mắt: "Cái con ăn mày ấy đến giết nó mất thôi và trong khi chờ đợi, đang làm ô danh nó."

Quả thật là anh đã thôi không còn hưởng tất cả những gì

tốt đẹp nàng có thể cho anh và giờ đây, nàng chỉ là nguyên nhân khiến anh không ngừng đau khổ vì nàng đã ghê tởm anh và giày vò anh. Một ngày đẹp trời, nàng bắt đầu thấy anh ngu si và lỗ bịch vì các bạn nàng trong số tác giả và diễn viên trẻ cam đoan với nàng rằng anh quả là thế, và đến lượt mình, nàng lặp lại những gì họ nói một cách say sưa không chút dè dặt, cái cách người ta thường tỏ ra mỗi khi tiếp nhận từ bên ngoài và chọn theo những ý kiến hoặc tập quán hoàn toàn xa lạ với mình. Như những người bạn diễn viên ấy, nàng tuyên bố cái hố ngăn cách giữa nàng và Saint-Loup là không thể vượt qua vì họ thuộc loại khác nhau, nàng là một trí thức, còn anh ta, dù mao xung thế nào, bẩm sinh vẫn là kẻ thù của thông minh. Nàng thấy quan điểm này là sâu sắc và kiểm nghiệm nó qua những lời lẽ vô nghĩa nhất cùng từng cử chỉ nhỏ của người tình. Nhưng khi cũng vẫn những người bạn ấy lại dẫn thêm thuyết phục nàng rằng cái sự cặp kè chẳng mấy hợp với nàng thế này đang hủy hoại “những hy vọng lớn” người ta đặt ở nàng - là họ nói thế rằng rốt cuộc cái kém cỏi của gã người tình sẽ lây sang nàng, rằng cứ sống với hắn, nàng sẽ làm hỏng tương lai nghệ sĩ của mình, thì cùng với khinh bỉ, nàng còn căm hận Saint-Loup như thể anh một mực muốn truyền cho nàng một căn bệnh chết người vậy. Dù đã giảm đến mức tối thiểu những lần gặp anh, nàng vẫn nấn ná trì hoãn giờ phút đoạn tuyệt dứt khoát, điều mà tôi không mấy tin là sẽ xảy ra. Vì nàng, Saint-Loup chịu những hy sinh lớn lao đến nỗi, trừ phi nàng là bậc tuyệt sắc giai nhân (anh không bao giờ chịu cho tôi xem ảnh, mà chỉ bảo: “Cô ấy

không đẹp, lại không ăn ảnh, và lại đây là những bức tôi chụp nhanh bằng chiếc Kodak, có thể sẽ khiến anh hình dung không đúng về cô ấy.”) ắt khó kiếm ra người đàn ông thứ hai thật tình làm những hy sinh tương tự. Tôi không nghĩ rằng, ngay cả đối với một ả hạng tầm tầm, một ý ngông cuồng muốn nổi danh, dù chẳng có tài năng gì mà chỉ được lời khen láo cá nhân của một số người có uy tín đối với ả (và chẳng, đây có lẽ không phải là trường hợp người tình của Saint-Loup) lại có thể là động cơ thúc đẩy mạnh hơn niềm vui thích kiếm được tiền. Saint-Loup, không hiểu rõ những gì diễn ra trong tư tưởng người tình, không tin là nàng hoàn toàn chân thành trong cả những oán trách bất công lẫn những thể nguyên yêu đương suốt đời, tuy nhiên vào một số thời điểm, anh có cảm giác rằng nàng sẽ cắt đứt khi có thể, và do vậy, hẳn là với động lực của bản năng bảo toàn tình yêu vốn sáng suốt hơn bản thân Saint-Loup, lại sử dụng một cách làm khéo léo kết hợp nơi anh với những xung động cao cả nhất và mù quáng nhất của con tim, anh không chịu lập cho nàng một vốn riêng, mà vay một khoản tiền lớn để nàng không thiếu một thứ gì nhưng chỉ giao cho nàng từng ngày một. Và dĩ nhiên, trong trường hợp nàng thực sự nghĩ đến chuyện chia tay với anh, nàng ắt sẽ lạnh lùng chờ đến lúc “cóp nhặt đủ vốn”, điều này, với những khoản trợ cấp của Saint-Loup hẳn sẽ chỉ đòi hỏi một thời gian rất ngắn, nhưng dù sao cũng cho phép bạn tôi kéo dài thêm tí chút hạnh phúc - hay bất hạnh - của mình.

Giai đoạn kịch tính này trong cuộc tình của họ - giờ đây

đã tới đỉnh điểm đau đớn và nhói buốt đối với Saint-Loup, vì nàng đã cấm anh ở lại Paris, nơi sự hiện diện của anh khiến nàng điên tiết, và bắt anh phải nghỉ phép ở Balbec ngay cạnh nơi đồn trú - đã bắt đầu vào một buổi tối tại nhà một bà cô của Saint-Loup, bà này đã đồng ý để anh đưa bạn gái tới diễn xướng trước đông đảo khách mời một số trích đoạn từ một vở theo khuynh hướng tượng trưng chủ nghĩa mà nàng đã diễn một lần trên một sân khấu tiền phong, truyền sang anh sự ngưỡng mộ của nàng đối với tác phẩm.

Nhưng khi nàng xuất hiện với một bông hoa loa kèn lớn trên tay, trong một bộ trang phục sao chép kiểu *Ancilla Domini** mà nàng cam đoan với Robert sẽ là một “hình tượng nghệ thuật” đích thực, thì đám cử tọa gồm những tôn ông trong giới giao tế và các công tước phu nhân thoát tiên chào đón nàng ra sân khấu bằng những nụ cười tủm tỉm, sau đó, dưới tác động của cái giọng đơn điệu như tụng kinh, những từ lặp đi lặp lại nhiều lần, bật lên cười thành tiếng, mới đầu còn kìm lại, rồi phá lên hô hố không cưỡng nổi, đến nỗi người diễn xướng tội nghiệp không sao tiếp tục được. Ngày hôm sau, bà cô của Saint-Loup bị mọi người nhất trí chê trách là đã để một đào hát kịch cớm đến thế xuất hiện tại nhà mình. Một vị công tước rất nổi tiếng nói toạc với bà rằng nếu bà để người ta chỉ trích thì chỉ nên tự trách mình là chính:

“Ma quỷ, sao lại cho ra những tiết mục lộ bịch đến thế! Giá như cô ta có tài, nhưng cô ta không có và sẽ chẳng bao giờ có được chút đỉnh! Chết tiệt! Paris đâu đến nỗi ngu như

người ta nói gièm! Xã hội thượng lưu đâu chỉ bao gồm những kẻ xuẩn ngốc. Cô ả này hiển nhiên đã tưởng lòn được Paris. Nhưng Paris không dễ lòn như thế, và dù sao cũng có những thứ người ta không khiến chúng ta nuốt trôi được.”

Còn về nữ nghệ sĩ, khi ra khỏi nhà, nàng nói với Saint-Loup: “Anh dẫn tôi đâm quàng vào nhà những mụ ngu si, đàn đấm vô giáo dục, những lão khốn kiếp nào thế? Tôi nói cho anh biết, trong cả đám đàn ông có mặt hôm nay, không một cha nào chưa từng liếc mắt đưa tình hoặc khoèo chân gạ gẫm tôi, và vì bị tôi cự tuyệt nên các lão ấy tìm cách trả thù đấy thôi.”

Những lời ấy khiến mối ác cảm của Robert với những người thuộc giới thời lưu chuyển thành một nỗi ghê tởm sâu sắc và đau đớn hơn nhiều; nhưng chính những người khiến nàng thốt ra những lời ấy lại không hề đáng ghê tởm, họ là những người bà con tận tụy thay mặt gia đình tìm cách thuyết phục bạn gái Saint-Loup chia tay với anh, động thái mà nàng diễn giải với anh như là chỉ do họ mê nàng. Mặc dù lập tức thôi không lui tới họ nữa, những lúc xa người tình như lúc này đây, Robert nghĩ khéo họ hoặc những người khác đang lợi dụng tình thế này để tấn công trở lại và chưa biết chừng đã giành được sự ưu ái của nàng. Và khi anh nói đến những kẻ ăn chơi chuyên lừa lọc bạn bè, tìm cách hủ hóa phụ nữ, cố dụ họ đến nhà nghỉ, mặt anh toát ra vẻ đau đớn:

“Tôi sẵn giết bọn chúng mà không hối hận bằng giết một con chó, nó ít ra còn là một con vật dễ thương, có nghĩa và

trung thành. Đó là những kẻ đáng đưa lên máy chém hơn là đám người bất hạnh bị tình cảnh lầm than và sự tàn ác của bọn trọc phú đẩy đến tội ác.” Anh dành phần lớn thời gian để gửi thư và điện tín cho người tình. Mỗi lần, trong khi vẫn ngăn không cho anh về Paris, nàng kiếm ra cách gây bất hòa với anh từ xa, tôi nhìn bộ mặt rã rời của anh là biết ngay. Vì nàng không bao giờ nói rõ ràng nàng trách anh điều gì, anh ngỡ rằng sợ dĩ nàng không nói, là vì chính nàng cũng không biết mà chỉ đơn giản là đã chán anh thôi, tuy nhiên, anh những muốn phân trần và anh viết cho nàng: “Nói cho anh biết anh đã làm điều gì tệ hại. Anh sẵn sàng nhận sai lầm của mình”, nỗi buồn anh cảm thấy khiến anh tin rằng mình đã hành xử tồi tệ.

Nhưng nàng lần nữa hoài không trả lời anh, mà có trả lời thì cũng vô nghĩa. Cho nên tôi thường thấy anh tay không, văng trán ưu tư, trở về từ nhà bưu điện, nơi mà cả khách sạn, ngoại trừ Françoise, chỉ có mình anh đến kiểm thư hoặc tự tay mang thư đi gửi - anh thì do nỗi sốt ruột của kẻ đang yêu, còn Françoise thì do tính đa nghi cố hữu của người làm nô bộc. (Gửi điện tín thì anh phải đi xa hơn nhiều).

Mấy hôm sau bữa ăn tối ở nhà Bloch, khi bà tôi hôn hờ cho tôi biết Saint-Loup muốn chụp hình cụ trước khi anh rời Balbec, và khi tôi thấy cụ đánh bộ cánh diện nhất và đang phân vân giữa mấy chiếc mũ khác nhau, tôi cảm thấy hơi bức vì cái cung cách con nít ấy ở cụ, nó làm tôi hết sức ngạc nhiên. Thậm chí tôi đi đến chỗ tự hỏi liệu tôi có nhầm về bà mình, liệu tôi có đặt cụ lên quá cao, liệu có phải cụ

chẳng mấy để tâm đến những gì liên quan đến con người mình như tôi vẫn tưởng, liệu có phải cụ cũng mắc cái thói mà tôi ngỡ là tuyệt đối xa lạ với cụ - thói đỏng dắn.

Ngán thay, nỗi bất bình của tôi khởi nguồn từ cái “dự án” chụp hình và nhất là từ cái vẻ mẫn nguyện nó dường như mang lại cho bà tôi, tôi đã để lộ khá rõ khiến Françoise nhận thấy và vô tình, bác làm tăng thêm tâm trạng bức bối ấy bằng những lời suốt miệng tình cảm mà tôi không muốn tỏ ra đồng tình:

“Ôi, cậu ạ, bà lão tội nghiệp sẽ rất sung sướng thấy người ta rửa ảnh chân dung mình, thậm chí sẽ còn đội cả chiếc mũ do mẹ già Françoise này làm cho cụ nữa, cứ để cụ làm theo ý cụ, cậu ạ.”

Tôi tự nhủ rằng mình không đến nỗi độc ác khi chế giễu kiểu suốt miệng của Françoise, nhớ lại rằng chính mẹ và bà tôi - những mẫu mực của tôi về mọi mặt - cũng thường hay làm thế với bác. Nhưng bà tôi thấy tôi có vẻ ngán ngẩm liền bảo nếu buổi chụp hình làm tôi khó chịu thì cụ sẽ khước từ. Tôi không muốn thế, tôi cam đoan với cụ rằng tôi không thấy chuyện đó có gì là bất tiện cả và để cụ thoải mái trang điểm, nhưng nghĩ rằng, để tỏ ra sâu sắc và mạnh mẽ, mình cũng nên buông vài lời châm chích mỉa mai nhằm triệt tiêu niềm vui thích mà cụ dường như chờ đợi ở việc được chụp hình; thành thử tuy buộc phải thấy cái mũ đẹp của cụ, ít nhất tôi cũng đã xóa được khỏi gương mặt bà tôi vẻ hân hoan lẽ ra phải khiến tôi vui sướng - cái vẻ hân hoan hiện ra trước ta như là biểu hiện đáng giận của một trái tim ti tiện, chứ không phải là hình thái quý giá của hạnh

phúc mà ta xiết bao muốn mang lại cho những người ta yêu thương nhất, như đã xảy ra quá nhiều lần trong quãng thời gian họ còn sống trên đời*. Tâm trạng bức bối của tôi chủ yếu do tuần ấy bà tôi có vẻ như lẩn tránh tôi và cả ban ngày lẫn buổi tối, tôi không lúc nào được một mình bên cụ. Buổi chiều, khi tôi trở về khách sạn để hai bà cháu ngồi riêng với nhau thì người ta bảo là cụ đã ra ngoài; hoặc giả cụ đang đóng cửa bàn bạc dài dài với Françoise những chuyện kín gì đó mà tôi không được phép quấy rối. Và sau khi đã qua buổi tối ở ngoài với Saint-Loup, trên đường về, tôi nghĩ đến lúc có thể gặp lại và ôm hôn bà tôi, tha hồ cho tôi dỏng tai chờ cụ gõ mấy tiếng nhỏ vào bức tường ngăn ra hiệu cho tôi vào chúc cụ ngủ ngon, tôi vẫn chẳng nghe thấy gì; cuối cùng, tôi đành phải đi nằm, lòng ầm ục hơi giận về việc cụ đã tước đi của tôi một niềm vui tôi xiết bao trông đợi, với một thái độ dửng dưng tôi chưa từng thấy ở cụ; tim phập phồng như hồi còn thơ, tôi tiếp tục áp tai nghe bức tường vẫn tiếp tục câm lặng, rồi ngủ thiếp đi trong nước mắt.

Ngày hôm ấy, cũng như những hôm trước, Saint-Loup phải đến Doncières, nơi đồn trú mà trước khi trở về hẳn, hằng ngày anh có nhiệm vụ trực cho đến tận cuối chiều. Tôi lấy làm tiếc là anh không có mặt ở Balbec hôm ấy. Tôi đã thấy những thiếu phụ bước xuống từ những cỗ xe, một số vào phòng khiêu vũ của Casino, số khác vào hiệu kem, nhìn từ xa, tôi thấy họ đẹp mê hồn. Tôi đang ở một thời kỳ thanh xuân khi con tim còn trống, chưa chứa một tình yêu cụ thể nào; khi ấy ta khao khát, ta rình mò, ta nhìn thấy cái

Đẹp ở bất kỳ đâu - như một chàng si tìm người đàn bà mình say mê. Chỉ cần một chi tiết thật - thoáng một nét mắt ta bắt gặp nơi một người đàn bà nhìn từ xa hay từ phía sau lưng - là đủ để ta phóng chiếu hình người Đẹp lên trước mắt mình, ta tưởng tượng đã nhận ra nàng, tìm ta đập rộ, ta bước gấp, và ta vẫn sẽ nửa tin nửa ngờ liệu đó có phải là nàng, miễn là người đàn bà ấy biến mất: chỉ trong trường hợp ta đuổi kịp nàng, ta mới nhận ra sai lầm của mình.

Gia dĩ, thấy mình mỗi ngày một thêm đau yếu, tôi muốn tăng cường độ những thú vui đơn giản nhất vì với tôi, giờ đạt tới thú vui cũng đã khó lắm rồi. Những người đàn bà thanh lịch, tôi tưởng như nhìn thấy họ ở khắp nơi, vì nếu ở bãi tắm thì tôi quá mệt để tiếp cận họ, mà nếu trong Casino hay trong một hiệu bánh ngọt thì tôi quá rụt rè để lân la làm quen với họ. Tuy nhiên, nếu như số tôi phải chết yếu, tôi rất muốn tự mình biết được thực chất của những cô gái xinh đẹp nhất mà cuộc đời ban tặng là như thế nào, cho dù không phải tôi mà là một người khác, thậm chí không ai cả, được hưởng quà tặng ấy (thật vậy, tôi không nhận ra sở dĩ mình muốn biết điều đó là do khát khao chiếm hữu). Giá có Saint-Loup đi cùng thì chắc tôi đã dám bước vào phòng khiêu vũ. Chỉ có một mình, tôi đang đứng trước Đại Khách sạn chờ lúc đi gặp lại bà tôi, thì chợt nhìn thấy năm, sáu cô gái, từ gần đầu con đường đi dạo ven biển, tiến lại tựa một vệt kỳ dị di động; về cả dáng vẻ lẫn cung cách, nom họ khác hẳn những người thường quen gặp ở Balbec, khác nào một bầy hải âu chẳng biết từ đâu sà xuống - những con tụt lại ránh bay kịp những con khác - làm một cuộc dạo chơi

trên bãi biển, nhằm một mục đích hoàn toàn bí hiểm đối với những người đi tắm mà chúng dường như không để mắt tới, nhưng xác định rõ ràng trong đầu óc loài chim của chúng.

Một trong những cô gái lạ mặt ấy dùng tay đẩy chiếc xe đạp của mình; hai cô khác cầm những chiếc gậy golf; và cách ăn mặc của họ tương phản rõ rệt với y phục của các cô gái khác ở Balbec, trong số đó, có một số chơi thể thao nhưng không vì thế mà dùng trang phục đặc biệt.

Đã đến giờ các bà các ông làm cuộc đi dạo “tiêu com” hằng ngày dọc con đường ven biển, phơi mình trước những tia tàn bạo của chiếc gương cầm tay mà bà vợ ông chánh án phóng vào họ, như thể họ mang trên mình một khuyết tật nào đó mà bà nhất quyết phải soi rọi kiểm tra đến từng chi tiết nhỏ nhất. Bà ngồi chễm chệ đằng trước nhà kèn, giữa hàng ghế đáng sợ, nơi chỉ lát nữa, chính những ông bà kia sẽ đến ngự - từ điển viên trở thành giám khảo - để đến lượt mình phán xét những người diễu qua trước mặt họ. Dọc con đường ven biển, tất cả những ông bà ấy chệnh choạng như thể đi trên một boong tàu (vì họ không biết cách phối hợp động tác chân, tay và vai, đồng thời đảo mắt, để giữ thăng bằng trong khi cất bước) và làm như không nhìn thấy những người đi cạnh hoặc ngược chiều với mình để tỏ ra không quan tâm đến họ, nhưng vẫn liếc trộm để khỏi vấp phải họ, song trái lại, vẫn va, ngoắc phải họ, vì về phía mình, họ cũng đáp lại bằng sự chú ý ngấm ngấm như vậy, giấu dưới vẻ bề ngoài khinh khỉnh tương tự; lòng yêu - do đó thành nỗi sợ - đối với quần chúng là một trong những

động lực mạnh nhất ở mọi con người, dù là họ tìm cách chiều lòng hay làm ngạc nhiên người khác, hay tỏ ra khinh bỉ họ. Ở một người ẩn dật, quyết tâm giam mình tuyệt đối cho đến hết đời thường khi xuất phát từ một lòng say mê quần chúng quá mức át mọi tình cảm khác, đến nỗi thấy mình khi ra khỏi nhà có thể không giành được sự ái mộ của bà gác cổng, của những người qua đường hay của gã xà ích đậu xe trước cửa, anh ta thà không bao giờ xuất hiện trước họ và vì thế, khước từ mọi hoạt động buộc anh ta phải ra khỏi nhà.

Giữa tất cả những người ấy, trong đó một số đang theo đuổi một mạch suy nghĩ nhưng để lộ quá trình ấy bằng những cử chỉ lập cập, những tia nhìn vu vơ. Cũng lạc điệu chẳng kém đáng đi chệch choạng mà thận trọng của những người bên cạnh, các cô gái tôi đã trông thấy, với phong thái hoàn toàn làm chủ những cử chỉ mềm mại của cơ thể mình và với vẻ thành thật coi khinh phần còn lại của nhân loại, tiến thẳng trước mặt, không do dự cũng chẳng cứng đơ, các động tác thực hiện chuẩn xác như ý muốn, mỗi chi đều hoàn toàn độc lập với các chi khác, đại bộ phận cơ thể vẫn giữ cái tư thế bất động đặc sắc thường thấy ở những vũ nữ giỏi. Họ không còn cách xa chúng tôi. Tuy mỗi cô thuộc một “típ” khác hẳn với số còn lại, tất cả bọn họ đều đẹp. Nhưng, nói thật ra, tôi mới chỉ thấy họ vài giây phút ngắn ngủi, lại không dám nhìn họ chăm chăm, nên chưa thể có ý niệm rõ về từng người. Ngoại trừ một cô có cái mũi dọc dừa và nước da nâu làm nổi bật giữa các cô khác, như một người có nét dáng Ả Rập trong số ba đạo sĩ đến chào mừng

Thiên Chúa giáng sinh* trong một bức tranh thời Phục hưng, tôi chỉ nhận biết đôi ba nét ở họ - ở cô này là cặp mắt khắc nghiệt, buồn bã mà cười cợt; ở cô kia, đôi má hồng pha chút sắc đồng gợi nhớ đến cánh hoa phong lữ thảo; và thậm chí có những nét mà tôi còn phân vân chưa biết phải gắn với cô này hay cô nọ; và khi (theo thứ tự họ đi qua, một tổng thể phức hợp tuyệt vời vì trong đó những dáng vẻ khác biệt nhất đi liền bên nhau, trong đó mọi gam màu kề sát nhau mà hỗn trộn như một khúc nhạc trong đó tôi không sao tách bạch và nhận ra những câu rành rọt song vừa tấu lên đã quên ngay) tôi thấy hiện lên một gương mặt trái xoan trắng muốt, một cặp mắt đen, một cặp mắt biếc, tôi không biết có phải đó vẫn là những nét ngay vừa rồi đã làm tôi ngây ngất, tôi không thể xác định chúng có thuộc về một cô nào đó tôi đã nhận ra và tách riêng khỏi những cô khác hay không. Và việc hình ảnh tôi thu nhận lúc đó thiếu những khu biệt rõ ràng (không lâu sau, tôi dần phân biệt được cô nọ với cô kia) làm lan tỏa khắp nhóm thiếu nữ ấy một chuyển động liên tục, dập dềnh và nhịp nhàng của một sắc đẹp uyển chuyển, tập thể và cơ động.

Có lẽ trong cuộc sống, khi những cô bạn này kết lại với nhau, không phải chỉ ngẫu nhiên mà tất cả bọn họ đều đẹp thế; có lẽ những cô gái này (riêng thái độ bề ngoài đã đủ bộc lộ bản chất táo tợn, dữ dằn và phù phiếm của họ) vốn cực kỳ nhạy cảm với tất cả những gì là lối bịch, xấu xí, không thể chịu bất cứ sự hấp dẫn nào thuộc lĩnh vực trí tuệ hay đạo đức, đương nhiên họ cảm thấy xung khắc với tất cả những ai, trong đám cùng lứa tuổi, bộc lộ xu hướng tư

tưởng hoặc tình cảm bằng những thái độ rụt rè, ngượng ngập, vụng về, bởi cái mà họ gọi là “lũ đáng ghét” và né xa; trong khi, ngược lại, họ kết thân với những cô khác cuốn hút họ bằng một vẻ duyên dáng, uyển chuyển quyến với ngoại hình thanh nhã, bởi họ chỉ có thể hình dung một tính cách thật sự quyến rũ và viễn cảnh những thời gian vui vẻ bên nhau dưới hình thức duy nhất ấy. Cũng có lẽ giai tầng xã hội của họ (mà tôi không thể xác định cụ thể) đang ở một giai đoạn tiến triển trong đó - nhờ giàu có, sung túc lên, có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn, hoặc do thói quen luyện tập thể thao mới nảy sinh, lan rộng tới cả một số giới bình dân cùng thói quen tập thể dục song chưa được bổ sung bằng nâng cao trí tuệ - một môi trường xã hội tương tự như những trường phái điêu khắc hài hòa và phì nhiêu chưa đi vào tìm tòi những biểu hiện quằn quại, sản sinh một cách tự nhiên và với số lượng lớn những thân hình đẹp với đôi giò đẹp, cặp hông đẹp, gương mặt lành mạnh và thanh thản, dáng vẻ linh hoạt và láu lỉnh. Và chẳng phải tôi đang thấy trước biển những mẫu nhan sắc quý phái và bình thản, như những pho tượng phơi mình trong nắng trên một bờ biển Hy Lạp đó sao?

Như thế trong khi đám thiếu nữ ấy tiến dọc theo con đường đi dạo ven biển như một vì sao chói sáng lòa, họ đã nhận định đám đông xung quanh gồm những sinh linh thuộc một nòi khác dù có khổ đau đến mấy cũng chẳng thể đánh thức ở họ một tình cảm tương thân tương ái, và họ dường như không thấy ai, cứ đẩy những người ấy dạt ra, khác nào một cỗ máy được khởi động thả sức lao đi, không

thể trông chờ nó tự động tránh những khách bộ hành; và cùng lắm, nếu một ông già nào đó không được họ chấp nhận sự tồn tại, bị họ đẩy ra không cho chạm tới mình, do vậy bỏ chạy với những cử chỉ sợ hãi hay giận dữ, song chủ yếu là cuống cuống đến tức cười, thì họ chỉ nhìn nhau mà phá lên cười. Đối với những gì không thuộc nhóm mình, họ không cần phải tỏ vẻ khinh miệt: sự khinh miệt thật lòng của họ là đủ rồi. Nhưng họ không thể thấy một chương ngại vật mà không muốn mua vui bằng cách lấy đà hoặc chụm chân nhảy qua, bởi lẽ tất cả đều tràn đầy, ứ trào cái sức thanh xuân mà người ta rất cần tiêu bớt đi, đến nỗi ngay cả khi người ta buồn hay đau yếu, tuân theo sự đòi hỏi của tuổi trẻ hơn là tâm trạng ngày hôm đó, người ta không bao giờ bỏ qua một cơ hội để nhảy hay trượt lướt mà không thả mình một cách hữu thức, ngắt quãng và điểm vào bước tiến chậm rãi của mình - như Chopin điểm vào câu nhạc man mác nhất - những đường vòng duyên dáng, hòa quyện cả phiêu bồng lẫn tuyệt kỹ.

Bà vợ một ông già chủ nhà băng, sau khi dẫn đo chọn hướng, đã đặt chồng mình ngồi trên một chiếc ghế gấp, quay mặt ra phía con đường đi dạo ven biển. Yên tâm thấy chồng được nhà kèn che khuất gió, nắng, bà vừa rời khỏi ông để chạy đi mua tờ báo về đọc cho ông nghe giải khuây; những quãng vắng mặt ngăn ngủi trong đó bà để ông một mình không bao giờ kéo dài quá năm phút mà bà đã cảm thấy quá lâu, nhưng bà lặp lại điều đó khá thường xuyên để ông chồng già (mà bà chăm sóc hết sức tận tình song rất kín đáo) có cảm giác mình vẫn có thể sống bình thường

như mọi người, không cần bất kỳ sự chở che nào. Khán đài của các nhạc công tạo thành, phía trên đầu ông, một chiếc cầu nhảy tự nhiên, đầy cảm dỗ và, không chút do dự, cô lớn tuổi nhất trong cái nhóm nhỏ nọ bắt đầu chạy trên đó; và cô nhảy ngay trên đầu ông già khiếp hãi, đôi bàn chân lạnh lẽo khẽ chạm vào chiếc mũ lưỡi trai lính thủy của ông, khiến các cô kia hết sức thích thú; đặc biệt, một cặp mắt xanh trên một gương mặt búp-bê biểu lộ một vẻ thán phục vui tươi trong đó tôi dường như đọc thấy một thoáng nhát sợ vừa hổ thẹn lại vừa vênh vang không hiện hữu ở những cô khác. “Tôi nghiệp cái ông già í, mình thấy thương hại ông í, ông í có vẻ như sắp chết đến nơi”, một cô nói, giọng khàn khàn, với một âm sắc có phần mỉa mai. Họ đi thêm vài bước rồi dừng lại một lúc ngay giữa đường, không hề bận tâm đến việc ngáng trở dòng người qua lại, tụ thành một cụm hình thù đeo dọ, đông đặc, khác thường và quang quác như một bầy chim tập hợp trước lúc cất cánh lên đường; rồi họ tiếp tục cuộc dạo chơi dọc theo con đường ven biển.

Giờ đây, những nét xinh đẹp của họ không còn lơ mờ, lẫn vào nhau nữa. Tôi đã phân định và khu biệt chúng thành từng “đơn” (khuyết danh vì chưa biết tên của mỗi cô) xung quanh cô lớn tuổi nhất đã thực hiện cú nhảy trên đầu ông già chủ nhà băng; quanh cô có đôi má bầu bĩnh hồng tươi và cặp mắt xanh nổi bật trên nền trời-biển; quanh cô có nước da nâu, mũi dọc dừa, tách biệt giữa những cô khác; quanh một cô nữa có gương mặt trắng muốt như một quả trứng trên đó một chiếc mũi xinh xắn tạo thành một vành cung tựa một chiếc mỏ gà con, kiểu mặt thường thấy ở một

số người rất trẻ; quanh một cô khác nữa, cao lớn, khoác một tấm áo choàng (khiến cô có vẻ rất nghèo và tương phản với cung cách thanh lịch của cô đến nỗi chỉ có thể giải thích rằng cha mẹ cô gái ấy phải là những người lỗi lạc, đặt lòng tự tôn lên trên đám người tắm biển ở Balbec, lên trên việc lo cho con cái của chính mình ăn vận thanh lịch, để chúng thấy hoàn toàn bình thường khi đi dạo ven biển trong một bộ đồ mà ngay cả những người tầng lớp dưới cũng cho là quá xềnh xoàng); quanh một cô mắt sáng lấp lánh, tươi vui, má phính xỉn màu, đầu đội chiếc mũ “polo” đen sụp xuống tận trán, vừa đẩy chiếc xe đạp vừa uốn éo lắc mông, miệng xổ ra những tiếng lóng đầu đường xó chợ, la rất to khi tôi qua gần bên cô (trong đó tôi nghe rõ một cụm từ tệ hại “sống cái kiếp mình”) đến nỗi tôi vứt bỏ cái giả thuyết mà chiếc áo choàng của bạn cô đã khiến tôi tưởng tượng ra và kết luận rằng cả toán con gái này khéo thuộc đám người thường lui tới các trường đua xe đạp và chắc đã thành bồ nhí của các tay cua-rơ. Dù sao mặc lòng, không một giả định nào của tôi cho rằng họ có thể là những cô gái đức hạnh. Mới thoát nhìn - qua cái cách họ nhìn nhau mà phá lên cười, qua tia nhìn riết róng của cái cô có cặp má xỉn - tôi đã hiểu là họ không thể như vậy. Gia dĩ, bà tôi luôn quan tâm đến tôi với một độ tinh tế quá ư thận trọng khiến tôi không thể không tin rằng những điều ta không nên làm là một tổng thể không thể phân chia, rằng các cô gái bất kính với tuổi già ắt chẳng bỗng nhiên áy náy kìm mình lại trước một thú vui còn có sức cảm dỗ lớn hơn là nhảy vọt qua đầu một ông lão tám mươi.

Mặc dù giờ đây các cô gái đã được phân định rành rẽ ra từng người, sự ăn ý trong những ánh mắt đầy tự mãn và tinh thần bè bạn họ trao đổi với nhau - những tia nhìn trong đó chốc chốc lại lóe lên vẻ quan tâm hoặc vẻ dừng ngược ngạo, tùy theo chúng hướng về bè bạn hay về những khách qua đường - và cả cái ý thức rằng họ quen nhau thân thiết đến mức bao giờ cũng đi chơi cùng nhau, hợp thành “băng riêng”, hai cái đó kết nối những thân thể độc lập và riêng rẽ trong khi chúng từ từ tiến bước bằng một mối liên hệ vô hình mà hài hòa, quện trong cùng một cái bóng nồng nàn, hòa trong cùng một không khí, gộp họ lại thành một tổng thể với những bộ phận thuần nhất bao nhiêu thì toán nhóm lại khác bấy nhiêu với đám đông họ đang từ từ xuyên qua.

Trong một khoảnh khắc, trong khi tôi đi qua bên cạnh cái cô da nâu má phính đẩy chiếc xe đạp, tôi bắt gặp những tia nhìn xeo xéo cười cợt của cô ta phóng ra từ trong cái thế giới phi nhân chứa đựng đời sống của cái “bộ lạc” nhỏ này, vùng đất xa lạ bất khả thâm nhập mà chắc chắn là cái ý niệm “tôi là ai hay là cái gì” không thể tới hoặc len vào được. Đang tập trung lắng nghe các bạn nói, liệu cô gái đội chiếc mũ “polo” sụp xuống tận trán này có nhìn thấy tôi lúc tia mắt đen láy của cô ta chạm vào tôi? Nếu có, liệu cô ta cho tôi là người thế nào? Cái thế giới từ đó cô ta nhìn tôi là loại thế giới nào? Tôi thấy chẳng dễ gì trả lời những câu hỏi đó, cũng như chỉ căn cứ vào một số đặc điểm phát hiện trên một hành tinh bên cạnh bằng kính viễn vọng, thật khó mà kết luận rằng trên đó có người ở, rằng những người đó

nhìn thấy chúng ta và hình ảnh ấy có thể đánh thức ở họ những ý niệm gì.

Nếu nghĩ rằng đôi mắt của một cô gái chỉ là một mảnh mica lấp lánh hình tròn, ta ắt sẽ chẳng háo hức tìm hiểu và muốn hợp nhất đời nàng với đời ta. Nhưng ta cảm thấy cái ánh lấp lánh trong cái đĩa nhỏ phản chiếu ấy không chỉ đơn thuần do cấu tạo vật chất của nó; điều ta không biết ẩn hiện đằng sau đó, là bóng đen hắt xuống từ những ý niệm cô gái ấy nghĩ về những con người và nơi chốn mình quen biết - thậm chí ở trường đua ngựa, lớp cát trên những nẻo đường nàng rong ruổi đạp xe, băng qua đồng rộng, rừng thưa, cuốn tôi theo, như một nàng Peri* bé nhỏ, quyến rũ tôi hơn cả thiên đường Ba Tư cả bóng của ngôi nhà nàng sắp trở về, bóng những dự án nàng tự xây dựng hoặc người ta xây dựng cho nàng; và chủ yếu là chính nàng với những dục vọng, thiện cảm, ác cảm, ý chí bí hiểm và bất tận của nàng. Tôi biết mình sẽ không chiếm hữu được cô gái cưỡi xe đạp nếu không đồng thời chiếm hữu cả những gì ẩn chứa trong mắt nàng. Và do vậy, chính toàn bộ cuộc đời nàng khiến tôi khao khát, một nỗi khao khát đau đớn vì tôi biết là không thể thực hiện được, nhưng nó làm tôi say sưa ngây ngất vì những gì cho đến nay từng là đời tôi dùng một cái thôi không còn là toàn bộ đời tôi, mà chỉ còn là một phần nhỏ bé của cái khoảng không gian trải ra trước mặt tôi mà tôi nóng lòng muốn vượt qua, cái không gian tạo thành bởi cuộc đời những cô gái này, cho tôi cơ hội có thể nhân bội, kéo dài bản thân, mà người ta gọi là hạnh phúc. Và cố nhiên, việc chúng tôi không có chung thói quen nào,

hay ý tưởng nào, ắt khiến tôi khó kết giao và gây thiện cảm với họ hơn. Nhưng cũng có thể chính sự khác biệt ấy, chính cái ý thức rằng trong cấu thành bản chất và hành vi của các cô gái đó, không hề có một yếu tố nào tôi từng biết hay sở hữu, đã khiến tôi thay thế trạng thái no nê thừa mứa bằng sự thèm khát - giống như đất hạn khát mưa - một cuộc sống mà tâm hồn tôi, vốn cho tới nay chưa từng được hớp lấy một giọt nhỏ nào từ cuộc sống ấy, vì thế càng háo hức hấp thụ nó, ừng ực từng hơi dài cho thấm đến tận góc ngách sâu thẳm nhất.

Tôi nhìn riết cô gái dắt xe đạp có cặp mắt long lanh ấy đến nỗi cô ta hình như nhận ra và nói với cô cao nhất một câu gì đó tôi không nghe thấy, nhưng nó khiến cô kia cười vang. Nói thật ra, cô tóc nâu không phải là cô tôi thích nhất, chỉ vì cô có mái tóc nâu; bởi lẽ từ hôm tôi gặp Gilberte ở con đường dốc nhỏ gần Tansonville, với tôi, một cô gái tóc hung, da đỏ au vẫn là lý tưởng không thể đạt tới. Nhưng chính bản thân Gilberte, tôi đã chẳng yêu nàng chủ yếu vì nàng đã xuất hiện trước mắt tôi với hào quang của vinh dự được là bạn của Bergotte, cùng ông tham quan các nhà thờ lớn, đó sao? Và cũng theo cách như vậy, liệu tôi có thể vui mừng khi thấy cô tóc nâu ấy nhìn tôi (điều khiến tôi hy vọng mình sẽ dễ dàng hơn trong việc làm quen với cô trước), rồi cô sẽ giới thiệu tôi với những cô khác, với cái cô tàn bạo đã nhảy qua đầu ông già, với cái cô độc ác đã nói: “Mình thấy thương hại ông í, cái ông lão tội nghiệp í”, dần dà với tất cả bởi cô có uy tín trong tư cách là bạn gần bó keo son với họ. Và tuy nhiên, cái giả định rằng một ngày

kia, tôi có thể là bạn của một trong những cô gái này, rằng những cặp mắt với những tia nhìn lạ lẫm đôi khi bất giác chạm vào tôi như tia nắng rơi chiếu trên tường, biết đâu, nhờ một phép thuật mầu nhiệm nào đó, lại có thể khiến một ý niệm về sự tồn tại của tôi, chút thiện cảm nào đó đối với con người tôi, len vào giữa những mảnh ý thức khôn tả của họ, rằng một ngày kia bản thân tôi có thể có chỗ giữa bọn họ khi họ dạo chơi ven biển - cái giả định ấy, trong mắt tôi, dường như chứa một mâu thuẫn không thể giải quyết, như thể đứng ngắm một bức tranh tường cổ đại vẽ một đám rước, tôi ngỡ mình có thể bước vào đi cùng các vị thần đang diễu hành kia.

Vậy niềm hạnh phúc được quen biết những cô gái này phải chăng là không thể thực hiện? Dĩ nhiên, đây không phải lần đầu tiên tôi phải khước từ một cảm dỗ thuộc loại này. Chỉ cần nhớ lại bao cô gái xa lạ ở ngay Balbec này mà cỗ xe phóng đi hết tốc lực đã khiến tôi phải bỏ lại đằng sau mãi mãi. Và ngay cả niềm thích thú mà cái nhóm nhỏ quý phái như thể gồm toàn trinh nữ Hy Lạp này mang lại cho tôi cũng do chỗ họ có gì na ná như các cô gái thoáng thấy trên đường kia. Sự thoáng hiện ấy của những con người ta không quen biết song lại buộc ta dứt khỏi cuộc sống quen thuộc trong đó những người đàn bà ta năng lui tới, cuối cùng, cũng bộc lộ những nhược điểm, đặt ta vào cái trạng thái săn đuổi trong đó không gì ngăn nổi trí tưởng tượng phiêu bồng. Khoái cảm mà thiếu tưởng tượng là khoái cảm trần trụi, có cũng bằng không. Nếu được mỗi lái qua trung gian một trong những mù dẫu mà trong trường hợp khác,

người ta đã thấy tôi không chê, và bị rút hết cái yếu tố đã tô điểm cho họ bao sắc thái, bao mộng lung, các cô gái ấy ắt bớt làm tôi mê say đi nhiều. Bị nỗi lo không chắc đạt được mục tiêu đánh thức, trí tưởng tượng phải bày ra một mục đích khác che mắt ta và bằng cách thay thế khoái cảm nhục dục bằng ý tưởng đi sâu vào một cuộc đời, ngăn ta không nhận ra khoái cảm ấy, không thưởng thức được vị thật sự của nó, không khoan được nó về đúng tầm của nó. Nếu lần đầu tiên ta thấy một con cá được bày trên bàn tiệc, có thể ta sẽ nghĩ thật chẳng bõ trăm phương nghìn kế vất óc ra để bắt được nó; hiểu được điều ấy, giữa ta và nó, phải có những buổi chiều đánh cá, thấp thoáng trên mặt một xoáy nước, ánh lên một làn da thịt trơn bóng, một hình thù mờ ảo, mà ta phân vân không biết nên xoay xử ra sao trong cái xuội luội của một màu xanh da trời trong veo và cơ động.

Các cô gái này cũng được hưởng lợi từ sự thay đổi tỷ lệ cân đối xã hội đặc trưng cho sinh hoạt nơi tắm biển. Ở đây, tất cả những ưu thế làm tăng kích thích của ta trong môi trường quen thuộc trở nên vô hình, thực tế là bị xóa bỏ; ngược lại, những kẻ người ta lầm tưởng là có những ưu thế như vậy lại luôn hiện ra trước mọi người với một độ phóng đại giả tạo. Sự phóng đại ấy khiến tôi dễ thấy những phụ nữ xa lạ - trong trường hợp cụ thể hôm đó, là các cô gái này - trở nên cực kỳ quan trọng, đồng thời khiến tôi không thể chứng tỏ cho họ thấy tầm quan trọng của chính mình như thế nào.

Nhưng nếu cuộc dạo chơi của tốp thiếu nữ này chỉ là một

trích đoạn từ cái chuỗi vô số các cô gái gặp trên đường trốn chạy khỏi tôi, điều bao giờ cũng làm tôi buồn phiền, thì lần này, sự trốn chạy ấy giảm mức xuống một chuyển động chậm rãi đến nỗi gần như bất động. Vậy mà trong một giai đoạn chuyển động lững thững như vậy, những gương mặt không bị cuốn đi trong một xoáy lốc, mà bình thản và rõ nét, vẫn xinh đẹp trong mắt tôi, chính điều đó ngăn tôi nghĩ - như tôi đã bao lần nghĩ thế khi cỗ xe ngựa của Madame de Villeparisis băng băng chở tôi đi - rằng nếu tôi dừng lại một lát nhìn kỹ họ, có thể một số chi tiết như làn da lấm tấm rỗ hoa, một vết bọt ở cánh mũi, ánh nhìn tẻ nhạt, nét cười nhăn nhó, eo người xấu, sẽ thay thế những gì tôi hẳn đã tưởng tượng trên dung nhan và thân thể các cô gái ấy; bởi vì chỉ cần thoáng thấy một đường eo đẹp, một nước da tươi mát, là đủ để tôi bổ sung thêm một cách rất thành ý một bờ vai mê hồn, một ánh mắt tuyệt vời, mà tôi luôn luôn tưởng nhớ hoặc mừng tượng sẵn trong đầu; giải mã một con người hấp tấp như vậy khiến ta có nguy cơ mắc những sai lầm giống như khi đọc quá vội, chỉ dựa trên độc một âm tiết mà bỏ qua những âm tiết khác, trí nhớ ta đem thế vào chỗ một từ đích thực của tác giả một từ hoàn toàn khác. Bây giờ thì không thể thế nữa. Tôi đã thấy rõ mặt họ; tôi đã soi từng gương mặt ấy, tuy không phải trong tất cả mọi góc nhìn nghiêng và ít khi nhìn chính diện, nhưng dù sao cũng theo hai, ba dáng vẻ khác nhau đủ để tôi có thể hoặc chỉnh sửa, hoặc kiểm tra và “chứng minh” những ước đoán phỏng chừng về đường nét và màu sắc lúc mới thoát nhìn, và đủ để thấy tồn tại trên những gương mặt ấy một

cái gì mang tính chất vật thể bất di bất dịch, qua những biểu hiện nối tiếp nhau. Cho nên tôi có thể khẳng định chắc chắn với mình rằng, dù ở Paris hay Balbec, trong những giả thuyết ưu ái nhất về nhân thân những cô gái qua đường đã bắt mắt tôi, ngay cả nếu tôi có cơ hội dừng lại trò chuyện với họ, chưa có ai mà sự xuất hiện rồi biến mất trước khi tôi kịp làm quen với họ, để lại nhiều luyến tiếc hơn những cô này sẽ để lại cho tôi, khiến tôi nghĩ tình bạn với họ có thể là thứ men say đến thế. Cả trong giới nữ diễn viên, cũng như trong đám thôn nữ, hay trong các tiểu thư trong ký túc xá trường dòng, tôi đều không hề thấy cái gì đẹp như thế, thậm chí nhiều ả số như thế, quý báu vô giá như thế và có lẽ là không thể nào với tới. Các cô gái này là một tiêu bản của cái hạnh phúc chưa được nếm trải song có thể có trong đời, một tiêu bản tuyệt vời và còn trong trạng thái hoàn hảo đến nỗi gần như vì những lý do trí tuệ mà tôi tuyệt vọng về nỗi không thể, trong những điều kiện duy nhất không để lọt kẽ hở nào cho sai lầm, trải nghiệm phần bí ẩn nhất nơi cái đẹp ta hằng khao khát và đành tự an ủi về nỗi hận không bao giờ sở đắc bằng tìm khoái cảm ở những người đàn bà ta không thêm muốn - điều mà Swann không bao giờ chịu làm trước khi gặp Odette - thành thử đến khi từ giả cõi đời vẫn không hề biết đến niềm lạc thú kia. Dĩ nhiên, cũng có thể trên thực tế, đó không phải là một lạc thú xa lạ, mà chỉ là một phóng chiếu hay một ảo tưởng của dục vọng, nhìn gần, bí ẩn của nó tiêu tan. Nhưng trong trường hợp này, tôi chỉ có thể đổ cho sự tất yếu của một quy luật tự nhiên - nếu áp dụng được cho

những cô gái này thì cũng áp dụng được cho tất cả các cô khác - chứ không thể trách sự khiếm khuyết của đối tượng. Bởi vì đó chính là đối tượng tôi ưng hơn tất cả, tôi biết rõ, với sự mãn ý của người trồng cây, rằng không thể tìm đâu thấy một tập hợp nhiều loài hoa quý hiếm hơn những bông mon morn kia, lúc này đang điểm những nét ngắt mảnh mai vào đường sóng lượn trước mắt tôi, tựa như một khóm hồng điểm tô cho một bờ vách đá - khoảng giữa hai bông vừa cho cả một chặng đường biển trên đó một con tàu hơi nước lướt đi chậm đến nỗi một chàng bướm lười nhác nấn ná trên một đài hoa mà vỏ tàu đã vượt qua từ lâu vẫn tin chắc mình tới đích trước con tàu nên chỉ cất cánh bay lên khi giữa mũi tàu và cánh hoa đầu tiên mà nó hướng tới, chỉ còn một vạt xanh bé tí tẹo.

Tôi ra về vì phải đi ăn tối với Robert ở Rivebelle và vì bà tôi yêu cầu tôi những chiều đó trước khi đi phải ngả lưng trên giường một tiếng, liệu pháp mà không lâu sau, ông thầy thuốc ở Balbec khuyến cáo tôi triển khai sang tất cả các buổi chiều.

Vả chăng, để trở về, thậm chí không cần phải rời con đường đi dạo ven biển và vòng ra đằng sau, vào khách sạn qua lối đại sảnh. Do giờ giấc được đẩy lên sớm hơn, giống như ngày thứ Bảy ở Combray, người ta ăn trưa sớm hơn một tiếng, dận này vào chính hạ, ngày kéo dài đến nỗi khi người ta dọn bàn ăn tối ở Đại Khách sạn Balbec, mặt trời hãy còn cao trên bầu trời như mới đến giờ dùng bữa trà chiều vậy. Cho nên các cửa sổ lớn lắp kính và có rãnh trượt vẫn để mở ngang tầm với đường đi dạo. Tôi chỉ việc bước qua một

khung gỗ mảnh là đã ở trong phòng ăn, rồi ra thang máy tức thì.

Khi đi ngang qua cửa văn phòng, tôi mỉm cười với ông quản lý và thản nhiên nhận lại nụ cười đáp lễ từ gương mặt ông ta mà từ khi đến Balbec, sự quan tâm đầy thông cảm của tôi đã truyền vào và dần dà làm thay đổi như trong một điều chế mẫu khoa học tự nhiên. Những nét mặt của ông ta đã trở nên thông thường, mang một ý nghĩa tầm thường, dễ hiểu, như một dạng chữ viết khả dĩ đọc được, và không còn chút gì giống với những tính cách kỳ lạ, khó chịu tôi đọc thấy trên mặt ông ta cái hôm đầu tiên tôi thấy xuất hiện trước mặt mình một nhân vật mà giờ đây tôi đã quên hoặc, nếu có thể gọi lại trong đầu, cũng không nhận ra, khó mà đồng nhất với cái nhân cách vô diện và lịch sự hiện giờ mà nhân vật kia chỉ là một biếm họa sơ lược và xấu xí. Không còn rụt rè hay buồn bã như tối hôm mới đến tôi bấm chuông gọi người phụ trách thang máy; đứng cạnh tôi trong thang máy đang lên, như trong một cái lồng ngực di chuyển dọc theo cột sống, anh này không cảm lạnh nữa, mà cứ nhắc đi nhắc lại với tôi: “Không còn đông như tháng trước nữa. Mai một khách sắp bắt đầu ra về, ngày đang lạnh dần.” Anh ta nói vậy không đúng sự thật, nhưng vì kiếm được chỗ làm mới ở một địa điểm ấm hơn trên bờ biển, anh ta muốn tất cả chúng tôi ra về càng sớm càng tốt để khách sạn đóng cửa và anh ta có vài ngày tự do cho riêng mình trước khi “trở lại” chỗ làm mới. “Trở lại” và “mới” không phải là những từ mâu thuẫn nhau vì đối với gã phụ trách thang máy, “trở lại” đồng nghĩa với “bắt đầu”.

Điều duy nhất làm tôi ngạc nhiên là anh ta “hạ cố” dùng chữ “chỗ làm”, vì anh ta thuộc cái giới vô sản hiện đại muốn xóa bỏ trong ngôn từ dấu vết của chế độ đầy tớ. Và lại, lát sau, anh ta cho tôi biết rằng ở “vị thế” anh ta sắp “trở lại”, anh ta sẽ có một chiếc “áo dài” đẹp hơn và được “đãi ngộ” tốt hơn; anh ta thấy những từ “chế phục” và “lương” là lỗi thời và không thích hợp. Và vì dù sao đi nữa, ở các “ông chủ”, do một mâu thuẫn phi lý, từ vựng vẫn sống dai hơn khái niệm bất bình đẳng, nên tôi không hiểu rõ lắm những gì gã phụ trách thang máy nói với tôi. Thế nên điều duy nhất tôi muốn biết là bà tôi hiện có ở khách sạn hay không. Đón trước câu hỏi của tôi, gã phụ trách thang máy nói: “Bà mệnh phụ ấy vừa ra khỏi phòng ông”. Tôi luôn luôn bị “bé cái nhăm”, lần này, tôi tưởng anh ta chỉ bà tôi. “Không, tôi muốn nói cái bà hình như là nhân viên nhà ông cơ.” Vì trong ngôn từ trưởng giả ngày xưa - lẽ ra phải hủy bỏ từ lâu rồi - người ta không gọi một bà bếp là nhân viên, nên tôi nghĩ một lát: “Nhưng anh ta lầm rồi, nhà mình đâu có nhà máy, lấy đâu ra nhân viên.” Tôi chợt nhớ ra rằng cái danh từ “nhân viên”, giống như việc các cậu bồi bàn ở tiệm cà phê để rìa, là một cách để những người làm công thỏa mãn lòng tự trọng của mình và cái “bà mệnh phụ” vừa ra khỏi phòng tôi không phải ai khác ngoài Françoise (có lẽ đến kho chứa thức ăn hay đang xem chị hầu phòng của bà mệnh phụ người Bỉ khâu may); tuy nhiên, niềm thỏa mãn ấy là không đủ đối với anh chàng phụ trách thang máy bởi khi biểu tỏ lòng thương đối với giai cấp mình, anh ưng nói “người công nhân”, “người dân đen”, dùng ở số ít như

Racine khi ông nói: “người nghèo”*. Nhưng như thường lệ, vì không còn hồ hởi, cũng chẳng rụt rè như ngày đầu nữa, tôi không nói với anh ta. Giờ đây, anh ta nói một mình chẳng ai đáp lời trong khi điều khiển chặng hành trình ngấn ngủi xuyên qua cái khách sạn như một thứ đồ chơi bị moi rỗng ruột, tỏa ra xung quanh, trên mọi tầng gác, những hành lang hun hút trong đó ánh sáng dịu mượt đi, nhuộm những bậc cầu thang một màu hổ phách vàng óng, mờ ảo và bí ẩn như ánh hoàng hôn trên nền đỏ Rembrandt vẽ đậm nét một thành cửa sổ hay một tay quay kéo gàu ở một giếng*. Và ở mỗi tầng, ánh vàng rực trên tấm thảm phản chiếu vằng dưng tà bên ngoài cửa sổ những phòng vệ sinh.

Tôi tự hỏi không biết các cô gái tôi vừa gặp có ở Balbec hay không, và họ là ai. Khi ham muốn được hưởng như vậy về một nhóm nhỏ mà nó tuyển lựa, tất cả những gì có thể gắn với nó trở thành cái cớ để gây xúc động, rồi gọi mộng mơ. Tôi đã nghe thấy một bà nói trên con đường đi dạo: “Đó là một bạn gái của tiểu thư nhà Simonet” với cái vẻ tự đắc của người thông thạo giải thích cho kẻ không biết gì: “Đó là bạn gắn bó keo sơn với công tước trẻ De la Rochefoucauld.” Và lập tức người ta cảm thấy trên mặt kẻ vừa được cho biết như thế một vẻ tò mò muốn nhìn kỹ hơn cô gái được đặc ân “là bạn của tiểu thư nhà Simonet”. Một đặc ân chắc chắn là không phải dành cho tất cả mọi người. Bởi giới quý tộc là một điều tương đối. Và có thể có những nhà trọ rẻ tiền ở đó con trai một nhà buôn bán đồ gỗ là mẫu mực thanh lịch và “trị vì một triều đình” như một

hoàng tử trẻ xứ Galles*. Từ lúc ấy, tôi cứ cố nhớ xem cái tên Simonet ấy đã có âm hưởng như thế nào đối với tôi trên bãi tắm, khi đó tôi còn chưa phân biệt rõ cả về hình thái lẫn ý nghĩa của nó vì chưa biết nó chỉ cô này hay cô nọ; tóm lại, đờm chất mông lung và mới mẻ đến làm ta nao lòng như thế, khi cái tên ấy - mà những chữ cái cấu thành mỗi giây lại khắc sâu thêm vào trong ta do ta không ngừng chú ý tới nó - trở thành (như trường hợp cái tên “tiểu thư nhà Simonet” với tôi, nhưng chỉ mấy năm sau mới xảy ra) từ đầu tiên ta thấy lại (hoặc vào lúc thức giấc, hoặc sau một cơn ngất xỉu), trước cả khái niệm về giờ giấc lúc đó hay nơi chốn ta đang hiện diện, gần như trước cả chữ “tôi”, như thể con người được chỉ danh bằng cái tên ấy là “ta” hơn cả bản thân ta, như thể sau mấy phút bất tỉnh, quăng ngưng kết thúc trước quăng ngưng khác chính là cái quăng trong đó ta không nghĩ đến người ấy. Tôi không biết tại sao ngay từ hôm đầu, tôi không thấy ra rằng cái tên Simonet là tên của một trong những cô gái kia; tôi không ngừng tự hỏi làm thế nào mình có thể làm quen với gia đình Simonet; và người giới thiệu phải là người họ tin là có địa vị cao hơn chính họ (điều chắc chẳng khó gì nếu đó chỉ là mấy ả làm tiền binh dân) để họ không thể có ý tưởng khinh thị tôi. Vì ta không thể hiểu biết hoàn toàn hoặc hấp thụ triệt để kẻ khinh thị mình chừng nào ta chưa thắng chính sự khinh thị đó. Mỗi khi hình ảnh những người đàn bà khác thâm nhập vào ta, trừ phi bị loại trừ bởi lãng quên hay sự cạnh tranh của những hình ảnh khác, nó chỉ để ta yên khi ta chuyển hóa nó thành một cái gì tương tự như ta, vì về mặt này, tâm hồn

ta được phú cho cùng một cách phản ứng và hoạt động giống như cơ quan vật thể của ta: không thể dung nạp trong lòng mình sự trà trộn của một vật thể lạ mà không lập tức ra sức tiêu hóa và đồng hóa “kẻ đột nhập”. Cô gái nhà Simonet hẳn là cô xinh nhất trong cả bọn - tôi có cảm giác rồi đây nàng có thể sẽ trở thành người tình của tôi, vì duy nhất chỉ có nàng ngoảnh đầu lại nửa chừng, dường như biết tôi đang đắm đắm nhìn. Tôi hỏi gã phụ trách thang máy có biết ai mang họ Simonet ở Balbec không. Không thích nhận là mình không biết điều gì, anh ta trả lời là có nghe người khác nhắc đến cái tên ấy. Tối tăng trên cùng, tôi đề nghị anh ta cho mang đến tôi danh sách mới nhất các khách lạ.

Tôi ra khỏi thang máy, nhưng thay vì về ngay phòng mình, tôi đi sâu thêm vào hành lang vì vào giờ này, người hầu phòng trực tầng, mặc dù sợ gió lùa, đã mở cửa sổ ở cuối dãy; cửa sổ này không nhìn ra biển mà quay về phía đồi và thung lũng, nhưng không cho thấy cảnh bên ngoài vì các ô kính bằng thủy tinh mờ đã phần thời gian thường đóng kín. Tôi dừng lại trước khung cửa sổ một quãng ngắn đủ để tỏ lòng sùng mộ đối với cái quang cảnh mà duy chỉ lần này nó hé cho tôi thấy bên kia quả đồi nơi khách sạn dựa lưng vào; cảnh chỉ gồm có một ngôi nhà cách khá xa, nhưng ánh chiều tà cộng với hiệu quả luật viễn cận không những giữ cho nó nguyên vẹn khối mà còn chạm trở nó thành một báu vật đặt trong một hộp lót nhung, tựa một mẫu kiến trúc thu nhỏ, một tác phẩm kim hoàn tráng men, đèn hay miếu thờ, dùng làm thánh tích mà người ta chỉ bày

ra cho thiện nam tín nữ cúng bái vào những dịp hiếm hoi. Nhưng khoảnh khắc thờ phụng ấy cũng đã kéo dài, gã hầu phòng, một tay cầm chùm chìa khóa, tay kia chào tôi bằng cách khẽ chạm vào chiếc mũ người giữ đồ lễ nhưng không nhắc lên vì khí trời chiều trong mát đã chớm lạnh, đến đóng hai cánh cửa, chấm dứt phút ngưỡng bái tôi dành cho thánh-tích-vàng-ngôi-đền-thu-nhỏ kia. Tôi trở về phòng mình. Càng vào giữa mùa, bức tranh tôi thấy trên khung cửa sổ càng thay đổi. Những ngày đầu, trời rất sáng, chỉ âm u vào lúc thời tiết xấu; khi đó, qua ô kính màu xanh lục vòng lên những con sóng tròn trăn, biển, lồng giữa khung sắt cửa sổ phòng tôi, tháo rời ra suốt dọc bờ vịnh lởm chởm đá những mảnh tam giác từ đó phọt lên một tia bọt sóng im ỉm với đường viền mượt tựa một lớp lông tơ hay một chiếc lông chim, tinh tế như nét vẽ của Pisanello và được cố định dưới lớp men màu trắng kem trường cửu thường dùng để thể hiện một lớp tuyết trong những đồ mỹ nghệ thủy tinh của Gallé*.

Rồi ngày ngắn dần; và lúc tôi bước vào phòng mình, bầu trời tím ngát dường như bị chiếc dùi nung rắn danh của vàng dương loang loáng thích dấu kỷ hà lên mình (tựa như biểu thị một ký hiệu kỳ diệu nào đó, như một hiện hình huyền bí nào đó), ngả rạp về phía biển trên cái bản lề của chân trời như một bức tranh tôn giáo trên ban thờ chính điện, trong khi những mảng hoàng hôn, phản chiếu trên mặt kính những tủ sách thấp tè bằng gỗ gụ chạy dọc chân tường, khiến tôi nghĩ tới bức tranh tuyết vời từ đó chúng được tách rời ra, tựa như những cảnh khác nhau do một

danh họa ngày xưa trang trí cho một điện thờ, để bày riêng từng tấm bên cạnh nhau trong một phòng bảo tàng, mà chỉ có trí tưởng tượng của khách tham quan mới đặt trở lại vị trí bên dưới bệ thờ. Mấy tuần sau, lúc tôi lên phòng, mặt trời đã lặn. Một vạt trời đỏ thắm ngay sát mặt biển, đặc quánh và sắc cạnh tựa khối thịt nấu đông, hết như dải trời tôi thường thấy bên trên tượng Thánh giá ở Combray những chiều đi dạo trở về, chuẩn bị thay đồ xuống bếp trước bữa tối; rồi bên trên mặt biển đã lạnh và xanh lại như loài cá gọi là cá đối xám, bầu trời hồng lên cái màu hồng của món cá hồi mà lát nữa chúng tôi sẽ gọi ở Rivebelle, khơi lại trong tôi niềm thích thú khi mặc quần áo chỉnh tề đi ăn tối. Trên mặt biển, ngay sát bờ, những tầng hơi nước chồng lên nhau, mỗi lúc một lan rộng, đen như mồ hóng, nhưng nhẵn bóng, chắc nịch như mã não và rõ ràng có trọng lực vì những tầng cao nhất bắt đầu chúc xuống trên đầu trụ biến dạng và chệch ra ngoài trọng tâm của những tầng đã tạo thành cột chông bên dưới chúng cho tới lúc này, dường như sắp kéo theo cả cái giàn giáo đã lên tới lưng trời này đổ ụp xuống biển. Nhìn thấy một con tàu ra khơi như một du khách trong đêm, tôi lại có cái cảm giác như lúc ở trên toa tàu: giải phóng khỏi những cưỡng chế của giấc ngủ và tình trạng ru rú trong một căn phòng. Và chẳng tôi không cảm thấy bị cầm tù trong căn phòng tôi đang ở, vì trong vòng một tiếng nữa tôi sẽ rời nó để lên xe ngựa đi ăn tối. Tôi gieo mình xuống giường; và như thế đang nằm trên giường ngủ một trong những con tàu tôi nhìn thấy khá gần mình, một trong những con tàu người ta

ngạc nhiên thấy chậm chậm lướt đi trong đêm như những con thiên nga lặng lẽ, mình đầy bóng tối nhưng không ngủ, tôi thấy quanh mình toàn những hình ảnh của biển.

Nhưng thật ra, nhiều khi đó chỉ là những hình ảnh; tôi quên mất rằng bên dưới màu sắc của chúng, là cái trống trồn của bãi biển thông thốc gió chiều xao xáo, cái ngọn gió mà tôi cảm nhận với xiết bao âu lo khi mới tới Balbec; gia dĩ, ngay cả ở trong phòng riêng, đầu óc còn xộn rộn hình ảnh những cô gái nhìn thấy trên đường, tôi cũng không ở trong tâm thế đủ bình thản hoặc đủ vô tư để có được những ấn tượng thực sự sâu sắc về cái đẹp. Nỗi ngóng đợi bữa ăn tối ở Rivebelle càng khiến tâm trạng tôi thêm phù phiếm và tư tưởng tôi, những lúc như thế này, chỉ hời hợt trên bề mặt cái cơ thể mà tôi sắp khoác lên bộ đồ diện ngất hòng làm vừa mắt những cô gái sẽ đăm đăm nhìn tôi trong ánh sáng trung của tiệm ăn, ắt không thể bổ sung thêm chiều sâu cho màu sắc của sự vật. Và nếu trước cửa sổ phòng tôi, không vọt lên những cánh nhạn, cánh én êm ái và không biết mệt, như một tia nước phun, một chùm pháo-hoa-sinh-khí, với vệt trắng dài những làn ngang bất động nổi lên khoảng cách giữa những điểm vút cao, không có phép mầu đáng yêu của cái hiện tượng thiên nhiên và đặc thù địa phương này gắn những quang cảnh trước mắt tôi với thực tại, thì tôi đã tưởng đó là những loạt tranh được chọn lọc – từng ngày có thay đổi – để đem bày tại nơi tôi đang ở một cách tùy tiện chẳng cần chúng nhất thiết phải liên quan với nơi đó. Chẳng hạn, có lần cảnh bày ra giống như một cuộc triển lãm tranh in tay Nhật Bản: bên cạnh

nét cắt mảnh của mặt trời đỏ tươi và tròn vành vạnh như mặt trăng, một áng mây vàng tựa một con hồ làm nền trên đó in đậm nét những lưới kiếm đen cùng những thân cây ven bờ; một dải màu hồng tươi nồn - cái sắc hồng tôi chưa từng gặp lại kể từ khi tôi có hộp màu đầu tiên - phình lên như một dòng sông với những con thuyền mắc cạn hai bên bờ như nằm chờ được kéo trở lại trên mặt sóng. Và với cái nhìn khinh mạn, ngán ngẩm và hời hợt của một gã nghiệp dư hay một quý bà dạo xem qua một phòng tranh trong khi chờ đợi tiếp tục chương trình tham quan, tôi nghĩ thầm: “Kể cũng lạ, cái cảnh dương tà này thật khác thường, song dù sao, mình cũng đã thấy những cảnh hoàng hôn cũng không kém êm đềm, không kém kỳ diệu.” Tôi thấy thích thú hơn vào những buổi chiều khi một con tàu biển như loãng ra thành chất lỏng, mất hút vào đường chân trời, hiện ra y hệt đồng màu, khác nào trong một bức tranh thuộc trường phái ấn tượng dường như cùng một chất liệu, như thể một khi cắt bỏ dây dợ thùng chảo và vỏ tàu, nó liền tan vào màu xanh mờ sương của bầu trời. Đôi khi đại dương choán gần kín khung cửa sổ phòng tôi được tôn cao lên nhờ một mảng trời phía trên chỉ có một vạch xanh giống như màu xanh của biển, khiến tôi ngỡ đó vẫn là biển, sự khác nhau về sắc thái chỉ do một hiệu quả ánh sáng mà thôi. Một hôm khác, biển chỉ được vẽ ở mé dưới của cửa sổ, còn tất cả phần còn lại thì đầy mây, những đám mây bị dồn lại với nhau thành từng phiến nằm ngang, nhiều đến nỗi tưởng như người nghệ sĩ dụng ý mượn những ô kính để giới thiệu “đặc sản” của mình - một *Nghiên cứu về Mây* - trong khi

những cửa kính của tủ sách thì phô bày những đám mây tương tự nhưng ở một phần khác của chân trời và được ánh sáng nhuộm những màu khác nhau, dường như muốn dùng một thủ pháp ưa thích của một số bậc thầy đương đại: lặp đi lặp lại cùng một hiệu quả duy nhất; toàn bộ các đám mây đó được ghi vào những thời điểm khác nhau nhưng giờ đây, nhờ tính bất động của nghệ thuật, ta có thể ngắm tất cả trong cùng một tác phẩm thể hiện bằng sáp màu, lồng trong khung kính. Và thi thoảng, trên bầu trời và mặt biển cùng một màu xám, một chút xiu hồng len vào một cách tinh tế tuyệt vời, trong khi một chú bướm nhỏ ngủ quên bên dưới cửa sổ dường như áp đôi cánh mỏng vào mé dưới bức *Hài hòa màu xám và hồng* nhái theo Whistler này, in lên đó chữ ký ưa thích của bậc thầy ở Chelsea*. Thế rồi chính mảnh hồng ấy cũng biến mất, và chẳng còn gì để nhìn nữa. Tôi đứng dậy một lát và, trước khi ngả lưng trở lại, kéo những tấm rèm lớn xuống. Nằm trên giường, tôi nhìn thấy bên trên chúng cái vệt sáng còn lưu lại đó tối dần, mỏng dần, nhưng tôi không buồn, cũng chẳng thấy tiếc khi để cái khoảnh khắc cuối ngày tắt đi như vậy bên trên những tấm rèm, cái thời điểm mà bình thường vốn là giờ ăn tối, vì tôi biết ngày hôm nay không giống những ngày khác, mà dài hơn, tựa ngày ở địa cực, nơi đêm chỉ kéo dài chừng mấy phút; tôi biết rằng từ vỏ-kén-hoàng-hôn này, do một biến hình rạng rỡ, sẽ tuôn ra ánh sáng ngời ngời của tiệm ăn ở Rivebelle. Tôi tự nhủ: “Đến giờ rồi”; tôi vươn vai trên giường, đứng dậy, tắm rửa xong xuôi; và tôi thấy những khoảnh khắc vô dụng này cũng thú vị, trút đi được

mọi gánh nặng vật chất, trong khi ở bên dưới, những người khác ăn tối thì tôi chỉ dùng toàn bộ năng lượng tích tụ trong quãng cuối ngày nhàn rỗi này vào việc lau khô mình, mặc một chiếc *smoking*, thắt cà vạt, làm mọi cử chỉ ngay từ giờ đã tuân theo chỉ dẫn của sự chờ mong niềm thích thú được gặp lại cô gái mình đã để ý lần vừa rồi ở Rivebelle, nàng hình như đã nhìn mình và có lẽ chỉ rời bàn ăn một lát cốt nhử mình bám theo; tôi vui thích nhấn thêm tất cả những cảm dỗ đó để sẵn sàng hiến mình trọn vẹn cho một cuộc sống mới tự do, vô lo trong đó những do dự của tôi có thể dựa vào sự bình tĩnh của Saint-Loup và tôi có thể chọn trong các loài, giống của vạn vật học và những đặc sản từ khắp các nước, những món hấp dẫn khẩu vị hay trí tưởng tượng của tôi để thêm vào những món lạ lẫm mà bạn tôi sẽ gọi tức thì.

Rồi cuối cùng, đến lúc tôi không thể từ con đường đi dạo ven biển trở vào thẳng phòng ăn của khách sạn: đêm đến, cửa kính ở đây không mở nữa vì bên ngoài, đám người nghèo và hiếu kỳ, hấp dẫn bởi ánh sáng huy hoàng mà họ không thể đạt tới, rét run trong gió đông hàn vẫn bám từng chùm đen kịt vào những vách trượt ngời ngời của cái tổ ong bằng thủy tinh này.

Có tiếng gõ cửa; đó là Aimé, anh ta muốn đích thân mang cho tôi danh sách các khách trọ mới nhất. Trước khi cáo lui, Aimé còn cố khẳng định với tôi rằng Dreyfus rành rành có tội. “Không năm nay thì sang năm, anh ta bảo tôi, người ta sẽ biết hết mọi chuyện: một ông có quan hệ mật thiết với bộ tham mưu tiết lộ với tôi như vậy*.” Tôi hỏi anh

người ta có quyết định công bố tất cả ngay lập tức trước cuối năm hay không. “Ông ấy đã đặt điều thuốc lá xuống,” Aimé nói tiếp, làm điệu bộ bắt chước vị khách của anh ta, vừa lắc đầu vừa dứ ngón tay trở, như muốn nói: không nên đòi hỏi quá. “Không phải năm nay đâu, Aimé, ông ấy vỗ vai tôi bảo thế, năm nay thì chưa thể. Nhưng đến lễ Phục sinh thì được!” Và Aimé vỗ nhẹ vào vai tôi: “Cậu thấy không, ông ấy làm đúng như thế đấy,” hoặc vì anh ta hãnh diện được một nhân vật lớn đối xử thân mật như vậy, hoặc để tôi có thể đánh giá với ý thức đầy đủ sức thuyết phục của lập luận đó và những lý do khiến chúng ta hy vọng.

Tôi không khỏi cảm thấy tim mình thoáng rung lên xao xuyến khi đọc thấy ngay ở trang đầu danh sách khách mới đến những chữ “Simonet và gia đình”. Trong tôi, có những mộng mơ cũ từ thuở ấu thơ; trong những mộng mơ ấy, tất cả yêu thương chất đầy con tim, quyến luyến đến độ không thể phân biệt với con tim, nhưng lại do một con người hoàn toàn khác với tôi mang lại. Con người đó, một lần nữa, tôi lại bịa ra bằng cách sử dụng cái tên họ Simonet và ký ức về sự hài hòa giữa những thân hình tươi trẻ tôi đã nhìn thấy diễu trên bãi biển như trong một cuộc diễu hành thể thao xứng đáng với thời cổ đại Hy Lạp, với ngọn bút của Giotto*. Tôi không biết trong nhóm các cô gái đó, ai là tiểu thư Simonet, liệu trong số họ có ai tên là thế không, nhưng tôi biết tiểu thư Simonet thích tôi, và nhờ Saint-Loup, tôi sẽ làm quen được với nàng. Khốn thay, hôm nào anh cũng buộc phải về trại ở Doncières, chỉ với điều kiện ấy, anh mới được kéo dài thời gian nghỉ phép; nhưng để khiến anh xao

lãng nghĩa vụ nhà binh, tôi nghĩ mình có thể trông cậy vào một điều còn đặc lực hơn cả tình bạn của anh đối với tôi: sự tò mò muốn tìm hiểu của nhà tự nhiên học về con người mà nhiều lần chính tôi đã cảm thấy - thậm chí chưa cần gặp người được nhắc tới mà chỉ nghe nói có một cô thủ quỹ xinh đẹp ở cửa hàng hoa quả - muốn thấy một mẫu nhan sắc nữ mới. Nhưng tôi đã lắm khi hy vọng kích thích sự tò mò ấy ở Saint-Loup bằng cách kể về những cô gái “của tôi”. Bởi lẽ nó đã bị tình yêu anh dành cho người bạn gái nữ diễn viên làm tê liệt từ lâu rồi. Và tôi nghe gió thổi mà không thấy lòng buồn, tôi biết nó không có nghĩa là tôi ngay cả nếu anh có thoáng cảm thấy tò mò thì anh cũng dập tắt luôn vì một thứ mê tín dị đoan rằng sự chung thủy của người tình tùy thuộc vào sự chung thủy của chính anh. Cho nên chúng tôi lên đường đi Rivebelle ăn tối mà tôi chẳng được anh hứa hẹn sẽ tích cực lo chuyện tiếp cận các cô gái “của tôi”.

Thời kỳ đầu, chúng tôi thường tới vào lúc mặt trời vừa lặn; trong vườn của nhà hàng, chưa lên đèn, ánh sáng ban ngày mờ dần, như lắng xuống đáy một chiếc bình... ít lâu sau, khi chúng tôi xuống xe thì đêm đã buông, thậm chí nhiều khi trời đã sâm sẩm từ lúc chúng tôi khởi hành từ Balbec nếu thời tiết xấu và chúng tôi cho hoãn chậm việc thắt cương ngựa xe, hy vọng trời quang trở lại. Nhưng ngày hôm đó, phải từ bỏ những dự định của mình, giam mình trong một căn phòng, tôi biết rằng trong phòng ăn rộng lớn của nhà hàng, nơi chúng tôi bước vào trong tiếng nhạc Di gan, vô số những ngọn đèn sẽ dễ dàng chiến thắng bóng tối và

giá rét, và tôi vui vẻ cùng Saint-Loup bước lên cỗ xe song mã đang chờ chúng tôi dưới cơn mưa rào. Trước đây, bất chấp ý kiến của tôi, Bergotte nói ông tin chắc rằng tôi sinh ra chủ yếu để thưởng thức niềm vui của công việc trí tuệ, và từ ít lâu nay, những lời khẳng định đó khiến tôi trở lại nghĩ về những gì sau này tôi có thể làm, nhưng niềm hy vọng ấy mỗi ngày lại bị làm nản dần bởi nỗi buồn chán tôi cảm thấy khi ngồi vào bàn bắt đầu một bài nghiên cứu phê bình hay một tiểu thuyết. “Xét cho cùng, tôi tự nhủ, có lẽ niềm thích thú ta cảm thấy khi viết không phải là tiêu chí không thể lầm của một tác phẩm hay; có lẽ nó chỉ là một tâm trạng thứ yếu thường phụ thêm vào, nhưng không vì thiếu nó mà vội đánh giá thấp nó. Có thể một số kiệt tác được soạn thảo trong khi tác giả vừa viết vừa ngáp.” Bà tôi trấn an những nghi ngờ của tôi bằng cách nói rằng tôi sẽ làm việc tốt với niềm vui nếu tôi khỏe mạnh. Và sau khi ông thầy thuốc của chúng tôi thấy nên thận trọng cảnh báo cho tôi những nguy cơ nghiêm trọng mà tình trạng sức khỏe của tôi có thể đẩy tôi lâm vào và đã vạch cho tôi mọi phòng ngừa vệ sinh cần phải theo để tránh tai nạn, tôi đặt tất cả những vui thú là thứ yếu phục vụ cho mục đích mà tôi cho là vô cùng quan trọng hơn chúng: trở nên đủ mạnh để có thể thực hiện tác phẩm mà có lẽ tôi mang trong bản thân mình. Từ khi đến Balbec, tôi thường xuyên kiểm soát bản thân từng li từng tí. Không ai có thể dụ tôi dừng tay đến tách cà phê nó sẽ tước đi của tôi giấc ngủ ban đêm cần thiết để hôm sau khỏi mệt. Nhưng hễ tới Rivebelle, là ngay lập tức - vì sự kích thích của một thú vui mới mẻ và do cái

ngoại lệ xui ta bước vào một vùng khác hẳn sau khi đã cắt đứt sợi chỉ bao ngày kiên nhẫn xe dệt nên để đưa ta về phía sáng suốt khôn ngoan - như thể sẽ không bao giờ có ngày mai hoặc những mục đích cao cả để vươn tới, cái cơ chế chính xác vệ sinh phòng bệnh để bảo toàn ấy biến mất tăm. Trong khi một anh hầu đỡ cho tôi cởi áo ngoài, Saint-Loup bảo tôi:

“Cậu không sợ lạnh ư? Cậu đừng nên cởi, trời không ấm lắm đâu.”

Tôi đáp: “Không, không.” Có lẽ tôi không cảm thấy rét thật, nhưng dù sao đi nữa, tôi cũng hết sợ lâm bệnh, thói không màng đến sự cần thiết phải giữ gìn cho khỏi chết, cũng chẳng nghĩ tới sự quan trọng phải làm việc nữa. Tôi trao chiếc áo bành tô cho anh hầu. Chúng tôi bước vào nhà hàng trong âm thanh một khúc quân hành do một ban nhạc Di gan diễn tấu, chúng tôi tiến giữa những dãy bàn ăn như trên một con đường chiến thắng dễ dàng, và, cảm thấy một nhiệt huyết hân hoan thấm vào cơ thể từ tiết tấu của dàn nhạc đang cử hành nghi lễ nhà binh chào đón mình và cái vinh quang mình không xứng đáng được hưởng, chúng tôi giấu cảm giác đó dưới một vẻ mặt nghiêm trang và giá băng, dưới một dáng đi đầy mệt mỏi, để khỏi giống mấy ả ca sĩ vênh váo ở tiệm cà phê ca nhạc bước lên sân khấu với phong thái hùng dũng của một vị tướng thắng trận, trình diễn một bài hát nhả nhót theo điệu một bài ca ra trận.

Bắt đầu từ lúc ấy, tôi thành một con người mới, không còn là thằng cháu của bà tôi, chẳng nhớ gì đến cụ cho tới khi ra về, tạm thời là anh em với những gã bồi phục vụ bàn

ăn. Chỉ trong một tiếng đồng hồ, tôi đã nốc cạn một khối lượng bia - chưa kể đến sâm panh - mà nếu ở Balbec thì cả một tuần, tôi cũng không muốn uống tới mức ấy (tuy vào lúc tỉnh táo, bình tĩnh, tôi có thể thưởng thức hương vị của hai thứ đồ uống ấy như một cảm khoái thích thú nhưng có thể dễ dàng từ bỏ), điểm thêm mấy giọt porto mà vì tâm trí đang quá lảng đãng tôi không thưởng thức được; và tôi thưởng cho người chơi vĩ cầm cả hai đồng tiền vàng *louis* tôi đã tiết kiệm từ một tháng nay để mua thứ gì đó mà tôi không sao nhớ ra nổi. Mấy gã bồi lao hết tốc lực giữa những dãy bàn, tay vươn thẳng bung đĩa thức ăn, như thể mục đích cuộc chạy đua này là không được làm rơi đĩa thức ăn đó. Và thực tế, các món ăn, mặc dù bị lay động dữ dội bởi đà phóng nước đại ấy, vẫn tới đích không hề suy suyển. Trong đám vụ ấy, tôi để ý tới một gã rất cao lớn, đầu xù lên một mái tóc đen nhánh, mặt thoa phực một màu phấn khiến gã giống một loài chim hiếm hơn là giống người; gã chạy tới chạy lui không ngừng từ đầu này đến đầu kia phòng ăn, tựa như chẳng nhằm mục đích gì, khiến ta nghĩ tới những chú vẹt màu lông chói gắt không hiểu vì sao cứ liên tục bay loạn xạ trong những chuồng chim lớn ở vườn bách thú. Ít phút sau, màn diễn ổn định lại, đỡ nhốn nháo, và sang trọng hơn, ít nhất dưới con mắt tôi. Toàn bộ hoạt động đến chóng mặt ấy lắng xuống thành một sự hài hòa bình lặng. Tôi nhìn vô số những cái bàn tròn tập hợp lại chật kín nhà hàng, tựa như chừng nấy hành tinh theo cách chúng được thể hiện trong những tranh ngụ ngôn ngày xưa. Và chẳng, có một sức hút không thể cưỡng lại giữa

những thiên thể ấy, và những người ngồi ăn ở mỗi bàn chỉ chú mục đến những bàn khá, chỉ trừ một vị chủ tiệc giàu có đã lôi kéo được một nhà văn nổi tiếng về bàn mình, lúc này đây, nhờ phép mầu của bàn xoay, ông ta đang ra sức mời từ vị khách những câu chuyện nhăng nhí mà các bà xuýt xoa thán phục. Sự hài hòa của những cái bàn-hành-tinh ấy không ngăn nổi cuộc “cách mạng không ngừng” của đám người phục vụ đông vô kể, vì họ ở tư thế đứng chứ không ngồi như các thực khách, họ vận động ở một tầm cao hơn. Dĩ nhiên, một người trong bọn họ chạy tới bàn này bàn nọ mang đồ nguội, thay rượu vang, thêm ly cốc. Nhưng bất kể những lý do cụ thể đó, sự chạy tới chạy lui liên miên của họ cuối cùng cũng lộ rõ quy luật chi phối lưu chuyển đến chóng mặt song quy củ của nó. Ngồi đằng sau một khóm hoa cảnh to tướng, hai cô thu ngân góm ghiếc bận bịu tính toán không ngừng, nom như hai mụ phù thủy bận tiên đoán bằng những tính toán thiên văn những đảo lộn đôi khi có thể xảy ra trong vòm trời này theo quan niệm của khoa học thời Trung cổ.

Và tôi thấy hơi thương hại cho tất cả các thực khách vì tôi cảm thấy trong con mắt họ, những cái bàn tròn không phải là những hành tinh và họ không biết thực hiện một lát cắt ngang sự vật nó giúp ta gỡ bỏ cái bề ngoài quen thuộc của sự vật để ta thấy được những tương đồng. Họ nghĩ đến việc ăn với người này, người nọ, áng chừng bữa ăn tốn hết bao nhiêu, có lẽ hôm sau sẽ lại gọi món như thế. Và họ dường như hoàn toàn không thấy toán thiếu niên phụ hầu bàn mang bánh mì trong giỏ diễu qua, có lẽ lúc này không

có việc gì khẩn cấp phải làm. Mấy đứa còn quá trẻ, chờ đợi vì những cái bạt tai mà các đàn anh đi ngang qua tiện tay “ban phát”, buồn bã dõi mắt vào một giấc mơ xa xăm, chỉ nguôi khuây nếu một vị khách nào đó của khách sạn ở Balbec, nơi chúng tập sự, nhận ra chúng, hỏi han chúng hoặc bảo đích thân chúng dẹp bỏ cái thứ sâm panh không nuốt nổi đi, điều khiến chúng tràn đầy kiêu hãnh.

Tôi có thể nghe thấy những dây thần kinh của mình râm ran, trong đó có cảm giác sung mãn; cảm giác ấy không phụ thuộc vào những vật bên ngoài có thể tạo nên nó, mà mọi vận động nhỏ nhất tôi khiến cơ thể hoặc trí não mình thực hiện cũng đủ để mang lại cho tôi, như lối một sức nén nhẹ nhẹ lên một con mắt nhắm có thể đem lại cảm giác về màu sắc. Tôi đã uống quá nhiều porto và nếu tôi yêu cầu uống thêm, thì đó không phải vì cái cảm giác sáng khoái mà những ly mới sẽ mang lại cho tôi, mà chính là vì hiệu quả sáng khoái do những ly trước tạo nên. Tôi để cho chính âm nhạc dẫn dắt niềm cảm khoái của mình trên từng nốt, nó ngoan ngoãn theo liền, đậu lên đó. Nếu như, giống như những kỹ nghệ hóa học kia chế ra hàng loạt những vật thể chỉ họa hoàn hảo mới gặp nhau một cách ngẫu nhiên trong tự nhiên, cái nhà hàng ở Rivebelle này cùng một lúc tập hợp được nhiều nữ khách chứa tận trong bản ngã những triển vọng hạnh phúc đang vẫy gọi tôi, nhiều hơn cả số người đẹp tôi tình cờ gặp trong những cuộc đi dạo hay du hành bằng xe ngựa trong suốt một năm trời, thì mặt khác, chính thứ âm nhạc chúng tôi đang nghe - phối soạn những điệu valse, những opérette Đức, những bài hát ở tiệm cà

phê ca nhạc, tôi chưa từng nghe - cũng giống như một nơi vui thú trên không chồng lên nơi hưởng lạc thực sự tồn tại bên dưới và còn làm ta ngây ngất hơn. Bởi vì mỗi mô típ nhạc, riêng biệt như một người đàn bà, nhưng khác nàng ở chỗ không chỉ dành phần bí ẩn khoái lạc nó tàng trữ cho ai đó được đặc quyền, nó mời mọc tôi thưởng thức, nó lúng liếng liếc nhìn tôi, tiến đến tôi với dáng đi điệu dàng hay đỏng đảnh, tiếp cận tôi, mơn trớn tôi, như thể tôi đột nhiên trở nên quyến rũ hơn, quyền thế hơn, giàu có hơn vậy; tôi thấy ở những điệu nhạc ấy một cái gì độc ác; đó là ở chúng thiếu vắng mọi nét vô tư của cái đẹp, mọi ánh tuệ; đối với chúng, chỉ có khoái thú vật thể là hiện hữu. Và chúng là thứ địa ngục không đường thoát, tàn nhẫn nhất đối với anh chàng tội nghiệp đầy máu ghen nào cảm nhận thấy ở chúng khoái thú đó - thứ khoái thú mà người đàn bà anh ta yêu tận hưởng với một gã đàn ông khác - và anh ta cảm nhận nó như là khoái thú duy nhất trên đời của người đàn bà vốn là cả thế giới đối với anh ta. Nhưng trong khi tôi khe khẽ nhắm lại những nốt nhạc đó như một nụ hôn đáp trả, thì niềm khoái lạc đặc biệt chúng mang lại cho tôi bỗng trở nên thân thiết đến nỗi tôi sẵn sàng rời bỏ cha mẹ để theo mô típ ấy vào cái thế giới kỳ lạ mà nó xây dựng trong cõi vô hình, với những đường nét lúc thì lả lướt khi lại rất linh hoạt. Và những lúc như vậy, mặc dù một khoái cảm như vậy không thuộc loại làm tăng giá trị cho người được hưởng nó vì chỉ một mình người ấy cảm thụ nó, và mặc dầu mỗi lần bị loại khỏi mắt xanh của một nữ lang ngay từ cái nhìn đầu, nàng không biết trong thâm tâm mình có niềm lạc thú chủ

quan ấy hay không, do đó chẳng có lý do gì để thay đổi nhận định về mình, tôi vẫn tự cảm thấy có thêm sức mạnh hấp dẫn, gần như không thể cưỡng. Tôi dường như không còn thấy tình yêu của mình là một cái gì khó chịu mà người ta có thể cười giễu nữa, trái lại nó chứa đích thị cái đẹp xúc động lòng người và sức quyến rũ của mô típ nhạc ấy, bản thân nó tựa như một nơi chốn đầy thiên cảm để người đàn bà tôi yêu và tôi, đột nhiên thành cặp đôi thân thiết, dắt tay nhau đến.

Khách của nhà hàng không chỉ có đám gái giang hồ, mà còn gồm những người trong giới thượng lưu thanh lịch nhất, họ đến dùng bữa trà chiều vào quãng năm giờ hoặc mở những đại tiệc chiêu đãi. Những bữa trà chiều thường diễn ra trong một hành lang dài, hẹp, tường kính chạy từ tiền sảnh đến phòng ăn, dọc suốt một chiều cạnh của khu vườn chỉ cách ngăn khỏi nó bởi dăm ba chiếc cột đá cùng dây vách kính dây, đó mở ra mấy ô cửa sổ. Do vậy, ngoài những cú lóe nắng bất chợt và cách quãng và nhiều cơn gió lùa, nơi này còn bị chói sáng đến nỗi hầu như không thể nhìn rõ dung nhan những nữ khách dự tiệc trà, thành thử khi họ ngồi chật cứng từng cặp bàn kê suốt chiều dài dãy hành lang hẹp như cổ chai, cứ mỗi lần cử động để uống trà hay chào hỏi nhau, họ lại óng ánh lên; tưởng như đây là một bể chứa hay một cái lò trong đó người đi câu chất “chiến lợi phẩm”, những con cá rục rở đã thò nửa mình ra khỏi mặt nước đón những tia nắng lấp lánh.

Mấy giờ sau, khi sau khi bữa tối được dọn ra, tất nhiên ở phòng ăn lớn, người ta lên đèn mặc dầu bên ngoài còn đủ

sáng để có thể nhìn thấy trước mặt mình, trong vườn, cạnh những chòi còn nhuộm ánh hoàng hôn như những bóng ma chiều nhờ nhạt, những hàng cây duyên với vòm lá xanh còn lưu luyến những tia nắng cuối, nhìn từ trong phòng ăn sáng đèn, chúng hiện ra bên kia vách kính - không như các bà các cô dự buổi trà chiều dọc dãy hành lang hẹp xanh xanh pha óng vàng, mắc trong cái lưới lấp lánh ướt - mà như lớp rong rêu trong một cái bể nuôi cá khổng lồ xanh nhờ nhờ dưới ánh sáng siêu nhiên. Người ta đứng dậy khỏi bàn ăn; và nếu trong bữa ăn, các vị khách vừa kết dính hoàn hảo quanh bàn của mình vừa nhìn ngó, cố nhận ra, hỏi tên những người ngồi bên cạnh, thì lúc này cái hấp lực khiến họ xoay quanh vị chủ tiệc, bắt đầu mất dần sức mạnh vào lúc họ tản ra đi uống cà phê ở chính cái hành lang đã phục vụ bữa trà chiều; nhiều khi giữa chừng một tiệc nào đó, một vài thành viên, bị bàn tiệc cạnh tranh cuốn hút quá mạnh, tách khỏi bàn mình và được thay trong chốc lát bằng mấy ông mấy bà đến chào bạn, trước khi quay về chỗ còn nói: "Tôi phải trở về bàn ông X đây, hôm nay ông ấy mời tôi." Và trong một khoảnh khắc, tưởng như hai bó hoa riêng rẽ trao đổi với nhau vài bông. Rồi cả hành lang cũng quạnh vắng nốt. Nhiều khi, vì ngay cả sau bữa tối, trời vẫn còn hơi sáng, người ta không bật đèn ở dãy hành lang dài này, và với hàng cây nghiêng mình bên kia vách kính, nom nó như một lối đi trong vườn rậm. Đôi khi, một nữ thực khách nấn ná trong bóng tối hành lang. Một buổi chiều, khi đi qua đó để ra ngoài, tôi trông thấy nữ quận chúa De Luxembourg kiêu diễm ngồi giữa một nhóm lạ mặt. Tôi ngả mũ chào,

không dừng lại. Bà nhận ra tôi, mỉm cười nghiêng đầu đáp lễ; tí bên trên cái cử chỉ nghiêng đầu ấy và phát ra từ chính nó, mấy tiếng êm ái gửi đến tôi, hẳn là một câu chào hỏi kéo dài, không nhằm níu tôi dừng bước mà chỉ để hoàn chỉnh động tác thi lễ ấy thành một *lời* chào. Nhưng những lời đó nghe không rõ, âm thanh mà chỉ mình tôi cảm nhận được, kéo dài dịu dàng và du dương đến nỗi tưởng như trong vòm lá đã sẫm tối, một con họa mi bỗng cất tiếng hót. Rồi tình cờ, chúng tôi gặp một nhóm bạn của Saint-Loup và anh quyết định kết thúc tối vui cùng họ ở nhà Casino ven biển một tỉnh bên, và lên đường với họ, anh để tôi một mình trong một cỗ xe, tôi bảo người xà ích phóng hết tốc lực nhằm rút ngắn quãng thời gian tôi chẳng biết dựa vào ai ngoài bản thân để mang lại cho tính nhạy cảm của mình những nâng đỡ mà từ khi tới Rivebelle, tôi toàn nhận được từ người khác. Khả năng va chạm với một chiếc xe đi ngược chiều với mình trên những con đường hẹp chỉ đủ chỗ cho một chiếc mà trời lại tối đen như mực, mặt đường gồ ghề thường khi ngổn ngang đất lở từ vách đá bên trên, cái dốc đứng ở gần kề thẳng tuốt xuống biển, không gì trong tất cả những cái đó khởi động được trong tôi cái cố gắng nho nhỏ cần thiết để khiến lý trí tôi nhận ra và e sợ nguy cơ có thể xảy ra. Là vì, cũng như không phải mong muốn trở nên nổi tiếng mà chính thói quen làm việc cần cù mới khiến ta có thể sản xuất ra tác phẩm, không phải niềm hân hoan của thời khắc hiện tại mà chính những suy nghĩ minh triết của quá khứ giúp ta bảo toàn được tương lai. Vậy mà, nếu như vừa mới tới Rivebelle, tôi đã vội quẳng xa khỏi

mình đôi nạng của luận lý và tự kiểm soát bản thân nó giúp ta vượt lên khuyết tật để đi theo con đường thẳng, bởi thế trở thành nạn nhân của một thứ có thể gọi là chứng mất điều hòa về tinh thần, thì rượu, bằng cách làm thần kinh tôi đặc biệt căng thẳng, đã đem lại cho những giây phút hiện một phẩm chất, một vẻ đẹp đầy sức quyến rũ song không có tác dụng khiến tôi tăng thêm khả năng, hoặc thậm chí quyết tâm hơn để bảo vệ chúng; bởi vì, do làm cho tôi mê thích chúng ngàn lần hơn tất cả mọi giây phút khác, niềm phấn chấn của tôi đã cô lập chúng khỏi phần còn lại của đời tôi; tôi bị giam trong hiện tại, như những anh hùng, như những gã say rượu; tạm thời bị che khuất, quá khứ của tôi không phóng chiếu ra trước mặt tôi cái bóng của chính nó mà chúng ta quen gọi là tương lai; không đặt mục đích đời mình vào việc thực hiện những ước mơ của cái quá khứ ấy nữa, mà vào niềm sung sướng tuyệt vời của giây phút hiện tại, tôi không nhìn xa hơn phúc phận đó. Thành thử ra, do một mâu thuẫn chỉ là bề ngoài, chính vào lúc tôi cảm thấy một niềm thích thú đặc biệt khiến tôi nghĩ đời mình có thể hạnh phúc, đáng giá hơn trong mắt chính mình, phải, chính vào cái lúc ấy, thoát khỏi mọi âu lo mà cho tới lúc đó, cuộc đời đã gây cho mình, tôi lại không ngần ngại phó mặc nó cho may rủi của ngẫu nhiên. Vả chăng, tổng lại, tôi chỉ làm cái việc cô đúc lại trong một buổi chiều sự thiếu quan tâm mà những người khác pha loãng ra cho cả cuộc đời họ trong đó hằng ngày họ đối mặt một cách không cần thiết với nguy cơ một cuộc viễn du trên biển hoặc một cuộc du ngoạn bằng máy bay hay xe hơi trong khi người ta sẽ cực

kỳ đau khổ nếu cái chết đang chờ họ ở nhà, hoặc khi mà trí não mỏng manh còn vương vấn cuốn sách sắp ra đời vốn là lẽ sống duy nhất của họ. Và cũng giống như thế, nếu một tối chúng tôi lưu lại tiệm ăn ở Rivebelle, có kẻ đến định giết tôi, trong khi tôi chỉ còn thấy bà tôi, cuộc đời mai sau của tôi, những cuốn sách tôi dự định viết trong một cõi xa vời hư ảo, trong khi toàn bộ tâm trí tôi để cả vào mùi hương của người thiếu phụ ngồi ở bàn bên, vào thái độ lễ phép của các trưởng bồi bàn, vào nét giai điệu của bài valse ban nhạc đang chơi, khi mà tôi dính chặt vào cảm giác hiện tại, không vươn xa hơn nó, cũng chẳng có mục đích nào khác ngoại trừ không phải tách rời khỏi nó, lúc ấy chắc tôi có thể ôm ghì nó mà chết, tôi ắt để cho người ta tàn sát mình mà không động một ngón tay để tự vệ, tựa một con ong đờ đẫn vì khói thuốc lá, không thiết bảo toàn lượng nhụy hoa đã hút được, kết quả của bao cố gắng gom lại, và cũng chẳng còn hy vọng về tới tổ.

Tôi phải nói thêm rằng phạm vi những điều trọng đại nhất bị tôi “giáng cấp” xuống mức vô nghĩa, tương phản với niềm phấn chấn của tôi, cuối cùng bao gồm luôn cả tiểu thư Simonet và các bạn cô. Giờ đây tôi thấy việc làm quen với họ là chuyện dễ, song tôi không thiết nữa vì chỉ cảm giác hiện tại của mình là quan trọng với tôi - nó mạnh mẽ phi thường, liên tục, tìm biến dị nhỏ nhất của nó cũng đem lại cho tôi niềm vui; tất cả những thứ khác - cha mẹ, công việc, thú vui, những cô gái ở Balbec - không nặng gì hơn một cụm bọt sóng bị cuốn đi trong một cơn gió mạnh, và chỉ còn tồn tại trong tương quan với cảm giác nội tâm

mãnh liệt ấy; trạng thái say sưa hiện thực hóa chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết hiện tượng thuần túy được vài giờ, tất cả chỉ còn là bề ngoài và chỉ còn tồn tại theo cái bản ngã cao vời của chúng ta. Vả chăng, đó không có nghĩa là một tình yêu chân chính, nếu có, không thể tồn tại trong điều kiện như vậy. Nhưng chúng ta cảm thấy rất rõ, như trong một môi trường mới, rằng những áp lực xa lạ đã làm thay đổi kích thước của cái cảm xúc ấy mà ta không thể xem xét như cũ. Ta quả có thấy lại vẫn tình yêu ấy, nhưng dịch chuyển đi, không đè nặng lên ta nữa, thỏa mãn với cái cảm giác mà hiện tại mang đến cho nó, và cảm giác ấy là đủ cho ta vì ta không bận tâm đến những gì không thuộc về hiện tại. Buồn thay, cái hệ số làm thay đổi các giá trị theo cách ấy chỉ thay đổi chúng trong cái giờ say sưa ấy mà thôi. Những người lúc này chẳng còn quan trọng gì, bị ta thổi tung như thổi bong bóng xà phòng, ngày mai sẽ khôi phục lại tỷ trọng của mình; sẽ lại phải ráng gò mình vào những công việc chẳng còn có ý nghĩa gì nữa hết. Điều nghiêm trọng hơn nữa, cái thứ toán học của ngày hôm sau (vẫn là cái toán học của ngày hôm trước) mà ta nhất thiết phải đương đầu với những hóc búa của nó, lại chính là cái toán học chi phối ta ngay cả trong những giờ say sưa ấy mà ta không hay. Nếu bên cạnh ta, có một phụ nữ đức hạnh hay đối địch, cái điều ngày hôm qua khó khăn đến thế - cụ thể là khiến được nàng thích mình - giờ đây ta cảm thấy triệu lần dễ hơn song tuyệt nhiên không phải thế vì đó chỉ là theo con mắt của bản thân ta, ta chỉ thay đổi dưới con mắt bên trong của bản thân mình mà thôi. Còn nàng thì rõ

ràng là phật ý vào chính cái lúc ta mạo muội làm một cử chỉ suồng sã, cũng như ngày hôm sau, ta phật ý khi nhớ lại là đã “boa” cho gã phục vụ khuân đồ những một trăm franc, và cũng vẫn vì cái lý do bị hoãn chậm đối với ta: chưa được say.

Tôi không quen biết ai trong số các bà các cô ở Rivebelle, nhưng vì họ là bộ phận cấu thành cơn say của tôi như những ánh phản quang là bộ phận cấu thành chiếc gương, nên họ dường như muôn phần gọi dục hơn cô nàng tiểu thư Simonet mỗi ngày một bớt hiện hữu. Một cô tóc vàng ngồi một mình, vẻ buồn buồn, đội một chiếc mũ rơm có cắm dăm bông hoa đồng nội, nhìn tôi một lát với vẻ mơ màng. Tôi thấy cô dễ thương. Rồi đến lượt một cô khác, rồi một cô thứ ba nữa; cuối cùng, đến một cô tóc nâu, nước da ngời ngời. Không như tôi, Saint-Loup biết hầu hết các cô gái đó.

Thật vậy, trước khi bắt quen với cô người tình hiện nay, Saint-Loup đã sống trong cái thế giới hạn hẹp của hội hè đình đám thường xuyên đến nỗi trong tất cả các nữ khách ăn tối ở Rivebelle những hôm đó - một số đến gặp lại người tình, số khác tìm cách bắt bồ với một chàng nào đó - ít có ai mà anh không biết, do vì chính anh hoặc một trong các bạn anh đã qua đêm với họ ít nhất là một lần. Anh không chào họ nếu họ đi cùng một người đàn ông, còn họ thì không tỏ vẻ gì là quen biết anh, trong khi nhìn anh da diết hơn nhìn bất cứ người nào khác, vì thái độ dửng dưng chẳng ai lạ gì ở anh đối với mọi nhan sắc không phải là nàng nữ diễn viên của mình đã đem lại cho anh một uy tín đặc biệt trước con

mắt các nàng đó. Và một nàng thì thầm: “Đó là thiếu gia Saint-Loup đấy. Vẻ như anh ta vẫn kết cô ả của mình. Mỗi tình lớn mà! Một chàng trai đẹp biết mấy! Mình thấy chàng thật tuyệt! Và thật sang trọng! Dù sao ở đời cũng có những ả thật may mắn. Một tí người lịch sự mọi đàng. Mình đã biết chàng từ hồi mình ở với D’Orléans. Một đôi bạn gần bó không rời nhau. Dạo đó, chàng ăn chơi xả láng! Nhưng bây giờ thì thôi rồi, không lòng thông với ai khác ngoài ả nữa*.”

Chà! ả có thể tự cho là mình tốt số. Và mình cứ tự hỏi chẳng biết chàng thấy cái gì ở ả mới được chứ. Phải là đại ngốc thì mới thế. Chân ả to bè bè như cái thuyền, mép để ria kiểu Hoa Kỳ, đồ lót thì bắn ơi là bắn. Mình nghĩ một cô thợ quèn cũng không thèm mặc quần của ả. Thử nhìn coi, cặp mắt chàng mới đẹp làm sao, ối người sẵn sàng lao vào lửa vì một trang tuấn kiệt như vậy. Này, im nào, chàng đã nhận ra mình, chàng cười kìa, ôi! Chàng biết mình từ xưa mà. Chỉ cần hỏi chuyện chàng về mình thì đủ rõ.” Tôi bắt chợt thấy họ và anh trao đổi những ánh mắt ra ý ngầm hiểu nhau. Tôi những muốn anh giới thiệu tôi với những nàng ấy để có thể đề nghị một cuộc hẹn gặp và được họ chấp thuận, ngay cả nếu tôi không thể giữ đúng hẹn. Vì nếu không thế, trong ký ức tôi, gương mặt họ sẽ vĩnh viễn thiếu đi cái phần của chính nó - và như thể bị một tấm mạng che khuất - nó biến dị trên từng gương mặt đàn bà, mà ta không thể hình dung nổi nếu không nhìn thấy nó cụ thể, nó chỉ hiện lên trong ánh mắt hướng về ta, chấp thuận ham muốn của ta và hứa hẹn sẽ thỏa mãn nó. Vậy mà, đối với tôi, gương mặt họ, ngay cả giảm thiểu đến thế, vẫn hơn xa

gương mặt những phụ nữ mà tôi biết là đức hạnh, không giống mặt họ, không có gì bên trong, thẳng tuột phẳng lì, không có chiều sâu. Dĩ nhiên, gương mặt ấy dưới mắt tôi không như dưới mắt Saint-Loup: bằng trí nhớ, anh đọc thấy dưới vẻ dửng dưng mà anh nhìn thấy suốt, dưới những nét bất động làm ra vẻ không quen anh, hay dưới cái chào nhạt nhẽo như cái chào dành cho mọi người khác, anh nhớ lại, nhìn thấy giữa làn tóc xo tung một cái miệng ngậy ngất, đôi mắt lim dim nửa khép nửa mở, cả một bức tranh lặng lẽ như những bức mà người họa sĩ phủ lên một tấm “toan” trắng, không muốn để khách thấy. Tất nhiên, với tôi thì trái lại, tôi biết chẳng có gì nơi tôi lọt vào được bên trong một trong những người đàn bà ấy để rồi sẽ được mang theo trong tâm trí trên những con đường xa lạ nàng sẽ đi theo trong cuộc đời, phải, với tôi những gương mặt ấy vẫn là một bí ẩn khép kín. Nhưng chỉ cần biết đó là những gương mặt biết cởi mở đón nhận là đủ để tôi đánh giá chúng không chỉ đơn thuần như những tấm huy chương mỹ miều, mà còn đáng quý như những tấm “lắc” ẩn chứa những kỷ niệm yêu đương. Còn Robert thì ngồi không yên chỗ, giấu cái háo hức hành động của võ tướng dưới nụ cười của quan văn trong triều; ngắm kỹ gương mặt sắc cạnh có khung xương cương nghị của anh, tôi nhận ra rằng anh hẳn rất giống các cụ tổ của mình có cấu trúc xương mặt hợp với một cung thủ bốc lửa hơn là với một văn nhân tao nhã. Dưới làn da thanh tú là thân thể cường tráng, cân đối như kiến trúc phong kiến. Đầu anh khiến người ta liên tưởng đến ngọn tháp một pháo đài cổ còn thấy những lỗ châu mai

nhưng bên trong đã biến thành thư viện.

Suốt chặng đường trở về Balbec, nghĩ tới ai đó trong số những người đàn bà lạ mặt được anh giới thiệu, tôi cứ thầm nhắc đi nhắc lại như một điệp khúc, liên tục không một giây ngừng và gần như vô thức: “Nàng mới tuyệt vời làm sao!” Dĩ nhiên, những lời đó bật ra do thần kinh nhất thời bị kích thích hơn là do một nhận định lâu dài. Nhưng mặc dù thế, nếu lúc đó tôi có trong túi một nghìn franc và nếu gặp một hiệu kim hoàn còn mở cửa vào giờ ấy, tôi ắt đã mua tặng người đẹp lạ mặt một chiếc nhẫn. Khi những giờ trong đời ta diễn ra như những bình diện quá khác nhau, có khi ta san sẻ bản thân quá nhiều cho những người mà chỉ hôm sau ta thấy chẳng có gì hay ho. Nhưng ta cảm thấy có trách nhiệm về những gì mình đã nói với họ hôm trước và ta muốn giữ lời.

Vì những tối đó thường về muộn, nên tôi thích thú khi thấy lại trong căn phòng không còn góm ghiếc nữa chiếc giường mà hôm mới tới tôi tưởng sẽ không bao giờ có thể nghỉ ngơi trên đó được, nhưng bây giờ lại là chỗ dựa để chân tay mỗi nhừ của tôi duỗi dài thư giãn; lần lượt, đùi, hông và vai tôi cố dấn chặt vào tấm ga bọc nệm giường, như thể cái mệt của tôi, theo cách của một điêu khắc gia, muốn lấy khuôn toàn bộ một thân người vậy. Nhưng tôi không ngủ được; tôi cảm thấy buổi sáng đang đến gần; tôi không còn khỏe mạnh và tỉnh tâm. Trong cô đơn tuyệt vọng, tôi tưởng như không bao giờ tỉnh tâm và khỏe lại nữa. Lẽ ra tôi phải ngủ lâu mới phục hồi được hai trạng thái đó. Nhưng dù sao đi nữa, ngay cả nếu tôi có tiếp đi được thì

hai giờ sau, cuộc hòa nhạc giao hưởng cũng đánh thức tôi dậy. Đột nhiên, tôi ngủ lịm đi, tôi rơi vào cái giấc ngủ nặng nề trong đó ta được phát lộ thấy sự trở lại tuổi xuân, sự tái hiện những năm tháng đã qua, những tình cảm đã mất, sự thoát xác, sự luân hồi của linh hồn, việc gọi hồn người quá cố, những ảo ảnh do điên loạn, sự thoái hồi về những giới sơ khai nhất của tự nhiên, (vì người ta nói rằng ta thường nằm mơ thấy súc vật, nhưng người ta quên rằng trong mơ hầu như bao giờ bản thân ta cũng là một con vật bị mất đi cái lý trí biết rơi vào sự vật một ánh sáng xác thực; trái lại, trong mơ, ta chỉ đưa vào cảnh đời một hình ảnh đáng ngờ cứ mỗi phút qua đi lại chìm dần vào quên lãng, thực tại lúc trước tắt đi trong thực tại kế tiếp, như những màn chiếu ảo đăng nối tiếp nhau), tất cả những bí ẩn mà ta tưởng là không biết nhưng thực ra đã được “thụ giáo” hầu như hằng đêm, cũng như cái bí ẩn lớn về sự tiêu vong và phục sinh. Lần lượt và lan man, luồng sáng rơi vào những vùng tối của quá khứ tôi lại càng lang bang hơn bởi sự khó tiêu của bữa ăn tối ở Rivebelle, khiến hạnh phúc tột đỉnh của tôi bây giờ là được gặp Legrandin, người vừa cùng tôi trò chuyện trong mơ.

Thế rồi ngay cả cuộc đời của chính tôi cũng bị che khuất bởi một cảnh trí mới, tựa như cái “phông” dựng lên ngay rìa sân khấu để các diễn viên xen vào một màn đệm phía trước trong khi đằng sau chuẩn bị chuyển cảnh. Cái cảnh trong đó tôi được phân một vai lúc bấy giờ na ná như kiểu các truyện cổ phương Đông, tôi không biết gì về quá khứ của mình cũng như về bản thân, vì sát ngay cạnh cái

“phông” xen vào giữa; tôi chỉ là một nhân vật bị quất đòn roi và chịu những hình phạt khác nhau vì một lỗi là đã uống quá nhiều rượu porto nhưng không biết đó là lỗi đáng phạt. Đột nhiên, tôi tỉnh dậy, tôi thấy là nhờ giấc ngủ dài, tôi đã không nghe thấy cuộc hòa nhạc giao hưởng. Lúc này đã sang chiều; tôi xem đồng hồ, biết chắc là thế, sau mấy lần cố gắng ngồi dậy, những cố gắng thoát đầu vô hiệu, cứ ngóc đầu nửa chừng lại rơi xuống gối, kiểu như thường xảy ra sau giấc ngủ, hay sau những cơn say khác do uống rượu, hay sau một đợt dưỡng bệnh; vả chăng, ngay cả trước khi xem đồng hồ, tôi đã chắc chắn là đã quá trưa. Tối hôm trước, tôi không còn là một con người trống rỗng, không trọng lượng và (và vì phải nằm thì mới có thể ngồi dậy được và phải ngủ mới có thể im lặng được) tôi không thể ngừng cựa quậy cũng như ngừng nói, tôi loãng ra không còn độ chắc, không còn trọng tâm nữa, tôi bị phóng đi như một mũi tên, tôi có cảm giác mình có thể tiếp tục cuộc chạy buồn chán này đến tận mặt trăng. Nhưng nếu như trong khi ngủ, mắt tôi không thấy được giờ, thì cơ thể tôi lại biết cách tính giờ, nó đo thời gian không phải trên bề nổi mặt đồng hồ, mà bằng cách dần dần cân tất cả sức lực được hồi phục của tôi mà, như một cái đồng hồ cực mạnh, nó truyền từng nấc một từ não tôi xuống phần còn lại của cơ thể, những sức lực ấy giờ đây chất đến tận trên đầu gối những dự trữ dồi dào còn nguyên vẹn của chúng trong mấy tiếng đồng hồ. Nếu quả thật ngày xưa biển là môi trường sống của chúng ta, ta phải nhúng lại máu vào môi trường đó để phục hồi sinh lực, thì cũng có thể nói về sự quên lãng, về

trạng thái hư không tâm thần; lúc đó ta như ở ngoài thời gian trong vài giờ; nhưng những sức lực tích tụ không dùng đến trong thời gian đó đo nó bằng chính số lượng của mình, chính xác như quả lắc đồng hồ hay như đồng hồ cát nhỏ từng giọt đếm thời gian. Và chẳng, người ta không ra khỏi một giấc ngủ dễ dàng hơn ra khỏi một đêm dài thao thức, vì tất cả mọi sự đều có khuynh hướng kéo dài, và nếu quả thật một số loại thuốc ngủ giúp ta ngủ được, thì việc ngủ lâu là một loại thuốc ngủ còn mạnh hơn mà sau khi dùng nó, thật khó mà thức giấc được. Giống như một thủy thủ nhìn thấy rõ bến neo đậu. Tuy nhiên thuyền anh vẫn còn bị sóng đánh nghiêng ngả, tôi đã có ý định xem giờ và trở dậy, nhưng thân thể tôi hết lượt này đến lượt khác bị ném trở vào giấc ngủ; “cập bến” thật khó khăn, và trước khi đứng dậy được để với tới chiếc đồng hồ và đối chiếu giờ của nó với giờ tính theo trữ lượng nhiên liệu chứa trong đôi cảng mỗi nhừ, đầu tôi còn rớt xuống gối đến hai, ba lần nữa.

Cuối cùng, nhìn thấy rõ: “Hai giờ chiều!”, tôi bấm chuông gọi phục vụ, nhưng lại lập tức rơi vào một giấc ngủ, lần này hẳn dài hơn gấp bội nếu căn cứ vào độ thư thái tôi cảm thấy khi thức giấc, như thể vừa qua một đêm dài mê mông. Tuy nhiên, vì lần này tôi choàng thức là do Françoise chạy tới khi nghe thấy tôi bấm chuông gọi, nên giấc ngủ mới này mà tôi ngỡ là dài hơn giấc trước bởi nó đã đem lại cho tôi biết bao sáng khoái và quên lãng, thực ra chỉ kéo dài chừng nửa phút.

Bà tôi mở cửa bước vào, tôi hỏi cụ mấy câu về gia đình

Legrandin.

Nói tôi đã lấy lại được sức khỏe và sự an tĩnh là chưa đủ, vì ngày hôm trước, giữa tôi và hai cái đó không phải chỉ đơn thuần là một khoảng cách, cả đêm tôi đã phải vật lộn với một con sóng ngược dòng, thế rồi không phải chỉ là tôi ở bên chúng, mà là chúng đã trở vào trong tôi. Ở một số điểm cụ thể, còn hơi đau đau nơi cái đầu trống rỗng của tôi - có thể một ngày kia nó sẽ vỡ toác ra, để những ý tưởng bay đi mãi mãi - những ý tưởng này một lần nữa chiếm lĩnh lại vị trí của mình và thấy lại cái cuộc sống mà than ôi! Cho đến nay, chúng không biết tận dụng.

Một lần nữa, tôi thoát khỏi tình trạng mất ngủ, thoát khỏi nạn hồng thủy, thoát khỏi đắm chìm vào những cơn khủng hoảng thần kinh, tôi không còn sợ những gì đe dọa tôi tối hôm trước, khi mà tôi đang bất an; một cuộc sống mới mở ra trước mắt tôi; không hề động đậy vì người còn rã rời tuy đã thấy khoan khoái, tôi hân hoan nhấm nháp cái mệt của mình; nó làm xương chân xương tay của tôi mỗi nhừ và rời nhau ra, giờ tôi cảm thấy chúng tụ lại trước mặt mình, sẵn sàng nối lại với nhau, chỉ cần tôi cất lên tiếng hát như chàng kiến trúc sư kia trong truyện ngụ ngôn*.

Bỗng nhiên, tôi nhớ đến cô gái tóc vàng với vẻ buồn buồn tôi đã thấy ở Rivebelle, người đã liếc nhìn tôi một thoáng. Trong suốt buổi tối, tôi thấy nhiều cô khác cũng dễ chịu, nhưng lúc này chỉ mình cô vừa hiện lên từ đáy bộ nhớ của tôi. Tôi có cảm giác nàng đã chú ý đến mình và tôi chờ đợi một gã bồi của khách sạn Rivebelle mang đến cho tôi một lá thư nhỏ của nàng. Saint-Loup không biết nàng

nhưng nghĩ nàng xuất thân cũng khá giả. Sẽ khó mà gặp nàng, nhất là gặp nàng liên tục đây. Nhưng vì mục đích ấy, tôi đã sẵn sàng cho tất cả, tôi chỉ còn nghĩ đến nàng. Triết học thường đề cập đến hành vi tự do và hành vi tất yếu. Có lẽ không gì chi phối ta trọn vẹn hơn cái hành vi trong đó một lực đẩy lên, tạm thời bị nén trong lúc trí não hoạt động, giờ được giải phóng khi tư tưởng tĩnh tại, làm nổi trội một ký ức cho tới lúc đó bị trạng thái lảng trí san bằng với những ký ức khác, và giờ đây ký ức đó vút lên vì hơn hẳn những ký ức kia, nó chứa một nét quyến rũ bất ngờ mà chỉ hai mươi bốn giờ sau ta mới nhận ra. Và có lẽ cũng chẳng có hành vi nào khác tự do bằng nó, vì nó chưa bị nhiễm thói quen, cái tật tâm lý vốn chỉ khuyến khích, trong tình yêu, sự tái hiện hình ảnh độc tôn của một ai đó.

Hôm ấy chính là hôm sau của cái ngày tôi thấy đoàn mỹ nữ diễu qua bãi biển. Tôi hỏi nhiều vị khách hầu như năm nào cũng đến Balbec về các cô. Họ không thể cho tôi biết gì hơn. Về sau, một tấm ảnh giải thích cho tôi hiểu lý do tại sao. Giờ đây ai mà có thể nhận ra ở họ, những thiếu nữ vừa mới - nhưng dù sao cũng *đã* - ra khỏi độ tuổi mà người ta thay đổi hoàn toàn về ngoại hình, cái đám bé gái xinh xắn chưa định hình nét còn đầy chất ấu thơ mà mới vài năm trước đây, người ta có thể thấy ngời bệch trên cát thành vòng tròn quanh một chiếc lều vải: tựa một chòm sao lóa trắng mơ hồ trong đó ta vừa kịp nhận thấy một cặp mắt long lanh hơn những cặp mắt khác, một bộ mặt tinh quái, một mái tóc vàng, thì chúng đã nhanh chóng biến mất, lẫn vào giữa đám tinh vân mờ ảo màu trắng sữa ấy?

Cố nhiên, vào những năm chưa mấy xa xôi ấy, không phải chỉ hình ảnh của nhóm thiếu nữ như hôm trước họ xuất hiện lần đầu trước mắt tôi, mà chính bản thân nhóm ấy cũng không rõ nét. Bấy giờ, các cô bé non tơ ấy còn ở cái độ sơ kỳ hình thành khi mà nhân cách riêng chưa in dấu lên từng gương mặt. Giống như một số sinh vật nguyên thủy trong đó cá thể chưa tự thân tồn tại, mà do bộ liên khung cả quần thể pôlip chứ không do từng thành tố pôlip tạo nên*, các cô gái vẫn phải cùm lại dựa sát vào nhau. Thi thoảng một cô làm cô bên cạnh ngã, bấy giờ một tràng cười ngặt nghèo - vẻ như đó là nét duy nhất biểu hiện đời sống riêng tư của họ - làm tất cả đồng thời rung chuyển, xóa nhòa và hòa lẫn những gương mặt lơ mơ và nhăn nhó ấy vào cái rung rinh của độc một chùm lấp lánh và run rẩy. Trong một tấm ảnh cũ mà chắc về sau họ đã cho tôi vào một hôm nào đó và tôi còn giữ được, cái đám lau nhau ấy đã có số lượng bằng với toán thiếu nữ sau này; trong tấm hình này, ta cảm thấy, ngay từ lúc đó cái vệt màu khác thường ấy trên bãi biển đã bắt mắt mọi người, nhưng muốn nhận ra từng người thì chỉ có thể bằng suy luận, thả sức hình dung mọi thay đổi có thể trong tuổi dậy thì cho tới điểm cực hạn khi những hình khối dáng nét ấy được đắp nặn lại bắt đầu khớp với một cá nhân khác (mà ta cũng cần nhận dạng) mà dung mạo điểm lệ, giờ đây ngự trên một thân hình cao lớn với mái tóc lượn sóng) ngày xưa có thể đã từng là cái khuôn mặt nhăn nhó quắt queo trong tấm ảnh chụp này; việc từng cô trong đám thiếu nữ ấy đã thay đổi hẳn về ngoại hình trong thời gian ngắn như vậy khiến vẻ

ngoài chỉ là một tiêu chí rất mơ hồ và mặt khác, những điểm chung và có thể xem như mang tính tập thể ở họ, do đó, trở nên rất đậm nét, thành thử đôi khi những người bạn gần gũi nhất của họ cũng nhận lầm cô nọ là cô kia trên tấm ảnh đó, đến nỗi cuối cùng, phải phân định bằng một chi tiết trang phục chắc chắn thuộc về một cô, chứ không phải là của ai khác. Từ những ngày ấy, khác xa với cái ngày tôi thấy các cô trên con đường đi dạo ven biển, khác xa nhưng lại rất gần, các cô vẫn cười xả lảng như tôi nhận thấy ngày hôm trước, nhưng là một nhíp cười cách quãng và hầu như tự phát như của tuổi thơ, cái kiểu xả hơi đột ngột từng khiến những cái đầu kia đồng loạt nhào xuống bất cứ lúc nào như những đàn cá tuế trên sông Vivonne tản ra, biến mất để rồi một lát sau lại tụ lại; diện mạo họ giờ đây trở nên tự chủ, mắt họ đắm đắm vào mục đích chúng đang theo đuổi; hôm qua, hẳn là vì cảm thụ ban đầu của tôi còn bất định và dao động, cũng như do tiếng cười trước đây của họ và tấm ảnh cũ, nên tôi mới lờ mờ hỗn nhập làm một những thành phần giờ đã cá thể hóa và tách rời khỏi quần thể san hô tầng nhò nhạt.

Dĩ nhiên, nhiều lần, khi các cô gái xinh đẹp đi qua, tôi đã tự hứa với mình sẽ tìm cách gặp lại. Thông thường, họ không xuất hiện trở lại; vả lại, trí nhớ vốn mau quên sự tồn tại của họ, ắt sẽ khó mà tìm lại được những nét yêu kiều; mắt ta có lẽ chưa nhận ra chúng thì đã thấy những cô gái mới đi qua mà chắc chúng ta cũng sẽ không gặp lại nốt. Nhưng có những lần khác - và đó là điều hẳn đã xảy ra với cái nhóm nhỏ ngỗ ngược ấy - sự tình cờ cứ một mực đưa họ

trở lại trước mặt chúng ta. Khi đó, ta cảm thấy dường như sự tình cờ là tốt đẹp, vì ta thấy ở nó sự khởi đầu để một cố gắng để tổ chức quy củ đời sống của ta; và nó khiến ta dễ dàng đạt đến, như một tất yếu, sự trung thành với những hình ảnh mà sau này ta tin rằng việc ta có được chúng là duyên tiền định, những hình ảnh mà nếu không có sự tình cờ ấy, ta ắt đã có thể dễ dàng quên đi ngay từ đầu như bao hình ảnh khác, tuy rằng sự trung thành này đôi khi cũng đau đớn sau những ngắt quãng có thể khiến ta hy vọng cắt đứt với hồi ức.

Chẳng bao lâu, đợt lưu trú của Saint-Loup cũng sắp kết thúc. Tôi không gặp lại các cô gái trên bãi tắm. Buổi chiều, anh ở lại Balbec quá ngắn, không đủ thời gian để quan tâm đến các cô và vì tôi mà tìm cách làm quen với họ. Buổi tối, anh rảnh hơn và thường vẫn tiếp tục đưa tôi đến Rivebelle. Trong những tiệm ăn ở đây, cũng như trong những công viên và trên những chuyến xe lửa, người ta thường gặp những người khép kín trong vẻ bề ngoài bình thường, nhưng nếu tình cờ biết được tên của họ, ta sẽ ngạc nhiên phát hiện ra đó không phải một kẻ vô danh bất kỳ nào mà chính thị là vị bộ trưởng hoặc công tước mà ta thường xuyên nghe nhắc tới. Đã hai ba lần, trong tiệm ăn ở Rivebelle, chúng tôi - Saint-Loup và tôi - thấy một người cao lớn, rất lực lưỡng, nét mặt đều đặn, râu lõm đốm bạc, đến ngồi vào một bàn ăn khi mọi người bắt đầu lục tục ra về, cặp mắt ông ta đầy vẻ tư lự dăm dăm xoáy vào khoảng không. Một tối, khi chúng tôi hỏi vị thực khách muộn, cô đơn và âm thầm ấy là ai, người chủ tiệm trả lời: “Sao, các

ông không biết họa sĩ Elstir trứ danh ư?” Có lần Swann đã nhắc đến tên ông ta, tôi hoàn toàn không nhớ nhân chuyện gì; nhưng việc quên một chi tiết trong ký ức, giống như việc bỏ qua một câu trong lúc đọc, thay vì làm ta phân vân, đôi khi lại dẫn tới sớm khảng định một điều xác thực. “Đó là một bạn thân của ôn Swann, một nghệ sĩ có tài lớn, rất nổi tiếng,” tôi nói với Saint-Loup. Lập tức, ý nghĩ Elstir là một nghệ sĩ lớn, một bậc nổi danh lướt qua tâm trí chúng tôi như một cơn rừng mình; rồi chúng tôi nghĩ tiếp: lầm lẫn chúng tôi với các thực khách khác, chắc ông không ngờ chúng tôi lại phấn khích như thế với tài năng của ông. Dĩ nhiên, giả như chúng tôi không đến nghỉ ở thành phố biển này thì việc ông không biết rằng chúng tôi ngưỡng mộ ông, cũng như chúng tôi có quen biết Swann, ắt đã chẳng làm chúng tôi rầu lòng. Song vẫn còn ở độ tuổi khi người ta không thể cứ nhiệt tình một cách lạnh lẽ và cảm thấy sự nặc danh là ngọt ngào không chịu nổi, chúng tôi viết một bức thư ký đầy đủ họ tên, tiết lộ với Elstir rằng hai thực khách ngồi cách ông mấy bước là hai người hâm mộ cuồng nhiệt tài năng ông, hai người bạn của ông bạn Swann thân thiết của ông; cuối thư, chúng tôi xin được trực tiếp bày tỏ lòng tôn vinh của mình với ông. Một gã bồi lãnh nhiệm vụ mang thư đến con người nổi tiếng.

Có lẽ hồi ấy, Elstir chưa nổi tiếng đến mức như ông chủ tiệm đề cao, chưa bằng mức ông đạt được ít năm sau đó. Nhưng ông là một trong những khách trọ đầu tiên của cái nhà hàng này khi nó mới chỉ là một thứ trang trại và ông đã kéo đến đây một lô một lốc nghệ sĩ (họ đều đã rời đi cả

ngay khi cái trang trại với chỗ ăn uống xuề xòa ngoài trời này trở thành một trung tâm sang trọng; bản thân Elstir cũng chỉ trở lại đây khi vắng vợ ông). Nhưng một tài năng lớn, ngay cả khi chưa được công nhận, tất yếu cũng gây một số biểu hiện thán phục mà ông chủ trang trại có thể nhận ra qua những câu hỏi của nhiều bà khách vắng lai người Anh háo hức muốn tìm hiểu về cuộc sống của Elstir, hoặc qua số lượng thư ông này nhận được từ nước ngoài. Bấy giờ ông chủ mới để ý kỹ hơn, thấy Elstir không thích bị quấy rầy khi làm việc, thấy ông ta ban đêm trở dậy để đưa một cô người mẫu trẻ ra làm mẫu khỏa thân bên bờ biển khi có sáng trăng, và khi nhận ra trong một bức tranh của Elstir cây thập tự gỗ dựng ở cửa ra vào Rivebelle, ông tự nhủ rằng biết bao mệt nhọc đã không uổng phí, sự ngưỡng mộ của các du khách cũng không phải không có lý do. “Đúng là nó!” ông nhắc đi nhắc lại, kinh ngạc. “Đủ cả bốn miếng! Ôi! ông ấy đã nhọc công biết mấy!”

Và ông không biết bức tranh nhỏ *Mặt trời mọc trên biển* Elstir tặng ông có đáng giá một tài sản hay không.

Chúng tôi thấy ông đọc bức thư, bỏ nó vào túi, tiếp tục ăn, bắt đầu hỏi đồ của mình, đứng dậy để ra về và chúng tôi tin chắc động thái của mình đã xúc phạm ông, tin chắc vậy đến nỗi lúc này chúng tôi hết lòng cầu ước có thể (trái với ban nãy chỉ sợ phải) ra về mà ông không để mắt tới. Chúng tôi không một giây nào nghĩ tới một điều mà lẽ ra chúng tôi có thể thấy là quan trọng nhất, đó là: sự nhiệt tình chân thành của chúng tôi đối với Elstir - mà chúng tôi ắt không cho phép ai nghi ngờ và thực tế, có thể chúng tỏ

bằng nhịp thở hào hển vì hồi hộp chờ đợi, bằng mong muốn làm bất cứ điều gì khó khăn hay anh dũng vì con người vĩ đại này - không phải là do thần phục như chúng tôi hình dung, bởi chúng tôi đã bao giờ thấy tác phẩm nào của Elstir đâu; có lẽ tình cảm ấy của chúng tôi là dành cho cái ý trống tuếch không có nội dung “một nghệ sĩ lớn”, chứ không phải cho một tác phẩm mà chúng tôi không hề biết. Cùng lắm, đó là một sự ngưỡng mộ vu vơ không đối tượng, một bộ khung - cốt tình cảm - thần kinh không có nội dung, nghĩa là một cái gì đó gấn bó khăng khít với tuổi thơ như một số bộ phận cơ thể không còn tồn tại ở người trưởng thành; chúng tôi vẫn còn là những đứa trẻ. Tuy nhiên khi sắp ra đến cửa thì Elstir chợt quay ngoắt lại và đi về phía chúng tôi. Lòng tôi bỗng tràn ngập một nỗi sợ hãi kỳ thú, cái thứ cảm giác mà vài năm sau, tôi ắt không cách nào có được, vì đồng thời với việc tuổi tác làm giảm khả năng cảm thụ những xúc động kiểu ấy, thói quen nơi giao tế cũng dẹp đi mọi ý tưởng tạo nên những cơ hội lạ kỳ để có được những trải nghiệm như vậy.

Elstir ngồi vào bàn chúng tôi, nói dăm câu, nhưng không lần nào đáp lại mỗi khi tôi nhắc tới Swann. Tôi bắt đầu tưởng rằng ông ta không quen Swann. Mặc dù vậy, ông vẫn mời tôi đến thăm xưởng vẽ của ông ở Balbec; sở dĩ ông không mời Saint-Loup, mà chỉ mời tôi, là do mấy câu tôi nói khiến ông nghĩ là tôi yêu nghệ thuật - điều mà có lẽ một lời giới thiệu của Swann cũng không làm được, nếu quả Elstir là bạn thân của ông (vì trong cuộc đời con người tình cảm vô tư đóng vai trò lớn hơn người ta tưởng). Ông đối đãi tôi

hết sức hòa ái, ứng xử này của ông còn cao nhã hơn thái độ của Saint-Loup như thái độ của anh so với sự niềm nở của một tay tiểu tư sản. Bên cạnh sự hòa nhã của một nghệ sĩ lớn, sự hòa nhã của một đại lãnh chúa, dù dễ thương đến mấy, cũng có vẻ như diễn xuất của một diễn viên, một sự bắt chước. Saint-Loup tìm cách làm vừa lòng, còn Elstir thì thích cho, thích cho cả bản thân mình. Tất cả những gì ông sở hữu, ý tưởng, tác phẩm và những thứ còn lại mà ông coi nhẹ hơn nhiều, ông sẵn sàng cho bất cứ ai hiểu chúng. Nhưng vì thiếu bầu bạn khả dĩ chia sẻ được, ông sống biệt lập với một sự quyết liệt cô độc mà giới thượng lưu gọi là điệu và kém giáo dục, giới chức quyền gọi là phần tử bất hảo, còn gia đình thì gọi là ích kỷ và kiêu ngạo.

Và hẳn là thời kỳ đầu, cả trong cô đơn, ông đã thích thú nghĩ rằng, bằng những tác phẩm của mình, ông đã gửi từ xa đến những kẻ không biết đến tài năng của ông và xúc phạm ông một thông điệp để họ biết đánh giá ông cao hơn. Có lẽ bấy giờ ông sống một mình không phải vì hững hờ mà vì yêu người khác, và giống như tôi đã khước từ Gilberte với hy vọng một ngày kia xuất hiện trở lại trước nàng trong cốt cách hào hoa phong nhã đáng yêu hơn, ông dành tác phẩm của mình cho một số người như một sự trở về với họ, trong đó tuy không thấy chính ông, người ta vẫn yêu ông, ngưỡng mộ ông, trò chuyện với nhau về ông; một sự khước từ không phải bao giờ cũng là dứt khoát hoàn toàn ngay từ đầu, cái tâm thế xui ta quyết định vậy là một tâm thế cũ trước khi chính hành động khước từ, do phản ứng, tác động trở lại lên ta, cho dù đó là hành động khước từ của một

người bệnh, một thầy tu, một nghệ sĩ hay một anh hùng. Nhưng nếu Elstir có ý định sáng tác vì một ai đó, thì khi sáng tác, ông đã sống vì bản thân mình, lánh xa cái xã hội chẳng còn gì lý thú đối với ông; một khi cô đơn đã thành thông lệ, ông đam yêu thích cô đơn; tình hình này thường vẫn xảy ra với mọi điều lớn lao mà thoát đầu ta e sợ vì ta biết chúng không thể dung hòa với những thứ tũn mủn hơn gần bó với ta; những điều lớn lao ắt chỉ tách rời ta khỏi những thứ tũn mủn ấy chứ không dẹp bỏ chúng. Trước khi bắt tay vào việc gì lớn lao, tất cả mối lo của ta là làm sao biết được ta có thể dung hòa nó đến mức nào với một số khoái thú sẽ không còn là khoái thú nữa ngay khi ta bắt tay vào việc lớn.

Elstir không ngồi lại trò chuyện lâu với chúng tôi. Tôi tự hứa với mình sẽ tới thăm xưởng họa của ông trong vòng hai, ba ngày tới, nhưng hôm sau tối đó, khi cùng bà tôi từ cuối con đường đi dạo về phía những vách đá của thị xã Canapville trở về, đến một con phố nhỏ đâm thẳng góc ra bãi biển, chúng tôi gặp một cô gái, đầu cúi gằm như một con vật bị lừa về chuồng, tay cầm gậy golf, đi trước một nhân vật coi bộ hống hách, có lẽ là bà gia sư người Anh của cô hay của một trong số bạn cô, bà ta nom giống bức chân dung *Jeffreys* của Hogarth*, nước da đỏ au như thể rượu gừng, chứ không phải trà, là thứ đồ uống ưa thích của bà, điểm một bộ ria muối tiêu đã khá rậm lại nối dài thêm bởi một miếng bã đen thuốc lá nhai cong vểnh lên. Cô gái bước đi trước bà gia sư nom giống cái cô đội mũ polo đen trong băng nhóm nhỏ có đôi mắt cười cợt trong một khuôn mặt

bầu bĩnh, bất động. Vậy mà cái cô lúc này đang đi về cũng đầu đội một chiếc polo đen, nhưng tôi thấy cô còn xinh hơn cô kia, sống mũi thẳng hơn, cánh mũi phía dưới nở nang hơn và có duyên hơn. Vội lại tôi thấy cô kia kiêu kỳ và xanh xao, còn cô này như một đứa trẻ thuần phục, nước da hồng hào. Tuy nhiên, vì cô cũng dắt một chiếc xe đạp và mang găng tay da tuần lộc như cô kia, nên tôi kết luận có lẽ sự khác nhau là do góc nhìn của tôi và do hoàn cảnh, vì chẳng lẽ ở Balbec lại có hai cô gái với gương mặt dù sao cũng giống nhau đến thế và trong trang phục đều có những đặc điểm tương tự. Nàng liếc nhanh về phía tôi; những ngày sau, khi tôi gặp lại cái nhóm thiếu nữ ấy và ngay cả về sau, khi tôi đã biết tất cả các thành viên của nhóm, tôi cũng không bao giờ hoàn toàn chắc chắn ai trong số họ là người tôi đã gặp chiều hôm đó ở cuối bãi tắm, góc con phố nhỏ - kể cả cô dắt xe đạp nom giống nàng nhất - hai người dù sao cũng hơi hơi khác nhau, tuy chẳng là mấy.

Trước đây tôi chủ yếu nghĩ đến cô cao lớn nhất trong nhóm, nhưng từ buổi chiều hôm ấy, hình ảnh cô gái mang gậy đánh golf, mà tôi đồ là tiểu thư Simonet, lại bắt đầu ám ảnh tôi. Nàng thường đứng xịch lại giữa những người khác, buộc các bạn (họ có vẻ rất tôn trọng nàng) cũng phải dừng bước theo. Giờ đây, tôi thường mừng tượng nàng trong tư thế dừng lại ấy, cặp mắt long lanh dưới vành mũ polo, in đậm nét trên nền biển và ngăn cách khỏi tôi bởi cái khoảng xanh trong suốt là quãng thời gian trôi đi từ đó đến nay, hình ảnh đầu tiên mỏng manh trong ký ức tôi về một gương mặt mà tôi khao khát, theo đuổi, rồi quên đi, rồi lại thấy

lại, mà từ đó tôi đã bao lần phóng chiếu vào quá khứ để có thể tự nhủ về một cô gái đang ở trong phòng mình: “Đó chính là nàng!”

Nhưng có lẽ người tôi muốn làm quen nhất lại là cô gái mắt xanh có nước da màu hoa phong lữ thảo cũng nên. Và chẳng, vào một ngày nào đó, dù vắng thiếu người mà tôi ưng nhìn thấy nhất, bất kể nàng là ai, thì những cô khác vẫn đủ để làm tôi xúc động; niềm khao khát của tôi, dù khi nhắm vào cô này, lúc lại hướng về cô khác, vẫn tiếp tục - như hôm đầu hình ảnh tôi thấu nhận còn hỗn độn - gộp họ lại làm một, tạo thành cái thế giới nho nhỏ riêng biệt rộn rã một sinh khí chung mà hẳn là họ muốn tạo nên; và nếu trở thành bạn của một trong số họ, tôi sẽ có thể nhập vào - như một kẻ vô tín ngưỡng tinh tế hay một tín đồ Cơ đốc cẩn trọng giữa những người mông muội - một xã hội làm hồi xuân, nơi ngự trị của nhiều yếu tố đa dạng: sức khỏe, sự vô ý thức, phi trí thức, khoái lạc, tàn bạo và niềm vui.

Khi nghe tôi kể lại cuộc gặp gỡ với Elstir, bà tôi vui mừng thấy việc kết thân với ông có thể lợi cho tôi về mặt trí tuệ; cụ thấy việc tôi chưa đến thăm ông là vô lý và bất nhã. Nhưng tôi thì chỉ nghĩ đến cái nhóm thiếu nữ ấy và, không biết chắc giờ nào họ sẽ đi qua trên con đường đi dạo ven biển, tôi không dám rời xa. Bà tôi cũng ngạc nhiên về phong thái thanh lịch của tôi: bỗng nhiên tôi lại nhớ đến những bộ đồ sang trọng bấy lâu vẫn cất dưới đáy rương. Mỗi hôm tôi diện một bộ khác và thậm chí tôi còn viết thư về Paris yêu cầu gửi cho tôi những kiểu mũ mới và cà vạt mới.

Cuộc sống ở một nơi nghỉ mát ven biển như Balbec ắt thú vị hơn nhiều nếu như gương mặt một cô gái xinh đẹp - một cô bán vỏ sò, ốc biển, bán ga tô, bán hoa - in trong tâm trí ta bằng những màu sắc rực rỡ, hằng ngày từ sáng sớm đã trở thành mục đích của mỗi một trong những ngày đầy nắng ta tiêu dao nhàn tản trên bãi biển. Những ngày đó, mặc dù là ngày nghỉ, vẫn bận rộn như ngày làm việc, được lái hướng về, hút về, nâng bổng nhẹ nhàng về phía một khoảnh khắc tiếp theo, cái khoảnh khắc khi ta vừa mua hoa hồng, bánh xốp hoặc đồ hóa thạch vừa ngậy ngất nhìn những màu sắc nở bùng trên một gương mặt nữ, tinh khiết như trên một đóa hoa. Nhưng với những cô gái bán hàng, ít nhất ta có thể trò chuyện, điều đó đỡ cho ta phải vận dụng trí tưởng tượng để tạo ra những khía cạnh khác ngoài những gì cảm thụ thị giác cung cấp cho ta, và “sáng tác” cuộc đời họ với những chi tiết cường điệu vẻ đẹp của nó, như trước một bức chân dung; và nhất là vì khi nói chuyện với họ, ta biết có thể tìm lại họ ở đâu và vào giờ nào. Mà cơ hội như thế, tôi tuyệt nhiên không thể có được với các cô gái trong cái nhóm đặc biệt kia. Vì không rành những thói quen của họ, một số hôm không thấy họ, chẳng biết vì sao họ vắng mặt, tôi cố tìm hiểu xem có phải do một nguyên nhân cố định, có phải cứ hai ngày họ mới xuất hiện một lần, hay tùy tình hình thời tiết, hay có những ngày họ không bao giờ xuất hiện. Tôi tưởng tượng mình đã là bạn của các cô và hỏi họ:

“Sao hôm ấy, các em không ra bãi biển?”

“À! phải, vì hôm ấy là thứ Bảy. Tụi em không tới vào ngày

thứ Bảy bao giờ bởi vì... “

Phải chăng vào ngày thứ Bảy buồn bã, có cố gắng đến mấy cũng vô ích: dù ta có chạy Đông chạy Tây khắp ngả trên bãi biển, ngồi chực trước cửa hiệu bánh ngọt, giả vờ như đang ăn một chiếc bánh kem, bước vào một cửa hàng bán đồ lưu niệm, chờ giờ xuống tắm biển, giờ hòa nhạc, giờ triều lên, đêm xuống, cũng chẳng thấy cái nhóm nhỏ ta khao khát đâu cả? Biết được có đúng là thế hay không, đâu phải là đơn giản. Nhưng có lẽ cái ngày tệ hại ấy không chỉ trở lại mỗi tuần một lần. Có lẽ nó không nhất thiết rơi vào thứ Bảy. Có lẽ nó phụ thuộc, hoặc hoàn toàn không phụ thuộc gì, vào một số điều kiện thời tiết. Phải xiết bao kiên nhẫn - nhưng không vô tư - quan sát những chuyển động bề ngoài có vẻ không theo quy luật nào của những thế giới xa lạ ấy mới có thể chắc chắn rằng mình không để những trùng hợp đánh lừa, rằng những dự đoán của mình đã không nhầm, mới rút ra được đích xác, bằng cái giá của những trải nghiệm đau đớn, những quy luật của thứ thiên văn học dục tình này! Chợt nhớ ra cũng ngày này tuần trước đã không thấy các cô, tôi tự nhủ chắc hôm nay họ cũng không đến, ở lại bãi biển làm gì uống công vô ích. Thế rồi đúng lúc ấy, họ xuất hiện. Trái lại, có hôm mà theo tính toán của tôi dựa trên những quy luật chi phối sự trở lại của chòm sao ấy, ắt phải là một ngày tốt lành, thì họ lại không tới. Nhưng cộng với nỗi phân vân thứ nhất: liệu hôm nay mình có được thấy họ hay không, còn có thêm nỗi thắc thỏm nghiêm trọng hơn: nhớ họ không bao giờ xuất hiện trở lại nữa? Là vì, rốt cuộc, tôi không biết họ sẽ phải đi Mỹ

hay trở về Paris. Chừng nấy là đủ để tôi bắt đầu yêu họ. Thích một người nào đó là một chuyện, nhưng để làm dấy lên cả một nỗi buồn, cái cảm giác tan vỡ không cách hàn gắn, những khắc khoải dọn đường cho tình yêu, thì phải - và có lẽ đó là đối tượng để lòng say mê, trong nỗi lo âu, cố tìm cách níu vào, chứ không phải chỉ nhằm một ai - dám liều làm điều bất khả. Những ảnh hưởng ấy đã tác động như thế, lặp đi lặp lại trong những cuộc tình kế tiếp nhau (có thể diễn ra xảy ra, nhưng trong trường hợp này, thường là trong đời sống đô thị, với những cô thợ trẻ mà ta không biết họ nghỉ vào những ngày nào và ta hốt hoảng khi không thấy họ ra khỏi xưởng thợ vào giờ tan tầm) hay ít nhất cũng trở đi trở lại trong những cuộc tình của tôi. Có lẽ chúng không thể tách rời khỏi tình yêu; có lẽ tất cả những gì là một đặc điểm của cuộc tình thứ nhất sẽ, bằng kỷ niệm, bằng gợi ý, bằng thói quen, lồng thêm vào những cuộc tình sau đó và qua các thời kỳ kế tiếp của đời ta, mang lại cho những khía cạnh khác nhau của đời ta một tính cách chung.

Tôi viện đủ mọi cố để đến bãi tắm vào những giờ mà tôi hy vọng gặp các cô gái ấy. Một lần thấy họ giữa lúc hai bà cháu tôi đang ăn trưa, tôi ra tới bãi tắm thì đã trễ, thành thử cứ chờ hoài chờ hử trên con đường đi dạo ven biển hòng thấy họ qua đó; tôi ngồi nán lại chút ít trong phòng ăn, đưa mắt thần thờ hỏi trời xanh in bóng trên tấm vách kính; tôi đứng dậy trước cả khi món tráng miệng được mang tới để khỏi lỡ không gặp họ trong trường hợp họ chuyển thời gian đi dạo vào một giờ khác và bực bội với bà

tôi: cụ đã vô tình trở nên độc ác khi giữ tôi lại bên cụ quá cái giờ mà tôi nghĩ là “đại cát”. Tôi cố mở rộng tầm nhìn bằng cách kéo lệch chiếc ghế mình ngồi; nếu tình cờ tôi thấy bất kỳ cô nào trong nhóm - vì tất cả đều cùng một tính chất đặc biệt - tôi bỗng như thấy phóng chiếu trước mặt mình, trong một ảo giác linh động ma quái, một cảnh của cái giấc mơ độc hại mà xiết bao ao ước vốn trước đó một lát chỉ hiện hữu trong óc tôi.

Tôi yêu tất cả chứ không chỉ riêng một cô nào trong nhóm, và khả năng gặp được họ là yếu tố ngọt ngào duy nhất trong những ngày này của tôi, mình nó làm nảy sinh trong tôi những hy vọng khiến người ta đập tan mọi trở ngại, những hy vọng nhiều khi biến thành nổi cuồng dại nếu tôi không thấy họ. Vào lúc này đây, đối với tôi, những cô gái ấy che lấp bà tôi; tôi ắt lập tức hân hoan lao vào một cuộc viễn du nếu nó đưa tôi đến chỗ chắc chắn sẽ gặp họ. Chính vào lúc tôi ngỡ mình đang nghĩ đến chuyện khác, hoặc chẳng nghĩ đến gì hết thì tâm tưởng tôi lại khoan khoái đắm vào họ. Nhưng khi tôi bất giác nghĩ đến họ, một cách thậm chí còn vô thức hơn, thì họ lại hiện ra với tôi như những đợt sóng biển xanh ngắt ngư hay dưới hình nét một cuộc trình diễn trước biển. Nếu tôi đi đến thành phố nào có thể là nơi họ đang hiện diện thì cái mà tôi hy vọng thấy lại, chính là biển. Tình yêu khu biệt nhất đối với riêng một người bao giờ cũng hàm chứa tình yêu một cái gì khác.

Thấy tôi giờ đây chỉ một mực quan tâm tới golf và quần vợt mà bỏ qua cơ hội tiếp cận một nghệ sĩ mà cụ biết là thuộc hàng lớn nhất, xem ông ta làm việc và nghe ông ta

nói chuyện, bà tôi biểu lộ với tôi một thái độ khinh bỉ mà tôi nghĩ là xuất phát từ những quan điểm có phần hơi hẹp hòi. Dạo xưa, vào cái đặn thường đến chơi ở vườn Élysée, tôi đã loáng thoáng thấy - và từ đó đến nay, càng nhận thức rõ hơn - rằng khi yêu một người đàn bà, thông thường ta chỉ đơn giản phóng chiếu lên nàng một tâm trạng của chính mình; rằng do vậy, điều quan trọng không phải là giá trị của người đàn bà mà là chiều sâu của tâm trạng ấy; và rằng những xúc động một cô gái tầm thường mang lại cho ta có thể khiến ta ý thức được những phần sâu kín hơn, riêng tư hơn, xa thẳm hơn và cốt yếu hơn của bản ngã mình, điều mà niềm thích thú khi nghe một bậc cao nhân nói chuyện hay thậm chí chiêm ngưỡng tác phẩm của người đó, không đạt được.

Cuối cùng, tôi phải ngao ngán tuân theo ý bà tôi, càng ngán vì nhà Elstir ở một trong những đại lộ mới nhất của Balbec, khá xa con đường đi dạo ven biển. Trời nóng, tôi buộc phải đáp chuyến xe điện chạy ngang qua phố Bãi Biển và tôi cố tưởng tượng là mình đang ở vương quốc cổ xưa của người Ciméri*, hay có lẽ trên đất nước của vua Mark, hay trên địa phận của rừng Brocéliande*, để khỏi phải nhìn cái xa hoa rẻ tiền của những công trình kiến trúc đang triển khai trước mắt tôi, trong đó có lẽ cái biệt thự của Elstir là cái xấu xí một cách lộng lẫy nhất, mặc dù thế ông vẫn thuê vì trong cả Balbec, đây là ngôi nhà duy nhất trong đó ông có thể bố trí một xưởng vẽ rộng rãi.

Tôi cũng quay mắt đi như thế khi xe đi qua khu vườn có một thảm cỏ - như thường thấy ở bất kỳ ngôi nhà trường

giả nào ở ngoại ô Paris, nhưng nhỏ hơn -, một tượng người làm vườn yêu hoa, những quả cầu thủy tinh be bé có thể soi bóng mình vào đó như soi gương, những vật trồng hoa thu hải đường và một giàn hoa nhỏ bên dưới kê mấy chiếc ghế xích đu trước một cái bàn sắt. Nhưng sau tất cả những cái bên ngoài đậm chất xấu xí đặc trưng của đô thị ấy, bước vào xưởng họa của Elstir, tôi không còn chú ý tới những đường chỉ màu sô cô la viền chân cột nữa, mà cảm thấy hoàn toàn sung sướng vì những ký họa nghiên cứu xung quanh tôi cho tôi cái cảm giác có thể tự nâng mình lên đến một tầm nhận thức đầy chất thơ, ấm áp niềm vui và dồi dào bao dạng hình mà cho tới bấy giờ tôi không biết tách biệt ra khỏi toàn cảnh của thực tại. Và xưởng họa của Elstir hiện ra trước mắt tôi như phòng thí nghiệm một cuộc Sáng Thế mới, trong đó, từ mớ hỗn độn tạo nên bởi mọi sự vật trước mắt chúng ta, ông đã rút ra, bằng cách vẽ chúng lên những tấm *toan* hình chữ nhật khác nhau đặt theo mọi chiều, chỗ này một con sóng biển giận dữ tấp lóp bọt tím tím lên bờ cát, chỗ kia một chàng trai vận đồ chéo go màu trắng tựa trên lan can boong tàu. Chiếc áo vét tông của chàng trai và con sóng tung tóe xô bờ mang một phẩm cách mới do việc chúng vẫn tiếp tục hiện hữu mặc dầu đã mất đi cái được coi là nội hàm của chúng - con sóng không thể làm ướt, cũng như chiếc vét tông chẳng thể khoác lên người ai nữa.

Lúc tôi bước vào, nhà sáng tạo, tay cầm cọ, đang hoàn tất hình mặt trời lặn. Hầu hết các mảnh cửa đều đóng, nên xưởng vẽ khá dịu mát và tôi trừ một chỗ ánh sáng ban ngày

lọt vào điểm những nét trang trí lên tường; chỉ độc một ô cửa sổ nhỏ hình chữ nhật, đóng khung giữa những dây kim ngân hoa, là để mở, trông ra một dải vườn hẹp rồi đến một đại lộ; thành thử phần lớn bầu không khí trong xưởng vẽ mờ tối, trong suốt và đặc quánh một khối, nhưng ở những kẽ hở nơi ánh sáng viền quanh, lại âm ỉm và lấp lánh, tựa một tinh thể đá với một mặt đã được gia công mài nhẵn, sáng lên như mặt gương và lung linh ngũ sắc. Trong khi Elstir, theo yêu cầu của tôi, tiếp tục vẽ, tôi đi quanh xưởng trong cái tranh tối tranh sáng ấy, chốc chốc lại dừng trước một bức tranh.

Đại đa số những bức xung quanh mình không phải thứ tôi những muốn thấy ở tác phẩm của ông, những bức tranh thuộc về những phong cách thứ nhất và thứ hai được nhắc tới trong một số tạp chí nghệ thuật của Anh vút lăn lóc trên bàn phòng khách Đại Khách sạn, phong cách huyền thoại và phong cách chịu ảnh hưởng Nhật Bản; theo bài báo, cả hai phong cách được thể hiện tuyệt vời trong bộ sưu tập của phu nhân De Guermantes. Dĩ nhiên, những bức tôi thấy trong xưởng vẽ chỉ là những cảnh biển vẽ ngay tại Balbec này. Nhưng qua đó, tôi có thể nhận thấy rằng cái duyên của mỗi bức là ở cách biến hóa những gì được thể hiện, tương tự như cách mà trong thơ, người ta gọi là ẩn dụ* và rằng nếu Đức Chúa Cha sáng tạo mọi sự vật bằng cách đặt tên cho chúng, thì Elstir tái tạo lại chúng bằng cách tước bỏ tên chúng, hoặc cho chúng một cái tên khác. Những cái tên chỉ sự vật bao giờ cũng ứng với một khái niệm của trí tuệ, xa lạ với những ấn tượng thực sự của chúng ta, buộc chúng

ta phải loại bỏ khỏi sự vật tất cả những gì không liên quan đến khái niệm ấy.

Thỉnh thoảng, đứng ở cửa sổ khách sạn Balbec, buổi sáng khi Françoise dỡ những tấm mền che ánh sáng hay buổi chiều khi tôi đợi Saint-Loup để cùng ra ngoài, có khi do một hiệu quả ánh sáng nào đó, tôi tưởng một khoảng sẫm tối hơn cả đại dương là một bờ biển xa, hoặc vui thích ngắm một mảng xanh xuôi luội mà không biết nó thuộc về biển hay bầu trời. Minh trí tôi nhanh chóng tái lập lại ranh giới mà cảm giác đã xóa bỏ giữa hai yếu tố thiên nhiên. Cũng như thế, có lần ở Paris, từ trong phòng riêng, tôi nghe thấy tiếng cãi lộn, gần như náo loạn, cho tới khi vỡ ra nguyên nhân, chẳng hạn, là do một chiếc xe lăn bánh đến gần, thứ âm thanh mà bấy giờ tôi loại khỏi phạm trù của nó những tiếng la lối the thé, chối chát mà tai tôi thật sự nghe thấy nhưng trí óc minh mẫn của tôi biết rằng những bánh xe không phát ra tiếng động như thế. Nhưng những lúc hiếm hoi như vậy khi ta thấy tự nhiên trong nguyên dạng, đượm chất thơ, chính những lúc đó tạo nên tác phẩm của Elstir. Một trong những ẩn dụ hay được dùng nhất trong những phong cảnh biển đặt cạnh ông lúc này chính là cái ẩn dụ xóa bỏ mọi ranh giới khi so đất liền với biển cả. Chính sự so hòa này, âm thầm lặp đi lặp lại không biết mệt trên cùng một tấm *toan* đã đưa vào tranh sự nhất quán đa dạng đầy sức mạnh, nguyên nhân khiến hội họa của Elstir gây phấn hưng đến thế cho một số người yêu tranh mà đôi khi chính họ cũng không rõ vì đâu.

Chẳng hạn, trong một bức vẽ cảng Carquethuit vừa hoàn

thành cách đây ít hôm khiến tôi phải dừng bước ngẫm nhìn hồi lâu, Elstir đã chuẩn bị cho người xem tranh đón nhận một ẩn dụ kiểu ấy bằng cách, khi mô tả bằng từ vựng tạo hình, chỉ dùng “thuật ngữ” biển để thể hiện thành phố và “thuật ngữ” thị thành để thể hiện biển. Hoặc do những ngôi nhà che lấp một phần của cảng, một bến bãi xàm thuyền, hoặc có lẽ do chính biển lấn sâu vào đất liền thành vịnh, như thường luôn luôn xảy ra như vậy ở vùng Balbec này, từ phía bên kia mũi đất, nơi xây thành phố, nhô lên trên các mái nhà (như những ống khói hay những tháp chuông) là những cột buồm như muốn làm cho những con tàu mang chúng có một vẻ gì là thành thị, được xây dựng trên đất liền, cảm giác đó được tăng lên bởi những con tàu vẫn đậu dọc con đê chắn sóng nhưng sát nhau đến nỗi người ta nói chuyện với nhau từ tàu này sang tàu kia như không có phân cách, không có kẽ nước ở giữa, và như vậy cái đoàn tàu đánh cá này đâm ra có vẻ ít dính dáng đến biển hơn là những ngôi nhà thờ Criquebec phía xa, chẳng hạn, bốn bề là nước, vì nhìn tách khỏi thành phố trong lung linh bụi nắng và bụi sóng, chúng dường như mọc ra từ nước, thổi bằng chất liệu ngọc thạch trắng hay bằng bột sóng, và khoanh lại trong một đai cầu vồng bảy sắc, tạo thành một bức tranh hư ảo và huyền bí. Ở tiền cảnh của bãi biển, họa sĩ đã khéo luyện cho con mắt người xem thói quen không phân định đường biên cố định, ranh giới tuyệt đối giữa đất liền và đại dương. Đám người đẩy những con tàu hạ thủy xuống biển chạy cả trong sóng lẫn trên cát, và cát ướt đã bắt đầu phản chiếu vỏ tàu như thể đã biến thành

nước. Chính biển cũng không dâng lên đều đặn, mà nương theo những chỗ nhô ra thụt vào của bờ cát sỏi mà lối vẽ phối cảnh càng làm tăng thêm vẻ lỏm chỏm, thành thử một con tàu, bị những công trình ngoài cùng của xưởng đóng tàu che khuất một nửa, tuy đã ra khơi mà nom như vẫn bồng bênh giữa thành phố; những người đàn bà đi mò tôm ở những hốc đá, vì xung quanh toàn nước, lại ở chỗ trũng sau cái vành đai đá làm cho bãi biển (ở hai mé gần đất liền nhất) thấp xuống ngang tầm mặt biển, nên trông như họ đang ở trong một hang động dưới biển. Phía trên là tàu thuyền và sóng, trống huơ trống hoác mà kỳ diệu thay vẫn an toàn giữa trùng trùng sóng dữ. Nếu toàn bộ bức tranh tạo ấn tượng về những hải cảng mà biển lấn sâu vào đất liền, khiến đất hóa biển và dân chúng đã thành lương cư, thì sức mạnh của yếu tố biển bùng lên khắp chỗ; và gần những tảng đá, đầu con đê chắn sóng, nơi biển sôi động dữ dội, nhìn những cố gắng của các thủy thủ, nhìn độ nghiêng của những con thuyền nằm chếch theo một góc nhọn trước chiều thẳng đứng bình thản của kho hàng, nhìn ngôi nhà thờ, nhìn những ngôi nhà trong thành phố, nơi tấp nập người trở về, kẻ ra đi đánh cá, người ta cảm thấy như nó huỳnh huých phóng trên một con vật bất kham mà nếu không khéo, một cú lông lên của nó có thể quật họ xuống đất rồi. Một toán du khách vui vẻ ra khơi trong một con thuyền chòng chành như một cỗ xe ngựa; một chàng thủy thủ vui tính nhưng đồng thời cũng thận trọng điều khiển thuyền như bằng dây cương và dong cánh buồm hùng dũng, mỗi người ngồi yên tại chỗ để khỏi lệch sang một

bên dẫn đến nguy cơ lật thuyền, và như thế, người ta băng qua những cánh đồng tươi nắng, vào những khung cảnh râm mát, đỗ những con dốc. Đó là một buổi sáng đẹp trời mặc dù trước đó đã có dông. Thậm chí người ta còn cảm thấy những tác động mạnh mà những con thuyền bất động phải khắc chế để giữ vững thăng bằng, chúng nằm im tận hưởng ánh nắng và khí mát, ở những khoảng biển tĩnh lặng đến nỗi những phản quang gần như có độ chắc và thực hơn cả những vỏ tàu bị một hiệu quả ánh sáng làm bốc hơi, đồng thời lại bị lối vẽ phối cảnh làm chồng chéo lên nhau. Hoặc nói đúng ra, những phần khác của biển không như thế. Vì giữa những phần ấy với nhau, cũng có nhiều điểm khác nhau như giữa một phần trong số đó với ngôi nhà thờ nhô lên khỏi mặt nước và những con tàu đằng sau thành phố. Sau đó, minh trí mới định rõ những gì hiện diện là cùng một yếu tố - chỗ này đen kịt một con dông, xa hơn chút nữa lại hòa cùng một màu với bầu trời, cũng nhẵn bóng như thế, và kia nữa, trắng xóa ánh mặt trời, sương mù và bọt sóng, chắc nịch, đặc vẻ đất liền, bao quanh toàn nhà cửa, đến nỗi khiến người ta nghĩ đến một con đường đá nào đó hay một cánh đồng tuyết phủ trên đó người ta khiếp hãi trông thấy một con tàu biển trên cạn leo một con dốc dựng đứng, như một chiếc xe vừa phì phò vượt qua một khúc sông cạn, nhưng chỉ một lát sau, khi nhìn thấy những con tàu ngất ngư xung quanh, người ta hiểu ra rằng, mặc dù giống hệt đất liền về mọi mặt, đây vẫn là biển cả*.

Mặc dù người ta có lý khi nói rằng trong nghệ thuật không có sự tiến bộ hay khám phá, mà chỉ có trong khoa

học, rằng mỗi nghệ sĩ lại bắt đầu những nỗ lực cá nhân vì bản thân mình thì không thể trông chờ bất cứ nghệ sĩ nào khác giúp đỡ hoặc cản trở trong tiến trình của mình, thì vẫn phải công nhận rằng trong chừng mực nghệ thuật làm sáng tỏ một số quy luật, một khi chúng được kỹ nghệ phổ biến rộng rãi, nghệ thuật thời trước, qua cái nhìn hồi cố, đã mất đi phần nào sự độc đáo ban đầu. Từ những khởi đầu của Elstir, chúng ta đã làm quen với cái mà người ta gọi là những tấm hình “tuyệt vời” chụp phong cảnh và thành phố. Nếu ta cố xác định rõ cái mà trong trường hợp này, những người yêu tranh chỉ bằng cái hình dung từ ấy, ta sẽ thấy nó thường ứng vào một hình ảnh kỳ lạ nào đó của một sự vật quen thuộc, một hình ảnh khác với hình ảnh ta quen thấy, kỳ lạ mà chân thực, do đó càng khiến ta xúc động gấp đôi vì nó làm ta ngạc nhiên, kéo ta ra khỏi những thói quen của mình, đồng thời đưa ta trở về bằng cách nhắc ta nhớ đến một ấn tượng. Chẳng hạn, một trong những tấm ảnh “tuyệt mỹ” đó vận dụng một quy luật của lối vẽ phối cảnh, cho chúng ta thấy một ngôi nhà thờ nào đó không như ta quen thấy ở giữa thành phố, mà trái lại, “chụp” từ một điểm đã chọn, nó có vẻ cao gấp ba mươi lần những ngôi nhà xung quanh và chòi ra bên bờ sông mà thực ra nó ở cách xa đó. Chính cố gắng của Elstir để trình bày sự vật không như ông biết chúng vốn là thế, mà theo những ảo ảnh thị giác tạo nên cái nhìn ban đầu của chúng ta, đã đưa ông đến chỗ làm sáng tỏ một số luật phối cảnh, làm chúng nổi bật hơn, nghệ thuật vốn là nhân tố phát lộ chúng đầu tiên. Một con sông, do khúc ngoặt của dòng chảy, một con vịnh nhìn bề

ngoài như gần kề những vách đá, có vẻ như đào sâu vào giữa đồng bằng hay giữa núi non một con hồ hoàn toàn khép kín bốn bề. Trong một bức vẽ cảnh Balbec vào một ngày hè nóng thiêu, một chỗ bờ biển hõm vào, bao quanh là những vách granit màu hồng, biển như không còn là biển, mà lùi ra xa hơn. Người xem tranh cảm thấy đó vẫn là đại dương chỉ bằng vào đám hải âu xoáy lượn trên những thứ nom như là đá, nhưng thực ra chúng đang hít hơi ẩm của sóng biển. Cũng bức tranh này làm toát ra một số quy luật khác như, dưới chân những vách đá menh mông, những cánh buồm trắng tí hon duyên dáng trên màu xanh lơ của mặt-biển-gương-soi như những chú bướm ngủ quên, và một số tương phản giữa chiều sâu bóng tối với độ trắng của ánh sáng. Thủ pháp vận dụng mảng tối như vậy, cũng do nhiếp ảnh phổ biến rộng rãi, đã khiến Elstir thích thú đến nỗi hồi xưa ông đã say mê vẽ những ảo cảnh thật sự, chẳng hạn như: một tòa lâu đài với một ngọn tháp bên trên hiện ra trong tranh như một tòa lâu đài tròn trịa nổi dài thêm một ngọn tháp trên đỉnh và một ngọn tháp đảo ngược dưới đáy, hoặc do độ trong veo lạ thường của một ngày đẹp trời khiến cho bóng soi xuống mặt nước như có độ rắn và sáng nhờ nhờ của đá, hoặc do sương mù buổi sáng nên nom đá mông lung như bóng ảo. Cũng như vậy, phía bên kia biển, đằng sau một dãy rừng, lại bắt đầu một biển khác, nhuộm hồng trong ánh dương tà, nhưng thực ra đó là bầu trời. Như phát minh những thể rắn mới, ánh sáng rọi vào vỏ một con tàu, đẩy nó nhô ra, đồng thời lùi lại sau một vỏ tàu khác nằm trong bóng tối, và sắp đặt như những bậc một

cầu thang bằng pha lê trên bề mặt thực chất là phẳng, nhưng lại như gấp khúc dưới ánh ban mai chiếu sáng mặt biển. Một dòng sông chảy dưới những cây cầu của một thành phố được thể hiện từ một góc nhìn khiến nó hiện ra hoàn toàn đứt rời từng đoạn, đây thành hồ thành vũng, kia hẹp lại thành rãnh thành suối nhỏ, ở chỗ khác bị ngắt quãng bởi một con đồi trên đỉnh có rừng cây để người dân thành phố chiều chiều đến thở hít khí mát trong lành; và chính tiết tấu của cái thành phố bị xáo đảo này chỉ được đảm bảo bởi chiều thẳng đứng kiên quyết của những tháp chuông không vươn lên trời mà dường như, theo cách dây dọi trọng lực đánh nhịp như trong một hành khúc khai hoàn, giữ lũng lảng bên dưới chúng trong màn sương mù cả cái khối hỗn độn tầng tầng nhà cửa dọc theo con sông bị đè nghiêng và chặt ra từng khúc. Và (vì những tác phẩm đầu tay của Elstir được vẽ từ thời người ta thường điểm tô phong cảnh bằng sự hiện diện của một nhân vật) ngay cả con đường trên tróc vách đá hay trên sườn núi, một bộ phận có phần nhân tạo của thiên nhiên, cũng bị luật vẽ phối cảnh chi phối như dòng sông và đại dương, nghĩa là bị che khuất đi nhiều chỗ. Và do tầm mắt bị ngăn, hoặc bởi sườn núi, hoặc bởi sương mù của một con thác, hoặc bởi biển cả, ta không theo dõi được sự liên mạch của con đường mà chỉ người đi dạo (chứ không phải ta, người xem tranh) nhìn thấy, cái nhân vật người bé tí trang phục lỗi thời lạc lõng trong cảnh cô đơn này dường như luôn luôn bị chặn lại trước một vực thẳm, con đường nhỏ nhân vật ấy đi theo chấm dứt ở đó, trong khi ở ba trăm mét phía trên, từ

trong rừng thông, lòng an tĩnh trở lại, ta xúc động thấy lại hiện ra màu trắng mỏng manh bờ cát con đường niềm nở đón bước chân du khách, nhưng sườn núi che khuất tầm mắt ta những đoạn ngoằn ngoèo uốn quanh bờ thác hay con vịnh.

Cố gắng của Elstir nhằm trút bỏ mọi khái niệm trí tuệ của bản thân trước thực tại càng đáng phục vì con người này trước khi bắt tay vào vẽ tự nguyện làm kẻ ngu dốt, quên tất cả vì lòng trung thực (bởi những gì ta biết đâu phải thuộc về ta) chính vì thế lại có một tầm trí tuệ-văn hóa đặc biệt. Khi tôi thú thật với ông rằng kiến trúc của nhà thờ Balbec làm tôi thất vọng, ông nói: “Sao kia, ông thất vọng vì cái cổng lớn ấy ư? Vậy mà đó là pho truyện tranh *Kinh Thánh Diễn Nghĩa* đẹp nhất mà tín đồ Thiên Chúa giáo từng có để mà đọc đấy. Hình Đức Mẹ Đồng Trinh và những bức phù điêu kể lại cuộc đời của Người, là biểu hiện đậm thắm nhất, hứng khởi nhất của bài thơ dài ngợi ca và sùng bái mà thời Trung đại dành để tôn vinh Đức Mẹ. Nếu ông biết, cùng với độ chính xác cặn kẽ nhất trong việc dịch thánh thư sang hình ảnh, nhà điêu khắc cổ xưa đã có những phát kiến xiết bao tinh tế, những tư tưởng sâu sắc nhường nào, một chất thơ tuyệt vời biết mấy! Cái sáng kiến vẽ hai thiên thần mang thi thể Đức Mẹ Đồng Trinh trong một tấm khăn voan lớn, vì thi thể Người quá thiêng liêng họ không dám trực tiếp chạm tới (tôi nói với ông đề tài này đã được thể hiện ở nhà thờ Saint-André-des-Champs; ông đã xem ảnh chụp cổng lớn của nhà thờ đó, nhưng lưu ý tôi rằng hình ảnh những nông dân nhỏ xíu cuống quýt chạy

quanh Đức Mẹ Đồng Trinh thật khác xa so với vẻ nghiêm trang của hai thiên thần cao lớn, gần như có dáng nét người Ý, dong dỏng và dịu hiền biết bao); thiên thần mang linh hồn Đức Mẹ Đồng Trinh để nhập trở lại xác; trong cuộc gặp của Đức Mẹ Đồng Trinh với nữ thánh Elisabeth, cử chỉ của Elisabeth sờ vào bầu vú của Đức Mẹ và vui sướng kinh ngạc cảm thấy nó căng đầy; và cánh tay quăn bangles của người nữ hộ sinh còn ngờ ngợ không tin vào sự Hoài Thai Trinh Khiết khi chưa chính tay sờ thấy; và chiếc dây lưng Đức Mẹ Đồng Trinh ném cho thánh Thomas như là bằng chứng sự phục sinh của Người; cả tấm khăn voan Đức Mẹ Đồng Trinh giật khỏi ngực mình để ủ cho mình trần của con trai; từ một bên mạng sườn Chúa Hài Đồng, Giáo hội Thiên Chúa hứng máu Chúa làm rượu ban thánh thể, trong khi mạng bên kia, Do Thái giáo, đã hết thời thịnh trị, đôi mắt bịt kín, tay cầm cây trượng đã gãy một nửa và để rơi vương miện khỏi đầu; và người chồng, vào giờ Phán Xét Tối Hậu, đỡ người vợ trẻ của mình bước ra khỏi mộ, áp tay nàng lên trái tim mình để nàng yên tâm và chứng tỏ với nàng rằng nó vẫn đập thật sự - tất cả ý tưởng tìm tòi sáng tạo ấy chẳng tuyệt lắm sao, những hình ảnh ấy chẳng đắt lắm sao? Và vị thiên thần mang Mặt Trời và Mặt Trăng đã trở nên vô dụng đi bởi lẽ thánh thư đã nói Ánh Sáng của Thánh Giá bảy lần rực rỡ hơn ánh sáng của các vì tinh tú; và vị thiên thần nhúng tay vào nước tắm của Chúa Jésus để xem nước có đủ ấm hay không; và vị bước ra từ những tầng mây để đặt vành hoa lên trán Đức Mẹ Đồng Trinh; và tất cả những vị từ trên đỉnh trời cúi xuống nhìn qua hàng lan can

của thành Jerusalem thiên giới, giờ tay kinh hoàng hay vui mừng thấy những hình phạt giáng xuống bọn hung bạo hay hạnh phúc cho những người được Chúa lựa chọn! Đó, tất cả những vùng thiên giới, cả một thi khúc thần học và tượng trưng hoành tráng. Thật tuyệt, thật thần tiên; thật ngàn lần siêu đẳng hơn tất cả những gì ta có thể thấy ở Ý, và chẳng kiệt tác này đã được sao chép nguyên xi bên Ý bởi những điêu khắc gia kém xa về tài năng. Bởi vì, ông biết đấy, đây là vấn đề thiên tài. Làm gì có thời kỳ nào mà tất cả đều là thiên tài, tào lao cả thôi, nếu thế thì hơn cả thời Hoàng Kim! Xin hãy tin rằng cái tay đã chạm khắc mặt tiền này cũng cự phách, cũng có những ý tưởng sâu sắc như bất kỳ tay nào mà ông khâm phục nhất hiện nay. Tôi sẽ chỉ cho ông thấy điều đó nếu chúng ta có dịp cùng nhau tới đó. Có một số lời trong lễ thức Quy Thiên của Đức Bà được minh họa với một độ tinh tế mà đến cả Redon* cũng không sánh kịp.

Tuy nhiên, cái hình ảnh mệnh mang ấy về thiên giới mà Elstir giảng cho tôi nghe, cái bài thơ thần học hoành tráng mà tôi hiểu là đã được viết lên đó, đôi mắt đầy dục vọng của tôi khi mở to trước mặt tiền của nhà thờ Balbec đâu có nhìn thấy. Tôi nói với ông về những pho tượng thánh lớn dựng trên trụ cao hình thành một thứ đại lộ.

“Đại lộ ấy khởi đầu từ đáy thẳm các thời đại để dẫn tới Chúa Jésus Christ, ông nói với tôi. Đó, một mặt, là những tổ tiên tinh thần của Người, mặt khác, là những quân vương xứ Juda, tổ tiên máu thịt. Tất cả các thế kỷ đều có trong đó. Và nếu ông nhìn kỹ hơn những gì ông thấy như là ‘trụ’

tượng, ông sẽ có thể định danh các vị thánh ngự trên đó.”

Tôi cũng nói với ông rằng tôi đã chờ đợi tìm thấy ở đây một ngôi miếu gần như mang phong cách Ba Tư, và đó là một trong những nguyên nhân khiến tôi hụt hẫng. “Có đấy,” ông đáp, “có nhiều nét thực sự Ba Tư đấy. Một số bộ phận đặc sệt phương Đông; một đầu cột tái hiện một đề tài Ba Tư chính xác đến nỗi nếu chỉ lấy sự lưu tồn dai dẳng của những truyền thống phương Đông mà giải thích thì không đủ. Nhà điêu khắc đã phải chép lại những hình ảnh trên một chiếc hòm do các nhà hàng hải mang về.” Thật vậy, về sau ông phải cho tôi xem tấm ảnh chụp một đầu cột có hình những con rồng gần giống rồng Tàu cắn xé nhau, nhưng ở Balbec, cái hình chạm này đã lọt khỏi mắt tôi trong cái tổng thể không ứng với những gì mấy chữ “nhà thờ á-Ba-Tư”* gọi lên trong trí tôi.

Những niềm vui trí tuệ tôi thường thức trong xưởng họa này tuyệt nhiên không ngăn tôi cảm thấy những khoái cảm khác mặc dù chúng như chỉ ngẫu nhiên mà bao quanh chúng tôi: hơi ấm của lớp màu trắng tường, khoảng tranh tối tranh sáng lung linh của gian phòng và bên ngoài ô cửa sổ nhỏ đóng khung giữa nhành lá kim ngân, cái khô ráo bền bỉ từ mặt đất nắng thiêu của con đường thôn dã mà sự trong veo của khoảng cách và bóng cây chỉ đủ để loáng thoáng che mờ. Có lẽ trạng thái sáng khoái vô thức do ngày hè ấy đem lại cho tôi đã, như một con sông nhánh đổ vào sông cái, làm tăng thêm niềm vui của tôi khi ngắm bức *Cảng Carquethuit*.

Tôi ngỡ Elstir khiêm tốn, nhưng tôi hiểu mình đã nhầm:

tôi thấy vẻ mặt ông thoáng buồn khi trong một lời cảm ơn, tôi thốt ra từ “vinh quang”. Những người tin rằng tác phẩm của mình trường tồn - và Elstir thuộc loại ấy - thường có thói quen định vị chúng vào một thời kỳ khi bản thân họ sẽ chỉ còn là cát bụi. Và như thế, cái ý “vinh quang” buộc họ liên tưởng đến hư vô và làm họ buồn, vì nó không thể tách rời khỏi ý nghĩ về cái chết. Tôi vội chuyển đề tài trò chuyện để xua tan áng mây buồn kiêu hãnh mà tôi đã vô tình chất lên vầng trán của Elstir. Nhớ lại một cuộc trò chuyện chung với Legrandin hồi ở Combray mà tôi rất muốn biết ý kiến của Elstir về vấn đề đó, tôi nói: “Người ta khuyên tôi đừng đến Bretagne vì nơi đó không lành mạnh đối với một đầu óc vốn sẵn có khuynh hướng mơ mộng.” - “Không đâu,” ông đáp, “khi một đầu óc đã có khuynh hướng mơ mộng, không nên kiềm chế, ngăn cách nó khỏi mơ mộng. Chừng nào ta lái tâm trí ta né xa mơ mộng, nó sẽ không biết mơ mộng là thế nào; ta sẽ thành nạn nhân để vô vàn vẻ bề ngoài lừa phỉnh vì ta không hiểu bản chất của chúng. Nếu một chút mơ mộng là nguy hiểm, thì thuốc chữa không phải là mơ mộng ít đi, mà là mơ mộng nhiều hơn, mà là mơ mộng hết mức. Điều quan trọng là ta phải hoàn toàn nắm được những mộng mơ của mình để không còn phải đau đớn vì chúng nữa. Giữa mơ mộng với đời thường, có một cách biệt nào đó, nhiều khi phân định rõ ra là rất hữu ích, đến nỗi tôi thường tự hỏi có nên, để đề phòng mọi bất trắc, thực hành điều đó theo cách chặn trước, như một số bác sĩ phẫu thuật cho rằng nên cắt bỏ ruột thừa ở tất cả các trẻ em để tránh nguy cơ bị viêm ruột thừa trong tương lai.”

Elstir và tôi đi đến tận cuối xưởng họa, dừng lại trước ô cửa sổ nhìn ra đằng sau vườn và một con phố ngang nhỏ hẹp, gần như một ngõ hẻm ở nông thôn. Chúng tôi đứng đó hít thở không khí mát dịu của chiều tà. Tôi ngỡ mình đã xa các cô gái trong cái nhóm nhỏ kia: cuối cùng, tôi đã tuân theo yêu cầu của bà tôi, đến thăm Elstir, dành một lần hy sinh triển vọng được gặp họ. Bởi vì ta không biết điều ta tìm kiếm đang ở đâu, trong khi biết bao lâu ta luôn lẩn tránh nơi ai nấy, vì những lý do khác, đều mời ta đến; nhưng ta đâu có ngờ chính tại đó, ta sẽ gặp đích thị con người ta đang nghĩ tới. Tôi lơ đãng nhìn con đường thôn dã chạy sát bên ngoài xưởng họa, nhưng không thuộc về Elstir. Thành hình hiện ra, rào bước trên đó, chính cô gái dắt xe đạp trong cái băng nhóm nhỏ ấy với chiếc mũ polo trên mái tóc đen nhánh, kéo sụp xuống phía đôi má phính, đôi mắt vui tươi và có phần da diết; và trên con đường nhỏ may mắn diệu kỳ đầy những hứa hẹn ngọt ngào ấy, tôi thấy nàng đứng dưới bóng cây tươi cười chào Elstir như một người bạn, khác nào bắc một áng cầu vồng nối liền cái thế giới chỉ gồm đất và nước của chúng ta với những miền cho tới nay tôi vẫn nghĩ là mình không sao tới được. Thậm chí nàng còn lại gần để bắt tay Elstir, trong khi vẫn không dừng bước, và tôi nhận thấy nàng có một nốt ruồi ở cằm. “Ông quen cô gái này, thưa ông?” tôi hỏi Elstir, hiểu rằng ông có thể giới thiệu tôi với nàng, mời nàng đến thăm nhà. Và cái xưởng họa yên tĩnh này, với cảnh quan thôn dã, lại đây ắp thêm một cái gì tuyệt thú sẽ tới, tựa như một ngôi nhà mà một đứa trẻ vui chơi ở đó đã thấy thích, giờ lại được

biết, ngoài ra, người ta còn chuẩn bị thết nó một bữa tiệc thịnh soạn. Elstir cho tôi biết nàng tên là Albertine Simonet và xướng luôn cả tên các cô bạn khác của nàng mà tôi mô tả khá chính xác, đủ để ông khỏi phải phân vân nhiều khi đoán định, về địa vị xã hội của họ, tôi đã đoán sai, nhưng không theo cách tôi thường nhầm lẫn khi ở Balbec. Tại đây, dạo trước thấy mấy chàng trai cười ngửa, con chủ cửa hiệu, tôi đã dễ dàng lầm tưởng là những hoàng thân. Lần này, tôi lại xếp vào loại xuất thân mờ ám mấy cô con nhà đại phú tiểu tư sản thuộc giới kỹ nghệ và kinh doanh. Đó là một giới, ngay từ đầu, đã khiến tôi ít quan tâm nhất, chẳng có cái bí ẩn mà tôi cảm thấy ở cả lớp bình dân lẫn giới giao tế của gia đình De Guermantes. Và nếu cái hơi hợt rực rỡ của cuộc sống nghỉ dưỡng bên bãi biển không làm tôi lóa mắt nhìn họ qua một thiên kiến tốt đẹp đã hình thành từ trước và sẽ không mất đi, hẳn là tôi sẽ không thể khắc chế được ý nghĩ rằng họ là con gái những nhà buôn lớn. Tôi chỉ có thể thán phục giai cấp tư sản Pháp như là một xưởng điêu khắc tuyệt vời với những sản phẩm đa dạng nhất - biết bao kiểu dáng bất ngờ, sáng tạo biết mấy trong tính cách các gương mặt, những nét xiết bao quả quyết, xiết bao tươi mát, xiết bao hồn nhiên! Những lão trưởng giả hà tiện sinh ra những tiên nữ ấy, tôi nghĩ họ là những người làm tượng vĩ đại nhất. Trước khi tôi kịp nhận ra sự “biến đổi” địa vị xã hội của những cô gái ấy - vì sự phát hiện ra sai lầm của ta trong nhận định và sự chấn chỉnh nhận thức của ta về một ai đó tác động tức thời như một phản ứng hóa học - thì đằng sau gương mặt sừng sỏ

của mấy cô mà tôi lầm tưởng là bồ bịch của cánh cua-rơ xe đạp, quán quân đấm bốc, đã định hình cái ý nghĩ rằng họ rất có thể có quan hệ với gia đình một vị công chứng nào đó quen với cha mẹ tôi. Tôi chẳng biết gì mấy về Albertine. Nàng chắc chắn không biết một ngày nàng sẽ là gì đối với tôi. Ngay cả đến cái họ Simonet, nếu có ai yêu cầu tôi viết ra, khéo tôi sẽ mắc lỗi chính tả, viết thành *Simonnet* cũng nên, trong khi gia đình này rất xem trọng việc tên họ mình chỉ có một chữ *n*. Càng tụt xuống thấp trong thang bậc xã hội, thói trưởng giả học làm sang càng bám lấy những cái không đâu có lẽ cũng chẳng vô nghĩa gì hơn những giá trị được giới quý tộc coi trọng, nhưng vì mập mờ hơn, riêng biệt với từng cá nhân hơn, nên càng kỳ lạ hơn. Có lẽ đã từng có những người trong dòng họ Simonet làm những vụ kinh doanh xấu xa, hoặc tệ hơn nữa. Dù sao mặc lòng, hình như những người mang họ bao giờ cũng tức tối như bị vu cáo khi người ta nhân đôi chữ *n* của họ lên. Là những người duy nhất mang họ Simonet với một chữ *n*, thay vì hai, họ lấy thế làm hãnh diện có lẽ chẳng kém gì dòng họ Montmorency tự hào với những nam tước đầu tiên của nước Pháp mang họ ấy. Tôi hỏi Elstir các cô gái này có ở Balbec hay không, ông trả lời rằng một số cô có nhà ở đây. Biệt thự của một cô ở ngay cuối bãi biển, nơi bắt đầu những vách đá Canapville. Vì cô này là bạn thân của Albertine Simonet, nên tôi càng có lý do để tin rằng người tôi gặp hôm đi dạo cùng bà tôi chính là nàng. Dĩ nhiên, có biết bao phố thẳng góc với bãi biển, tôi không thể xác định cụ thể đó là phố nào. Ta những muốn nhớ thật chính xác, nhưng đúng vào

lúc đó, hình ảnh ta thấy lại không rõ. Tuy nhiên, có thể khẳng định Albertine và cô gái bước vào nhà bạn mình chỉ là cùng một người. Mặc dầu vậy, nếu như trong trường hợp cô gái chơi golf có mái tóc nâu, vô số những hình ảnh cô ta phô ra sau này trước mắt tôi, dù có khác nhau đến mấy, cũng có thể chồng khớp lên nhau (vì tôi biết tất cả đều chung một mẫu) và nếu như ngược dòng ký ức, dựa trên cái ý niệm đồng nhất ấy và tựa như theo một đường thông lưu bên trong, tôi có thể điểm lại tất cả những hình ảnh ấy mà không ra khỏi một con người duy nhất, thì trái lại, nếu tôi muốn ngược trở lên tới cô gái đã gặp hôm cùng đi dạo với bà tôi, thì tôi lại đâm lạc lối, bật ra ngoài. Tôi tin chắc rằng người tôi đã gặp chính là Albertine, vẫn cái cô gái hay dừng lại giữa đám bạn bè trong cuộc dạo chơi, in bật trên nền trời-biển; nhưng tất cả những hình ảnh đó vẫn tách biệt với hình ảnh kia bởi vì khi nhớ lại, tôi không sao đồng nhất nó với cô gái đã bắt mắt tôi lúc bấy giờ; dù phép tính xác suất có thể đảm bảo với tôi như thế nào thì cô gái có cặp má bầu bĩnh đã nhìn tôi táo tợn đến thế từ chỗ con phố nhỏ và bãi biển giao nhau - và tôi ngỡ nàng có thể phải lòng mình - tôi không lần nào gặp lại nàng nữa, theo nghĩa đen của từ này.

Phải chăng sự phân vân của tôi giữa các cô gái trong cái nhóm nhỏ ấy - tất cả đều lưu giữ nơi bản thân phần nào cái nét duyên tập thể đã làm tôi xao xuyến ngay từ đầu - cộng thêm vào với những nguyên nhân khác, khiến sau này, ngay cả vào thời kỳ tôi yêu Albertine mãnh liệt hơn - đó là lần thứ hai - vẫn chừa ra cho tôi một khoảng tự do, tuy cách

quãng và rất ngắn ngủi, để không yêu nàng? Do đã lưỡng lự giữa các bạn nàng trước khi dứt khoát chọn nàng, tình yêu của tôi đối với Albertine đôi khi duy trì giữa nó và hình ảnh nàng một “ngón chơi ánh sáng chập chờn” nào đó cho phép nó như một chùm tia sáng chĩnh lệch thoảng rọi vào các cô khác trước khi trở lại tập trung vào nàng; tôi cảm thấy không nhất thiết có mối liên quan giữa cái nhói đau nơi tim mình với ký ức về Albertine; tôi có thể gắn nó với hình ảnh một người khác cũng nên. Và điều đó khiến tôi có thể, trong một thoáng chốc, làm tan biến thực tại, không chỉ là cái thực tại bên ngoài như trong tình yêu của tôi với Gilberte (mà tôi đã công nhận như một trạng thái nội tâm trong đó tự mình tôi rút ra phẩm chất riêng biệt, tính cách đặc hữu của người tôi yêu, tất cả những gì khiến người đó trở nên thiết yếu cho hạnh phúc của tôi) mà thậm chí cả cái thực tại bên trong và thuần túy chủ quan nữa.

“Chẳng ngày nào không có một, hai cô trong bọn đi qua trước xưởng họa và ghé thăm tôi một chút,” Elstir nói với tôi thế, làm tôi tiếc ngẩn tiếc ngơ khi nghĩ rằng giá tôi nghe lời bà tôi đến thăm ông ngay thì có lẽ tôi đã làm quen với Albertine từ lâu rồi. Nàng đã đi xa rồi; từ xưởng họa, không nhìn thấy nàng nữa. Tôi nghĩ chắc nàng đi đến chỗ gặp các bạn mình. Nếu tôi cùng với Elstir có mặt ở đó, tôi ắt có cơ hội làm quen với họ. Tôi bịa ra trăm ngàn có để rủ ông cùng tôi đi dạo quanh bãi biển. Tôi không còn bình thản như trước lúc cô gái xuất hiện ở khung cửa sổ nhỏ, cái khung cửa sổ cho tới lúc ấy xiết bao duyên dáng giữa những nhành kim ngân hoa, mà giờ đây thật trống trơ.

Elstir khiến tôi vừa vui vừa đau đớn khi nói ông sẵn lòng đi với tôi một quãng, nhưng trước hết, ông phải hoàn thành nốt bức tranh đang vẽ dở. Đó là một bức tranh hoa, nhưng không phải những loại hoa mà tôi những muốn đặt ông vẽ chân dung chúng hơn là đặt ông vẽ chân dung người, đáng có thể, qua sự phát hiện của thiên tài ông, biết được điều mà tôi đã bao lần hoài công tìm hiểu khi đứng trước chúng - hoa sơn trà, hoa hồng gai, hoa xa cúc lam, hoa táo. Elstir vừa vẽ vừa nói với tôi về thực vật học, nhưng tôi chẳng mấy chú ý lắng nghe; riêng mình ông không còn là đủ nữa, ông chỉ còn là trung gian cần thiết giữa những cô gái ấy và tôi; cái uy tín do tài năng mang lại cho ông, mà tôi mới thấy rõ mấy phút trước đây thôi, chỉ có giá trị ở chỗ nó tỏa một chút sang bản thân tôi trước mắt nhóm mỹ nữ ấy khi ông giới thiệu tôi với họ.

Tôi đi tới đi lui, sốt ruột chờ ông làm việc xong; tôi cầm lên để xem cho kỹ những bức nghiên cứu của ông, nhiều bức úp vào tường, bức nọ chồng lên bức kia. Cứ như thế, tôi khai ra một bức màu nước chắc được vẽ vào một thời kỳ xa xưa trong đời Elstir; bức tranh đem lại cho tôi cái thú mê thích đặc biệt ta cảm thấy trước những tác phẩm không chỉ được thể hiện tuyệt vời, mà còn xử lý một đề tài khác lạ và hấp dẫn đến nỗi ta nghĩ một phần sức quyến rũ của tác phẩm là do đề tài ấy, như thể sức quyến rũ ấy, người họa sĩ chỉ cần phát hiện ra nó, quan sát nó đã được thực hiện về phương diện vật chất trong tự nhiên và sao chép nó ra. Việc những thứ như vậy có thể tồn tại, tự thân đã đẹp, chưa cần đến sự diễn đạt của người họa sĩ, điều đó thỏa mãn

trong ta một thứ chủ nghĩa duy vật bẩm sinh, bị lý trí chống lại, và làm đối trọng với những trù tượng của mỹ học. Bức màu nước ấy là chân dung một thiếu phụ không xinh đẹp, nhưng thuộc một kiểu dạng lạ, đầu chít một tấm khăn tựa tựa như một chiếc mũ quả dưa, viền một vành ruy băng lụa màu anh đào; nàng mang găng hở ngón, một tay cầm điệu thuốc lá hút dở, tay kia giơ lên ngang tầm đầu gối một chiếc mũ rom làm vườn, đơn giản là một thứ che nắng. Bên cạnh nàng, một chiếc bình cắm đầy hoa hồng đặt trên bàn. Nhiều khi - và đây là một trường hợp như thế - sự khác lạ của những tác phẩm ấy chủ yếu là do chỗ chúng được thực hiện trong những điều kiện đặc biệt mà thoát đầu chúng ta không nhận thức được rõ ràng, thí dụ như trang phục kỳ dị của một người mẫu nữ có phải là bộ giả trang trong một vũ hội cải trang hay không, hoặc trái lại, chiếc măng tô đỏ mà ông già có vẻ khoác vào để chiều theo ngông ý của họa sĩ có phải là chiếc áo thụng của giáo sư hay cổ vấn của ông không, hay áo choàng của Hồng y giáo chủ. Cái tính cách lập lờ của người mà tôi đang ngắm chân dung, là do chỗ tôi không hiểu nàng là một nữ diễn viên trẻ thời xưa trong bộ bán giả trang. Nhưng chiếc “mũ quả dưa” chít trên mái tóc bông nhưng cắt ngắn, chiếc vét tông nhưng không cổ bẻ mở trên một tấm yếm trắng khiến tôi phân vân về niên đại của kiểu thời trang này cũng như giới tính của người mẫu, thành thử tôi không biết đích xác trước mắt mình là cái gì, nếu không phải là họa phẩm sáng tươi nhất. Và niềm khoái cảm nó mang lại cho tôi chỉ bị giảm thiểu bởi nỗi sợ rằng nếu Elstir chậm trễ thêm, tôi sẽ bị lỡ

không gặp được các cô gái, vì mặt trời đã chênh chếch và xuống thấp trong khung cửa sổ nhỏ. Trong bức màu nước này, không một chi tiết nào được ghi nhận trên thực tế đơn thuần như một phụ gia vào cảnh vẽ vì mục đích thực dụng - bộ trang phục vì người thiếu phụ phải mang một cái gì trên người, chiếc bình là để cắm những bông hoa ở đó. Thành thủy tinh của chiếc bình, tự thân nó đã dễ thương, có vẻ như chứa đựng thứ nước trong đó những cuống hoa cắm chượng nhúng vào một cái gì cũng trong suốt, hồ như cũng ở thể lỏng như nó; bộ đồ người thiếu phụ mặc bao quanh nàng một chất đượm một sức quyến rũ độc lập, thân ái, và - nếu những sản phẩm của công nghiệp có thể ganh đua duyên sắc với những kỳ diệu của thiên nhiên - cũng tinh tế, cũng nuột nà cho con mắt nhìn, cũng tươi mát. Mượt mà như lông mèo, như cánh hoa cắm chượng, như lông chim bồ câu. Màu trắng của cái yếm ngực áo, tinh tế như hạt mưa đá li ti, với kiểu gấp nếp phù phiếm có những chuông nhỏ xíu như ở hoa huệ chuông, tủa lên những phản quang từ căn phòng, chính chúng cũng sắc nét và nhiều sắc độ tế vi như thể có những mô típ hoa được thêu trên đó. Và chất nhung của chiếc vét tông, rục rở và óng ánh, đây đó có một cái gì tua tủa, lướp tướp và lờm xờm khiến người ta nghĩ đến những đóa cắm chượng bù xù cắm trong bình. Nhưng chủ yếu người ta cảm thấy Elstir không hề quan tâm đến chuyện kiểu giả trang của cô đào trẻ ấy có gì là vô luân không - đối với nàng, tài năng vận dụng để sắm vai của mình hẳn không quan trọng bằng vẻ hấp dẫn còn cao nàng sắp phô ra mời mọc nhục cảm bão hòa hay sa đọa của một

số khán giả - trái lại, ông chỉ miệt mài tập trung vào những nét lập lòe ấy như một yếu tố thẩm mỹ đáng làm nổi bật lên và ông đã làm mọi cách để nhấn mạnh nó. Dọc những nét của gương mặt, giới tính có vẻ như sắp sửa lộ ra là một thiếu nữ hơi có tính cách con trai, thì chợt biến mất để một quãng sau, lại xuất hiện, gợi ý đây là một gã ẻo ợt, tư lự, có thói tật tình dục bất bình thường rồi lại mất tăm, không sao nắm bắt được nữa. Cái nhìn u sầu mộng mị, do bởi chính sự tương phản của nó với những thứ phụ tùng thuộc về thế giới ăn chơi hội hè đình đám và sân khấu, không phải là nét ít làm ta xao xuyến nhất. Và chẳng, người ta nghĩ nó hẳn là giả tạo và con người tươi trẻ dường như sẵn sàng đón nhận những vuốt ve âu yếm trong bộ trang phục khêu gợi kia, có lẽ cho rằng nếu thêm vào đó cái vị lảng mạn của một tình cảm ảm kín, một nỗi buồn không thổ lộ, thì càng đậm đà hơn. Ở dưới bức chân dung có ghi: *Miss Sacripant*, tháng Mười, năm 1872. Tôi không thể nén được sự thán phục của mình.

“Ồ! Có gì đâu. Đây chỉ là một bức ghi mẫu hồi trẻ thôi mà, đó là một bộ trang phục cho một chương trình tạp kỹ. Tất cả những cái đó đã xa xưa lắm rồi.

“Thế còn người mẫu này giờ ra sao rồi?”

Trong một tích tắc, mặt Elstir thoáng vẻ ngạc nhiên trước khi làm ra bộ thờ ơ và lơ đãng. “Này, đưa ngay bức tranh ấy cho tôi,” ông bảo tôi, “tôi nghe thấy Madame Elstir đang tới. Mặc dù cô gái đội mũ quả dưa này không đóng bất cứ một vai trò nào trong đời tôi, cũng chẳng nên để vợ tôi thấy bức màu nước này. Tôi chỉ giữ nó như một tư

liệu hay hay về sân khấu thời kỳ đó mà thôi.”

Và trước khi giấu bức tranh màu nước sau lưng mình, Elstir, có lẽ vì đã lâu không ngó tới nó, dán vào đó một cái nhìn chăm chú. “Lẽ ra mình chỉ nên giữ lại cái đầu,” ông lẩm bẩm, “phần dưới quả là vẽ quá vụng, hai bàn tay rõ là do một người mới tập vẽ.”

Tôi rầu lòng vì Madame Elstir đến, khiến chúng tôi lại phải hoãn chậm thêm cuộc đi dạo. Thành cửa sổ chẳng mấy chốc đã hồng ánh dương tà. Cuộc đi dạo của chúng tôi sẽ hoàn toàn vô bổ. Chẳng còn chút cơ may nào để gặp các cô gái, do đó, Madame Elstir có nhanh chóng buông tha cho chúng tôi hay không cũng chẳng quan trọng gì nữa. Vả chẳng bà cũng không ngồi lại lâu. Tôi thấy bà thật chán ngấy; bà có thể đẹp, nếu như bà là một thôn nữ hai mươi dốt bỏ đi trong miền quê La Mã; nhưng mái tóc đen của bà đang bạc dần; và bà là người bình thường mà không giản dị vì bà nghĩ vẻ đẹp như tượng của mình đòi hỏi cung cách phải trang trọng, thái độ phải uy nghi, vẻ đẹp ấy, than ôi, đã bị tuổi tác tước đi hết mọi nét quyến rũ. Bà ăn vận hết sức giản dị. Và ta ngạc nhiên mà cảm động khi thấy Elstir lúc nào cũng: “Gabrielle xinh đẹp của anh!” bằng một giọng dịu dàng kính trọng, như thể riêng việc thốt lên mấy tiếng ấy cũng khiến lòng ông ngập tràn xúc động và tôn sùng, về sau, khi làm quen với mảng hội họa huyền thoại của Elstir, tôi cũng đồng thời nhìn ra cái đẹp nơi Madame Elstir. Tôi hiểu ra rằng, đối với một điển hình lý tưởng nào đó thâm tóm trong một số đường nét, một số nét uốn lượn không ngừng trở đi trở lại trong tác phẩm của ông, đối với

một quy chuẩn nào đó, ông thực sự gán cho một tính cách gần như thần thánh, bởi chung ông dành toàn bộ thời gian, toàn bộ nỗ lực tư duy ông có thể huy động, nói tóm lại, toàn bộ cuộc đời mình vào cái nhiệm vụ làm nổi rõ hơn những đường nét ấy, tái hiện chúng một cách trung thành hơn. Lý tưởng ấy thực sự khơi dậy nơi Elstir một lòng sùng bái nghiêm cẩn và đòi hỏi cao đến mức không bao giờ cho phép ông được thỏa mãn. Đó là phần sâu kín nhất của bản ngã ông; cho nên ông đã không thể nhìn nhận nó với thái độ thản nhiên, rút ra từ đó những xúc cảm, cho tới ngày ông gặp nó thể hiện ở bên ngoài, hiện thân nơi thân thể một người đàn bà, thân thể của người sau đó đã trở thành Madame Elstir và chính ở người đàn bà ấy, cuối cùng, ông đã có thể - như ta chỉ có thể có khả năng ấy với những gì không phải là bản thân ta - thấy cái lý tưởng ấy là đáng sùng bái, là xúc động lòng người, là thần thánh. Thật an lòng biết mấy khi ông có thể đặt môi lên cái Đẹp mà cho tới nay ông vẫn phải nhọc nhằn chiết ra từ bản thân và giờ đây nó hiện thân một cách bí ẩn tự hiến mình cho ông để thực hiện một chuỗi hòa đồng hiệu quả! Vào thời ấy, Elstir không còn ở độ thanh xuân khi người ta chỉ trông chờ ở sức mạnh của tư duy để thực hiện lý tưởng của mình. Ông gần đến cái tuổi khi người ta trông cậy vào những thỏa mãn của thân thể để kích thích sức mạnh của trí não, khi mà sự mệt mỏi của trí não (khiến ta ngã theo chủ nghĩa duy vật) và sự giảm sút hoạt động trí tuệ (dễ dẫn đến khả năng tiếp nhận các ảnh hưởng một cách thụ động) bắt đầu làm ta phải thừa nhận rằng có lẽ có một số cơ thể, một số nghề, một số

tiết tấu được ưu tiên, thực hiện lý tưởng của ta một cách tự nhiên đến nỗi thậm chí không cần có thiên tài, chỉ bằng việc chép lại một động tác nhún vai hay vươn cổ, là ta làm nên một kiệt tác rồi. Đó là cái tuổi khi ta thích đưa mắt mơn trớn cái Đẹp bên ngoài ta, gần bên ta, trong một tấm thảm thêu, trong một phác thảo đẹp của Titien phát hiện thấy ở một cửa hàng đồ cũ, nơi một người tình cũng đẹp như bức phác thảo của Titien. Khi tôi hiểu ra điều ấy, tôi không thể nhìn Madame Elstir mà không vui thích và vẻ nặng nề biến mất khỏi cơ thể bà vì tôi chất đầy vào đó một ý niệm: rằng bà là một sinh linh phi vật thể, một bức chân dung của Elstir. Đối với tôi, bà là một bức chân dung và hẳn đối với Elstir cũng thế. Những dữ kiện của đời sống không đáng kể đối với người nghệ sĩ, chúng chỉ là một cơ hội cho anh ta phơi bày thiên tài của mình. Nhìn mười bức chân dung những người khác nhau do Elstir vẽ đặt cạnh nhau, người ta cảm thấy đó trước hết là những Elstir. Duy có điều, sau đợt triều dâng ấy của thiên tài phủ tràn cuộc sống, đầu óc mệt mỏi, thế thăng bằng dần dà bị phá vỡ, rồi như một con sông tiếp tục xuôi dòng sau con nước ngược của một đợt triều cường, cuộc sống lại vượt lên thăng thế. Trong thời kỳ đầu, khi người nghệ sĩ dần vỡ ra quy luật, công thức năng khiếu vô thức của mình. Anh ta biết những tình huống nào - nếu anh ta là tiểu thuyết gia -, loại phong cảnh nào - nếu anh ta là họa sĩ - cung cấp cho mình cái chất liệu, tự thân nó thì vô thưởng vô phạt, nhưng cần thiết cho những tìm tòi của anh ta như là một phòng thí nghiệm hay một xưởng họa. Anh ta biết mình đã làm nên kiệt tác

bằng những hiệu quả ánh sáng giảm thiểu, bằng những ăn năn hối hận làm thay đổi sự nhìn nhận về một lỗi lầm, bằng một trong những người đàn bà ngồi mẫu dưới lùm cây hay ngâm nửa mình dưới nước như những pho tượng. Sẽ có một ngày, vì đầu óc hao mòn, trước những chất liệu đã phục vụ cho thiên tài của mình, anh ta không còn đủ sức làm cái nỗ lực trí tuệ duy nhất có thể sản sinh ra tác phẩm, và mặc dù thế, vẫn tiếp tục tìm kiếm chúng, sung sướng thấy mình ở bên cạnh chúng vì niềm thích thú tinh thần, thứ ngòi khởi động công việc, mà chúng đánh thức trong anh ta; và, bao quanh chúng một thứ mê tín như thể chúng cao siêu hơn mọi cái khác, như thể chúng đã mang sẵn trong bản thân một phần không nhỏ - cách nào đó đã hoàn chỉnh - của tác phẩm nghệ thuật, anh ta sẽ chỉ việc lui tới và tôn thờ những nguyên mẫu, không cần phải đi xa hơn. Anh ta sẽ không ngừng đối thoại với những tội phạm ăn năn hối lỗi mà đạo xưa những tiểu thuyết của anh ta đã từng lấy sự hối cải của họ làm đề tài; anh ta sẽ mua một ngôi nhà nông thôn ở một vùng mà sương mù che mờ ánh sáng; anh ta sẽ qua hàng giờ nhìn ngắm những người đàn bà tắm; anh ta sẽ làm một bộ sưu tập các loại vải vóc đẹp. Và như thế, “cái đẹp của cuộc sống”, cụm từ bằng cách nào đó mất hết ý nghĩa, ở một trình độ chưa đạt tới nghệ thuật, mà tôi đã thấy Swann dừng tại đó, cái đẹp ấy là ở tầm mức mà một ngày kia, đến cả một Elstir cũng dần dần tụt thoái trở lại do thiên tài sáng tạo mai một, do sùng bái những hình thức từng nâng cánh cho nó bay bổng, do muốn giảm thiểu nỗ lực bản thân.

Sau rốt, ông vừa điểm nhát cọ cuối cùng lên những bông hoa của mình; tôi mất một lúc để ngắm bức tranh, điều tôi làm chẳng có gì đáng khen bởi tôi biết các cô gái lúc này không còn ở bãi biển nữa. Nhưng dù tôi có nghĩ rằng họ vẫn còn ở đó, rằng mấy phút uống phí này có thể khiến tôi lỡ dịp gặp họ, thì tôi vẫn phải ngắm tranh vì tôi tự nhủ rằng Elstir quan tâm đến những bông hoa của mình hơn là đến việc tôi muốn gặp các cô gái. Bản chất của bà tôi, một bản chất đích thị đối lập với thói ích kỷ hoàn toàn của tôi, dù sao cũng có phần phản chiếu trong bản chất tôi. Trong hoàn cảnh mà một người nào đó không thân thiết gì lắm với tôi nhưng xưa nay tôi vẫn làm ra bộ quý mến hay kính trọng, chỉ có thể bị phiền phức khó chịu, còn tôi thì có thể bị nguy hiểm, tôi không thể không tỏ ra đồng cảm với nỗi bức mình của người ấy như một điều gì to tát lắm và coi mỗi nguy hiểm đang đe dọa mình như không, vì tôi nghĩ người đó hình dung tình thế của mỗi chúng tôi đúng là như vậy. Nói cho thật chính xác thì thậm chí còn hơn thế một chút: chẳng những không kêu than về mỗi nguy hiểm đang đe dọa chính mình, mà còn sẵn sàng đón nó, và cố sao cho người khác tránh khỏi nó, cho dù khả năng bản thân mình bị tổn thương có vì thế mà tăng thêm. Điều đó là vì nhiều lý do không tôn vinh gì cho tôi. Một trong những lý do đó là: chừng nào tôi chỉ suy lý mà tin rằng mình thiết tha với cuộc sống, thì mỗi lần trong đời bị ám ảnh bởi những ưu tư tinh thần, hoặc những bồn chồn có tính chất thần kinh, đôi khi trẻ con đến nỗi tôi không dám kể ra, nếu lúc ấy xảy ra một tình huống bất ngờ, mang đến nguy cơ cướp đi mạng sống

của tôi, thì cái mối lo mới này nhẹ tênh so với những âu lo khác, đến nỗi tôi đón nó với một cảm giác được giải tỏa, gần như là hân hoan. Chính như thế mà mặc dù là người kém dũng cảm nhất trần gian, tôi đã biết được cái điều mà khi suy lý, tôi thấy hết sức xa lạ với bản chất của mình: chất men say của hiểm nguy. Nhưng ngay cả khi tôi đang ở một thời kỳ hoàn toàn yên bình và hạnh phúc, nếu đột nhiên xảy ra một nguy hiểm chết người và tôi đang ở bên một người khác, tôi không thể không đặt người đó vào nơi an toàn và chọn cho mình chỗ đầu sóng ngọn gió. Khi qua rất nhiều trải nghiệm, tôi biết mình bao giờ cũng hành xử như vậy một cách thích thú, tôi xấu hổ phát hiện ra rằng mình rất nhạy cảm với dư luận, trái với những gì tôi đã khẳng định và tin là thế. Tuy nhiên, thứ tự ái ngầm ấy không liên quan gì với thói khoe khoang cũng như kiêu ngạo. Bởi vì những gì có thể thỏa mãn tính khoe khoang hay kiêu hãnh không hề làm tôi thích thú và tôi bao giờ cũng ký những điều đó. Nhưng với những kẻ tôi đã che mắt hoàn toàn không cho thấy những ưu điểm nho nhỏ nơi tôi mà nếu biết, có lẽ họ sẽ bớt coi rẻ tôi, tôi không bao giờ cưỡng nổi niềm thích thú được vạch cho họ thấy tôi đã nhọc công để dẹp lui cái chết khỏi con đường họ đi hơn là để bảo đảm an toàn cho con đường của tôi. Vì động cơ lúc bấy giờ của tôi là sĩ diện chứ không phải là đức hạnh, nên tôi thấy việc họ ứng xử khác trong mọi hoàn cảnh là hoàn toàn tự nhiên. Tôi hoàn toàn không có ý chê trách họ về điều ấy, có lẽ tôi cũng sẽ làm thế nếu điều thúc đẩy tôi là ý niệm về một bốn phận mà tôi cảm thấy, trong trường hợp này, là bắt buộc

đối với họ cũng như đối với tôi. Trái lại, tôi thấy họ rất khôn ngoan khi lo bảo toàn cho bản thân trong khi không thể ngăn tôi đặt sinh mạng mình xuống hàng thứ yếu, điều mà tôi thừa nhận là hết sức phi lý và đáng trách từ khi tôi nhận ra sinh mạng của nhiều kẻ mà tôi lấy thân mình che cho họ khi một quả bom nổ, chẳng đáng giá gì. Vả chẳng, từ cái hôm tôi tới thăm Elstir, còn xa mới đến lúc tôi nhận chân ra sự khác biệt ấy về giá trị, và vấn đề ở đây chẳng phải là có mối hiểm nguy nào, mà đơn giản chỉ là đừng tỏ ra quan tâm đến nỗi thích thú mình đang ao ước mãnh liệt, hơn là đến bức tranh màu nước họa sĩ đang vẽ dở mà thôi - đó là dấu hiệu báo trước cái tật sĩ diện độc hại ấy. Cuối cùng, ông cũng đã vẽ xong. Và một khi ra khỏi nhà, tôi mới thấy là chưa đến nỗi muộn như tôi tưởng, vì mùa này, ngày rất dài. Chúng tôi theo con đường đi dạo ven biển. Tôi đã giờ không biết bao nhiêu mẹo để giữ Elstir nán lại chỗ tôi nghĩ là các cô gái còn có thể đi qua! Chỉ những vách đá dựng đứng bên cạnh, tôi không ngừng yêu cầu ông nói về chúng để “câu giờ”, giữ chân ông. Tôi có cảm giác là sẽ có cơ may “quây” được họ hơn nếu đi về phía cuối bãi tắm. “Hay ta cùng lại gần hơn chút nữa ngắm những vách đá này cho kỹ?” tôi đề nghị với Elstir, vốn đã nhận thấy một cô trong bọn thường hay đi về ngã ấy. “Và trong khi đó, xin ông nói cho nghe về Carquethuit. Ôi! Tôi rất mong được đến Carquethuit!” tôi nói thêm, không nghĩ rằng cái tính cách rất tân kỳ được thể hiện xiết bao mạnh mẽ trong bức *Cảnh Carquethuit* của Elstir có lẽ nhiều phần do cái nhìn của họa sĩ hơn là do một nét đẹp độc đáo nào đó của bãi biển ấy.

“Từ khi tôi được xem bức tranh ấy, có lẽ đây là nơi tôi muốn biết nhất cùng với Mũi Raz, dĩ nhiên, từ đây tới đó, là cả một cuộc hành trình.”

“Với lại, ngay cả nếu nơi ấy có gần hơn thì tôi vẫn khuyên ông nên chọn Carquethuit hơn,” Elstir nói. “Mũi Raz thì đẹp đấy, nhưng tôi nghĩ những vách đá lớn ở bờ biển Normandie hay Bretagne vẫn thân thuộc với ông hơn. Carquethuit thì lại khác hẳn, với những khối đá trên một bãi biển thấp. Tôi không thấy ở Pháp có gì tương tự như vậy, nó khiến tôi nhớ đến một số cảnh ở Florida. Rất kỳ lạ và cũng cực kỳ hoang dã. Nó nằm giữa Clitourps và Nehomme*, ông hẳn biết những nơi này hoang vu như thế nào; đường nét bãi biển đẹp mê hồn. Ở đây, đường nét bãi biển chẳng có gì đặc biệt, nhưng ở đó... tôi không thể tả nó duyên dáng, dịu dàng đến chừng nào.”

Chiều xuống, đến lúc phải về thôi. Tôi đang tiễn Elstir về biệt thự thì bất thành linh, tựa như Méphistophélès đột hiện trước mặt Faust*, lóe ra ở cuối đường - khác nào một sự vật thể hóa hư ảo và quỷ quái: vật thể hóa cái tính khi đối lập với tính khí tôi, vật thể hóa cái sinh khí gần như hoang dại và tàn bạo thiếu hẳn trong thể chất yếu đuối của tôi, trong sự thái quá thiên về trí tuệ và nhạy cảm đau đớn của tôi - mấy vệt của tinh chất không thể lẫn với bất cứ thứ gì khác, mấy ngôi của chòm sao thiếu nữ ấy; họ làm như không trông thấy tôi, nhưng chắc hẳn đang nhận xét một cách nhạo báng về tôi. Cảm thấy cuộc gặp giữa họ và chúng tôi là tất yếu, và biết rằng thể nào Elstir cũng sẽ gọi tôi lại, tôi quay lưng, ra cách một người tắm biển chuẩn bị đón một

ngọn sóng xô vào; tôi dừng bước và, để mặc người bạn đồng hành lảo lạc tiếp tục đi, tôi cúi nhìn vào tủ kính một cửa hàng đồ cổ mà lúc ấy chúng tôi đi qua, như thể chợt chú ý tới một vật gì trong đó; tôi không hối tiếc là đã làm ra bộ có thể nghĩ đến chuyện khác ngoài các cô gái ấy, và tôi đã lờ mờ biết rằng khi Elstir gọi tôi lại để giới thiệu, mắt tôi sẽ mang một ánh ngỡ ngàng dò hỏi lộ ra, không phải vẻ ngạc nhiên, mà là ý muốn tỏ ra ngạc nhiên - vì mỗi chúng ta là một diễn viên tồi, trong khi người quan sát ta lại xem tướng giỏi -, rằng thậm chí tôi sẽ còn đi đến chỗ chỉ ngón tay vào ngực mình để hỏi: “Có phải ông gọi tôi không?” và cầm đầu cung cúc và ngoan ngoãn chạy mau tới, mặt làm ra bộ lạnh lùng che giấu nỗi buồn bực vì nỗi đang mãi mê ngắm những đồ sứ cổ thì bị kéo giật ra để giới thiệu với những người mà mình không muốn làm quen. Tuy nhiên, tôi nhìn ngắm cửa hàng mà lòng ngong ngóng chờ Elstir kêu tên mình như chờ một viên đạn mong đợi và vô hại. Biết chắc mình sẽ được giới thiệu, tôi không những *diễn* vẻ, mà còn thực sự cảm thấy, đứng dung với các cô gái kia. Từ giờ trở đi, đã trở thành điều tất yếu, niềm vui được quen biết họ nén chặt, thu gọn lại, khiến tôi cảm thấy như nó bé nhỏ hơn niềm thích thú khi trò chuyện với Saint-Loup, khi ăn tối với bà tôi, khi làm những cuộc dã ngoại tham quan những vùng lân cận mà có lẽ, vì mối quan hệ với những người không mấy quan tâm đến những đền đài lịch sử, tôi sẽ buộc phải tiếc nuối bỏ qua. Vả chăng, điều làm giảm niềm vui thích mà tôi sắp được hưởng, không chỉ vì nó đã kề cận, mà còn vì nó được thực hiện một cách rời rạc.

Những hình ảnh hình thành trong đầu chúng ta, chồng lên nhau theo một trật tự cố định, trật tự ấy được duy trì bởi sự vận hành của những quy luật cũng chính xác như định luật của thủy tĩnh học, nhưng lại bị đảo lộn bởi sự gần kề của sự kiện sắp xảy ra. Giờ chắc Elstir sắp gọi tôi đây. Thường khi ở bãi biển hay trong phòng riêng, tôi không hề hình dung mình sẽ làm quen với những cô gái ấy theo cách như thế này. Điều sắp diễn ra, đó là một sự kiện khác mà tôi chưa chuẩn bị tinh thần để đón nhận. Tôi không nhận ra nơi sự kiện này niềm khao khát của tôi cũng như đối tượng của khao khát ấy. Tôi gần như tiếc đã rủ Elstir cùng đi dạo. Nhưng nhất là, việc niềm vui thích tôi xiết bao chờ đợi giờ teo lại, chính là do tôi tin chắc rằng không gì có thể tước đoạt nó khỏi tôi nữa. Và, do một lực đàn hồi, nó trở lại đúng kích thước của nó khi nó thôi không bị siết chặt trong vòng tay của xác tín ấy; điều đó xảy ra vào lúc tôi quyết định quay đầu lại và thấy Elstir dừng lại cách đấy mấy bước cùng các cô gái, chào tạm biệt họ. Gương mặt cô đứng gần ông nhất, bầu bĩnh và sáng bừng ánh mắt nhìn, khiến ta nghĩ đến một chiếc bánh ga tô trên đó người ta đã dành chỗ cho một mảng trời. Mắt nàng, ngay cả lúc nhìn trân trân vào một điểm, vẫn gợi cảm giác linh hoạt, như trong những ngày gió lớn, không khí, tuy vô hình, vẫn cho ta cảm thấy gió vút nhanh nhường nào trên nền trời xanh. Trong một thoáng, ánh mắt nàng giao ánh mắt tôi, như những mảng trời lảng du những ngày giông bão xấp lại một đám mây trôi chậm hơn, lướt cạnh nó, chạm vào nó, vượt qua nó. Nhưng chúng không quen nhau và tách xa khỏi nhau.

Giống như những ánh mắt của chúng tôi “chiếu tướng” nhau trong một thoáng, mỗi mảng trời không biết mảng trời trước mặt mình chứa đựng những gì - hứa hẹn hay đe dọa - cho tương lai. Chỉ vào lúc luồng mắt nàng hạ thấp xuống dưới luồng mắt tôi rồi tiếp tục lướt qua không chậm lại, nó mới hơi nhòa đi một chút, tựa như vầng trăng, vào một đêm sáng trời, bị gió cuốn khuất sau một đám mây, mờ đi trong thoáng chốc và lại nhanh chóng hiện ra. Nhưng Elstir đã chia tay các cô gái mà không gọi tôi lại. Họ rẽ vào một phố ngang còn ông đi về phía tôi. Lỡ hết rồi.

Ở trên, tôi đã nói trong mắt tôi Albertine hôm ấy không giống như những hôm trước và tôi có cảm giác nàng mỗi lần một khác. Nhưng lúc này tôi cảm thấy một số thay đổi trong dáng vẻ, tầm quan trọng, tầm vóc của một con người cũng có thể do tính khả biến của một số trạng thái xen giữa người ấy với chúng ta. Về mặt này, một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng nhất, là niềm tin (chiều hôm đó, niềm tin rằng mình sắp được làm quen với Albertine - rồi niềm tin ấy vụt tắt - trong khoảng vài giây, đã khiến nàng trở nên gần như vô nghĩa, rồi lại vô cùng quý giá đối với tôi; vài năm sau, niềm tin rằng Albertine chung thủy với tôi, rồi sự biến mất của niềm tin ấy, cũng mang lại những thay đổi tương tự).

Dĩ nhiên, từ hồi ở Combray, tùy theo giờ giấc, tùy theo tôi đang ở tâm thế nào trong hai tâm thế chủ yếu của cảm quan, tôi đã từng thấy giảm đi hay tăng lên nỗi buồn không được ở bên mẹ - suốt buổi chiều thì hầu như không cảm thấy, tựa như ánh trăng lúc mặt trời còn lấp lánh và ban

đêm thì ngự trị độc tôn trong tâm hồn tôi khắc khoải, xóa hết mọi ký ức, kể cả ký ức gần nhất. Nhưng ngày hôm đó, khi Elstir chia tay với các cô gái mà không gọi tôi lại, tôi hiểu ra rằng đối với chúng ta, tầm quan trọng của một niềm vui hay một nỗi buồn có thể không chỉ tùy thuộc vào sự xen kẽ của hai tâm thái, mà còn do sự biến chuyển của những niềm tin vô hình, chúng có thể, chẳng hạn, khiến ta xem thường cái chết vì chúng tỏa trên cái chết một ánh sáng của hư ảo, do đó, ta vẫn thiết tha muốn đến dự một đêm ca nhạc, nhưng buổi diễn sẽ chẳng còn gì là hấp dẫn nếu, được tin ta sắp phải lên máy chém, niềm tin bao trùm cuộc hòa nhạc đó đột ngột tiêu tan. Đành rằng một cái gì trong tôi có biết đến vai trò ấy của những niềm tin, đó là ý chí; song ý chí có biết cũng vô ích nếu trí óc và cảm quan tiếp tục không biết; trí óc và cảm quan thực tâm tin rằng ta muốn chia tay với một người tình mà chỉ ý chí của ta biết rằng ta vẫn tha thiết với nàng; đó là vì trí óc và cảm quan bị che mắt bởi niềm tin rằng ta sẽ tìm lại nàng trong chốc lát. Nhưng khi niềm tin ấy tiêu tan, do biết rằng nàng đã ra đi mãi mãi, thì trí óc và cảm quan mất phương hướng, gần như phát điên, niềm vui nhỏ nhoi giờ mất đi bỗng hóa mênh mông.

Một niềm tin biến đổi. Cũng là độ hư không của ái tình. Ái tình, trước đó từng tồn tại và chuyển động, nay dìm lại ở hình ảnh một người đàn bà, đơn giản vì người đàn bà ấy sẽ trở nên xa vời, gần như không thể với tới được. Từ ấy, ta ít nghĩ đến người đàn bà ấy - bởi thật khó để hình dung ra nàng - hơn là nghĩ đến những cách để hiểu biết nàng. Cả

một quá trình lo âu khắc khoải diễn ra, đủ để ta gắn chặt tình ta vào nàng, đối tượng mà ta hầu như chưa quen biết. Tình yêu trở nên mênh mông, ta không nghĩ tới việc người đàn bà thực sự tồn tại chiếm một vị trí nhỏ nhoi nhường nào trong đó. Và nếu dùng một cái, như vào lúc tôi thấy Elstir dừng lại với các cô gái, ta thôi lo âu, thôi khắc khoải, vì tất cả tình yêu của ta quy tụ vào nàng thì dường như nó đột ngột biến mất vào đúng lúc, rốt cuộc, ta nắm được con mồi mà ta chưa hề nghĩ đến giá trị của nó. Tôi đã biết những gì về Albertine? Một đôi khuôn hình bán diện trên nền biển, chắc chắn là không đẹp bằng những người đàn bà của Véronèse mà lẽ ra, nếu theo những tiêu chuẩn thuần túy thẩm mỹ, tôi phải thích hơn nàng. Vậy mà, phải chăng tôi đã tuân theo những tiêu chuẩn khác, vì, một khi hết thấp thỏm lo âu, tôi chỉ có thể thấy lại những khuôn hình bán diện câm lặng ấy, chẳng có được gì khác? Từ khi gặp Albertine, mỗi ngày tôi đã xoay đi lật lại hàng nghìn ý nghĩ về nàng, tôi đã không ngừng trò chuyện cùng con người tưởng tượng mà tôi gọi là nàng, tiếp tục cuộc hàn huyên nội tâm ấy trong đó tôi để nàng hỏi, đáp, nghĩ suy và hành động; và trong cái xê ri bất tận những Albertine tưởng tượng nối tiếp nhau giờ này sang giờ khác ấy trong tôi, nàng Albertine đích thực, thoáng thấy trên bãi biển, chỉ hiện ra ở hàng đầu, như “đào chính” sáng tạo vai diễn, ngôi sao, chỉ xuất hiện trong những buổi công diễn đầu tiên trước khi trao lại cho những người khác đóng thế trong chuỗi dài những lần trình diễn sau. Nàng Albertine này chỉ là một hình bóng, tất cả những gì đắp thêm vào là do tôi, vì

trong tình yêu, phần đóng góp của ta - ngay cả nếu chỉ xét về mặt số lượng - thường lớn hơn phần do người ta yêu mang lại. Với những tình yêu thiết thực nhất, quả đúng như thế. Có những mối tình chẳng những có thể hình thành mà còn tồn tại lâu dài trong những điều kiện hầu như chẳng có gì - ngay cả sau khi đã thỏa mãn nhục dục. Một ông thầy dạy vẽ ngày xưa của bà tôi có một con gái với một người tình thuộc tầng lớp xã hội thấp kém. Người mẹ chết ít ngày sau khi sinh con, khiến ông thầy dạy vẽ đau buồn đến nỗi không sống thêm lâu hơn. Trong những tháng cuối đời ông, bà tôi cùng mấy bà ở Combray trước đây cũng học ông quyết định góp tiền lập một khoản trợ cấp thường niên trọn đời cho cô bé để đảm bảo cuộc sống cho cô - trước mặt thầy, mấy bà thậm chí không bóng gió xa xôi gì đến người đàn bà mà ông không chính thức chung sống, cũng chẳng thường xuyên lui tới. Chính bà tôi đề xuất ý đó, một số bà còn do dự: con bé có thực sự đáng được quan tâm đến thế không, liệu nó có đúng là con của người tưởng mình là cha nó? với những người đàn bà như mẹ nó, không thể nói chắc điều gì cả. Cuối cùng, các bà cũng quyết định. Cô bé đến cảm ơn. Cô xấu và giống ông thầy dạy vẽ già đến nỗi chẳng ai còn có thể hồ nghi. Vì mái tóc là nét đẹp duy nhất ở cô, nên một bà nói với ông bố dẫn con tới: “Mái tóc em bé mới đẹp làm sao!” Và nghĩ rằng người mẹ tội lỗi giờ đã chết và ông thầy dạy vẽ cũng đã kể miện lố, có ám chỉ tới cái quá khứ mà trước nay mọi người đều giả bộ như không biết ấy, thì cũng chẳng hề trọng gì, bà tôi chêm vào:

“Chắc là do di truyền. Tóc mẹ cô bé có đẹp thế không?”

“Tôi cũng không biết,” ông bố thật thà đáp. “Bao giờ gặp tôi, cô ấy cũng đội mũ.”

Đã đến lúc phải bắt kịp lại Elstir. Tôi ngấm mình trong một chiếc gương: ngoài cái vẻ sầu não vì không được giới thiệu, tôi còn nhận thấy cả vật mình xô lệch, mũ thì để thoi ra mớ tóc dài, chẳng hợp với tôi chút nào. Nhưng dầu sao cũng may là các cô gái đã gặp tôi đi cùng Elstir, dù là trong bộ dạng như thế, và không thể quên tôi; một điều may mắn nữa là, theo lời khuyên của bà tôi, tôi đã mặc chiếc gi lê đẹp mà suýt nữa tôi đã thay bằng một chiếc xấu xí, và đã cầm chiếc can đẹp nhất của mình; bởi lẽ một sự kiện ta mong muốn không bao giờ diễn ra như ta nghĩ, thiếu những thuận lợi ta tưởng có thể trông chờ vào, thì lại gặp những thuận lợi khác mà ta không ngờ tới, mọi sự đều có bù trừ; và ta sợ điều xấu nhất xảy ra đến nỗi cuối cùng, ta có khuynh hướng nghi rằng, xét tổng thể, tựa trung ta vẫn được sự tình cờ ưu đãi.

“Giá được làm quen với các cô ấy thì vui biết mấy,” tôi nói với Elstir khi bắt kịp ông.

“Vậy thì tại sao cứ đứng cách xa hàng cây số như thế?”

Đó là những lời ông thốt ra, không nói lên ý nghĩ của ông, bởi nếu ông muốn thỏa mãn ước mong của tôi, thì việc gọi tôi lại đâu có khó khăn gì, mà có lẽ vì ông từng nghe những câu kiểu như thế, thường gặp ở cửa miệng những người tầm thường bị bắt lỗi, và vì ngay cả những vĩ nhân, trong một số chuyện, cũng giống như những kẻ tầm thường, viện những có biện bạch thường nhật rút từ cùng một “cẩm nang” với họ, tựa như lấy bánh mì hằng ngày ở

cùng một lò bánh vậy, hoặc có thể những câu kiểu như vậy là hiệu quả tất yếu, biểu đồ âm bản của một phản xạ, nên cách nào đó, phải đọc ngược lại vì nghĩa của nó ngược với sự thật. “Các cô ấy đang vội.” Tôi thì nghĩ, chủ yếu là họ đã ngăn ông vùi đến một kẻ họ chẳng mấy có cảm tình; nếu không thì thể nào ông chả gọi tôi lại, sau khi thấy rõ tôi quan tâm đến họ nhường nào bằng vào tất cả những điều tôi đã hỏi ông về họ.

“Tôi đã nói với ông về Carquethuit,” ông bảo tôi trước khi chia tay ở cửa nhà. “Tôi có làm một phác họa nhỏ trong đó đường viền cong của bãi biển được nhấn rõ hơn nhiều. Bức tranh thì không quá tệ, nhưng đó là chuyện khác. Nếu ông không chê thì để kỷ niệm tình bạn của chúng ta, tôi xin tặng ông bức phác thảo,” ông nói thêm, vì khi người ta không cho anh điều anh mong muốn thì người ta bù lại bằng cái khác.

“Nếu ông có, thì tôi rất muốn xin một tấm ảnh chụp bức chân dung tiểu thư Sacripant. Nhưng do đâu mà có cái tên ấy?” - “Đó là tên một nhân vật do người mẫu sắm vai trong một tiểu nhạc kịch ngu xuẩn.” - “Nhưng thưa ông, ông biết rõ là tôi không hề quen biết người mẫu này, sao ông lại có vẻ tin điều ngược lại?” Elstir không nói gì. “Ông không định nói đó là Madame Swann trước khi thành hôn đấy chứ?” tôi nói, đột nhiên nắm bắt được sự thật, những phát hiện ngẫu nhiên kiểu này khá là hiếm nhưng đủ để, sau đấy, tạo một cơ sở nào đó cho lý thuyết về linh cảm, với điều kiện ta chú tâm bỏ qua mọi sai số có thể vô hiệu hóa nó. Elstir không trả lời. Đây đúng là một chân dung Odette

de Crécy. Bà không muốn giữ nó vì nhiều lý do trong đó một số là quá hiển nhiên. Còn có những lý do khác nữa. Bức chân dung được vẽ trước khi Odette, chỉnh lại ngoại hình, tạo cho gương mặt và vóc dáng của mình một khuôn mẫu mà qua nhiều năm, những người làm đầu, những người may trang phục cho bà và bản thân bà - trong cung cách đi đứng, nói cười, nhìn ngó, đặt tay và thậm chí cả suy tư - đều phải tuân thủ những nét lớn. Phải trải qua quá trình suy đồi của một người tình no xôi chán chè, thì Swann mới thích treo trong phòng ngủ tấm hình một thiếu phụ gầy gò, xấu xí, nét mặt mệt mỏi, tóc chải bông dưới một chiếc mũ rom cài mấy bông phăng xê, hơn là vô số những ảnh chụp nàng Odette *ne varietur** là người vợ kiều diễm của mình.

Nhưng cho dù bức chân dung không có trước, như tấm hình ưa thích của Swann, mà là sau khi Odette “hệ thống hóa” ngoại hình của mình thành một kiểu loại uy nghi và quyến rũ, thì con mắt nhìn của Elstir cũng đủ để dỡ tung kiểu loại đó. Thiên tài nghệ thuật tác động theo cách những nhiệt độ cực cao có khả năng phân ly những phối kết nguyên tử để rồi tập hợp những nguyên tử ấy theo một trật tự hoàn toàn ngược lại, đáp ứng với mọi kiểu loại khác. Toàn bộ sự hài hòa giả tạo mà người đàn bà đã áp đặt lên ngoại hình của mình, mỗi hôm trước khi ra khỏi nhà, đều kiểm tra độ bền của nó, giao trách nhiệm cho độ nghiêng của cái mũ, độ mượt mà của mái tóc, nét vui tươi trong ánh nhìn, phải đảm bảo tính liên tục của nó, sự hài hòa ấy đã bị tia nhìn của người họa sĩ lớn phá tan trong một tích tắc, và

thay vào đó, là một sự tập hợp sắp xếp lại những nét của người đàn bà theo cách có thể thỏa mãn một lý tưởng tạo hình về cái đẹp nữ mà họa sĩ ấp ủ. Tương tự như vậy, thường thường, bắt đầu từ độ tuổi nào đó, con mắt một người tìm tòi cỡ lớn nhìn đâu cũng thấy những yếu tố cần thiết để xác lập những tương quan duy nhất khiến người đó quan tâm. Giống như những người thợ không làm khó gây phiền hà, bằng lòng với những gì sẵn có trong tầm tay, họ có thể nói về bất cứ cái gì: thế này là được việc. Như vậy, một người chị em họ của quận chúa De Luxembourg, một người đẹp kiều sa, dạo xưa say mê một thứ nghệ thuật hồi ấy được coi là mới, đã yêu cầu người cự phách nhất trong số các họa sĩ tự nhiên chủ nghĩa vẽ chân dung mình. Lập tức, con mắt nhà nghệ sĩ thấy ra ngay cái ông đã tìm khắp nơi. Và trên tấm toan, thay vì vị đại phu nhân, là một con sen sai vệt trên nền một cảnh trang trí mênh mông màu tím khiến người ta nghĩ đến quảng trường Pigalle. Nhưng ngay cả không đi xa đến mức ấy, một bức chân dung thiếu phụ do một nghệ sĩ lớn vẽ chẳng những sẽ tuyệt đối không chiều theo một sở yêu sách của người thiếu phụ ngời mẫu - như kiểu yêu sách của một người đàn bà bắt đầu về già muốn, chẳng hạn, chụp ảnh trong một bộ đồ gần như trang phục thiếu nữ làm nổi bật “đường nét thân thể vẫn còn trẻ của mình, khiến mình nom như em gái hay thậm chí con gái của con gái mình, nếu cần để chính nó ăn vận luộm thuộm đứng cạnh mình” - mà trái lại, còn nêu bật những điểm bất lợi (như nước da sứt rết, xanh xao) mà người mẫu cố tìm cách giấu đi song do vậy lại càng hấp dẫn người

nghệ sĩ vì ở đó bộc lộ “tính cách”, nhưng chúng đủ gây thất vọng cho người xem tầm thường khi làm tan tành lý tưởng về cái đẹp mà người đàn bà là hiện thân, nó đặt nàng trong cái hình thức duy nhất, tối giản của mình, ở hẳn bên ngoài và cao vọi vọi bên trên phần còn lại của nhân loại. Giờ đây, bị hạ bệ, đặt ra ngoài kiểu loại của chính mình, nơi nàng từng ngự trị bất khả xâm phạm, nàng chỉ còn là một người đàn bà chẳng có gì đặc sắc và ta hết tin ở sự ưu việt của nàng. Ta vốn định ninh rằng cái mô hình ấy tiêu biểu cho không những sắc đẹp của một nàng Odette mà cả nhân cách và bản sắc của nàng, đến nỗi đứng trước bức chân dung tước sạch nó khỏi nàng, ta những muốn kêu lên: “Sao có thể làm xấu đi đến thế!”, thậm chí: “Chẳng giống tí nào!” Ta khó mà tin rằng đó là nàng. Ta không nhận ra nàng. Vậy mà ở đó, có một người ta cảm thấy là đã từng gặp. Nhưng người đó không phải là Odette; gương mặt, thân hình, dáng vẻ người đó rất quen thuộc đối với ta, khiến ta nhớ đến, không phải người đàn bà, không bao giờ đứng như thế này, với tư thế thông thường tuyệt nhiên không hề vẽ một đường lượn kỳ lạ và khôu gợi như thế, mà là đến những người đàn bà khác, tất cả những người Elstir đã từng vẽ, dù khác nhau đến mấy, bao giờ ông cũng thích đặt ngồi chính diện như thế, chân uốn cong thò ra ngoài váy, chiếc mũ tròn rộng cầm tay, úp lên đầu gối, đối xứng với cái đĩa tròn kia là gương mặt. Và cuối cùng, chẳng những một chân dung thiên tài phá vỡ vụn cái mô hình về một người đàn bà như quan niệm ích kỷ cùng vẽ đom đống của nàng định nghĩa, mà nếu là một chân dung cổ, nó còn

làm già nguyên mẫu đi theo cách nhiếp ảnh thường làm, là cho nàng mang những đồ trang sức lỗi thời. Trong một bức chân dung, không chỉ cách ăn mặc của người đàn bà là căn cứ để đoán định thời gian, mà cả cách vẽ của người họa sĩ nữa. Cách vẽ ấy, cách vẽ của Elstir thời kỳ đầu, là bản trích lục khai sinh rành rành hiển nhiên nhất của bức chân dung Odette này, không chỉ vì, giống như những tấm hình chụp bà hồi bấy giờ, nó cho thấy bà là em út trong đám gái bao nổi tiếng, mà còn vì nó khẳng định bức chân dung ấy là cùng thời với nhiều chân dung do Manet hay Whistler vẽ theo bao người mẫu hiện không còn, giờ đã rơi vào quên lãng hay thuộc về lịch sử.

Lặng lẽ nghiền ngẫm những suy nghĩ ấy bên cạnh Elstir trong khi tiễn ông về nhà, tôi thả mình cho điều vừa phát hiện về nhân thân người mẫu của ông cuốn đi và phát hiện đầu tiên này đưa tôi đến một phát hiện thứ hai còn làm tôi bối rối hơn, lần này là về nhân thân của chính nghệ sĩ. Ông đã vẽ chân dung Odette de Crécy. Liệu có thể con người thiên tài này, con người cô đơn này, bậc hiền nhân này, nhà triết gia cao siêu hơn tất cả và nói chuyện lôi cuốn này, lại là cái gã họa sĩ lỗ bịch và đồi trụy mà đạo xưa vợ chồng Verdurin từng dung nạp? Tôi hỏi ông có quen họ không? Có phải hồi ấy họ đặt cho ông cái biệt danh là M. Biche? ông trả lời là đúng thế, không hề bối rối, như thể đó là một giai đoạn đã hơi xa xưa của đời mình; ông không ngờ điều đó lại khiến tôi vô cùng thất vọng, và ngược mắt lên, ông đọc thấy điều đó trên mặt tôi. Ông lộ vẻ không bằng lòng. Và khi gần tới nhà ông, nếu là một người kém thông minh hơn

và kém rộng lòng hơn, thì có lẽ ông sẽ chỉ chào tạm biệt tôi một cách lạnh nhạt và sau đó sẽ tránh gặp lại tôi. Nhưng Elstir không hành xử như vậy đối với tôi; với tư cách là bậc thầy đích thực - về phương diện thuần túy sáng tạo, khuyết điểm duy nhất của ông là ở chỗ ông là một bậc thầy theo đúng nghĩa của từ “thầy”, bởi vì một nghệ sĩ muốn hết mình trong chân lý đời sống tinh thần, phải cô đơn và không phóng tay san sẻ cái tôi của mình, kể cả cho các môn đồ - từ mọi hoàn cảnh, bất luận liên quan đến ông hay đến người khác, ông đều cố rút ra phần chân lý chứa đựng trong đó làm điều răn dạy tốt nhất cho những người trẻ. Cho nên, thay vì những lời trả miếng để “báo thù” cho lòng tự ái của mình, ông chọn những lời có thể làm bài học cho tôi: “Không có người nào, dù thông tuệ đến mấy,” ông bảo tôi, “mà vào một giai đoạn nào đó trong thời trẻ của mình, không thốt ra những lời hoặc sống theo cách nào đó, mà sau này nhớ lại không khỏi khó chịu đến muốn quên hẳn đi. Nhưng tuyệt đối không nên lấy thế làm tiếc, bởi vì ta chỉ có thể chắc chắn sẽ trở thành người minh triết (trong chừng mực điều đó là có thể) nếu ta trải qua tất cả những hóa thân lỗi bịch hoặc đáng ghét trước khi đạt đến sự hóa thân cuối cùng này là sự minh triết. Tôi biết có những thanh niên, con ông cháu cha, được các thầy giáo dạy sự cao quý của trí tuệ và sự thanh nhã về tinh thần từ trên ghế nhà trường. Có lẽ đời họ không có đoạn nào đáng phải cắt bỏ đi, quên đi, họ có thể cho công bố và ký tên xác nhận tất cả những gì họ đã nói, nhưng đó là những đầu óc nghèo nàn, những hậu duệ yếu ớt của những nhà chiết trung chủ

nghĩa, chỉ có cái khôn ngoan duy nhất là tiêu cực và cần cỗi. Sự khôn ngoan không phải là thứ ta nhận từ người khác, phải tự mình khám phá ra nó sau một cuộc hành trình mà không ai có thể làm thay cho ta, có thể miễn cho ta, bởi nó là một quan điểm đối với sự vật. Nhưng cuộc đời bạn ngưỡng mộ, những thái độ bạn thấy là quý phái, không phải do người cha trong gia đình hay người thầy sắp đặt, vì trước đó, đã có những khởi đầu rất khác, chịu ảnh hưởng của những gì là xấu hay nhầm chán ngự trị xung quanh. Những cuộc đời ấy và những thái độ ấy là kết quả của một cuộc đấu tranh và một chiến thắng. Tôi hiểu rằng hình ảnh chúng ta vào một thời kỳ đầu thật khác, không nhận ra được nữa và dù sao cũng khó coi. Tuy nhiên, không nên phủ nhận nó, vì nó là một chứng cứ rằng chúng ta đã thực sự sống, rằng chính theo những quy luật của đời sống và của trí tuệ mà chúng ta đã rút ra được từ những yếu tố chung của đời sống, từ sinh hoạt của những xưởng vẽ, của những bè nhóm nghệ sĩ (nếu ta nói về một họa sĩ) một cái gì vượt lên nó*.”

Chúng tôi tới trước cửa nhà ông. Tôi thất vọng vì không được làm quen với các cô gái kia. Nhưng rồi cuộc, giờ đã có một khả năng tìm lại được họ trong cuộc đời; họ đã thôi không còn là những hình bóng lướt qua trên một đường chân trời mà tôi tưởng sẽ không bao giờ thấy xuất hiện trở lại nữa. Xung quanh họ, không còn dập dềnh con xoáy nước ngăn cách họ với tôi, thực ra chỉ là sự biểu hiện nổi khao khát không ngừng rực cháy, chuyển động, rớt ráo, đầy khắc khoải lo âu, mà sự cách vời khôn thể với tới cùng sự trốn

chạy có lẽ là mãi mãi của họ đốt lên trong tôi. Giờ đây, nỗi khát khao ấy, tôi có thể để nó ngoi nghỉ, đặt nó bên cạnh bao niềm mong ước khác mà tôi tạm hoãn thực hiện, một khi tôi biết là mình có thể thực hiện chúng. Tôi chia tay Elstir và tôi lại một mình. Thế rồi đột nhiên, mặc dầu đang còn thất vọng, tôi bỗng thấy hiện ra trong óc tất cả những sự tình cờ mà tôi không thể ngờ có thể xảy ra, nào là chính Elstir lại có quan hệ với những cô gái đó, nào là mới sáng nay, đối với tôi, họ chỉ là những dáng hình trong một bức tranh lấy biển làm nền, giờ họ không những đã thấy tôi, mà còn thấy tôi có quan hệ với một người vĩ đại, ông ta giờ đã biết tôi muốn làm quen với họ, chắc hẳn sẽ giúp tôi. Điều đó khiến tôi vui thích, nhưng niềm vui thích kín đáo ấy, tôi không thấy ngay; nó thuộc loại những người khách lặng lẽ chờ đến lúc các khách khác đã đi hết, chỉ còn lại mình ta, mới lên tiếng để ta biết là họ đã tới. Bấy giờ, ta mới thấy họ, ta có thể nói với họ: "Tôi xin dành trọn mình cho bạn" và lắng nghe họ. Đôi khi, từ lúc những niềm vui thích kiểu ấy ngấm vào ta đến lúc tự ta có thể trở vào trong vòng tay của nó, nhiều giờ khắc trôi qua, trong thời gian ấy ta gặp biết bao người đến nỗi ta đâm sợ ngộ nhỡ nó không chờ ta? Nhưng nó kiên nhẫn, nó không biết mệt và khi mọi người vừa đi khỏi, ta lại thấy nó ngay trước mặt mình. Đôi khi, chính ta mệt đến nỗi ta cảm thấy đầu óc rã rời của mình không còn đủ sức để giữ lại những ký ức, những ấn tượng vốn chỉ lấy bản ngã mỏng manh của ta làm nơi nương náu duy nhất, phương tiện tự thể hiện duy nhất. Và chúng ta lấy thế làm tiếc vì cuộc sống chỉ lý thú vào những ngày khi mà

trong bụi phàm của hiện thực, có lẫn chút cát thần, khi mà một sự kiện tầm thường trở thành động lực tạo nên những bản tình ca lãng mạn. Thế là từ ánh sáng của mộng mị, nhô ra cả một mũi đất của cái thế giới không thể tới được, đi vào cuộc sống của ta, vào cái cuộc sống trong đó, ta như người đang ngủ được đánh thức bỗng nhìn thấy những người ta hằng mơ ước nồng nàn đến độ ta tưởng mãi mãi sẽ chỉ thấy họ trong mơ.

Sự yên tâm mang lại bởi khả năng là giờ đây tôi có thể làm quen với các cô gái ấy bất cứ khi nào tôi muốn, lại càng quý giá hơn đối với tôi vì những ngày sau đó, bạn sửa soạn tiễn Saint-Loup ra đi, tôi sẽ không thể tiếp tục ngóng chờ họ đi qua. Bà tôi muốn tỏ lòng biết ơn đối với bao điều tử tế dễ thương anh đã làm cho bà cháu tôi. Tôi nói với cụ anh ta rất ngưỡng mộ Proudhon và gợi ý cụ cho chuyển tới những bức thư có chữ ký của nhà triết học này mà cụ đã mua dạo trước. Saint-Loup đến khách sạn xem vào đúng ngày những bức thư ấy được chuyển tới, tức là hôm trước ngày anh lên đường. Anh nghiền ngấu đọc, kính cẩn giờ từng trang, cố nhớ những câu hay, rồi đứng dậy xin lỗi bà tôi vì đã ngồi lại quá lâu, nhưng cụ nói:

“Không mà, cậu mang về đi, của cậu đấy, tôi cho chuyển tới là để biếu cậu đấy.”

Vui sướng đến độ không nén nổi, như không thể kiểm soát một trạng thái cơ thể xảy ra ngoài ý muốn, Saint-Loup đỏ bừng mặt như một đứa trẻ vừa bị phạt và những cố gắng vô hiệu của để kìm niềm vui đang làm anh run lên còn khiến bà tôi xúc động hơn cả nghe những lời cảm tạ anh có

thể thốt ra. Nhưng vẫn sợ mình chưa bày tỏ đầy đủ lòng biết ơn, ngày hôm sau, cúi đầu qua cửa sổ con tàu hỏa nhỏ địa phương đưa anh về trại, anh còn xin tôi thứ lỗi về điều đó. Trại binh thật ra rất gần. Anh đã định đi xe ngựa như anh vẫn làm thế trước đây mỗi lần phải về trại buổi tối, nhưng không phải là dứt khoát về hẳn. Nhưng lần này, anh phải chất tất cả hành lý, khá nhiều, lên tàu. Và anh thấy tiện nhất là chính mình cũng lên tàu luôn, theo ý kiến của ông quản lý khách sạn, ông này, khi được tham vấn, trả lời rằng xe ngựa hay tàu hỏa nhỏ thì “cũng gần như tương đối” - ông ta muốn nói là cũng tương đương (như kiểu Françoise nói: “cũng rưa rứa” vậy). “Thôi được,” Saint-Loup kết luận, “tôi sẽ đáp chuyến ‘tàu rỗng rỗng’ ấy”. Lẽ ra tôi cũng lên tàu tiễn bạn mình đến tận Doncières nếu tôi không mệt; ít nhất, trong thời gian chúng tôi nán lại ở ga Balbec - tức là thời gian người lái tàu chờ những người bạn đến chậm, không có thì anh ta chưa đi, và cũng là để anh ta uống vài ly giải khát - tôi cũng hứa mỗi tuần sẽ tới thăm anh vài lần. Vì Bloch cũng ra ga tiễn, Saint-Loup đã rất ngán lại thấy anh bạn của chúng tôi nghe thấy anh mời tôi đến Doncières ăn trưa, ăn tối và ở lại chơi, cuối cùng bảo Bloch bằng một giọng hết sức lạnh lùng cốt để đính chính nhã ý gượng gạo của lời mời và để ngăn y coi đó là thật: “Nếu thắng hoặc ông có ghé qua Doncières vào một buổi chiều tôi rảnh rỗi, ông có thể hỏi tôi ở doanh trại, nhưng có lẽ tôi hầu như không bao giờ rảnh rỗi.” Cũng có thể Robert sợ tôi ngại đến một mình và nghĩ, tôi thân với Bloch hơn là tôi nói ra miệng, nên mở đường cho tôi rủ y đi cùng là bạn đường

đỡ chân đỡ tay.

Tôi sợ rằng cái giọng ấy, cái cách mời mà lại như khuyên người ta đừng đến có thể làm méch lòng Bloch và tôi thấy giá Saint-Loup đừng nói gì thì hơn. Nhưng tôi nhầm, vì sau khi tàu chạy, trên suốt chặng đường cùng đi đến tận cái ngã tư khi chúng tôi phải chia tay nhau, tôi về khách sạn, còn Bloch về biệt thự của mình, y không ngừng hỏi tôi hôm nào thì “hai đứa mình đi Doncières vì sau khi Saint-Loup tỏ ra đầy nhã ý với mình như thế, mà không thể theo lời mời ấy thì quá ư là thô lỗ,” không đến nỗi phật ý. Tôi hài lòng thấy y không nhận ra - hoặc... để muốn giả vờ không nhận thấy - Saint-Loup đã mời với một giọng kém khẩn thiết, hầu như thiếu lịch sự, như thế nào. Tuy nhiên tôi vẫn muốn Bloch tránh cho mình khỏi rơi vào tình thế lố bịch nếu đến Doncières ngay lập tức. Nhưng tôi không dám cho y một lời khuyên chỉ có thể làm y phiền lòng nếu chỉ cho y thấy Saint-Loup đâu có tha thiết mời còn y thì chưa chi đã vô lấy. Y quá vồn vã và mặc dù, bù lại những thiếu sót kiểu ấy, y có những phẩm chất đáng kể không thấy ở những người kín đáo hơn, sự vô ý tứ của y thường được đẩy lên tới mức làm người ta khó chịu. Nghe y nói thì nội trong tuần này, thế nào chúng tôi cũng đi Doncières (y nói “chúng ta” vì tôi nghĩ y có phần trông chờ vào sự có mặt của tôi làm sao để y có mặt theo). Suốt dọc đường, trước cửa nhà tập thể dục khuất trong lùm cây, trước sân quần vợt, trước cửa tòa thị chính, trước quầy hàng của người bán vỏ ốc biển, y dừng tôi lại, khẩn khoản xin tôi định một ngày và khi tôi không nghe theo, y giận dữ chia tay tôi mà rằng: “Tùy cậu thôi,

Công tử. Còn tôi thì bắt buộc phải đi vì anh ta đã mời tôi.”

Saint-Loup sợ chưa cảm tạ bà tôi đủ mức đến nỗi trong một bức thư gửi từ thành phố anh đóng quân hai hôm sau đó, anh còn nhờ tôi chuyển tới cụ lòng biết ơn của anh. Bức thư, mà dấu tem bưu điện trên phong bì có tên thành phố, dường như mau mau chuyển tới tôi lời anh nhắn rằng giữa những bức tường thành, trong doanh trại kỵ binh Louis XVI, anh vẫn nghĩ đến tôi. Giấy viết thư mang gia huy dòng họ Marsante trong đó tôi nhận ra một hình sư tử trên một vương miện khép lại bởi một chiếc mũ vải của một vị công hầu nước Pháp.

“Sau một cuộc hành trình bình an - bức thư viết - đọc một cuốn sách mua ở nhà ga, của Arvede Barine (tôi nghĩ đó là một tác giả Nga mà tôi thấy là viết xuất sắc so với một người ngoại quốc*, nhưng tôi muốn biết đánh giá của bạn, bạn, một cái giếng khơi kiến thức, thiên kinh vạn quyển), giờ đây tôi lại trở về giữa cuộc sống thô thiển này, nơi mà than ôi, tôi cảm thấy như bị đày biệt xứ, chẳng có những gì tôi để lại ở Balbec; cái cuộc sống trong đó tôi không tìm lại được bất cứ kỷ niệm mến thương nào, bất cứ nét đẹp trí tuệ nào; cuộc sống trong cái không khí mà chắc bạn sẽ khinh miệt, tuy nhiên không thiếu hấp dẫn. Tôi cảm thấy mọi thứ trong cuộc sống ấy đã thay đổi từ khi tôi tạm xa nó, vì trong khoảng thời gian này, một trong những kỷ nguyên quan trọng nhất của đời tôi, kỷ nguyên của tình bạn chúng ta, đã bắt đầu. Tôi hy vọng nó sẽ không bao giờ chấm dứt. Tôi chỉ nói về nó, về bạn, với một người duy nhất, bạn gái của tôi, nàng đã đến chia sẻ với tôi cả một

tiếng đồng hồ, mang lại cho tôi niềm vui bất ngờ. Nàng rất muốn làm quen với bạn và tôi nghĩ hai người sẽ tâm đầu ý hợp vì nàng cũng cực kỳ say mê văn học. Ngược lại, để ngấm lại những cuộc trò chuyện của chúng ta, sống lại những giờ phút tôi không bao giờ quên được, tôi phải cách ly khỏi những đồng đội của mình, những chàng trai ưu tú nhưng chắc không thể hiểu được điều đó. Ký ức về những khoảnh khắc cùng nhau chia sẻ, trong những ngày đầu này tôi những muốn gọi lại một mình, không viết cho bạn. Nhưng tôi sợ rằng, với đầu óc tế nhị và trái tim siêu nhạy cảm, bạn lại băn khoăn khi không nhận được thư, nếu như dù sao bạn vẫn hạ cố nghĩ đến gã kỵ sĩ cục mịch này mà bạn còn phải tốn nhiều công sức mài giũa để làm cho tinh tế hơn, xứng đáng hơn.”

Thực ra, bức thư chất chứa yêu thương này rất giống với những bức thư mà hồi chưa quen Saint-Loup, tôi tưởng tượng là anh sẽ viết cho tôi, trong cơn mơ màng mà thái độ lạnh lùng của anh phút đầu tiếp xúc đã kéo tôi ra khỏi, đặt tôi trước một thực tế giá băng, may sao, không phải là dứt khoát không thay đổi. Sau khi nhận được bức thư đầu tiên ấy, mỗi lần người ta mang thư, báo đến vào giờ ăn trưa, tôi nhận ra ngay khi có thư anh, bởi vì nó có cái diện mạo thứ hai mà một người phô ra khi vắng mặt - ở những nét của diện mạo này (những chữ viết) chẳng có lý do gì khiến ta không tin rằng mình có thể đọc thấy một tâm hồn riêng như đọc thấy nó ở nét sống mũi hay trong cách uốn giọng.

Giờ đây, tôi sẵn sàng ngồi lại bàn ăn trong khi người ta dọn dẹp và nếu không phải là lúc các cô gái của cái nhóm

nhỏ ấy có thể đi qua, thì không chỉ nhìn về phía biển. Từ khi thấy những gì được thể hiện trong tranh của Elstir, tôi ưa tìm lại chúng trong thực tại, yêu thích chúng như một cái gì thi vị: cái dáng gờ dao ăn lên nửa chừng, còn lệch lẹo; chiếc khăn ăn giũ ra, phồng phồng, trên đó ánh nắng mượt mà điểm thêm chút nhung vàng ươm; ly rượu đã cạn một nửa, như vậy càng lộ rõ hình loe thanh tao và dưới đáy, qua thành thủy tinh mờ đục như sự cô đặc của ánh ngày, chút vang còn lại sẫm sẫm nhưng vẫn lấp lánh sáng; những khối hình di chuyển, những chất lỏng biến hóa do góc độ chiếu sáng; những trái mận biến chất, chuyển từ xanh lục sang xanh lơ, rồi từ xanh lơ sang vàng ối trong đĩa đựng hoa quả đã hết một nửa; những chiếc ghế cổ lỗ ngay hai lần được đem đến đặt quanh chiếc bàn phủ khăn trắng như thể đó là một bàn thờ, nơi người ta cử hành những lễ hội ẩm thực, trên đó, ở đáy những vỏ sò, còn đọng lại mấy giọt nước óng ánh, như trong âu đá đựng nước thánh ở nhà thờ. Tôi cố tìm cái đẹp ở những chỗ trước đây, tôi không bao giờ hình dung là có nó, trong những vật thông thường nhất, trong đời sống sâu thẳm của những “tĩnh vật”.

Mấy hôm sau khi Saint-Loup đi, tôi thuyết phục được Elstir tổ chức một cuộc tiếp tân nhỏ vào ban ngày để tôi có dịp gặp Albertine. Lúc tôi bước ra khỏi Đại Khách sạn, người ta thấy tôi thật hấp dẫn và thanh lịch. Cái vẻ hấp dẫn và thanh lịch nhất thời ấy (nhờ nghỉ ngơi kéo dài và nhờ một khoản chi đặc biệt để mua sắm trang phục), tôi lấy làm tiếc không thể dành nó (cùng với cả uy tín của Elstir nữa) cho việc chinh phục một người khác hay hơn, tôi tiếc là đã

tiêu phí tất cả những lợi thế đó chỉ để làm quen với Albertine. Trí khôn bảo tôi rằng niềm thích thú ấy chẳng mấy đáng giá, từ khi nó được bảo đảm. Nhưng trong tôi, ý chí không một giây phút nào chia sẻ cái ảo tưởng ấy, ý chí vốn là người đầy tớ kiên trì, không thay lòng đổi dạ của các nhân cách nối tiếp của chúng ta; giấu mình trong bóng tối, bị coi rẻ, trung thành không biết mệt mỏi, không ngừng lao tâm khổ tứ và không bận tâm đến những biến thái của bản ngã chúng ta, lo sao không bao giờ thiếu những gì cần thiết. Trong lúc sắp thực hiện một chuyến đi mong ước, trí khôn và cảm quan bắt đầu tự hỏi nó có thật sự bỏ công tiến hành hay không; ý chí thì biết các ông chủ quen nhàn hạ này sẽ lập tức lại bắt đầu thấy cuộc hành trình là tuyệt vời nếu nó không thể diễn ra, ý chí để họ phân tích này nọ trước cửa nhà ga, mỗi lúc một thêm đắn đo; nhưng nó thì lo lấy hành lý và đưa chúng ta lên toa để kịp giờ khởi hành. Nó bất biến bao nhiêu thì trí khôn và cảm quan hay thay đổi bấy nhiêu; nhưng vì nó lặng lẽ, không đưa ra những lý lẽ của mình, người ta có cảm giác nó gần như không tồn tại, những bộ phận khác của bản ngã chúng ta đi theo sự quyết tâm sắt đá của nó mà không thấy nó, trong khi lại phân biệt rất rõ nét những phân vân của chính mình. Vậy là cảm quan và trí khôn của tôi mở cuộc tranh cãi về giá trị của niềm vui thú có thể tìm thấy trong việc làm quen với Albertine, trong khi tôi nhìn trong gương những... Vô bổ và mỏng manh mà chúng muốn giữ cho một cơ hội khác. Nhưng ý chí tôi không để lỡ giờ khởi hành và nó bảo xà ích đánh xe đến địa chỉ nhà Elstir. Vì sự thể đã định đoạt,

trí khôn và cảm quan của tôi đành nhẽ cho vậy là đáng tiếc. Nhưng nếu ý chí tôi nói một địa chỉ khác, chắc chúng sẽ phát hoảng.

Một lát sau, khi tới nhà Elstir, thoát đầu tôi tưởng tiểu thư Simonet không có trong xưởng họa. Quả là có một thiếu nữ để đầu trần, mặc áo dài lụa, ngồi đó, nhưng mái tóc đẹp kia, cái mũi kia, nước da kia đều xa lạ với tôi, và tôi cũng không thấy lại ở nàng cái thực thể tôi đã hình dung trong đầu, chiết xuất từ một cô gái đội mũ polo dắt xe đạp đi dạo dọc bờ biển. Tuy nhiên, đó chính là Albertine. Nhưng ngay cả khi đã biết thế, tôi cũng không bận tâm đến nàng. Ở tuổi thanh niên, mỗi khi bước vào một cuộc họp mặt thời thượng, ta phải dứt bỏ bản thân, trở thành một người khác, mỗi *salon* là một thế giới mới trong đó, tuân theo luật lệ của một quan điểm đạo đức khác, ta tập trung chú ý xoáy vào những con người, những điệu nhẩy, những ván bài như thể đó là những điều mãi mãi quan trọng trong đời ta, nhưng ngày hôm sau, ta đã quên tiệt. Để đi tới trò chuyện với Albertine, tôi phải theo một lộ trình hoàn toàn không phải do tôi vạch ra: trước hết, nó dừng trước Elstir, rồi đi ngang qua những tốp khách mời khác (ở đây, người ta cho họ biết tên tôi), rồi dọc theo búp phê, nơi người ta mời tôi ăn bánh kem nhân dâu tây, trong khi tôi đứng ngây như tượng nghe một khúc nhạc bắt đầu tấu lên, tôi thấy mình coi những đoạn kế tiếp nhau ấy đều quan trọng như việc giới thiệu tôi với tiểu thư Simonet, giờ đây nó chỉ còn là một trong số những đoạn đó, việc giới thiệu mà tôi đã quên hẳn rằng mới mấy phút trước, tôi còn coi là mục đích duy

nhất của việc tôi cất công đến đây. Và chẳng, trong cuộc đời bận rộn, những hạnh phúc thật sự, những bất hạnh lớn của chúng ta chẳng đã xảy đến như thế sao? Giữa những người khác, ta nhận được từ người mình yêu câu trả lời làm ta sung sướng hay có thể giết chết ta, mà ta đã chờ đợi cả năm nay. Nhưng vẫn phải tiếp tục trò chuyện, ý nọ nối ý kia, giăng ra một bề mặt mà bên dưới chỉ thi thoảng mới lờ mờ nhoe ra cái nhận biết nơi đáy sâu tiềm thức, nhưng rất nhói buốt, rằng bất hạnh đã giáng xuống đời ta. Nếu thay vì bất hạnh, đó là hạnh phúc, có thể mấy năm sau ta mới nhớ ra rằng sự kiện lớn nhất trong đời sống tình cảm của ta đã xảy ra mà ta không có thì giờ để ý lâu đến nó, gần như không kịp nhận biết nó, tại một cuộc họp mặt thời thượng mà ta chỉ tới dự cốt để chờ đợi sự kiện ấy.

Vào lúc Elstir gọi tôi đến để giới thiệu với Albertine đang ngồi cách đó một quãng, tôi đang ăn nốt một que kem cà phê và hỏi chuyện một ông già tôi vừa làm quen; tôi ngỏ ý tặng ông bông hoa hồng cài ở khuyết áo mình mà ông tấm tắc khen, quan tâm muốn ông cho biết chi tiết về một số hội chợ nông nghiệp ở Normandie. Nói vậy không có nghĩa việc giới thiệu sắp tới không làm tôi vui thích và không có một tầm trọng đại nào đó trong mắt tôi. Về niềm vui, thì dĩ nhiên, phải một lát sau, khi về khách sạn, còn lại một mình, trở lại là chính mình, tôi mới cảm thấy. Niềm vui thích có quá trình như ảnh chụp. Điều ta cảm nhận khi có mặt người ta yêu chỉ là âm bản, sau đó, về nhà, ta “rửa” nó ra thành ảnh khi ta lại có thể sử dụng cái phòng tối mà cửa vào bị “niêm phong” chặt chùng nào nhà còn có khách.

Nếu việc tận hưởng niềm vui bị hoãn chậm lại mấy tiếng đồng hồ, thì ngược lại, tầm trọng đại của việc giới thiệu, tôi cảm thấy ngay tức khắc. Vào lúc được giới thiệu với nhau, tuy chúng ta cảm thấy đột nhiên được thỏa nguyện, được cấp một tấm “phiếu” có giá trị dài hạn để tiếp tục hưởng những niềm vui mai sau, mà chúng ta theo đuổi suốt bao tuần, chúng ta hiểu rõ rằng việc sở hữu được tấm phiếu này không những chấm dứt cho chúng ta những tìm kiếm nhọc nhằn - điều chỉ có thể làm chúng ta tràn ngập sướng vui - mà còn kết thúc sự tồn tại của một con người do trí tưởng tượng của chúng ta tạo ra, không đúng với tự nhiên, lại được phóng đại lên bởi nỗi khắc khoải sợ không bao giờ được người đó biết đến. Vào lúc tên chúng ta vang lên từ miệng người giới thiệu, nhất là nếu được thêm vào thêm những lời ca ngợi như Elstir đã làm - cái thời điểm có tính chất thánh lễ, tương tự như trong một truyện thần tiên, khi vị thần ra lệnh cho một người đột nhiên phải biến thành người khác - cô gái ta muốn tiếp cận vụt biến mất, làm sao nàng có thể vẫn nguyên như cũ khi mà trong đôi mắt mới hôm qua còn xa lắc tận đâu đâu (đến nỗi tưởng như tia nhìn lang thang, lệch tiêu điểm, tuyệt vọng của ta không bao giờ bắt gặp được), cái nhìn tỉnh táo và suy nghĩ bí ẩn vừa được thay thế gọn ghẽ một cách mầu nhiệm bằng hình ảnh của chính ta như được vẽ ở đáy một chiếc gương tươi rói nét cười? Nếu sự hiện thân của bản thân ta vào một cái gì dường như khác hẳn ta, là điều làm thay đổi nhiều nhất người mà người ta đưa ta đến giới thiệu, thì hình thái của người ấy vẫn còn khá mơ hồ; và ta băn khoăn tự hỏi đó sẽ

là một vị thần, một cái bàn hay một cái chậu*. Nhưng cũng khéo léo như những tay nặn tượng sáp nặn trước mắt chúng ta một tượng bán thân trong vòng năm phút, mấy lời cô gái lạ nói với ta sẽ xác định cụ thể cái hình thái ấy và mang lại cho nó một cái gì dứt khoát, loại trừ mọi giả thuyết mà hôm qua lòng mong muốn và trí tưởng tượng của ta miệt mài xây dựng. Hẳn là ngay cả trước khi đến cuộc gặp mặt này, Albertine đã không chỉ còn là cái bóng ma ám ảnh đời ta, hình thành từ một cô gái qua đường hoàn toàn xa lạ mà ta chỉ loáng thoáng thấy. Quan hệ họ hàng của nàng với bà Bontemps đã thu hẹp bớt những giả thuyết tuyệt vời bằng cách bịt lại một trong những ngã đường mà chúng có thể triển khai. Dần dà khi tôi gần gũi và hiểu biết nàng hơn, quá trình sự hiểu biết ấy diễn ra theo phép trừ, mỗi phần của nàng do trí tưởng tượng và khao khát tạo nên được thay thế bằng một khái niệm kém giá trị hơn nhiều, đành rằng có kèm thêm một thứ tương đương trong lĩnh vực đời sống, kiểu như khoản mà các công ty tài chính tiếp tục trả sau khi hoàn lại cổ phần gốc, và gọi là “cổ tức”. Họ của nàng, những mối quan hệ họ hàng của nàng là một giới hạn đầu tiên cho những giả định của tôi. Thái độ hòa nhã của nàng khi tôi đứng cạnh nàng, thấy lại cái nốt ruồi ở má bên dưới mắt, là một cột mốc biên giới khác; cuối cùng, tôi ngạc nhiên khi nghe thấy nàng dùng trạng từ “hoàn toàn” thay vì “cực kỳ” khi nói về hai người - về một người, nàng nhận xét “cô ta hoàn toàn điên nhưng dù sao cũng rất dễ thương”, còn về người kia thì “đó là một ông hoàn toàn tầm thường và hoàn toàn chán ngấy”. Mặc dù cách dùng trạng

từ “hoàn toàn” như vậy chẳng mấy hay ho, nó cũng cho thấy một trình độ văn hóa-văn minh mà tôi không hình dung một bà đồng đi xe đạp, một nàng thơ của sân golf có thể đạt tới. Và chẳng, sau sự hóa thân đầu tiên này, Albertine còn tiếp tục thay đổi nhiều lần nữa dưới mắt tôi. Những ưu, khuyết điểm của một người thể hiện trên bề mặt có thể khác hẳn tùy theo góc nhìn hoặc quan điểm của ta. Trước tiên, tôi thấy Albertine có vẻ khá sợ sệt thay vì dữ dằn; tôi cảm thấy nàng chần chừ chứ không càn chớn, bằng vào cách nàng đánh giá tất cả những cô gái tôi nhắc tới khi trò chuyện với nàng, chẳng hạn như “cô ta sống buông tuồng” hay “cô ta thật thô lỗ”; cuối cùng, điểm nổi bật của mặt nàng là một bên thái dương bị viêm đỏ, hơi khó coi, chứ không còn là vẻ kỳ lạ trong cái nhìn mà cho tới lúc ấy, bao giờ tôi cũng thấy lại khi nghĩ đến nàng. Nhưng đó chỉ là một cái nhìn của linh giác và hẳn là còn có những cách nhìn khác mà tôi sẽ phải lần lượt điểm qua. Như vậy, chỉ sau khi nhận ra những nhầm lẫn ban đầu về thị giác - mà không phải là không mò mẫm - người ta mới có thể đạt tới hiểu biết chính xác một con người, nếu như đó là điều có thể. Nhưng đó là điều bất khả; bởi vì trong khi thị ảnh của ta về người ấy được chỉnh lại, thì bản thân người ấy, vốn không phải là một mục tiêu bất động, đã thay đổi vì chính mình, ta ngỡ bắt kịp người ấy thì người ấy lại tiếp tục di chuyển và cuối cùng, tưởng đã nhìn rõ hơn thì đấy chỉ là làm rõ hơn những hình ảnh cũ không còn tiêu biểu cho người ấy.

Tuy nhiên, mặc dù tất phải mang lại những thất vọng

không thể tránh khỏi, động thái hướng tới cái mà ta mới chỉ thoáng thấy, cái mà ta đã có thì giờ để tưởng tượng, động thái ấy vẫn là hoạt động duy nhất lành mạnh đối với giác quan, nó duy trì trong giác quan sự thèm muốn. Buồn tẻ biết bao cuộc sống của những người vì lười nhác hay rụt rè cứ đi xe đến thẳng nhà những người bạn họ chỉ quen biết mà không hề mơ về bạn, không bao giờ dám dừng lại dọc đường nấn ná với những gì mình ham muốn!

Trên đường về, tôi nghĩ về cuộc họp mặt buổi sáng đó, thấy lại que kem cà phê mình ăn nốt trước khi để Elstir dẫn đến bên Albertine, thấy lại bông hồng mình đã tặng ông già, tất cả những chi tiết do hoàn cảnh lựa chọn mà ta không hay, cấu thành trong một bố cục đặc biệt và ngẫu nhiên bức tranh của cuộc gặp gỡ đầu tiên. Nhưng bức tranh ấy, vài tháng sau, tôi có cảm giác thấy nó từ một quan điểm khác, rất xa với bản thân tôi, và hiểu ra rằng nó không chỉ tồn tại cho riêng mình: một hôm, trò chuyện với Albertine về hôm đầu tiên chúng tôi làm quen với nhau, tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy nàng nhắc đến que kem, đến bông hoa tôi tặng ông già, tất cả những thứ tôi tưởng, không phải chỉ quan trọng với mình, mà là chỉ riêng mình nhìn thấy, giờ được chuyển thể thành một dị bản tôi không ngờ tới trong đầu Albertine. Ngay hôm đầu tiên ấy, trên đường trở về khách sạn, nhớ lại những gì xảy ra, tôi đã hiểu một ngón ảo thuật đã được thực hiện hoàn hảo đến thế nào, tôi đã trò chuyện ra sao với một người mà nhờ tài khéo léo của nhà ảo thuật, cô đã thế chỗ người thiếu nữ tôi từng theo dõi bao lâu trên bãi biển, mặc dầu chẳng có nét nào

của nàng. Vả chăng, lẽ ra tôi có thể đoán trước điều đó, bởi chung cô gái trên bãi biển là do tôi bịa ra. Mặc dầu vậy, vì trong những cuộc trò chuyện với Elstir, tôi đã đồng nhất cô với Albertine, tôi cảm thấy có nghĩa vụ tinh thần đối với cô là phải giữ trọn những hứa hẹn ái ân tôi đã thể thốt với nàng Albertine tưởng tượng. Người ta đính hôn theo thể thức “ủy quyền thay mặt” và sau đó, người ta nghĩ mình có nghĩa vụ phải cưới người “đại diện” đó. Vả lại, nếu một nỗi lo sợ đã tạm thời biến mất, ít nhất là khỏi đời tôi, nỗi lo sợ mà để xoa dịu, chỉ cần nhớ lại những cung cách chần chừ, cái vẻ “hoàn toàn tầm thường” và bên thái dương bị viêm đỏ, thì việc nhớ lại những nét ấy lại đánh thức trong tôi một kiểu ham muốn khác tuy êm ái và tuyệt nhiên không đau đớn, tựa như một cảm giác thân ái, nhưng về lâu về dài có thể trở nên nguy hiểm vì nó làm tôi bất cứ lúc nào cũng cảm thấy cần ôm hôn con người mới này, cung cách nhã nhặn và sự rụt rè của nàng cùng khả năng bất ngờ có được nàng trong tầm tay, khiến tôi hết phải gắng công vô ích vận dụng trí tưởng tượng, nhưng lại làm nảy sinh một tình cảm biết ơn đầy xúc động. Và vì trí nhớ lập tức bắt đầu chụp ngay những tấm hình hoàn toàn độc lập với nhau - triệt tiêu mọi liên hệ, mọi tiếp nối giữa những cảnh có trong đó - trong bộ sưu tập những tấm hình nó trưng bày, tấm sau cùng không nhất thiết xóa bỏ những tấm trước. Đối diện với nàng Albertine tầm thường mà dễ thương đang cùng tôi trò chuyện, tôi vẫn thấy nàng Albertine bí ẩn đứng trước biển. Giờ đây, đó là những ký ức, có nghĩa là những bức tranh mà dường như chẳng bức nào thật hơn bức nào. Để

nói nốt về buổi chiều* đầu tiên chúng tôi được giới thiệu với nhau ấy, khi cố tìm lại cái nốt ruồi trên má bên dưới mắt nàng, tôi nhớ ra rằng lúc Albertine đi qua nhà Elstir, tôi đã thấy nốt ruồi ấy ở trên cằm. Tóm lại, khi gặp Albertine, tôi nhận thấy mặt nàng có một nốt ruồi, nhưng sau đó, trí nhớ lang thang của tôi dong nó đi trên mặt nàng, lúc đặt ở chỗ này, khi đặt ở chỗ khác.

Mặc dù tôi khá thất vọng khi thấy ở tiểu thư Simonet một cô gái chẳng mấy khác với tất cả những gì tôi đã từng biết, giống như nỗi thất vọng trước nhà thờ Balbec không ngăn tôi muốn đến Quimperlé, đến Pont-Aven và Venise, tôi vẫn tự nhủ rằng nếu bản thân Albertine không như tôi hy vọng, thì ít nhất, qua nàng, tôi cũng có thể làm quen với các bạn nàng trong nhóm.

Thoạt đầu, tôi tưởng mình sẽ thất bại. Vì nàng sẽ còn ở lại Balbec rất lâu và tôi cũng thế, tôi thấy tốt nhất là không nên quá nôn nóng tìm cách gặp nàng mà nên chờ cơ hội đến. Nhưng dù điều đó có xảy ra hằng ngày mà nàng chỉ đáp lại từ xa lời chào lặp lại hằng ngày của tôi thì e rằng đến hết mùa, cũng chẳng đi đến đâu.

Ít lâu sau, một buổi sáng trời mưa và gần như lạnh, một cô gái lại gần tôi trên con đường đi dạo ven biển. Đội một chiếc mũ vải trùm đầu và đi bao tay, nom nàng khác với cô gái tôi đã gặp tại cuộc họp mặt ở nhà Elstir đến nỗi nhận ra đó chỉ là một người dường như là một bài toán không thể giải; tuy nhiên, tôi đã giải được, nhưng phải sau một giây sửng sốt mà tôi nghĩ không lọt khỏi mắt Albertine. Mặt khác, vào lúc ấy, khi tôi nhớ lại “cung cách nhã nhặn” đã

làm tôi ngạc nhiên, thì nàng lại khiến tôi kinh ngạc theo chiều ngược lại bởi cái giọng thô lỗ cùng phong cách “băng nhóm” của nàng. Thêm nữa, phía thái dương ửng đỏ không còn là trung tâm thị giác... trên mặt nàng, hoặc vì tôi đứng phía bên này, hoặc vì chiếc mũ trùm đầu che lấp nó, hoặc vì không phải lúc nào nó cũng bùng bùng. “Thời tiết tệ quá!” nàng bảo tôi. “Thật ra, nói mùa hè ở Balbec kéo dài bất tận, là đại nhảm nhí. Ông chẳng làm gì ở đây ư? Chẳng bao giờ thấy ông ở sân golf, ở các vũ hội; ông cũng chẳng cưỡi ngựa nữa. Chắc ông phải cảm thấy chán ồm! Ông không thấy là cứ ở lì trên bãi tắm suốt, người ta sẽ đâm dần dần đi sao? À, ông thích làm con thằn lằn lười nhác chứ gì? Ông có ối thì giờ mà. Tôi thấy ông không như tôi, tôi thì mê tất cả các môn thể thao! Ông không xem cuộc đua ngựa ở La Sogne ư? Bọn tôi đến đó bằng xe điện và tôi hiểu là ông không khoái đi một cái xe tòng tọc như vậy. Bọn tôi mất đến hai tiếng đồng hồ! Chừng nấy thời gian, với chiếc xe đạp của mình, tôi có thể làm ba tua vừa đi vừa về.” Trước đây tôi đã thán phục Saint-Loup khi anh gọi một cách hết sức tự nhiên con tàu hỏa địa phương là con “tàu rồng rắn” vì vô số những khúc ngoằn ngoèo trên tuyến đường sắt nó phải lượn theo, giờ tôi lại kinh ngạc khi thấy Albertine gọi “xe điện” là “cái xe tòng tọc” một cách dẻo quẹo như thế. Tôi cảm thấy nàng nắm vững một từ vựng chỉ danh sự vật mà trong lĩnh vực đó tôi e rằng nàng nhận thấy tôi kém hẵn và do đó xem thường tôi. Ấy là bấy giờ tôi còn chưa được dịp được thấy hết sự phong phú của vốn từ đồng nghĩa mà cái nhóm nhỏ của nàng sở hữu để chỉ cái loại tàu hỏa nhỏ

ấy! Khi nói, Albertine để đầu ngay ngắn, hai cánh mũi khép chặt, chỉ động đầu môi. Thành thử phát ra một thanh âm rề rề giọng mũi, có lẽ gồm nhiều thành phần cấu tạo khác nhau: âm sắc tỉnh lẻ thừa kế từ ông bà cha mẹ, cái thói của tuổi trẻ ưa làm ra vẻ “phót ăng-lê”, sự kèm cặp của một nữ gia sư người ngoại quốc và tắc mũi do màng nhầy bị phì đại. Cái cách phát âm này biến mất khi nàng quen mọi người hơn và trở lại chất trẻ thơ hồn nhiên, nếu không ắt có thể làm người nghe khó chịu. Nhưng tôi lại thấy nó đặc biệt và nó làm tôi vui thích. Mỗi khi buồn xù vì mấy ngày không gặp nàng, tôi tự động viên mình bằng cách nhắc lại câu “Chẳng bao giờ thấy ông ở sân golf” mà nàng thốt ra bằng giọng mũi, người thẳng tắp, đầu không động đậy. Và lúc đó, tôi nghĩ trên đời không có ai đáng thêm muốn hơn.

Sáng hôm ấy, chúng tôi họp thành một trong những cặp đôi điểm những nét chấm phá đây, đó trên con đường đi dạo ven biển - gặp nhau, dừng lại một thoáng vừa đủ để trao đổi vài lời, rồi chia tay, tiếp tục ai đi đường người nấy. Tôi lợi dụng lúc nàng đứng bất động như thế để nhìn và định vị dứt khoát xem cái nốt ruồi ấy ở chỗ nào. Giống như câu nhạc tôi yêu thích trong bản Sonate của Vinteuil mà trí nhớ của tôi dặt đi lang thang suốt từ chương đầu Andante đến chương kết cho tới hôm có tổng phổ trong tay, tôi tìm thấy nó và cố định nó về đúng chỗ của mình ở chương Scherzo, cái nốt ruồi mà tôi nhớ khi thì trên má, khi thì ở cằm, giờ đây dừng lại vĩnh viễn ở môi trên, bên dưới mũi. Cũng chính như thế, chúng ta ngạc nhiên gặp những câu thơ chúng ta thuộc lòng trong một bài mà chúng ta không

ngờ chúng xuất xứ từ đây.

Đúng lúc ấy - như để cho nở bung trên nền “phông” biển, trong sự đa dạng về hình khối, toàn bộ cảnh trí phong phú tạo nên bởi cuộc diễu hành của các trinh nữ - các cô bạn của Albertine, chân dài đẹp, thân hình mềm mại, rất khác nhau, tiến về phía chúng tôi, gần biển hơn, theo một đường song song. Tôi xin phép Albertine đi theo nàng một lúc. Thật không may, nàng chỉ vẫy tay chào họ. “Nhưng các bạn cô sẽ phàn nàn nếu cô bỏ rơi họ,” tôi nói với nàng, hy vọng chúng tôi sẽ cùng đi dạo với nhau. Một chàng trai, nét mặt đầy đặn, tay cầm mấy chiếc vợt, xấp lại gần chúng tôi. Đó là gã chơi bài baccarat liều lĩnh khiến bà vợ ông chánh án rất bất bình. Với một vẻ lạnh lùng, thản nhiên mà rõ ràng gã tưởng là thể hiện sự cao sang, gã chào Albertine.

“Anh ở sân golf về đấy ư, Octave?” nàng hỏi. “Chơi tốt không? Phong độ anh ổn chứ?”

“Ôi! Chán ốm! Tôi chỉ là hạng cà tềng thôi,” gã trả lời. “Andrée có ở đấy không?”

“Có. Cô ấy được 77 điểm.”

“Ôi! Đó là một kỷ lục.”

“Hôm qua tôi đạt được những 82 điểm*.”

Gã là con trai một kỹ nghệ gia rất giàu sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc tổ chức Triển lãm Toàn cầu sắp tới*. Tôi ngạc nhiên thấy gã trai này và những bạn nam giới rất hiếm hoi của nhóm các cô gái, rành về tất cả những gì liên quan đến y phục, cách ăn mặc, đồ uống Ăng-lê, xì gà, ngựa - mà gã nắm vững đến từng chi tiết nhỏ nhất với niềm

kiêu hãnh về độ chính xác tuyệt đối không thể sai, gần giống với sự khiêm tốn lặng lẽ của nhà bác học - cái kiến thức ấy tự phát triển một mình không cần kèm theo chút văn hóa trí tuệ nào. Gã không chút do dự khi phải chọn mặc áo ngủ hay *smoking*, cái nào hợp hơn với hoàn cảnh, nhưng không hề biết trong trường hợp nào thì dùng hay không nên dùng một từ nào đó, hoặc thậm chí những quy tắc sơ đẳng nhất của ngữ pháp. Sự so le ấy giữa hai thứ văn hóa hẳn cũng thế ở ông bố, chủ tịch Công đoàn các nghiệp chủ ở Balbec, vì trong một bức thư ngỏ gửi các cử tri mà ông vừa cho dán khắp các bức tường thành phố, ông nói: “Tôi đã muốn gặp ông thị trưởng để nói chuyện, nhưng ông không muốn nghe những lời ca thán của tôi.” Ở Casino, Octave đoạt tất cả các giải trong những cuộc thi nhảy boston, tango, v.v..., điều khiến gã có thể, nếu gã muốn, thực hiện một cuộc hôn nhân tốt đẹp ở cái môi trường “tắm biển” này, nơi các cô gái lấy “bạn nhảy” của mình theo nghĩa đen chứ không phải theo nghĩa bóng. Gã vừa châm một điếu thuốc lá vừa nói với Albertine: “Xin phép cô” như kiểu người ta xin phép vừa làm nốt công việc của mình vừa tiếp tục trò chuyện. Bởi vì gã không thể không bao giờ có thể “ngồi yên không làm gì”, mặc dù thật ra gã chẳng bao giờ làm gì cả. Và vì tình trạng hoàn toàn không hoạt động cuối cùng cũng dẫn đến những hậu quả y hệt như làm việc thái quá, trong lĩnh vực tinh thần cũng trong đời sống cơ thể và cơ bắp, rốt cuộc, sự thường xuyên trống-tron-trí-tuệ cư trú đằng sau vầng trán dăm chiêu của Octave cũng gây cho gã những cơn ngứa ngáy muốn tư duy song chẳng hiệu

quả gì khác ngoài việc làm gã mất ngủ ban đêm, như điều có thể xảy đến với một nhà siêu hình học làm việc quá sức.

Nghĩ rằng nếu quen biết các bạn trai của họ, tôi sẽ có nhiều cơ hội hơn để gặp các cô gái ấy, tôi đã toan đề nghị được giới thiệu với gã. Tôi nói điều đó với Albertine khi gã vừa đi khỏi vừa nhắc lại: “Tôi chỉ là hạng cà tềng thôi”. Tôi nghĩ nói thế để gợi ý cho nàng lần sau sẽ giới thiệu tôi với gã.

“Nhưng mà,” nàng kêu lên, “tôi không thể giới thiệu ông với một tên dĩ đực. Ở đây, bọn dĩ đực nhan nhản. Nhưng chúng không thể giao du với ông được. Cái tay này chỉ được cái là chơi golf rất cừ, có thể thôi. Anh ta hoàn toàn không thuộc loại của ông.”

“Các bạn cô sẽ phàn nàn nếu cô để mặc họ thế,” tôi nói, hy vọng nàng sẽ rủ tôi cùng đến chỗ họ.

“Không mà, họ chả cần gì đến tôi đâu.”

Trên đường đi, chúng tôi gặp Bloch. Y ném cho tôi một nụ cười tinh quái, đầy ngụ ý và, phân vân đối với Albertine mà y không biết, hoặc đúng hơn là có biết “mà không quen”, y gật đầu với một động tác cứng đờ và quê kệch.

“Cái tay cổ hủ ấy tên là gì?” Albertine hỏi tôi. “Tôi không biết tại sao anh ta chào tôi mặc dù chúng tôi không quen nhau. Thế nên tôi không chào lại.”

Tôi không kịp trả lời Albertine vì Bloch đã tiến thẳng về phía chúng tôi:

“Xin lỗi đã cắt ngang, nhưng mình muốn báo cho cậu mai mình đi Doncière,” y nói. “Mình không thể đợi lâu hơn

mà không tỏ ra bất lịch sự và mình tự hỏi không biết Saint-Loup-en-Bray nghĩ sao về mình. Mình báo trước để cậu biết là mình sẽ đi chuyến tàu hai giờ. Còn cậu muốn làm gì thì tùy cậu.” Nhưng tôi thì chỉ nghĩ đến chuyện gặp lại Albertine và làm quen với các bạn nàng, nên Doncières, vì họ không đến đó và nó chỉ làm tôi lỡ mất giờ họ có mặt ở bãi biển, dường như ở mãi tận cùng trời cuối đất. Tôi bảo Bloch tôi không thể đi.

“Vậy thì tớ sẽ đi một mình. Và tớ sẽ mượn hai câu thơ lố bịch của ông già Arouet để nói với Saint-Loup:

*Nên biết: với bốn phận hấn, bốn phận ta chẳng hề lệ thuộc
Mặc hấn nhăng sao, ta vẫn kiên định làm tròn**

“Tôi công nhận anh ta khá xinh trai,” Albertine nói với tôi, “nhưng anh ta làm tôi chán ngấy!”

Tôi chưa bao giờ nghĩ là Bloch xinh trai; nhưng quả y xinh trai thật. Với cái trán hơi dô, cái mũi rất khum, một vẻ hết sức tinh quái và tin rằng mình tinh quái, y có một gương mặt dễ coi. Nhưng y không thể khiến Albertine thích. Vả chăng, điều đó có thể do những mặt xấu của nàng, do tính nghiệt ngã, vô cảm của cái băng nhóm nhỏ, do sự thô lỗ của nó với tất cả những gì ngoài nó. Vả chăng, sau đó, khi tôi giới thiệu hai người với nhau, ác cảm của Albertine vẫn không giảm. Bloch thuộc về một môi trường trong đó, giữa sự châm chọc chĩa vào giới thượng lưu và một sự tôn trọng đủ mức mà một người có “bàn tay sạch” phải dành cho những cung cách thanh nhã, người ta thực

hiện một thứ thỏa hiệp đặc biệt, tuy khác với những thói cách thượng lưu nhưng lại thành một kiểu thời thượng dễ ghét nhất. Khi được giới thiệu, y nghiêng đầu, vừa vói một nụ cười hoài nghi vừa vói một vẻ tôn kính thái quá và nếu đó là nam giới thì nói: “Rất hân hạnh, thưa ông,” với một giọng bất cần những lời thốt ra, chỉ biết đây là giọng của một người không phải là ngu si đần độn. Cái giây phút đầu tiên dành cho một tục lệ y vừa tuân thủ vừa nhạo báng (như y nói vào ngày một tháng Giêng: “Chúc năm mới tốt lành và hạnh phúc”), y mang một vẻ tinh quái và xảo quyết và “nói những điều tế nhị” nhiều khi đầy chân lý nhưng lại “chọc tức thần kinh” Albertine. Hôm đầu tiên tôi nói cho nàng biết tên Bloch, nàng kêu lên: “Tôi đã biết ngay hần là một tên Do Thái mà! Đúng là cái kiểu bọn họ làm ta tức điên.” Và chẳng, về sau, Bloch còn làm Albertine khó chịu theo cách khác. Giống như nhiều trí thức, y không thể nói những điều đơn giản một cách đơn giản. Y tìm cho mỗi điều một từ định tính cầu kỳ rồi khái quát hóa. Điều đó làm Albertine chán ngấy, vốn không thích người ta quan tâm đến những gì mình làm, một hôm Albertine bị treo chân và nằm bất động, Bloch nói: “Cô ấy ngả lưng trên ghế nằm, nhưng với năng lực có mặt ở khắp nơi, vẫn không ngừng đồng thời đến những sân golf hoang vu và những sân quần vợt heo hút nhất.” Đó chỉ là nói cho “văn vẻ” thôi, nhưng vì Albertine cảm thấy nó gây khó xử với những người đã mời nàng đến chơi mà nàng từ chối bởi lẽ không nhúc nhích nổi, điều đó đủ khiến nàng góm cái mặt, góm cái giọng nói của gã trai đã xổ ra những lời như thế.

Albertine và tôi chia tay, hẹn sẽ có lần đi chơi cùng nhau. Tôi đã trò chuyện với nàng mà không biết những lời của mình sẽ rơi vào đâu, sẽ ra sao, khác nào mình đã ném những viên sỏi xuống một vực thẳm không đáy. Thường thường, những lời ta nói với một người, người đó rút ra từ tổ chất của chính mình một nghĩa gán cho chúng và nghĩa này rất khác với cái nghĩa ta gửi gắm nơi chúng, đó là một sự thật mà cuộc sống thường ngày không ngừng phát lộ cho ta thấy. Nhưng nếu thêm vào đó, người đang tiếp chuyện ta là một người học hành ra sao, ưa đọc những gì, có những thiên hướng và nguyên tắc như thế nào, ta đều không hay biết (như Albertine đối với tôi), ta sẽ không thể biết liệu những lời của ta có đánh thức trong người đó một cái gì giống như nghĩa của chúng hơn là ở một con vật mà người ta muốn giảng giải cho một điều gì. Thành thử đối với tôi, việc lập quan hệ với Albertine giống như tìm cách tiếp xúc với cái không-biết, nếu không muốn nói là cái không-thể, một bài tập khó như luyện ngựa, an nhàn* như nuôi ong hay trồng hồng.

Cách đây mấy tiếng, tôi đã tưởng Albertine chỉ chào lại tôi từ xa. Chúng tôi vừa chia tay nhau sau khi dự định sẽ cùng nhau đi dã ngoại một chuyến. Tôi tự hứa với mình sẽ mạnh dạn hơn với nàng khi gặp lại lần sau và tôi đã vạch sẵn một kế hoạch chi tiết - tất cả những gì tôi sẽ nói với nàng và thậm chí (giờ đây, tôi đã hoàn toàn có cảm giác là nàng khá buông thả về đường tiết hạnh) cả những gì là lạc thú tôi sẽ yêu cầu nàng đáp ứng. Nhưng tâm trí con người là thứ dễ bị ảnh hưởng, như cây cỏ, như tế bào, như những

yếu tố hóa học, và môi trường làm nó thay đổi nếu ta đặt nó vào trong đó, ấy là hoàn cảnh thay đổi, ấy là một khung cảnh mới. Bị chính sự hiện diện của nàng làm thay đổi, khi gặp lại Albertine, tôi nói những điều khác hẳn với dự định. Và chợt nhớ đến bên thái dương bị viêm đỏ, tôi tự hỏi nếu mình làm một cử chỉ ân cần mà Albertine hiểu là vô tư thì liệu nàng có quý mình hơn không. Cuối cùng, tôi đắm đuối rồi trước một số ánh mắt, một số khóe cười của nàng. Chúng có thể hàm ý lảng lơ, mà cũng có thể là vẻ vui tươi hơi ngốc dại của một cô gái nhí nhảnh nhưng về cơ bản là thật thà. Một sắc thái, của diện mạo hay của ngôn ngữ, có thể mang những ý nghĩa khác nhau, tôi phân vân như một cậu học trò trước những khó khăn của một bài tập dịch tiếng Hy Lạp.

Lần này, gần như ngay lập tức, chúng tôi gặp Andrée, cô gái cao lớn đã nhảy vọt qua đầu ông chủ ngân hàng; Albertine có nhiệm vụ giới thiệu tôi. Bạn nàng có cặp mắt sáng lạ lùng, như lối vào một căn hộ tối ngời lên nhờ cửa để mở của một phòng ngủ đón ánh nắng ủa vào cùng với phản quang xanh nhạt của mặt biển.

Năm ông bộ dạng phong lưu mã thượng đi qua. Tôi đã thấy họ rất nhiều lần từ khi đến Balbec. Tôi thường hay tự hỏi họ là ai. “Chẳng oách gì lắm đâu,” Albertine cười mỉa khinh bỉ, bảo tôi. “Cái ông già nhỏ thó, tóc nhuộm, đi găng màu vàng kia - nom ổng có thớ đấy chứ! - đó là nha sĩ của Balbec, ông ta là người tử tế. Ông to béo là thị trưởng. Không phải cái ông béo lùn - ông này chắc ông đã gặp rồi - đó là ông thầy dạy khiêu vũ, ông ta cũng khá ‘tắm’, ông ta

không chịu nổi bọn tôi vì bọn tôi quá ồn ở Casino, vì bọn tôi làm hỏng ghế, vì bọn tôi muốn nhảy sàn trơn không thảm, cho nên ông ta không bao giờ trao giải cho bọn tôi mặc dù chỉ có bọn tôi là biết nhảy. Ông nhà sĩ là người tốt, nhẽ ra tôi đã chào ông, nhưng tôi không thể vì trong nhóm, có M. De Saint-Croix, ngài tổng cố vấn, một người thuộc hạng danh gia vọng tộc, vì tiền mà đứng về phe Cộng hòa; chẳng người sạch sẽ nào thềm chào ông ta nữa. Ông ta quen bác tôi vì quan hệ trong chính phủ, nhưng tất cả những người khác trong gia đình chúng tôi đều quay lưng lại với ông ta. Người gầy gầy mặc áo đi mưa là nhạc trưởng. Sao, ông không biết ông ta ư? Ông chỉ huy tuyệt vời. Ông không dự buổi biểu diễn *Cavalleria Rusticana**? Ôi, tôi thấy thật lý tưởng! Tối nay, có cuộc hòa nhạc của ông ấy, nhưng chúng tôi không đến dự được vì nó diễn ra trong sảnh của tòa thị chính. Ở Casino thì không sao, nhưng ở sảnh của tòa thị chính nơi họ đã cất tượng Chúa Jésus bị đóng đinh trên thánh giá* thì mẹ của Andrée đến xỉu vì ngập máu nếu bọn tôi đến đấy. Ông sẽ bảo chồng của dì tôi có chân trong chính phủ chứ gì, nhưng thế thì đã sao! Dì tôi là dì tôi. Chẳng phải vì thế mà tôi yêu bà ấy! Xưa nay, bà ấy chỉ muốn có một điều: rũ bỏ được tôi cho nhẹ nợ. Người đã đảm đương chức năng làm mẹ tôi và xứng đáng gấp đôi bởi chị chẳng máu mủ gì với tôi mà tuy vậy, tôi yêu như mẹ, đó là một chị bạn của tôi. Tôi sẽ cho ông xem ảnh chị ấy.”

Anh chàng chơi bài baccarat và quán quân golf Octave đến bên chúng tôi một lát. Tôi nghĩ đã phát hiện ra một điểm làm cầu nối giữa chúng tôi: qua chuyện trò, tôi được

biết gã có họ hàng gì đó với gia đình Verdurin và hơn nữa, được vợ chồng nhà này khá thích. Nhưng gã nhắc đến những “tối thứ Tư trứ danh”* với vẻ khinh miệt và nói thêm rằng việc ông Verdurin không biết sử dụng *smokin* khiến người ta đâm ngượng mỗi khi gặp ông ở hí viện, nơi người ta không thích bị một ông mặc vét tông, đeo cà vạt đen kiểu công chúng làng gọi ới ới: “Chào, nhóc con!” Rồi Octave chia tay chúng tôi và chẳng bao lâu sau, đến lượt Andrée khi tới trước cửa tòa biệt thự kiểu lâu đài của mình. Suốt cuộc đi dạo, cô chẳng nói với tôi câu nào. Nhìn theo cô bước vào nhà, tôi càng thấy tiếc vì trong khi nhận xét với Albertine rằng bạn nàng quá lạnh lùng với tôi và thậm so sánh khó khăn mà dường như Albertine gặp phải khi muốn giúp tôi làm quen với các bạn mình, với thái độ đối địch Elstir vấp phải ngay hôm đầu ông tìm cách làm thỏa ước nguyện của tôi, thì hai tiểu thư nhà D'Ambresac đi qua. Tôi chào họ và Albertine cũng chào họ.

Tôi nghĩ vị thế của mình đối với Albertine nhờ đó sẽ được cải thiện. Hai chị em này là con gái một phu nhân bà con với Madame de Villeparisis và bà ta cũng quen biết quận chúa De Luxembourg. Ông bà D'Ambresac có một biệt thự nhỏ ở Balbec và sống một cuộc sống rất giản dị mặc dù cực kỳ giàu có, ông chồng bao giờ cũng mặc một chiếc vét tông duy nhất và bà vợ, một chiếc áo dài sẫm màu. Cả hai vợ chồng luôn cúi rạp chào bà tôi, nhưng chỉ thế thôi, không đi xa hơn. Các cô con gái của họ ăn mặc thanh lịch hơn, nhưng là một sự thanh lịch của thành phố chứ không phải của bãi biển. Trong bộ áo váy dài, dưới những chiếc mũ

rộng vành, họ có vẻ thuộc về một nhân loại khác với Albertine. Albertine biết rất rõ họ là ai. “A! ông biết các cô bé nhà D’Ambresac ư? Vậy là ông quen biết những người rất sang trọng đấy. Vả lại, họ rất giản dị,” nàng nói thêm, như thể đó là một sự mâu thuẫn vậy. “Các cô này rất dễ thương, nhưng gia giáo đến nỗi không được phép đến Casino, nhất là vì bọn tôi, bởi lẽ bọn tôi quá cà chớn. Ông thích các cô bé ấy ư? Cha! Cái đó còn tùy khẩu vị. Đó là những cô gái ngây thơ trong trắng. Có lẽ cũng có nét hấp dẫn riêng. Nếu ai thích ngây thơ trong trắng, thì hoàn toàn hợp gu. Xem ra họ cũng không ế vì đã có một cô đính hôn với hầu tước De Saint-Loup. Và điều đó làm cô em rất đau khổ vì cô yêu chàng trai đó. Tôi thì chỉ riêng cái cách ăn nói nhỏ nhẹ của họ đã làm tôi điên tiết. Lại nữa, cách ăn mặc của họ thật lối bịch. Họ mặc áo dài lụa đi chơi golf. Ở tuổi họ mà chọn trang phục cầu kỳ hơn cả những phụ nữ lớn tuổi sành ăn mặc. Xem bà Elstir đấy, đấy mới là một phụ nữ thanh lịch.” Tôi trả lời rằng tôi thấy bà ấy ăn mặc rất giản dị. Albertine phá lên cười. “Đúng là bà ấy ăn mặc rất giản dị, nhưng tuyệt vời, và để đi tới cái mà ông thấy là giản dị ấy, bà đã tiêu hàng đồng tiền.” Những chiếc áo dài của bà Elstir lọt khỏi mắt những người không có nhãn thức chuẩn và mực thước về trang phục. Tôi không có cái nhãn thức đó. Elstir thì sở hữu nó ở mức độ tột đỉnh, theo lời Albertine nói với tôi. Tôi không hề biết thế cũng như không ngờ những đồ vật thanh nhã nhưng giản dị, đầy trong xưởng họa của ông, là những cửa báu kỳ diệu mà ông ao ước bao lâu, theo dõi hết cuộc bán đấu giá này đến cuộc

khác, thuộc lâu lịch sử của chúng, cho tới một hôm ông kiếm đủ tiền để sở hữu chúng. Nhưng về những thứ này, Albertine cũng “ngoại đạo” như tôi, không thể cho tôi biết gì hơn. Còn về trang phục, thì vốn biết rành do một thứ bản năng của con gái thích làm đom và có lẽ cũng do chút tiếc nuối của một cô gái nghèo thưởng thức một cách vô tư và tinh tế trên người các cô gái giàu những trang sức mà bản thân mình không có được, nàng có thể giảng cho tôi rất kỹ về những tinh tế của Elstir: ông khó tính đến nỗi chê tất cả phụ nữ đều không biết ăn mặc và, hết sức coi trọng tỷ lệ cân đối cùng sắc thái, ông đặt làm riêng cho vợ mình với những giá điên rồ những chiếc dù, những chiếc mũ, những chiếc măng tô mà ông đã “dạy” cho Albertine thấy là đẹp, còn một kẻ không có “gu” như tôi thì thậm chí chẳng để ý đến. Vả chẳng Albertine, vốn đã tập tọng vẽ vờn tí chút mặc dù không có “năng khiếu” - nàng thú nhận thế, - cảm thấy rất ngưỡng mộ Elstir và nhờ những gì ông nói và chỉ bảo cho, đã hiểu biết hội họa theo một cách tương phản mạnh mẽ với cái mê say cuồng nhiệt đối với *Cavalleria Rusticana*. Đó là vì thực ra, nàng rất thông minh - mặc dù điều này chưa biểu hiện rõ lắm - và cái ngu ngốc trong những gì nàng nói không phải của nàng mà là của cái môi trường nàng sống trong đó và của lứa tuổi nàng. Elstir đã có một ảnh hưởng tốt đối với nàng dù rằng phiến diện. Tất cả các dạng của trí thông minh không phát triển đồng đều cùng một trình độ ở Albertine. Cái thẩm mỹ về hội họa đã gần bắt kịp cái nhả thức về trang phục và về mọi hình thức thanh lịch, nhưng cái “gu” âm nhạc thì còn tụt hậu xa.

Mặc dù Albertine biết rành về gia đình D'Ambresac, mặc dù tôi đã chào hai tiểu thư nhà ấy, vì không nhất thiết ai đã có thể hơn thì không thể kém, tôi vẫn thấy nàng không sẵn sàng gì hơn để giới thiệu tôi với các bạn nàng. "Ông coi trọng họ cũng tốt thôi. Nhưng đừng có chú ý đến họ, họ chẳng là cái quái gì hết. Mấy con nhỏ ấy thì đáng kể gì với một người sáng giá như ông? Andrée chẳng gì cũng rất thông minh. Môn con bé tốt, mặc dù hoàn toàn quái, còn những đứa khác thì quả là đần độn."

Sau khi chia tay với Albertine, tôi bỗng nhiên cảm thấy rất buồn vì Saint-Loup giấu tôi chuyện anh đã đính hôn và làm một điều dở là kết hôn mà không cắt đứt với người tình. Ít hôm sau, tôi được giới thiệu với Andrée và lợi dụng cơ hội nàng trò chuyện khá lâu, tôi ngỏ ý muốn gặp nàng ngày hôm sau, nhưng nàng trả lời là không được vì nàng thấy mẹ mình hơi yếu mệt và không muốn để bà một mình. Hai hôm sau, khi đến thăm Elstir, ông cho tôi biết Andrée rất có thiện cảm với tôi. Tôi đáp:

"Nhưng chính tôi mới là người có nhiều thiện cảm với cô ấy ngay từ hôm đầu, tôi đã đề nghị gặp lại ngày hôm sau nhưng cô ấy không thể."

"Phải, tôi biết, cô ấy có kể với tôi," Elstir nói, "cô ấy rất tiếc, nhưng vì đã trót nhận tham gia một cuộc picnic cách đây mười dặm phải đến bằng xe ngựa, nên không thể rút lại lời."

Mặc dù lời nói dối ấy chẳng quan trọng gì - Andrée mới chỉ quen tôi sơ sơ - tôi thấy không nên tiếp tục giao du với một người có thể làm thế. Bởi vì những gì người ta đã làm,

người ta sẽ tiếp tục làm mãi. Và nếu hằng năm ta đến thăm một người bạn đã không thể tới những cuộc hẹn gặp đầu tiên với ta vì bị cảm lạnh, một lần hẹn khác, ta sẽ thấy anh ta lại bị nhiễm lạnh, rồi anh ta sẽ tiếp tục lỡ hẹn với ta vẫn vì cái lý do muôn thuở ấy mà anh ta ngỡ là một loạt lý do khác nhau viện ra từ những hoàn cảnh khác nhau.

Sau hôm Andrée bảo tôi là nàng phải ở lại bên mẹ, một buổi sáng, tôi đi dạo mấy bước với Albertine. Thoạt đầu, tôi trông thấy nàng nhấc lên thả xuống ở đầu một sợi dây nhỏ một vật kỳ dị khiến nàng nom giống như trong bức *Thói sùng bái thần tượng* của Giotto*; người ta gọi vật ấy là “con quỷ”* và trò chơi này đã lỗi thời đến nỗi đứng trước bức tranh một thiếu nữ điều khiển một “con quỷ”, các nhà bình luận về tương lai có thể phân tích vật gì nàng cầm ở tay như mô tả một hình tượng phúng dụ trong nhà thờ Arenas*.

Một lát sau, một cô bạn đến bên Albertine: “Xin chào, tôi có quấy rầy hai người không?”

Đó là cô gái, vẻ thô bạo, hôm đầu tiên khi Andrée, trong cú nhảy, khẽ lướt chân qua đầu ông già chủ nhà băng, đã cười gằn một cách độc ác: “Mình thấy thương hại ông lão tội nghiệp ấy”. Cô đã cắt chiếc mũ làm mình vương vãi và mái tóc đẹp xõa xuống trán tựa như một loài thảo mộc lạ tỏa lá vươn dài mảnh, li ti. Albertine, có lẽ khó chịu vì thấy cô ta để đầu trần, không trả lời gì, giữ một thái độ im lặng giá băng; mặc dù vậy, cô ta vẫn không bỏ đi. Albertine tiếp tục bước, ngăn giữa cô ta và tôi, lúc thì sát lại bên cô ta, khi đi cạnh tôi, để cô ta lại đằng sau. Để được giới thiệu, tôi

buộc phải yêu cầu nàng ngay trước mặt cô ta. Bấy giờ, lúc Albertine nói tên tôi, trên mặt và trong mắt cô gái mà tôi đã cảm thấy một vẻ xiết bao tàn nhẫn khi cô nói: “Mình thấy thương hại ông lão tội nghiệp ấy”, tôi thấy lóe lên một ánh cười thân ái, ân cần và cô chìa tay cho tôi. Tóc cô vàng óng, như mọi thứ khác nơi cô; vì tuy má cô hồng và mắt cô xanh, nhưng cũng giống như bầu trời lúc ban mai còn đỏ tía nhưng khắp nơi đã nhú lên và lấp lánh ánh vàng óng của vầng dương.

Bốc lên ngay lập tức, tôi tự nhủ rằng đây là một cô bé rụt rè khi yêu, rằng vì tôi, vì tình yêu đối với tôi mà nàng ở lại với chúng tôi bất chấp những cung cách cự tuyệt thẳng thừng của Albertine, rằng nàng lấy làm sung sướng vì cuối cùng đã có thể thú nhận, bằng cái nhìn tươi cười và đôn hậu kia, rằng nàng ghê gớm với những người khác bao nhiêu thì sẽ dịu dàng bấy nhiêu với tôi. Hẳn là nàng đã để ý đến tôi ngay ở bãi biển khi tôi còn chưa biết nàng và đã tơ tưởng đến tôi từ đó; có lẽ chính vì muốn tôi ngưỡng mộ nên nàng mới tỏ ra giấu cợt ông già và vì không làm quen được với tôi mà những hôm sau, nàng có vẻ rầu rầu như vậy. Từ khách sạn, chiều chiều tôi thường nhìn thấy nàng đi dạo trên bãi biển. Chắc là với hy vọng gặp tôi. Và giờ đây, ngưỡng ngùng vì sự hiện diện của Albertine - cũng như của nhóm bạn, nếu họ cũng ở đây - nàng bám gót chúng tôi bất chấp thái độ càng lúc càng lạnh lùng của Albertine chỉ nhằm hy vọng là người cuối cùng ở lại bên tôi để có thể hẹn gặp tôi vào một lúc nàng kiếm cách lẻn đi được mà cả gia đình lẫn bạn bè đều không biết và ở một nơi “an toàn”

trước buổi lễ châu hoặc sau giờ tập golf. Càng khó gặp nàng hơn vì Andrée xung khắc với nàng, thậm chí ghét nàng. “Từ lâu, tôi đã chịu đựng thói giả dối gớm ghiếc, sự hèn hạ của nó,” Andrée nói với tôi, “vô số những ngón bản nó chơi tôi. Tôi đã chịu đựng tất cả vì các bạn. Nhưng quả gần đây nhất là giọt nước làm tràn cốc.” Và nàng kể tôi nghe một chuyện ngòi lê đôi mách mà cô gái ấy đã rêu rao và quả thật, điều đó có thể làm hại Andrée.

Nhưng những lời mà ánh mắt của Gisèle hứa hẹn sẽ nói với tôi nếu Albertine để chúng tôi lại một mình với nhau, không được thốt ra vì Albertine một mực xen giữa hai chúng tôi, tiếp tục trả lời mỗi lúc một cộc lốc hơn và cuối cùng thôi hẳn chẳng thèm đáp lại những lời trò chuyện của cô bạn. Cuối cùng, Gisèle đành bỏ đi. Tôi trách Albertine đã đối xử thô bạo thế.

“Như thế để dạy cho nó ý tứ hơn. Đó không phải là một đứa con gái xấu nhưng nó man rí mọi rợ lắm. Nó đâu cần thọc mũi vào khắp chỗ. Tại sao không ai yêu cầu mà nó cứ dính lấy chúng ta quèo quẹo thế? Tôi đã toan đuổi thẳng cổ nó. Với lại, tôi ghét nó để tóc trần như thế, trông thật bẩn tiện.”

Tôi nhìn má Albertine trong khi nàng nói và tôi tự hỏi không biết đôi má ấy được xúc bằng loại nước hoa gì, có vị ra làm sao: ngày hôm ấy, nàng không tươi mát mà nhả ngọt, với một sắc hồng dàn đều, phơn phớt tím, mỡ màng, tựa một bông hồng được láng một lớp sáp. Tôi say mê cặp má ấy như đôi khi người ta có thể say mê một loài hoa.

“Tôi không để ý điều đó,” tôi nói.

“Tuy nhiên, anh đã nhìn nó khá kỹ mà. Như thế anh định vẽ chân dung nó vậy,” nàng nói, mặc dầu thấy rõ lúc này đây, chính mình mới là người mà tôi đang dăm dăm nhìn, nàng vẫn không hề dịu đi. “Tuy nhiên, tôi không tin là ông có thể thích nó. Nó chẳng lả lơi chút nào. Ông thì phải yêu những cô gái lả lơi. Dù sao đi nữa, nó cũng sẽ không còn có cơ hội bám theo ông để rồi bị cho rơi, bởi vì nó sắp phải về Paris rồi.”

“Các bạn khác của cô có cùng về không?”

“Không, chỉ mình nó với bà gia sư người Anh của nó thôi, vì nó phải thi lại, nó sắp sửa phải ‘cày’, tội nghiệp con bé. Tôi đảm bảo với anh là chẳng vui vẻ gì. Nhưng cũng có khi trúng ‘tủ’, tình cờ mà! Như một đứa bạn của chúng tôi vớ được cái đề: ‘Hãy kể lại một tai nạn mà em đã chứng kiến.’ Thật là may. Nhưng tôi biết một cô phải luận bàn (mà là bằng văn viết nhé!): ‘Giữa Alceste và Philinte*, em ưng chọn ai làm bạn?’ Tôi mà vớ phải đề ấy thì trượt là cái chắc! Trước hết, ai lại đi hỏi con gái một câu như thế! Con gái thì chơi với con gái chứ đâu có tư cách để đánh bạn với đàn ông. (Câu này cho tôi thấy mình chẳng có mấy cơ may được chấp nhận vào cái băng nhóm nhỏ này, khiến tôi run sợ.) Nhưng dù sao đi nữa, ngay cả nếu đặt câu hỏi ấy cho con trai, thì liệu họ sẽ trả lời như thế nào? Nhiều gia đình đã viết thư cho báo *Le Gaulois** phàn nàn về độ khó của những câu hỏi như vậy. Điều đặc biệt là trong một tuyển tập những bài làm hay nhất của những học sinh được giải, có hai bài luận bàn đề tài theo hai cách hoàn toàn đối lập nhau. Tất cả tùy thuộc vào giám khảo. Ông này muốn thí

sinh nói Philinte là một kẻ nịnh bợ và xảo trá, ông kia thì ủng hộ lập luận: tuy không thể không ngưỡng mộ Alceste, nhưng anh ta quá cần cật và nếu muốn kết bạn thì vẫn nên chọn Philinte hơn. Vậy làm sao các cô học trò khốn khổ biết đường mà lần khi mà chính các giáo sư cũng không đồng ý với nhau? Hơn thế nữa, mỗi năm lại một khó hơn. Gisèle sẽ chỉ qua được nếu biết chạy chọt đúng chỗ.”

Tôi trở về khách sạn, bà tôi không có ở đó, tôi phải chờ cụ khá lâu; cuối cùng, khi cụ về, tôi khẩn khoản xin cụ cho phép làm một chuyến đi đột xuất không thể bỏ lỡ có thể kéo dài bốn mươi tám tiếng. Tôi ăn trưa với bà tôi rồi thuê một chiếc xe đưa tôi ra ga. Gisèle chắc sẽ không ngạc nhiên khi thấy tôi ở đó. Một khi đến Doncières, chúng tôi sẽ đổi tàu. Tàu đi Paris có một toa-hành-lang, trên đó trong khi bà gia sư người Anh ngủ gà ngủ gật, tôi sẽ có thể kéo Gisèle vào những góc tối, bàn định những cuộc hẹn gặp khi tôi sẽ trở về Paris, điều mà tôi sẽ cố thu xếp thực hiện sớm nhất có thể. Tùy theo ý muốn nàng sẽ phát biểu với tôi, tôi sẽ tháp tùng nàng đến Caen hay đến tận Evreux, rồi đáp chuyến tàu sau trở về. Dù sao, nếu biết tôi đã do dự khá lâu giữa nàng và các bạn nàng, nhớ nàng nghĩ tôi đã muốn yêu Albertine, yêu cô gái có đôi mắt sáng, yêu Rosemonde, ngang mức yêu nàng thì gay! Giờ đây, khi một tình yêu có đi có lại sắp kết hợp tôi với Gisèle, tôi cảm thấy hối hận. Vả chăng, lẽ ra tôi đã có thể cam đoan với nàng rằng tôi không thích Albertine nữa. Sáng nay, tôi đã thấy Albertine tách ra, gần như quay lưng lại tôi, để nói với Gisèle. Trên cái đầu nghiêng nghiêng với vẻ hờn dỗi, mé sau mái tóc nom khác

đi, đen hơn và lấp lánh như thể nàng vừa từ dưới nước lên. Tôi nghĩ tới một con gà mái bị ướt và mái tóc ấy đã khiến tôi hình dung Albertine với một tâm hồn khác hẳn không liên quan gì với gương mặt tím tái và cái nhìn bí ẩn tôi vẫn thấy cho tới lúc bấy giờ. Cái mớ tóc lấp lánh vắt ra sau đầu ấy là tất cả những gì tôi nhìn thấy từ Albertine lúc đó và tôi tiếp tục vẫn chỉ thấy chừng nấy thôi. Ký ức của chúng ta giống như cái cửa hàng trưng ra tủ kính phía trước những ảnh chụp của một người nào đó, lúc thì tấm này, khi thì tấm nọ. Và thông thường, chỉ mình tấm mới nhất là được giữ lại lâu lâu. Trong khi người xà ích thúc ngựa, tôi lắng nghe những lời biết ơn, những lời âu yếm Giséle nói với tôi, tất cả đều diễn dịch từ nụ cười đôn hậu của nàng và từ bàn tay nàng chìa ra: là vì trong những thời kỳ tôi không có ai để yêu nhưng lại muốn yêu, tôi không chỉ mang trong đầu một lý tưởng vật thể về cái đẹp đã từng thấy mà tôi có thể nhận ra từ xa ở bất cứ người nữ qua đường nào cách tôi một quãng đủ để những nét lơ mờ của nàng không bác bỏ nhận định đó, mà cả cái bóng ma tinh thần - luôn luôn sẵn sàng để được vật thể hóa - của người đàn bà sẽ yêu tôi, sẽ vào vai đáp lại tôi theo đúng lời thoại trong vở kịch tình ái tôi đã viết sẵn trong đầu từ thời thơ ấu, vai kịch mà tôi cảm thấy mọi cô gái đều thêm muốn đóng, miễn là có ngoại hình phù hợp. Trong vở này, dù tôi chọn ai làm “ngôi sao” thủ vai chính, lần đầu công diễn hay những buổi tiếp theo, thì kịch bản, cốt truyện, tình tiết và từng câu chữ trong lời thoại, đều giữ nguyên một hình thức *ne varietur**.

Mấy hôm sau, mặc dù Albertine không mấy sốt sắng

trong việc giới thiệu chúng tôi với nhau, tôi làm quen được với toàn thể cái băng nhóm nhỏ, còn trọn vẹn ở Balbec như hôm đầu (trừ Gisèle mà vì phải dừng lại khá lâu trước một ba-ri-e ở nhà ga và vì giờ tàu thay đổi, tôi không gặp được trên chuyến tàu đã khởi hành năm phút trước khi tôi tới, và vả chăng tôi cũng chẳng nghĩ đến nàng nữa) và ngoài ra, còn có thêm hai, ba cô bạn nữa mà theo yêu cầu của tôi, họ mời tới để giới thiệu. Và như vậy, hy vọng tìm thấy vui thú bên một cô gái mới do một cô gái khác giới thiệu, cô gái mới quen này như một giống hồng ta nhận được từ một bông hồng loại khác. Và trở ngược chuỗi hoa này, từ đóa này sang đóa khác, niềm vui được biết một hương sắc khác khiến tôi lại hướng về người đã tạo cho tôi cơ may đó với lòng biết ơn pha lẫn dục vọng cùng hy vọng. Chẳng bao lâu sau, ngày nào tôi cũng vui chơi suốt với các cô gái ấy.

Than ôi! Trong đóa hoa tươi mát nhất, đã chớm những điểm hầu như không thể cảm nhận nhưng qua đó một con mắt lọc lõi nhìn thấy dấu hiệu báo trước hình thù bất biến và tiền định của cái hạt. Ta khoan khoái ngắm một nét sống mũi thanh như một con sóng nhỏ xinh làm lẫn tẩn mặt biển ban mai tĩnh lặng đến nỗi ta không cảm thấy triều dâng. Ta nhìn những gương mặt người, thấy chúng dường như không thay đổi vì độ triển diễn của chúng quá chậm khiến ta không cảm nhận nổi. Nhưng chỉ cần nhìn những cô gái nọ đứng cạnh mẹ hay cô, dì mình là có thể đo được quãng cách mà dưới tác động lực hút bên trong của già nua xấu xí, những nét trẻ đẹp kia sẽ phải vượt qua trong vòng chưa đầy ba mươi năm cho đến lúc ánh mắt kia tắt đi, cho đến

lúc gương mặt kia, đã lặn hẳn xuống bên dưới đường chân trời, không còn tiếp nhận được ánh sáng nữa. Tôi biết, cũng ăn sâu và tất yếu như lòng ái quốc Do Thái hay cái căn cốt Kitô giáo xa xưa trở lại nơi những người tưởng mình hoàn toàn thoát ly khỏi dòng giống, bên dưới sự khai hoa tươi thắm của Albertine, của Roseinonde, của Andrée, vẫn rình sẵn mà họ không hay, dự trữ cho trường hợp cần thiết, một cái mũi to, một cái miệng hô, một độ béo phì, đáng kinh ngạc nhưng thực tế đã ở cánh gà, sẵn sàng nhảy ra sân khấu, bất ngờ, không thể tránh khỏi. Thậm chí về tinh thần, chúng ta phụ thuộc vào những quy luật tự nhiên hơn chúng ta tưởng và giống như một số loài cây cỏ, trí óc chúng ta vốn đã sở hữu từ trước những đặc điểm mà chúng ta tưởng mình đã chọn lựa. Nhưng chúng ta chỉ nắm được những ý thức mà không cảm nhận được căn nguyên (dòng giống Do Thái, gia đình Pháp, v.v...) đã làm chúng nảy sinh và chỉ hiển lộ với chúng ta vào lúc nó muốn. Và mặc dù ta nghĩ ý tưởng là kết quả của suy ngẫm, còn bệnh tật là do ẩu, mất vệ sinh, rất có thể - như hình thù hạt của những cây họ đậu là do giống - cả hai đều do di truyền, cả những ý tưởng là lẽ sống của ta lẫn tật bệnh đưa ta đến cái chết.

Như trên một cái cây, những bông hoa đến độ mãn khai vào những thời kỳ khác nhau, ngay trên bãi biển Balbec này, tôi đã thấy ở những bà già - những hạt rắn chắc ấy, những củ mềm nhũn ấy - hình ảnh mai sau của các cô gái bạn tôi. Nhưng có quan trọng gì? Lúc này đây là mùa hoa. Cho nên khi Madame de Villeparisis mời tôi tham gia một cuộc dạo chơi, tôi tìm cách thoái thác, lấy cớ là mình không

rảnh. Tôi chỉ đến thăm Elstir khi các bạn gái của tôi cùng đi. Thậm chí tôi không thu xếp được lấy một buổi chiều để đi Doncières thăm Saint-Loup như đã hứa. Những cuộc họp mặt thời lưu, những cuộc hội thoại nghiêm túc, thậm chí một cuộc trò chuyện thân hữu, nếu chúng chiếm chỗ của những cuộc đi chơi với những cô gái ấy, sẽ khiến tôi chán ngán như thể vào giờ ăn trưa, thay vì đưa ta đến nhà hàng, người ta lại đưa ta đến xem một cuốn album vậy. Những người nam, đứng tuổi hay thanh niên, những bà già hay trung niên, mà chúng ta nghĩ là mình thích ở bên họ, ta chỉ quan niệm họ trên một bề mặt phẳng không có thực chất, vì ta chỉ nhận thức họ qua cảm thụ thị giác đơn thuần. Nhưng khi thị giác hướng về các cô gái trẻ, thì là với tư cách “đại diện” cho cả các giác quan khác; chúng sẽ lần lượt tìm các phẩm chất về khứu giác, xúc giác, vị giác mà chúng thường thức như vậy, thậm chí không cần đến sự trợ giúp của bàn tay và đôi môi; và nhờ nghệ thuật chuyển thể, nhờ tài tổng hợp siêu tuyệt của dự vọng, những giác quan ấy có thể từ màu má, màu ngực phục hồi lại những khoái cảm sờ mó, nếm nấp, những tiếp xúc cấm kỵ, đem lại cho các cô gái một thực chất ngọt ngào, cái thực chất ngọt ngào khi hút nhị hoa hay hau háu nhìn như muốn nuốt tươi chùm quả mọng trên một giàn nho.

Nếu trời mưa, mặc dù thời tiết xấu không làm Albertine sợ - đôi khi người ta vẫn thấy nàng mặc áo mưa đạp xe dưới những cơn mưa rào - chúng tôi chơi cả ngày ở Casino, nơi tôi cảm thấy không thể không đến vào những ngày đó. Tôi hết sức coi khinh các tiểu thư nhà D'Ambresac, những

người không bao giờ đặt chân vào đó. Và tôi sẵn sàng giúp các bạn gái của mình chơi xỏ ông thầy dạy nhảy. Chúng tôi thường bị người quản lý, hay các nhân viên lạm quyền giám đốc, trách mắng vì các bạn gái của tôi - kể cả Andrée mà hôm đầu, tôi tưởng là một người tràn trề hứng cảm, nhưng trái lại, hóa ra lại yếu ớt, thiên về trí tuệ và năm nay rất hay ốm đau nhưng mặc dù thế, vẫn xem nhẹ tình trạng sức khỏe mà tuân theo cái cuồng nhiệt của độ tuổi này lấn lướt tất cả, không phân biệt người ốm với người khỏe - không thể đi từ sảnh chờ đến phòng vui chơi mà không lấy đà nhảy qua tất cả các ghế, trượt đi trượt lại, giữ thăng bằng bằng một động tác dang tay duyên dáng, pha trộn tất cả các ngón nghề thuật, theo cách những thi sĩ thời cổ xưa chưa tách biệt các thể loại, trộn lẫn trong một bản hùng ca những chiêm ngôn nhà nông với những giáo huấn thần học.

Nàng Andrée này mà hôm đầu tôi cảm thấy là người lạnh lùng nhất, hóa ra lại bội phần tế nhị, tinh tế hơn và thân ái hơn Albertine. Đối với Albertine, nàng tỏ ra âu yếm, mon tron và dịu dàng như một người chị gái. Nàng đến Casino ngồi cạnh tôi và, trái ngược với Albertine, biết từ chối một lời mời nhảy hay thậm chí, nếu tôi mệt, bỏ cuộc vui ở Casino để đến khách sạn. Nàng biểu hiện tình bạn đối với tôi, đối với Albertine bằng những sắc thái tinh tế chứng tỏ nàng rất hiểu biết những vấn đề tình cảm, điều đó có lẽ một phần do thổ trạng hay đau yếu của nàng. Nàng bao giờ cũng mỉm cười vui vẻ bỏ qua thái độ trẻ con của Albertine mỗi khi cô bạn này bày tỏ một cách mãnh liệt mà hồn nhiên sự căm dỗ không thể cưỡng nổi của những cuộc vui mà,

khác với Andrée, nàng không đủ sức cương quyết khước từ để ở lại hàn huyên với tôi... Khi gần đến giờ đi dự một bữa tiệc trà buổi chiều tổ chức ở sân golf, nếu lúc đó có cả ba chúng tôi với nhau, nàng đi sửa soạn rồi đến bên Andrée:

“Này Andrée, còn chờ gì nữa? Cậu biết chiều nay chúng mình phải dự tiệc trà ở sân golf chứ?”

“Không, mình ở nhà nói chuyện với anh ấy,” Andrée chỉ tôi trả lời.

“Nhưng cậu biết là Madame Durieux đã mời cậu,” Albertine kêu lên như thể ý định của Andrée ở lại với tôi chỉ có thể là do không biết mình được mời.

“Thôi nào, cô bé của tôi, đừng có ngốc thế,” Andrée đáp.

Albertine không gặng thêm, sợ bị lôi kéo ở lại luôn. Nàng lắc đầu.

“Kệ cậu muốn làm gì thì làm,” nàng đáp, như kiểu người ta nói với một bệnh nhân lấy việc chết dần chết mòn làm khoái thú. “Còn tớ thì phải chạy đây, tớ nghĩ đồng hồ cậu bị chậm.”

Và nàng vắt chân lên cổ.

“Cô bé thật dễ thương nhưng quá khác thường,” Andrée nói, bao bọc bạn mình bằng một nụ cười vừa âu yếm vừa có ý phê phán, về mặt sở thích vui chơi giải trí này, Albertine có một cái gì tương đồng với nàng Gilberte tôi yêu thuở ban đầu, đó là vì có một nét giống nhau nào đó giữa những người đàn bà kế tiếp nhau trong trái tim ta, sở dĩ nét này (tuy có phần chuyển hóa) vẫn tồn tại là do tính bất biến của khí chất ta, bởi chính nó chọn họ, loại bỏ tất cả những

ai không đáp ứng hai yêu cầu: vừa đối lập với ta vừa bổ sung cho ta, nghĩa là thích hợp để thỏa mãn giác quan ta đồng thời làm đau đớn trái tim ta. Họ - những người đàn bà ấy - là một sản phẩm của khí chất ta, một hình ảnh, một phóng chiếu đảo ngược, một “âm bản” của cảm quan ta. Thành thử một tiểu thuyết gia có thể mô tả gần như y hệt nhau những mối tình kế tiếp trong cuộc đời nhân vật chính của mình và bằng cách đó mang lại cảm giác sáng tạo chứ không phải là tự bắt chước mình bởi chung một sự cách tân giả tạo chứa ít sức mạnh hơn là một sự lặp lại nhằm gợi mở một chân lý mới. Chưa kể là nhà văn nên ghi nhận trong tính cách người đàn bà tình kia một chỉ số biến hóa mới mỗi lúc một thêm rõ nét chừng nào tới những vùng mới, dưới những vĩ tuyến khác của cuộc sống. Và biết đâu anh ta chẳng biểu hiện thêm một chân lý, nếu như khi xây dựng tính cách cho những nhân vật của mình, anh ta không cho người đàn bà được yêu bất cứ một tính cách nào. Tính cách của những người vô thưởng vô phạt thì ta biết, nhưng làm sao ta có thể nắm được tính cách của một con người hòa lẫn vào cuộc đời ta, mà chẳng bao lâu nữa, ta sẽ không tách rời khỏi bản thân ta, mà về những động cơ của nàng, ta không ngừng đặt những giả thuyết đầy lo âu, luôn luôn phải chỉnh sửa lại? Xuất phát từ bên ngoài lý trí sáng suốt, nổi hão hức muốn biết về người đàn bà ta yêu, trong đà lao đi của nó, vượt quá tính cách của nàng. Dù có thể dừng ở đó, chắc hẳn ta cũng không muốn. Đối tượng cuộc tìm hiểu khắc khoải của ta là bản chất cốt lõi của nàng chứ không chỉ là những đặc điểm tính cách hời hợt bề mặt. Xạ quang

của bản năng ta xuyên qua chúng và những hình ảnh nó mang về cho ta tuyệt nhiên không phải là những hình ảnh của một gương mặt đặc biệt, mà chỉ là đường nét của một bộ xương với tất cả tính phổ quát buồn thảm và náo nức của nó.

Vì Andrée cực giàu, còn Albertine thì nghèo và mồ côi, nên Andrée hào hiệp để cho bạn xả láng lợi dụng sự xa hoa phú quý của mình. Còn đối với Gisèle, tình cảm của nàng không hoàn toàn giống như tôi tưởng. Quả vậy, ít bữa sau, có tin của cô sinh viên này, và khi Albertine phô bức thư vừa nhận được từ Gisèle, với nội dung thông báo cho nhóm về hành trình của mình và xin lỗi về sự lười nhác chưa viết cho các bạn khác, tôi ngạc nhiên nghe thấy Andrée (mà tôi tưởng đã đoạn tuyệt hẳn với cô ta) nói: “Mai mình sẽ viết cho nó, vì nếu mình chờ nhận được thư nó trước thì mình còn phải chờ đến mùa quýt, con bé thật vô tâm.” Và quay về phía tôi, nàng nói thêm: “Dĩ nhiên, anh có thể thấy nó chẳng có gì đặc biệt lắm, nhưng nó là một con bé rất tốt và tôi thật sự rất mến nó.” Tôi kết luận rằng những giận dỗi của Andrée không kéo dài được lâu.

Trừ những ngày mưa ấy, chúng tôi thường đi chơi bằng xe đạp trên rìa vách đá hoặc trong vùng quê. Một giờ trước khi đi, tôi dành để tự trang điểm, và tôi rên lên nếu Françoise không chuẩn bị đầy đủ cho tôi. Ngay cả ở Paris, hễ ai hơi tỏ ý chê trách là Françoise - người vốn nhũn nhặn, khiêm nhường và đáng yêu khi lòng tự ái được phỉnh nịnh - giận dữ và kiêu hãnh rướn thẳng cái thân hình mà tuổi tác đã bắt đầu làm còng xuống. Vì lòng tự ái là động lực lớn

của đời bác, nên mức độ mãn nguyện và hân hoan ở bác tỷ lệ thuận với độ khó của những điều người ta yêu cầu bác làm. Những công việc bác phải làm ở Balbec dễ đến nỗi hầu như lúc nào bác cũng tỏ vẻ bất mãn. Sự bất mãn ấy đột ngột tăng lên gấp trăm lần kết hợp với một vẻ mỉa mai kiêu kỳ khi, đến lúc sắp đi gặp các bạn gái, tôi phàn nàn về chiếc mũ chưa được chải hoặc về đồng cà vạt để lộn xộn. Bác có thể lảng lạng làm rất vất vả mà coi như không, nhưng hễ ai nhận xét rằng một chiếc vét tông để không đúng chỗ, là chẳng những bác kể công mình đã “cất nó cẩn thận như thế nào, chứ không để nó bắt bụi”, mà còn tấu hân một bài tuyên dương những công trạng của mình, than thở rằng đâu phải mình đến Balbec để nghỉ mát, rằng không thể tìm thấy một người thứ hai sống một cuộc sống như mình. “Tôi không hiểu làm sao người ta có thể để đồ tư trang của mình như thế được. Thử xem một mũ khác rơi vào cái mớ lộn xộn xà lộn xộn này thì xoay sở như thế nào, đến ma quỷ cũng chẳng biết đường nào mà lần!” Hoặc giả bác ta làm ra vẻ vương giả, chỉ phóng vào tôi những tia mắt náy lửa và giữ im lặng; sự im lặng ấy chấm dứt ngay khi bác ta đóng cửa và đi vào hành lang; bấy giờ vang lên những lời mà tôi đoán là thóa mạ nhưng không rõ ràng, như kiểu những diễn viên mới vào nghề, lần đầu tiên được phân vai, nhắm lại lời thoại sau cánh gà trước khi bước ra sân khấu, vả lại, khi tôi chuẩn bị đi với các bạn gái như thế, ngay cả nếu tôi không thiếu gì và Françoise đang ở tâm thái vui vẻ, bác vẫn làm người ta không chịu nổi. Bác ta vận dụng chính những câu đùa tôi đã thốt ra với bác do nhu cầu

muốn nhắc tới các cô gái ấy, làm như tiết lộ cho tôi hay những điều mà, nếu chính xác, tôi ắt rành hơn bác, nhưng đằng này lại sai lệch vì bác hiểu trật những câu đùa của tôi. Như tất cả mọi người, Françoise có tính cách riêng của mình; một con người không bao giờ giống như một con đường thẳng tắp, mà đầy những khúc quanh kỳ lạ, bất ngờ và tất yếu, không ai khác thấy được, mà ta phải vất vả vượt qua. Mỗi lần tôi nói đến đoạn “mũ để không đúng chỗ”, nhắc đến “tên của Andrée hay của Albertine”, Françoise lại buộc tôi phải lạc vào những đường vòng vèo phi lý làm tôi trở mặt không ít thời gian. Cũng như thế, khi tôi bảo bác chuẩn bị xăng đuych nhân phó mát Chester và xà lách, hoặc mua bánh kem mút để ăn vào giờ trà chiều trên bờ vách đá, Françoise tuyên bố thẳng thừng “cô nào muốn ăn thì phải thay phiên nhau trả tiền” với cả một sự trối dật trở lại của thói bủn xỉn, tầm thường tỉnh lẻ, tưởng như bác ta thấy vong hồn của bà cô Eulalie quá cố của tôi thác sinh trở lại vào những cơ thể yêu kiều của các cô gái trong băng nhóm nhỏ. Nghe những lời “kết tội” ấy, tôi tức điên như cảm thấy vấp phải một chỗ khúc khuỷu trên con đường thôn dã quen thuộc (là tính cách của Françoise) mà bắt đầu từ đó, nó trở nên gập ghềnh không thể đi được, may sao chỉ trong một thời gian ngắn. Rồi chiếc vét tông được tìm thấy, các ổ xăng đuych đã sẵn sàng, tôi đi tìm Albertine, Andrée, Rosemonde, đôi khi vài cô khác nữa, và chúng tôi bắt đầu cuộc rong chơi, thả bộ hay bằng xe đạp.

Nếu là vào dạo xưa, tôi ắt thích là cuộc dạo chơi diễn ra trong thời tiết xấu. Khi đó, tôi sẽ ráng tìm ở di tích Balbec

này “xứ sở của những người Ximêriêng*”; và những ngày đẹp trời là điều không nên tồn tại ở đây, một sự “đột nhập” của mùa hè tầm thường của đám người tắm biển vào vùng cổ đại chìm trong sương mù này. Nhưng giờ đây, tất cả những gì tôi đã coi khinh, gạt khỏi tầm nhìn của mình, chẳng những ánh nắng lấp lánh, mà cả những cuộc đua thuyền, đua ngựa, tôi đều say mê kiếm tìm, vẫn vì cái lý do đạo xưa khiến tôi chỉ ao ước nhìn thấy biển trong bão tố, cái lý do là tất cả những cái đó, xưa cũng như nay, đều gắn với một ý tưởng thẩm mỹ. Là vì tôi cùng các bạn gái thỉnh thoảng vẫn đến thăm Elstir và những hôm các cô gái có ở đó, những cái ông thích cho xem nhất là mấy bức ký họa những thiếu nữ xinh đẹp trên du thuyền hoặc một bức phác thảo thực hiện ở một trường đua ngựa ở vùng lân cận Balbec. Thoạt đầu, tôi rụt rè thú nhận với Elstir rằng tôi không muốn đến những cuộc họp mặt tổ chức ở đó. “Cậu sai lầm rồi,” ông bảo tôi, “đẹp lắm và cũng rất kỳ lạ nữa. Trước hết, cái con người đặc biệt là cái gã jôkê mà hàng trăm con mắt đổ dồn vào - trước bãi quây ngựa thì buồn thiu và nhờ nhạt trong chiếc áo đua rực rỡ, ghì con ngựa tung tăng, rồi vào cuộc thì quỵen làm một với nó, thật thú vị khi nhìn ra được những động tác kỹ thuật của anh ta, thể hiện được cái vệt lấp lánh mà anh ta cùng màu lông ngựa tạo nên trên nền trường đua! Mọi thứ đều biến hóa kỳ diệu trong cái mênh mông sáng ngời của một trường đua ngựa khiến ta ngạc nhiên trước bao bóng hình và phản quang mà ta chỉ có thể thấy ở đó! Những người phụ nữ ở đấy sao mà xinh đẹp! Nhất là cuộc họp mặt lần đầu mới thật tuyệt, có

những thiếu phụ cực kỳ thanh nhã trong ánh sáng ẩm ướt của Hà Lan - thậm chí người cảm thấy khí lạnh thấu xương của nước dâng lên đến tận mặt trời. Chưa bao giờ tôi thấy những phụ nữ đi xe đến, hoặc theo dõi cuộc đua qua ống nhòm, trong một ánh sáng như thế, hẳn là do độ ẩm của biển. Ôi! Tôi những muốn thể hiện thứ ánh sáng ấy! Tôi từ những cuộc đua ngựa ấy trở về, như điên với một khát khao làm việc!”

Rồi ông càng hào hứng với những cuộc họp mặt hội du thuyền hơn là với các cuộc đua ngựa và tôi hiểu ra rằng đối với một họa sĩ hiện đại, những cuộc đua thuyền, những cuộc họp thể thao, nơi những người đàn bà mặc đẹp tắm trong ánh sáng xanh lục của một trường đua ngựa, là một mô típ họ xiết bao muốn thể hiện, cũng thú vị chẳng kém các lễ hội xưa đối với một Veronese hay một Carpaccio.

“Cậu so sánh rất chính xác,” Elstir bảo tôi, “vì thành phố nơi họ vẽ những lễ hội đó phần nào có liên quan với hàng hải. Có điều là cái đẹp của những thuyền bè thời ấy thường nằm trong sự phức tạp và nặng nề của chúng. Có những cuộc đua (cũng như ở đây hiện giờ) tổ chức để chào mừng một sứ giả nào đấy, tương tự như cuộc được Carpaccio thể hiện trong bức *Huyền thoại về nữ thánh Ursule*. Những tàu biển to đùng được xây dựng như những công trình kiến trúc và có vẻ gần như nửa dưới nước nửa trên cạn như những Venise nhỏ giữa Venise đích thực khi chúng neo đậu, được nối vào bờ bằng những ván cầu cơ động phủ xa tanh đỏ thắm và thắm Ba Tư, trên tàu những phụ nữ mặc đồ gấm màu anh đào hoặc vải hoa nổi màu ve ngay gần kề

những ban công khảm cẩm thạch nhiều màu từ đó những phụ nữ khác cúi mình nhòm xuống trong bộ áo dài ống tay màu đen có đường hờ lót trắng nạm ngọc trai hoặc viên đá ten rua. Không còn biết đất liền chấm dứt ở đâu và biển bắt đầu từ đâu nữa, cái gì còn là lâu đài hay đã là hải hạm.”

Albertine say sưa, chăm chú lắng nghe những chi tiết về trang phục, những hình ảnh xa hoa Elstir mô tả với chúng tôi.

“Ôi! Cháu rất muốn được thấy những đá ten rua mà bác nhắc tới, đá ten kiểu Venise đẹp xiết bao!” nàng kêu lên.” Vội lại, cháu rất muốn đến Venise!”

“Có lẽ không lâu nữa,” Elstir nói, “các cô có thể đến Venise ngắm những vải vóc tuyệt vời ngày xưa người ta mặc ở đó. Những thứ ấy, ngày nay người ta chỉ còn thấy trong những bức tranh của các họa sĩ thành Venise, hoặc họa hoàn lăm, trong những kho báu của một số nhà thờ; thậm chí đôi khi, người ta gặp một loại nào đó trong một cuộc bán đấu giá. Nhưng nghe nói một họa sĩ thành Venise, Fortuny*, đã tìm ra bí quyết chế tạo những loại vải ấy và chỉ vài năm nữa, các bà các cô có thể đi dạo phố, hoặc thậm chí ngồi nhà, trong những bộ đồ bằng gấm đẹp không kém những loại hàng ngày xưa Venise tô điểm cho những nữ lưu của mình với những họa tiết phương Đông. Nhưng tôi không biết liệu tôi có thích thế lắm không, liệu đó có phải là một trang phục hơi quá lỗi thời đối với phụ nữ ngày nay, ngay cả để trưng ra trước công chúng, vì - để trở lại với những du thuyền hiện đại - đó là sự trái ngược hoàn

toàn với thời của Venise-Nữ-hoàng-của-biển-Adriatique. Nét hấp dẫn nhất của một du thuyền, của nội thất một du thuyền, của trang phục khi đi du thuyền, là tất cả đều giản dị - cái giản dị của những gì thuộc về biển, mà tôi thì rất yêu biển. Tôi thú thật với các bạn là tôi thích những “mốt” thời nay hơn những “mốt” của thời Véronèse và thậm chí của thời Carpaccio. Cái đẹp trong những du thuyền của chúng ta - và nhất là trong những cái cỡ trung bình, tôi không thích những cái to đùng, quá giống tàu biển, cũng như về kích thước mũ, phải giữ một giới hạn - là cái phẳng phiu, cái giản dị, cái sáng sủa và xam xám, vào lúc trời phủ mây, sương biêng biếc thì khoác một màu kem mờ ảo. Cái ca bin mình ngồi phải có vẻ như một quán cà phê nhỏ. Trang phục phụ nữ trên một du thuyền cũng thế, phải duyên dáng, nhẹ nhàng và trắng, bằng vải phin mỏng, phin nỉ, lụa Bắc Kinh..., tạo thành một vệt trắng rực rỡ như cánh bướm trắng trong nắng và trên nền xanh lơ của biển. Và lại, rất ít phụ nữ biết diện đẹp, tuy nhiên có một số ăn vận tuyệt vời. Ở trường đua ngựa, tiểu thư Léa đội một chiếc mũ trắng nhỏ và mang một chiếc dù trắng xinh xinh, thật mê hồn. Tôi không biết mình sẽ đánh đổi những gì để có được chiếc dù nhỏ đó.”

Tôi rất muốn biết chiếc dù nhỏ ấy khác với những chiếc khác ở chỗ nào và Albertine, vì lý do thích làm đom của phụ nữ, lại càng muốn biết hơn. Nhưng như Françoise thường nói về món bánh phồng của mình: “Đó là một ngón nghề”, cái khác là ở ngón cắt may. “Nó bé xiu, tròn vo, tựa một cái dù Tàu,” Elstir nói. Tôi dẫn ra những kiểu dù của

một số phụ nữ, nhưng Elstir bảo hoàn toàn không phải thế, ông thấy tất cả những thứ dù ấy đều gớm ghiếc. Là người có thị hiếu thẩm mỹ khắt khe và tinh tế, ông cho một nét tưởng như vô nghĩa mà thâm tóm tắt thấy chính là cái khác giữa những gì ba phần tư phụ nữ trên thế giới mang trên người khiến ông phát khiếp với một vật đẹp làm ông say đắm và đốt lên ở ông khát khao muốn vẽ để “cố tạo nên những thứ đẹp như thế”, trái với tôi thường khi cảm thấy sự xa hoa làm đầu óc mình như chóng lại.

“Này, đây là một cô bé đã hiểu mỹ và dù phải như thế nào,” Elstir vừa nói với tôi vừa chỉ Albertine mắt long lanh thèm muốn.

“Cháu rất muốn thật giàu để có được một du thuyền!” nàng nói với ông họa sĩ. “Cháu sẽ nhờ bác cố vấn cho để bài trí nội thất. Cháu sẽ có những cuộc ngao du đẹp biết bao! Và sẽ thú biết bao khi đến Cowes xem đua thuyền! Rồi cả một chiếc xe hơi nữa! Bác thấy những ‘mốt’ cho phụ nữ lái ô tô có đẹp không?”

“Bây giờ thì chưa,” Elstir đáp, “nhưng trong tương lai sẽ đẹp thôi. Vả lại, không có mấy hiệu may theo hướng này, một vài hiệu thôi, Callot chẳng hạn, tuy hơi quá thiên về đăng ten, Doucet, Chéruit và đôi khi Paquin*. Số còn lại thì thật tầm.”

“Nhưng giữa một bộ trang phục do nhà Callot may và một bộ của một nhà may bất kỳ nào, có khác nhau nhiều không?” tôi hỏi Albertine.

“Một trời một vực, cậu nhỏ ạ,” nàng đáp. “Ôi! Xin lỗi. Có điều, hỡi ôi! Ở chỗ khác là ba trăm franc, thì ở chỗ họ, anh

phải trả một ngàn franc. Nhưng chất lượng đầu có giống nhau, ngoại trừ đối với những người chẳng biết gì sất.”

“Hoàn toàn đúng,” Elstir nói, “tuy nhiên tôi không đi đến mức nói rằng sự khác nhau này cũng sâu sắc như giữa một pho tượng ở nhà thờ lớn thành Reims với một pho tượng ở nhà thờ Saint-Augustin. Nay, nhân nói đến nhà thờ,” ông quay sang nói riêng với tôi vì đây là một đề tài trò chuyện mà các cô gái không tham gia, vả chăng cũng chẳng mấy may quan tâm đến, “hôm nọ, tôi có nói với cậu về nhà thờ Balbec như một vách đá lớn, một khối đá chồi lên ở vùng này, phải không nào? Nhưng ngược lại (ông chỉ cho tôi một bức màu nước), hãy nhìn những vách đá này (đây là một phác thảo ghi nhanh ở ngay gần đây, ở Les Creuniers*), hãy nhìn xem những khối đá này được “cắt cúp” mạnh mẽ và tinh tế như thế nào, nó có gợi cho ta nghĩ đến một ngôi nhà thờ không?” Thật vậy, trông cứ như những vòng cung vòm cuốn màu hồng bát ngát vậy. Nhưng nếu vẽ vào một ngày nóng thiêu, chúng dường như tan thành bụi, thành hơi bởi nhiệt độ, nó gần như uổng cạn nửa biển cả lúc này hồ như đã chuyển sang thể khí trên khắp bề mặt tấm *toan*. Trong cái ngày mà ánh sáng như đã triệt tiêu thực tại, thì thực tại tập trung vào những sinh thể tối sẫm mà trong suốt, những sinh thể này do tương phản đem lại cảm giác sống động hơn, gần gũi hơn: những cái bóng. Bị hút kiệt chất tươi mát, phần lớn chạy trốn biển khơi bốc lửa, tìm chỗ ẩn náu dưới chân những tảng đá, tránh nắng; những cái bóng khác nhẩn nha bơi như những chú cá heo, bám theo những con thuyền mình bóng nhẫy xanh lơ lướt trên mặt nước nhờ

nhật. Có lẽ chính cái thèm khát sự mát mẻ do những cái bóng ấy truyền sang làm ta cảm thấy rõ nhất nhiệt độ của ngày hôm ấy và khiến tôi kêu lên: sao mà tôi tiếc là mình chưa đến Les Creuniers! Albertine và Andrée đã hàng trăm lần cam đoan rằng tôi nên đến đó. Trong trường hợp này, thật quả tôi không biết, cũng chẳng ngờ có một ngày quan điểm của họ lại có thể khuấy lên trong tôi một khao khát mãnh liệt đến thế đối với cái đẹp, không phải đích thị là cái đẹp tự nhiên mà cho tới giờ tôi vẫn tìm kiếm ở những vách đá vùng Balbec, mà là cái đẹp kiến trúc. Nhất là tôi, vốn đến đây để được thấy vương quốc của bão tố, trong những cuộc dạo chơi với Madame de Villeparisis, bao giờ tôi cũng chỉ thấy biển từ xa, lấp ló hiện giữa những hàng cây, chưa bao giờ thấy biển đủ thật, đủ lênh láng, đủ sinh động, hoặc đủ để đem lại cảm giác về đại dương sóng cả tung cao những khối nước kèch sù, tôi, vốn muốn chỉ phải thấy biển bất động khi nào bị liệm dưới màn sương mù mùa đông, tôi không thể tin bây giờ mình lại mơ đến một thứ biển chỉ còn là một mảng hơi nước trắng trắng đã mất cả chất lẫn màu. Nhưng chất men say của thứ biển ấy, Elstir, giống như những người đang mơ mơ màng màng trong những chiếc thuyền dờ dẫm vì nóng kia, đã thưởng thức nó một cách sâu sắc đến nỗi ông có thể nắm bắt và cố định trên mặt toan của mình từng đợt triều xuống tưởng như không thể cảm nhận được, từng thoáng phập phồng của một phút giây hạnh phúc; và nhìn bức chân dung biển huyền diệu đó, đột nhiên, ta đem lòng yêu nó đến nỗi chỉ còn nghĩ đến chuyện đi cùng trời cuối đất để tìm lại cái ngày đã vụt qua, hưởng

chút duyên sắc mộng miên thoáng qua của nó.

Thành thử, nếu như trước thời kỳ tôi thường đến thăm xưởng vẽ của Elstir (trước khi tôi được thấy một bức tranh biển của ông trong đó một thiếu phụ mặc áo dài bằng vải nhung hoặc phin nồn trên một du thuyền treo cờ Mỹ, in liền “bản sao” một chiếc áo dài bằng phin nồn trắng và một lá cờ vào trí tưởng tượng của tôi khiến nó tức thì áp ủ nổi khát khao khôn thỏa muốn được thấy ngay những chiếc áo dài phin nồn trắng và những lá cờ bên bờ biển, như thể điều đó cho tới giờ chưa từng xảy đến với tôi), bao giờ đứng trước biển, tôi cũng cố gắng gạt khỏi tầm nhìn không chỉ những người tắm biển ở tiền cảnh, mà cả những chiếc du thuyền có buồm quá trắng như một bộ đồ mặc trên bãi biển, tất cả những gì ngăn tôi tin rằng mình đang ngắm con sóng từ thiên niên vạn đại, trước cả khi loài người xuất hiện, đã triển diễn đời sống bí ẩn của nó, cho đến những ngày rực rỡ dường như bao phủ lên dảo bờ biển của sương mù và bão tố này cái vẻ ngoài tẻ nhạt của mùa hè thông thường, đánh dấu một quãng ngắt tương đương với cái mà trong âm nhạc người ta gọi là một phách nghỉ - thì giờ đây, tôi cảm thấy thời tiết xấu mới là một sự cố tai hại không còn có thể chiếm chỗ trong thế giới của cái đẹp nữa: tôi náo nức muốn tìm lại trong thực tại cái điều đã làm tôi xiết bao phấn khích, tôi hy vọng thời tiết sẽ đủ thuận lợi để tôi có thể từ đỉnh những vách đá nhìn thấy những cái bóng xanh lơ như trong tranh của Elstir.

Dọc đường, bây giờ tôi không khum tay che mắt nữa như trong thời kỳ tôi quan niệm thiên nhiên như là tồn tại trước

cả khi con người xuất hiện và đối lập với mọi thứ cải tiến chán ngắt của công nghiệp khiến tôi ngáp sái quai hàm ở những triển lãm toàn cầu hoặc những cửa hàng mũ phụ nữ, thời kỳ mà do quan niệm ấy, tôi ráng chỉ nhìn phần biển không có tàu chạy bằng hơi nước để hình dung nó thật cổ xưa, vào cái thời nó còn cách rời đất liền, ít nhất cũng vào những thế kỷ đầu tiên của Hy Lạp, điều khiến tôi có thể thật lòng xướng to những câu thơ của “bố già Leconte” mà Bloch rất yêu thích:

*Xa rồi, những vị vua của những chiến thuyền tua tủa
Mang theo trên biển cả bão bùng
Những tráng sĩ râu hùm của Hy Lạp anh hùng**

Tôi cũng không thể tiếp tục coi khinh những người làm mũ phụ nữ vì Elstir bảo tôi rằng cái động tác nhẹ nhàng khéo léo khi họ nắn hay vuốt lại lần cuối những chiếc nơ hoặc những chiếc lông cắm trên một chiếc mũ đã hoàn thành, là một nét ông quan tâm thể hiện khôn kém động tác của người jôkê (điều khiến Albertine rất đặc ý). Nhưng muốn gặp một người làm mũ phụ nữ thì phải đợi đến khi tôi về Paris và muốn xem đua ngựa hoặc đua thuyền (từ giờ đến cuối năm, không có cuộc nào được tổ chức) thì phải đợi đến khi tôi trở lại Balbec năm sau. Ngay cả một du thuyền với những thiếu phụ mặc đồ phin nồn trắng, lúc này cũng chẳng tìm đâu ra.

Chúng tôi vẫn thường gặp các em gái của Bloch mà tôi buộc phải chào hỏi kể từ khi tôi được mời ăn tối với cha họ.

Các bạn gái của tôi không quen biết họ. “Tôi không được phép chơi với người Israel,” Albertine nói. Cái cách nàng phát âm chữ “Israel” thay vì “Izrael” đủ để chỉ rõ - ngay cả nếu ta không nghe thấy đoạn đầu câu - rằng những cô gái con nhà trưởng giả ngoan đạo này không hề có thiện cảm với dân tộc “được Chúa chọn” và hẳn dễ dàng tin rằng người Do Thái cắt cổ trẻ con theo đạo Thiên Chúa. “Vói lại, các cô bạn gái của anh có vẻ chẳng đứng đắn gì cho lắm,” Andrée nói với một nụ cười ngụ ý nàng thừa biết đó không phải là “bạn gái” của tôi. “Cũng như tất cả những gì dính dáng đến cái bộ tộc ấy,” Albertine chêm vào với cái giọng ra vẻ trịnh trọng của một người từng trải. Nói cho đúng, mấy cô em gái của Bloch, vừa mang quá nhiều trang phục vừa hở hang, vẻ lả lướt mà táo tợn, xa hoa mà nhếch nhác, chẳng gây được ấn tượng gì tốt đẹp. Và một con bé em họ của họ mới mười lăm, làm tất cả các khách quen của Casino phẫn nộ vì thái độ ái mộ nó trắng trợn phô bày với Mlle Léa mà ông Bloch-bố mê mẩn vì tài năng diễn xuất nhưng sở thích của nàng lại có vẻ không thiên chủ yếu về các quý ông.

Có những hôm chúng tôi dùng bữa trà chiều ở một trong những quán ăn - trang trại ở vùng lân cận. Đó là những quán được đặt tên là Les Écorres, Marie-Thérèse, La Croix-d’Heuland, Bagatelle, Californie, Marie-Antoinette. Marie-Antoinette là quán được bằng nhóm nhỏ ưa thích lựa chọn.

Nhưng đôi khi thay vì đến một trang trại, chúng tôi leo lên tận đỉnh vách đá và một khi tới đó, ngồi trên thảm cỏ, chúng tôi giở gói xăng đuych và bánh ngọt ra. Các bạn gái

của tôi thích xăng đuych hơn, lấy làm lạ khi thấy tôi chỉ ăn một chiếc ga tô sô cô la với lớp kem có họa tiết Gothic hay một chiếc bánh kem mút mơ. Là vì, với những chiếc xăng đuych kẹp phó mát Chester và xà lách, loại thức ăn mới và vô học này, tôi chả có gì để nói. Nhưng ga tô thì có học và bánh kem mút thì lắm chuyện. Ở bánh ga tô, có cái vị nhàn nhạt ngọt ngào của kem và ở bánh kem mút có cái mát rượi của trái cây nó biết rành về Combray, về Gilberte, không những cô bé Gilberte ở Combray mà cả nàng Gilberte ở Paris thường mời tôi đến dùng bữa trà chiều ở đó tôi gặp lại chúng. Chúng nhắc tôi nhớ đến những chiếc đĩa đựng bánh nướng nhỏ có minh họa các đề tài trong *Ngàn lẻ một đêm*, chúng đã giải khuây cho bà-cô Léonie của tôi rất nhiều khi Françoise mang đến cho cụ, hôm thì *Aladin và cây đèn thần*, hôm thì *Ali-Baba*, *Người ngủ mở mắt*, hay *Nhà hàng hải Sinbad*. Tôi rất muốn thấy lại những chiếc đĩa ấy, nhưng bà tôi không biết chúng giờ ra sao, và chẳng cụ nghĩ chúng chỉ là những chiếc đĩa tầm thường bán ở địa phương thôi. Mặc dù vậy, trong ngôi làng Combray-thuộc-Champagne* xám xịt, những họa tiết của chúng lồng vào lấp lánh muôn màu, như những cửa kính ghép màu lung linh ánh ngọc trong nhà thờ tối đen, như trong tranh tối tranh sáng phòng ngủ của tôi những hình chiếu của ảo đăng, như những nụ hoa óng ánh của cây mao lương Ấn Độ và hoa tử đinh hương Ba Tư trước cửa ga xe lửa địa phương, như bộ sưu tập đồ sứ Trung Hoa cổ trong ngôi nhà mệnh phụ tỉnh lẻ âm u của bà-cô già quá cố của tôi.

Nằm dài trên bìa vách đá, tôi chỉ nhìn thấy những cánh

đồng cỏ, và bên trên đó, không phải là bảy tầng trời như vật lý học Cơ đốc dạy, mà chỉ có hai tầng chồng lên nhau, một sẫm hơn - biển - và một nhạt hơn ở phía trên. Chúng tôi ăn chiều và nếu tôi có mang theo chút quà lưu niệm nhỏ khả dĩ có thể làm hài lòng cô này hay cô kia trong đám bạn gái tôi, niềm vui khiến gương mặt trắng trong của họ đỏ bừng lên đột ngột đến nỗi miệng họ không đủ sức kìm lại phải để nó thoát ra bằng những nhíp cười phá lên. Họ xúm quanh tôi và giữa những gương mặt không cách xa nhau mấy, không khí như vạch những con đường màu xanh da trời tựa hồ do một người làm vườn phát quang cho sáng sủa để lấy lối cho bản thân mình đi lại giữa lùm hoa hồng tươi thắm.

Đồ ăn mang theo đã chén sạch, chúng tôi xoay sang chơi những trò mà cho tới bấy giờ, tôi vẫn cho là chán ngấy, thậm chí trẻ con, như “Đề phòng con Mã” hay “Ai cười trước” nhưng giờ đây, có đánh đổi cả một vương quốc tôi cũng không chịu bỏ; ánh rạng đông của thanh xuân rực hồng trên gương mặt những cô gái ấy, mà mặc dù chưa lớn tuổi gì mấy, tôi đã cảm thấy mình ở ngoài rìa, làm sáng bừng tất cả phía trước họ và, như cái xuội luội trong tranh một số họa sĩ theo khuynh hướng nguyên thủy, làm nổi bật những chi tiết vụn vặt nhất trong đời sống của họ trên một nền vàng óng. Đối với phần đông, chính những gương mặt của các cô gái ấy lẫn vào trong màu đỏ hồng đậm của rạng đông từ đó những nét thật chưa vọt ra. Người ta chỉ nhìn thấy một màu tươi đẹp dưới đó chưa thể nhận ra cái sẽ trở thành diện mạo trong vài năm tới. Cái diện mạo

hôm nay chưa có gì là dứt khoát và có thể chỉ nhất thời giống với một thành viên nào đấy trong dòng họ mà Tự Nhiên dành cho cử chỉ tưởng niệm xã giao đó. Nó đến rất nhanh, cái thời điểm mà người ta không còn gì để chờ đợi, khi cơ thể ngưng lại trong một trạng thái bất động không còn tạo ra những bất ngờ, khi người ta mất hết hy vọng do nhìn thấy - như nhận ra những chiếc lá đã chết trên cành cây giữa mùa hè - quanh những gương mặt còn trẻ những sợi tóc rụng hay đã bạc trắng, cái buổi ban mai huy hoàng ấy ngăn đến nỗi người ta đi đến chỗ chỉ yêu những thiếu nữ rất trẻ, những cô gái mà da thịt, như một thứ bột quý, chưa bị men làm nổi phồng. Họ chỉ là một con sóng dễ uốn, luôn luôn bị nhào nặn bởi bất kỳ ấn tượng thoáng qua nào chế ngự họ. Như thế mỗi cô là một chuỗi tượng nhỏ lần lượt thể hiện những trạng thái khác nhau - vui tươi, nghiêm trang một cách trẻ con, nũng nịu, ngờ ngàng - tất cả đều khuôn nặn bởi một biểu cảm ngay thật, trọn vẹn nhưng vụt qua mau. Tính tạo hình đó khiến thái độ nhả nhận mà một cô gái bày tỏ với chúng ta thêm nhiều phần đa dạng và hấp dẫn. Dĩ nhiên, sự đa dạng và hấp dẫn cũng cần thiết ở người đàn bà trưởng thành, nhưng dưới mắt chúng ta, những người đàn bà không thích chúng ta hoặc không để cho chúng ta thấy là họ thích chúng ta, đều có vẻ đơn điệu đến phát chán. Nhưng ngay cả những duyên dáng ấy, bắt đầu từ một độ tuổi nào đấy, cũng không mang lại những sắc thái sinh động uyển chuyển trên một gương mặt mà những vật lộn trong cuộc sống đã làm cho đánh lại, mãi mãi “ở tư thế chiến đấu” hoặc thất thần. Trường hợp thứ

nhất, do liên tục phải ép một bề tuân phục chồng, đó dường như là mặt một người lính thì đúng hơn là một gương mặt đàn bà; loại gương mặt thứ hai, với những nét chạm khắc bởi những hy sinh tự nguyện hằng ngày của người mẹ cho các con mình là một gương mặt thánh tông đồ. Một loại khác nữa, sau những truân chuyên và đông bão cuộc đời, là một gương mặt sỏi biển già ở một người đàn bà chỉ lộ giới tính của mình ở y phục. Và dĩ nhiên, những ân cần của một người đàn bà đối với ta khi ta còn yêu nàng, vẫn có thể đem lại những khoái cảm mới cho những giờ phút bên nhau. Nhưng nàng không thể tiếp sau đó là một người đàn bà khác đối với ta. Sự vui vẻ của nàng vẫn ở bên ngoài một gương mặt bất biến. Nhưng trước thời kỳ hoàn toàn đông cứng, là tuổi dậy thì và do đó, bên những thiếu nữ, ta cảm thấy lòng tươi mát lại trước cảnh những thân hình trong quá trình không ngừng thay đổi, khiến ta nghĩ tới sự liên tục tái tạo những yếu tố hàng đầu của thiên nhiên mà ta ngấm trước biển.

Không phải tôi chỉ sẵn sàng hy sinh một cuộc liên hoan linh đình hoặc một cuộc dạo chơi bằng xe ngựa với Madame de Villeparisis để ở lại bên các bạn gái, cùng nhau chơi trò “đoán vòng” hay đổ chữ. Nhiều lần Robert de Saint-Loup nhắc tôi rằng vì tôi không đến thăm anh ở Doncières được, anh đã xin nghỉ phép hai mươi bốn giờ để về chơi với tôi. Lần nào tôi cũng viết trả lời, bảo anh đừng làm thế, viện cớ là đúng hôm đó, tôi buộc phải vắng mặt ở Balbec để cùng bà tôi đến vùng lân cận làm tròn một nghĩa vụ gia đình. Chắc hẳn anh cho tôi là tồi tệ khi được bà-cô

anh cho biết “nghĩa vụ gia đình” ấy là gì và trên thực tế, “bà tôi” là *những* ai. Vậy mà có lẽ tôi đã không sai lắm khi hy sinh những vui thú không những của mọi cuộc gặp mặt thời thượng mà cả của tình bạn để đổi lấy niềm vui được qua cả ngày trong khu vườn này. Những người có thể làm thế - đành rằng đó là những nghệ sĩ và tôi thì từ lâu đã tin chắc rằng mình sẽ không bao giờ thành nghệ sĩ - cũng có nhiệm vụ phải sống cho bản thân mình; vậy đối với họ, tình bạn là một sự giải phóng khỏi nhiệm vụ ấy, một hình thức chối bỏ bản thân. Ngay cả trò chuyện, một phương thức biểu hiện tình bạn, cũng chỉ là một thứ tán dóc hời hợt chẳng đem lại cho chúng ta được cái gì. Chúng ta có thể trò chuyện cả đời mà chẳng nói được cái gì khác ngoài việc lặp lại bất tận cái trống rỗng của một giây phút, trong khi tiến trình của tư duy trong công việc sáng tạo nghệ thuật đơn độc hướng theo chiều sâu, cái hướng duy nhất không khép lại với chúng ta, theo đó chúng ta có thể tiến tới một kết quả chân lý, đành rằng khó nhọc hơn nhiều. Và tình bạn, cũng như trò chuyện, chẳng những vô bổ mà còn tai hại nữa. Bởi vì cái cảm giác buồn chán mà một số người trong chúng ta không thể không cảm thấy khi ở cạnh bạn mình - tức là cứ phải ở lì trên bề mặt bản thân thay vì tiếp tục cuộc hành trình khám phá vào chiều sâu - nhất là những người mà quy luật phát triển là thuần túy nội tâm, cái cảm giác buồn chán ấy, tình bạn khuyên ta, thuyết phục ta nên chán chĩnh nó khi ta còn lại một mình, nhớ lại những lời bạn ta đã nói với ta, coi đó là một đóng góp quý báu, trong khi ta không giống như tòa nhà có thể đắp thêm gạch

đá từ bên ngoài vào, mà như cái cây hút từ nhựa của chính nó để đâm những chồi mới, xòe những tán lá tiếp theo. Tôi tự dối mình, tôi ngắt quãng đà tăng trưởng theo chiều hướng cho phép tôi thực sự trưởng thành và hạnh phúc, khi tôi lấy làm thích thú vì được một người tốt, thông minh và hiếm thấy như Saint-Loup yêu mến và cảm phục, khi tôi lái trí óc mình cho phù hợp, không phải với những cảm giác còn hỗn độn của chính mình mà lẽ ra tôi có nhiệm vụ phải làm cho sáng tỏ, mà với những lời của bạn tôi, trong khi tự nhắc lại với mình những lời ấy - hay nói cho đúng, nghe những lời ấy do một người khác nhắc lại, cái người khác không phải là bản thân ta mà lại sống trong ta và ta luôn hài lòng mỗi khi trút sang y cái gánh-nặng-tư-duy - tôi cố tìm thấy trong đó một vẻ đẹp khác hẳn với vẻ đẹp tôi lặng lẽ theo đuổi khi tôi thật sự cô đơn, nhưng nó tô điểm cho Robert, cho bản thân tôi và cuộc đời tôi sáng láng hơn. Trong cuộc đời mà một người bạn như vậy tạo cho tôi, tôi thấy mình được êm ấm che chở khỏi cô đơn và tràn đầy một mong muốn cao cả được hy sinh vì bạn, tóm lại, không còn khả năng thực hiện được bản ngã. Trái lại, ở bên các cô gái kia, nếu niềm vui thú của tôi có ích kỷ đi chăng nữa, thì ít nhất, nó cũng không dựa trên cơ sở dối trá, cái sự dối trá đang cố làm cho ta tin rằng mình không đến nỗi cô đơn hết phương cứu chữa và ngăn ta, trong khi trò chuyện với một người khác, đừng tự thú rằng không phải chính ta đang nói, mà là ta bắt chước những người lạ thay vì khuôn theo một bản ngã vốn khác xa họ. Những lời trao đổi giữa các cô gái trong băng nhóm nhỏ và tôi, và chẳng, cũng không mấy

hay ho và, về phía tôi, đôi khi còn đứt đoạn bởi những quãng im lặng dài nữa. Điều đó không ngăn tôi cảm thấy vui thích khi nghe họ nói với mình không kém khi ngắm họ, phát hiện trong giọng nói mỗi nàng một bức tranh rực rỡ sắc màu. Tôi ngây ngất nghe họ líu lo bên tai. Tình yêu giúp cho ta nhận rõ và phân biệt những nét khác nhau. Trong một cánh rừng, người yêu chim có thể phân biệt ra ngay những tiếng ríu rít riêng biệt của từng loài chim mà người bình thường không khỏi lẫn lộn. Người yêu thích các thiếu nữ biết rằng giọng người còn đa dạng hơn thế. Mỗi cô gái sở hữu nhiều nốt hơn cả thứ nhạc cụ phong phú thanh âm nhất. Và những cách họ kết phối những nốt đó là nhiều vô kể, không bao giờ cạn, cũng như sự đa dạng vô cùng tận của nhân cách con người. Khi tôi trò chuyện với một trong những bạn gái của mình, tôi nhận thấy rằng bức tranh thể hiện cá tính của nàng, độc đáo và độc nhất vô nhị, được vẽ một cách tài tình và áp đặt một cách độc đoán lên tâm trí tôi bởi những ngữ điệu trong giọng nói cũng như những sắc thái uyển chuyển trên nét mặt, và đó là hai cảnh phản ánh cùng một hiện thực kỳ lạ, mỗi cảnh theo một góc độ riêng. Dĩ nhiên, những thanh âm của giọng nói, cũng như những đường nét của diện mạo vẫn chưa định hình dứt khoát, vì cả hai sẽ còn thay đổi. Giống như trẻ sơ sinh có một tuyến tiết ra chất nước giúp cho cơ thể chúng tiêu hóa sữa và mất đi khi chúng lớn lên, trong âm vực líu lo của các cô gái, có những nốt không còn tồn tại ở phụ nữ trưởng thành. Và thứ “nhạc cụ” đa âm sắc ấy được họ chơi bằng môi với sự cần mẫn và hăng say của những thiên thần - nhạc công trong

tranh của Bellini*. Sau này, các cô sẽ mất đi cái âm sắc hào hứng tự tin khiến những điều đơn giản nhất trở nên hấp dẫn, dù là Albertine với giọng đàn chị tuôn ra những ngón chơi chữ mà các cô nhỏ hơn thán phục lắng nghe để rồi phá lên cười sặc sụa không nín được như ta đột ngột bị hắt hơi, hay Andrée lấy giọng nghiêm trang nhưng căn bản vẫn là ấu trĩ để nói về những bài vở ở trường, còn trẻ con hơn cả những trò chơi của họ; và lời lẽ của họ đậm lặc lợng, tựa những khổ thơ của thời cổ đại khi mà thơ chưa mấy phân hóa với âm nhạc, được ngâm trên những nốt khác nhau. Mặc dù vậy, giọng họ đã in rõ nét cái quan điểm mà mỗi cô đã xác định đối với cuộc đời, quan điểm ấy mang đậm cá tính đến nỗi nếu nói về một cô: “Cái gì cô ta cũng coi như đùa”, hay về một cô khác: “Cô ta hết khăng định thế này lại khăng định thế kia”, hay về một cô thứ ba: “Cô ta cứ chần chừ chờ đợi”, là dùng một từ quá chung chung. Những nét diện mạo của ta chỉ là những biểu cảm do thói quen lâu ngày in khắc hẳn vào mặt. Tự Nhiên, giống như thảm họa thành Pompéi*, hay như sự thay hình đổi dạng của con nhộng, đã khuôn cứng ta vào nếp quen. Cũng như thế, những ngữ điệu trong giọng chúng ta chứa đựng triết lý của chúng ta về cuộc sống, những gì ta luôn tự nói với bản thân về sự đời. Dĩ nhiên, những nét mặt của các cô gái không chỉ thuộc về họ; chúng thuộc về cha mẹ họ. Mỗi cá nhân chúng ta nằm trong một cái gì bao quát hơn bản thân chúng ta. Về phương diện này, cha mẹ không chỉ, theo thông lệ, truyền lại nét mặt và giọng nói, mà cả một số cách nói năng, một số thành ngữ - những thứ này được di

truyền cũng ngoài ý thức, cũng sâu sắc gần như chẳng kém hai thứ trên và, cũng như giọng nói, chúng bao hàm một quan điểm về cuộc sống. Đáng rằng, đối với những cô gái, có một số thành ngữ, cha mẹ không truyền cho họ trước một độ tuổi nào đó, thường là không trước khi họ lấy chồng. Chúng được giữ làm dự trữ. Chẳng hạn, nếu đầu đề câu chuyện xoay quanh một người bạn của Elstir và tranh của ông ta, thì Andrée, tóc còn để xỏa ngang lưng, chưa thể thoải mái bắt chước mẹ và chị gái đã có chồng của mình mà khơi khơi nói: “Hình như *chàng ta* rất hấp dẫn”. Nhưng điều đó rồi sẽ đến, cùng với thời điểm các cô được phép vào Palais-Royal. Và từ khi chịu lễ ban thánh thể, Albertine đã nói theo kiểu một người bạn của bà cô: “Chà, tôi thấy điều đó là khá kinh khủng.” Một món quà nữa cho nàng là thói quen hỏi lại điều người ta vừa nói với mình để tỏ vẻ quan tâm và muốn có ý kiến riêng của mình. Nếu có người nói tranh của một họa sĩ nào đó hay, hoặc nhà ông ta đẹp, nàng sẽ hỏi lại: “A! Thế tranh của ông ta hay à? A! Nhà ông ta đẹp hả?” Sau rốt, còn phổ biến hơn cả cái nét gia truyền, là cái vị đậm đà của tỉnh lẻ nguyên quán ngấm vào cả chất giọng lẫn ngữ điệu của họ. Khi Andrée nẩy một nốt trầm, cô không thể ngăn sợi dây mang địa phương tính cổ xưa trong thanh đới của mình ngân lên một âm réo rất rất hài hòa với sự tinh khiết phương Nam của nét mặt cô; và những trò tinh nghịch nhí nhảnh liên miên của Rosemonde thật hợp với chất mặt và chất giọng phương Bắc, dù sao cũng vẫn mang âm sắc tỉnh lẻ, của cô. Tôi nghe thấy một đối thoại lý thú giữa cái tỉnh lẻ gốc gác và cái tính

khí định hình cho những ngữ điệu nơi cô gái. Đối thoại chứ không phải là đối nghịch. Không gì chia rẽ được cô gái với nơi chôn nhau cắt rốn của mình: cô và nơi cô sinh là một. Và phản ứng của những chất liệu địa phương lên bậc thiên tài sử dụng chúng, chỉ tăng thêm vượng khí cho thiên tài đó chứ không hề làm cho tác phẩm giảm sút cá tính, và dù đó là tác phẩm của một kiến trúc sư, hay một thợ đóng đồ gỗ quý, hay một nhạc sĩ, nó cũng phản ánh không kém tỉ mỉ những nét tinh tế nhất của người nghệ sĩ, bởi vì anh ta buộc phải xử lý với đá cối Senlis hoặc sành đỏ Strasbourg, vì anh ta trân trọng để nguyên những mắt, mẫu đặc biệt của gỗ tần bì, vì anh ta trong khi viết tổng phổ chú ý tính đến khả năng và giới hạn âm độ của sáo hay của viola.

Tôi nhận ra những điều ấy mặc dù chúng tôi đâu có trò chuyện gì nhiều! Trong khi với Madame de Villeparisis hay với Saint-Loup, tôi nói ra miệng bày tỏ nhiều vui thú hơn lần tôi thực sự cảm thấy, vì tôi rời bỏ chúng một bã người, trái lại, nằm dài giữa các cô gái ấy, sự chan chứa cảm xúc trong tôi vượt xa cái nghèo nàn, rời rạc của những câu chuyện chúng tôi trao đổi với nhau, tràn ra khỏi tư thế bất động và im lặng của tôi thành những con sóng hạnh phúc róc rách xô đến lịm dần dưới chân họ.

Đối với một người dưỡng bệnh nghỉ ngơi cả ngày trong một khu vườn trồng hoa hay một vườn cây ăn quả, mùi hoa, trái thấm vào cảnh thanh nhàn bao gồm vô vàn những thứ không đâu của anh ta, cũng không sâu sắc bằng, đối với tôi, cái màu sắc, cái hương thơm mà con mắt tôi, khứu giác tôi kiếm tìm nơi các cô gái ấy, và cuối cùng, cái êm dịu của

chúng đã nhập vào tôi. Những trái nho ngọt nhờ hấp thụ ánh mặt trời là như vậy đó. Và những trò chơi đơn giản liên tục diễn ra chậm rãi ấy mang lại cho tôi một sự thư giãn, một nụ cười thanh thản, một ánh ngời lóe lên trong mắt, như ở những không làm gì khác ngoài việc nằm dài trên bờ biển hít thở mùi muối mặn và tắm nắng.

Đôi khi, một thái độ chăm chú ân cần của một cô nào đó khuấy lên trong tôi những rung động mạnh mẽ tạm thời đẩy xa nỗi ham muốn đối với những cô khác. Chẳng hạn, một hôm, Albertine hỏi: “Ai có một cây bút chì?” Andrée và Rosemonde người đưa bút, kẻ đưa giấy, Albertine bèn nói: “Này các cụ, tớ cấm các cụ không được dòm tớ viết cái gì.” Sau khi nắn nét vạch từng chữ, úp tờ giấy lên đầu gối, cô đưa cho tôi mà rằng: “Cẩn thận đừng để ai thấy đấy.” Tôi bèn giở ra và đọc thấy mấy chữ nàng viết cho tôi: “Yêu anh lắm.”

“Nhưng thay vì viết những điều ngu xuẩn,” cô kêu lên, quay sang Andrée và Rosemonde với một vẻ đột nhiên trở nên dữ dội và nghiêm trang, “mình phải cho các cậu xem bức thư Gisèle viết cho mình sáng nay. Đầu óc mình để đâu rồi, rõ ràng mình để nó trong túi mà, nó có thể giúp ích cho chúng ta rất nhiều!” Gisèle nghĩ rằng nên gửi cho Albertine để truyền cho các bạn khác cùng đọc bài luận cô đã làm trong kỳ thi lấy bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Nỗi lo sợ của Albertine về độ khó của các đề thi còn chưa thấm gì so với hai đầu đề Gisèle phải chọn. Đề thứ nhất: “Từ địa ngục, Sophocle viết cho Racine, an ủi ông về thất bại của vở *Athalie**”; còn đề kia: “Thử tưởng tượng sau buổi công

diễn vở *Esther**, Madame de Sévigné sẽ viết cho Madame La Fayette tỏ ý tiếc là bà này đã không có mặt ở đó.” Vậy mà Gisèle, do quá hăng hái - hẳn điều này đã làm các giám khảo xúc động - đã chọn đề khó hơn trong hai đề, tức là đề thứ nhất, và cô đã làm bài xuất sắc đến nỗi cô đạt mười bốn điểm và được hội đồng giám khảo khen. Lẽ ra cô đã đỗ loại “ưu” nếu không “tét” ở môn thi tiếng Tây Ban Nha. Bài luận mà Gisèle đã gửi bản sao cho Albertine lập tức được cô này đọc lên cho cả nhóm nghe vì bản thân cô cũng phải qua kỳ thi này, và cô rất muốn nghe ý kiến của Andrée, vốn học giỏi hơn tất cả và có thể mách cho cô những bài “tủ”. “Nó cũng may, đấy chính là cái đề tài cô giáo Pháp văn của nó bắt nó ‘sào’. Bức thư của Sophocle viết cho Racine, như Gisèle soạn, bắt đầu như sau: ‘Bạn thân mến, xin thứ lỗi vì đã viết cho bạn mà chưa có hân hạnh được đích thân quen biết bạn, như vở bi kịch mới của bạn, *Athalie*, chẳng đã chứng tỏ bạn đã nghiên cứu kỹ những tác phẩm xoàng xĩnh của tôi sao? Bạn đã chỉ đặt những câu thơ vào miệng những nhân vật chủ chốt và những nhân vật chính của kịch, nhưng bạn đã viết những câu thơ thật hay - cho phép tôi nói vậy không sợ trón nịnh nọt - những câu thơ cho những dàn đồng ca không đến nỗi quá dở trong bi kịch Hy Lạp, theo như người ta nói, song ở Pháp thì lại là một điều thật sự mới mẻ. Hơn nữa, tài năng của bạn, phóng khoáng đến thế, trau chuốt đến thế, quyến rũ đến thế, tinh tế, tế nhị đến thế, đã đạt đến một năng lượng mà tôi xin chúc mừng bạn. *Athalie*, *Joad*, đó là những nhân vật mà kinh kịch của bạn là Corneille không thể xây dựng tốt hơn. Các

tính cách đều mang khí phách nam nhi, tình tiết đơn giản và mạnh mẽ. Đây quả là một bi kịch trong đó tình yêu không phải là động lực chính và về điều đó, tôi xin dành cho bạn những lời ca ngợi chân thành nhất. Những lời giáo huấn nổi tiếng nhất không phải bao giờ cũng đúng nhất. Tôi xin dẫn làm ví dụ:

*Con đường chắc chắn nhất tới con tim
Là niềm đam mê này qua nghệ thuật nhà thơ**

Bạn đã chứng tỏ rằng những tình cảm tôn giáo tràn ngập nơi những dàn đồng ca của bạn không hề kém khả năng chạm tới trái tim con người. Đại chúng có thể hoang mang, nhưng những người thật sự sành sỏi sẽ đánh giá đúng bạn. Tôi tha thiết muốn gửi tới bạn tất cả những lời chúc mừng của tôi, bạn đồng nghiệp thân mến, cùng những tình cảm trân trọng nhất.”

Mắt Albertine không ngừng lóe sáng trong khi đọc bài văn. “Tuồng như nó ‘cóp’ cái này ở đâu í!” cô kêu lên khi đọc xong. “Không bao giờ mình tin được rằng Gisèle có thể để dài ra một bài làm như vậy. Lại còn những câu thơ nó trích dẫn nữa! Nó moi đâu ra vậy?” Sự thán phục của Albertine, tuy giờ đã chuyển đối tượng sang Andrée nhưng vẫn tăng lên, cũng như sự chú mục liên tục vào bạn mình, không ngừng làm mắt cô “trợn tròn như muốn bật ra khỏi đầu” trong suốt thời gian Andrée, được tham vấn với tư cách là người lớn nhất và giỏi nhất nhóm, phát biểu, thoát đầu thoáng chút mỉa mai, rồi thảo lại chính bức thư ấy theo

cách của mình với một vẻ nhẹ nhàng nhưng không giấu nổi tinh thần thật sự nghiêm túc. “Bài làm không tồi,” cô nói với Albertine, “nhưng nếu mình là cậu và với phải cùng đề thi ấy - điều rất có thể xảy ra vì người ta rất hay ra đề thi oái oăm như vậy - mình sẽ không làm như thế. Đây, mình sẽ làm thế này. Trước hết, nếu mình là Gisèle, mình sẽ không bốc đồng lao ngay vào vấn đề, mình sẽ bắt đầu làm dàn bài trên một tờ giấy. Dòng đầu: vị trí của câu hỏi và trình đề; rồi những ý khái quát cần đưa vào để phát triển. Cuối cùng, đánh giá, văn phong, kết luận. Như thế, bắt nguồn từ đề cương, người ta biết mình đi đâu. Ngay phần trình đề - hay như cậu thích, Titine*, phần nhập đề, bởi vì đây là một bức thư - Gisèle đã mắc lỗi. Viết cho một người ở thế kỷ 12, Sophocle không nên viết: bạn thân mến.”

“Thật vậy, lẽ ra nó phải đặt vào miệng Sophocle: Racine thân mến,” Albertine hăm hờ kêu lên. “Như thế hay hơn nhiều.”

“Không,” Andrée đáp, giọng hơi nhạo, “lẽ ra nó phải viết ‘Thưa ông’. Cũng như vậy, lẽ ra nó phải tìm ra một cái gì đại loại như: ‘Thưa ông (cùng lắm là: thưa ông thân mến), cho phép tôi được nói lên ở đây những tình cảm quý trọng của một kẻ lấy làm hân hạnh phục vụ ông.’ Mặt khác, Gisèle nói rằng những dàn đồng ca trong *Athalie* là một cái mới. Nó quên mất *Esther* và hai vở bi kịch ít được biết đến mà chính giáo sư giám khảo đã có bài phân tích trong năm nay! Cho nên chỉ cần dẫn tên hai vở đó thôi là chắc chắn rồi! Đó là *Những phụ nữ Do Thái* của Robert Garnier và *Aman* của Montechrestien*.”

Andrée dẫn hai tựa đề đó mà không giấu nổi một ý thức tự tôn dù sao cũng dễ thương thể hiện bằng một nụ cười khá duyên dáng. Albertine không nén nổi cảm xúc nữa: “Andrée, cậu thật oách!” cô kêu lên. “Cậu viết cho mình hai cái títt ấy đi. Cậu có tin không? Nếu vào vấn đáp, mình vớ trúng cái đề này thì may biết mấy, mình sẽ dẫn chúng ngay và sẽ làm họ lác mắt.”

Nhưng sau đó, mỗi khi Albertine yêu cầu Andrée nhắc lại tên hai vở kịch đó để ghi vào sổ, cô bạn thông thái lại giả vờ quên và không bao giờ nhắc lại nữa.

“Sau nữa,” Andrée nói tiếp với một giọng thoáng chút khinh khi hầu như không thể nhận ra đối với đám bạn học ấu trĩ hơn, tuy nhiên không khỏi sung sướng vì đã khiến chúng thần phục mình và trong bụng tự hào về cách mình soạn bài làm hơn là để lộ ra, “Sophocle ở địa ngục tất phải rành thông tin. Vậy ông ta ắt phải biết rằng *Athalie* không phải được trình diễn trước đại công chúng, mà là trước Ngọc hoàng* và một số đại thần được sủng ái. Điều Gisèle nói về sự đánh giá của những người sành sỏi không phải là tồi nhưng có thể bổ sung cho đầy đủ. Sophocle, trở nên bất tử, rất có thể có tài tiên tri và báo trước rằng theo Voltaire, *Athalie* không những sẽ là ‘kiệt tác của Racine, mà còn là của trí tuệ loài người’*.” Albertine như uống từng lời của bạn, đồng tử như bốc lửa. Và cô gạt phắt lời đề nghị chơi bài của Rosemonde với vẻ bất bình sâu sắc nhất.

“Cuối cùng,” Andrée nói, vẫn với cái giọng thoải mái, thư thái, hơi giễu cợt và đầy tự tin, “nếu trước hết, Gisèle thông thả ghi những ý đại quát nó cần phát triển, có thể nó sẽ

nghĩ tới những điều mà tớ đây, tớ ắt sẽ làm: chỉ ra sự khác biệt trong cảm hứng tôn giáo của các dàn đồng ca của Sophocle và của Racine. Mình sẽ đặt vào miệng Sophocle lời nhận xét rằng tuy những dàn đồng ca của Racine cũng thấm đẫm tình cảm tôn giáo như những dàn đồng ca của bi kịch Hy Lạp, nhưng những Thượng đế được tôn thờ không phải là một. Thượng đế của Joad chẳng có gì liên quan với Thượng đế của Sophocle. Và một cách hoàn toàn tự nhiên, điều đó, sau khi đóng lại phần phát triển, dẫn đến kết luận này: ‘Quan trọng gì sự khác nhau giữa các tín ngưỡng?’ Sophocle thận trọng nhấn mạnh điểm đó. Ông sợ xúc phạm những tín niệm của Racine và lướt vài câu về những bậc thầy ở Port-Royal, ông chủ yếu ca ngợi người kình địch của mình về tầm cao thiên tài thơ của ông ta.”

Sự chăm chú và khâm phục làm Albertine nóng bừng đến nổi đổ mồ hôi hột. Andrée vẫn giữ vẻ phớt đời tỉnh của một công tử bột cái. “Cũng sẽ không phải là dở nếu dẫn vài lời phê bình trứ danh,” cô nói trước khi mọi người lại bắt đầu chơi bài.

“Phải,” Albertine đáp, “người ta cũng bảo mình thế. Nói chung, những nhận định đáng tin cậy nhất là của Sainte-Beuve và của Merlet, phải không?”

“Cậu không lầm hoàn toàn,” Andrée trả lời (cô vẫn không chịu ghi cho bạn hai cái tí kia mặc dù Albertine tha thiết cầu khẩn). “Merlet và Sainte-Beuve cũng được, nhưng nhất là phải dẫn Deltour và Gasc-Desfossés.” Trong khi đó, tôi nghĩ tới mảnh giấy Albertine đã trao cho tôi: “Yêu anh lắm”, và một giờ sau, khi xuống con đường hơi dốc trở về

Balbec, tôi tự nhủ nàng sẽ là mối tình lớn của đời tôi.

Cái tâm trạng của tôi mà đặc điểm là những dấu hiệu thường khiến ta nhận ra là mình đang phải lòng ai - tỉ như khi tôi dặn nhân viên khách sạn không được đánh thức tôi dù bất kỳ ai đến thăm trừ một trong những cô gái đó, những nhịp tim đập rộn khi chờ đợi họ (dù là ai trong nhóm) và nổi tức điên ruột những ngày hôm đó nếu tôi không kiếm được người thợ hót tóc nào để cạo mặt cho tôi, khiến bộ dạng tôi xấu đi trước Albertine, Rosemonde hay Andrée - cái tâm trạng ấy, hết đối với cô này lại với cô kia, hẳn cũng khác với cái ta gọi là tình yêu như đời sống con người khác với đời sống của những động vật dạng cây trong đó sự tồn tại, cá tính, nếu có thể nói vậy, được phân chia giữa những cơ thể khác nhau. Nhưng khoa vạn vật học dạy rằng người ta có thể quan sát một động vật được tổ chức như thế; và đời sống của chính chúng ta, dù mới chỉ đến một độ tuổi nào đó, cũng đã khẳng định sự thực tồn của những tâm trạng trước đó ta không hề ý thức được, mà ta phải trải qua để rồi sau đó lại từ bỏ; cũng như thế đối với tôi, cái tâm trạng si mê cùng một lúc sẽ chia giữa nhiều cô gái. Sẽ chia hay nói cho đúng hơn, không thể phân chia, vì thường thường, đối với tôi điều tuyệt vời nhất, khác với mọi thứ còn lại trên đời, điều bắt đầu trở nên thân thiết với tôi đến mức niềm hy vọng được thấy lại nó ngày hôm sau là niềm vui lớn nhất của đời tôi, đó là cả nhóm các cô gái ấy, gộp trong tổng thể những buổi chiều lộng gió trên bìa vách đá, với trên thảm cỏ những gương mặt xiết bao kích thích đối với trí tưởng tượng của tôi, những gương mặt của

Albertine, Rosemonde, Andrée, khiến tôi không thể nói ai trong số đó khiến những nơi này trở nên quý giá đến thế đối với tôi, ai là người tôi muốn yêu nhất. Khi bắt đầu cũng như khi kết thúc một mối tình, chúng ta không chỉ duy nhất gắn bó với người mình yêu, mà chính là nỗi khao khát muốn yêu dẫn tới mối tình ấy (và sau này là kỷ niệm nó để lại) say sưa lang thang trong một vùng đầy những quyến rũ - đôi khi chỉ đơn giản do thiên nhiên, do khoái khẩu, do nơi ở - những quyến rũ có thể thay thế lẫn nhau và đủ khả năng hài hòa với nhau để nó, mối tình ấy, không cảm thấy lạc lõng khi ở bên bất kỳ dạng thái quyến rũ nào. Vả chăng vì trước các cô gái ấy, tôi chưa bị thói quen làm cho chán chường, khi nào muốn tôi đều có thể gặp họ, có nghĩa là cảm thấy rất ngạc nhiên mỗi khi lại thấy mình ở bên họ. Hẳn là cảm giác ngạc nhiên đó phần nào do chỗ mỗi lần gặp, người ấy lại phô với ta một diện mạo khác của mình; nhưng vì tính đa bội của mỗi người là rất lớn, sự phong phú về đường nét của gương mặt và thân thể mà quá ít trong số đó lưu lại hể ta rời khỏi nàng, trong sự giản đơn tùy tiện của kỷ niệm, trí nhớ ta chọn ra một đặc điểm nào đó đã gây ấn tượng đối với ta, tách riêng nó ra, phóng đại nó, biến một người đàn bà ta thấy là cao thành một ký họa nghiên cứu trong đó thân vóc nàng trở nên dài vô độ, hoặc biến một người đàn bà hiện lên trong mắt ta hồng và vàng rom thành một bản “Hài hòa màu hồng và vàng kim*” thuần khiết, đúng vào lúc người đàn bà ấy lại xuất hiện bên ta, tất cả những phẩm chất khác làm đối trọng với đặc điểm kia, mà ta đã quên đi khi vắng nàng, trở lại bủa vây ta trong cái

phức tạp hỗn độn của chúng, làm giảm bớt chiều cao của nàng, nhận chìm màu hồng, thay thế cái duy nhất ta kiếm tìm bằng những đặc điểm khác mà ta chợt nhớ đã nhận thấy từ lần đầu mà không hiểu sao mình có thể ít chờ đợi được thấy lại chúng đến thế. Ta nhớ lại, ta đón chờ, một con công, nhưng ta chỉ thấy một cây mẩu đơn. Và sự ngạc nhiên tất yếu ấy không phải là duy nhất; bên cạnh nó, còn có một cảm giác ngỡ ngàng khác nảy sinh từ sự khác biệt, không phải giữa ký ức được cách điệu hóa với thực tại, mà là giữa người ta vừa gặp lần trước đây với người xuất hiện trước mặt ta hôm nay dưới một góc độ khác, phô với ta một dáng vẻ mới, gương mặt người quả giống như gương mặt Thượng đế của một thần hệ phương Đông, một chùm những gương mặt chồng lên nhau trên những bình diện khác nhau, không nhìn thấy được cùng một lúc.

Nhưng một phần lớn, cái cảm giác ngạc nhiên đó chủ yếu là do người ấy vẫn ở với ta cùng một gương mặt. Ta sẽ phải làm một cố gắng cực lớn để tái tạo những gì ta nhận được từ bên ngoài bản thân - dù chỉ là vị của một trái cây - mà chỉ vừa mới cảm thấy, ta đã bất giác trượt xuống cái dốc của ký ức và trong thoáng chốc, chưa kịp nhận ra, ta đã ở rất xa điều ta vừa cảm thấy. Thành thử, mỗi cuộc gặp mới là một sự điều chỉnh đưa ta trở về những gì ta đã nhìn thấy. Ta đã không còn nhớ nữa, vì khi người ta nói nhớ lại một người, trên thực tế là đã quên người ấy. Nhưng chừng nào ta còn biết nhìn, lúc cái nét bị lãng quên hiện ra trước mắt, ta nhận ra nó, ta buộc phải chỉnh lại cái đường nét chệch hướng và như vậy, nỗi ngạc nhiên muôn thuở phong phú ấy

đã khiến những cuộc hẹn gặp hằng ngày với những cô gái xinh đẹp bên bờ biển trở nên tốt lành và êm ái, nỗi ngạc nhiên ấy, cũng giống như những khám phá, chính được tạo nên bởi những hồi ức. Cộng vào đó nỗi xao xuyến dấy lên trong tôi bởi ý nghĩa quan trọng của các cô gái ấy đối với tôi, cái ý nghĩa không bao giờ hoàn toàn như tôi tưởng, nỗi xao xuyến này khiến sự kỳ vọng ở buổi gặp sắp tới không giống với sự chờ đợi lần trước, mà giống với kỷ niệm còn phập phồng của cuộc trò chuyện gần đây nhất, người ta sẽ hiểu rằng mỗi cuộc dạo chơi ấy là một cú lái ngoặt mạnh mẽ tư tưởng tôi không hoàn toàn theo cái hướng mà tôi đã có thể bình tĩnh tỉnh táo vạch ra trong cô đơn phòng ngủ của tôi. Cái hướng ấy đã bị quên phắt, hủy bỏ khi tôi trở về, đầu xôn xao như một tổ ong, đầy những chuyện trò là tôi bối rối và còn vang dài dài trong tôi. Mỗi người bị hủy diệt khi ta thôi không gặp họ nữa; rồi lần xuất hiện tiếp theo của họ là một sáng tạo mới, khác hẳn lần ngay trước đó, nếu không muốn nói là khác tất cả mọi lần. Vì hệ số biến đổi tối thiểu có thể trong những sáng tạo ấy là hai. Ta nhớ một tia nhìn cương nghị, một vẻ táo bạo, vậy lần sau tất yếu là một dáng mặt gần như uể oải, một thứ dịu dàng mơ mộng - điều ta không để ý tới trong cuộc gặp trước - sẽ làm ta ngạc nhiên, có nghĩa hầu như là điều duy nhất đập vào mắt ta. Trong sự đối chiếu ký ức của ta với thực tại mới, chính điều đó sẽ đánh dấu sự thất vọng hay ngạc nhiên của ta, nó sẽ hiện ra như một sự chỉnh sửa thực tại bằng cách cảnh báo rằng ta đã nhớ nhầm. Đến lượt mình, cái khía cạnh diện mạo lần trước bị bỏ qua và chính vì lẽ đó, lần này

là nét nổi bật nhất, thực nhất, có tác dụng hiệu chỉnh nhất, trở thành chất liệu để ta mơ mộng, để ta nhớ. Ta sẽ ao ước được thấy lại một nét mặt uể oải, một vẻ dịu dàng, mơ mộng. Rồi vẫn điều đó lại lặp lại: lần sau, một cái gì quả quyết trong ánh mắt sắc sảo, trong cái mũi nhọn, trong đôi môi mím lại, sẽ đến sửa lại sự so le giữa niềm ao ước của ta và đối tượng nó ngỡ là ứng với nó. Dĩ nhiên, sự trung thành với những ấn tượng ban đầu - thuần túy vật thể - tìm thấy lại mỗi lần ở bên các bạn gái của tôi, không chỉ liên quan đến những nét của diện mạo vì người ta đã thấy tôi cũng không kém nhạy cảm với giọng nói của họ có lẽ còn xao xuyến hơn (vì giọng nói không chỉ phô cùng những bề mặt lạ kỳ và gợi nhục cảm như diện mạo, mà nó còn là một bộ phận của cái vực sâu thăm thẳm đến chóng mặt của những nụ hôn ta khát khao trong vô vọng) cái giọng nói tựa như âm thanh duy nhất của một nhạc cụ nhỏ thuộc riêng từng người và trong đó mỗi nàng đặt hết mình vào. Một nốt trầm nào đó do một ngữ điệu tạo nên nơi một trong những giọng đó làm tôi ngạc nhiên nhận ra sau khi đã quên hẳn nó. Đến nỗi những hiệu chỉnh mà tôi buộc phải làm mỗi lần gặp mới để trở lại độ chính xác hoàn hảo, giống như công việc của một chuyên gia lên dây đàn piano, một thầy dạy hát hay một họa sĩ thiết kế vậy.

Từ ít lâu nay, những đợt sóng tình cảm khác nhau do từng cô trong nhóm dấy lên và làm lan tỏa trong tôi vô hiệu hóa lẫn nhau (do mỗi cô đều chống lại sự “bành trướng” của các cô khác) thành một sự gắn kết hài hòa, nhưng rồi sự gắn kết ấy tan vỡ theo chiều hướng có lợi cho Albertine,

một chiều chúng tôi chơi trò đoán vòng. Chuyện xảy ra trong một cánh rừng nhỏ trên vách đá. Bị xếp giữa hai cô gái không quen mà nhóm nhỏ các bạn gái tôi rủ theo cho đủ số người chơi, tôi thèm thuồng nhìn gã trai được xếp cạnh Albertine và tự nhủ giá như gã và tôi đổi chỗ cho nhau, tôi sẽ có thể nắm tay bạn gái tôi trong suốt những phút may mắn bất ngờ này, những khoảnh khắc có lẽ chẳng bao giờ trở lại và lẽ ra có thể đưa tôi đến rất xa. Chỉ riêng việc nắm tay Albertine, chưa nói chi tới những hệ quả mà hẳn nó có thể kéo theo, đã là điều tuyệt vời đối với tôi. Không phải là tôi chưa từng thấy những bàn tay đẹp hơn tay nàng. Ngay trong nhóm, tay Andrée cũng đẹp hơn, gầy và thanh mảnh hơn nhiều, như có một đời sống riêng, tuy ngoan ngoãn tuân theo sự chỉ huy của cô, nhưng độc lập, nhiều khi chúng duỗi dài trước cô như những chú chó săn nòi quý nằm ườn mơ màng, thi thoảng đột ngột gập một đốt ngón, vì thế Elstir đã làm nhiều ký họa nghiên cứu về những bàn tay ấy. Và trong một bức, người ta thấy Andrée hơ tay trước ngọn lửa, ánh lửa khiến chúng có cái trong mờ vàng ươm của hai chiếc lá mùa thu. Nhưng bàn tay của Albertine bụ hơn nhún xuống chút xíu rồi phản ứng lại sức ép của bàn tay riết chặt nó, mang lại một cảm giác thật đặc biệt. Cái riết của bàn tay Albertine có một độ êm ái gọi nhục cảm như hòa làm một với màu hồng phơn phớt hoa cà của làn da. Cái riết ấy dường như làm cho ta nhập vào được bên trong nàng, trong chiều sâu của giác quan nàng, cũng như âm sắc tiếng cười của nàng khiếm nhã theo cách chim gù hay tiếng kêu của một số loài thú. Nàng thuộc loại

những phụ nữ mà được siết chặt tay họ là nỗi khoái thú lớn đến nỗi người ta phải biết ơn phép tắc văn minh đã ước định bắt tay là một hành động được phép khi trai gái gặp nhau. Nếu những tập quán độc đoán của phép xã giao thay thế cái bắt tay bằng một cử chỉ khác, khéo ngày nào tôi cũng phải ngấm đôi bàn tay không thể chạm tới của Albertine với một háo hức muốn biết cảm giác tiếp xúc với chúng cũng cháy bỏng như nỗi khát khao muốn biết vị của đôi má nàng. Nhưng trong niềm vui được nắm lâu đôi bàn tay nàng trong tay mình, nếu tôi được xếp cạnh nàng trong trò chơi đoán vòng, tôi không chỉ nhằm độc một niềm vui ấy: biết bao lời thú nhận, biết bao lời tỏ tình cho đến nay vì rụt rè chưa dám nói ra, tôi sẽ có thể truyền đạt bằng một số cách biến hóa tăng giảm độ riết tay; về phía nàng, cũng thật dễ dàng đáp lại bằng những độ riết tay khác, cho thấy là mình chấp thuận; một sự đồng tình, một khởi đầu lạc thú tuyệt vời biết mấy! Tình yêu của tôi trong mấy phút qua bên nhau như thế có thể tiến triển hơn từ khi tôi quen biết nàng đến giờ. Cảm thấy khoảnh khắc này không thể kéo dài, chẳng mấy chốc sẽ chấm dứt, vì hẳn chúng tôi sẽ không tiếp tục mãi cái trò chơi này và khi nó kết thúc thì đã quá muộn, tôi không sao đứng yên chỗ. Tôi cố tình để mình bị bắt lỗi và một cái khi phải đứng vào giữa, lúc chiếc vòng qua, tôi vờ như không thấy, dõi mắt theo, chờ đúng đến lúc nó tới tay gã đứng cạnh Albertine đang cười hết mình và ửng hồng lên trong hoạt náo, vui vẻ của trò chơi. “Chúng ta đang ở *chính* cánh rừng xinh đẹp,” Andrée nói với tôi, chỉ đám cây cối bao quanh chúng tôi, kèm theo một

ánh mắt tươi cười chỉ dành riêng cho tôi và dường như vượt qua đầu những người chơi khác tựa hồ chỉ hai chúng tôi là đủ thông minh để tự phân thân ra ngoài trò chơi mà nêu lên một nhận xét đượm chất thơ. Thậm chí nàng còn dí dỏm hát, tuy giọng có phần miễn cưỡng: “Chú chồn của cánh rừng xinh đẹp đã qua đây,” như một số người không thể đến lâu đài Trianon* mà không tổ chức một cuộc liên hoan mặc trang phục thời Louis XVI, hoặc cho rằng sẽ thú vị nếu vang lên khúc ca được viết cho chính khung cảnh này. Chắc hẳn tôi sẽ khoái khi thấy sự tình được sắp xếp tốt đẹp như thế này, nếu đầu óc tôi rảnh rang để nghĩ đến điều này, nhưng nó lại đang ở tận đâu đâu. Những người chơi, cả nam lẫn nữ, bắt đầu ngạc nhiên thấy tôi ngớ ngẩn không túm lấy chiếc vòng. Tôi ngây ra nhìn Albertine ngồi đó, sao mà đẹp, sao mà vui tươi, và đứng dung với tôi, không thể dự đoán tôi sẽ vào vị trí bên cạnh nàng một khi, rốt cuộc, tôi lách được chiếc vòng vào tay mình -đúng chỗ đúng người - nhờ một mẹo nhỏ mà nàng không ngờ tới và, nếu biết, chắc sẽ làm nàng bực mình. Trong đà chơi sôi nổi, mái tóc dài của nàng gần như sổ tung, xõa xuống từng búp lọn xoắn trên đôi má ửng hồng mà màu nâu giòn của chúng càng làm nổi bật lên. “Cô có những bím tóc của Laura Dianti, của Éléonore de Guyenne và của giai nhân mà Chateaubriand yêu say đắm, hậu duệ của nữ hoàng Éléonore*. Lẽ ra cô nên luôn luôn để tóc hơi xõa một chút”, tôi thì thầm vào tai Albertine để xấp lại gần nàng hơn. Bất thành linh chiếc vòng chuyển sang gã ở bên cạnh Albertine. Lập tức tôi lao tới, thô bạo bừa tay gã ra, giành lại chiếc

vòng; gã buộc phải đến chỗ của tôi ở giữa vòng tròn và tôi thế vào chỗ của gã bên cạnh Albertine. Vài phút trước, tôi ganh tị với gã trai ấy khi nhìn thấy tay gã trượt trên sợi dây bất cứ lúc nào cũng có thể gặp tay Albertine. Bây giờ đây, khi đến lượt mình, quá rụt rè không dám sục tìm, quá xúc động để thưởng thức sự đụng chạm ấy, tôi chỉ còn cảm thấy nhịp đập hồi hả và đau đớn của trái tim mình. Đến một lúc, Albertine nghiêng về phía tôi bộ mặt đầy đặn và hồng hào của nàng với vẻ thông đồng, làm như bắt được chiếc vòng rồi để đánh lừa “con chồn” đứng giữa và ngăn gã khỏi nhìn về phía chiếc vòng đang được chuyển đi. Tôi lập tức hiểu ngay những ngầm ý trong ánh mắt Albertine là nhằm thực hiện cái mách ấy, nhưng tôi bồi hồi khi thấy lóe lên trong mắt nàng - dù chỉ đơn thuần là giả vờ do nhu cầu của trò chơi - hình ảnh một điều bí mật, một thỏa ước, tuy chưa hiện thực, giữa nàng và tôi nhưng ngay từ lúc đó đã trở thành một khả năng hẳn sẽ vô cùng êm ái, thần tiên đối với tôi. Trong khi phấn hứng với ý nghĩ ấy, tôi cảm thấy bàn tay Albertine bóp nhẹ nhẹ tay tôi, ngón tay mơn trớn của nàng lướt dưới ngón tay tôi, và tôi thấy nàng đồng thời nháy mắt với tôi hết sức kín đáo. Đùng một cái, cả một loạt hy vọng cho tới lúc đó chính tôi cũng không hề thấy, bỗng kết tinh lại: “Nàng lợi dụng trò chơi để khiến mình cảm thấy là nàng yêu mình,” tôi nghĩ vậy, vui sướng tột cùng; nhưng từ đỉnh cao ấy, tôi rơi tòm xuống khi nghe thấy nàng giận dữ bảo: “Này, nắm lấy nó đi, tôi chuyển cho anh cả tiếng đồng hồ rồi.” Buồn đến đờ dại, tôi buông sợi dây, “con chồn” trông thấy chiếc vòng, lao tới chớp lấy, tôi lại phải đứng vào

giữa làm “chồn”, tuyệt vọng nhìn vòng tròn người chơi cuồng nhiệt tiếp tục xoay quanh mình, làm bia cho những mũi tên giễu cợt của tất cả đám con gái, buộc phải đáp lại bằng một nụ cười gượng gạo, trong khi Albertine vẫn nói không ngừng: “Không chịu chú ý, để người khác lỡ nhịp, thì đừng có chơi. Lần sau, đừng rủ anh ta nữa, kéo tớ không đến đâu.” Andrée - vốn coi trò chơi này là dưới tầm mình và vẫn tiếp tục bài hát “Cánh rừng xinh đẹp” mà Rosemonde bắt chước hòa theo không mấy hào hứng - muốn xua đi những trách móc của Albertine, bảo tôi: “Mình đang ở gần vách đá Les Creuniers mà anh rất muốn thấy đấy. Nay, trong khi cái bọn điên này chơi cái trò con nít tám tuổi, tôi dẫn anh tới đó theo một con đường nhỏ xinh.” Vì Andrée cực kỳ tử tế với tôi, trên đường đi, tôi nói về Albertine, về tất cả những gì lẽ ra có thể khiến nàng yêu tôi. Andrée nói cô cũng rất yêu Albertine, thấy bạn mình thật duyên dáng, tuy nhiên có vẻ như nàng không thích những lời ca ngợi của tôi. Đột nhiên, tôi dừng phắt giữa con đường nhỏ. Một kỷ niệm êm đềm thời thơ ấu chọt chạm vào tim tôi: qua đám lá sắc cạnh và lấp lánh, tôi vừa nhận ra một bụi đào gai, than ôi! đã trụi hết hoa từ cuối mùa xuân. Quanh tôi, bỗng bành một không khí của những tháng Đức Mẹ* xa xưa, của chiều Chủ nhật, của tín ngưỡng, của những sai lầm đã quên lãng. Tôi những muốn nắm bắt lấy nó. Tôi dừng lại một giây và Andrée, với sự tinh ý đáng yêu, để cho tôi trò chuyện với đám lá của bụi đào gai một lát. Tôi hỏi tin về những bông hoa, những bông hoa đào gai tựa như những cô gái vui tươi, đại dột, đom đàng và ngoan đạo.

“Các tiểu thư ấy đi đã lâu rồi,” đám lá nói với tôi. Và có lẽ chúng nghĩ, với tư cách là bạn cố tri của các “tiểu thư” ấy như tôi tự xưng, tôi có vẻ chẳng biết gì mấy về những thói quen của họ. Một bạn cố tri nhưng bao năm không gặp lại, mặc dầu hứa hẹn hoài. Vậy mà, cũng như Gilberte là mối tình đầu của tôi với tư cách là thiếu nữ, những đóa hoa đào gai ấy là mối tình đầu của tôi với tư cách là hoa. “Phải, tôi biết, họ đã đi khoảng giữa tháng Sáu,” tôi đáp, “nhưng được thấy nơi họ từng ở là tôi vui thích rồi. Họ đã đến Combray thăm tôi tận phòng ngủ hồi tôi ốm, do mẹ tôi đưa đến. Và chúng tôi thường gặp lại nhau ở nhà thờ những chiều thứ bảy tháng Đức Mẹ. Ở đây họ cũng đi nhà thờ được chứ?” - “Ồ, tất nhiên! Vả lại, người ta rất muốn các tiểu thư ấy có mặt ở nhà thờ Thánh-Denis-ở-Sa-Mạc là giáo xứ gần nhất.” - “Vậy là có thể gặp họ ở đó?” - “Ồ, phải chờ đến tháng Năm năm sau cơ.” - “Nhưng tôi có thể chắc chắn là họ sẽ ở đó chứ?” - “Đều đặn hằng năm.” - “Có điều tôi không biết liệu mình có tìm được chỗ ấy không.” - “Có chứ! Các tiểu thư ấy rất vui tươi, lúc nào cũng cười, trừ phi hát thánh ca, nên không thể nhầm được, và từ đầu đường, người ta đã nhận ra mùi hương của họ.”

Tôi trở lại bên Andrée và lại bắt đầu ca ngợi Albertine nồng nhiệt đến nỗi tôi nghĩ thể nào Andrée cũng đem những lời ấy kể lại với nàng. Vậy mà tôi chưa bao giờ nghe ai nói là Albertine biết những lời đó. Andrée tuy nhiên thông hiểu hơn nàng nhiều về những vấn đề của trái tim, sự tinh tế trong đối xử ân cần; tìm ra ánh mắt nhìn, lời nói, hành động có thể chiều lòng một cách khéo léo nhất, nén

lại một ý nghĩ có nguy cơ làm phiền lòng, hy sinh (mà tỏ ra đó tuyệt nhiên không phải là hy sinh) một giờ vui chơi, thậm chí một cuộc liên hoan buổi sáng, một bữa tiệc ngoài vườn để ở lại với một người bạn trai hay bạn gái đang buồn và bằng cách ấy chúng tỏ cho bạn thấy mình thích ở bên bạn hơn những thú vui phù phiếm, đó là những nét tế nhị của Andrée. Nhưng khi hiểu rõ cô hơn, ta có thể nói cô thuộc loại những người nhát gan anh hùng không muốn sợ hãi và do vậy sự dũng cảm của họ càng đặc biệt đáng khâm phục; tưởng như ở cốt lõi bản chất cô, không hề có cái hảo tâm mà cô luôn luôn biểu lộ do sự ưu tú tinh thần, do miễn cảm, do ý chí cao thượng muốn tỏ ra là bạn tốt. Nghe những điều dễ thương cô nói với tôi về khả năng hiện thực của một mối tình giữa Albertine và tôi, dường như cô đã dốc hết sức lực để làm cho điều đó trở thành sự thật. Vậy mà, có lẽ do ngẫu nhiên, cô chưa bao giờ sử dụng đến cái tối thiểu trong số những thuật nho nhỏ cô nắm trong tay khả dĩ có thể gắn bó tôi với Albertine; và, mặc dù những cố gắng của tôi để tranh thủ tình yêu của Albertine không khiến bạn nàng giở những thủ đoạn kín đáo để ngăn chặn, tôi vẫn không dám thề rằng chúng không khuấy lên trong cô một cơn giận ngầm ngầm mà có lẽ vì tế nhị, cô ráng đấu tranh bản thân để dẹp bỏ. Andrée sở hữu hàng nghìn cách tinh tế để thể hiện lòng tốt mà Albertine chắc không thể có được, tuy nhiên tôi vẫn không tin chắc ở hảo tâm sâu xa của Andrée như sau này tôi tin chắc ở lòng đôn hậu của Albertine. Luôn luôn tỏ ra âu yếm độ lượng đối với tính khí bông bột phù phiếm của Albertine, Andrée ứng xử như một

người bạn cả trong lời nói, nụ cười lẫn trong hành động. Để khiến người bạn gái nghèo được sung sướng và hưởng sự xa hoa của mình, tôi đã thấy Andrée, ngày lại ngày, đôn đáo một cách hoàn toàn vô tư, vất vả hơn cả một triều thần xoay xở để tranh thủ sự sủng ái của nhà vua. Hễ ai tỏ ra xót thương tình cảnh nghèo nàn của Albertine trước mặt Andrée, cô luôn có những lời ngọt ngào chia sẻ và sẵn sàng vì Albertine mà cất công vất vả nghìn lần hơn vì một cô bạn giàu có. Nhưng nếu ai đưa ra ý kiến rằng có lẽ Albertine không nghèo như người ta nói, đôi mắt và vầng trán vẫn lên một thoáng u ẩn không dễ gì nhận ra; cô có vẻ như bực bội. Và nếu ai đi đến chỗ nói rằng xét cho cùng, có lẽ Albertine cũng không đến nỗi khó kiếm chồng như người ta nghĩ, cô liền phản đối mạnh mẽ, gần như giận dữ: “Hỡi ôi, có đấy, bạn tôi sẽ ế chồng! Tôi biết thế và điều đó làm tôi rất buồn!” Còn về tôi, cô là người duy nhất trong nhóm không bao giờ nhắc lại với tôi một điều gì không mấy dễ chịu người ta nói về tôi; hơn thế nữa, nếu chính tôi là người kể lại, cô làm bộ như không tin hoặc đưa ra một cách giải thích khiến lời gièm ấy trở nên vô hại; toàn bộ những phẩm chất ấy, người ta gọi là sự khéo léo tế nhị. Đó là nét riêng đặc trưng cho những người khen ngợi ta đã bảo toàn danh dự qua cuộc đấu súng, rồi nói thêm rằng chuyện đó không bỏ để ta nhận lời thách đấu, như vậy càng làm tăng, trong mắt của chính bản thân ta, lòng can đảm ta đã thể hiện trong hoàn cảnh không bắt buộc phải thế. Họ tương phản hoàn toàn với loại người cũng trong trường hợp ấy sẽ nói với ta: “Hắn là ông đã thấy phiền lòng vì phải đấu súng,

nhưng mặt khác, ông không thể nuốt nhục như thế, ông không thể làm khác.” Nhưng vì cái gì cũng có mặt phải, mặt trái, nếu sự thích thú, hay ít nhất, sự dửng dưng của các bạn ta khi nhắc lại với ta một điều gì xúc phạm ai đó nói về ta, chứng tỏ họ không tự đặt mình vào địa vị của ta khi thuật lại điều đó, thọc mũi dao vào ruột ta, thì cái nghệ thuật mà một loại bạn khác của ta, những người khéo léo tế nhị, vận dụng để luôn luôn giấu ta những gì họ nghe thấy thiên hạ nói về hành xử của ta, hoặc ý kiến của chính họ về hành xử đó, có thể chứng tỏ họ có khả năng nguy trang ở trình độ cao siêu. Điều đó chẳng tệ hại gì nếu thật quả họ không thể nghĩ xấu và nếu như điều thiên hạ nói xấu làm họ tổn thương cũng như chắc sẽ làm chính ta tổn thương nếu họ thuật lại với ta. Tôi nghĩ đó là trường hợp của Andrée, tuy nhiên không hoàn toàn chắc chắn thế.

Chúng tôi ra khỏi cánh rừng nhỏ và đi theo một con đường ngoằn ngoèo ít người qua lại, nhưng Andrée rất thông thuộc. “Kìa, cái vách đá Les Creuniers trứ danh của anh đấy,” cô chợt bảo tôi. “Mà anh thật là may nhé, thời tiết này đúng là cái ánh sáng khi Elstir vẽ nó.” Nhưng vẫn đang quá buồn vì nỗi giữa cuộc chơi trò đoán vòng đã rơi tõm từ chót vót đỉnh cao hy vọng, tôi không còn tâm trí nào để thích thú - như nếu không có chuyện ấy, tôi ắt cảm thấy thế - khi đột nhiên nhận ra dưới chân mình, nép giữa những tảng đá để tránh nóng, những Nữ thần biển mà Elstir đã rình và “chộp” được dưới một lớp trắng sẫm màu đẹp như lớp trắng màu của một Leonardo*, những cái bóng huyền ảo thấp thoáng ẩn hiện, thoăn thoắt và lặng lẽ, sẵn sàng

luôn xuống dưới ánh sáng vừa nhoe nhoe lên, nấp trong một hốc và một khi mối đe dọa của tia sáng qua đi, nhanh chóng trở về bên tảng đá hay khóm cỏ biển chập chờn ngủ dưới ánh mặt trời dội lại từ những vách đá và từ đại dương bọt màu.

Chúng tôi quay lại tìm các cô gái khác để trở về. Giờ đây, tôi biết mình yêu Albertine; nhưng than ôi! Tôi không lo đến chuyện ngỏ cho nàng biết. Là vì từ dạo thường đến chơi đùa ở vườn Champs-Élysée, quan niệm của tôi về tình yêu đã đổi khác trong khi những con người mà trái tim tôi lần lượt hướng tới vẫn gần như y hệt nhau. Một mặt, tôi không còn nghĩ việc thổ lộ, tỏ tình với người mình yêu là một trong những cảnh quan trọng nhất và thiết yếu của ái tình; thứ nữa, tình yêu cũng không phải là một thực tế bên ngoài, mà là một vui thú chủ quan. Và tôi cảm thấy niềm vui thú ấy, Albertine càng không biết nó ở trong tôi, càng làm những gì cần thiết để duy dưỡng nó.

Trong suốt chặng đường trở về, hình ảnh Albertine, đắm trong ánh sáng tỏa ra từ các cô gái khác, không phải là hình ảnh duy nhất tồn tại đối với tôi. Nhưng giống như mặt trăng ban ngày chỉ là một vẩn mây trắng định hình hơn những đám mây khác, khi ngày vừa tắt, liền rực sáng hết mức, khi tôi về tới khách sạn, chỉ duy nhất hình ảnh Albertine dâng lên từ trái tim tôi và bắt đầu lấp lánh. Tôi cảm thấy như phòng ngủ của mình bỗng trở nên mới lạ. Dĩ nhiên, đã từ lâu, nó không còn là căn phòng thù địch của tôi đầu tiên. Chúng ta chỉnh sửa nơi ở xung quanh mình không biết mệt; và dần dà, khi thói quen miễn cho chúng

ta phải vận dụng cảm quan, chúng ta loại bỏ những yếu tố độc hại về màu sắc, kích thước và mùi vị cụ thể hóa nỗi bức bối khó chịu của chúng ta. Cũng không còn là căn phòng hiện vẫn để lại ấn tượng khá mạnh đối với cảm quan của tôi, dĩ nhiên không phải để làm tôi đau đớn, mà để mang lại niềm vui cho tôi. Cũng không phải căn phòng thuần túy thẩm mỹ những tối thưởng thức tranh. Đó là căn phòng tôi đã ở nhiều ngày đến nỗi tôi không còn thấy nó nữa. Vậy mà lúc này đây, tôi vừa mở mắt nhìn lại nó, nhưng lần này từ cái quan điểm ích kỷ là quan điểm của tình yêu. Tôi nghĩ, nếu Albertine đến thăm tôi tại đây, chiếc gương đẹp đặt trên giá nghiêng, những tủ sách sang nhã có cửa kính chắc sẽ gây cho nàng một ý niệm tốt về tôi. Thay vì chỉ là một nơi “quá cảnh” để tôi tạm qua một khoảnh khắc trước khi nhong ra bãi biển hay đi Rivebelle, căn phòng của tôi lại trở nên thực sự tồn tại và thân thiết, và tự đổi mới vì tôi nhìn nó, đánh giá từng chi tiết đồ đạc bằng cặp mắt của Albertine.

Mấy hôm sau buổi chơi trò đoán vòng, trong cuộc dạo chơi vui chân đi quá xa, chúng tôi rất mừng khi quay về đến Maineville thì gặp được hai chiếc xe ngựa nhỏ hai chỗ có thể đưa chúng tôi về kịp giờ ăn tối. Tình yêu đối với Albertine, giờ đã mãnh liệt, xui tôi hành xử như thế này: tôi đề nghị, không phải là Albertine, mà thoát đầu là Rosemonde rồi đến Andrée, lên cùng xe với mình; rồi, sau khi bằng cách đó, tỏ ra mình thích Andrée hay Rosemonde hơn, tôi viện ra những lý do (toàn là thứ yếu) về giờ giấc, về đường sá, về áo xống lờ mờ, thuyết phục được tất cả

nhất trí rằng - dù tôi không muốn thế - ổn nhất là nên xếp Albertine đi cùng xe với tôi, cho dù tôi có phải bấm bụng cam chịu ngồi cạnh nàng. Khốn nỗi, tình yêu vốn có khuynh hướng đồng hóa hoàn toàn đối tượng của nó, mà con người thì không ai là thứ thực phẩm có thể ăn được chỉ bằng trò chuyện đơn thuần, nên dù Albertine có hết sức dễ thương trong suốt chặng đường về, khi tôi đưa nàng tới tận nhà, nàng để tôi lại trong tâm trạng sung sướng nhưng còn đói thèm nàng hơn cả lúc đầu và chỉ coi những phút bên nhau vừa qua như khúc dạo đầu không mấy quan trọng cho những gì sẽ diễn ra tiếp theo. Tuy nhiên, nó cũng có cái đẹp sơ khởi mà ta không tìm thấy lại được. Tôi chưa yêu cầu Albertine gì cả, nàng có thể hình dung điều tôi mong muốn, nhưng vì không dám chắc, nên đồ rằng tôi chỉ nhằm tới những quan hệ trong đó nàng hẳn sẽ tìm thấy cuộc lãng du tuyệt thú đầy những bất ngờ được chờ đợi, mà người ta gọi là cái lãng mạn.

Trong tuần lễ tiếp theo, tôi không ráo riết tìm gặp Albertine. Tôi vờ như thích Andrée hơn. Tình yêu bắt đầu, ta những muốn, đối với người mình, vẫn là kẻ xa lạ mà nàng có thể yêu, nhưng ta cần nàng, ta cần chạm vào sự chú ý của nàng, trái tim nàng, hơn là chạm vào thân thể nàng. Ta cài vào một bức thư một ý giận dỗi buộc nàng từ hờ hững chuyển sang khẩn khoản cầu xin ta một lời dịu ngọt; và tình yêu, theo một kỹ thuật “bách phát bách trúng” và bằng một động tác xen kẽ, siết chặt guồng răng cưa, khép ta vào thế không còn có thể không yêu, đồng thời vẫn chưa được yêu. Trong khi các cô kia đến dự một

cuộc vui ban ngày nào đó, tôi dành thời gian ấy cho Andrée, biết rằng nàng đã tự nguyện (hay thậm chí miễn cưỡng) hy sinh những thú vui như vậy vì tôi, để những người khác và chính bản thân nàng khỏi nghĩ rằng nàng thiết tha với một thú vui tương đối thời thượng như vậy. Tôi thu xếp để chiều nào cũng có nàng trọn vẹn bên tôi, không phải để khiến Albertine ghen, mà nghĩ rằng như thế sẽ tăng uy tín của mình trong mắt nàng, hay ít nhất cũng không mất nó khi nói với Albertine biết rằng tôi yêu nàng chứ không phải Andrée. Tôi cũng không nói điều đó với Andrée, sợ nàng đem kể lại với Albertine. Khi nói với Andrée về Albertine, tôi vờ tỏ một vẻ lạnh lùng mà có lẽ nàng không mắc lừa đến mức như tôi mắc lừa vẻ cả tin bề ngoài của nàng. Nàng làm như tin rằng tôi thực sự dửng dưng với Albertine và mong muốn sự kết hợp hoàn hảo nhất giữa hai chúng tôi. Có lẽ, trái lại, nàng không hề tin về thứ nhất cũng như chẳng cầu mong gì về thứ hai. Trong khi tôi nói với nàng tôi chẳng mấy quan tâm đến bạn nàng, tôi chỉ nghĩ đến một điều: cố tìm cách liên lạc với bà Bontemps, bà này đến nghỉ mấy hôm ở gần Balbec và Albertine sắp phải đến ở nhà bà ba ngày. Tất nhiên tôi không để cho Andrée thấy được ý muốn này; và mỗi khi nhắc đến gia đình, họ hàng của Albertine, tôi đều làm ra vẻ hết sức lơ đãng. Qua những lời nói ra miệng, Andrée không có vẻ gì là nghi ngờ sự thành thật của tôi. Vậy thì tại sao một hôm nàng lại buột bảo tôi: “Tôi vừa trông thấy *đích thị* bà cô của Albertine”? Dĩ nhiên, nàng không nói thẳng với tôi: “Tôi đã giải mã những lời anh tình cờ thốt ra và hiểu

rằng anh chỉ nghĩ đến chuyện làm quen với bà cô của Albertine.” Nhưng xem ra cái từ “đích thị” gắn với một ý nghĩ như thế trong đầu Andrée mà nàng thấy nên giấu kín thì lịch sự hơn. Nó thuộc loại một số ánh mắt, một số cử chỉ tuy không mang một hình thức logic, duy lý, trực tiếp nhằm vào tri giác của người nghe, nhưng vẫn truyền đạt được tới họ những ý nghĩa thật sự của chúng, giống như lời nói con người chuyển thành điện trong máy điện thoại, trở lại thành lời nói để người nhận nghe được. Để xóa khỏi đầu Andrée cái ý nghĩ rằng tôi quan tâm đến bà Bontemps, tôi nói đến bà không chỉ với giọng lơ đãng nữa, mà còn đầy ác cảm. Tôi nói dạo xưa tôi đã từng gặp loại người điên điên khùng khùng ấy và tôi hy vọng điều đó không xảy đến với tôi nữa. Vậy mà trái lại, tôi đang tìm mọi cách để được gặp bà.

Tôi cố nài Elstir nói với bà ta về tôi và thu xếp để tôi gặp bà, nhưng không để ai biết tôi yêu cầu ông làm thế. Ông hứa sẽ giới thiệu tôi với bà ta, song lấy làm lạ là tại sao tôi lại muốn thế vì ông nhận định bà ta là một phụ nữ đáng khinh, thủ đoạn, vừa chẳng có gì hay ho vừa vụ lợi. Nghĩ rằng nếu mình gặp bà Bontemps thì sớm muộn Andrée cũng sẽ biết, tôi thấy tốt nhất là cứ báo trước cho nàng.

“Trò đời, những gì mình ra sức lẩn trốn nhất thì lại đến với mình không tránh được,” tôi nói với Andrée. “Không có gì trên đời có thể làm tôi buồn chán hơn là gặp lại bà Bontemps, thế mà tôi sẽ không thoát khỏi điều đó: Elstir mời tôi và bà ta cùng một buổi.”

“Tôi đã biết chắc thế mà,” Andrée kêu lên, giọng chua

chát, trong khi cặp mắt nàng mở to và lạc đi vì thất vọng, dán vào một cái gì vô hình.

Những lời đó không phải là biểu hiện khúc chiết nhất của một ý nghĩ có thể tóm tắt như sau: “Tôi thừa biết là anh yêu Albertine và anh chạy đôn chạy đáo để tiếp cận gia đình nó.” Nhưng chúng là những mảnh vỡ xệch xẹo có thể chấp trở lại thành ý nghĩ đó mà tôi đã chạm vào làm nổ tung, mặc dù Andrée cố giữ kín nó. Giống như cái từ “đích thị” nàng đã dùng, những lời đó chỉ có nghĩa ở bậc hai; chúng thuộc loại (dù không trực tiếp khẳng định) khiến ta trân trọng hay hồ nghi một người nào đó, thậm chí đi đến chỗ tuyệt giao.

Vì Andrée không tin khi tôi nói tôi dừng dung với gia đình họ hàng của Albertine, đó có nghĩa là nàng nghĩ tôi yêu Albertine. Và điều đó chẳng làm nàng vui thích gì.

Nàng thường là người thứ ba trong những cuộc tôi hẹn gặp bạn nàng. Tuy nhiên, có những hôm tôi cần gặp Albertine một mình, những ngày mà tôi chờ đợi trong cơn hồi hộp cồn cào qua đi mà chẳng mang lại cho tôi điều gì có tính chất quyết định, chẳng trở thành cái ngày trọng đại mà tôi lập giao vai trò thay thế cho ngày hôm sau cũng chẳng thành công hơn gì. Cứ thế, như những ngọn sóng, nối tiếp nhau sụp đổ những đỉnh tháp hy vọng không ngừng được thay thế.

Khoảng một tháng sau hôm chúng tôi chơi trò đoán vòng, tôi nghe nói sáng hôm sau, Albertine sẽ đến ở nhà bà Bontemps hai ngày và, vì phải đáp chuyến tàu sớm, sẽ đến ngủ ở Đại Khách sạn, từ đó nàng có thể bắt xe buýt đến ga,

khỏi phải phiền các bạn nơi nàng tá túc. Tôi nói với Andrée chuyện ấy. “Tôi không tin,” Andrée đáp, vẻ không hài lòng. “Vả chẳng, nếu đúng vậy, điều đó cũng chẳng giúp gì cho anh, vì tôi chắc chắn Albertine sẽ không muốn gặp anh nếu nó đến khách sạn một mình. Như thế là không đúng nghi thức,” nàng nói thêm, dùng cái cụm từ mà ít lâu nay nàng rất ưa dùng, theo cái nghĩa “không thích hợp”. “Tôi nói thế với anh vì tôi biết tính biết ý của Albertine. Còn tôi đây, anh có gặp Albertine hay không, thì cái đó có bận gì đến tôi? Điều đó chẳng quan trọng gì với tôi.”

Octave tới nhập bọn với chúng tôi, nhanh nhẩu khoe với Andrée số điểm anh ta đã đạt ở sân golf hôm qua, rồi đến Albertine vừa đi vừa tung hứng *diabolo* như một nữ tu sĩ vừa đi vừa lăn tràng hạt. Nhờ cái trò chơi này, nàng có thể qua nhiều giờ liền một mình không thấy buồn chán. Nàng vừa tới bên chúng tôi, lập tức cái đầu mũi nhón nhọn nghịch ngợm - chi tiết tôi thường quên khi hình dung về nàng những ngày gần đây - đập vào mắt tôi; dưới mái tóc đen nhánh, cái trán thẳng đứng trái ngược hẳn (và đây không phải lần đầu) với hình ảnh lơ mờ nó để lại trong trí nhớ tôi, trong khi màu trắng ngân của nó khiến tôi không thể rời mắt; rũ sạch lớp bụi của ký ức, Albertine trở lại nguyên hình trước mắt tôi. Môn đánh golf khiến người ta quen với những thú vui cô đơn. Thú vui do trò *diabolo* đem lại chắc chắn thuộc loại ấy. Tuy nhiên sau khi gặp chúng tôi rồi, Albertine vẫn tiếp tục chơi trong khi trò chuyện với chúng tôi, như kiểu một phu nhân khi có các bạn đến thăm vẫn không vì thế mà ngừng công việc với chiếc que đan

móc của mình.

“Hình như Madame de Villeparisis yêu sách gì cha anh phải không?” nàng hỏi Octave (và tôi nghe thấy đằng sau hai tiếng “hình như” một trong những nốt đặc trưng cho Albertine; mỗi lần tôi nhận ra là mình đã quên chúng, tôi đồng thời nhớ là đã từng thoáng thấy đằng sau chúng vẻ mặt quả quyết và rất Pháp của Albertine. Tôi có thể mù mà vẫn biết một số tính cách lạnh lẽo, hơi tỉnh lẻ trong những nốt ấy cũng như trong cái đầu mũi nhón nhọn. Hai thứ ấy giá trị ngang nhau và có thể thay thế nhau và giọng nàng là cái giọng mà, theo người ta nói, máy chụp ảnh - điện thoại sẽ thực hiện trong tương lai: trong âm thanh, nổi rõ từng nét hình ảnh thị giác). “Mà bà ấy không chỉ viết cho cha anh, mà đồng thời cho cả ông thị trưởng Balbec yêu cầu cấm không chơi diabolo trên đường đi dạo nữa, vì bà đã bị một quả cầu văng vào mặt.”

“Phải, tôi có nghe nói đến yêu sách đó. Thật là lố bịch. Ở Balbec này, vốn đã chẳng nhiều nhận gì những trò giải trí.” Andrée không tham gia vào câu chuyện, nàng không quen biết Madame de Villeparisis gì hơn Albertine cũng như Octave. Tuy nhiên, nàng cũng nói:

“Tôi không hiểu sao vị phu nhân ấy lại làm to chuyện lên như thế. Bà cụ De Cambremer cũng ‘ăn’ một trái mà bà ấy có kiện cáo gì đâu.”

“Tôi sẽ giải thích cho cô nghe về sự khác biệt ấy,” Octave vừa xoẹt một que diêm vừa đáp, vẻ trang trọng. “Là vì, theo ý tôi, Madame de Cambremer là một phụ nữ thượng lưu, còn Madame de Villeparisis là một kẻ hãnh tiến. Chiều nay

cô có đến sân golf không?”

Và anh ta, cùng Andrée, chia tay chúng tôi. Còn lại mình tôi với Albertine.

“Anh thấy không,” nàng bảo tôi, “em đã sửa tóc theo kiểu anh thích; anh nhìn món tóc này xem. Tất cả đều chê mà chẳng ai biết vì ai mà em làm thế. Cô em chắc cũng sẽ chế nhạo em, nhưng em cũng sẽ không nói cho bà biết lý do.”

Tôi nhìn chênch chênh đôi má Albertine thường thường có vẻ tái tái nhưng vì thế lại ửng một sắc huyết quang sang sáng tạo nên cái long lanh của một số buổi sáng mùa đông khi mà những phiến đá được nắng chiếu một phần trông như cẩm thạch hồng tỏa lan niềm vui. Niềm vui mà lúc này hình ảnh đôi má của Albertine đem lại cho tôi cũng mãnh liệt, nhưng nó lại dẫn tới một mong muốn khác: không phải là cùng đi dạo, mà là được hôn lên đó. Tôi hỏi những dự định người ta đề xuất với nàng có đúng như tôi nghe nói không.

“Vâng,” nàng trả lời, “đêm nay, em ngủ ở khách sạn anh đang trọ và thậm chí, vì em hơi bị sổ mũi, em sẽ đi nằm trước bữa tối. Anh có thể đến bên giường em chờ em ăn tối xong, mình sẽ chơi trò gì anh muốn. Em sẽ rất vui nếu sáng mai anh đưa em ra ga, nhưng em sợ như thế hơi kỳ, em không nói là đối với Andrée - nó thông minh ắt hiểu thôi - nhưng là đối với những đứa khác cũng sẽ có mặt ở ga; nhớ đến tai cô em, sẽ sinh chuyện. Nhưng tối nay thì chúng mình có thể bên nhau và cô em sẽ không biết gì hết. Em đi chào tạm biệt Andrée đây. Vậy lát nữa nhé. Anh đến sớm

một chút để chúng mình có nhiều giờ vui với nhau,” nàng mỉm cười nói thế. Những lời đó đưa tôi trở về xa hơn cả thời tôi yêu Gilberte, về cái thuở tôi cảm thấy tình yêu không chỉ là một thực thể bên ngoài, mà còn là điều thực hiện được. Trong khi nàng Gilberte thường chơi đùa với tôi ở vườn Champs-Élysée là một thiếu nữ khác hẳn với cô gái tôi thấy lại trong tôi mỗi khi còn lại một mình, thì đằng này, dùng một cái, tôi thấy vừa nhập thân vào nàng Albertine thật tôi gặp hằng ngày mà tôi tưởng đầy định kiến trưởng giả và rất thành thật với bà cô mình, chính là nàng Albertine tưởng tượng, người mà khi chưa quen, tôi đã hình dung nàng thường nhìn trộm tôi trên con đường đi dạo và thường có vẻ miễn cưỡng phải ra về trong khi nhìn tôi xa dần.

Khi đi ăn tối với bà tôi, tôi cảm thấy trong tôi một bí mật mà cụ không biết được. Cũng tương tự như thế với Albertine, ngày mai các bạn nàng đi tiễn mà chẳng biết có gì mới giữa hai chúng tôi; và khi hôn lên trán cô cháu gái, bà Bontemps cũng sẽ không hề biết rằng tôi xen vào giữa hai cô cháu bà bằng cái kiểu tóc mà Albertine mới sửa theo nhằm một mục đích giấu kín không để ai thấy là làm vừa lòng tôi, chiều ý tôi, tôi đây, kể từ trước tới nay vẫn thèm được như bà Bontemps: có cùng những mối quan hệ họ hàng với cháu gái bà, cùng để tang những thân nhân chung, cùng đi thăm những bà con chung; vậy mà giờ đây, tôi lại có ý nghĩa với Albertine hơn cả bà cô nàng. Bên cạnh bà cô, người nàng nghĩ tới sẽ là tôi. Lát nữa, điều gì sẽ diễn ra, tôi nào biết được. Dù sao đi nữa, cái Đại Khách sạn, cái

buổi tối này cũng không còn trống rỗng đối với tôi: chúng chứa hạnh phúc của tôi. Tôi bấm chuông gọi người phụ trách thang máy để lên phòng Albertine đã đặt, ở bên phía thung lũng. Những động tác nhỏ nhất, như ngồi xuống chiếc ghế băng nhỏ trong thang máy, cũng êm dịu đối với tôi, vì chúng liên quan trực tiếp với trái tim tôi; tôi thấy hệ thống dây cáp kéo thang máy lên, những bậc còn lại phải leo bộ nốt, chỉ là sự cụ thể hóa những vận hành và tầng bậc dẫn tôi tới niềm vui. Tôi chỉ còn hai, ba bước nữa trong hành lang là tới căn phòng chứa đựng tổ chất quý báu của cái thân thể hồng hồng ấy - căn phòng mà dù ở đó có diễn ra những hành động tuyệt thú, sẽ vẫn giữ nguyên tính thường xuyên của nó, cái vẻ tương tự như mọi căn phòng khác trước con mắt của một khách vắng lai..., trở thành những nhân chứng một mực câm lặng, những bạn tâm sự tin cậy, những nơi ký thác bất khả xâm phạm để ta trao gửi niềm vui. Mấy bước chân ấy từ chiều nghỉ đến phòng Albertine, mấy bước chân mà không ai có thể ngăn được nữa, tôi thực hiện một cách thích thú, một cách thận trọng, như thể dẫn vào một yếu tố mới, như thể trong khi tiến bước, tôi từ từ di chuyển hạnh phúc, và đồng thời, với một ý thức toàn năng trước nay chưa hề cảm thấy, cuối cùng tôi chính thức lãnh nhận cái di sản vốn đã thuộc về tôi suốt từ bấy lâu nay. Rồi đột nhiên tôi chợt nghĩ mình thật sai nếu còn nghi hoặc, nàng đã dẫn mình đến vào lúc nàng đi nằm mà. Rõ như ban ngày rồi, tôi mừng quỳnh lên, tôi và phải Françoise đi ngược chiều tôi, làm bác suýt té ngã, tôi chạy về phía phòng bạn gái tôi, mắt long lanh. Tôi thấy Albertine

nằm trên giường. Chiếc sơ mi trắng để hở cổ làm thay đổi kích thước của khuôn mặt bị cơn sốt mũi nhức đầu, hay bữa ăn tối, hay cái giường làm dôn máu, càng như hồng thêm; tôi nghĩ đến những sắc màu tôi có bên cạnh mình trên con đường đi dạo mấy giờ trước, và cuối cùng, tôi sắp được nếm vị của chúng; má nàng từ trên xuống dưới lòa xòa những sợi tóc dài đen loăn xoăn trước đây tết thành bím mà nàng đã dỡ ra hoàn toàn để chiều lòng tôi. Nàng mỉm cười nhìn tôi. Trong khung cửa sổ bên cạnh nàng, con thung vắng vạc ánh trắng. Nhìn cái cổ trần của Albertine, đôi má quá hồng kia, tôi bỗng thấy say sưa (có nghĩa thực tại của thế giới không còn nằm trong tự nhiên mà là trong cơn lũ cảm giác mà tôi phải vất vả lắm mới kiềm chế được) đến nỗi những hình ảnh ấy phá vỡ thế thăng bằng giữa cuộc sống rộng lớn mênh mông, không gì phá hủy nỗi đang cuộn cuộn trong bản thể tôi, và cuộc sống của vũ trụ quá teo gầy so với nó. Biển cả, mà tôi nhìn thấy bên cạnh thung lũng trong cửa sổ, những cái vú căng tròn trên những vách đá đầu tiên của Maineville, bầu trời trong đó vắng trắng chưa lên tới đỉnh, tôi thấy như tất cả những cái đó nhẹ bằng tựa lông chim trên nhãn cầu mà tôi cảm thấy nở ra vững chắc giữa những mí mắt, sẵn sàng mang trên bề mặt mỏng manh của chúng nhiều trọng lượng khác, tất cả những trái núi trên hành tinh này. Vành của chúng thấy đến cả vòng cầu của chân trời cũng không đủ để choán đầy nó. Và tôi thấy tất cả những gì là sức sống mà thiên nhiên có thể mang lại cho tôi đều chẳng mấy đáng kể, những làn gió biển như hút hơi, không đủ cho biên độ hít thở mênh mang của lồng

ngực tôi phập phồng. Tôi cúi xuống Albertine để hôn nàng. Lưỡi hái của thần chết có giáng xuống tôi lúc này, tôi cũng bất cần, hay nói đúng hơn, điều đó là không thể vì sự sống không ở ngoài, mà ở trong tôi; tôi sẽ mỉm cười thương hại nếu một nhà triết học đưa ra ý kiến rằng một ngày kia, dù còn rất xa, tôi sẽ phải chết, rằng những lực vĩnh cửu của thiên nhiên sẽ sống lâu hơn tôi, những lực của Mẹ Thiên nhiên mà dưới chân Người tôi chỉ là một hạt bụi; rằng sau khi tôi chết thì sẽ vẫn còn những vách đá với những núm vú tròn trặn kia, đại dương kia, vầng trăng vằng vặc kia, bầu trời kia! Làm sao có thể như vậy được, làm sao thế giới có thể tồn tại lâu dài hơn tôi một khi tôi không mất tiêu trong nó, một khi chính nó được rào kín trong tôi và còn lâu mới choán đầy cỗi-tôi, phải, trong cỗi-tôi mà, cảm thấy còn ối chỗ để chất thêm nhiều kho báu khác, tôi đã khinh bỉ quẳng vào một góc cả vách đá, cả trời lẫn biển?

“Thôi đi, kéo tôi bấm chuông bây giờ,” Albertine kêu lên khi thấy tôi lao tới để hôn nàng. Nhưng tôi tự nhủ rằng khi một cô gái bảo một chàng trai lén đến với mình, lại dàn cảnh để bà cô mình không biết, thì tất không phải là để chẳng làm gì; rằng phải táo bạo lợi dụng cơ hội mới thành công; trong tâm trạng phấn khích lúc này của tôi, gương mặt tròn của Albertine, ngời lên như có một ngọn đèn ngủ chiếu từ bên trong, nổi bật từng nét trước mắt tôi và, bắt chước quả cầu lửa* quay tròn, nó xoay tít tựa những hình tượng của Michelangelo cuốn trong một cơn lốc bất động đến chóng mặt*. Tôi sắp được biết mùi và vị của cái trái lạ hồng hồng kia. Tôi chợt nghe thấy một âm thanh the thé,

dồn dập và kéo dài. Albertine đã bấm chuông với tất cả sức lực của mình.

Tôi cứ tưởng tình yêu mình dành cho Albertine không dựa trên tinh thần chiếm đoạt thể xác. Nhưng khi trải nghiệm tối hôm ấy chứng tỏ sự chiếm đoạt ấy là bất khả và sau khi loại bỏ nhận định từ hôm đầu ngoài bãi biển rằng nàng chắc chắn thuộc loại phóng đảng, cùng những giả định tiếp theo, tôi đi đến kết luận dứt khoát là nàng hoàn toàn đức hạnh.

Tám hôm sau, trở về từ nhà bà cô, khi nàng lạnh lùng nói với tôi: “Tôi tha lỗi cho anh, thậm chí tôi lấy làm tiếc đã làm anh buồn, nhưng xin anh đừng bao giờ làm thế nữa”, trái với những gì đã diễn ra trước đây khi Bloch bảo tôi rằng mọi người đàn bà đều là thứ có thể chiếm đoạt được và như thể tôi đã phải lòng một con búp bê bằng sáp chứ không phải một cô gái bằng xương bằng thịt, điều xảy đến bây giờ là nỗi khao khát của tôi muốn bước vào cuộc đời nàng, theo đến những nơi nàng đã qua tuổi ấu thơ, được nàng “vỡ lòng” đưa vào đời sống thể thao, dần dà tách khỏi nàng; về mặt trí tuệ, nỗi tò mò muốn biết nàng nghĩ gì về vấn đề này nọ cũng không sống lâu hơn niềm tin rằng tôi có thể hôn nàng. Những giấc mơ của tôi từ bỏ nàng ngay khi chúng thôi không được nuôi dưỡng bằng hy vọng đạt tới một sự chiếm đoạt mà tôi ngỡ chúng không lệ thuộc vào. Từ đó, chúng tự do chuyển qua cô này hay cô nọ - tùy theo hôm nào đó, tôi thấy cô ấy đáng yêu, nhất là nếu thấy lấp ló khả năng và cơ may được cô ta yêu - trong đám bạn Albertine, trước nhất là Andrée. Tuy nhiên, nếu không có

Albertine, thì có lẽ tôi đã chẳng được hưởng niềm vui thích càng lúc càng tăng mà tôi tìm thấy ở thái độ thân ái Andrée tỏ bày với tôi những ngày sau đó. Albertine không nói với ai về thất bại của tôi tối hôm đó trong phòng nàng ở khách sạn. Nàng thuộc loại những cô gái xinh xinh, ngay từ dạo còn trẻ măng, đã được ưu đãi, lúc nào và ở đâu - trong gia đình, giữa các bạn gái, trong giới thượng lưu - cũng được ưu ái hơn những cô đẹp hơn, giàu hơn, vì nhan sắc đã đành, nhưng nhất là vì một nét duyên, một nét quyến rũ còn khá bí ẩn, có lẽ bắt nguồn từ một trữ lượng sinh lực ở đó những người kém được thiên nhiên ưu đãi tìm thấy một cái gì tươi mát như dòng suối; nàng thuộc loại những người chưa đến tuổi yêu - và đến tuổi đó rồi lại càng thế - đã bị yêu cầu nhiều hơn mức chính họ yêu cầu ở bản thân và thậm chí hơn cả những gì họ có để cho. Từ thuở bé, Albertine đã được bốn, năm bạn nhỏ cùng lứa ngưỡng mộ, trong đó có Andrée, người xuất sắc hơn hẳn và biết thế (và có lẽ chính cái sức hấp dẫn vô hình trung tỏa ra từ Albertine là khởi điểm để lập ra băng nhóm nhỏ này). Sức hấp dẫn ấy thậm chí còn lan tỏa ra khá xa, trong những môi trường tương đối cao sang hơn, ở đó nếu khởi nhạc một điệu nhảy *pavan*, người ta thường ưng mời Albertine hơn là một cô gái dòng dõi hơn. Hậu quả là, mặc dù không có lấy một xu làm của hồi môn, sống nghèo nàn, hơn nữa lại phải nhờ cậy vào sự chu cấp của ông Bontemps, con người gian xảo - theo dư luận thiên hạ - chỉ mong rũ bỏ được cô cháu gái, Albertine vẫn được mời không chỉ đến ăn tối mà còn lưu lại cuối tuần ở nhà những người mà Saint-Loup cho là chẳng có chút gì

là thanh lịch, nhưng trong mắt các bà mẹ của Rosemonde hay Andrée, giàu có nhường ấy mà vẫn không mon men tới làm quen được với họ, những người đó là một cái gì cao siêu ghê gớm. Như vậy, năm nào Albertine cũng qua mấy tuần ở gia đình một ông thống đốc Pháp quốc Ngân hàng, chủ tịch Hội đồng hành chính của một công ty hỏa xa lớn. Bà vợ nhà tài chính này tiếp những nhân vật quan trọng và không bao giờ nói ngày tiếp tân của mình cho mẹ Andrée biết, khiến bà này thấy thế là bất lịch sự, tuy thế vẫn cực kỳ quan tâm muốn biết mọi chuyện diễn ra ở nhà vị phu nhân ấy. Cho nên năm nào bà cũng thúc Andrée mời Albertine đến ở ngôi biệt thự của gia đình bởi vì - bà nói - thu xếp một đợt lưu trú nghỉ mát bên bờ biển cho một cô gái không có khả năng tự lo lộ phí hành trình và chẳng được bà cô đoái hoài gì đến mấy tí, là làm một việc thiện. Có lẽ động cơ thúc đẩy mẹ Andrée làm thế không phải là hy vọng vợ chồng ông thống đốc ngân hàng khi biết Albertine được bà và con gái yêu chiều, sẽ nghĩ tốt về hai mẹ con bà; càng không phải là bà hy vọng rằng Albertine, vốn tốt bụng và khôn khéo, sẽ biết cách để bà, hoặc ít nhất là Andrée, được mời tới những *garden-party* của nhà tài chính. Nhưng mỗi tối vào bữa ăn, ngoài mặt làm ra vẻ coi thường và dửng dưng, bà thích mê nghe Albertine kể những chuyện xảy ra ở lâu đài trong thời gian nàng ở đó, những nhân vật được tiếp ở đó mà nàng biết mặt hoặc biết tên gần hết. Thậm chí ý nghĩ rằng mình chỉ quen biết họ bằng cách ấy, có nghĩa là hoàn toàn không quen (điều mà bà gọi là “quen từ đời nào đời nào”) khiến mẹ Andrée

thoáng buồn trong khi bà hồ hững hỏi Albertine về họ với vẻ kiêu kỳ và lơ đãng; và ý nghĩ đó còn có thể gieo trong đầu bà chút phân vân hồ nghi về tầm mức địa vị xã hội của chính mình nếu bà không tự trấn an và đưa mình trở lại “thực tế cuộc đời” bằng cách nói với viên quản gia: “Anh bảo đầu bếp là món đậu Hà Lan của anh ta còn khá sượng nhé”. Thế là bà liền trở lại thanh thản. Và bà nhất quyết sẽ chỉ gả Andrée cho một người, tất nhiên phải thuộc hạng danh gia vọng tộc đã đành, mà còn phải đủ giàu để nó cũng có một đầu bếp và hai xà ích. Cái đó là điều khẳng định, là thực tế hiệu dụng của một địa vị. Nhưng việc Albertine thường ăn tối ở lâu đài của ông thống đốc nhà băng với phu nhân này, phu nhân nọ, thậm chí một trong những bà ấy đã mời nó làm khách của gia đình vào mùa đông năm sau, việc đó dù sao cũng khiến mẹ Andrée nhìn Albertine với một sự trân trọng nào đó rất phù hợp với thái độ thương hại, thậm chí khinh rẻ trước cảnh bất hạnh của cô gái, sự khinh rẻ càng tăng lên bởi việc ông Bontemps trở cò và về phe ủng hộ chính phủ, thậm chí nghe đâu còn hơi dây dướng với vụ Panama* nữa. Điều đó không ngăn bà mẹ của Andrée, vì lòng yêu chân lý, tỏ vẻ khinh bỉ ra mặt những người có vẻ tin là Albertine xuất thân từ tầng lớp thấp hèn. “Sao kia, họ thuộc hàng danh giá nhất, dòng họ Simonet - Simonet với một chữ *n* thôi nhé.” Dĩ nhiên, do cái môi trường trong đó mọi sự đó diễn biến, nơi tiền bạc đóng một vai trò to lớn, nơi sự thanh lịch chỉ là tiêu chí để là khách mời chứ không phải để kết hôn, xem ra không một cuộc hôn nhân “tàm tạm” nào có thể là kết quả của sự quý trọng đặc biệt người

ta dành cho Albertine nhưng vẫn thấy cái đó không đủ để bù lại hoàn cảnh nghèo khó của nàng. Nhưng ngay cả chỉ với chừng nấy và không mang lại triển vọng hôn nhân tốt đẹp nào, những “thành công” ấy cũng kích thích lòng ganh tị của một số bà mẹ ác tâm, lồng lộn điên cuồng khi thấy bà vợ ông thống đốc nhà băng và thậm chí cả bà mẹ của Andrée (mà họ chỉ quen biết sơ sơ) tiếp đãi Albertine như “con cái trong nhà”. Cho nên họ nói với bạn chung của họ và của hai vị phu nhân kia rằng hai bà ấy ắt sẽ phần nộ nếu biết sự thật, nghĩa là Albertine khi ở nhà bà này thì đem chuyện nhà bà kia ra kể (và ngược lại), những điều riêng tư mà nhờ tình thân “trong nhà” hai bà đã đại dột ban cho nó, con bé đã phát hiện ra, hàng ngàn bí mật nho nhỏ thôi nhưng sẽ vô cùng khó chịu cho hai bà nếu để tiết lộ ra. Những bà ghen ăn tức ở này nói vậy cốt sao những điều ấy được mạch lạc với hai bà bảo trợ, nhằm làm cho Albertine thất sủng. Nhưng, như thường vẫn xảy ra, những toan tính ấy không mấy may thành công. Người ta đọc thấy quá rõ động cơ đầy ác ý trong đó và do vậy càng thêm khinh những kẻ chủ mưu. Quan điểm của mẹ Andrée về Albertine đã xác định quá dứt khoát để có thể thay đổi: bà coi nàng như một cô bé “bất hạnh” nhưng theo một cách ưu việt, chỉ muốn mang lại niềm vui cho mọi người.

Sự hâm mộ của mọi người đối với Albertine, tuy có vẻ không mang lại kết quả gì thiết thực, nhưng dù sao cũng in sâu trong nàng cái đặc điểm của những người luôn được săn đón, không bao giờ cần phải đi bước trước (đặc điểm ấy, nơi đâu kia xã hội, vì những lý do tương tự, ta cũng

thường gặp ở những người phụ nữ hết sức thanh lịch), đó là: chẳng những không phô, mà còn muốn giấu đi những thành công của mình. Nàng không bao giờ nói về một người nào đó: “Anh ta thêm gặp tôi muốn chết”, nói về ai nàng cũng tỏ ra đầy thiện ý, như thể chính nàng mới là người chạy theo cầu thân với những người khác vậy. Nếu người ta nhắc đến một chàng trai mấy phút trước vừa trách móc nàng kịch liệt vì đã khước từ một cuộc hẹn hò với anh ta, thì chẳng những không công khai khoe “chiến tích” của mình hoặc giận anh ta, Albertine còn khen: “Đó là một chàng trai thật tử tế!” Thậm chí nàng còn thấy phát ngán về nỗi nhiều người thích mình đến thế, vì điều đó buộc nàng phải gây đau buồn trong khi về bản chất, nàng chỉ thích đem lại niềm vui. Nàng thích đem lại niềm vui tới mức đi đến chỗ thực hành một kiểu nói dối đặc trưng của một số người thực dụng, một số người đàn ông hãnh tiến, vốn tồn tại sẵn ở dạng phôi thai trong rất nhiều người, cái cách không chân thật này nằm ở chỗ không biết thỏa mãn với việc làm hài lòng một người duy nhất bằng một hành động duy nhất. Chẳng hạn, nếu bà cô Albertine muốn cháu gái tháp tùng mình đến dự một cuộc gặp mặt xã giao chán phèo, Albertine lẽ ra, bằng việc tuân theo, có thể tìm thấy sự thỏa mãn tinh thần vì đã làm hài lòng bà cô và xem thế là đủ. Nhưng được gia chủ đón tiếp ân cần, nàng thấy cần phải nói với họ rằng nàng ao ước được gặp họ từ lâu đến nỗi đã chọn cơ hội này để xin bà cô cho phép đi theo. Như thế vẫn chưa đủ: tại cuộc tiếp tân này, có một cô bạn của Albertine đang ôm một nỗi buồn lớn. Albertine nói với bạn:

“Mình không muốn để cậu một mình, mình nghĩ sẽ tốt cho cậu nếu có mình ở bên cạnh. Nếu cậu muốn rời bỏ cuộc tiếp tân này đi chỗ khác, mình sẽ làm theo ý cậu, điều mình muốn trước hết là thấy cậu đỡ buồn” (vả chăng, điều đó cũng đúng sự thật). Tuy nhiên, có khi mục đích giả tạo lại phá hủy mục đích thật sự. Chẳng hạn, Albertine đến gặp một vị phu nhân để nhờ giúp một trong số bạn mình một việc. Nhưng tới nơi, thấy bà là người tốt bụng và đầy thiện cảm, cô gái bất giác tuân theo cái nguyên lý một-công-đôi-ba-việc, nghĩ rằng sẽ dễ thương hơn nếu tỏ cho bà ta thấy lý do duy nhất khiến mình đến là để được cảm thấy niềm vui gặp lại bà. Vị phu nhân vô cùng xúc động thấy Albertine đã đi cả một chặng đường dài chỉ vì mến mộ mình. Thấy vậy, Albertine càng quý mến bà hơn. Có điều, chuyện xảy ra là thế này: sau khi nói dối rằng mình đến cốt tìm lại niềm vui được gặp bà, nàng thực sự cảm thấy nó mãnh liệt đến nỗi đâm sợ bà nghi ngờ tình cảm thật ra là chân thành của mình nếu bây giờ lại quay ra nhờ vả bà giúp bạn mình. Vị phu nhân sẽ nghĩ rằng Albertine đến vì chuyện ấy - mà đúng là thế thật - nhưng bà sẽ kết luận rằng cái mà Albertine nói là niềm vui được gặp bà” chẳng hề vô tư, có nghĩa là giả dối. Thành thử Albertine ra về mà không dám nhờ việc của bạn, như kiểu những người đàn ông, với hy vọng chinh phục một người đàn bà, đã tỏ ra tốt đến nỗi rốt cuộc không tỏ tình để giữ cho lòng tốt của mình một tính chất cao thượng. Trong những trường hợp khác, không thể nói rằng mục đích chính đã bị hy sinh cho mục đích phụ về sau mới nghĩ ra: hai mục đích trái ngược nhau

đến nỗi nếu người mà Albertine làm cho cảm động bằng mục đích này, sau đó lại biết mục đích kia, thì đang từ vui lập tức chuyển sang buồn sâu sắc. Đoạn sau của câu chuyện này (nhưng còn xa) sẽ cho ta hiểu rõ hơn loại mâu thuẫn này. Chúng xảy ra rất thường xuyên trong những tình huống cực kỳ đa dạng của cuộc sống, như ta thấy trong thí dụ sau đây, rút từ một phạm trù sự việc hoàn toàn khác. Một anh chồng bao một cô nhân tình ở thành phố anh ta đóng quân. Ở Paris, người vợ biết được nửa phần sự thật, đau buồn, viết những bức thư đầy ghen tuông trách móc. Thế rồi cô nhân tình có việc phải qua Paris một ngày và yêu cầu anh ta cùng đi. Không cưỡng nổi lời năn nỉ của cô ta, anh xin được hai mươi bốn giờ phép. Nhưng vốn tốt bụng và khổ tâm vì đã làm vợ mình đau buồn, anh ta về nhà và, với mấy giọt nước mắt chân thành, nói với nàng rằng những bức thư của nàng đã làm anh ta cuống lên, tìm cách trốn về an ủi nàng bằng những nụ hôn. Như vậy, chỉ bằng một chuyến đi, anh ta đã chứng tỏ được tình yêu với cả vợ lẫn nhân tình. Nhưng nếu người vợ biết được anh ta về Paris vì lý do gì, chắc hẳn niềm vui của nàng sẽ biến thành nỗi đau, thù phi, bất chấp tất cả, việc gặp anh chồng phụ bạc vẫn khiến nàng sung sướng hơn là những lời dối trá của anh ta làm nàng đau khổ. Trong số những người mà tôi cảm thấy hay áp dụng phương sách “đa mục đích” này một cách có hệ thống nhất, phải kể đến ông De Norpois. Đôi khi ông chấp nhận làm trung gian hòa giải giữa hai người bạn đã tuyệt giao với nhau và điều đó khiến ông được coi là người giàu lòng giúp đỡ nhất trần đời. Không

thỏa mãn với việc tỏ ra sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của người xin ông giúp đỡ, ông còn nói với người ông đến thương thuyết rằng ông làm thế không phải theo thỉnh cầu của người bạn kia, mà là vì lợi ích của chính anh ta; và ông dễ dàng thuyết phục được anh ta, vốn đã bị ám thị bởi cái ý nghĩ rằng mình đang đối thoại với “con người giàu lòng giúp đỡ nhất trần đời”. Bằng cách ấy, bắt độ hai bề, tạo nên cái mà trong thuật ngữ cá độ, người ta gọi là “cửa bù”, ông không bao giờ để ảnh hưởng của mình có nguy cơ bị phương hại, và những hành vi giúp đỡ của ông không hề làm suy giảm, mà còn góp phần gia tăng, uy tín của ông. Mặt khác, những hành động trợ ích của ông, dường như được nhân đôi, càng làm ông nổi tiếng là người bạn luôn sẵn sàng giúp đỡ, hơn thế nữa, giúp đỡ một cách hiệu quả, không chỉ “chém dao xuống nước”, bằng chứng là cả hai bên liên quan đều biết ơn ông. Cách giúp đỡ “hai mang” ấy (có lúc cũng lộ tẩy, như ở mọi con người) là một bộ phận quan trọng trong tính cách của ông De Norpois. Và nhiều khi ở Bộ, ông lợi dụng cha tôi, vốn tính thật thà, mà lại khiến cha tôi nghĩ là mình lợi dụng ông ta.

Được hâm mộ hơn mức mình mong muốn và chẳng cần phải quảng cáo rùm beng những thành công của mình, Albertine không hé một lời nào về cái màn kịch giữa nàng và tôi bên giường nàng, mà một cô gái xấu xí ắt đã muốn nói vung cho cả thế giới biết. Về chẳng thái độ hôm ấy của nàng, tôi vẫn không sao giải thích nổi. Về cái giả thuyết nàng là một cô gái tuyệt đối đức hạnh (giả thuyết mà thoát đầu tôi xem như là lý do khiến nàng cự tuyệt dữ dội, quyết

không chịu để tôi hôn và chiếm đoạt, và chẳng nó hoàn toàn không cần thiết để tôi hình thành quan niệm về lòng tốt và trung thực là cố cách cơ bản của nàng), tôi không ngừng chỉnh sửa nó nhiều lần. Giả thuyết này trái ngược biết bao với giả thuyết tôi đã xây dựng hôm đầu tiên gặp Albertine! Rồi bao hành động khác nhau, đều là ân cần đối với tôi (một sự ân cần đơn trớn, đôi khi lo âu, hoảng hốt, thậm chí hờn ghen vì thấy tôi thích Andrée) nhận chìm cái cử chỉ dữ dằn kéo chuông để ngăn chặn tôi. Vậy tại sao nàng lại yêu cầu tôi đến qua buổi tối bên giường nàng? Tại sao suốt thời gian ấy, nàng toàn nói ngôn ngữ của yêu thương? Điều gì là nguyên nhân sâu xa dẫn tới nỗi mong muốn gặp người bạn trai ấy, sợ anh ta thích bạn mình hơn, cố tìm cách làm đẹp lòng anh ta, nói với anh ta một cách lảng mạn rằng sẽ chẳng ai khác biết “chúng mình ở bên nhau tối nay”, trong khi đó lại từ chối anh ta một niềm vui đơn giản đến thế, như thế đó không phải là niềm vui cho chính mình? Dù sao tôi cũng không thể tin rằng Albertine đức hạnh đến thế và do đó tôi đi đến chỗ tự hỏi: liệu trong thái độ cự tuyệt quyết liệt của nàng có một lý do “làm duyên làm dáng” - chẳng hạn người nàng có một mùi gì không thơm tho mà nàng sợ có thể làm tôi khó chịu - hoặc nhát gan - chẳng hạn, vì không biết gì về những thực tế trong ân ái, nàng tưởng trạng thái yếu thần kinh của tôi có thể lây sang nàng bằng một nụ hôn.

Chắc chắn là ân hận vì đã không chiều theo ý tôi, nàng cho tôi một cây bút chì nhỏ mạ vàng, hành động theo cái cách tai ác đức hạnh của những người tuy cảm động vì sự

tử tế của anh nhưng không đành lòng cho cái mà anh yêu cầu, muốn bù lại bằng một ân huệ khác: nhà phê bình, thay vì viết bài ca ngợi một tiểu thuyết gia, mời ông ta đi ăn tối; nàng nữ công tước không cho anh chàng trọc phú học làm sang theo mình đến nhà hát, nhưng gửi thiệp cho anh ta sử dụng buồng “lô” thuê bao của mình một buổi diễn nàng không đến dự. Như vậy những người chỉ cho cái tối thiểu hoặc có thể chẳng đến đáp lại gì thì lương tâm áy náy thúc giục phải làm một cái gì!

Tôi nói với Albertine rằng với việc cho tôi cây bút chì, nàng đã đem đến cho tôi một niềm vui lớn, tuy không lớn bằng niềm vui mà tôi ắt đã có nếu như tối hôm đến ngủ ở khách sạn, nàng đã cho phép tôi hôn.

“Nếu vậy, tôi đã sướng bằng lên tiên! Cái đó thì có thể làm cô mất mát gì? Tôi lấy làm ngạc nhiên là cô đã từ chối không để tôi làm thế.”

“Điều làm em ngạc nhiên,” nàng đáp, “là anh lại thấy điều đó là đáng ngạc nhiên. Em tự hỏi anh đã quen loại con gái nào để đến nỗi ứng xử của em làm anh thấy bất ngờ.”

“Tôi xin lỗi đã làm cô tức giận, nhưng ngay cả bây giờ tôi vẫn không thể nói rằng điều mình đã làm là sai trái. Tôi nghĩ đó là những điều chẳng có gì là quan trọng và tôi không hiểu là một cô gái sẵn sàng đem lại niềm vui lại không thuận tình chấp nhận điều đó. Ta hãy thỏa thuận nhé,” tôi nói thêm để nhượng bộ phần nào những ý tưởng về đạo đức của nàng khi chợt nhớ lại nàng và các bạn nàng đã phỉ báng cô bạn gái của nữ diễn viên Léa như thế nào, “tôi không định nói rằng một cô gái có thể làm bất cứ điều

gì, rằng chẳng có gì là vô luân cả. Chẳng hạn như những quan hệ giữa một cô gái ở Balbec mà các cô nhắc đến hôm nọ với nữ diễn viên Léa, tôi thấy thật ghê tởm, ghê tởm đến nỗi tôi nghĩ rằng những kẻ thù của cô ta đã bịa ra chuyện đó, rằng chuyện đó là không có thật. Tôi thấy chẳng lẽ lại có chuyện như thế - không, không thể có chuyện như thế. Nhưng để cho một người bạn trai hôn mình, thậm chí hơn thế nữa - bởi cô đã nói tôi là bạn của cô - thì...”

“Đúng, anh là bạn của em, nhưng trước anh, em đã có những bạn trai khác, em đã quen biết những chàng trai cũng dành cho em tình thân hữu không kém gì anh, em đảm bảo thế. Ấy thế mà không một ai trong số đó dám làm một điều tương tự. Họ biết họ sẽ nhận được hai cái tát nếu họ làm thế. Vả lại, họ thậm chí không hề nghĩ đến chuyện đó, tụi em siết tay nhau rất thẳng thắn, rất hữu hảo; không bao giờ tụi em nói đến chuyện hôn nhau và chẳng vì thế mà kém thân thiết. Thôi nào, nếu anh thiết tha muốn có tình bạn của em thì anh có thể hài lòng rồi đấy vì em phải yêu quý anh lắm mới tha thứ cho anh. Nhưng em dám chắc anh đâu có cần em. Hãy thú nhận rằng Andrée mới là người anh thích đi. Thật ra, anh cũng có lý, Andrée tử tế hơn em nhiều và nó đẹp mê hồn! Ôi! Những người đàn ông!”

Mặc dù nỗi thất vọng của tôi mới qua chưa lâu, những lời rất bộc trực đó, ngoài việc khiến tôi càng thêm trân trọng Albertine, còn gây cho tôi một cảm giác rất êm ái nữa. Và có lẽ cái cảm giác này về sau lại có những hậu quả lớn và tai hại đối với tôi, vì chính bởi nó mà bắt đầu hình thành cái tình cảm gần như gia đình, cái hạt nhân tinh thần sẽ mãi

tồn tại giữa tình yêu của tôi đối với Albertine. Một tình cảm như vậy có thể là nguyên nhân gây ra những buồn khổ lớn nhất. Bởi vì, phải đã từng hoàn toàn tin ở một người đàn bà mới thực sự đau khổ vì nàng. Lúc này đây, sự trân trọng tinh thần và tình bạn còn nằm giữa tâm hồn tôi ở dạng phôi thai của một cái mầm, tựa như một cái móng tường chờ được xây tiếp. Riêng mình nó ắt chưa thể làm gì để ngăn trở hạnh phúc của tôi nếu nó vẫn nguyên như thế không phát triển trong một trạng thái quán tính còn duy trì đến năm sau, ít nhất là trong những tuần cuối đợt nghỉ đầu tiên này của tôi ở Balbec. Nó ở trong tôi như một thứ ký sinh mà nếu thật trọng hơn, tôi nên tống ra luôn, nhưng vẫn để nguyên không đụng tới: tạm thời nó vẫn vô hại vì còn yếu và bị cô lập giữa một môi trường xa lạ.

Giờ đây, những mơ mộng của tôi lại tự do lang bang chuyển sang cô này hay cô kia trong nhóm bạn của Albertine, trước tiên là sang Andrée. Sự ân cần của Andrée hẳn sẽ không làm tôi cảm động đến thế nếu tôi không chắc chắn rằng trước sau Albertine cũng sẽ biết. Dĩ nhiên, do từ lâu đã vờ như thích Andrée - thường xuyên cụm đầu chuyện trò to nhỏ, thì thâm tâm sự - động tác giả ấy đã tạo cho tôi một vẻ bề ngoài sẵn sàng yêu Andrée, chỉ cần bổ sung thêm một tình cảm chân thành mà con tim tôi, giờ đây trở lại tự do, có thể cung cấp. Nhưng Andrée quá thiên về trí tuệ, quá yếu về thần kinh cũng như thể trạng, quá giống tôi, để tôi có thể thực sự yêu nàng. Nếu giờ đây trong mắt tôi Albertine có vẻ trống rỗng, thì Andrée lại tràn đầy một cái gì mà tôi quá biết. Hôm đầu tiên thấy Andrée trên bãi

biển, tôi đã ngỡ nàng là người tình của một tay đua xe đạp, say mê thể thao, nhưng nàng đã cho tôi biết nàng tập thể thao là theo lệnh của thầy thuốc để điều trị chứng suy nhược thần kinh và rối loạn dinh dưỡng, nhưng với nàng, những giờ thực sự tốt đẹp là khi nàng lao vào dịch một cuốn tiểu thuyết của George Eliot*. Nỗi thất vọng của tôi, hậu quả của một nhầm lẫn ban đầu về thực chất của Andrée, thực ra, chẳng có gì quan trọng đối với tôi. Nhưng đó thuộc loại những ngộ nhận mà nếu chúng tạo điều kiện cho tình yêu nảy sinh và chỉ đến khi tình yêu đã cố định không thể thay đổi được nữa mới vỡ lẽ ra là “bé cái lắm”, chúng trở thành một nguyên nhân gây đau khổ. Những ngộ nhận này - bao gồm cả những nhầm lẫn khác với, hoặc thậm chí trái ngược hẳn với ngộ nhận của tôi về Andrée - là do nhiều khi (đặc biệt như trong trường hợp của Andrée) ta muốn được xem như một người nào khác không phải là mình, do đó mang cái vẻ bề ngoài và những cung cách của người ấy, vừa đủ để gây ảo tưởng khi mới thoạt nhìn. Cộng vào vẻ bề ngoài, năng khiếu giả đò, bắt chước, niềm mong muốn được mọi người - cả người tốt lẫn kẻ xấu - ngưỡng mộ bổ sung thêm những lời nói và cử chỉ “nhái” y như thật. Có những kẻ vô sỉ, những kẻ tàn ác, qua tiếp xúc thường xuyên, không thể giấu mãi bản chất, cũng như một số người tốt, một số người hào hiệp. Giống như ta thường phát hiện một người được tiếng hay làm từ thiện hóa ra là kẻ bủn xỉn thích khoe khoang, ta có thể lầm tưởng một cô gái đoan trang, đầy định kiến là một Messaline* do thấy cô như cố tình phô phang thói xấu của mình. Tôi đã ngỡ thấy ở

Andrée một con người khỏe khoắn không tật bệnh và thô sơ, trong khi nàng chỉ là một người kiếm tìm sức khỏe, có lẽ cũng giống nhiều người mà bản thân nàng tưởng là có sức khỏe nhưng thực ra không phải thế, cũng như một người thấp khớp to béo, mặt đỏ phây phây, mặc áo vét flanen không nhất thiết là một đại lực sĩ. Vậy mà có những trường hợp hạnh phúc của ta không khỏi gợn vẩn khi phát hiện ra người mình yêu vì thấy nàng có vẻ lành mạnh không bệnh tật gì, trên thực tế lại là một người bệnh chỉ nhận được sức khỏe từ những người khác, giống như những hành tinh lấp lánh bằng ánh sáng mượn, như một số vật thể chứa điện chỉ do chúng có tính dẫn điện.

Mặc dù vậy, Andrée, cũng như - thậm chí còn hơn - Rosemonde và Gisèle, vẫn là bạn thân của Albertine, cùng nhau chia sẻ cuộc đời, bắt chước cung cách của nhau đến nỗi hôm đầu tiên tôi không phân biệt nổi người nọ với người kia. Giữa những cô gái ấy, những đóa hoa hồng cuống dài duyên dáng nổi bật trên nền biển xanh, vẫn là cái đặc tính không thể phân chia như hồi tôi chưa quen họ, khi mà sự xuất hiện của bất cứ cô nào đều khiến tôi xiết bao xúc động vì biết cả nhóm đang tới gần. Đến tận bây giờ, hễ gặp một cô, lòng tôi vẫn còn rộn lên một cảm giác hoan hỉ trong đó quỵện lẫn - với một tỷ lệ tôi không xác định được - niềm vui được thấy các cô khác theo sau, hoặc thậm chí nếu hôm ấy họ không đến, thì ít nhất cũng là niềm vui được nói về họ và biết rằng họ sẽ được kể lại rằng tôi đã đến bãi biển.

Giờ đây, không còn đơn thuần là sự hấp dẫn của buổi

đầu, mà thật sự là một nỗi lòng muốn yêu, phân vân giữa tất cả vì một cách tự nhiên, cô nào cũng có thể thay thế cô nào. Cho dù cô gái tôi yêu thích nhất trong nhóm có bỏ tôi thì chưa chắc đó là nỗi buồn lớn nhất của tôi, nhưng tôi thì sẵn sàng chọn ngay người có thể sẽ bỏ tôi vì như vậy tôi có thể dồn lên nàng toàn bộ màn sương buồn và mơ mộng là nỗi phân vân của tôi giữa cả nhóm. Lại nữa, trong trường hợp này, với việc chọn người mình ưa thích nhất, tôi sẽ nhớ tiếc một cách vô thức tất cả các bạn nàng mà tôi đã dâng hiến một thứ tình yêu tập thể và trong mắt họ, chẳng bao lâu nữa tôi sẽ mất hết uy tín, giống như một chính khách hay một diễn viên, sau khi rời bỏ chính trường hay sân khấu, luyến tiếc khôn nguôi sự mến mộ của đám công chúng từng đã hết lòng ưu ái họ. Ngay cả sự ưu ái mà tôi không được Albertine ban cho, tôi bỗng hy vọng nhận được từ cô này hay cô kia, khi buổi chiều chia tay ra về, nàng nói với tôi một câu hoặc liếc nhìn tôi một cái đầy hàm ý, khiến cả ngày hôm đó, nỗi niềm ham muốn của tôi chỉ hướng về nàng.

Niềm ham muốn ấy lượn lờ giữa các cô gái trong nhóm, đầy khoái cảm, nhất là vì trên những gương mặt linh hoạt đó, các đường nét đã bắt đầu định hình một cách tương đối, đủ để người ta có thể nhận ra chân dung chủ đạo, tuy chưa cố định dứt khoát và có thể còn thay đổi. Hẳn là những khác biệt về chiều dài chiều rộng của các nét diện mạo không hề tương ứng với những khác biệt giữa các gương mặt; những nét này, từ cô gái này sang cô gái khác, mặc dù họ hoàn toàn không giống nhau, vẫn gần như có thể chồng

lên nhau được. Nhưng ta đâu có nhận biết các gương mặt theo cách toán học. Trước hết, sự nhận biết ấy không bắt đầu bằng việc đo các bộ phận cấu thành, điểm xuất phát của nó là một sắc diện, một ấn tượng về tổng thể. Ở Andrée chẳng hạn, sự thanh nhã của đôi mắt dịu hiền dường như hòa hợp với sống mũi hẹp, mảnh như một đường cong đơn sơ vạch ra cốt để tiếp tục duy trì trên một tuyến duy nhất ý đồ tinh tế nhất quán vừa bị chia đôi trong nụ cười lưỡng phân của cặp đồng tử song sinh. Một đường ngôi cũng tinh tế như thế chạy xuyên mái tóc nàng, mềm mại và sâu như một luồng gió cày trên cát. Và điểm này chắc là do di truyền: tóc của mẹ Andrée, giờ đã bạc trắng, cũng bỗng lên theo cùng một cách, tạo thành những chỗ lồi, lõm như lớp tuyết nhấp nhô theo đường lượn gập ghềnh của địa hình. Dĩ nhiên, so với đường nét thanh mảnh của mũi Andrée, mũi của Rosemonde có vẻ bề thế khoáng đạt hơn, như một ngọn tháp cao ngự trên một bệ vững chãi. Nhưng mặc dù riêng sự biểu cảm cũng đủ khiến người ta lầm tưởng có những khác biệt mệnh mông giữa những cái chỉ chênh nhau tí tẹo - mặc dù “chênh nhau tí tẹo” cũng đủ tạo nên một sắc diện hoàn toàn đặc biệt, một cá tính - trong trường hợp này, không phải chỉ cái “chênh nhau tí tẹo” về đường nét và sự độc đáo trong biểu cảm khiến cho những gương mặt của họ không thể quy giản về một mô thức. Chính màu sắc của làn da mới tạo nên sự cách biệt sâu sắc giữa những gương mặt các cô bạn gái của tôi, không chỉ bởi cái đẹp đa dạng của những sắc độ khác nhau đến nỗi niềm vui thích dạt dào trong tôi khi đứng trước Rosemonde - tràn trề một

màu hồng ngả vàng lại phảng phất chút ánh sáng xanh dịu của đôi mắt - cũng như khi thấy Andrée - với đôi má trắng muốt mà màu đen khắc khổ của mái tóc càng làm nổi bật - giống như niềm vui thích tôi lần lượt cảm thấy khi nhìn một bông hoa phong lữ thảo bên bờ biển đầy nắng rồi lại ngắm một đóa hoa trà trong đêm; mà nhất là vì những khác biệt vô cùng nhỏ nhoi giữa những đường nét bóng được phóng to vô hạn độ, những tương quan giữa các bề mặt bóng hoàn toàn thay đổi bởi cái yếu tố mới ấy về màu sắc, không những chỉ phân phối sắc độ mà còn tạo sinh, hay ít nhất, thay đổi các kích thước. Thành thử những gương mặt, có lẽ được cấu tạo không mấy khác nhau, tùy theo hiệu quả ánh sáng - một mái tóc màu nâu đỏ hừng lên ánh hồng hồng, một làn da trắng hắt ánh nhờ nhờ - có thể dài ra hoặc rộng ra, trở thành một vật khác như những phụ trang của đoàn ba lê Nga đôi khi, nếu nhìn giữa ban ngày, chỉ là một khoanh giấy nhỏ mà thiên tài của Bakst*, tùy theo ông tắm cảnh trí trong một ánh sáng phơn phớt hồng hay bằng lảng như ánh trăng, làm cho gắn chắc vào đó như một viên ngọc lam nằm trên mặt tiền một cung điện, hay nở bùng như một đóa hồng Bengale giữa một vườn hoa. Như vậy, khi cảm nhận những gương mặt, chúng ta có đo chúng, nhưng theo cách của họa sĩ chứ không theo cách của nhân viên đo đạc.

Xét từ góc độ này, mặt Albertine cũng không khác mặt các bạn mình. Có những hôm, mảnh mai, nước da tái tái, vẻ ảm đạm, nơi đáy mắt xiên xiên một ánh tim tím trong veo như mặt biển đôi khi vẫn vậy, nàng dường như mang nặng

nổi sâu biệt xứ. Những hôm khác, mặt nàng mượt mà hơn đánh bầy ham muốn của tôi dính chặt vào đó, không cho rời; trừ phi tôi chột nhìn nàng từ bên cạnh, đôi má trắng như sáp trên bề mặt, lại ửng hồng từ bên trong, khiến ta xiết bao muốn hôn lên đó, muốn thấu tận cái sắc hồng bên trong không thể nắm bắt được ấy. Những lần khác, niềm vui sướng làm má nàng như tắm trong một luồng sáng linh động đến nỗi làn da như chuyển sang thể lỏng, mơ hồ, tựa hồ có những tia nhìn chạy xuyên bên dưới khiến nó có vẻ như cùng một chất liệu với đôi mắt tuy không cùng màu; thi thoảng, khi không chủ ý, ta bắt gặp gương mặt nàng điểm những chấm nâu nhỏ chỉ thoáng bóng bênh hai vệt xanh lơ, ta bỗng có cảm giác như đang nhìn một quả trứng chim sẻ*, hay một viên mã não màu trắng óng ánh chỉ mài nhẵn hai chỗ, ở đó giữa chất đá nâu, tựa đôi cánh trong suốt của một con bướm màu xanh da trời, lấp lánh hai con mắt trong đó da thịt thành gương soi cho ta cái ảo tưởng là qua đó - hơn là qua bất kỳ bộ phận nào khác của cơ thể - có thể tiếp cận được tâm hồn. Nhưng thường thường, nàng hay rực rỡ sắc màu hơn và do đó linh hoạt hơn; đôi khi, trên gương mặt trắng ngần của nàng, chỉ hồng lên ở đầu mũi, thanh như mũi một chú mèo con tinh quái khiến ta muốn đùa giỡn với nó; đôi khi đôi má nàng nhẵn mượt đến độ luồng mắt ta trượt dài trên lớp men hồng của chúng mà mái tóc đen úp bên trên như một cái vung hờ càng làm cho thêm tinh tế và thân mật; có khi sắc má nàng tới độ hồng phơn phớt tím của hoa anh thảo, và mỗi Albertine một dạng khác, như mỗi lần người vũ nữ xuất hiện trên sân khấu một

khác do sự chuyển đổi màu sắc, hình thức, tính cách dưới ánh sáng biến hóa không cùng của ngọn đèn chiếu. Có lẽ vì những con người tôi thường ngắm ở nàng thời kỳ ấy quá đa dạng mà về sau tôi dần có thói quen biến bản thân mình thành một nhân vật khác tùy theo tôi nghĩ tới nàng Albertine nào trong số đó: một tay cả ghen, một gã thờ ơ, một gã hoan lạc, một anh chàng sâu muộn, một người nổi giận, những tính cách được tái tạo không chỉ bởi một kỷ niệm ngẫu nhiên trời dặt, mà còn do ảnh hưởng khả biến của tín niệm xen vào làm tôi thay đổi cách nhìn nhận đối với cũng vẫn kỷ niệm ấy. Bởi vì bao giờ cũng phải trở lại điều đó, trở lại những tín niệm đầy ắp tâm hồn ta phần lớn thời gian mà ta không biết, nhưng đối với hạnh phúc của ta, những tín niệm này còn quan trọng hơn một người nào đó đứng trước mắt ta, vì chính qua chúng mà ta nhìn người ấy, chính chúng ước định tầm quan trọng nhất thời cho người ấy. Để cho chính xác, lẽ ra tôi phải đặt một cái tên riêng cho từng bản ngã của mình mỗi lần kế tiếp nghĩ đến Albertine; hơn thế nữa, lẽ ra tôi phải đặt một cái tên khác cho mỗi Albertine lần lượt xuất hiện trước mắt tôi, không bao giờ giống nhau, như những vùng biển (mà để cho tiện, tôi chỉ đơn giản gọi chung là biển) kế tiếp nhau làm nền cho nữ thủy thần không ngừng thay đổi của tôi. Nhưng nhất là, cũng theo cái cách người ta nói khi kể chuyện: “thời tiết ngày hôm đó...” nhưng hữu dụng hơn nhiều, lẽ ra bao giờ tôi cũng phải đặt tên cho cái tín niệm ngụ trong tâm hồn tôi một ngày nào đó tôi gặp Albertine, tạo nên không khí của nó, dáng vẻ của mọi người cũng như dáng

biến từng ngày, tùy thuộc vào những đám mây gần như vô hình làm thay đổi màu sắc của mọi vật do độ tập trung hay tản mạn, độ cơ động vùn vụt trôi của chúng - giống như đám mây mà một buổi chiều Elstir đã xé toang khi ông quên giới thiệu tôi với những cô gái.

Dĩ nhiên gương mặt của tất cả các bạn gái tôi đã thay đổi ý nghĩa đối với tôi từ khi lời lẽ trò chuyện của họ, trong chừng mực nào đó, chỉ ra cách đọc ý nghĩa đó; tôi gán cho những lời lẽ ấy một giá trị lớn, nhất là vì tôi có thể khơi gợi chúng theo ý mình bằng những câu hỏi tôi đặt ra với họ, khiến chúng luôn thay đổi, như một người làm thí nghiệm đặt mục tiêu cho những phản nghiệm là kiểm chứng những gì mình đã giả định. Và tổng lại, đây cũng là một cách giải bài toán cuộc đời: xáo lại vừa đủ gần những vật và những người mà từ xa ta cảm thấy là đẹp và bí ẩn để biết rằng những vật ấy, những người ấy chẳng có gì là bí ẩn, là đẹp; đó là một trong những phương thức vệ sinh tâm lý ta có thể chọn, một phép vệ sinh có lẽ không phải là rất đáng tin cậy, nhưng nó mang lại cho ta một trạng thái an tĩnh nào đó để sống qua cuộc đời và - vì nó khiến ta không còn luyến tiếc gì nữa bằng cách khẳng định rằng ta đã đạt tới cái tốt đẹp nhất và cái tốt đẹp nhất ấy cũng chẳng là gì to tát lắm - cam tâm đón nhận cái chết.

Tôi đã trục ra khỏi đầu óc các cô gái này ý thức coi khinh sự trinh bạch, kỷ niệm về những cuộc đan díu thoáng qua thường nhật để thay thế bằng những nguyên tắc lương thiện, đôi khi có thể bị thử thách nghiêm trọng nhưng cho đến giờ vẫn bảo được họ không đi chệch khỏi những giáo

huấn họ tiếp thụ từ môi trường trung lưu của mình. Khi ta lầm lẫn từ đầu, ngay cả về những chuyện vặt, khi một sai lầm về giả định hay về hồi ức khiến ta tìm kiếm kẻ bịa chuyện tào lao đầy ác ý hoặc nơi ta đã để thất lạc một vật nào đó, có khi ta phát hiện ra nó chỉ để thay thế bằng một sai lầm khác chứ không phải là sự thật. Nhìn nhận cách sống của họ và xác định cách ứng xử cần có đối với họ, tôi rút ra mọi hệ quả của từ “ngây thơ” mà tôi đọc thấy trên mặt họ trong khi trò chuyện thân mật với họ. Nhưng có lẽ tôi đã đọc nhầm do lướt nhìn quá nhanh và cái từ đó không hề được viết trên mặt họ, cũng như cái tên Jules Ferry không hề có trên tờ chương trình buổi biểu diễn trong đó lần đầu tiên tôi được nghe La Berma hát. Mặc dù vậy tôi vẫn cả quyết như đinh đóng cột với ông De Norpois rằng chính Jules Ferry là người viết màn giáo đầu*.

Đối với bất kỳ ai trong băng nhóm nhỏ các bạn gái của tôi, làm sao tôi không chỉ nhớ đọc một gương mặt gần đây nhất tôi thấy ở nàng, khi mà trí óc loại khỏi hồi ức của ta về một người tất cả những gì không góp phần một cách có ích trực tiếp cho những quan hệ hằng ngày của ta (ngay cả và nhất là nếu những quan hệ đó nhuốm chút tình yêu, cái thứ không bao giờ thỏa mãn, luôn luôn sống trong khoảnh khắc sắp tới)? Trí óc để chuỗi dây xích ngày đã qua vùn vụt trôi nhanh, chỉ giữ chắc đoạn cuối, thường là bằng một chất kim loại khác hẳn với những mắt xích đã biến mất trong đêm tối và trong hành trình của ta qua cuộc đời, nó chỉ coi xứ sở ta đang ở là có thật mà thôi. Những ấn tượng đầu tiên của tôi, giờ đã xa lắc, không thể tìm thấy trong ký ức

một trợ giúp nào để chống lại những biến dạng hằng ngày; trong những giờ tôi chuyện gẫu, vui chơi hoặc ăn uống với các cô gái ấy, tôi thậm chí không nhớ họ vẫn là những trinh nữ tàn nhẫn và gợi dục tôi thấy điều qua trước mắt như trong một bức tranh tường.

Quả là các nhà địa lý, các nhà khảo cổ đã đưa ta đến hòn đảo của Calypso* và khai quật cung điện của vua Minos*. Có điều Calypso chỉ là một người đàn bà, Minos chỉ là một vị vua, chẳng có gì là thần thánh hoang đường. Ngay cả những phẩm chất và khiếm khuyết mà môn lịch sử dạy ta là đặc thù của những con người có thật ấy nhiều khi khác xa những ưu, khuyết điểm mà ta gán cho những nhân vật huyền thoại cùng tên. Thế là tiêu tan toàn bộ pho huyền thoại biển khơi mỹ miều tôi tạo dựng những ngày đầu. Nhưng ít nhất một đôi lần ta được sống trong tình thân quen với những người ta đã từng khao khát và tưởng như không thể với tới được, cũng không phải là vô bổ. Trong giao lưu với những người mà thoát đầu ta thấy là khó chịu, bao giờ cũng dai dẳng tồn tại - ngay cả giữa niềm thích thú gượng gạo mà rốt cuộc, ta cũng tìm được khi ở bên họ - một dư vị pha tạp của những khuyết điểm trước nay họ vẫn che giấu được. Nhưng trong những quan hệ như kiểu giữa tôi với Albertine và các bạn nàng, niềm vui thích thật sự, vốn là khởi nguồn của chúng, để lại thứ hương thơm mà không một thủ thuật nhân tạo nào có thể mang lại cho những trái cây chín cưỡng, cho những chùm nho không chín dưới ánh mặt trời. Với tôi, có lúc họ đã từng là những con người siêu phàm và vẫn còn để lại - mặc dù tôi không ý

thức rõ điều ấy - một chút gì kỳ diệu trong những liên quan tế nhị nhất giữa tôi và họ, hay nói cho đúng hơn, giữ cho những liên quan ấy không bao giờ có bất cứ cái gì là tế nhị. Dục vọng của tôi đã xiết bao háo hức tìm hiểu ý nghĩa của những đôi mắt giờ đây đã quen biết tôi và mỉm cười với tôi, nhưng buổi đầu giao mắt tôi như những tia sáng từ một vũ trụ nào khác, nó đã phân phối hương, sắc lên bề mặt thẩm da thẩm thịt của những cô gái nằm dài trên bìa vách đá, chìa cho tôi miếng xăng-đuych hoặc chơi đố chữ với nhau, một cách rộng rãi và tử mĩ đến nỗi nhiều khi nằm dài trong chiều tà, tôi như một họa sĩ kiếm tìm cái lớn lao của thời cổ đại trong đời sống hiện đại, khoác cho người đàn bà cắt móng chân cái sang quý của “Người nhổ gai*”, hay, như Rubens, gộp các nữ thần cùng những người đàn bà mình quen biết vào một cảnh thần thoại*; tôi nhìn những thân hình yêu kiều, nước da và kiểu dáng thật khác nhau, nằm dài trên cỏ quanh tôi, không loại bỏ cái dung tục chứa chất trong họ bởi cuộc sống thường nhật, cũng chẳng nhớ rành nguồn gốc thiên giới của họ, như thể tôi đang đùa vui giữa những nữ thủy thần, giống như Hercule hay Télémaque*.

Thế rồi mùa hòa nhạc cũng kết thúc, thời tiết xấu bắt đầu, các bạn gái tôi rời Balbec, không phải tất cả cùng một lúc như đàn én, mà rải rác trong cùng một tuần. Albertine là người đi đầu tiên, đột ngột, không ai trong số các bạn nàng hiểu, cả lúc đó lẫn về sau, tại sao nàng bỗng nhiên bỏ về Paris, nơi chẳng có trò vui hay công việc gấp gáp nào chờ đợi nàng, “Chả nói rằng nói rứa gì, cứ thế là đi luôn,” Françoise làu bàu, mặc dù bác muốn chính chúng tôi cũng

làm thế. Bác cho rằng chúng tôi khinh suất đối với đám nhân viên, tuy đã giảm thiểu, nhưng vẫn còn được giữ lại một số để phục vụ những vị khách hiếm hoi còn lưu lại, đối với viên quản lý “phung phí tiền vô tội vạ”. Quả là từ lâu, khách sạn đã rục rịch đóng cửa, hầu hết khách trọ đã ra đi. Chưa bao giờ ở đây dễ chịu như thế. Tuy nhiên đó không phải là ý kiến của viên quản lý; suốt dọc các phòng khách giờ đây lạnh giá, chẳng có chú bồi nào canh cửa, ông ta đếm bước trên những dãy hành lang trong một chiếc áo đuôi tôm, gương mặt nhợt nhẽ được người thợ hớt tóc chăm chút kỹ đến độ có vẻ như là một hỗn hợp một-phần-thịt-ba-phần-mỹ-phẩm, liên tục thay đổi cà vạt (những thứ sang trọng này dù sao cũng đỡ tốn kém hơn việc duy trì hệ thống sưởi ấm và giữ nguyên nhân sự; và như một người không thể tiếp tục gửi mười nghìn franc đóng góp vào một công cuộc từ thiện, ông ta chẳng khó khăn gì để tỏ ra rộng rãi khi “boa” cả một trăm xu cho người bưu tá mang tới cho ông một bức điện). Coi bộ như ông ta đang thanh tra cỏi hư không và muốn, bằng trang phục sang trọng của cá nhân mình, khoác một dáng vẻ tạm thời cho cái tiêu tụy mà người ta cảm thấy trong khách sạn vào cái mùa thất thu này, và ông ta tựa như bóng ma của một vị hoàng đế trở lại thăm đóng đồ nát của nơi xưa kia từng là cung điện của mình. Ông ta bất mãn nhất là khi tuyến đường sắt địa phương, vì vắng hành khách, tạm ngừng hoạt động cho tới mùa xuân năm sau. “Cái thiếu ở đây - ông quản lý nói - là phương tiện giao thông.” Bất chấp những thua lỗ, ông ta vẫn lập những dự án vĩ đại cho những năm sau. Và vì dù

sao, ông vẫn còn nhớ chính xác những từ ngữ hay ho khi được áp dụng vào nghề kinh doanh khách sạn, với hiệu quả tôn cao tầm quan trọng của nó, ông nói: “Tôi không trợ giúp đủ mức, tuy rằng ở phòng ăn, tôi có một ê kíp ngon lành; nhưng bọn bồi phục vụ còn hơi kém. Năm tới, các vị sẽ thấy tôi tập hợp được một *đội hình* như thế nào.” Trong khi chờ đợi, việc tạm đình phục vụ của tuyến hỏa xa Balbec-Caen-Balbec buộc ông phải phái người đi nhận thư tín và thậm chí đôi khi phải chở khách đi bằng xe ngựa hai bánh. Tôi hay xin ngồi cạnh người đánh xe và nhờ vậy, tôi có được những cuộc dạo chơi trong mọi thời tiết như trong mùa đông tôi ở Combray.

Tuy nhiên, đôi khi mưa táp quá mạnh khiến bà cháu tôi không ra ngoài được. Casino thì đã đóng cửa, những hôm ấy, chúng tôi ngồi trong phòng khách hầu như vắng teo, như lán xuống hầm tàu vào lúc gió thổi mạnh, trong một chuyến hành trình xuyên đại dương, mỗi hôm một trong số những người suốt ba tháng ròng sống cạnh chúng tôi mà vẫn xa lạ - ngài chánh án thành phố Rennes, ngài chủ tịch Luật sư đoàn ở Caen*, một vị phu nhân người Mỹ và các con gái - lân la đến bắt chuyện với bà cháu tôi, tìm cách nào đó để thời gian bớt dài đằng đẳng, phát hiện một tài năng, dạy chúng tôi một trò chơi, mời chúng tôi uống trà hay cùng hòa tấu nhạc, mời tụ tập vào một giờ nào đó, hay cùng nhau hợp tác tạo nên một cách tiêu khiển chứa đựng cái bí quyết đặc dụng giúp ta, không phải đạt tới thích thú thật sự, mà chỉ là thích thú tiêu dao thời gian buồn chán, và cuối cùng, vào những ngày chót, thắt nối giữa họ và chúng

tôi một tình hữu hảo không kéo dài quá hôm sau, khi họ lần lượt ra về. Thậm chí tôi còn làm quen với chàng phú hộ trẻ, với một trong hai người bạn quý tộc của anh ta và với cô đào hát trở lại Balbec mấy ngày; nhưng cái nhóm nhỏ này chỉ còn lại có ba người sau khi anh bạn kia về Paris. Họ mời tôi đến ăn tối ở nhà hàng của họ. Tôi nghĩ họ khá hài lòng khi tôi không nhận lời. Nhưng họ đã mời hết sức thân ái và mặc dầu thực ra, người chủ xị là chàng phú hộ trẻ, những người kia chỉ là khách của anh ta, nhưng vì người bạn cặp kè với anh ta, hầu tước Maurice de Vaudémont, thuộc dòng dõi rất cao sang, nên khi hỏi tôi có ưng cùng dự tiệc không, bản năng tự nhiên xui nàng diễn viên nói như thế này để khiến tôi cảm thấy hãnh diện:

“Maurice hẳn sẽ rất vui nếu ông đến.”

Và khi gặp cả ba ở sảnh, chính hầu tước De Vaudémont nói với tôi trong khi chàng phú hộ trẻ lùi lại đằng sau:

“Ông không dành cho chúng tôi niềm vui được cùng ông dùng bữa tối được hay sao?”

Tổng lại, tôi chẳng mấy tận hưởng được Balbec, vì thế tôi càng muốn trở lại nơi này. Tôi có cảm giác như mình đã lưu lại đây quá ít thời gian. Các bạn tôi thì không nghĩ thế, họ viết thư hỏi tôi có tính chuyện định cư hẳn ở đó không. Thấy cái tên Balbec đề trên phong bì, và vì cửa sổ phòng tôi nhìn ra, không phải một cảnh thôn dã hay phố phường mà là bát ngát biển mà đêm đêm tôi nghe thấy hát rì rầm, biển cả mà tôi, như một con thuyền, tin cẩn ký thác giấc ngủ của mình, tôi có cái ảo tưởng rằng sự chung đụng này với những con sóng chắc sẽ thấm vào tiềm thức của tôi ý

niệm về cái đẹp mê hồn của chúng, như cách những bài học ngấm vào đầu cậu học trò trong giấc nồng.

Ông quản lý khách sạn hứa sang năm sẽ dành cho tôi phòng tốt hơn, nhưng giờ đây tôi đã gắn bó với căn phòng này của mình, nơi tôi không bao giờ còn ngửi thấy mùi hương bài khi bước vào nữa; và đầu óc tôi, dạo mới tới ở đó, phải khó khăn lắm mới phấn chấn lên được, nay, cuối cùng, đã khớp với kích thước của nó, chính xác vừa vặn đến nỗi khi về ngủ trong căn phòng cũ của mình ở Paris, tôi buộc phải lái đầu óc mình thích ứng theo chiều ngược lại, vì trần phòng bỗng trở nên quá thấp.

Quả vậy, đã đến lúc phải rời Balbec, cái rét và độ ẩm đã trở nên thấm buốt đến mức không thể lưu lại thêm trong cái khách sạn không có lò sưởi và máy sưởi này. Và lại, gần như ngay lập tức, tôi quên hẳn những tuần cuối này. Hình ảnh bất biến trở lại trong tôi mỗi khi nghĩ đến Balbec, là những khoảnh khắc mỗi buổi sáng mùa hè - vì buổi chiều tôi phải đi chơi với Albertine và các bạn nàng - bà tôi, theo lệnh của thầy thuốc, bắt tôi phải nằm trong bóng tối. Ông quản lý ra lệnh không được làm ồn trên tầng lầu của tôi và đích thân kiểm tra việc chấp hành. Vì ánh sáng quá chói chang, tôi cố giữ cho rèm cửa sổ được khép kín thật lâu, những tấm rèm lớn màu tím đã tỏ thái độ hết sức thù địch đối với tôi tối hôm đầu tôi tới đây. Nhưng mặc dù, để ánh sáng khỏi lọt vào, mỗi tối, Françoise đã đính những tấm rèm ấy với nhau bằng những chiếc ghim gút mà ngoài bác ra, không ai biết cách tháo, mặc dù bác đã chêm vào đủ thứ: chăn mền, khăn trải bàn, những mảnh vải lượm đây

đó..., bác vẫn không làm cho chúng liên khít với nhau và phòng vẫn không hoàn toàn tối, chúng vẫn để loang lỗ trên thảm như là tả những cánh hoa đỏ thắm, khiến tôi không dùng được, chỉ muốn đến đặt đôi chân trần lên đó một lát. Và trên bức tường đối diện với cửa sổ, và có một khoảng được hắt sáng, một hình trụ vàng óng thẳng đứng, chẳng có gì đỡ bên dưới, di chuyển chậm chậm, như cây cột lửa dẫn đường cho những người Hêbrơ qua hoang mạc*. Tôi trở lại ngả lưng trên giường; buộc phải nằm yên không động đậy mà nhấm nháp, chỉ bằng tưởng tượng, cùng một lúc tất cả các thú vui - trò chơi, tắm biển, đi dạo, những gì buổi sáng khuyên ta làm - niềm vui khiến tim tôi đập rộn, như cỗ máy nằm nguyên mà chạy hết công suất, chỉ có thể trút tốc lực tại chỗ bằng cách xoay tại chỗ trên trục của chính mình.

Tôi biết các bạn gái mình đang ở trên con đường đi dạo nhưng tôi không trông thấy họ trong khi họ đi qua trước những con sóng biển nhấp nhô; ở tận cuối, ngắt ngư giữa những ngọn sóng xanh xanh cao vút, đôi khi trong một thoáng trời quang, nổi bật lên, như một thị trấn nước Ý, cái thành phố Rivebelle xinh xắn, được ánh mặt trời tô rõ từng chi tiết. Tôi không trông thấy các bạn gái mình, nhưng (trong khi văng lên tận “vọng lâu” của tôi tiếng rao của những người bán báo - Françoise đặt tên họ là “những nhà báo”, tiếng í ới gọi nhau của những người tắm biển và bọn trẻ con đang nô đùa, điểm nhịp cho tiếng sóng tắt lịm dần theo cách những con chim biển) tôi đoán biết sự hiện diện của họ, tôi nghe thấy giọng cười của họ, như giọng cười của

những nàng Néréide, giữa tiếng sóng êm ái xô bờ, văng lên tới tận tai tôi. “Tụi này đã ngóng xem anh có xuống không,” chiều hôm ấy, Albertine bảo tôi, “nhưng cửa sổ phòng anh vẫn đóng im ỉm, ngay cả vào giờ hòa nhạc.” Quả vậy, cuộc hòa nhạc rộn vang ngay dưới cửa sổ phòng tôi lúc mười giờ. Nếu vào lúc triều dâng, xen giữa âm thanh các nhạc cụ, ta có thể nghe tiếng sóng luyến dài như ôm ấp những nét vĩ cầm trong lóng lánh pha lê và tung bọt sóng trên những dư âm đứt đoạn của một giai điệu ngậm dưới biển sâu. Tôi sốt ruột chờ người ta mang đồ đến thay để ra ngoài. Cuối cùng, khi đồng hồ điểm mười hai giờ trưa, Françoise đến. Và rùng rã mấy tháng liền, ở cái thành phố Balbec này mà tôi từng xiết bao khao khát vì chỉ hình dung nó trong bão quật gió gào, chìm đắm trong sương mù, tiết trời đẹp rực rỡ và ổn định đến nỗi mỗi khi Françoise đến mở cửa sổ, bao giờ tôi cũng có thể, không chút dung sai, chắc chắn vẫn thấy cái mảng nắng gấp khúc ấy ở góc bức tường bên ngoài, với cái màu bất di bất dịch đến nỗi thay vì tiếp tục là dấu hiệu rạo rực của mùa hè, nó trở nên ảm đạm như màu của một lớp men đơ đơ, giả tạo. Và trong khi Françoise tháo những ghim gút, gỡ bỏ những mảnh vải, kéo những rèm cửa ra, thì ánh sáng mùa hè tràn vào dường như cũng hết sinh khí, cũng thiên niên vạn đại như một cái xác ướp lộng lẫy từ ngàn xưa mà bà lão bộc của chúng tôi thận trọng dỡ bỏ mọi đồ vải vóc khâm liệm, trước khi xức dầu thơm và trưng ra trong chiếc áo dài óng ánh vàng.

~ HẾT ~

MỤC LỤC

Phần một Xung quanh Madame Swann

Phần hai Tên xứ sở: Xứ sở